

làng văn

Giá \$5
10 úc kim / 35 quan

89
Tháng I, 1992



XUÂN NHÂM THÂN 1992

Bổ-túc thư-mục 1991

LÀNG VĂN PHÁT-HÀNH

(dùng kèm Thư-mục Làng Văn 1991)



ẢO-THUẬT
Biên-khảo, Vũ Thành
9MK—12GK

ẢO-THUẬT KHÓ MÀ ĐỀ
Biên-khảo, Bình Sơn
8MK—11GK

BA TRƯ THIÊN
Nhận-định
20MK—26GK

BAN DO THÁM ĐÔNG Á
Tiểu-thuyết dã-sử, Hải Âu
7.50MK—10GK

BẠN ĐÃ BIẾT GÌ VỀ JUDO
Sách võ-học, Kiều Nguyên
bộ 2 tập: 10MK—13GK

BẠN GÁI SOI GƯƠNG
Kiến-thức phổ-thông, Hoàng
Lan
6MK—8GK

BĂNG NHỊ
Truyện dài, Quỳnh Dao, Ngô
Quân dịch
10MK—13GK

BÃO MÙA XUÂN
Truyện dài, Nguyễn Đình
Thiếu
11MK—14.50GK

BẦY CON TRAI
Truyện dài, Chàng Nguyễn
5MK—7GK

**BẮT CHIẾN TỰ NHIÊN
THÀNH**
Hồi-ký, Nixon, Phạm Ích Tổng
dịch
17MK—22GK

**CÁC THỂ VÔ DẠNH CHO
PHÁI NỮ**
Kiến-thức phổ-thông, Lạc Hà
& Phan Chấn Thanh
6MK—8.50GK

CÂY CỎ VIỆT-NAM
Biên-khảo, Phạm Hoàng Hộ
35MK—45GK

**CON NGƯỜI PHẢN-
KHÁNG**
Sách dịch, Albert Camus / Bùi
Giáng
7.50MK—10GK

**CẨM-NANG CHO NGƯỜI
SỬ-DỤNG XE HƠI**
Kiến-thức phổ-thông, Nguyễn
Việt
10MK—13GK

CẨM-NANG TRỊ-LIỆU
Kiến-thức phổ-thông, V.N.
Hoàng
8MK—11GK

**CÁNH CHIM TRONG
GIÔNG BÃO**
Truyện dài, Liêu Quốc Nhì
6.50MK—9GK

CÁT LỖ
Truyện dài, Nguyễn Tư
12MK—15GK

CHÂN BÀI THỦ NẤM
Truyện dài, Mai Thảo
10MK—13GK

**CHIẾC HÓN TRONG
MỘNG**
Les Mysteres de Londres, P.
Feval, TCD dịch
5.50MK—7GK

**CHÍNH-TRỊ, THỦ-ĐOẠN
VÀ MƯU-KẾ**
Biên-khảo, Vũ Tài Lục
20MK—26GK

CHỌN BẠN TRĂM NĂM
Kiến-thức phổ-thông, Nguyễn
Tứ Quang
6MK—8.50GK

**CHÙA CHỚM BA MƯƠI
SÁU TÁN VÀNG**
Truyện dài dã-sử, Hoài Khanh
7MK—10GK

CHUYỆN QUÊ NAM
Truyện ngắn, Hồ Trường An
10MK—12GK

CHUYỆN TRIẾT-LÝ
Nhận-định, Vũ Huy Quang
9MK—12GK

CÔI ĐÊM
Truyện dài, Nguyễn Ngọc
Ngân
18MK—22GK (giá tái-bản)

CÔI KỶ-ỨC TRĂNG XANH
Tập-bút, Hồ Trường An
10MK—12GK

**CON NGƯỜI PHẢN-
KHÁNG**
CON RÂN LỬA HUYỀN-
DIỆU TRONG NỀN TRIẾT-
HỌC ĐÔNG-PHƯƠNG
Triết-học, Thịnh Quang
14MK—18.50GK

CƠN MUA ĐẦU MÙA
Truyện ngắn, Diệu Tần
10MK—12GK

CỤM A-22
Truyện dài, Trần Trung Quân
13MK—16GK

CỬA NGOÀI
Truyện dài, Phạm Miên Tường
10MK—13GK

**ĐẠY NẤU ĂN BẰNG
HÌNH MẪU, 9 món cho đám
tiệc**
Kiến-thức phổ-thông,
10MK—13GK

**ĐẠY NẤU ĂN LÀM BÁNH
BẰNG HÌNH**
Kiến-thức phổ-thông,
8MK—11GK

DẶM KHUYA
Truyện dài, Hoàng Thị Đào
Tiếp
12MK—16GK

DI-CẢO II
Nhận-định, Nguyễn Ngọc Huy
10MK—13GK

**DU-HÀNH TRONG LÒNG
ĐỊA-CẦU**
Truyện dài giả-tưởng, Jules
Verne, Lê Quang Nghĩa dịch
6.50MK—9GK

**ĐẠI VIỆT SỬ-KÝ TOÀN-
THU**
Kiến-thức phổ-thông, Ngô Sĩ
Liên, Nhượng Tổng dịch
14MK—18.50GK

ĐẤT MỚI
Tập văn, Trà Lũ
10MK—12GK

ĐỊA-LÝ VIỆT-NAM
Kiến-thức phổ-thông, Nguyễn
Khắc Ngữ
12MK—16GK

ĐỊA-LÝ VN ĐẠI-CƯƠNG
Kiến-thức phổ-thông, Phạm
Thăng
6MK—7GK

ĐIỆP-VU SAU CÙNG
Truyện dài, Hùng Sơn
13MK—16GK

**ĐÔNG TÂY TƯỢNG THUẬT
TỔNG BIÊN**
Kiến-thức phổ-thông, Nguyễn
Kể Ngạn
8.50—11GK

**ĐỘNG-ĐÌNH HỒ NGOẠI
SỬ**
Truyện dài, Yên Tử cư-sĩ
(bộ 3 cuốn) 38MK—50GK

ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Nghiên-cứu Phật-học, Minh
Tâm
8MK—11GK

EM HÁT EM VUI
Tập nhạc thiếu-nhi, Nguyễn
Hữu Nghĩa & Phan Ni Tấn
sáng-tác, sưu-tập
6MK—8GK

GIA-CHÁNH QUỐC VIỆT
Kiến-thức phổ-thông, Quốc
Việt
7MK—10GK

GIÁ TỰ-DO
Truyện dài, Nguyễn Ang Ca
15MK—19.50GK

GIẤC MƠ
Truyện dài, Nguyễn Sa
15MK—19.50GK

GIẤC NGỦ LIÊU-TRAI
Truyện dài, Nghiêm Lệ Quân
6.50MK—8.50GK

**GIẢNG-LUẬN VỀ CA-ĐAO
VÀ DÂN-CA**
Biên-khảo, Huy Phong &
Nguyễn Thùy
10MK—13GK

GIÔNG ĐỜI XUA VÀ NAY
Truyện ngắn, Tuyết Minh
10MK—12GK

**GUƠNG SÁNG NGƯỜI
XUA**
Kiến-thức phổ-thông, Thượng
tọa Thích Huyền Vi
8MK—10.50GK

HẢI-ĐẢO THẦN-TIÊN
Truyện dài, Đặng Trần Huân
dịch
7MK—10GK

HÁN VĂN
Biên-khảo, Trần Trọng San
20MK—24GK

HOÀNG-ĐẾ CUỐI CÙNG
Hồi-ký, Vua Phổ Nghi đời
Thanh
7MK—9GK

**HỒ CHÍ MINH, SỰ THẬT
VỀ THÂN-THỂ VÀ SỰ-
NGHIỆP**
Biên-khảo, nhiều tác-giả
15MK—20GK

**HỒI-KÝ PHẠM DUY,
THỜI THƠ-ẤU VÀO ĐỜI**
Hồi-ký, Phạm Duy
17MK—22GK

HỘI HỌA CHO MỌI NGƯỜI
Kiến-thức phổ-thông,
8MK—11GK

**HƯỚNG-DẪN TÂM-SINH-
LÝ TUỔI TRƯỞNG-
THÀNH**
Kiến-thức phổ-thông, Duy
Nhiều và Phạm Đình
7MK—10GK

KÉP TU BỀN
Truyện ngắn, Nguyễn Công
Hoan
6MK—8GK

**KHÉO TAY LÀM BÁNH
MÚT, 375 loại mút, kẹo, xôi,
chè, xu-xoa, dưa kiệu, dưa
hành, bánh VN và Tây-
phương**
Kiến-thức phổ-thông,
trọn bộ 2 cuốn. 19MK—25GK

KHÉO TAY LÀM BẾP
Kiến-thức phổ-thông
10MK—13GK

KHOÍ SÙNG
Truyện dài, Phạm Kim Khôi
8MK—10.50GK

KHÔNG TẶC
Truyện dịch, Hải Âu
15MK—19.50GK

**KHUNG TRỜI QUÊ-
HUƠNG**
Thơ, Hoàng Xuân Thảo
8MK—10GK

KINH DỊCH
Biên-khảo, Nguyễn Hiến Lê
20MK—26GK

**KỸ-THUẬT NHIẾP-ẢNH
TỪNG ĐIỂM MỘT**
Kiến-thức phổ-thông, Michael
Langford, Đặng Phương Kiệt
dịch
10MK—13GK

LÁ SỔ TỬ-VI 6 LÃNH-TỰ
Biên-khảo
15MK—21GK

LÁI BUÔN TỔNG THÔNG
Biên-khảo, Trần Trung Quân
13MK—16GK

**LỊCH-SỬ NỘI-CHIẾN Ở
VIỆT-NAM**
Biên-khảo
15MK—29GK

**LỐI BUỐM ĐƯỜNG
HUƠNG**
Truyện dài, Hồ Trường An
12MK—15GK

**LUẬN-LÝ VÀ TƯ-TƯỢNG
TRONG HUYỀN-THOẠI**
Kiến-thức phổ-thông, Đỗ
Dũng
6.50MK—8.50GK

MẶT TRỜI LƯU-VONG
Thơ, Trần Thiện Hiệp
9MK—12GK

MÀU TÍM
Truyện dài, Nguyễn Thi
10MK—13GK

MÁU HẠN
Truyện ngắn, Nguyễn Trung

*Trang-trọng kính chúc quý
văn, thi-hữu
và độc-giả
năm mới an-khang,
thịnh-vượng*



*(Bên đây là vẽ đối Tết, kính mời xin quý vị
quan-viên và độc-giả bốn phương tham-gia
thú vui Xuân tao-nhã này!)*

固
羅
包
匹
萬
老
彥
賜
特
稟
齊
節

TRUONG THI KIM ANH
NORWAY

Làng Văn 1

làng văn



P.O. Box 310, Station "W" Published 12 times a year
Toronto, Ont., M6M 5B9, Canada Second Class Mail Reg. No 8040
Tel. (416) 249-4195 Fax. (416) 240-0342 ISSN 0832-1922 — LDN 310578

Volume 9 — No 89 — January 1992

TRONG SỐ NÀY:

Dọn đường về nước, Nguyễn Hữu Nghĩa	3
Tin vắn	6
Liên-bang Sô-viết cáo chung	7
Đại-tá Võ Đại Tôn đã trở lại Úc	8
Tin Việt-nam	10
Ngoài ngõ	14
Tin tị-nạn	15
Sinh-hoạt văn-học hải-ngoại 12 tháng qua, Dương Thượng Ngã	16
Thơ Cao Tiều	18
Thơ Văn Nương	22
Họa từ chúc, Lê Văn Lân	23
Năm Thân văn-học, Trần Văn Tích	31
Thơ Hoàng Vũ	33
Thơ Nguyễn Huy Phước	36
Năm Thân nói chuyện khỉ	37
Những con thú trong âm-nhạc, Trần Quang Hải	40
Con khỉ trong chữ nhỏ, Lê Văn Lân	42
Một thuở xuân như ý, Hồ Trường An	46
Thơ Cao Hoàng Nhân	49
Thơ Tuệ Nga	52
Thơ Minh Đạo	54
Thơ Kinh Tân	57
Ăn chơi, Võ Phiến	58
Thơ Nguyễn Văn Ngọc	60
Còn thơm nhựa cây năm cũ, Ngô Nguyên Dũng	61
Thơ Đắc Trung	65
Giao Chỉ, Đoàn Tam	69
Thơ Trần Thiện Hiệp	70
Như cánh mai vàng, Bảo Chấn	73
Thơ Phạm Quang Ngọc	76
Thơ BHT	78
Bói không ra, Nguyễn Đức Lập	79
Thơ Lê Thụy Vi	82
Bên hành-lang tòa-án, Nguyễn Ngọc Ngạn	84
Thơ Trần Văn Lệ	91
Thơ Tố Nguyên	92
Tiếng chim gọi đàn, Minh Đạo	95
Thơ Hoàng Việt Thi	95
Xóm măng: Mưa cuối năm, Ngô Nguyên Dũng	97
Thơ Vạn Giả, Nguyễn Quang Phục	99
Xóm cũ: Chợ Tân Cối, Phạm Thắng	101
Thơ Hồ Công Tâm	102
Thơ Bá Dĩnh	104
Al Capone III, Lê Xuân Nhị	108
Thơ Nguyễn Văn Thín	109
Huyền-thuật và đạo-sĩ xứ Tây-tạng, Nguyễn Phong	114
Thơ Hà Thị	117
Chân-quang, Tự Tĩnh	119
Thơ Ngũ An	120
Thơ Thủy Trang	122
Độc-giả thác-mắc Bút Chì	124

Tranh bìa của Thái Tuấn

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa
Tổng Thư-ký: Hồ Trường An
Thư-ký tòa-soạn: Nguyễn Nghĩa

Ban biên-tập:

Bạch Thái Hà—Bút Chì—Cao Tiều—Cung Vũ
Diệu Tẩn—Dương Thượng Ngã—Đan Quế
Đào Trường Phúc—Đào Huy Đán—Đỗ Khánh Hoan
Hà Huyền Chi—Hoàng Du Thụy—Lăng Nhân
Lâm Hảo Dũng—Lê Văn Lân—Mai Kim Ngọc
Mô Làng Văn—Ngô Nguyên Dũng—Nguyễn Phong
Nguyễn Nghĩa—Nguyễn Đức Bại Ngàn
Nguyễn Văn Ngọc—Nguyễn Ngọc Ngạn
Phạm Quang Ngọc—Phạm Thắng—Tự Tĩnh
Thái Văn Kiểm—Trần Mộng Tú
Trương Sơn Lê Xuân Nhị—Tuệ Nga
Trần Thiện Hiệp—Trần Văn Tích—Võ Đình

Cộng-tác:

Bắc Phong—Bảo Chấn—Cao Bình Minh—Cao Xuân Lý
Dương Hoài Ninh—Đặng Thị Quế Phượng—Đoàn Tam
Đỗ Quý Toàn—Đồng Nghi—Hàn Song Tường
Huỳnh Liễu Ngạn—Hoài Châu—Kha Huyền
Lưu Nguyễn—Ngọc Hân—Ngọc Duy—Ngọc Khôi
Như Chi—Nguyễn Đức Lập—Nguyễn Đức Tùng
Nguyễn Văn Ba—Nguyễn Hải Hà—Nguyễn Việt
Nguyễn Tấn Hưng—Nguyễn Trung Tâm
Nguyễn Thị Vinh—Nguyễn Hữu Nhật
Phạm Hoàng Hộ—Phan Ni Tấn—Quý Hương
Phùng Nhân—Thái Tú Hạp—Trần Quang Hải
Trần Văn Lệ—Trịnh Gia Mỹ—Văn Nương
Võ Phiến

Minh-họa: Nguyễn Nhật Tân
Trình-bày: Cung Vũ

Góp tranh:

Babui—Nguyễn Khai—Nguyễn Đồng
Nguyễn Thị Hợp—Nguyễn Tường Quý—Thái Tuấn
Vệt—Vi Vi—Võ Đình—Vũ Thái Hòa

Nhiếp-ảnh:

Lê Quang Xuân—Trương Trọng Trác

Đại-diện tại Âu-châu: Bạch Thái Hà

Anh: Hoài Châu
Đức: Ngô Việt Dũng
Hòa-lan: Hồ Thị Chiến
Pháp: Bạch Thái Hảo
Texas: Nguyễn Ngọc Thanh
Florida: Linh Phương

- Đại-diện tại Á-châu: Đỗ Thông Minh
- Đại-diện tại Úc-châu: Phạm Quang Ngọc

GIÁ BÁO BÁN LẺ

Gia-nã-đại & Hoa-kỳ: \$4 — Pháp: 30 quan
Anh: 2 bảng — Đức: 8 đức mã
Hòa-lan: 8 gulden — Đan-mạch: 25 krone
Úc: 8 úc-kim — Nhật: 500 yen

**Giá báo dài hạn và
giá biểu quảng-cáo: trang 134**

Dọn Đường Về Nước

Nguyễn Hữu Nghĩa

Lễ Giáng-sinh lần thứ 1991 đã diễn ra trong tâm-trạng buồn vui phức-tạp của mọi giới, mọi người, ở mọi dân-tộc, mọi quốc-gia.

Tại Bắc Mỹ, tình-trạng suy-thoái kinh-tế diễn ra trầm-trọng hơn bao giờ hết, kể từ 1930 tới nay.

Báo-chí bản địa đã có khuynh-hướng thay hai chữ "suy-thoái" bằng một một tính-từ khác, có phần chính-xác hơn: "khủng-hồn." Xã-hội Tây-phương đã có lúc người ta phải xách cả giỏ tiền ra chợ, chỉ đủ để mua nổi một ổ bánh mì. Tại các thành-phố văn-minh, đã xảy ra thảm cảnh nhiều thiếu-nữ xinh-xắn, gia-thế đã thân-nhiên bán mình, cũng chỉ để đổi lấy một ổ bánh mì. Hàng-hóa sản-xuất ứ-đọng không ai mua, phải mang đổ ra biển. Xã-hội hỗn-loạn cùng-cực vì thiếu-thốn mọi mặt.

Cơn ác-mộng ấy đang trở lại. Tại những thành-phố phồn-thịnh như Toronto (Gia-nã-đại), đã có hàng trăm ngàn người phải ăn nhờ vào thực-phẩm bố-thí của tổ-chức phước thiện. Cũng tại thành-phố an-ninh bậc nhất Bắc Mỹ này trong một ngày đã có 8 nhà băng bị cướp, và hàng trăm vụ trộm cắp lương-thực tại các siêu-thị. Tù-nhân càng ngày càng đông, trong khi chi-phí giam tù càng ngày càng tăng, trở thành một gánh nặng mới (tại Gia-nã-đại, phí-tổn để giam một người trong một ngày hơn 100 mỹ-kim!) Trên mặt báo, truyền thanh, truyền hình rất hiếm tin vui, mà ngược lại,

tràn ngập tin xấu về trộm cướp, thất-nghiệp, tự-tử, trốn nợ, nhất là tin kinh-tế. Ngày nào cũng nghe nói tới hãng máy bay này phá sản, hãng xe hơi kia sa-thải 75.000 nhân-viên, cơ-xưởng kỹ-nghệ này đóng cửa, cửa hàng nợ ngưng hoạt-động. Bảng rao bán nhà cấm ngoài đường nhiều hơn bảng cổ-động bầu-cử.

Năm nay, câu chúc *Joyeux Noel, Merry Christmas* nghe thừa-thớt và gượng-gạo hơn. Tại các thương-xá lớn năm nay thêm nạn kẹt xe, nghẽn đường, không tìm ra chỗ đậu, người đi rất đông mà người mua chẳng có bao nhiêu, mặc dù hàng-hóa đã hạ giá tới mức thấp nhất. Phần lớn các tiệm đều bớt giá 50%, 70%, thậm chí có nhiều nơi chuẩn-bị ra khỏi thương-nghiệp, treo bảng giảm 90% giá hàng mà vẫn không bán được!

Cơn lốc kinh-tế đã làm rung-rinh cái ghế tổng-thống của ông George Bush, vị lãnh-tụ sáng giá nhất của Hoa-kỳ của thế-kỷ 20, trong kỳ bầu-cử sắp tới. Tiền bạc quyền góp thừa-thãi trong vụ đại thắng ở Trung-đông, chi-phí tình-báo và nguyên-tử cắt giảm nhờ KGB giải-tán và Liên-sô tan rã, v.v. không đủ bù vào ngân-sách thâm-thủng. Ai cũng công-nhận các ông Bush và ban tham-mưu của ông vượt xa các đối-thủ chính-trị về chiến-lược quốc-phòng và đối ngoại; nhưng đồng-thời người ta cũng nhận thấy ông có thể thua phiếu về mặt đối nội...

Tại Âu-châu, vào cuối năm, có những điểm sáng về chính-trị: Liên-sô vỡ ra làm 12 mảnh, trong khi đó 12 mảnh khác ở Tây Âu hợp lại làm một.

Ngoại trừ Croatia còn sôi-sục và Cộng-hòa Georgia trở nên nóng bỏng vào những ngày cuối tháng 12, năm 1991 vừa qua là năm hoàn-tất cuộc cách-mạng dân-chủ trên toàn cõi Đông Âu. Ba nước ở vùng biển Baltic đã giành lại độc-lập, được Liên-hiệp-quốc công-nhận. Sau khi Liên-bang xô-viết tự giải-tán, khối Thịnh-vượng chung được thành-lập, chưa biết sẽ được phép thay-thế Liên-sô cũ trong Liên-hiệp-quốc, hay gia-nhập với tư-cách những quốc-gia riêng-biệt.

Tuy-nhiên, sự hợp tan tan hợp ở Âu-châu lớn-lao quá, nhanh-chóng quá khiến mọi người đều xao-xuyến.

Tại quốc-nội, CSVN lại càng xao-xuyến hơn ai hết, vì sự phá-sản toàn diện của chủ-nghĩa xã-hội, và vì bước tiến vĩ-đại của đàn anh cũ Liên-sô.

Theo dõi thật sát diễn-biến duy duy trong hàng ngũ lãnh-đạo Hà-nội, người ta nhận rõ một điểm: từ khi Liên-sô sụp-đổ, CSVN rất ít khi nhắc tới "thành-quả" của Đại-hội 7 (bảo thủ) mà trở lại ca-tụng sự thành-công của Đại-hội 6 (đổi mới).

Trong bài diễn-văn dài gần 4 giờ đồng hồ đọc tại Đại-hội Đảng bộ lần thứ 11 tại Hà-nội, Tổng Bí-thư Đỗ Mười, thủ-lãnh của phe giáo-điều cứng rắn cũng đã uốn lưỡi hô-hào "đổi mới" để đứng vững (cứu đảng) và tiến lên (tiếp-tục thống-trị).

Bài diễn-văn tràng giang đại hải của Đỗ Mười, theo lệ thường, được đăng tải toàn văn trên các cơ-quan ngôn-luận của đảng Cộng-sản, có những đoạn then-chốt, như:

"Trong thời-gian qua, toàn Đảng ta, trong đó có Đảng bộ Hà-nội, đã lãnh-đạo nhân-dân vượt qua khó-khăn, đẩy mạnh sự-nghiệp đổi mới để tiếp-tục đứng vững và tiến lên. Đổi mới kịp thời với phương

hướng, bước đi, cách làm, phù hợp, là nhiệm-vụ cấp-bách để giữ đất nước ổn-định, vượt qua thử-thách và tiếp-tục phát-triển. Thấy rõ những thành-tựu để củng-cố lòng tin vào đường lối Đảng, ra sức phấn-đấu xây-dựng Đảng ngày càng vững-mạnh hơn, đổi mới sự lãnh-đạo của đảng bộ."

Điều mà chúng ta cần phải phân-định rõ, điều mà Đỗ Mười gọi là "đổi mới", chắc-chắn không phải là một sự chuyển hướng chính-trị. Đổi mới để cứu đảng, nghĩa là duy-trì guồng máy cai-trị vừa cũ vừa xấu, vừa tàn-bạo lại vừa chuyên-chế, thực ra là không hề đổi mới gì cả. Sự ồn-ào của Đỗ Mười chỉ phản-ảnh trung-thực một điều duy-nhất: sự hoang-mang tột độ trước sự tan-vỡ của thành-trị tư-tưởng Marx-Lenin ngay tại chính gốc Liên-sô.

Bộ máy tuyên-truyền của đảng CSVN trong cơn giao-động, đã để lộ sự xúc-cảm, bối-rối trong bài xã-luận trên báo *Quân-đội nhân-dân* (15.11) như sau:

"Theo lô-gích thông-thường của sự suy-luận về chiều hướng diễn-biến của thế-cuộc, thì chế-độ xã-hội chủ-nghĩa của chúng ta khó mà tồn-tại được. Chẳng lẽ cơn bão lốc chính-trị đã thổi qua lục-địa châu Âu, quét đi nhiều nước xã-hội chủ-nghĩa, nay tràn về châu Á lại bồng tan đi hoặc xoay chiều...? Chẳng lẽ hàng loạt nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp phát triển (kỹ-nghệ tiên-tiến) đã đổ vỡ vì mô hình kiểu cũ, mà một dân-tộc có thu-nhập bình quân (lợi tức đầu người) chưa đầy 200 đô-la một năm, vào loại nghèo nhất thế-giới, lại tồn-tại với một chế-độ đang bị lên án?"

Cán-bộ Quang Thống, tác-giả của những dòng chữ nghiêng trên đây tiết-lộ rằng, chế-độ xã-hội chủ-nghĩa Việt-nam đáng lẽ đã sụp-đổ từ 6, 7 năm trước (tức khoảng 1984-1985), với "chế-độ bao cấp xơ-cứng, sự quản-lý tập-trung quan-liêu, nóng-nóng và ấu-trĩ, giá cả hàng ngày leo thang đến chóng mặt, dân tình bán-khoản, kỷ-

cương xã-hội lỏng-lẻo, nhiều mặt "xuống cấp" đáng ngại... Ngày ấy, thực-trạng, của đất nước ta như ở vào thế chân tường, đằng sau là vách đá, phía trước là vực thẳm..."

CSVN đã dùng thủ-thuật chính-trị nào để mị dân, cứu Đảng, giúp cho nỗi sụp-đe chính-trị khỏi nổ tung? — "Đổi mới!"

Giải-pháp cũ, quá cũ, nhưng dùng đi dùng lại nhiều lần vẫn còn hiệu-lực. Mao Trạch-đông dạy rằng, muốn uốn một cái cây cong, phải uốn quá đi một chút, bỏ tay ra thì vừa. Thói thường, con người cũng không dễ đứng dậy trước bạo-lực. Một người bị bóp cổ gần chết, khi được thả dần ra, có khi chính nạn-nhân còn rối-rít tạ ơn tha mạng. Chính-sách cai-trị kiểu cộng-sản cũng vậy, lúc mới cướp chính-quyền, cứ siết dân cho thật chặt trong vài ba năm, rồi nới lỏng ra một chút, mọi người sẽ cảm thấy dễ thở, và trong cơn hả-hê, dù vẫn nhớ rằng trong quá-khứ họ đã từng sống thoải-mái hơn thế nhiều, người ta cũng dễ-dàng chấp-nhận thực-tại mà cam phận.

Thủ-thuật "đổi mới" đã được Nguyễn Văn Linh áp-dụng từ đầu năm 1987: tổ-chức cho cán-bộ chỉ-trích nhà nước, hồ-hào cưỡi trời văn-ngệ, phổ-biến sách báo, phim ảnh "phản-kháng".

Diễn hình nhất là vụ Nguyễn Văn Linh họp mấy trăm cán-bộ văn-ngệ lại hồi tháng 10 năm 1987*, khuyên-bảo họ không nên ...uốn cong ngòi bút. Lãnh-tụ đảng còn cầm tay chỉ việc, dạy viết làm sao, lách làm sao, nhắm vào đối-tượng nào mà đánh và đánh tới đâu thì ngừng, v.v. và v.v.

Kế-hoạch giải-tỏa ẩn-ức của đảng Cộng-sản thời đó tuy không mang lại cơm gạo cho đồng-bào trong nước, nhưng cũng làm cho họ cảm thấy hả dạ phần nào. Riêng tại hải-ngoại, Đảng đã xoa dịu được một số "khúc ruột ngoài ngàn dặm". Một số nhà trí-thức và lãnh-tụ quốc-gia ở hải-ngoại liền thở ra nhẹ nhõm, tin rằng Việt-nam đã đổi mới, dân-tình tất nhiên bớt khổ

hơn trước nhiều rồi. Họ xoa tay khoan-khoái, tạm quên nước-non, yên-tâm đi làm chuyện khác có lợi cho bản thân và ít đau đầu hơn. Một vài người khác thì lại bận-rộn hơn, loay-hoay kết-hợp, liên-lạc, vận-động, móc nối, ngấm-nghía mấy cái ghế trong nội-các hậu cộng-sản, cộng-sản chuyển-tiếp hay cộng-sản mở rộng.

Chiến-thuật "đổi mới" chẳng những đã thành-công, mà còn thành-công vượt mức, duy-trì chế-độ thêm được ít nhất 6, 7 năm!

Ngày 16.11.91, trước Đảng bộ Hà-nội, với sự chứng-kiến của Phạm Văn Đồng (cố-vấn), Võ Chí Công (chủ-tịch Hội-đồng Nhà nước), Võ Văn Kiệt (thủ-tướng) và hàng chục cán-bộ cao-cấp khác, Đỗ Mười xác-nhận:

"Năm năm qua, thực-hiện Nghị-quyết Đại-hội Đảng toàn quốc lần



thứ 6, và Nghị-quyết Đại-hội lần 10 của đảng-bộ thành-phố, trong tình-hình thế-giới phức-tạp, đảng bộ và quân-dân Thủ-đô đã phấn-đấu đạt nhiều thành-tích bước đầu rất quan-trọng.

Trong quá-trình tiến-hành công-cuộc đổi mới, tình-hình chính-trị ở Thủ-đô đã giữ được ổn-định..."

Trong cái thế môi hở răng lạnh, trong tình-hình dầu sôi lửa bỏng hiện nay, Cộng-sản không mong gì hơn là sự ổn-định chính-trị, bóp chết từ trong trứng nước mọi mầm mống nổi dậy. Báo *Quân-đội nhân-dân* ngày 15.11 cũng xác-định "sự ổn-định chính-trị là bảo-đảm vững-chắc nhất" cho sự tồn-tại của chế-độ.

Ngày 10.12.1991, trong khi các nước Cộng-hòa Liên-sô ráo-riết xúc-tiến thành-lập khối Thịnh-vượng chung của các nước độc-lập (mà sau này cựu TT Gorbachev ca-ngợi đó là sự tiến-bộ vượt bậc về tinh-thần), thì CSVN họp Quốc-hội để trấn-an dân-chúng, tìm phương-thức ngăn chống cơn lũ chính-trị sắp tràn tới, bảo-vệ guồng máy độc-tài mà chính Trung-ương Đảng nhiều lần thú-nhận là "cổ-lỗ", "đầy khuyết-điểm."

Theo lời Võ Văn Kiệt đọc trong bản báo-cáo trước Quốc-hội, khoe rằng mặc dù mất thị-trường Liên-sô — với 80% tổng sản lượng xuất-cảng, phần lớn là lúa gạo — "kim ngạch xuất-khẩu vẫn đạt mức kế-hoạch" đồng-thời "dân-chúng đủ gạo ăn."

Chỉ bước vào phần mở đầu, những con số của Võ Văn Kiệt đã tự mâu-thuẫn với nhau. Dân-chúng "đủ gạo ăn" thì có thể, vì đây là lần đầu-tiên kể từ 16 năm nay, Liên-sô không thu mua gạo của Việt-nam. Chỉ-tiêu xuất-khẩu gạo của CSVN bao giờ cũng nghich tiến với mức thiếu hụt lương-thực cung-cấp trong nước. Năm nay con số xuất-cảng lúa gạo giảm xuống còn 14%, tất-nhiên dân-chúng trong nước mới có gạo thừa mà ăn. Đó là một sự thật, và sự thật này không thể đi đôi với một sự thật khác:

"kim ngạch xuất-khẩu vẫn đạt kế-hoạch"! Gạo nào ế bán không được, phải chở về thí cho dân ăn, và gạo nào vẫn tiếp-tục bán ra ngoài? Thị-trường thế-giới là nơi chịu sự ràng-buộc của giao-kèo, qui-ước, không phải chợ trời Hà-nội. CSVN đã ký thỏa-ước bảo-vệ giá gạo với Thái-lan năm ngoái, không thể lật mặt phá giá để đánh mất bao nhiêu nguồn phúc-lợi thương-mại khác. Quả là một sự đối-trá ấu-trĩ, phát-xuất từ căn bệnh đối-trá có căn tính của đảng CSVN.

Bản báo-cáo vẫn không quên đẩy tất cả mọi trách-nhiệm làm "lũng-đoạn kinh-tế", "tình-trạng mất kỷ-cương, vi-phạm pháp-luật", "tệ tham-nhũng, cửa quyền, ức-hiếp nhân-dân",... cho "các thế-lực phản-động quốc tế".

Võ Văn Kiệt tuyên-bố: "*Các thế-lực quốc-tế ra sức khai-thác, kích-động tình-hình này khoét sâu những khó-khăn, sơ-hở của ta, đồng-thời lợi-dụng sự thay-đổi trong tương-quan lực-lượng trên thế-giới để phá-hoại công-cuộc đổi mới của chúng ta.*"

Rập y khuôn lời Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt kêu-gọi "đổi mới để đưa đất nước ra khỏi khủng-hoảng xã-hội và tạo đà cho sự phát-triển nhanh hơn."

"Đổi mới", theo Đỗ Mười và Võ Văn Kiệt, là phải tăng-cường ổn-định chính-trị (nghĩa là dân-chúng phải ngoan-ngoãn, bảo sao nghe vậy), động-viên sự hợp-tác của Việt-kiều ở nước ngoài (nghĩa là tăng-cường du-lịch, đầu-tư về nước), yêu-cầu họ ngưng kích-động (nghĩa là...*hãy ngưng chống Cộng*) và phát-triển mối quan-hệ tốt trên thế-giới (nghĩa là tiếp-tục lay Mỹ để xin bang-giao), v.v.

Nếu công-cuộc đổi mới và trị dân chỉ giản-dị như vậy thì một em học-sinh trung-học cũng làm được! Sự thực, phức-tạp hơn thế nhiều.

Muốn ổn-định chính-trị, điều trước tiên phải làm là giải-tán toàn bộ hệ-thống chi-phối chính-quyền của đảng Cộng-sản, như TT Yeltsin

đã là và đã đưa nước Nga cùng cả cộng-đồng 11 nước Cộng-hòa trong khối Thịnh-vượng chung tiến tới tự-do dân-chủ.

Nhân-dân Việt-nam nhân-đạo và hiếu hòa, sẽ không có thái-độ kỳ-thị đối với mọi thành-phần cộng-sản cũ.

Sau khi toàn bộ guồng máy công-an, cảnh-sát, bộ đội được giải-thể, toàn dân sẽ bỏ phiếu, ủy-nhiệm một đại-biểu toàn-quốc đứng ra thành-lập chính-phủ lâm-thời. Chính-phủ này có nhiệm-vụ tổ-chức bầu-cử Quốc-hội lập hiến dưới sự giám-sát và bảo-vệ an-ninh của lực-lượng hòa-bình Liên-hiệp-quốc.

Quốc-hội lập hiến sẽ soạn-thảo hiến-pháp mới và quyết-định đồ án kiến-trúc các cơ-cấu quốc-gia hiến-định.

Đó là trình-tự nhất-định phải trải qua để bảo-đảm cho một tương-lai Việt-nam tự-do.

Chúng ta không chấp-nhận bất cứ hình-thức liên-hiệp, đối-lập chính-trị, đa nguyên đa đảng nào trong vòng tay khống-chế của Cộng-sản.

Trước 1975, Cộng-sản đã đa đảng, với thực-tế là đảng Dân-chủ, đảng Xã-hội chỉ là cái bóng của đảng Lao-động, để làm đẹp cho chế-độ trong giai-đoạn cần tranh-thủ công-luận thế-giới. Sau khi chiếm được mục-tiêu tối hậu là chiếm nốt miền Nam, CS đã khai-tử luôn các tổ-chức ngoại-vi, kể cả các đảng-phái đối-lập tay sai và Mặt Trận Giải-Phóng Miền Nam để bảo-vệ sự độc tôn tuyệt-đối của chế-độ.

Cần "đa nguyên" thì CS cũng đã sẵn "đa-nguyên" là Mặt Trận Tổ Quốc mà trong đó đảng Cộng-sản chỉ là một thành-viên.

Cho nên, đấu-tranh với CSVN mà đòi "đa nguyên, đa đảng" là làm trò hề cho trẻ nhỏ.

Chúng ta không cần phải đòi. Trong sớm chiều, CS sẽ nặn ra hàng tá đảng-phái, lãnh-tự đối-lập, bày hàng xanh đỏ la-liệt như những con giống tại các chợ Tết.

Điều mà chúng phải tranh-đấu cho bằng được, là giải-tán đảng Cộng-sản Việt-nam, như một điều-kiện tiên quyết. Nếu cần phải đổ máu, thì đổ máu. Nếu cần phải kéo dài, thì kéo dài. Cuộc chiến-đấu trong lòng địch đã âm-ĩ qua nhiều thế-hệ Việt-nam. Máu xương đã đổ nhiều rồi. Dân-tộc đã khốn-khổ nhiều rồi. Chúng ta không thể phỉ-nhổ vào sự hi-sinh của bao nhiêu người — trong đó có máu xương cốt huyết của mấy triệu quân dân miền Nam — để đổi lấy cái kết-quả ẻo-uột do CS thí cho trong giai-đoạn cần phải nín thở qua sông.

Bốn ngàn năm trước, những trang lịch-sử huy-hoàng của dân-tộc Việt-nam mở ra, không có bóng dáng Cộng-sản trong đó. Những trang sử thế-giới cuối thế-kỷ hai mươi sẽ đóng lại, hệ-thống Cộng-sản quốc-tế cũng sẽ không còn.

Chúng ta, một thành-phần trong đại khối gần 70 triệu con Hồng cháu Lạc, phải tự mình viết nên những trang sử mới, những trang sử nghiêm-trang mỹ mạo không dây-dura với Cộng-sản.



* Xem Làng Văn 70, tháng 6.90, bài "Phong-trào 'Văn-nghệ phản-kháng' trong nước, hiện-tượng và bản-chất."



tin văn



THÀNH-LẬP CỘNG-ĐỒNG ÂU CHÂU

Trong khi Liên-bang Xô-viết tan-rã thì 12 nước Tây Âu đã ký thỏa-ước 11.12.1991, thành-lập Cộng-đồng Âu-châu, tiến tới thống-nhất tiền-tệ, quốc-phòng, kinh-tế và chính-trị.

Thỏa-ước này còn đợi các quốc-hội của 12 nước thành-viên phê-chuẩn xong trước khi có hiệu-lực.

25.000 NGƯỜI CROATIA ĐÃ THIẾT MẠNG

Chính-phủ bảo-thủ Liên-bang Nam-tur vẫn tiếp-tục thúc-đẩy người Serbia chống lại cuộc cách-mạng dân-chủ giành độc-lập tại Croatia. Thông-tấn-xã Nam-tur vào cuối năm 1991 loan tin, hơn 25.000 người Croatia đã bị loạn quân Serbia tàn-sát, 50.000 người bị thương, 500.000 người phải di-tản, 70% cơ xường kỹ nghệ bị tàn phá, 26 bệnh-viện bị hư hại nặng, 12 đài phát-thanh và truyền hình phải đóng cửa.

Các trận đánh vẫn tiếp-diễn khốc-liệt, mặc dù Liên-hiệp-quốc đã ra lệnh phong-tỏa việc buôn bán vũ-khí với Nam-tur.

TAI-NẠN MÁY BAY TẠI THỦY-ĐIỂN

Một chiếc máy bay chở 123 hành-khách và 6 nhân-viên phi-hành của hãng hàng-không SAS Thụy-điển, hỏng cả hai máy, vừa rơi vừa đáp khẩn-cấp với vận-tốc 240 cây số giờ từ cao-độ 2000 bộ xuống đất hôm 27.12 vừa qua gần phi-trường Arlanda, Stockholm.

Nhờ sự khéo-léo của phi-công, chiếc máy bay đã đáp an-toàn rồi mới gãy làm ba khúc. Không có thiệt-hại nhân-mạng, chỉ có vài

người trọng thương, và khoảng 35 người bị xây-xát.

CON TIN CUỐI CÙNG CỦA MỸ TẠI LI-BĂNG

William Buckle, 57 tuổi, con tin cuối-cùng của Hoa-kỳ tại Li-băng đã trở về nước hôm 27.12 trong quan-tài phủ cờ sao sọc. Ông Buckle là trưởng cơ-sở CIA tại Beirut, đã bị tra tấn tới chết sau khi bị bắt-cóc.

Về phía thế-giới tự-do, hiện còn 2 con tin người Đức còn bị quân khủng-bố thuộc phe Hồi-giáo giam-giữ.

DU ĐĂNG MỸ TẤN CÔNG DU KHÁCH TẠI MIAMI

Nạn tấn-công, cướp-bóc đã leo thang trầm-trọng tại Miami, thuộc tiểu-bang Florida, Hoa-kỳ. Bọn du-đăng đã phá cửa xông vào tận phòng ngủ khách-sạn để đánh cướp du-khách tại Dade County.

Hiện nay hàng năm có khoảng 10,5 triệu du-khách tới Miami.

THỦ TƯỚNG NHẬT XIN LỖI NHÂN DÂN HOA-KỲ

Nhân dịp kỷ-niệm 50 năm ngày quân Nhật bắt thần tấn-công Trân châu cảng, thủ-tướng Nhật, nhân-danh hành-pháp, đã xin lỗi nhân-dân Hoa-kỳ về hành-động quân-sự này, dẫn tới những thiệt-hại nặng-nề cho cả đôi bên trong chiến-tranh.

Quốc-hội Nhật đang họp bàn để thông-quá văn bản xin lỗi chính-thức của quốc-dân Nhật.

Liên-Bang Sô-Viết Cáo Chung

Tin tổng-hợp

Hôm 25.12.1991, Tổng-thống Mikhail Gorbachev đã chính-thức từ-chức Tổng-thống Liên-bang Sô-viết (USSR). Các nước Cộng-hòa trong Liên sô đã hoàn toàn độc-lập, mỗi nước sẽ xin gia-nhập Liên-hiệp-quốc với tư-cách một quốc-gia. Ngoại-trừ nước Cộng-hòa Georgia, 11 nước kia đã họp lại thành Khối Thịnh-Vượng Chung của Các Nước Độc-Lập để nâng-đỡ nhau về kinh-tế.

Khối Thịnh-vượng chung này đã được thành-lập từ hôm 2.12.1991, với ba quốc-gia Slavs thành-viên sáng-lập là Nga-la-tur, Bạch Nga-la-tur và Điều-khắc-lan.

Khi được thông-báo độc-lập của ba nước nói trên, TT Liên-sô Gorbachev đã triệu-tập khẩn-cấp Hội-đồng Tối-cao Liên-sô hôm 9.12 để hội ý. Chỉ có một mình TT Nazarbayev của nước Cộng-hòa Kazakstan phản-đối đề-nghị giải-tán Liên-sô.

Cuối cùng, TT Gorbachev đã từ-chức và Liên-sô bị khai-tử. Lá cờ búa liềm trên nền máu đỏ ngự-trị trên nóc điện Cẩm-linh thuộc lãnh-thổ nước Đại Nga-la-tur (Russia) trong 74 năm nay đã bị kéo xuống, thay bằng lá cờ tam tài xanh trắng đỏ của quốc-gia này.

Về mặt quốc-tế, sự thành-lập của khối Thịnh-vượng chung hầu như không gặp trở-lực nào đáng kể. Khối Thịnh-vượng đã long-trọng cam-kết tôn-trọng tất cả các hiệp-định mà Liên-sô đã ký kết trước đây, cũng như kiểm-soát chặt-chẽ các loại vũ-khí nguyên-tử trong lãnh-thổ của họ.

Chính-phủ Gia-nã-đại đã chính-thức công-nhận cả 11 nước kể trên, vài giờ sau khi TT Gorbachev đọc diễn-văn từ-chức.

Cũng trong thời-gian đó, Hoa-kỳ công-nhận Nga và 5 nước khác trong khối Thịnh-vượng chung là Bạch Nga, Điều Khắc Lan, Armenia, Kazakhstan và Kirghizia. TT George Bush nói thêm, ông ủng-hộ đề-nghị nước Nga (Russia) thay-thế Liên-sô trong Hội-đồng Bảo-an Liên-hiệp-quốc.

Hiện nay thủ-đô của 11 nước độc-lập trong khối Thịnh-vượng chung này đặt tại Minsk, cũng là thủ-đô của Bạch Nga. Đơn-vị tiền-tệ của các nước độc-lập trong khối Thịnh-vượng chung là đồng *ruble* của Liên-sô trước kia.

Lãnh-thổ và dân-số 11 nước trong khối Thịnh-vượng chung gồm có:

- Nga (Russia); thủ-đô: Mạc-tu-khoa (Moscow), diện-tích: 17.075.400 cây số vuông (6.592.800 dặm vuông), dân-số: 148 triệu, tổng-thống: Boris Yeltsin, giữ 7.449 đầu đạn nguyên-tử và kiểm-soát hầu hết tài-nguyên liên-bang.

- Bạch Nga (Byelorussia, hay gọi tắt: Belarus), thủ-đô: Minsk, diện-tích: 207.600 cây số vuông (80.200 dặm vuông), dân-số: 10,3 triệu; tổng-thống: Stanislav Shukevich, giữ 54 đầu đạn nguyên-tử.

- Điều-khắc-lan (Ukraine), thủ-

đô: Kiev, diện-tích: 603.700 cây số vuông (233.100 dặm vuông), dân-số: 52 triệu; tổng-thống: Leonid Kravchuk, giữ 1.408 đầu đạn nguyên-tử và cơ-xưởng kỹ-nghệ, nông-nghiệp.

- Armenian, thủ-đô: Yerevan; diện-tích: 29.800 cây số vuông (11.500 dặm vuông), dân-số: 3,5 triệu.

- Azerbaijan, thủ-đô: Baku; diện-tích: 86.600 cây số vuông (33.400 dặm vuông), dân-số: 7,5 triệu.

- Kazakhstan, thủ-đô: Alma-Ata, diện-tích: 2.717.300 cây số vuông (1.049.200 dặm vuông), dân-số: 17 triệu.

- Kirghizia, thủ-đô: Pishpek, diện-tích: 198.500 cây số vuông (76.600 dặm vuông), dân-số: 5,5 triệu.

- Moldavia (Moldova), thủ-đô: Kishinyov, diện-tích: 33.700 cây số vuông (13.000 dặm vuông), dân-số: 4,5 triệu.

- Tadzhikistan, thủ-đô: Dushanbe, diện-tích: 143.100 cây số vuông (55.300 dặm vuông), dân-số: 5,5 triệu.

- Turkmenia, thủ-đô: Ashkhabad, diện-tích: 488.100 cây số vuông (188.500 dặm vuông), dân-số: 4 triệu.

- Uzbekistan, thủ-đô: Tashkent, diện-tích: 447.400 cây số vuông (172.700 dặm vuông), dân-số: 20 triệu.

Quốc gia chưa gia nhập khối Thịnh-vượng chung là:

- Georgia, thủ-đô: Tbilisi, diện-tích: 45.100 cây số vuông (26.900 dặm vuông), dân-số: 6 triệu.



Đại-Tá Võ Đại Tôn Đã Trở Lại Úc-đại-lợi

. Tin tổng-hợp

Trước áp-lực quốc-tế, nhất là để dọn đường bang-giao với Hoa-kỳ, CSVN đã buộc lòng phải thả đại-tá Võ Đại Tôn. Sau hơn 10 năm bị giam-cầm, tra-tấn, đại-tá Võ Đại Tôn, chủ-tịch Lực-Lượng Dân Quân Yểm-Trợ Phục-Quốc VN, đã được 300 đồng-bào tị-nạn tại Úc cùng chiến-hữu và vợ con tiếp-đón nồng-ấm tại phi-trường Sydney

hôm 11.12 vừa qua.

Đại-tá Võ Đại Tôn, bí-danh Lê Phục Hưng, Wong A Linh, quê ở Điện-bàn, Quảng-nam, sinh ngày 8.7.1936 tại Đà-nẵng. Sau khi đỗ tú-tài Pháp, ông trúng tuyển vào khóa 12 Sĩ-quan Võ-bị Đà-lạt. Cấp-bậc và chức-vụ cuối-cùng của ông năm 1975 là đại-tá, tòng-sự tại phủ Tổng-thống.

Về gia-đình, các anh em của ông

Tôn đều tham-chính, hoặc là sĩ-quan quân-lực VNCH, như đại-tá Võ Hữu Thu (tỉnh-trưởng Định-tường), Võ Hữu Đông (dân-biểu),...

Về hoạt-động chính-trị, đại-tá Võ Đại Tôn gia-nhập đảng Đại Việt năm 1959, sau đó được bầu vào ban chấp-hành trung-ương.

Về văn-nghệ, ông làm thơ và nổi tiếng với bút hiệu Hoàng Phong Linh, có nhiều bài được phổ thành ca-khúc.

Sau khi CS chiếm miền Nam, đại-tá Võ Đại Tôn vượt biên sang Mã-lai, và định-cư tại Úc từ tháng 6.1976. Tại Úc, ông thành-lập Lực-Lượng Quân Dân Yểm-Trợ Phục Quốc.

Năm 1979, ông từ-giã vợ trẻ con ngoan, sang Hoa-kỳ tìm gặp các tướng Vang Pao (kháng-chiến Lào), Trần Văn Nhựt, Chung Tấn Cang, đại-tá Huỳnh Văn Tôn, GS Nguyễn Ngọc Huy, ông Cao Minh



Đại-tá Võ Đại Tôn tại phi-trường Sydney, Úc-đại-lợi hôm 11.12.1991 vừa qua

Châu và nhà báo Việt Định Phương để bàn định việc đưa người về nước kháng-chiến.

Đầu năm 1980 đại-tá Võ Đại Tôn thành-lập và làm Chỉ-huy trưởng Chí-Nguyên Đoàn Hải-Ngoại Phục-Quốc Việt-Nam, có ông Phạm Trú Việt (nhà báo Việt Định Phương) làm Ủy viên Chính-trị. Tại Hoa-kỳ, Chí-Nguyên-Đoàn Hải-Ngoại Phục-Quốc đã thành-lập được một chiến-đoàn, lấy tên là Lê Lợi, do thiếu-tá Lê Thiết Trụ làm chiến-đoàn trưởng.

Tổ-chức xong cơ-sở tại Hoa-kỳ, đại-tá Võ Đại Tôn sang Pháp vào tháng 6.80, gặp tướng Trần Văn Trung và nhà báo Đinh Văn Ngọc, rồi đi Thái-lan liên-lạc bà Bùi Tuyết Hồng, phu-nhân của một nhà ngoại-giao Tây-phương, để tìm cách mở đường về nước.

Ngày 19.7.80, đại-tá Võ Đại Tôn trở lại Hoa-kỳ, cắt máu ăn thề cùng các chiến-hữu, làm lễ xuất-phát lên đường về nước liên-lạc với kháng-chiến quốc nội.

Ngày 28.2.81, đại-tá Võ Đại Tôn sang Thái-lan. Tại Thái, ông bắt liên-lạc với Nguyễn Văn Trọng, cựu thiếu-tá tình-báo, tùy-viên quân-sự của tòa đại-sứ VNCH tại Vọng-các. Sau 1975, Nguyễn Văn Trọng làm việc cho tình-báo Thái-lan. Trọng nhận lời vào các trại tị-nạn Songkhla và Sikiew tuyển cho ông Tôn hai thanh-niên thông-thạo ba thứ tiếng Thái, Lào và Anh, dùng làm tùy-tùng. Các anh này là Vũ Đình Khoa (tức Vũ Hoài) và Nguyễn Văn Lộc (tức Nguyễn Văn Giờ), đều là người xã Lạc-nghiệp, quận Đơn-dương tỉnh Tuyên-đức.

Từ đó, đại-tá Võ Đại Tôn cùng hai chiến-hữu mới chuẩn-bị ráo-riết để kịp lên đường. Ông đã theo đúng đường đi nước bước do Nguyễn Văn Trọng tổ-chức, đi bộ ngang qua Lào, xâm-nhập quốc-nội vào tháng 7.1981. Tuy-nhiên, với sự bèn nhảy của một chiến-sĩ, đại-tá Võ Đại Tôn cảm thấy nguy-cơ giăng mắc trước mặt, nên đã quay lại Thái, sắp-xếp lại lộ-trình.

Ngày 22.9, ông lại cùng các anh

Khoa và Lộc lên đường lần thứ hai. Lần này, họ đã thoát hết các lưới rập của cộng-sản Lào, Việt và tiến tới sát biên-giới Việt-nam mới đụng-độ với một đơn-vị Lào Cộng. Anh Vũ Đình Khoa tử trận, đại-tá Võ Đại Tôn và anh Nguyễn Văn Lộc bị giải giao cho CSVN.

Sau khi trải qua nhiều vụ tra tấn giở sống giở chết, đại-tá Võ Đại Tôn đồng ý theo lệnh CSVN, ra trước một cuộc họp báo quốc-tế để tự thú làm "tay sai cho các lực-lượng phản-động quốc-tế." CSVN không ngờ vụ thỏa-thuận này nằm trong kế-hoạch của ông, để một lần nữa lên tiếng minh-định lập-trường chống Cộng của dân Việt trước công-luận thế-giới.

Trước ống kính của các hãng AFP, Reuter, AP, BBC, NBC, Los Angeles Times,... hôm 13.7.1982, đại-tá Võ Đại Tôn đã đọc bản tuyên ngôn chính trị, nói lên lập trường tranh-đấu của ông và nhân-dân Việt-nam.

Ông đã bị công-an CSVN bịt miệng, đánh bằng báng súng và lôi vào trong trước sự chứng-kiến của hàng chục ký-giả ngoại-quốc. Sau đó, CS đã ra lệnh lột ông trần truồng, biệt giam 45 ngày không cho ăn, chỉ cho uống nước cầm hơi. Trong thời-gian này, cán-bộ VC Phạm Hùng đã tới xem-xét tình-trạng của đại-tá Võ Đại Tôn, tìm cách chiêu-dụ nhưng ông Tôn nhất-định không khuất-phục. Cùng Phạm Hùng không dụ được ông Tôn, lắc đầu nói rằng: "40 năm theo CS, từng vào tù ra khám, chưa thấy ai ngang-nhiên chống-đối trong tù như ông đại-tá này!"

Cùng bị giam chung với đại-tá Võ Đại Tôn còn có rất nhiều chiến-sĩ phục-quốc sa-cơ trên đường xâm-nhập từ hải-ngoại trở về. Hầu hết các anh em này thuộc Mặt Trận Hoàng Cơ Minh. Họ đều gọi ông Tôn bằng "bố già" và tìm cách len giúp-đỡ ông những lúc khó-khẩn.

Ngày nay, trở lại với cộng-đồng Việt-nam tại Úc, với 56 tuổi đời và bao nhiêu kinh-nghiệm dày-dạn trên chiến-trường lẫn lao-tù cộng-

sản, các chiến-hữu của đại-tá Võ Đại Tôn tin rằng ông sẽ không bỏ cuộc, có điều con đường giải-phóng Việt-nam không nhất-thiết phải diễn tiến theo đúng con đường xâm-nhập quân-sự thời 75—85. Với kinh-nghiệm bản thân về kháng-chiến và tù-đày, đại-tá Võ Đại Tôn chắc-chắn phải thành-công trên mũi nhọn mới: tấn-công trong các lãnh-vực truyền-thông, ngoại-giao và nhân-quyền.

Để đáp-ứng kỳ-vọng đó, đại-tá Võ Đại Tôn đã đi thăm và nói chuyện với cộng-đồng người Việt tự-do trên toàn nước Úc. Về mặt dân-vận, ông đang cho in tập thơ *Tiếng chim bên dòng sông Thamby*. Thamby là tên con suối nơi ông đụng trận lần cuối-cùng, nơi chiến-sĩ Vũ Đình Khoa tử-trận. Sau tập thơ, ông sẽ in tập hồi-ký 500 trang ghi lại chặng đường gian-khổ vừa qua.

Về mặt vận-động công-luận quốc-tế, ngày 13.1.1992, ông sẽ điều trần trước Quốc-hội Úc về tình-trạng đàn-áp nhân-quyền, đặc-biệt là tại các trại tù chính-trị ở Việt-nam. Ngoài ra, đồng đội của ông tại Hoa-kỳ đang chuẩn-bị đưa ông sang điều-trần trước Quốc-hội Hoa-kỳ, cùng một vấn-đề.

Trong bức tâm-thư mới nhất gửi đồng-bào Việt-nam và chiến-hữu, đại-tá Võ Đại Tôn viết rằng: "*Mười năm trong ngục-tù biệt-giam của CS hãy còn dang dở, khủng khiếp vô vùng. Tuy-nhiên, mười năm ấy chỉ là thoáng chốc so với những đau-thương triền-miên của một dân-tộc. Tôi đã vượt qua, đã sống-còn, vì niềm tin không lay-chuyển, vào tình thương-yêu của đồng-bào, chiến-hữu, vào lương-tâm thế-giới và vào chính hồn thiêng và tiền đồ tổ-quốc.*" Ông đoan thệ "*sẽ tiếp-tục đứng trong hàng ngũ người Việt tự-do, giương cao ngọn cờ chính-nghĩa dân-tộc, chiến-đấu đến chiến-thắng sau cùng cho một Việt-nam tự-do dân-chủ và tự-chủ, cho quyền sống của con người trong thế-giới văn-minh.*" □

Tin Việt Nam



CSVN KÊU ÁN BS NGUYỄN ĐAN QUẾ 20 NĂM KHỔ SAI, 5 NĂM QUẢN CHẾ

Như đã loan tin từ số trước, CSVN đã nhóm Cao-trào Nhân-bản Quế ra "Tòa Án Nhân-Dân" hôm 29.11.91 vừa qua. VC đã "xử" BS Nguyễn Đan Quế 20 năm lao-động khổ-sai, 5 năm quản-chế tại gia và ông Nguyễn Văn Thuận 10 năm tù ở. Riêng hai thi-sĩ Vương Đức Lệ (Lê Đức Vương) và Mai Trung Tĩnh (Nguyễn Thiện Hùng) sẽ bị xử riêng, vì lý-do "còn liên-quan nhiều vụ khác."

BS Nguyễn Đan Quế sinh năm 1942, bị bắt tại Sài-gòn vào tháng 5.1990 vì đã nhân-danh Cao-trào Nhân-bản, đưa ra *Lời kêu gọi gửi các lực-lượng đấu-tranh cho tự-do dân-chủ đa nguyên*, ghi rõ địa-chỉ nơi gửi là Cao-trào Nhân-bản, số 102/7 Nguyễn Trãi, phường 3, Quận 5 Sài-gòn.

Bản văn này đề ngày 11.5.1990, nêu lên chủ-trương ba điểm:

- Giải giới guồng máy chiến-tranh Hà-nội.
- Yêu-cầu đảng Cộng-sản tôn-trọng nhân-quyền, dân-quyền, chấp-nhận sinh-hoạt đa-nguyên.
- Xã-Hội-hóa sinh-hoạt kinh-tế và văn-hóa.

BS Nguyễn Đan Quế đã bị bắt sau khi phổ-biến lời kêu gọi. Sau 18 tháng giam giữ, CSVN đã đưa nhóm của ông ra "tòa" và xử như trên. Trước đây, BS Nguyễn đã từng ngồi tù cộng-sản 10 năm, cũng

chỉ vì đứng lên đòi hỏi nhân-quyền.

Bản án 20 năm lao-động khổ-sai xử BS Nguyễn Đan Quế đã bị công-luận quốc-tế phản-đối dữ-dội, từ Tổ-chức Ân-xá Quốc-tế, Asia Watch, Tổng Hội Y-Khoa Hoa-Kỳ (với 800.000 bác-sĩ hội-viên) và các uỷ ban Nhân-quyền quốc-tế, cho tới các cơ-quan dân-cử Tây-phương.

Tại Hoa-kỳ, lưỡng-viện Quốc-hội đã thông-quá bản nghị-quyết số 78 do nghị-sĩ Charles Robb đưa ra, chống lại vụ CSVN xử án BS Nguyễn Đan Quế.

Nghị-sĩ Robert Kerry, ứng-cử-viên tổng thống của đảng Dân-chủ cũng đưa ra bản nhận-định phản-đối chính-phủ Hà-nội, nêu lên sự kiện "tòa án" đã không cho bị can biện-hộ và cấm cả luật-sư biện-hô. Nghị-sĩ Kerry yêu-cầu tổng-thống Hoa-kỳ lên tiếng hỗ-trợ cho lập-trường đấu-tranh cho tự-do dân-chủ của BS Nguyễn Đan Quế. Bản nhận-định nhấn mạnh, "BS Nguyễn Đan Quế có thể là Vaclav Havel của Việt-nam. Nhân-dân Việt-nam yêu-chuộng tự-do có đủ khả-năng để tự lãnh-đạo. Vết thương chiến-tranh Việt-nam chỉ được hàn gắp khi người Việt-nam được sống trong sự tự-do."

HÀ-NỘI "THẢ" DƯƠNG THU HƯƠNG

Hôm 20.11.1991, các cơ-quan truyền-thông của CSVN cho biết, nữ cán-bộ Dương Thu Hương đã

được trả tự-do.

Hôm 14.4 trước đây, CSVN loan-báo đã bắt giữ Dương Thu Hương vì bà ta "có hành-vi tuyên-truyền chống chế-độ xã-hội chủ-nghĩa, chuyển-giao tài-liệu cho người nước ngoài bất hợp pháp bị bắt quả-tang."

Nay trong bản tin "thả" họ Dương, thay vì đưa ra tòa xử như Nguyễn Đan Quế, CSVN nói rằng "Nhà nước không truy-tố Dương Thu Hương ra tòa, vì lỗi-lầm bà vi-phạm không có gì lớn-lao so với công-trình mà bà đã đóng-góp cho Đảng và Nhà nước."

Theo tin Reuter, trong khi Nguyễn Chí Thiện ra tù với một mắt mù, một mắt lòa; Doãn Quốc Sỹ ra tù sau thi-hành được 6 năm 6 tháng của bản án 7 năm, thì Dương Thu Hương ra tù vui-vẻ, béo tốt hơn trước.

Cùng là tù, nhưng khác nhau về địa-điểm giam cầm. Nguyễn Chí Thiện và Doãn Quốc Sỹ bị giam trong các trại cải-tạo; còn Dương Thu Hương không ai biết giam ở đâu, trại viết văn Đà-lạt hay trại viết văn Ba Bể?

Báo *Quân-đội nhân-dân* VC số ra ngày 21.11.1991 nói rõ: "*Trên cơ-sở điều-tra, kết-luận giám-định và lời khai của Dương Thu Hương đã được xác-minh cho thấy, Dương Thu Hương có những hành-vi vi-phạm pháp-luật theo điều 82 bộ luật Hình-sự của nước CHXHCNVN. Dương Thu Hương đã khai nhận về các hành-vi phạm-pháp của mình. Tuy-nhiên, xét mức độ vi-phạm, thái-độ khai-báo và xuất-phát từ chính-sách khoan dung, độ lượng của Nhà nước ta, theo đề-nghị của cơ-quan an-ninh điều-tra, viện Kiểm-sát Nhân-dân Tối cao đã đồng ý miễn truy-cứu trách-nhiệm hình-sự cho bị can Dương Thu Hương theo điều 48 bộ luật Hình-sự của nước CHXHCNVN.*"

Tin CSVN thả Dương Thu Hương và kêu án BS Nguyễn Đan Quế 20 năm khổ-sai, 5 năm quản-chế đã khiến công-luận quốc-tế

ngạc-nhiên sửng-sốt. Xét về "tội" thì Dương Thu Hương chỉ-trích chế-độ ôn-à-o hơn BS Nguyễn Đan Quế nhiều. Cùng một loại tội danh, một người được miễn tố, còn người kia bị kêu án gần như chung thân (ông Quế năm nay 50 tuổi), điều này chứng-minh cho hai điều:

- một, là CSVN có hai thứ luật-pháp khác nhau, một dành "xử" đảng viên, còn một dành xử nhân-dân;

- hai, là BS Nguyễn Đan Quế đứng lên đòi nhân-quyền do sự thôi-thúc cá-nhân, còn cán-bộ Dương Thu Hương phê-bình nhà nước theo sự sắp-xếp tính-toán của Đảng.

CSVN HỌP QUỐC HỘI

VC đã khai-mạc kỳ họp thứ 10 của Quốc-hội khóa 6 tại Ba-đình, Hà-nội hôm 10.12 vừa qua, với hơn 400 đại-biểu và sự hiện-diện của Đỗ Mười, Võ Chí Công, Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Văn Kiệt.

Trong kỳ họp này, Quốc-hội VC sẽ nghe báo-cáo của Võ Văn Kiệt (chủ-tịch Hội-đồng Bộ-trưởng), Hoàng Quy (bộ Tài-chánh), Phan Hiền (bộ Tư-pháp), Nguyễn Kỳ Cẩm (tổng thanh-tra Nhà nước), Lê Văn Triết (bộ Thương-mại và Du-lịch), Mai Thúc Lân (Ủy ban Kinh-tế, Kế-hoạch và Ngân-sách).

Nhìn chung, đây là khóa họp thường-lệ của Quốc-hội bù-nhìn VC để họp-thức-hóa kế-hoạch Nhà nước do đảng Cộng-sản đề ra. Không có sự thay-đổi nào đáng ghi-nhận về chính-sách, đường lối quốc-gia, vốn là những điều nằm xa tầm tay với của quốc hội các nước xã-hội chủ-nghĩa.

HỌP BAN CHẤP-HÀNH TRUNG-ƯƠNG ĐẢNG

Hội-nghị kỳ 2 ban Chấp-hành Trung-ương đảng CSVN nhóm từ 25.11 tới 4.12.1991 đã đề ra nhiệm-vụ chủ-yếu là "tiếp-tục đổi mới" và "tăng-cường sự lãnh-đạo của Đảng."

Bản thông-báo của BCH Trung-

ương đảng phổ-biến trên hệ-thống truyền-thông Việt-nam hôm 6.12 đã một lần nữa xác-định sự tham-quyền cố vị của đảng Cộng-sản Việt-nam, bất-chấp nguyện-vọng dân-chủ của toàn dân trước trào-lu tiến-bộ của toàn thế-giới hiện nay.

VC THU HỒI LỆNH CHO HÁT 130 BÀI "NHẠC VÀNG"

Sau 17 năm chà-đạp văn-hóa vùng đất tự-do, trước nhu-cầu "đổi mới để tồn-tại", CSVN đã sàng-lọc trong số gần 8.000 ca-khúc của miền Nam, chọn ra 130 bài liệt vào danh-sách "cho phép hát."

Tuy-nhiên, chỉ hai tháng sau khi ra lệnh "đổi mới" hạn-chế này, CS đã thu-hồi lệnh trên, vì 130 bài "nhạc vàng" vô thưởng vô phạt nhất đã thay-thế toàn-bộ nền ca-nhạc 46 năm xã-hội chủ-nghĩa từ phòng trà, hí-viện cho tới băng và đĩa nhạc.

VC GIAO LƯU VĂN HÓA VỚI NHẬT TIẾN

Nhà xuất-bản Văn-học Hà-nội đã chọn tái-bản cuốn *Thềm hoang* của Nhật Tiến, bán với giá 5.400

đồng tiền Hồ. Sở-dĩ VC chọn in cuốn *Thềm hoang* vì CSVN đánh giá nó có "nội-dung tốt" và tác-giả "không thuộc thành-phần phản-động chống lại nhân-dân."

Trong đợt sách cuối năm qua, ngoài tác-phẩm của Nhật Tiến, nhà xuất-bản Văn-Học còn tái bản cuốn *Chân-dung người hàng xóm* của Dương Thu Hương, *Trăm bài thơ* của Tố Hữu và *Văn-hóa nghệ-thuật cũng là một mặt trận* của Hồ Chí Minh.

SIHANOUK THĂM CSVN

Báo *Quân-đội nhân-dân* VC số ra ngày 13.12.1991 loan tin, cựu hoàng Sihanouk, chủ-tịch Hội-đồng Dân-tộc Tối-cao Cao-miên sẽ sang thăm CSVN vào tháng 4.92 sắp tới.

Thời chiến-tranh VN, Sihanouk đứng về phe CS Bắc Việt, cho phép Hà-nội sử-dụng lãnh-thổ Cao-miên làm căn-cứ hậu-cần tấn-công miền Nam. Sau khi bị quân-đội Cao-miên đảo-chính, Sihanouk bỏ ngai vàng chạy sang Pháp. Bây giờ được Pháp giàn-xếp đưa về nước, Sihanouk lại mon-men chạy về phía Hà-nội, chưa biết ông vua đi đây này dự-tính gì đây!

CÁO LỖI

Vì lý-do tăng trang cho số Xuân, Làng Văn 89 ra trễ hơn thường-lệ 10 ngày,

Xin thành-thực tạ lỗi đã để cho quý độc-giả mong đợi.

Làng Văn



Ngoài Ngõ

BÁO NHÂN QUYỀN BỊ ĐÀN ÁP NHÂN QUYỀN

Tuần báo *Nhân quyền* xuất-bản tại Melbourne, Úc-đại-lợi đã bị Nguyễn Sang, thị-trưởng thành-phố Richmond, tiểu-bang Victoria đưa tới luật-sư để lập hồ-sơ truy-tố trước tòa. Lý-do, là báo *Nhân quyền* đã đăng toàn văn bản thông-cáo của Cộng Đồng Người Việt Tự Do tại Canberra, chỉ-trích Nguyễn Sang về việc ông này tham-dự Hội-nghị "Vietnam 1991 - An update."

Hội-nghị "*Vietnam 1991, an Update*", bàn về sự hợp tác khoa học kỹ thuật và thương mại giữa nước Úc và CSVN. Thành phần thuyết-trình gồm một số trí-thức khuynh tả của Úc và các cán-bộ tri-vận do CSVN gửi qua, như GS Đỗ Thái Đông, viện Khoa-học Xã-hội thành-phố HCM, GS Nguyễn Văn Hùng, Đại-học Hà-nội.

Cộng-Đồng Người Việt Tự-Do tại lãnh-thổ liên-bang (Canberra, thủ-đô nước Úc) gồm Hội Cao-Niên, Hội Cựu Quân-Nhân, Mặt Trận QGTN GPVN, Phong trào Thanh-niên Sinh-viên Học-sinh tranh-đấu, đã hợp-lực tranh-đấu nhằm tố-giác mặt trái của Hội-nghị là âm-mưu moi tiền viện-trợ của

chính-phủ Úc để giúp CSVN củng-cố guồng máy thống-trị, đàn-áp nhân-quyền và dân-quyền tại Việt-nam.

Trong khi cuộc tranh-đấu trang tiếp-diễn thì thị-trưởng Nguyễn Sang được ban tổ-chức móc nối, mời từ xa tới để đọc diễn-văn khai-mạc hội-nghị.

Cộng-Đồng Người Việt Tự-Do tại Lãnh-Thổ Liên-Bang họp lại, thảo-luận và đưa ra một bản thông-cáo, nhận-định rằng:

- Việc Nguyễn Sang tham-dự hội-nghị này đi ngược lại hoài-bảo của toàn thể nhân-dân Việt-nam.
- Việc Nguyễn Sang tham-dự hội-nghị này đi ngược lại với chính-nghĩa nhân-quyền, tự-do dân-chủ.
- Việc Nguyễn Sang tham-dự hội-nghị này mâu-thuẫn với tư-cách là người tị-nạn chính-trị của ông ta.

- Nguyễn Sang đã phản lại những niềm tin và sự tín-nhiệm của người Việt đối với ông ta.

- Khi làm những việc vừa kể, Nguyễn Sang chỉ nghĩ đến quyền-lợi riêng-tu của mình.

Luật-sư của Nguyễn Sang đã gửi thư cho tuần-báo *Nhân quyền*, bảo rằng những lời cáo-giác trên đây là Cộng-Đồng Người Việt Tự-Do tại Lãnh-Thổ Liên-Bang là "sai trái" và giành quyền khởi-tố cho thân-chủ Nguyễn Sang.

Lá thư còn hăm-doạ rằng bất cứ ai bán hoặc phân-phối tờ báo có đăng bài kể trên, bất cứ ai phổ-biến bài báo này cho công-chúng đọc sẽ bị xem là tòng-phạm với *Nhân quyền* và sẽ bị truy tố không cần báo trước.

Đồng-thời với bức thư gửi tuần-báo *Nhân-quyền*, luật-sư của Nguyễn Sang cũng gửi một bức thư hăm-doạ với nội-dung tương-tự tới tất cả các sạp báo, nhà sách và tiệm thực-phẩm Á-đông phân-phối báo *Nhân quyền*, tuy nhiên các đại-lý này tuyên-bố rằng Úc-đại-lợi là một quốc-gia tự-do dân-chủ, không một ai có quyền đàn-áp quyền tự-do ngôn-luận, nhất là ý-kiến đó xuất-phát từ quyết-định

của những người đại-diện cho cả một cộng-đồng.

Bản tin Tự Do Dân Tộc đã loan báo rộng rãi trường hợp đàn áp nhân quyền nghiêm trọng và trắng trợn này tới tất cả các cơ quan truyền thông của người Việt QG tại hải-ngoại để kêu-gọi ủng-hộ cụ-thể (bằng tiền phụ giúp trang trải án-phí, hoặc ít nhất, bằng thư ủng-hộ tinh-thần).

Thư từ xin đề:

Nhân Quyền Weekly
P.O. Box 1046 N. Richmond
Vic. 3121, Australia

Điện.thư (fax): 011-613-416-2902

Riêng Nguyễn Sang, ông ta đã đắc-cử nghị-viên và trở thành thị-trưởng nhờ tình đồng hương của đồng-bào tị-nạn tại Richmond. Vụ đi đêm với thành-phần trí-thức tả khuynh Úc và cán-bộ CSVN của ông ta là một cái tát phũ-phàng vào sĩ diện và danh dự của người tị nạn. Ông ta sẽ hiểu rõ lòng dân bằng cách đếm lại số phiếu của mình trong lần bầu-cử tới.

CHỦ BÚT DÂN CHỦ MỚI BỊ DỌA GIẾT VÌ CHỐNG HÒA GIẢI VỚI VC

Qua giai-đoạn vượt-ve "hòa-hợp hòa-giải", CSVN đã tiến sang giai-đoạn khủng-bố các thành-phần quốc-gia dám lên tiếng tố-cáo âm-mưu chiêu-dụ của chúng.

Trong một bức thư đóng dấu bưu-điện Boston, Hoa-kỳ ngày 21.11.91, quân khủng-bố cảnh-cáo ám-sát nhà báo Hồ Công Tâm, chủ-bút tuần-báo *Dân-chủ mới* phát-hành tại Boston, tiểu-bang Massachusetts, Hoa-kỳ.

Lý-do cảnh-cáo là vì ông Hồ Công Tâm đã viết bài "*Hòa-giải hòa-hiệp bầu-cử tư-thông với giặc*", đăng trên tuần báo của ông, số ra ngày 15.11 trước đó.

CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM MIỀN TÂY BẮC-MỸ TẤY CHAY THẾ UYÊN

19 hội-đoàn Việt-nam tại các tiểu-bang Portland, Washington

(Hoa-kỳ) và tỉnh British Columbia (Gia-nã-đại) đã ký tuyên-cáo chung hôm 15.12.1991, tẩy-chay nhà văn Thế Uyên và tờ *Việt-nam thời-báo* xuất-bản tại Seattle (WA).

Bản tuyên-cáo viết, trong khi cả thế-giới đều lên án VC vi-phạm nhân-quyền thì ông Thế Uyên viết bài ca-tụng cộng-sản, đe-doạ anh em tù-nhân chính-trị mới sang tới Hoa-kỳ trong Chiến-dịch nhân-đạo (HO), kêu-gọi Phật-tử và các tín-đồ Công-giáo đứng chống cộng nữa, mà nên đầu-tư vào Việt-nam, xác-nhận láo rằng chủ trương "đối mới" có thật và kêu-gọi hợp-tác kinh-tế với VC. Tờ *Việt-nam thời báo* đã đăng tải bài viết này trong số ra ngày 5.12 trước đó.

Bản tuyên-cáo nhận-định rằng hành-động của ông Thế Uyên và *Việt-nam thời báo* làm phương-hại công cuộc đấu-tranh cô-lập để lật-đổ bạo-quyền CSVN hiện nay. Các hội-đoàn kêu-gọi đồng-bào tẩy-chay và vô-hiệu-hóa mọi hành-vi lợi-dụng tự-do báo-chí để tuyên-truyền, bảo-vệ chế-độ cộng-sản.

Cùng ký tên vào bản tuyên-cáo, có Hội Cao-Niên Miền Tây Bắc Hoa-Kỳ, UBPH Công-Tác Người Việt Quốc-Gia Portland, PTTG UBQT Yểm-Trợ VNTD tại BC, Gia-nã-đại, Hội Võ-Thuật VN, Hội Thân-Hữu Cowlitw County, VP Hội-Đồng các Hội-Đoàn VN tại Washington, Hội Cựu Quân-Nhân QL/VNCH, Hội Cựu Tù-Nhân Chính-Trị CSVN, Hội Người Mỹ Gốc Việt, LM Dân-Chủ VN, Hội Cựu Chiến-Sĩ trong Chiến-Tranh VN, đơn-vị 1, 2, 3, 4 và 5, Hội Ái-Hữu Hải-Quân VNCH, MTQGTN GPVN, Hội Sinh-Viên VN Washington, Anh Em Cựu Quân-Nhân HO Washington, Hội Văn-Nghệ Sĩ VNTD, Hội Cựu Thiếu-Sinh Quân Tây Bắc Hoa-Kỳ, Liên-Minh Toàn Dân VN.

Cũng nên nói thêm, mặc dù *Làng Văn* trước đây có vận-động giúp-đỡ cho nhà văn TU khi ông còn kẹt lại VN, nhưng sau này vì quan-điểm bất đồng, hai bên mặc-nhiên đồng ý chấm-dứt sự hợp-tác. Dù

sao, chúng tôi vẫn mong cộng-đồng miền Tây giờ cao đánh sể, dành cho TU một cơ-hội để thấy rõ lòng dân, ý trời mà nhìn ra chính-đạo!

ĐOÀN HUNG CA BẮC CALI CÔNG TÁC TẠI SACRAMENTO

Đoàn Hưng Ca Bắc Cali đã lên đường công-tác tại Sacramento, tham-gia sinh-hoạt văn-nghệ cộng-đồng. Hiện-diện trong đoàn công-tác có các nhạc-sĩ Triệu Phổ (trưởng đoàn), Bảo Tổ cùng các anh chị em khác.

Nhân dịp này, Đoàn đã phát-động chiến-dịch *Ngày Sài-gòn quật-khởi*, kêu-gọi mọi người đứng tranh-đấu lấy lại Sài-gòn, lấy lại Việt-nam.

SINH-HOẠT NHÂN-QUYỀN TẠI BREMEN

Cộng-đồng người Việt tại Bremen đã tổ-chức vận-động chữ ký can-thiệp cho BS Nguyễn Đan Quế và các chiến-sĩ nhân-quyền trong Cao trào Nhân-bản.

Dưới cái lạnh cắt da của tháng 12 dương-lịch, 12 đồng-bào VN đã phát ra 600 tờ truyền-đơn, thu-thập được 149 của người Đức trên đường phố.

GS LÊ PHƯỚC SANG SANG ÚC

Từ văn-phòng Thống-đốc tiểu-bang California, Hoa-kỳ cuối tháng 12 vừa qua, GS Lê Phước Sang điện-thoại về tòa-soạn, cho biết ông sắp lên đường sang Úc thành-lập cơ-sở đại-diện Hội-đồng VN cho VN Tự-do tại lục-địa này.

GS Lê Phước Sang cũng cho biết thêm, ngày 27.6.1992 tới đây, Hội-đồng Việt-nam cho một nước Việt-nam Tự-do trên toàn thế-giới sẽ họp đại-hội tại thủ-đô Hoa-thịnh-đốn, Hoa-kỳ.

TẾT NHÂM THÂN TẠI PARIS, PHÁP-QUỐC

Tổng Hội Sinh-Viên Việt-Nam tại Paris sẽ tổ-chức hội xuân Nhâm

Thân vào tối thứ bảy, 8.2.1992 tại rạp Multualité, số 24 Saint Victor, quận 5, giá vé vào cửa có xếp chỗ 100 quan (tại rạp 120 quan) / không xếp chỗ 60 quan, dạ-vũ 80 quan.

Theo truyền-thống cộng-đồng, hội xuân của THSV Paris là hội xuân lớn nhất, vui nhất của cộng-đồng Việt-nam tại Paris.

HỘI ĐỒNG ĐẠI DIỆN TẠI TORONTO

Hội-Đồng Đại-Diện Người Việt Quốc-Gia vùng Toronto đã bầu xong vòng thứ nhất, cử ra 5 đại-biểu thành-viên trong ban thường-vụ. Sau các buổi họp, ban thường-vụ đã phân nhiệm như sau:

- Chủ-tịch: Ông Phạm Kim Thu (đại biểu của hội Cao-niên VN Toronto).

- Phó Chủ-tịch Nội-vụ: Ông Trần Ngọc Xương (đại-biểu Cộng-đồng VN Mississauga).

- Phó Chủ-tịch Ngoại-vụ: Ông Nguyễn Ngọc Phong (đại-biểu Trung-tâm Thanh-niên Toronto).

- Tổng Thư-ký: Ông Bùi Văn Dũng (đại-biểu hội Sinh-viên VN ĐH Toronto).

- Thủ-quỹ: Ông Nguyễn Nghĩa (đại-biểu tạp-chí Làng Văn).

NGƯỜI VIỆT BỊ HÀNH-HUNG TẠI ĐỨC

Trong tháng 12 vừa qua, 4 gia-đình Việt-nam tại Đức đã bị bọn kỳ-thị chủng-tộc Neo-Nazi tung cửa xông vào nhà đánh-đập dã-man, cướp hết tiền-bạc nữ-trang và phá tung nhà cửa.

Hiện nay, nạn kỳ-thị người ngoại-quốc tại Đức đã lan rộng, mặc dù hàng trăm ngàn người Đức đã xuống đường biểu-tình chống lại tệ-trạng này để tránh cho nước Đức khỏi bị cộng-đồng thế-giới tẩy-chay, cô-lập.

NHẠC CỔ TRUYỀN VN GÓP MẶT VỚI THẾ GIỚI

Lần đầu-tiên tại Toronto, Gia-nã-đại, dân-ca dân nhạc VN đã góp mặt trong một chương-trình trình-diễn có màu-sắc quốc-tế trong đêm

giao-thừa 31.12 vừa qua.

Chương-trình ca-nhạc mang tên *First Night*, trình-diễn đồng loạt tại 12 địa-điểm dọc theo đường Front, trung-tâm Toronto, do bộ Du-lịch & Giải-trí, Loblaws, McDonald's, báo *Toronto Star* và đài CHFI FM98 bảo-trợ, qui-tụ 200 diễn-viên thuộc các sắc dân từ 70 thành-phố ở Bắc Mỹ về dự.

Chương-trình 45 phút ca-vũ-nhạc cổ-truyền Việt-nam do 50 diễn-viên trong ban Dân-ca Dân-nhạc Hồng Lạc của gia-đình nha-sĩ Tôn-nữ Lệ-Ba đảm-trách, khởi diễn tại Canada Trust Tower (góc đường Bay và Front, Toronto) từ 7 giờ tối giao-thừa dương-lịch, đã được tán thưởng đặc-biệt.

BIỂU-TÌNH NHÂN QUYỀN TẠI OTTAWA

Cộng-đồng Người Việt vùng Ottawa, thủ-đô Gia-nã-đại đã tổ-chức biểu-tình trước sứ-quán VC số 249 đường Range hôm 10.12 để phản-đối Hà-nội vi-phạm nhân-quyền, và đòi tự-do cho BS Nguyễn Đan Quế, Mục-sư Đinh Thiên Tứ, Linh-mục Trần Đình Thủ, Đại-đức Tuệ Sỹ, Đại-đức Quảng Độ và các tù-nhân chính-trị khác.

Cuộc biểu-tình qui-tụ hơn 300 đồng-bào, phần lớn thuộc 300 gia-đình VN cư-ngụ trong vùng. Đại-sứ VC Đặng Nghiêm Bái chưa tới nhận nhiệm-sở trong ngày biểu-tình, và các nhân-viên sứ-quán VC đóng cửa trốn kỹ, không dám lộ mặt ra tiếp-xúc với những "khúc

ruột ngoài ngàn dặm."

VỤ ÁN QUỐC CỘNG TẠI CALGARY

Ủy-Ban Bảo-Vệ Người Việt Tự-Do tại Calgary đã được thành-lập để hỗ-trợ Hội Ái-Hữu Cựu Quân-Nhân QLVNCH trong vụ án Quốc Cộng tại địa-phương.

Tất cả mọi ủng-hộ và tinh-thần cũng như vật-chất, xin gửi về:

Mr. Nguyễn Văn Thi

410 -602 1st St. S.E.

Calgary, AB T2G 4W4, Canada

NHÀ VĂN PHẠM THẮNG NÓI CHUYỆN TẠI CALGARY

Trong dịp cuối năm vừa qua, đáp lời mời của trường Việt-ngữ Calgary và Cộng-đồng Việt-nam, nhà văn (cũng là họa-sĩ) Phạm Thắng đã tới nói chuyện về đề tài *Báo Xuân, món ăn tinh-thần của dân ta*.

Với kinh-nghiệm 40 năm làm báo, nhà văn Phạm Thắng đã trình-bày đặc-tính của một tờ báo Xuân, với những nét đặc-biệt như:

- Không có tin trộm-cướp, bắn giết, gia-đình ly-tán.

- Không đăng truyện nhảm-nhí, khiêu-dâm

- Chú-trọng biên-khảo về phong-tục tập quán cổ-truyền.

- Nói về con thú chủ mệnh trong năm.

- Đăng nhiều truyện vui, truyện cổ.

- Ghi-nhận những năm lịch-sử có cùng một địa-chi (tí sửu...)

Sau phần nói chuyện, diễn-giả trả lời thắc-mắc và kể thêm những mẩu chuyện vui buồn trong đời làm báo của ông. Buổi sinh-hoạt rất bổ-ích và thú-vị.

TRUNG TÂM SINH HOẠT NGƯỜI VIỆT OTTAWA HOẠT ĐỘNG MẠNH

Trong ba tháng cuối năm vừa qua, Trung-Tâm Người Việt tại Ottawa đã mở khóa gia-chánh (bà Dương Hùng), phát hành thiệp Tết và Giáng-sinh (mẫu của họa-sĩ Trương Cam Khải), tổ-chức lớp

CHIẾN-DỊCH "NGÀY SÀI-GÒN QUẬT KHỞI"

SUU-TẬP CÁC ĐỊA-DANH "SÀI-GÒN" Ở HẢI-NGOẠI

Kỳ 1:

TỈNH-BANG MANNITOBA, GIA-NÃ-ĐẠI:

- Tết Nguyên-đán năm 1983 và 1984: tên "Saigon Avenue" thay cho *Portage Avenue* (đường chính, rộng nhất, dài nhất tại thủ-phủ Winnipeg).

- 1988: khánh-thành chung-cur Sài-gòn, do ngân-sách liên-bang đài-thọ xây-cất. Chung-cur Sài-gòn gồm 6 tầng, chia thành 54 đơn-vị gia-cư, tọa-lạc tại 458 đường Balmoral St., Winnipeg. Tầng trệt của chung-cur rộng 5.000 bộ vuông (*sq. ft.*) là hội-quán của Hội Người Việt Tự-Do Manitoba và Trung-Tâm Văn-Hóa Việt.

- Ngày 19.10.1991: Hội-đồng thành-phố Winnipeg phê-chuẩn quyết-nghị thành-lập công-viên Sài-gòn (*Saigon Park*) theo yêu-cầu của Hội Người Việt Tự-Do Manitoba.

* Mẫu tin trên đây do chiến-dịch Ngày Sài-Gòn Quật-Khởi ghi-nhận theo sự-kiện do ông Võ Văn Nhứt, Tổng Thư-ký Hội Người Việt Tự-Do Manitoba cung-cấp.

Ban tham-mưu Chiến-dịch sẽ tiếp-tục ghi-nhận các thành-quả đấu-tranh tương-tự tại các địa-phương khác. Xin vui lòng gửi tin-tức, tài-liệu về:

Chiến-dịch Ngày Sài-Gòn Quật-Khởi
P.O. Box 310, Station "W", Toronto
Ontario M6M 5B9, Canada

Fax: (416) 240-0342

cổ-nhạc (nhạc-sĩ Trương Văn Chuyện và ban cổ-nhạc Lạc Hồng) và lớp cắm hoa (bà Trần Trung Trinh).

Ngoài ra, Trung-Tâm mở cửa thường-xuyên với phòng đọc sách, bóng bàn, hòa nhạc. Trong năm tới, Trung-tâm sẽ tổ-chức lớp nhiếp-ảnh và kỹ-thuật phòng tối. Quý đồng-bào muốn tham-gia các sinh-hoạt, xin liên-lạc số điện-thoại (613) 230-8282.

ĐÀI KỶ-NIỆM VN

Hội-đồng Thành-phố Ottawa, thủ-đô Gia-nã-đại đã làm lễ chuyển giao địa-điểm xây-dựng đài Kỷ-niệm Việt-nam hôm 30.11 vừa qua. Khu đất này nằm trong khu trung-tâm thủ-đô Ottawa, góc đường Somerset và Preston.

TỔ-CHỨC ÂN-XÁ QUỐC TẾ TRAO GIẢI CHO NGUYỄN CHÍ THIỆN

Tổ-chức Ân-xá Quốc-tế (Amnesty International), cơ-sở 19 tại Hoa-kỳ, đã quyết-định trao giải thưởng Nhân-quyền cho thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện.

Trong bài diễn-văn trao giải, bà Ginetta Sagan, cơ-sở trưởng của Amnesty Hoa-kỳ tuyên-bố: "*Giải thưởng này được trao tặng thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện để ghi-nhận cuộc đấu-tranh bảo-vệ quyền tự-do bày-tỏ và khích-động niềm hi-vọng và sự can-trường trong mỗi trái tim của những con người khát-khao công-lý và tự-do trên toàn hế-giới.*"

Nguyễn Chí Thiện đã bị CSVN giam-giữ hơn 30 năm, từ khi ông còn là một thanh-niên mới lớn, vì "tội" xuất-bản báo *Vĩ dân*, chỉ-trích nhà cầm quyền.

Trước áp-lực quốc-tế, CSVN buộc lòng phải thả Nguyễn Chí Thiện hôm 18.11, nhưng không cho ông xuất-ngoại lãnh giải.

Dân-biểu Dana Rohrabacher, thành-viên của Ủy-ban Nhân-quyền Quốc-hội Hoa-kỳ đã thay mặt ông nhận giải, và sẽ mang sang VN trao tận tay nhà thơ bất-khuất này.

tin tị nạn



HƯƠNG-CẢNG TIÊU 1 TRIỆU ĐÔ-LA ĐỂ CƯỠNG-BỨC 28 THUYỀN NHÂN VỀ NƯỚC

Tờ *South China Morning Post* số ra ngày 10.12 tiết-lộ, chính-phủ Hương-cảng đã tiêu tới 1 triệu đô-la Hương-cảng (180.000 mỹ-kim) để mướn chiếc Hercules của Nam-dương chở 28 thuyền-nhân VN bị cưỡng-bách hồi hương trong đợt 3 hôm 10.12 mới đây.

Các thuyền-nhân đều bị còng tay dẫn lên máy bay một cách êm thấm.

Hiện chính-phủ Hương-cảng đang xúc-tiến việc thuê tàu để chở thuyền-nhân cho đỡ tốn-kém và kín-đáo hơn, vì các tàu này sẽ cập thẳng vào các hải-đảo xa-xôi bốc người, tránh xa các ống kính của phóng-viên quốc-tế.

SINH-HOẠT BẢO-VỆ NHÂN QUYỀN TẠI MÃ LAI

Nhằm mục-đích bảo-vệ chính-nghĩa tị-nạn và quyền làm người, Phong-Trào Bảo-Vệ Nhân-Quyền trước đây được thành-lập tại Pulau Bidong, nay tiếp-tục hoạt-động tại Sungei Besi, Mã-lai.

Phong-trào đã tổ-chức các buổi sinh-hoạt thường-xuyên để thắt-chặt mối giây liên-lạc và hung-đúc tinh-thần đấu-tranh cho chính-nghĩa tự-do. Chủ-tịch chính-trị của Phong-trào hiện nay là ông Nguyễn Dương Hảo, với Phó Chủ-tịch đặc-trách liên-lạc báo-chí hải-ngoại là Trương Hồng Sơn.

Chương-trình gửi báo cho đồng-bào tị-nạn đọc

Trong thời-gian gần đây, hầu hết các quốc-gia có người tị-nạn Việt-nam tạm dung đều từ-chối chuyển gởi vào các trại. Tòa-soạn phải gửi báo từng phong-bì riêng, đề tên từng người nên cước-phí rất nặng, không đủ sức cung-ứng cho nhu-cầu đọc của hàng trăm ngàn đồng-bào. Chương-trình *Gửi báo cho đồng-bào tị-nạn đọc* được thực-hiện vào mỗi dịp đầu năm, nhằm giúp điều-hòa việc gửi báo sang các trại. Kính mong quý tổ-chức Việt-nam, người làng và độc-giả ấm-áp hưởng-ứng, bằng cách quyên góp tiền cước gửi báo.

Mỗi đơn-vị tem thư 15 mỹ-kim (hoặc 12 gia-kim), đủ trang trải tiền cước gửi một năm (12 kỳ) báo đường thủy cho một địa-chỉ tị-nạn.

Nếu quý vị muốn tặng đích danh cho một hay nhiều thân-nhân, bằng-hữu bên trại, xin gửi 15 mỹ-kim kèm địa-chỉ người nhận về tòa-soạn. Tòa-soạn sẽ lo chu-tất phần tặng báo và gửi báo; trên nhãn địa-chỉ người nhận sẽ ghi rõ tên người tặng báo.

Nếu quý vị không có thân-nhân nào bên trại, tòa-soạn sẽ chọn gửi, ưu-tiên cho các thư-viện, tổ-chức tôn-giáo, hội-đoàn, lớp học và các cá-nhân hoạt-động xã-hội tại các trại; tên ân-nhân tặng tiền tem gửi báo sẽ in trên nhãn địa-chỉ người nhận, và trong cột này mỗi kỳ báo cho đến cuối năm.

Chi-phiếu xin đề: Làng Văn (donation/tem tị-nạn), gửi về tòa-soạn theo địa-chỉ ở trang 1.

Sinh-Hoạt Văn-Nghệ

Mười Hai Tháng Qua

Dương Thượng Ngã

Hàng năm, chúng ta có thói quen ngồi lại ghi-nhận những thành-quả của chặng đường văn-học trong năm. Nếu chỉ kể về con số mà thôi, 1991 quả là năm của xuất-bản: hơn 100 ấn-phẩm mới thuộc các bộ môn tiểu-thuyết, thơ, biên-khảo, nhận-định... đã được trình làng (trong đó Làng Văn có 20 cuốn) và gần 200 tác-phẩm cũ được tái-bản (do các nhà Đại Nam, Xuân Thu và An Tiêm ấn-hành).

Thăm dò một vòng, làm một thống-kê nhỏ, thấy có hơn năm mươi phần trăm các người cầm bút ở hải-ngoại đã sắm máy vi-tính và chương-trình kỹ-thuật chữ Việt. Phần lớn họ viết và sửa bản "thảo" ngay trên máy, và tự làm thành trang sách, không cần phải nhờ ai. Ngày trước, chỉ mười năm trước đây thôi, việc xếp chữ một cuốn sách chữ Việt rất khó giải-quyết. Có nhiều nơi nhà xuất-bản còn dùng máy chữ thường và tra dấu bằng tay; dĩ-nhiên chậm-chạp, xấu-xí khó đọc và dễ lầm lỗi. Ngày nay, hầu như tác-giả nào cũng có thể tự xếp chữ và sửa chữa lấy, khiến việc ấn-loát trở nên dễ-dàng. Muốn in sách, chỉ cần gom vốn chừng vài nghìn mỹ-kim là đã có thể in được một nghìn cuốn sách dày cỡ 200 trang. Vấn-đề phức-tạp là làm sao để phát-hành rộng-rãi, sách đến tay người đọc và phổ-biến vào các thư-viện công-cộng. Một số các tác-giả đã tìm ra giải-pháp, bằng cách giao cả bản chữ và tiền in cho một nhà xuất-bản có uy-tín qua hình-thức

cho mượn vốn để in. In xong, cơ-sở ấy sẽ lo lấy vấn-đề phát-hành. Bán được một đợt sách, nhà xuất-bản hoàn lại vốn và trả tác-quyền cho tác-giả. Phương-thức này đã được nhiều cơ-sở xuất-bản đồng ý áp-dụng, giúp đẩy mạnh việc in sách, bán sách trong năm qua.

Về số sách mới xuất-bản trong năm, căn-cứ vào tài-liệu của Làng Văn, tôi tạm chia làm hai nhóm: tác-giả mới và tác-giả đã quen tên. Dụng ý của sự phân-biệt mới cũ này nhằm chú-trọng đặc-biệt tới những ngôi bút mới, ghi-nhận sự đóng-góp phong-phú của họ trên văn-đàn, như một lời chào mừng ấm áp đầu năm. Nhìn qua một vòng, chúng ta có:

TÁC-PHẨM MỚI, TÁC-GIẢ MỚI

. Thơ:

Nếu lấy ấn-phẩm đầu-tiên của mỗi tác-giả làm tiêu-mốc đánh dấu sự chính-thức góp mặt trong thi-đàn của tác-giả ấy, năm Canh Ngọ 1991 vừa qua quả là một năm tung-bùng góp mặt.

Tại Gia-nã-đại, có thêm Hoàng Chính (*Nửa đêm nghe mẹ thở dài*, Làng Văn); vợ chồng Bá Đình & Thủy Trang (*Ngọt-ngào nỗi nhớ*, Sông Thu); Hoàng Xuân Thảo (*Khung trời quê hương*); Phương Nhật Nam (*Hoa chinh chiến*, Thép Súng); Phạm Quân Khanh (*Hải hồ*, tác-giả ấn-hành);

Tại Hoa-kỳ, có Kha Huyền (*Trở*

về, Làng Văn); Nguyễn Hùng (*Vết đời*, Làng Văn); Đắc Trung (*Linh hồn viễn xứ*, Làng Văn); Trần Mộng Tú (*Thơ Trần Mộng Tú*, Người Việt); Thủy Trúc (*Thơ Thủy Trúc*, Phi Vân); Du Miên (*Ngày phải tới*, Bách-Khoa); Phạm Quang Trinh (*Trên núi thánh*, tác-giả xuất-bản); Huệ Thu (*Sương chiều thu động*, H.T. Kelton); Cao Nguyên (*Thơ mua*, Tân Thư); Lê Bi (*Thơ trích*, Tân Thư); Phạm Thanh Quang (*Những giọt máu của mặt trời*, Hồn Việt); Lê Giang Trần (*Sài-gòn ở phố lưu-vong*, Tân Thư);

Tại Âu-châu, có thêm Đặng Thị Quế Phượng (*Thơ Đặng Thị Quế Phượng* (tác-giả xuất-bản, Bỉ); Hoài Thu (*Lệ sử*, Trung-tâm Nhân-quyền, Đức).

Tại Úc-châu có Thường Quán (*Ngoài giấc ngủ*, Văn-nghệ).

. Văn:

Tại Gia-nã-đại, có Tự Tĩnh (*Thạch kiểm*, truyện dài, Làng Văn); Hồng Hoang (*Sứ mạng hạnh-phúc*, truyện ngắn và thơ, Thời Báo); Đông Nghi (*15 truyện ngắn giải Văn-học nghệ-thuật Làng Văn*, Làng Văn);

Tại Hoa-kỳ, có Ngô Du Trung (*Nước mình nước Mỹ*, truyện ngắn, Làng Văn); Trâm Lương, Ngọc Duy, Tam Thanh, Nguyễn Quốc Ngân, Lê Xuân Nhị (*15 truyện ngắn giải Văn-học nghệ-thuật Làng Văn*, Làng Văn); Lã Mộng Thường (*Linh-mục người là ai*, truyện dài, tác-giả xuất-bản); Lê Thao Chuyên (*Tình thu mất biếc*, truyện ngắn, tác-giả xuất-bản); Trần Long Hồ (*Ngày quanh quẩn*, Minh Văn); Hoàng Thị Đào Tiệp (*Dặm khuya*, Ngày Nay);

Tại Úc có Cao Xuân Lý (*Tan rã*, truyện dài, tác-giả xuất-bản); Phạm Miên Tường (*Cửa ngoài*, truyện ngắn, Trâm Lặng); Đinh Hiếu (*15 truyện ngắn giải Văn-học nghệ-thuật Làng Văn*, Làng Văn);

Tại Âu-châu, có Võ Hoài Nam (*15 truyện ngắn giải Văn-học nghệ-thuật Làng Văn*, Làng Văn).

. *Biên-khảo, nghiên-cứu:*

Có Đông Hà (*Sài-gòn thất thủ*, tác giả xuất-bản, Hoa-kỳ); Hoàng Ngọc Thành và Thân Thị Nhân Đức (*Những phản-ảnh xã-hội và chính-trị trong tiểu-thuyết miền Bắc 1950-1967*, Văn-ngệ); Diêu Như Tăng Tổ và Diêu Như Tăng Dũng (*Việt-nam hiện thơ mẫu-nhiệm*, Nguồn Sống).

TÁC-PHẨM MỚI, TÁC-GIẢ... CŨ

. *Thơ:*

Về sự đóng-góp của các nhà thơ

đã thành danh, tại Gia-nã-đại trong năm qua có thêm: *Thơ Tagore* của Đỗ Khánh Hoan (An Tiêm tái-bản có sửa chữa); *Hồng-Trần* của Cung Vũ (Làng Văn, tái-bản); *Cảm ơn đất đá tro thơ, Lòng ta hạt bụi vu vơ bám hoài* của Luân Hoán (Sông Thu); *Nghĩa tình* của Khải Chính (Làng Văn);

Tại Hoa-kỳ, có thêm *Tặng-phẩm tình-yêu* của Vi Khuê (Thế-giới); *Thơ Đen* của Mậu Bình Hà Huyền Chi (Đồng Tâm); *Mặt trời lưu-vong* của Trần Thiện Hiệp (Văn Đàn); *Đêm Việt-nam* của Minh

Viên (tác-giả xuất-bản); *Chiều phố mây* của Tuệ Nga (Hồng-Trúc); *Thơ chua* của Hồ Công Tử (Hồ Công Tâm, tác-giả ẩn-hành); *Có những bức mình tức không thể nói* của Đỗ Kh. (Tân Thư); *Thơ ở đâu xa* của Thanh Tâm Tuyền (Trầm Phục Khắc); *Điểm tâm cho người tình* của Trân Sa (Tân Thư); *Đi và về cùng một nghĩa như nhau* của Du Tử Lê (Tay Phải); *Tình-tọa* của Hoàng Liên (tác-giả xuất-bản);

Tại Âu-châu có *Thơ Nguyễn Hữu Nhật* (Anh Em, Na-uy); *Mùa gặt giữa hư-vô* của Dương Kiên (Tiếng Việt, Na-uy);

. *Văn:*

Tại Gia-nã-đại có *Đất mới*, tập bút của Trà Lũ (Làng Văn); *Truyện hay hải-ngoại*, 27 tác-giả (Phù-sa); *Cõi đêm*, truyện dài của Nguyễn Ngọc Ngạn (Làng Văn); *Trong quan-tài buồn*, truyện dài của Nguyễn Ngọc Ngạn (Làng Văn, tái-bản); *Chuyện quê Nam*, truyện ngắn của Hồ Trường An (Làng Văn); *Cõi ký-ức trắng xanh*, tập bút của Hồ Trường An (Làng Văn); *Tập-chủng*, truyện ngắn của Hồ Trường An (Làng Văn); *Cổ Sáu Tân-qui*, truyện ngắn của Phạm Thăng (Viên Giác); *Đường mây qua xứ tuyết* của Nguyên Phong (Làng Văn, tái-bản); *Vũ môn*, truyện ngắn của Nguyễn Trung Tâm (Làng Văn); *Máu hận*, truyện ngắn của Nguyễn Trung Tâm (Làng Văn); *Người đàn bà đi bên tôi*, truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Ngạn (Làng Văn); *Cơn mưa đầu mùa*, truyện ngắn của Diêu Tần (Làng Văn);

Tại Hoa-kỳ, có thêm *Thuyền nhân*, truyện dài của Mai Kim Ngọc (Văn-ngệ); *Lối vào*, truyện ngắn của Đỗ Tiến Đức (Thời Luận); *Xếp Al Capone I, II* truyện dài của Trường-sơn Lê Xuân Nhị (Xuân Lê); *Lưới tình* truyện ngắn của Anh Vân (Người Việt lưu-vong); *Giọt lệ xé hai* truyện dài của Nguyễn Thị Thanh Bình (Đại nam); *Sông Côn mùa lũ*, trường thiên của Nguyễn Mộng Giác (Văn-ngệ); *Truyện*



thật ngắn của Võ Phiến (Văn-nghệ); *Sao có tiếng sóng*, tập-bút của Võ Đình (Văn-nghệ); *Một kỷ-niệm đẹp*, tập-bút của Nguyễn Tấn Hưng (Đại Nam); *Nợ máu*, truyện ngắn của Phạm Quang Trình (Chỉ thảo); *Ngôi nhà bà giáo*, truyện dài của Huyền Châu (Bình-minh); *Sương như búa bổ*, hồi-ký của Hồ Văn Đồng (Miền Đông); *Chỗ tiếp giáp với cánh đồng* truyện ngắn của Khánh Trường (Thời Văn); *Thông đưa tiếng kệ*, truyện dài của Túy Hồng (Người Việt); *Tờ mộng rách rồi*, truyện ngắn của Hồ Đình Nghiêm (Tân Thư & Thời Văn); *Bến nước ngũ hồ*, kịch thơ dã-sử của Hoàng Công Khanh (Thế-Giới); *Thư không người nhận*, truyện ngắn của Hoàng Khởi Phong (Tân Thư & Thời Văn); *Không có mây trên thành-phố Los Angeles*, tập-bút của Lê Uyên Phương (Tân Thư); *Ký-sự đi tây* của Đỗ Kh. (Xuân Thu); *Trang tôn kinh huyền-hoặc* của Nghiêm Xuân Hồng (Úc Trai); *Bất đáo trường thành phi hảo hán* của Minh Đức

Hoài Trinh (Nguyễn Quang); *Hoen màu thời-gian* của Nguyễn Văn Quảng-Ngãi (Ngày Nay); *Mưa phố núi* của Đỗ Văn Trọn và Lê Thao Chuyên (Yêu);

Tại Âu-châu có *Làng xưa phố cũ* nhiều tác-giả (Việt Bình, Pháp.)

Tại Úc-châu có *Cát lở* truyện dài của Nguyễn Tư (Trầm Lặng)

. *Biên-khảo, nhận-định*:

Tại Gia-nã-đại có các cuốn *Thơ Tổng* của Trần Trọng San, nghiên-cứu và tuyển dịch thơ Tổng (Bắc-đầu); *Hán văn* của Trần Trọng San (Bắc-đầu); *Địa-lý Việt-nam mền-yêu* của Phạm Thăng (Cửu-long);

Tại Hoa-kỳ, có *Thơ miền Nam* tập 1 của Võ Phiến (Văn-nghệ); *Người cán-bộ cách-mạng* của Phạm Quang Trình (Chỉ Thảo); *Đường tu không hai* của Minh Tâm (Thanh Văn); *Bảo qua cổng chùa* của Thích Mãn Giác (TT Phật-giáo VN); *Khi những lưu dân trở lại* của Nguyễn Văn Xuân (Văn-nghệ); *Văn-học Việt-nam dưới chế-độ cộng-sản 1945—1985* của Nguyễn

Hung Quốc (Văn-nghệ); *Người Việt tại Đông Âu và vấn đề Việt Nam* của Phạm Quốc Bảo (Người Việt); *Vài chú giải về thiền đốn ngộ* của Phan Tấn Hải (Văn-nghệ); *Lịch-sử cuộc nội-chiến ở Việt-nam* của Tạ Chí Đại Trường (An Tiêm); *Từ chốn lưu đày* của Hoàng Nguyên Nhuận (An Tiêm); *Language in Vietnamese Society* của GS Nguyễn Đình Hoà (Asia Books); *Phòng ngừa bệnh tật để vui sống* của BS Nguyễn Đại Bằng, DS Đặng Quốc Cơ và NS Nguyễn Nhật Thăng (Ban tổ-chức Đại-hội Y-giới kỳ 3, Paris);

Tại Đức, có *Võ cổ-truyền Việt-nam* của Lạc Hà (Lê Vũ, Đức); *Bước đầu nhiếp-danh* của Nguyễn Cao Đàm (Việt Bằng, Đức).

Về sách dịch, có *Những bước thăng trầm*, Phạm Kim Khánh dịch từ *Eight Worldly Conditions* của Nārada Maha Thera, chùa Phật Tổ Thích-ca xuất-bản tại Thụy-sĩ; *Nhục bờ đoàn* của Lý Ngự, Vũ Huy Quang dịch (Xuân Thu); *Hoa sen trên tuyết* của Nguyễn Phong (Văn-

xuân khách địa

Chiến sĩ xuân khách địa
Mộng quy, đồng nhất tâm
Kỳ phi, ái nhật chiếu
Quân xuất, thành dạ thâm
Khải ca, hoa nhung phục
Đề thi, bút khí tân
Bộ bộ hành khởi nhạc
Không, địa ngạo phong trần.

cao tiêu

xuân
khách địa

chiến sĩ xuân khách địa
mơ về đất nước
nhớ băng khương
nhớ ai cớ bao
trước, nắng
nhớ đông quầng
tôi, âm thầm
nhớ khi tháng trắn
hoa chơang
nhớ lúc để thơ
nét bút gần
nhớ bước diên hành
kên trầy nhíp
Trên không diên
ngạo phong trần.
cao tiêu

春 客 地

戰 夢 旗 軍 啟 題 步 空
春 同 隘 城 花 筆 行 教
客 一 日 夜 戎 氣 起 風 高
地 心 照 深 服 新 樂 塵 簫

nghe).

SAO MỚI MỘC

Nếu năm 1985 là năm được mùa văn-chương của các cây bút thuộc phái yếu thì 1991 là năm chói sáng của các ngôi sao mới phái khoẻ.

Vào làng sớm nhất, và cũng đang được chú ý nhiều nhất, là Trường-sơn Lê Xuân Nhị. Với 42 tuổi đời, 5 tuổi viết, Lê Xuân Nhị chỉ cộng-tác với *Làng Văn*, đã đoạt giải nhì *Văn-Học Nghệ Thuật Làng Văn 1990* về môn truyện ngắn, và hiện có ba tác phẩm xuất bản: *Đất khách trời quê*, *Al Capone I* và *Al Capone II*.

Trước 1975, Lê Xuân Nhị là phi-công Phi-đoàn 114. Ông di-tản năm 1975, nghề tay phải là chuyên-viên bảo-trì máy điện-toán, hiện sống cùng vợ và con gái tại tiểu-bang Louisiana, Hoa-kỳ.

Lê Xuân Nhị tính phóng-khoáng, bộc-trực, không thích sống câu-thúc. Văn-phong của ông đầy hào-khí của một ngòi bút lúc nào cũng muốn đột phá, vươn lên trong bầu trời tự-do. Ông có sự cân-nhắc, tính-toán, nhưng là sự cân-nhắc tính-toán của một bộ óc thông-minh, đứng trước quyết-định lựa-chọn một lộ-trình ngắn nhất, tiện-nghỉ và an-toàn nhất của một lữ-khách, một chiến-binh.

Truyện của ông nhộn, đầy những phá-phách dễ thương. Nhân-vật của ông đóng rất tròn vai, sống động và ngang-tàng. Phía sau sự nồng-nhiệt, ngang-tàng là cuộc sống nội tâm sâu thẳm của tác-giả. Nói là sâu thẳm, vì nó không dễ khai mở, lộ diện. Lê Xuân Nhị không đưa ra một tư-tưởng nào mới, ông chỉ trình-bày một cách sống: chấp-nhận cuộc đời và toàn bộ những hệ lụy của nó. Ông đã thành-công vì sự dung-dị đó thích-hợp với nghệ-cảm của lớp độc-giả thời-đại điện-toán, khi mà cuộc sống là những chuỗi phạm-trù kết thành mắt xích hay trùng lặp lên nhau theo trật-tự và luận-lý của nó.

Trẻ hơn Lê Xuân Nhị một chút, là Ngọc Duy, 31 tuổi, một chuyên-

viên điện toán khác, cũng sống cùng gia-đình tại Hoa-kỳ, tiểu-bang North Carolina.

Ngọc Duy chỉ mới bắt đầu viết từ khi *Làng Văn* tổ-chức giải Văn-Học Nghệ-Thuật 1990. Những truyện ngắn đầu tay ấy của ông đã đoạt giải nhất và hai giải khuyến-khích. Được đà, Ngọc Duy hứng khởi viết luôn và thành-công. Lợi điểm của Ngọc Duy là viết rất dễ dàng, đề-tài nào cũng viết được và luôn luôn dẫn độc-giả đi đến tận đích.

Cũng như Lê Xuân Nhị, văn-chương Ngọc Duy có tính-cách hướng thượng, dù trong cảnh huống nào. Nếu ông tả một đêm đông-tổ đầy trời, thì thấp-thoáng phía sau đám cây-cối ngã-nghiêng vùi-dập ấy đã mở sẵn một chân trời quang tạnh. Nếu ông tả một tâm-trạng rối-bời, thì đó là sự rối bời tốt đỉnh báo trước một trạng-thái tĩnh lặng, chìm lắng sắp đến. Trong một nhân-vật cùng hung cực ác của ông cũng phảng-phất nhất điểm lương tri. Một hoàn-cảnh bi thương, chua-chát nhất, cũng vẫn là tấm gương xấu được mang ra cảnh-giác, răn đe cuộc đời. Thất-tình, đâm đầu vào xe lửa, nhảy xuống cầu Golden Gate, hay ôm súng tiểu-liên nhào vô ký-túc-xá nữ-sinh bắn xối-xả rồi quay súng tự tử? Không đâu. Nhân-vật của Ngọc Duy không sa-đọa tới mức đó. Thường thì họ chọn giải-pháp... lái xe chạy vòng vòng cho qua ngày giờ, rồi hẹn mai kia sẽ đi tu, một khi đã sống tới gần hết cuộc đời ô-trọc, tóc đã bạc, lưng đã còng...

Đó cũng là nhân sinh quan của tác-giả, của một người biết trân-trọng cả cuộc đời chứ không thiên-lệch về một góc nào. Ngọc Duy sẽ có chỗ của ông trên văn đàn Việt-nam.

Ngôi sao thứ ba là một người nữ, Nhật-Lệ (Trâm Lương), 27 tuổi, sinh-viên Nha-khoa ở tiểu-bang Florida, Hoa-kỳ. Cô đã bắt đầu viết từ vài năm trước, nhưng không có ý-định trở thành nhà văn. Viết đối với Nhật Lệ, là một cách soi gương

để nhìn lại sự hiện-diện của mình trong lòng cuộc đời. Văn-chương của Nhật Lệ vừa biểu-lộ cá-tính của một thiếu-nữ e-thẹn, vừa ôm-ấp hoài-bảo cải-tạo và xoay-chuyển cuộc đời, dẫn tới toàn thiện toàn mỹ. Mỗi truyện ngắn của Nhật Lệ xứng-đáng là một tác-phẩm, trình-bày sáng-sủa một vấn-đề thuộc lãnh-vực nội-tâm, xã-hội. Nhật Lệ không viết với mục-đích tiêu-khiển, hay giúp người khác tiêu-khiển, mà trao cho tác-phẩm cái sứ-mệnh truyền-đạt. Mỗi tác-phẩm của Nhật Lệ, từ đó, là một bức thông-diệp.

Ngôi sao thứ tư, là một y-sĩ 42 tuổi ở Gia-nã-đại, Đông Nghi. Khởi viết từ 1968, khi vượt biên sang Mĩ-lai năm 1988, ông đã bắt đầu đăng thơ và truyện trên *Làng Văn*.

Truyện của Đông Nghi có cá-tính gân-guốc, vạm-vỡ của một bức tranh xã-hội treo nặng những bết màu, sắc lẹm những đường dao. Thế-giới mà Đông Nghi chọn-lựa không phải là thế-giới văn-chương. Tác-phẩm của ông nặng tính hiện-thực xã-hội, ra đời với một đích nhắm rõ-rệt, đồng-dặc phát-biểu khát-vọng cao ngất của nhân-loại về một thứ tự-do tuyệt-đối. Cái đẹp của thế-giới Đông Nghi là cái đẹp hoang-dại của sơn dã, của bắp thịt săn chắc, của cánh cung cong vút và những mũi tên xé gió. Ít khi ông tiếp-cận đề-tài, mà biến đề-tài thành phương-tiện để đạt tới mục-tiêu đã vạch trước. Trong nội-tâm Đông Nghi có sức thúc-bách mãnh-liệt của lý-tưởng và đời sống, cái đẹp mà ông chiêm-ngưỡng là cái đẹp đạt đạo, nghĩa là cái đẹp có điều-kiện. Với phong-cách ấy, Đông Nghi không đi vào văn-chương qua cánh cửa văn-chương. Thành-tựu của ông do đó, có giá-trị xã-hội và tư-tưởng.

Trên đây là lớp người mới đã có những đóng-góp rõ nét nhất trong mười hai tháng qua. Thực sự trên bầu trời văn-chương Việt-nam ở hải-ngoại còn giàu-có và phong-phú hơn nhiều. Có nhiều bạn đã lên đường từ lâu. Có những người vừa

cất bước. Tiến-trình của họ sẽ được đánh dấu trong những ngày tháng kế, bằng những ghi nhận tỉ-mỉ và trang-trọng hơn...

NHỮNG ĐỘT-BIẾN VĂN CHƯƠNG CHÍNH TRỊ

Văn-chương và đời sống là hai thứ khó thể tách rời. Nó gắn liền làm một, cái này do cái kia sinh ra, và ngược lại; cái này ảnh-hưởng tới cái kia, và chịu ảnh-hưởng ngược lại. Văn-chương viễn-mơ, cũng gắn liền với thực-tại: thực-tại viễn-mơ. Trong nửa năm trở lại đây, ranh-giới giữa thực-tại và viễn-mơ bị xóa nhòa. Mọi trái tim lơ-lửng đều đáp xuống mặt đất, và cùng ngoảnh về một hướng: quê nhà. Nhưng cũng từ đó, nảy một tâm-trạng mâu-thuẫn với thực-tại: tâm-trạng viễn-mơ!

Người mang tâm-trạng viễn-mơ đáng yêu nhưng không thực-tế. Con đường dẫn tới quê nhà, trong trí tưởng của họ, chỉ bay lượn những bướm những hoa, giản-dị như sang một chuyến đò, như bước lên phi-cơ du-lịch, phiêu-diêu giữa sông nước mây trời một lúc rồi hạ xuống phàm trần nắng ấm gió thơm.

Thực-tế không phải vậy. Những người ở quê nhà không hướng lên không-trung, ngưỡng-vọng những thiên-thần áo gấm từ từ hạ cánh bước xuống vung-vãi tiền bạc mua vui, mua đức rồi thần-nhiên quay lưng, cất bước, để lại những dấu chân vô-tri trên con đường bụi-bặm. Họ không cần phải nhìn thấy biểu-tượng của phồn-vinh mới thấu hiểu giá-trị của phồn-vinh. Hơn nữa, niềm khao-khát của con người không thấp-kém ở chỗ chỉ cần ăn ngon, mặc đẹp mà đủ. Cái giá-trị cao nhất của những người áo gấm kia chính là bầu trời tự-do mà họ ung-dung đi về. Cái bầu trời mà những kẻ khốn-cùng dưới đáy địa-ngục chỉ thèm-thường nhìn ngắm mà không bao giờ được thụ hưởng; kẻ áo gấm lại không có quyền, và cũng không đủ khả-năng, ban phát...

Nền văn-chương hải-ngoại từ đó phân ra hai nhánh, văn-chương áo gấm và văn-chương áo vải. Những người áo gấm cao giọng biện-hộ cho thái-độ chính-trị, che giấu mặc-cảm tội-lỗi của họ bằng cách tự khoác lên người một bộ áo cứu rỗi, tự xem là một loại sứ-giả có nhiệm-vụ trình-diễn sang giàu cho những người đói-khổ xem, và gọi đó là đi vào thực-tế để gom-góp chất liệu viết văn!

Cũng chính những người áo gấm là những kẻ to mồm hơn ai hết hô-hào giao-lưu văn-hóa với ác-quỉ, và giao-lưu bằng cách chuyển quỹ thư ra, nhưng chẹn cứng mọi cánh cửa, không cho sách vở của loài người lọt vào. Có người hô-hào 'hãy ngưng chống Cộng', vì 'Quốc Cộng cùng có lỗi', và 'chống Cộng sẽ gặp rắc-rối với FBI'. Có những nhà trí-thức xả thân bênh-vực đảng viên cộng-sản, và uốn gối trước những điệp-viên tuyên-vận Bùi Tín, Phan Đình Diệu. Những cuốn quỹ thư mật-sát kẻ bại trận được chuyển ra ngoài in (như *Kẻ chạy lại* của Trần Mạnh Hảo, *Tiểu-thuyết vô-đề* của Dương Thu Hương). Có những kẻ cuống-cuống đập bừa trên cây đồng đội để chồm tới bắt tay với kẻ thù. Và cũng chính họ văt óc viết dăm thư đầu độc tuổi trẻ (*Qua khe hở*), đồng-thời bôi dơ vào sinh-hoạt chữ nghĩa hải-ngoại, giúp những kẻ có chức quyền trong nước có cơ sĩ-nhục tập-thể quốc-gia. Họ gọi đó là "hợp-lưu." Hợp-lưu giữa hai dòng: máu tanh và uế-vật...

Có người nghĩ rằng, chức quyền Hà-nội đã thành-công trong âm-mưu phân-hóa văn-giới hải-ngoại, khi đánh ra độc chiêu *giao-lưu văn-hóa* (vụ văn-ngệ phản-kháng quốc-doanh) và *đối-lập chính-trị* (vụ Bùi Tín trá hàng). Điều này đúng, nhưng chưa đủ. Hà-nội thành-công trong mưu-mô chia-rẽ, nhưng phần lợi nghiêng về phía người Việt hải-ngoại. Cũng như sau chiến-cuộc Mậu Thân, mọi chiếc mặt nạ đã rơi, mọi xu-hướng chính-trị đã lộ, sự thật bày tỏ trần-

trụi và tên-tò. Mọi người tự dán nhãn, đội mũ cho mình, xếp vào hàng lối rõ-rệt; chính-trị cũng như văn-chương. Đột biến ấy lợi nhiều hơn hại. Cộng-đồng có dịp nhận-diện rõ từng người, vàng thau không còn lẫn-lộn nữa!

THOÁT CUIL, NHUNG CHUA SỐ LÔNG

Cuối năm 1991, để dọn đường bang-giao với Mỹ, CSVN buộc lòng phải thả các nhà văn Doãn Quốc Sỹ và thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện. Hà-nội cũng cho biết đã "thả" Dương Thu Hương sau mấy tháng giam-cầm về tội "chống chế-độ." Tình-trạng sức-khỏe của Doãn Quốc Sỹ sút-kém nhiều so với ngày mới bị bắt; Nguyễn Chí Thiện thì một mắt mù, mắt còn lại chỉ trông thấy lơ-mờ, chỉ có Dương Thu Hương béo tốt hơn xưa.

Hiện-tại, Hà-nội còn giam cầm các thi-sĩ Mai Trung Tĩnh, Vương Đức Lệ, Tô Thùy Yên và một số văn-ngệ-sĩ khác, cùng BS Nguyễn Đan Quế trong Cao-trào Nhân-bản (bị kêu án 20 năm khổ-sai, 5 năm quản-chế).

Lúc Dương Thu Hương "bị bắt", người ta đếm thấy hơn 100 chữ ký của các nhà văn, nhà thơ, trí-thức hải-ngoại ký tên can-thiệp. Riêng trường-hợp các nhà thơ Vương Đức Lệ, Mai Trung Tĩnh, Tô Thùy Yên, cho tới nay chưa thấy 100 vị kia thò bút ký tên kêu ca gì. Phải chăng ba nhà thơ này không phải là văn-ngệ-sĩ? Hay chính họ là đảng-viên cộng-sản, vào tù theo lệnh Đảng?

VÀI CHUYỆN CẦN GHI

Trong năm 1991, ký-giả Nguyễn Ang Ca qua đời tại Bỉ. Ông là khuôn mặt quen-thuộc trong giới ký-giả thể-thao, được anh em quý mến. Khi ra hải-ngoại, ông viết cho nhiều báo và hoạt-động trong ban chấp-hành Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại tại Âu-châu.

Tại Pháp, cánh cộng-sản Đoàn-kết xúi nhà xuất-bản *Des Femmes* (Phụ-nữ) kiện báo *Quê mẹ* về tội in

cuốn *Khải-hoàn-môn* của nhà văn CSVN Dương Thu Hương mà nhà *Des Femmes* giữ bản quyền bản dịch. Tòa cấm báo *Quê mẹ* phát hành cuốn sách và không được dùng tên tuổi DTH để quảng-cáo báo. Cuốn *Khải-hoàn-môn* thực ra đã được Thụy Khuê (nhóm Thông Luận) in tại Hoa-kỳ, đứng tên nhà xuất-bản Văn-Nghệ. Thụy Khuê là con thoi liên-lạc giữa hai nhóm Đoàn Kết và Thông Luận tại Pháp, và đó là lý-do tại sao *Des Femmes* chỉ kiện *Quê mẹ* mà không kiện Văn-Nghệ, dù hai nhà in cùng một tác-phẩm (chỉ đổi tựa).

Tại Úc, báo *Nhân Quyền* của luật-sư Hồ Công Lộ bị Nguyễn Sang, một viên thị-trưởng người Việt tại Richmond (tiểu-bang Victoria) kiện, nại lý-do tờ báo đã đăng tải thông-cáo của Cộng-Đồng Người Việt Tự-Do tại thủ-đô nước Úc. Nội-dung bản thông-cáo chỉ-trích thị-trưởng Nguyễn Sang đã tới đọc diễn-văn chúc mừng một hội-nghị vận-động viện-trợ cho VC, do tả phái Úc tổ-chức, mời hai giáo-sư VC sang nói chuyện.

Tại Hoa-kỳ, tòa án quận Cam xử ký-giả Duy Sinh và BS Nguyễn Đức An liên-đới bồi-thường cho BS Nguyễn Xuân Quang về thiệt hại dân-sự, do sự khiêu-tố của ông Nguyễn Xuân Quang về vụ báo *Việt-nam tự-do* phỉ-báng ông. Nội-vụ đang trình tòa trên.

Nhà văn Duyên Anh đã bình-phục sau vụ hành-hung tại quận Cam, đã sang sống tại Texas với con trai. Ông ra tờ báo cười *Con Cò* được vài số thì đóng cửa. Duyên Anh tiếp-tục viết cho tờ *Ngày nay* của ông Lê Hồng Long ở Kansas, và một tờ tuần-báo xuất-bản tại Nam Cali.

Tại Texas, Nguyễn Vũ sau khi đóng cửa tờ *Lên đường*, đã ra tờ báo biểu *Quốc dân* với mục-đích thanh-toán hận-thù. Nguyễn Vũ là người chủ-trương chủ-trương nhà xuất-bản Đa Nguyên, chuyên in sách VC. Tờ *Quốc dân* thoát đầu ngả theo nhóm Thông Luận; và Nguyễn Vũ (ký tên là Nam Nhân)

xuân sớm mai

*Buổi sớm mai xuân đẹp tuyệt vời
Ráng hồng óng ả gái hai mươi
Chợt nghe luồng-rạt-rào trong đất
Thoáng gặp niềm-phơ-phất giữa trời
Có phải hừng đông lên cặp má
Hay là xanh thắm xuống đôi người
Đào hoa tương ánh cùng nhân diện
Thơ tự nhân gian hé nụ cười.*

vi khuê

tảo thần xuân

*Tảo thần xuân diễm sắc vô đương
Hồng vụ huy ly nhị-thập-nương
Hốt thính mang mang phong thổ nội
Thả phùng phất phất vận thiên phương
Khởi ma nhật hiếu huỳnh song kiếm
Hoặc giả thương thủy bích lưỡng dương
Đào đoá tương hồng nhơn diện đích
Thế gian thi tiểu hữu thiên chương.*

vi khuê

viết bài phỉ-báng tất cả mọi tổ-chức, nhân-sự quốc-gia. Ít lâu sau bị nhóm Thông Luận khước-từ, Nguyễn Vũ xoay ra chỉ-trích Thông Luận, nhưng vẫn tiếp-tục đả-kích người quốc-gia.

Tại Cali, nhóm Khánh Trường xuất bản tờ *Hợp lưu* với chủ trương rõ rệt: giao lưu văn hoá với CSVN. Với sự móc nối của Thụy Khuê, Khánh Trường đã ra mắt báo và bày tranh tại Nhà Việt Nam, cơ sở văn hoá của CS tại Paris. Tuy nói là "giao lưu", nhưng thực sự nhóm này chỉ mới mở một chiều ra, dẫn đường cho sách báo CS xâm nhập hải ngoại.

Tại Massachusetts, chủ bút tờ *Dân-chủ mới* là Hồ Công Tâm bị quân khủng-bố CS dọa giết vì viết

桃 豈 忽 早
朵 磨 聽 晨
相 日 茫 春
紅 曉 茫 艷
人 熒 封 邑
面 雙 土 無
的 臉 肉 當

早春

世 或 乍 紅
間 者 逢 羽
詩 蒼 蒨 暉
笑 垂 蒨 離
有 碧 運 二
千 兩 天 十
章 畔 方 娘

bài chống chiêu-bài "hòa giải hòa hợp dân-tộc" do Hà-nội đề ra. Ông Tâm khẳng-định: thà chết, không từ bỏ lập-trường chống Cộng.

Bên miền tây Hoa-kỳ, Thế Uyên và *Việt Nam thời báo* bị 19 hội đoàn ra tuyên-cáo tẩy-chay vì đã viết bài vũ nhục quân dân VNCH, kêu-gọi ngưng chống Cộng, cổ động bang giao Mỹ-VC và đầu tư kinh tế vào Việt Nam.

Trên đây là những mẫu ghi nhận không vui: người chết, báo chết, kiện-cáo, lăng-mạ, tư-thông với kẻ thù, v.v. Tin vui trong năm 1991 thưa-thớt hơn nhiều.

Trước hết, nhà thơ Hà Thượng Nhân, tức cựu trung-tá Phạm Xuân Ninh, 65 tuổi, đã sang Hoa-kỳ

đoàn-tụ với các con ở San Jose.

Học-giả Thái Văn Kiểm, tiến-sĩ văn-chương Pháp được bầu vào viện Hàn-lâm Khoa-học Hải-ngoại của Pháp.

Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại họp đại-hội tại Toronto. Liên danh duy nhất do nhà văn Trang Châu thụ ủy đắc-cử ban chấp-hành nhiệm-kỳ 91—93.

Nhà nhạc-học Trần Quang Hải đoạt giải *Grand Prix* của Gia-nã-đại. Bạch Yến và Quang Hải đã sang Montréal lãnh giải và ra mắt cộng-đồng.

Thi-sĩ Xuân Tước được Tổ-chức Thế-giới Thi-ca của Mỹ trao tặng danh-hiệu *The Golden Poet* (thi-sĩ vàng).

NHÌN VỀ CHÂN TRỜI NHÂM THÂM 1992

Trong những điều-kiện và chiều hướng sinh-hoạt hiện-tại, chúng ta có thể kỳ-vọng gì vào sinh-hoạt văn-nghệ hải-ngoại trong mười hai tháng tới?

Sự tranh-chấp về quan-điểm chính-trị trong văn-giới sẽ lắng xuống, cơn mưa Bùi Tín & Dương Thu Hương đã giúp gột rửa lớp sơn hồ, phơi bày mặt thực của tuồng tích dân-chủ. Lá bài đối-lập chính-trị và văn-nghệ phản-kháng đã vạt ra chiếu. Vị-trí của xu-hướng văn-học ở hải-ngoại đã lộ. Cơn bụi mù lắng xuống. Sự va-chạm quan-điểm chính-trị và văn-nghệ, cuối cùng chỉ còn thuần sự xung-khắc

giữa hai khối: quyền-lực độc-tài (cộng-sản) và các tầng-lớp nhân-dân đấu-tranh cho tự-do dân-chủ trong và ngoài nước (không chấp-nhận cộng-sản).

Năm 1992 phải là năm đấu-tranh giải cứu toàn bộ tù-nhân chính-trị trong nước, trong đó còn có hàng chục người cầm bút, như Mai Trung Tĩnh, Vương Đức Lệ, Tô Thùy Yên, Trí Siêu, Tuệ Sỹ, v.v.

Năm 1992 còn là năm mà chúng ta phải tỉnh-táo theo sát tình-hình sinh-hoạt văn-nghệ của đối-phương trong và ngoài nước, nếu muốn rút ngắn giai-đoạn tranh-thủ tự-do dân-tộc, sớm mang lại thịnh-vượng, ấm no cho đồng-bào.

Tại hải-ngoại trong năm nay, ngành xuất-bản chắc-chắn tiến xa hơn, với số ấn-phẩm mới sẽ tăng ít nhất 150% so với năm vừa qua. Văn-nghệ-sĩ hải-ngoại cần nỗ-lực hơn bao giờ hết để bù đắp sự suy-sụp văn-nghệ trong nước do hậu-quả của quan-niệm văn-nghệ chỉ-huy. Chúng ta có một nền văn-học tự-do gần như tuyệt-đối, cần phải phát-huy hết sức tiềm-lực của nó để tiến tới hoàn thiện ngõ hầu mai kia mang về đóng-góp với dân-tộc. *Nhâm* và *Quý* là hai đơn vị cuối cùng trong thập can, biểu tỏ sự cường-thịnh và quật-khởi. Sự tích-tụ tiềm-lực của một ngàn văn-nghệ-sĩ hải-ngoại trong mười bảy năm qua, đã đến lúc phải triển khai toàn bộ để đóng-góp vào sự nghiệp chung... □

thơ vân nương

xuân khai

Tuyết phủ mênh mông trắng mái ngoài
Thấy mình ngơ ngác giữa xuân khai!
Hỏi đâu một khoảng trời xuân cũ
Nắng ấm vàng theo những cánh mai.

xuân nhớ

Xuân về hỏi gió phương xa
Gió xuân có ghé thăm nhà bạn tôi?
Nắng xuân vẫn rọi mái hời?
Bạn thường hong tóc hay ngồi làm thơ.



Dân Việt Nam đầu năm thường sợ giông. Ngày Tết ai cũng kiêng nói đến khỉ, vì khỉ thường đi đôi với những danh từ để chửi rủa như tầu, nồm, ngòm, khỉ khộm.v.v... Khỉ hiểu động, hay nhẩn nhẩn nhỏ nhỏ nên không được dân ta ưa. Mất khỉ nhìn hau háu nên còn có câu "hau háu như khỉ dòm nhà".

Ấy thế mà đầu năm anh nhận được một bức thiệp vẽ hình con khỉ treo cây, khều một cái túi, trên cây có tổ ong (tranh 1). Anh ngắm nghía rồi suy nghĩ: Không lý họ bảo mình:

Mừng chúc rằng anh giống như khỉ

Con nồm tinh ranh chỉ thích treo.

Tục ngữ Việt Nam có câu: "Có phúc để con biết tội, có tội để con thích treo". À ra nó xỏ mình! Nó rủa mình là con tầu, nghiệp báo tội tình cứ phải leo treo. Mà cái tổ ong trong thiệp chắc phải mang ý nghĩa độc địa gì đây. Ong bay ra đốt thì ngã dập xương!

Tàn lá sum sê ong một tổ

Ong đốt thì người phải té nhào!

Ái chà, ý nó bảo mình treo cao thì ngã đau đây mà!

Chưa hết, một người khác lại cho anh tấm thiệp hai con khỉ cồng nhau. Sính thơ và hay suy diễn như anh, anh có thể cho rằng cái thông điệp của bức vẽ chỉ là xỏ xiên thôi:

Chúc mừng gia đình anh

Khỉ cha cồng khỉ con

Khỉ con cưỡi khỉ cha

Sắc mặt đỏ hơn hồng.

Kỳ thực hai tấm thiệp trên hàm một ý chúc tụng rất trịnh trọng của người Tàu. Thông điệp chúc không diễn tả bằng lời, mà bằng những hình vẽ. Đó là một hình thức mà tôi xin tạm gọi là *họa từ chúc*.

Họa từ chúc chỉ đặc biệt có trong nền văn hoá Trung Hoa vốn chú trọng đến tinh thần biểu tượng. Tinh thần biểu tượng thì dân tộc nào trên thế giới cũng có, chẳng hạn lá cờ là biểu tượng cho một nước. Cờ Mỹ có 50 ngôi sao tượng trưng cho 50 tiểu bang, 13 vạch tượng trưng cho 13 vùng đất ngày

Họa Từ Chúc

Lê Văn Lân

xưa là thuộc địa Anh đã vùng lên đòi độc lập. Triết gia Thụy Sĩ Carl J. Jung cho rằng biểu tượng đóng vai trò tác động tâm lý rất quan trọng. Chẳng hạn như hình Thánh giá của Thiên Chúa giáo, chữ Vạn của Phật giáo, bức tượng Tam Đa hoặc những lá bùa... Riêng tinh thần biểu tượng của dân tộc Trung Hoa sâu đậm và đặc thù hơn cả. Nó bao phủ hầu như khắp các địa hạt của văn hoá Trung Hoa, từ văn tự, nghệ thuật đến tư tưởng triết lý.

Một biểu tượng là một sự vật, một hình ảnh... đôi khi là một âm thanh, một màu sắc mà con người dùng để gói ghém những ý tưởng xúc tích, cô đọng, không thể diễn tả trong một câu nói ngắn. Vì ngôn bất tận ý nên ngôn ngữ biểu tượng được sử dụng trong rất nhiều trường hợp của đời sống. Từ tổ tình qua viên ngọc:

*Quân tri thiếp hữu phu
Tận thiếp song minh châu
Cảm quân triền miên ý
Hệ tại hồng la nhu.
Đến nọ hôn tiền biệt:
Tiền em về xứ mẹ,
Anh nói bằng... tiếng hôn.*

Hai bức thiếp vẽ khỉ trèo cây và khỉ cõng khỉ là một ví dụ điển hình về tinh thần biểu tượng của Trung Hoa.

Thiếp (1) ngụ ý chúc thăng quan tiến chức: Con khỉ (chữ nho gọi là *hầu*) leo lên cây phong có tổ ong (chữ nho cũng là *phong*), khều tay với túi vải đựng ấn triện, tượng trưng cho chức tước ngày xưa. Cây phong 楓 và con ong 蜂 (phong) đồng âm với chữ *phong*



封 nghĩa là *phong chức, phong phú*. Cả tấm thiếp là câu chúc: “*phong hầu phong ấn*”.



Thiếp (2): Khỉ cõng khỉ. Khỉ có nghĩa là *tước hầu*, cõng là *bối* 背 (*bối* là cái lưng, kê lưng mà cõng

cũng là *bối*) Nhưng chữ *bối* 背 đồng âm dị nghĩa có nghĩa là *lũ, bạn, lớp người sau, thế hệ*. Âm *bối* còn có thể đọc như âm *bội* 倍 có nghĩa là *nhân gấp lên* (*bội phần*). *Bội bội* là càng nhiều thêm. Thành ra bức thiếp này diễn tả cái ý “*bối bối phong hầu*”: mỗi thế hệ cha, con, cháu, chất đều được quyền cao chức trọng; hoặc “*bội bội phong hầu*”: thăng quan tiến chức ngày càng gấp bội.

Hầu là khỉ 猴 và hầu chỉ tước hầu 侯 đồng âm dị nghĩa, nhưng trong câu chúc, người ta dụng ý chơi chữ, chỉ lấy cái âm để ngụ ý. Người Việt miền Nam ta cũng có thói ấy, như vào ngày Tết thường chưng trên bàn thờ các trái cây: mận cầu, dừa, đu đủ, xoài mang nghĩa: “*cầu vừa đủ xài*”.

Đọc văn thơ cổ của Việt Nam và Trung Hoa, ta thấy tinh thần biểu tượng thấm nhuần trong tứ thơ qua hình ảnh, từ ngữ. Chẳng hạn để mô tả bốn mùa, *Chinh phụ ngâm* có đoạn:

*Thuở lâm hành oanh chưa bén liễu
Hỏi ngày về ước nẻo quỳên ca
Nay quỳên đã giục oanh già
Ý nhì lại gáy trước nhà lú lo.*

*Thuở dâng đồ mai chưa dạn gió
Hỏi ngày về chỉ độ đào bông
Nay đào đã quỳên gió đông
Phù dung lại rũ bên sông bơ thờ.*

Sắc đẹp của phụ nữ được mô tả trong tinh thần biểu tượng như sau:

*Hoa cười ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da
hay:*

*Làn thu thủy, nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.*

Chuyện tình dục thường dễ bị coi là thô tục nếu dùng lời lẽ nôm na tả chân. Nhưng nếu dùng biểu tượng từ thì sẽ trở nên thanh nhã, nhẹ nhàng:

*Gương nga thấp thoáng bên màn
Cỏ cây cũng muốn nổi tình mây mưa.*

hay: Tiếc thay một đoá trà mi,

*Con ong đã tỏ đường đi lối về
Một cơn mưa gió nặng nề
Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến
hương.*

Trở lại với những tấm thiệp chúc (hoạ từ chúc) của Trung Hoa, trước hết hãy tìm hiểu xem thiệp *phúc* là gì.

Viết với bộ cân 𠂔, thiệp ngày xưa là những tấm lụa nhỏ, trên viết những dòng chữ đẹp, về sau mới viết trên giấy. Người ta dùng thiệp để viết tên mình thì gọi là *danh thiệp* hay *giản thiệp*. Còn phủ đệ nhà quan dùng thiệp thì gọi là *phủ thiệp*.

Một điều thú vị ít ai bây giờ để ý, là người ngày xưa thanh nhã lắm. Đi đến đâu, kể cả chốn thanh lâu, bình khang, họ cũng dùng danh thiệp cẩn thận. Bằng chứng? Xin giở *Kiều* ra mà xem! Anh chàng *play boy* Thúc Sinh lần đầu đến với Thúy Kiều đã dùng danh thiệp để tự giới thiệu:

*Hoa khôi mộ tiếng Kiều nhi
Thiệp hồng tìm đến hương khuê
gởi vào.*

Cả đến con người anh hùng cao bồi Từ Hải ngang tàng hết mực mà đến chốn Bình Khang cũng sử dụng “cạc vi-dít” ngon lành như bọn văn nhân:

*Thiệp danh đưa tới lầu hồng
Hai bên cùng liếc, hai lòng cùng
ưa.*

Tấm thiệp ngày xưa thường được trang hoàng lộng lẫy bằng cách dùng bột kim nhũ thoa lên, do đó gọi là *nê kim thiệp tử*. (*Nê kim*: vàng nghiền ra bột).

Thiệp chúc Tết là *xuân thiệp*. Về sau, đơn từ dâng đến cửa quan cũng gọi là thiệp:

*Hoàn lương một thiệp thân vào
của công.*

Vương Hi Chi đời Tấn chữ viết rất đẹp. Bài tựa tập thơ của ông viết ở Lan Đình được đời sau truyền làm chữ kiểu mẫu gọi là thiệp Lan Đình. Do đó, ngày xưa đi học chữ nho, viết đồ chữ mẫu gọi là viết thiệp.

Thiệp hoạ từ chúc là một hình thức chơi văn giỡn chữ qua sự vận

dụng linh động của:

- * Mắt thấy hình vẽ (hình);
- * Tai nghe âm thanh (thanh);
- * Suy diễn để hiểu thâm ý (ý).

Chủ đích của thiệp hoạ từ là tạo thành một câu đối bằng tranh, thách thức sự đoán hiểu của người nhận.

Qua tấm thiệp *Trùng phúc*, người gửi thiệp vận dụng qua một quá trình sau:

- Cấu ý: Chúc hạnh phúc
- Vận thanh: Dùng một chữ đồng âm với *phúc* để làm âm thanh.
- Dụng hình: Vẽ hình con dơi cũng có âm là *phúc*.

Người nhận thiệp đi ngược lại quá trình trên:

- Kiến hình: xem bức hoạ con dơi.
- Độc thanh: đọc để nghe cái âm: *phúc*
- Diễn ý: suy ra cái thâm ý chúc tụng hạnh phúc.

Về phương diện cấu trúc ngôn ngữ, thiệp hoạ từ là một câu nói (cú) gồm nhiều chữ (từ) tạo thành. Vậy muốn hiểu một câu, người đọc phải hiểu những từ ngữ cấu tạo. Ở đây tôi xin mạo muội đem tinh thần phân tích cấu trúc của Tây phương để tạm tìm hiểu khía cạnh khúc mắc, tế nhị về âm ngữ của một ngôn ngữ Đông phương: tiếng Trung Hoa.

Thông thường, người nhận thiệp chúc phải đoán cái *chủ ý* của bức thiệp. Do cái chủ ý này sẽ đoán được *chủ ngữ* của câu chúc ẩn dấu dưới một *chủ hình*. Bên cạnh cái chủ ý, bức thiệp còn mang nhiều *phụ ý* diễn tả bằng những *phụ ngữ* biểu lộ dưới những *phụ hình* để tăng cường cho chủ ý.

Ví dụ: trong tấm thiệp (1), chủ ý là chúc *quan tước*; chủ ngữ là chữ *hầu*, chữ *ấn*; chủ hình là *con khỉ*, *cái triện*. Phụ ý là *cây phong* và *tổ ong* (*phong*). Thành ra hình vẽ được đọc là “Phong hầu phong ấn”.

Thông thường, chủ ý của các tấm thiệp chúc được diễn tả bằng một hay nhiều hình vẽ biểu tượng khá phổ thông, nhìn vào có thể đoán được chủ ý ngay. Sau đây là những ví dụ sắp theo ý niệm của bộ số:

* Bộ một: Hình con chim ưng đứng trên một tảng đá: anh hùng độc lập.

* Bộ đôi: Hình uyên ương, loan phụng, cầm sắt: ý niệm lứa đôi. Tùng hạc, tùng bách, cù mộc, quế hoè, mai hạc....

* Bộ ba: Tam đa (phúc lộc thọ).

* Bộ tư: Tứ quý hoa: mai lan cúc trúc. Tứ linh vật: Long lân qui phụng.

* Bộ năm: Ngũ phúc, ngũ sắc vân di.

* Bộ tám: Bát tiên.

* Bộ chín: Cửu long.

* Bộ trăm: Lựu quả: trái trăm hột, sinh nhiều con. Cây bá

* Bộ vạn: Chữ *vạn* (hình 5 con dơi, 5 chữ *vạn*) nghĩa là *năm vạn điều phúc*.

Nhưng rất nhiều khi người gửi thiệp muốn tạo sự phức tạp hơn bằng cách dùng nhiều hình vẽ khác loại bộ để phối hợp nên một câu chúc. Trong câu chúc này, chủ ngữ đi cùng với nhiều phụ ngữ. Nguyên tắc căn bản là dùng những chữ đồng âm để biểu ý. Tiếng Trung Hoa là ngôn ngữ đơn âm nên có rất nhiều chữ đồng âm dị nghĩa. Chẳng hạn như *lộc* có nghĩa là lợi lộc mà cũng là con nai. *Phúc* là hạnh phúc, cũng là con dơi. *Đường* có nhiều nghĩa: nhà, ao nước, hoa hải đường.v.v..

Về cách chơi chữ đồng âm, có lẽ quý độc giả đã từng nghe giai thoại về sự đối đáp giữa hai ông quan: quan võ và quan thị (thái giám). Quan thị công kích quan võ: “*Vũ cật mạnh, vũ ra vũ múa, vũ gặp mưa nên vũ ướt lông*”. Quan võ bèn đáp lễ: “*Thị vào châu, thị trông thị thấy, thị muốn ấy thị không có cật*”.

Cái rắc rối là trong tiếng Tàu, một ngữ âm có thể có nhiều thanh (dấu giọng). Âm *Phu* có thể biến chuyển theo bốn thanh: *Phu*(âm), *phủ* (dương), *phù* (thượng), *phú* (khứ).

Tiếng Việt cũng là ngôn ngữ đơn âm có tám thanh. Cách đối chữ Việt Nam đôi khi khó đoán nếu không rành cách phát âm của từng địa

phương. Thí dụ trong câu đố: *Tình trong như đã mặt ngoài còn e*, (xuất rau củ). Câu đáp: rau muống(g). Hoặc trong cách bày hoa quả ngày Tết: mận cầu (cầu), trái dừa (vừa), đu đủ (đủ), xoài (xài).

Cũng thế, trong các bức thiệp họa từ chúc của Trung Hoa, rất nhiều chữ đồng âm nếu đọc theo phát âm Quan Thoại sẽ khác hẳn các chữ đồng âm đọc theo lối Hán Việt. Chẳng hạn như: Chữ *ngư* (cá) đọc là "dúy", đồng âm với chữ *dư* (dư thừa), *ngọc* (viên ngọc). Nếu bức vẽ có hình bày cá vàng lội trong bồn nước (kim ngư mấn đường: cá vàng đầy ao) sẽ được diễn là *kim ngọc mấn đường* (vàng ngọc đầy nhà).

Hình đĩa bé một tay bế con cá chép (lý ngư), một tay cầm hoa sen (liên) tức là *liên lý ngư*, có thể diễn dịch là *liên lợi dư* (luôn có lợi đầy đủ, dư dả).

Sau đây là những chủ ý được biểu tượng bằng những chủ hình chia theo mục loại:

Chủ ý	Chủ hình
Phúc	con dơi (phúc)
Lộc	con hươu (lộc)
	con đường (lộ)
Quý	cây quế
Tiền	đồng tiền
Lợi	trái lê (lý), cá chép (lý ngư)
Quan tước	khỉ (hầu) chén rượu (tước) cái kích (đọc: cấp)
Nhà	hoa hải đường ao (cá)
Ngọc	cá (ngư)
An ổn	lộc bình con chim cút (am thuần, <i>am</i> đọc là <i>an</i> thêm âm Quan- thoại)
Thọ	trái phật-thủ
Vui vẻ	chim khách (hỉ thước)
Như ước muốn	ngọc như ý
Thi đậu	cây sậy (lô, chúc hồng lô)

Những chữ phụ ý biểu diễn bằng những phụ từ đóng vai động từ,

tĩnh từ, trạng từ rất nhiều, đại khái như:

Ý	Hình
Ý liên tục	hoa sen (liên)
Gia tăng	kèn trúc (đọc: <i>thăng</i>)
Dư dả	con cá (đọc là <i>dư</i>)
Ấy là	trái hồng, trái thị
Nhiều	màu đỏ (hồng, nghĩa là nhiều, như hồng thủy)
Mỗi mỗi (đều khắp)	hoa mai (<i>mai</i> đồng âm với <i>mỗi</i>)
Trước mắt,	lỗ đồng trinh (nhân tiền)
Tức khắc	cưỡi ngựa
Ý chúc tụng	tre (trúc)
Sớm sửa	trái táo (tảo)
Gấp bội	cống trên lưng (<i>bối</i> đọc là <i>bội</i>)
Cùng	ngô đồng
Hợp	cái hộp

Vài ví dụ về phối hợp chủ ý và phụ ý:

- Hai dơi nằm nhìn cái lỗ đồng tiền: Trùng phúc nhỡn tiền.

- Con khỉ cưỡi ngựa, tay cầm ấn, bày ong bay phía trên: Mã thượng phong hầu (mau được lên chức). Xin đừng đọc là "thượng mã phong hầu": con khỉ trúng gió.

- Nhánh táo và nhánh quế: tảo sinh quý tử (mau sinh con trai).

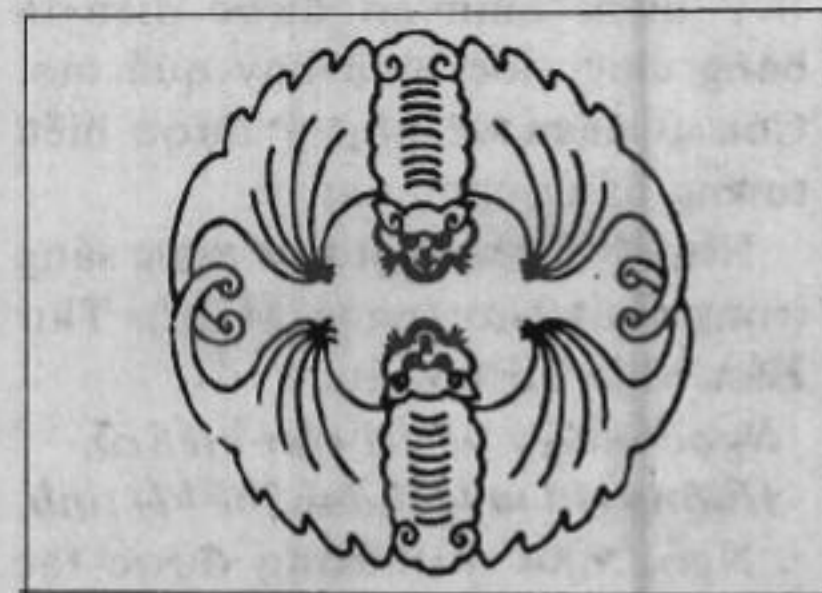
- Chim khách (hỉ thước) đậu nhánh ngô đồng: Đồng hỉ.

A. Chúc phúc:

Biểu tượng của hạnh phúc là con dơi, vì theo chữ nho, dơi gọi là *biển phúc*. Hình dơi thường được in trên bao giấy đỏ lì xì, ngụ ý *hồng phúc* (hồng vừa có nghĩa là đỏ, vừa có nghĩa to lớn). Hình hai con dơi đầu cánh đối đầu có nghĩa là *trùng phúc* (may mắn hai lần). Hình năm con dơi trên chữ thọ tượng trưng cho *ngũ phúc*: sống lâu, giàu có, tráng kiện, đức hậu, và chết già tự nhiên (không ốm đau). Dân Tàu tin rằng dơi sống đến ngàn năm, đậu trên cành đầu chúc xuống nên uống máu dơi... khỏi chóng mặt và sống lâu.

Một thiệp chúc phúc có thể là một bức viết 100 chữ phúc theo lối

cổ triện (bách phúc đồ); có thể vẽ hai đĩa trẻ bắt năm con dơi bỏ vào một cái lộc bình, ngụ ý: *bình an ngũ phúc tự thiên lai*; có thể vẽ ông Trọng Quĩ (một trong bát tiên) hươi kiếm lên để làm rơi một con dơi, ý: *Tiên giáng phúc*. Thiệp cũng có thể mang hình năm con dơi bay trong đám mây năm sắc (mây ngũ sắc là điềm thái bình thịnh trị), mang thông điệp: *Ngũ phúc vân trung*.



Trùng phúc



Ngũ phúc thọ



Bình an ngũ phúc tự thiên lai



Ngũ phúc vân trung

B. Chúc bình an như ý:

Ý niệm bình an được diễn tả bằng chiếc lộc bình hay quả táo. Còn ý niệm về như ý được biểu tượng bằng ngọc như ý.

Như ý là tên một thứ ngọc sáng trong thất bảo (ngọc Mani). Thơ Hàn Mặc Tử có câu:

*Ngọc như ý vô tri còn biết cả,
Hương chi ta là thánh thể kết tinh.*

Ngọc như ý thường được tạc thành hình hoa sen hay hình loại cỏ linh chi mà các đạo sĩ tu tiên thường ăn để trường sinh bất tử. Cây như ý có thể là cái hốt của các quan cầm ở tay, hay là cây gãi lưng.

Thiệp vẽ cái bình có cắm cây như ý ngụ ý chúc: *Bình an như ý*. Hình trái hồng với ngọc như ý mang nghĩa: *Thị như ý* (được mãn nguyện).

Còn ý niệm bình an được diễn tả bằng hình quả táo là do chữ *tần quả* đọc theo âm Bắc Kinh là ping guo. Những có điều ngộ nghĩnh là quả táo không được người Tàu dùng biểu người ốm đau vì đọc ra *âm bệnh*! Lại nữa, trái lê (xá lệ, sa lê) ở Tàu lúc ăn tiệc đoàn tụ, chỉ nên cẩn chứ không dùng dao cắt vì tạo ra ý niệm cắt lìa (ly cách).



Bình an như ý



Thị như ý

C. Chúc hỉ sự:

Vui vẻ (hoan hỉ) đồng âm với tên con chồn quí (hoan) và con chim khách (hỉ thước). Chim khách là loại báo tin vui, trong *Chinh phụ ngâm* có câu:

*Ngoài rèm thước chẳng mách tin
Trong rèm dường đã có đèn biết chăng.*

Chúc vui vẻ thì có hình con chồn và con chim khách, ngụ ý: *Hoan tại địa hạ, hỉ tự thiên lai*. Cũng có thể diễn tả bằng bức thiệp vẽ hai con chim khách với đồng tiền khắc chữ *thiên hạ thái bình*, ý: *Hỉ tại nhân tiền*. Báo tin vui, có tấm thiệp vẽ con báo và con chim khách: *Báo hỉ*. Điềm vui có thể biểu tượng bằng bức thiệp vẽ đứa trẻ tay cầm ngọc như ý cưỡi voi (ky tượng), nhưng ky tượng đọc theo âm Bắc kinh giống như *kiết tường* (diềm vui): *Kiết tường như ý*.

Nếu thiệp vẽ hình chim khách đậu trên cây ngô đồng thì hàm ý: *Đồng hỉ* (chung vui). Một điếm rất ngộ là con nhện (tri thù), ở vài vùng thuộc trung thổ Trung hoa, được đọc là xi mu (đồng âm với hỉ mẫu), nên được vẽ để tặng một người đi xa mới về (thường là con trai) khiến mẹ cha vui mừng tiếp đón.



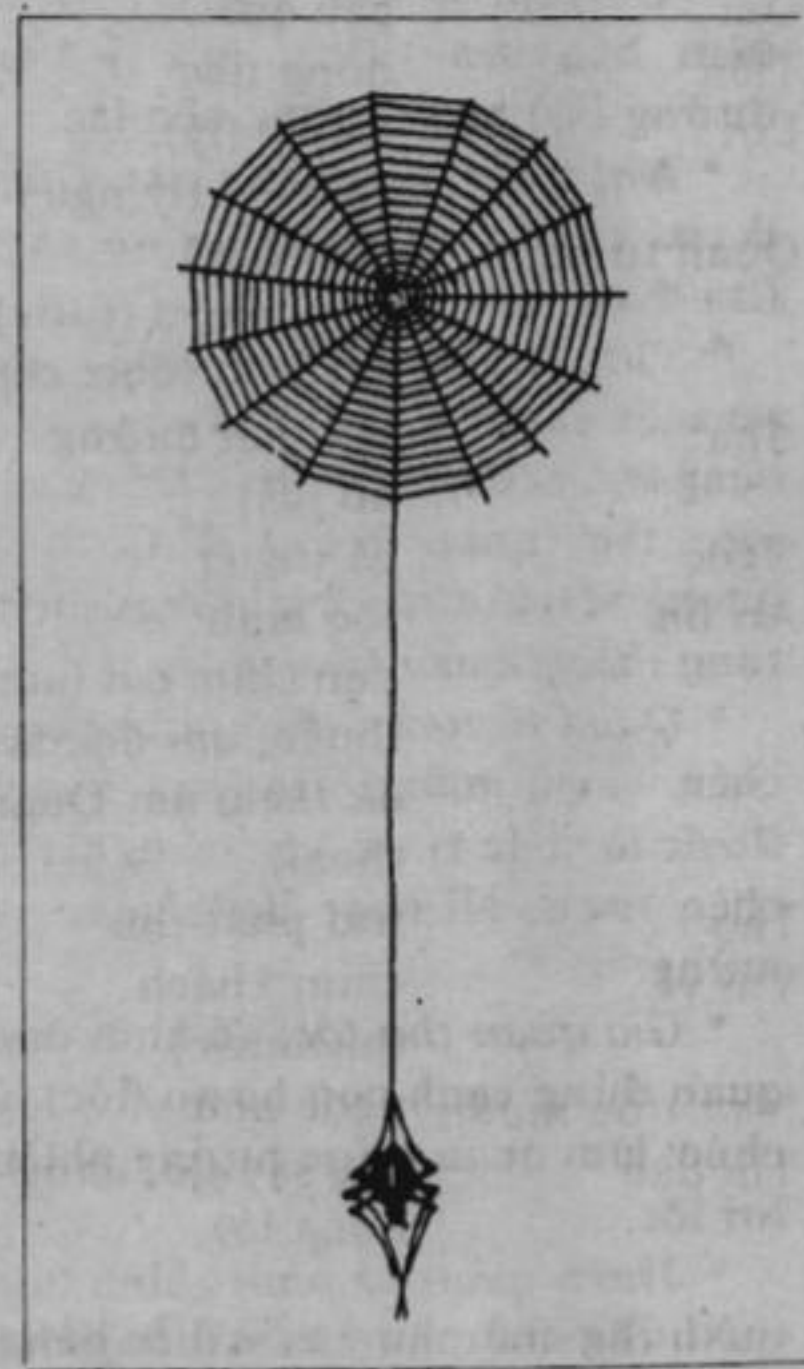
Hoan hỉ



Báo hỉ



Kiết tường như ý



Tri thù



Đồng hỉ

D. Chúc thành công, thi đậu và công danh:

Ở Chợ Lớn, ta thường thấy bức vẽ ngựa phi, ngụ ý: *Phi mã thành công* (thành công mau chóng).

Nếu ở Việt Nam, trước khi con cái đi thi, bà mẹ nấu chè đậu (đỗ) cho ăn, thì ở Tàu, người ta tặng nhiều bức vẽ như sau:

* *Liên lộ*: vẽ con cò (lộ) trong đầm hoa sen (liên), ngụ ý con đường (lộ) hanh thông liên lạc.

* *Nhị giáp*: vẽ hai con cua. *Giáp* là cua và cũng có nghĩa là *khoa giáp* (thi đậu).

* *Tam kích*: vẽ ba cây kích cắm vào một cái bình. *Kích* là cây giáo, cũng đọc là *cấp*. Người Á Đông coi việc làm quan là tốt đỉnh vinh quang nên ai cũng thích được chúc tụng thăng quan tiến tước.

* *Quan hỉ tước*: vẽ đĩa bé dâng chén rượu mừng lên ông quan. *Tước* là chức tước, còn có nghĩa là chén rượu. *Hỉ tước* là chén rượu mừng.

* *Gia quan thụ lộc*: vẽ hình ông quan đứng cạnh con hươu (lộc), ý chúc: làm quan được hưởng nhiều lợi lộc.

* *Thiên quan tứ phúc*: hình ông quan cầm một tấm lụa viết bốn chữ thiên quan tứ phúc và con dơi bay từ trên cao xuống, ý: quan trời ban

ơn phúc.



Liên lộ



Nhị giáp



Tam kích



Quan hỉ tước



Gia quan thụ lộc



Thiên quan tứ phúc

E. Chúc lợi:

Con cá chép là *lý ngư* nhưng cũng đồng âm với *lợi dư* nên bức vẽ đứa trẻ ôm con cá chép và nhánh hoa sen hàm ý chúc: *Liên niên hữu dư* (dư dả liên liền năm này qua năm khác). Cùng ý trên, con cá chép được vẽ trong bức *phú quý hữu dư*.

Con cá vàng (kim ngư) trong bồn nước ngụ ý *Kim ngọc mãn đường* (vàng ngọc đầy nhà). *Đường* là nhà, cũng là cái ao nước. Cùng ý trên là bức vẽ *Ngọc đường phú quý*, vẽ hoa ngọc lan và hoa hải đường.



Liên niên hữu dư



Phú quý hữu dư



Kim ngọc mãn đường



Ngọc đường phú quý

F. Chúc đám cưới:

Hình vẽ cây sen (hà) và cái hộp (hạp) với nhánh bông như ý, diễn tả sự *Hoà hợp như ý*. Hà và hoà đồng âm, hạp với hợp cũng đồng âm.

Hình cặp vịt uyên ương, một con ngậm đoá hoa sen, một con ngậm cái gương sen. Để chỉ cây hoa sen, chữ nho có hai chữ: liên và hà. Cái hầu bao đựng tiền nguyên chữ là *hà bao* (túi lá sen).

Hình uyên ương trên biểu tượng cho vợ chồng liên hợp nhau để sinh con (liên tử: hạt sen mà cũng là liên tục đẻ con).

Để chúc dư dả, người ta tặng bức vẽ cái hầu bao, con cá vàng (kim ngư) mà chữ ngư đọc theo âm Bắc kinh giống như chữ *dư*, vậy bức vẽ



Hoà hợp như ý

nói lên cái ý: *Kim dư hà bao* (vàng đầy túi).

Bức thiệp vẽ hai con chim bạch đầu đậu trên bụi hải đường có ý chúc vợ chồng giàu có đến già (*Bạch đầu phú quý*). *Đường* là hoa hải đường, đồng âm với *đường* là ngôi nhà lớn.



Uyên ương



Bạch đầu phú quý



Long phụng hoà minh



Phượng hoàng

G. Chúc con cái:

Kỳ lân là một con vật huyền thoại, mình nai, đầu rồng, đuôi trâu, da vảy cá, móng chân có năm ngón chẻ, một sừng bọc nhung. Kỳ lân tượng trưng cho con trai quý. Tranh vẽ đưa trẻ một tay cầm hoa sen (liên), tay kia cầm cái sênh (thăng) cưới kỳ lân, ngụ ý: *Kỳ lân tiền tử* (kỳ lân sẽ làm bạn, liên tục sinh con trai và các con càng ngày càng thăng tiến).

Tích Tào kể rằng, con rồng sinh ra chín con, mỗi con mỗi tài, mỗi vẻ. Con thứ nhất mạnh khỏe, khiêng đồ nặng; con thứ nhì dập tắt lửa; con thứ ba tiếng kêu vang như chuông; con thứ tư mạnh như cọp; con thứ năm thích ăn, con thứ sáu thích uống; con bảy can đảm, con tám mạnh như mãnh sư, con chín mắt tinh anh. Bởi vậy, tặng ai bức vẽ *cửu long* là chúc người đó có đông con tài giỏi.

Hoa bách hợp là loại hoa kim châm (huyền thảo), người Việt thường nấu canh (tên khác là hoa hiên) nhưng người Tàu gọi là *sinh nam thảo* (thuốc sinh con trai) để lót trong gối nằm, ăn vào sẽ làm giảm ưu phiền (vong ưu thảo). Do đó bức vẽ hoa bách hợp dùng để tặng phụ nữ ngày vu qui hay sắp ở cữ.

Một bức vẽ cái đĩa đựng trái vải (lệ chi), ngó sen (liên ngẫu) và củ ấu (lăng) có ý chúc phụ nữ sinh được con thông minh *linh lợi* (*lợi* đồng âm với *lệ*, *linh* đồng âm với *lăng* trong tiếng Bắc Kinh).

Cha giỏi sinh ra con giỏi được

diễn tả bằng bức thiệp *Thái sư, thiếu sư* (sư tử lớn, sư tử nhỏ), đồng thời chúc cha giữ chức thái sư, con được chức thiếu bảo trong triều đình.

Chúc ai sớm sanh con quý thì tặng họ bức vẽ trái táo ta và nhánh quế (*Táo sinh quý tử*). *Táo* (táo) đồng âm với *tảo* nghĩa là sớm, còn *quế* đồng âm với *quí*.

Mừng con cái nhà ai gặp hạnh thông trên đường quan tước thì tặng họ bức *Long vân hội*.

Khen tặng gia đình nào đông con cái sống quây quần hoà thuận thì tặng bức vẽ chín con chim cút với cây hoa cúc. *Cút* tên chữ nhỏ là *am thuần*, tiếng Quan Thoại đọc là *an*. *Hoa cúc* thì đồng âm với *cư* (ở) nên bức vẽ là *Cửu an đồng cư*.



Táo sinh quý tử



Cửu long



Huyền thảo



Linh lợi



Kỳ lân tiền tử



Cửu an đồng cư

H. Chúc thọ:

* *Phúc lộc thọ tam tinh*: vẽ hình ông thọ cưỡi nai (lộc), trên không có con dơi (phúc).

* *Bách thọ đồ*: vẽ 100 chữ thọ viết theo lối cổ triện.

* *Ngũ vạn phúc thọ*: năm chữ vạn, năm con dơi quanh chữ thọ.

* *Đa phúc, đa thọ, đa nam tử*: hình quả lựu (bách tử quả) bên cạnh trái đào (biểu tượng của trường sinh bất lão), và trái phật thủ (đọc là fu show, giống như phúc thọ).

* *Tùng bách nhật nguyệt Nam sơn*: Vì Trung Hoa có câu: *Phúc như Đông hải, thọ tĩ Nam sơn* nên bức thiệp có ý chúc: ngày tháng bạn cùng cây tùng cây bách ở núi Nam.

* Thiệp chúc thọ đàn ông thì dùng tranh ông thọ cưỡi hạc. Chúc thọ đàn bà thì dùng tranh bà Tây vương mẫu.

Những bức thiệp họa từ chúc chỉ là một trong nhiều khía cạnh thuộc nghệ thuật biểu tượng phong phú của Trung Hoa. Dân Trung Hoa từ xưa đã tỏ ra rất đặc sắc trong việc nhận xét hình tướng sự vật mà loại chữ viết tượng hình là một bằng chứng. Tuy nhiên, hiện nay lối chữ viết của Trung Hoa đã chịu một sự biến đổi rất lớn. Những chữ Tàu mà ngày xưa ta coi là một bức tranh đơn sơ thu hẹp với những nét tượng trưng đầy ý nghĩa bây giờ đã mai một gần phân nửa. Chúng bị coi là phiền tự (phiền: rắc rối, nhiều nét) nên được thay thế bằng những chữ viết theo lối giản bút, dễ học. Do đó, lối chơi chữ của Trung Hoa cũng khó có lý do tồn tại. Thế hệ tiền bối thâm nho chết dần, lũ hậu bối theo đà cách mạng hiện đại hoá, không muốn đi ngược trở lại con đường của tiền nhân mà họ cho là phiền toái, cổ hủ. Những bức thiệp họa từ chúc ngày xưa cũng trở nên thừa vãng trên kệ bày của các báo quán.

Quan niệm về chúc tụng thay đổi hẳn. Lòng tin tưởng thiêng liêng vào sứ trời ban ơn phước (thiên quan tứ phúc) qua lời chúc chỉ còn trong tâm não của lớp người Tàu



Ngũ vạn phúc thọ



Đa phúc, đa thọ, đa nam tử



Thọ tĩ Nam sơn



Chúc thọ đàn ông



Chúc thọ đàn bà

luống tuổi. Khuynh hướng vô thần trên đà hãnh tiến trong đầu óc lũ trẻ. Hơn nữa, quan niệm về hạnh phúc ngày xưa nay bị xem là kỳ quái. Sinh con nhiều không còn là điều ước nguyện vì kinh tế khó khăn. Đa sinh nam tử coi bộ không thích hợp với quan niệm nam nữ bình quyền hiện tại, nói chi đến ý niệm tước hầu, quan lộc đã lỗi thời. Tuổi già an nhàn của con người với cảnh tùng bách mai hạc nay là điều không tưởng!

Tuy nhiên, một điều khá ngộ là tinh thần chơi chữ của dân Tàu vẫn âm ỉ tồn tại như những đốm than hồng trong đồng tro bếp lửa chứ không hoàn toàn tắt hẳn. Tôi thường lên thư viện Đông phương của đại học Princeton để tìm sách tra cứu. Ở đây toàn là những sinh viên Trung Hoa trẻ du học đến đọc sách hay làm việc. Ở cửa thư viện, những ngày cận Tết, tôi thấy họ dán một vuông giấy hồng viết chữ *Xuân treo ngược* 春倒挂. Tôi bèn hỏi một nàng sinh viên Tàu trẻ làm ở quầy mượn sách là tại sao như vậy. Cô ta trả lời: *Xuân đảo* có nghĩa là *xuân đảo* (mùa xuân đến ấy mà!) Kèm theo câu nói là một nụ cười hóm hỉnh làm cho tôi cũng xao xuyến khác thường. Minh sáu mươi tuổi chưa đến nỗi già đâu vì mùa xuân vẫn đến... □

Năm Thân Văn-Học

Trần Văn Tích

Trong đại dương thời gian, các năm Thân không nổi lên như là những cái mốc thi cử, khác với những năm Mùi trước chúng; từ đó có thể suy ra, nhiều thế hệ nhà nho chắc chắn đã sống qua những năm Thân cay đắng sau những năm Mùi trường ốc long đong. Hơn thế nữa, năm Thân nhiều khi lại là những năm kinh tế khó khăn, mất mùa đói kém:

*Được mùa chớ phụ ngô khoai,
Đến năm Thân, Dậu lấy ai mà nhờ.*

Sử liệu ghi lại nhiều trận đói to vào những năm Thân, Dậu: Ất Dậu 1165, Canh Thân 1200, Tân Dậu 1321, Đinh Dậu 1357, Ất Dậu 1405, Nhâm Thân 1512, Tân Dậu 1741, Bính Thân 1776, Đinh Dậu 1777.v.v.. Xin nghe Phạm Đình Hổ mô tả một trong những năm cơ cực đó: "Hồi loạn năm Canh Thân, Tân Dậu (1), tỉnh Hải Dương ta chịu hại về việc binh đao đến mười tám năm, ruộng đất hầu thành rừng rậm. Các giống gấu chó, lợn lòi sinh tụ đầy cả ngoài đồng. Những người dân sống sót phải đi bóc vỏ cây, bắt chuột đồng mà ăn. Mỗi mẫu ruộng chỉ bán được một cái bánh nướng" (Vũ trung tùy bút). Còn Bùi Dương Lịch, trong *Lê quý dật sử* thì kể: "Đinh Dậu, năm Cảnh Hưng thứ ba mươi tám (2), cả nước đói to, gạo một bát nhỏ trị giá một quan tiền, dân gian thậm chí phải lấy củ nâu, củ chuối thay cơm; người chết đói đến quá nửa; lại thêm ôn dịch

lộng hành, dân chúng nhiều người ốm chết". Thực ra, ngô khoai là thực phẩm phụ mới. Khoai lang nguyên xuất xứ từ nước Lữ Tống (Lucon) tức là quê hương bà Aquino, chỉ du nhập nước ta từ năm Mậu Ngọ 1558. Còn ngô thì nguyên quán ở châu Mỹ, thoát tiên qua Trung Hoa rồi mới được Trần Thế Vinh sang sứ nhà Thanh vào đời Khang Hy (1662-1723) lấy hạt giống mang về phổ biến trên mảnh đất chữ S. Như thế, trong những năm khan hiếm thực phẩm, mùa màng thất bát trước thế kỷ XVI, tổ tiên chúng ta đã kham khổ không biết lấy ai mà nhờ.

Tuy trên nguyên tắc, các kỳ thi Hội thi Đình chỉ tiến hành vào những năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi nhưng cá biệt cũng có một số năm Thân có thi Hội. Ví dụ khoa thi năm Bính Thân 1656, năm Canh Thân 1680, năm Nhâm Thân 1752. Năm này Lê Quý Đôn đậu Hội nguyên rồi Đình nguyên (Bảng nhãn, khoa này không lấy Trạng nguyên). Trước đó ông đã đậu Giải nguyên trường thi Sơn Nam; như vậy ông là một trong số những vị tam nguyên rất hiếm hoi của chế độ khoa cử phong kiến.

Sau đây, và cũng như đối với năm ngoài Tân Mùi, bài viết xin trình bày những sự kiện văn học quan trọng xảy ra vào các năm Thân, trước khi đề cập đến các tác gia tuổi Thân để rồi chấm dứt với những cây bút mất năm Thân.

SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

Canh Thân 780. Khương Công Phụ đậu tiến sĩ bên Trung Hoa (thuở bấy giờ nước ta chưa có các kỳ thi), làm quan đời Đường Đức Tông (781-806) chức Hàn lâm học sĩ, sau thăng Giám nghị Đại phu đồng Trung thư Môn hạ Bình chương sự. Họ Khương là tác giả bài phú *Bạch vân chiếu xuân hải* (Mây trắng rọi biển xuân), "lời văn đẹp đẽ", theo như nhận xét của Lê Quý Đôn trong *Kiến văn tiểu lục*. Đây là bài phú xưa nhất do người Việt làm còn truyền được đến chúng ta; nghệ thuật điêu luyện, chẳng hạn:

Bạch vân ung dung, giao duệ hồ xuân hải chi trung;

Phân vân tầng hán, hiệu khiết trường không.

Tế ảnh sâm si, hạp vi minh ư nhật vực;

Khinh văn lịch hoãn, phân kính hoảng ư tiên cung (...)

(Mây trắng ung dung, toả sát giữa mặt biển xuân;

Mây giăng tầng biếc, sáng rõ cả tầng không mênh mông.

Bóng sắp so le, bao thành ánh sáng quanh cõi mặt trời;

Màu nhẹ lớp lớp, chia đều ở cung tiên (...)

Giáp Thân 864. Cao Biền được nhà Đường cử làm An Nam Đô hộ tổng quản chiêu thảo sứ; đắp thành Đại La, với năm ngàn gian nhà. *Việt điện u linh* và *Lĩnh Nam chích quái* sẽ kể nhiều chuyện về viên quan Tàu này, đặc biệt là lời kêu than: "Ôi, linh khí nước Nam thực không thể lường được". Nhưng họ Cao cũng là tay sinh thơ và *Toàn đường thi lục* chép đến mấy chục bài thơ của gã, được Lê Quý Đôn chọn ghi lại hai mươi hai bài trong *Kiến văn tiểu lục*.

Canh Thân 1020. Mùa thu, tháng chín, sứ bộ Nguyễn Đạo Thanh sang Tống trở về mang theo bộ *Tam tạng kinh* mà Lê Quý Đôn cho biết là gồm tất cả 4826 quyển.

Giáp Thân 1044. Lý Thái Tông bình Chiêm, chém Sạ Đầu, hạ kinh

đô Phật Thệ, bắt My Ê và các cung nữ giỏi múa hát khúc *Tây Thiên*. My Ê tuần tiết:

Tiết nghĩa mảnh chiêm trời ấm lạnh,

Cương thường giọt lệ nước đầy voi.

(Hoàng Cao Khải,
Chiêm phi My Ê)

còn khúc hát *Tây thiên* sẽ lưu ảnh hưởng lên các làn điệu ca Huế sau này.

Bính Thân 1056. Triều đình cho xây chùa Sùng Khánh ở phường Báo Thiên và xuất 12.000 cân đồng để đúc một quả chuông thật lớn. Lý Thánh Tông thân làm bài minh khắc vào chuông, nhưng bài minh này nay đã thất truyền.

Canh Thân 1080. Tiến hành đúc chuông cho chùa Diên Hựu (chùa Một Cột). Chuông không kêu, đem bỏ ngoài ruộng; rùa vào ở trong chuông, nên gọi là chuông Qui điện.

Nhâm Thân 1092. Đời vua Lý Thái Tông, trong nước được mùa to; trước đó, dưới triều vua Lý Thái Tổ, năm Bính Thìn 1016, "*được mùa khắp nơi, ba mươi bó lúa giá chỉ bảy mươi tiền*" (*Toàn thư*); cho nên có thể vì thế mà có câu ca dao:

Đời vua Thái Tổ, Thái Tông,

Lúa rụng đầy đồng gà chẳng buồn ăn.

Giáp Thân 1104. Lý Thường Kiệt đi đánh Chiêm Thành. Chế Ma Na nộp lại đất hai châu ở Lý vương ngàn dặm mà Chế Củ đã dâng từ trước.

Bính Thân 1116. Nhà sư Từ Đạo Hạnh viên tịch.

Nhâm Thân 1152. Tổ chức điện thí để tuyển người làm quan; nhà vua thân tự coi thi.

Giáp Thân 1224. Lý Chiêu Hoàng lên làm vua, nhưng chỉ ít lâu sau, sẽ ban bố *Thiện vị chiếu* (Chiếu truyền ngôi) để trao ngai vàng cho chồng.

Bính Thân 1236. Nhà nước ấn định thể lệ thi nho sinh để lấy người phụ giúp nhà vua. Phạm Ứng Thuần được cử phụ trách Quốc tử viện, lo việc học hành cho con cái quan lại.

Nhâm Thân 1272. Lê Văn Hưu (1230-1322) hoàn tất công trình biên soạn bộ *Đại Việt sử ký*, gồm ba mươi quyển chép từ Triệu Đà đến Lý Chiêu Hoàng, dâng lên vua Trần Thánh Tông được vua ban chiếu khen ngợi.

Giáp Thân 1284. Trần Quốc Tuấn công bố *Dự chư tỳ tướng hịch văn*, làm nức lòng tướng sĩ chống quân Mông Cổ. Vua Trần Nhân Tông triệu tập hội nghị Diên Hồng và làm thơ viết ở đuôi thuyền ngự để khích lệ chư quân:

Cối kê cự sự quân tu ký,

Hoan, Ái do tồn thập vạn binh.

(Việc cũ ở Cối Kê người nên nhớ, Châu Hoan, châu Ái đang còn cả chục vạn quân).

Tháng năm, sư Pháp Loa sinh. Tháng sáu, ngày 8, Mạc Đĩnh Chi sinh tại làng Lan Khê, huyện Bàng Hà, lộ Lạng giang theo *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề, tuy nhiên ngày sinh này chưa chắc đã đúng.

Mậu Thân 1308. Trong khuôn khổ chế độ *tuyển cử*, nhà Trần phong Trương Hán Siêu, môn khách của Hưng Đạo đại vương, làm Hàn lâm học sĩ, mặc dầu ông không hề tham dự một kỳ thi đại khoa nào cả. Cùng trường hợp như vậy, và chỉ riêng về đời Trần, có thể kể thêm Phạm Sư Mạnh, Lê Quát, Phạm Mai.v.v.. Tháng mười một âm lịch, vua Trần Nhân Tông băng hà. Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam mất một nhà tư tưởng cự phách. Mạc Đĩnh Chi sang sứ Nguyên; hậu thế sẽ vẽ lần đi sứ này thành một bức tranh với một cái nền đầy huyền thoại ứng đối và thù tạc.

Canh Thân 1320. Tháng ba, vua Trần Anh Tông mất, sau khi hạ lệnh đốt tiêu tập thơ *Thủy vân tùy bút* của mình. Tháng mười một, Phạm Ngũ Lão mất, để lại bài thơ *Thuật hoài* nổi tiếng.

Nhâm Thân 1332. Nguyễn Trung Ngạn (1289-1370) nhận chức trách coi việc thẩm hình; là tác giả *Giới Hiền thi tập*, ông có nhiều bài thơ vịnh cảnh thiên nhiên ở quê hương Việt Nam cũng như trên đất Trung

Hoa, nhân một chuyến đi sứ.

Canh Thân 1380. Nguyễn Trãi chào đời tại dinh quan Tư đồ Trần Nguyên Đán ở Thăng Long.

Nhâm Thân 1392. Hồ Quí Ly viết sách *Minh đạo* gồm mười bốn thiên, nêu bốn điều đáng ngờ về Khổng Tử, chê Hàn Dũ là *đạo nho* (nhà nho ăn cắp), các nhà lý học Trình Hiệu, Trình Di, Chu Đôn Di, Chu Hy, Lý Diên Niên.v.v... học rộng nhưng viễn vông, chỉ chuyên cóp nhặt tư tưởng người xưa. Trạng nguyên Đào Sư Tích vì xem thư của Đoàn Xuân Lôi phản bác một vài điểm trong sách *Minh đạo* nên bị giáng chức.

Giáp Thân 1404. Hồ Hán Thương ban bố cách thức thi cử nhân; cứ tháng tám năm nay thi Hương, tháng tám năm sau thi ở bộ Lễ, năm sau nữa thi Hội, ai đỗ thì bổ Thái học sinh. Phép thi bắt chước lễ lối của nhà Nguyên, nhưng chia ra bốn kỳ thay vì ba trường.

Bính Thân 1416. Vào một buổi sáng đầu tháng hai, Lê Lợi cùng mười tám lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn làm lễ tế cáo trời đất, kết nghĩa keo sơn, thề nguyện đánh tan quân Minh. Đó là hội thề Lũng Nhai (Thọ Xuân, Thanh Hoá), với bản văn thề có lời cam đoan (dịch): "*Chúng tôi nguyện trời đất và các thần linh giáng trấm tai ương trị mình cho đến họ hàng, con cháu đều bị tru diệt, chịu hết hình phạt của trời*" (nếu bội lời thề ước). Nguyễn Trãi dâng *Bình Ngô sách*.

Mậu Thân 1428. Lê Lợi chiến thắng quân Minh, lên ngôi hoàng đế, lấy lại tên nước là Đại Việt. Nguyễn Trãi viết *Bình Ngô đại cáo*. Cùng năm này, Ưc Trai biên soạn *Bảng Hồ di sự lục*, trình bày tiểu sử, hành trạng ông ngoại là Trần Nguyên Đán, sinh 1325, mất 1390. Trong không khí thái bình mới trở về, "*Hoàng thượng xuống chiếu khắp thiên hạ phải dựng trường dạy học. Trong triều thì có trường Quốc tử giám, ngoài thì có các trường Phủ. Đức Hoàng thượng thân chọn con cháu các quan và*

những người anh tuấn trong dân gian để cho theo học ở các cục Nhập thị, Cận thị, Ngự tiền và trường Quốc tử giám. Lại sai hữu ty chọn các con em nhà lương gia trong dân gian để vào học trường và tuyển các thầy dạy học". (Lê Quý Đôn, Kiến văn tiểu lục).

Giáp Thân 1464. Vua Lê Thánh Tông xuống chiếu giải oan cho Nguyễn Trãi, truy phong chức Đặc tiến Kim tử Vinh lộc Đại phu, tước Tán trù bá và bổ dụng con trai sống sót của bậc danh thần bị hàm oan là Nguyễn Oanh Vũ làm chức đồng Tri Châu.

Mậu Thân 1428. Phan Phu Tiên đỗ khoa Minh kinh; ông là tác giả *Việt âm thi tập* và *Đại Việt sử ký tục biên*.

Nhâm Thân 1512. Vua Lê Tương Dực truy tặng Nguyễn Trãi tước Tể văn hầu.

Mậu Thân 1548. Lê Quang Bí đi sứ nhà Minh bị giữ lại mười tám năm. Ông là tác giả tập *Tư hương vận lục*.

Bính Thân 1596. Phùng Khắc Khoan sang sứ Minh, được sứ Cao Ly là Lý Tồi Quang hết sức tán thưởng tài thơ qua *Nghị Trai thi tập*.

Bính Thân 1656. Thi Hội lấy sáu người đỗ tiến sĩ trong số ba ngàn thí sinh và trong số sáu vị tiến sĩ thì có đến ba người quán xã Mộ Trạch, huyện Đường An, tỉnh Hải Dương.

Mậu Thân 1668. Nguyễn Trù sinh. Năm Mậu Thân 1728 ông sẽ phụ trách khắc in một số tài liệu văn học quý giá.

Canh Thân 1680. Thi Hội lấy đỗ mười chín người.

Mậu Thân 1728. Nguyễn Trù (1668-1735) sửa chữa chú giải lần chót *Hoàng Việt văn tuyển*, sách trích từ *Quần hiền phú*, tập hợp các bài phú đời Trần, Hồ và Lê sơ; Hoàng Sần Phu (Hoàng giáp khoa 1442) soạn tập, Nguyễn Thiên Túng (đậu Minh kinh năm 1428) đề tựa.

Canh Thân 1740. Chúa Nguyễn ở Đàng Trong qui định lại phép thi. Lê Hữu Trác (1720-1791) cư tang thân phụ từ trần năm trước, tự học

xuân ý

lặng Làng Văn

Tân niên, tân ngoạt hựu thời tân
Xuân ý triều doanh tửu nhập thần
Khai mãn đình hoa Nguyên đán hội
Bút thừa long khởi hoá phong vân
dịch:

Năm tháng mới, thời gian đổi mới
Ý xuân theo rượu thấm môi đầy
Trước sân nở rộ hoa ngày Tết
Bút vẩy như rồng chuyển gió mây.

hoàng vũ

thêm về nho nhưng chưa nghiên cứu về y.

Nhâm Thân 1752. Thi Đình. Lê Quý Đôn đỗ Đình nguyên Bảng nhãn, Đoàn Nguyên Thục đỗ Hoàng giáp. Đoàn Nguyên Thục là tác giả hai tập thơ *Hải An sứ vịnh* và *Hải An thi tập*; lại là nhạc phụ thi hào Nguyễn Du.

Giáp thân 1764. Lê Quý Đôn nhận chức Đốc đồng trấn Kinh Bắc. Triều đình sáng lập hoàng tử Lê Duy Vĩ là hoàng thái tử. Sách là một loại văn hành chánh, thường vận dụng thể biến ngẫu, nghĩa là gồm từng hai câu đối nhau, mỗi câu thành một vế. Bài sách liên hệ mở đầu như sau (dịch):

Nối đức đời trước, mong giữ
nghiệp lớn vô cùng;

Nơi phép đạo vương, sáng tỏ lẽ
thường không đổi.

Bính Thân 1776. Nhà Trịnh bắt dân chúng Thuận Hoá thay đổi kiểu y phục cho giống với Đàng Ngoài. Lê Quý Đôn được cử làm Hiệp trấn Tham tán quan cơ ở hai trấn Thuận, Quảng và nhân dịp này viết *Phủ biên tạp lục*, chỉ trong sáu tháng thì hoàn tất.

Mậu Thân 1788. Trịnh Hoài Đức (1765-1825) tác giả tương lai bộ *Gia Định Thành thông chí*, thi đỗ kỳ thi

新年新
意
筆
承
龍
起
化
風
雲

do Nguyễn Ánh mở ngay sau khi lấy Gia Định. Tháng hai, Nhữ Bá Sĩ sinh ở xã Cát Xuyên, tổng Chương Sơn, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá. Mùa thu, Bùi Huy Bích (1744-1818) soạn xong *Hoàng Việt thi tuyển*, gồm sáu quyển, qui tụ thi phẩm của 167 tác giả và gồm 562 bài thơ được tuyển chọn. Đối với mỗi tác giả, trước phần tác phẩm có phần tiểu sử giới thiệu tóm tắt lai lịch, quê quán, hàng trạng và thơ văn. Ngày 25 tháng 11, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, đặt niên hiệu Quang Trung, rồi truyền hịch khắp nơi hiệu triệu đồng bào và quân sĩ về việc sắp đem binh ra Bắc đánh quân Thanh:

Đánh cho để dài tóc, đánh cho để
đen răng;

Đánh cho nó chích luân bất phản,
Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn,
Đánh cho sử tri Nam quốc anh
hùng chi hữu chủ.

Ngô Thì Nhậm (1746-1803) tạm rời bộ máy công quyền Lê Trịnh đi ở ẩn ở thôn Kim Quan, huyện Thạch Thất, Sơn Tây; nhân đó viết các tác phẩm *Kim mã hành dư*, *Hào môn ai lục*, *Bút hải tùng đàm*.

Canh Thân 1800. Nhà Tây Sơn cho khắc in và phát hành bộ *Đại Việt sử ký tiền biên*, mười bảy

quyển, chép từ đời Hồng Bàng đến hết thuộc Minh mà tác giả có lẽ là Ngô Thì Sĩ, người đích chính là con trưởng Ngô Thì Nhậm và người trông coi khắc in là cháu đích tôn Ngô Thì Điển, ba thế hệ kế tiếp nhau. Trần Quang Diệu bắt đầu vây thành Qui Nhơn sau Tết và công bố bài hịch với những câu: "Dấu cò nghĩa đã sáng công dục vận, buổi xe nhung thêm dong sức cần vương... Sứ mạng vốn quyết bài tất thắng, tông thành âu hẹn buổi phục thù..." trong khi Nguyễn Ánh, bên kia chiến tuyến, cũng hiểu dụ quân sĩ ở Gia Định ngày 26 tháng ba: "Trước là lo tôn xã mà phục thù, lẫm tẩm một trời man mác; sau là vì thần dân mà tiết phần, kẻ thương sanh khắp chốn than van... Trên dưới tua dốc chí cần vương, tướng hiệu cũng một lòng địch khái..." Tháng tám, Lê Quang Định viết bài bi văn nơi mộ phần đức Cha Pigneau de Béhaine (tức Lãng Cha Cả): "Sư... thiếu phụng đạo pháp nhi Trung quốc thánh hiền thư tịch mỹ bất giảng đọc..." (Thầy... lúc nhỏ theo đạo nhưng sách vở thánh hiền Trung quốc thì không sách nào là không giảng đọc...)

Nhâm Thân 1812. Hoàn tất biên soạn *Hoàng Việt luật lệ* (tức bộ luật Gia Long) gồm 22 quyển, 398 điều. Đặng Trọng An trước tác *Nam Hà ký văn* trong có phần *Hoàng triều ngọc phổ* chép về dòng dõi nhà Nguyễn từ Nguyễn Trãi đến Gia Long. Đoàn Nguyễn Tuấn, anh vợ thi bá Nguyễn Du, tham gia thi đàn về đề tài *Thăng Long tam thập vịnh*, trong số các tác gia cùng xướng họa có Nguyễn Du, Trương Đăng Thụ.

Giáp Thân 1824. Phan Huy Chú đi sứ Thanh, nhân đó sáng tác *Hoa triều ngâm lục*.

Bính Thân 1836. Triều đình đề cử học sinh theo học các tiếng Tây phương và tiếng Xiêm, Lào; đồng thời qui định chế độ sát hạch trình độ. Đối với trong nước, một số tỉnh được chỉ thị tuyển lựa người theo học văn tự ngôn ngữ Chiêm Thành

và Cao Miên. Cử nhân Dương Bá Cung (1791-1868) chỉnh lý xong *Ưc Trai thi tập* và đưa đến Tiến sĩ Ngô Thế Vinh (1802-1856) xem rồi đề tựa. Đây là bản di văn độc nhất bằng nguyên văn Hán, Nôm của Nguyễn Trãi còn truyền lại cho chúng ta.

Mậu Thân 1848. Tổ chức thi võ ở Phú Xuân. In xong bộ *Đại Nam thực lục chính biên, Đế nhất kỷ*, gồm 60 quyển chép về đời Gia Long. Nguyễn Thu, Bùi Ngọc Quỹ đi sứ. Nguyễn Thu có *Tinh thiều tùy bút, Sứ trình tạp ký*. Bùi Ngọc Quỹ có *Yên đài anh thoại, Yên hành tổng tác*. Ngày rằm tháng mười một, mẹ Nguyễn Đình Chiểu u minh sớm đời, táng ở phường Tân Triều, nay là vùng Cầu Kho, Sài Gòn. Năm sau Nguyễn Đình Chiểu bỏ thi cùng em theo đường bộ từ Phú Xuân về Gia Định chịu tang mẹ; dọc đường bị mù.

Canh Thân 1860. Nguyễn Thông hoàn tất biên soạn bộ *Khâm Định nhân sự kim giám*, sau đó được

thăng hàm Trước tác lang. Phạm Văn Nghị (1805-1881) dâng sớ xin mộ quân vào Quảng Nam đánh thực dân Pháp, được vua Tự Đức chấp thuận, nhân đó làm thơ cảm tác:

*Xung quan thiên hữu hận,
Đầu bút cảm thâm nhân.
Tảo vọng thanh cuồng khẩu,
Sư trung phủng ngọc luân.*
(Cầm hồn trào lên làm tóc dựng mủ,
Ném bút trộm chịu thua người.
Mong đẹp yên giấc dữ,
Trong quân đón lời ngọc của vua).

Nhâm Thân 1872. Ngày 21 tháng giêng, Bùi Hữu Nghĩa mất. Tháng năm, Nguyễn Thông viết bài *Ký về kinh Vinh Lợi* ở Quảng Ngãi, đề cao công tác thủy lợi.

Giáp Thân 1884. Tháng ba, *Ngọa du sào văn tập* của Nguyễn Thông hoàn thành, tác giả viết bài tựa cho sách. Tháng sáu, Nguyễn Thông soạn di chúc căn dặn con cháu. Ngày 7 tháng 7 âm lịch, Nguyễn Thông từ trần tại Ngọa Du Sào,



Khuê văn các

chôn ở xã Ngọc Lâm, phủ Hàm Thuận, nay là thị xã Phan Thiết. Tháng bảy, vợ Nguyễn Cao (1828-1887) mất, nhà nho viết bài văn tế vợ với giọng điệu chân thành, thiết tha, với lòng biết ơn sâu sắc:

(...) *Tự dư ly gia viễn học, tật bệnh yêm tri,*

Khanh qui cô cư, số duyên chi ốc, bán cung chi tri;

Tuế thời phục lập, phụng tần tảo dĩ trai thi (...)

(...) Từ xa nhà trọ học, ta đau lâu ốm chầy,

Khanh về chốn cũ, một mảnh ao con, vài gian nhà cỏ;

Mà hoa quả tảo tần đơm cúng, khi tết nhất giỏ chạp đúng kỳ (...)

Nguyễn Khuyến cáo quan về ở ẩn tại quê nhà, thôn Vĩ Hạ, xã Yên Đỗ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, thực hiện câu mà vị Tam Nguyên sẽ ghi trong di chúc: *Rằng "Quan nhà Nguyễn cáo về đã lâu"*. Nguyễn Quang Bích (1832-1889) đang giữ chức Tuần vũ Hưng Hoá thì bị Pháp chiếm mất thành ngày 12.4.1884 nên trả ấn cho triều đình và tham gia phong trào cần vương, trong giai đoạn đó ông sáng tác *Ngư phong thi tập*.

Mậu Thân 1908. Phan Bội Châu viết *Việt Nam quốc sử khảo*. Phan Châu Trinh bị giải giam Côn Lôn, sau khi bị kết tội *mưu bần vi hành, xử tử phát Côn Lôn ngộ xá bất nguyên* (mưu làm giặc mà chưa làm, xử tử đầy Côn Lôn, gặp kỳ ân xá cũng không tha). Niên đại này sẽ được Phan Sào Nam nhắc lại trong bài văn tế:

(...) *Thân Dậu Tuất bấy nhiêu năm tân khổ, khi đào cây, khi lượm đá, giữa bể trần gió bụi vẫn thung dung (...)*

Canh Thân 1921. Sương Nguyệt Anh mất ngày 12 tháng 11, mộ đặt bên cạnh một phần song thân ở Ba Tri.

TÁC GIA TUỔI THÂN

Vũ Phương Đề trong *Công dư tiệp ký* đã dành cả một chương dài để viết về Mạc Đĩnh Chi, đồng thời ngỏ lời tiếc rẻ rằng sử sách chép về

ông trạng học Mạc quá thiếu sót, ngay cả đến ngày tháng năm sinh cũng không rõ ràng: *"xét trong sử truyền lại rằng ông sinh vào năm Giáp Thân (1284) tháng sáu mồng tám giờ thân, nhưng nay cũng không có gì khảo chứng"*. Thuộc dòng dõi trạng nguyên Mạc Hiến Tích đời Lý (khoa Bính Dần 1086) là tổ tiên nhà Mạc, Mạc Đĩnh Chi học vấn uyên bác, tư chất thông minh, tính tình liêm khiết, khí tiết thẳng thắn, làm quan to mà nhà vẫn nghèo, có lần được vua ngầm cho mười quan tiền chu cấp. Tác phẩm còn truyền được cho chúng ta có một bài phú (*Ngọc tỉnh liên phú*) và bốn bài thơ.

Kiến văn tiểu lục của Lê Quý Đôn mục *Thiên chương*, *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú mục *Văn tịch chí* đều cùng nhắc đến *Đoạn sách lục* của sư Pháp Loa. Đại sư tên thật là Đồng Kiên Cương, người hương Cửu La, huyện Chí Linh, châu Nam Sách, lộ Lạng Giang (tỉnh Hải Dương), sinh ngày 7 tháng 5 năm Giáp Thân (23.5.1284). Ngài là đệ tử chân truyền của vua Trần Nhân Tông nên trở thành vị tổ thứ hai của dòng thiền Trúc Lâm. Sáng tác chủ yếu là những sách thuyết giảng về thiền học. *Đoạn sách lục* là một bộ rất nổi tiếng, nhưng đến đời Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú thì cũng đã thất truyền. Về thơ, chỉ còn lại được ba bài, trong số có một bài kệ bốn câu đọc vào lúc sắp mất (*thị tịch*) được nhiều người biết.

Năm Canh Thân 1380 là năm sinh Nguyễn Trãi. Con trưởng Nguyễn Phi Khanh và Trần Thị Thái, cháu ngoại Trần Nguyên Đán, Ưc Trai đã để lại một di sản văn học đồ sộ và đa dạng, cả Hán lẫn Nôm cùng với một bản án oan nghiệt nhất lịch sử Việt Nam.

Một tác giả đáng chú ý nhưng chưa được giới thiệu nhiều là Nhữ Bá Sĩ. Ông sinh năm Mậu Thân 1788, mất tháng chín năm Đinh Mão 1867, thọ 80 tuổi, người xã Cát Xuyên, tổng Chương Sơn (tỉnh Thanh Hoá). Năm 1822, thi Hội

trúng tam trường, sau đó làm quan ngót hai mươi năm, trong đó ba lần lãnh những chức vụ về giáo dục: huấn đạo, giáo thụ, đốc học. Chẳng những là một nhà văn, ông còn là một thầy giáo đạo cao đức trọng; nhà ông ở là một thư viện lớn, tàng chứa kinh sách đủ loại mà ông thu góp, tìm mua được trong và ngoài nước. Trường học của ông đào tạo được nhiều môn đệ. Nó nằm trên bến sông Nghi, con sông quê hương, nên ông lấy hiệu là Nghi Am, hàm ý liên hệ đến câu chuyện Tăng Điểm bày tỏ chí mình với Khổng Tử trong *Luận ngữ*. Ông chỉ sáng tác bằng chữ Hán với nhiều nội dung khác nhau: triết học, sử học, văn học, giáo dục.v.v.. Tập thơ *Việt sử tam bách vịnh* của ông còn dày hơn tập *Việt sử tổng vịnh* của vua Tự Đức vì gồm 308 bài, trong khi tập của nhà vua chỉ có 212 bài.

TÁC GIA MẤT NĂM THÂN

Cùng với hai nhà sư triều Lý: Giác Hải và Minh Không, Từ Đạo Hạnh sống trong một bầu khí quyền hư thực thực và hành trạng của cả ba vị đại sư đều pha trộn truyền thuyết với lịch sử. Năm sinh không rõ. Tu ở chùa Thầy trên núi Phật Tích, phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây, Từ Đạo Hạnh, theo truyền thuyết, từng cùng hai bạn qua Ấn Độ tìm học đạo Phật. Mùa hạ, tháng sáu, năm Bính Thân 1116, nhà sư *"hoá thân trút xác ở chùa núi Thạch Thất"* (*Toàn thư*). Thi hài được lưu giữ trong chùa, đến đời Vĩnh Lạc (1403-1425) thì bị giặc Minh đốt cháy. Một trong những bài thơ của ông được Lê Quý Đôn đặt đầu đề là *Thị tịch cáo đại chúng*:

Thu lai bất báo nhận lai qui,

Lãnh tiểu nhân gian tạm phát bi.

Vị báo môn nhân hưu luyện trước,

Cổ sư kỹ độ tác kim sư.

Ngô Tất Tố dịch:

Thu về chẳng báo nhận theo bay,
Cười nhạt người đời uống xót vay.

Thôi hỡi môn đồ đừng quyền luyện,

Thầy xưa mấy lượt hoá thầy nay.

Vua Trần Nhân Tông (1258-1308) nổi tiếng trong lịch sử vì đã chủ trì hai cuộc hội nghị: hội nghị các bộ lão ở Diên Hồng và hội nghị các tướng lãnh ở Bình Than. Nhưng nhà vua còn là một nhà văn hoá, nhà thơ xuất sắc ở thế kỷ XIII. Dòng thiền Trúc Lâm Việt Nam là do vua sáng lập. Đoạn cuối đời, vua xuất gian, vân du thuyết pháp khắp nơi, vào tận kinh đô Chiêm Thành, được người đương thời tôn xưng là Giác Hoàng Điều Ngự. Theo sử liệu nước nhà, vua có các tác phẩm *Trần Nhân Tông thi tập*, *Đại hương hải ấn thi tập*, *Tăng già toái sự*, *Thạch thất my ngữ*. Đó là một cây bút thường mô tả cảnh vật, đồng điền, làng quê Việt Nam với một văn phong tự nhiên và đậm bạc, thanh thoát và giản dị. Bài *Xuân nhật yết Chiêu Lăng* với hai câu cuối:

Bạch đầu quân sĩ tại,

Vãng vãng thuyết Nguyên Phong(3).

(Người lính già đầu bạc còn đến ngày nay,

Thường kể lẽ chuyện đời Nguyên Phong)

nói lên niềm tự hào dân tộc sau chiến thắng Mông Cổ lẫy lừng. Nhà vua băng ngày ba tháng mười một năm Mậu Thân (16.11.1308) tại am Ngoạ Vân trên núi Yên Tử.

Đúng một con giáp sau đó, người con trưởng nhà vua là Trần Anh Tông (1276-1320) mất vào ngày mười sáu tháng ba năm Canh Thân (24.4.1320). Triều đại nhà vua qui tụ được nhiều nhân vật trẻ tuổi nổi

tiếng như Nguyễn Trung Ngạn, Mạc Đĩnh Chi, Đoàn Nhữ Hài, Trương Hán Siêu. Bản thân nhà vua từng sáng tác *Thạch được châm* và *Thủy vân tùy bút* nhưng chỉ còn truyền lại cho chúng ta được mười bốn bài thơ, lời lẽ trong sáng, thanh nhã.

Tháng mười một năm Canh Thân 1320, vua Trần Minh Tông nghỉ chầu năm ngày để tỏ lòng tưởng nhớ một danh tướng vừa nằm xuống: Phạm Ngũ Lão (1255-1320). Đây là một ân điển đặc biệt đối với một công thần vốn không thuộc hoàng tộc. "*Tuy xuất thân trong hàng quân ngũ nhưng thích đọc sách (...), thích ngâm thơ, về việc võ hình như không để ý đến*": đó là lời nhận xét của *Đại Việt sử ký toàn thư* về Phạm Ngũ Lão. Bài thơ thất ngôn tứ tuyệt nhan đề *Thuật hoài* được rất nhiều thế hệ ưa thích:

Hoành sóc giang san cáp kỷ thu,

Tam quân tỳ hổ khí thôn ngưu.

Nam nhi vị liễu công danh trái,

Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu.

Trần Trọng Kim dịch:

Múa giáo non sông trải mấy thâu,

Ba quân hùng khí át sao ngâu.

Công danh nam tử còn vương nợ,
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu.

Xuất thân từ một gia đình chài lưới nhưng chăm chỉ học tập nên đỗ giải nguyên khoa thi hương Ất Mùi 1835, Bùi Hữu Nghĩa (1807-1872) từng nổi tiếng văn tài ở miền Nam:

Đồng Nai có bốn rờng vàng

Lộc họa, Lễ phú, Sang đàn, Nghĩa thi.

Ông để lại nhiều thơ chữ Nôm, chữ Hán và vở tuồng *Kim Thạch kỳ duyên*, được in lần đầu năm 1895, kể lại cuộc tình giữa trạng nguyên Kim Ngọc và nàng Thạch Vô Hà, qua nhiều thể loại thơ văn, từ phú đến thơ Đường, vè và thơ lục bát. Đặc biệt, nhân vật thầy lang trong truyện chỉ dùng tên vị thuốc mà vẫn diễn đạt được điều muốn nói qua nghệ thuật chơi chữ rất độc đáo.

Ông mất ngày 21 tháng giêng năm Nhâm Thân tức năm 1872, thọ 65 tuổi.

Trình diện trên văn đàn với phong cách địa phương *sông chằm lau lách* của nền văn học Hán Nôm đất lục tỉnh, Nguyễn Thông (1827-1884) quán thôn Bình Thạnh, tổng Thạnh Hội hạ, huyện Tân Thạnh, tỉnh Gia Định, đỗ cử nhân, từng giữ nhiều chức vụ về giáo dục, hành chánh, thủy lợi, điền nông. Khi Pháp chiếm ba tỉnh miền đông, ông ra Bình Thuận tị địa. Không chỉ là một nhà thơ, ông còn là một nhà giáo dục, một nhà nghiên cứu lịch sử, một nhà biên khảo địa lý. Tác phẩm có *Ngoạ du sào thi tập*, *Ngoạ du sào văn tập*, *Việt sử cương giám khảo lược*, *Nhân sự kim giám*.v.v... Thi ca Nguyễn Thông tải nặng lòng yêu mến quê hương nhưng văn phong u buồn do tâm trạng uất ức bất lực của tác giả trước thời cuộc. Ông mất ngày 7 tháng 7 năm Giáp Thân 1884.

Sương Nguyệt Anh (1864-1921) là biệt hiệu của người con thứ năm của Đồ Chiểu. Bà sanh tại xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Thuở nhỏ cùng chị ruột được cha dạy chữ Hán. Năm 1888, lấy chồng chỉ sinh được một con gái thì chồng mất. Bà ở góa nuôi con, làm nghề dạy học. Khoảng cuối năm 1917, bà đứng làm chủ bút tờ *Nữ giới chung* (Tiếng chuông nữ giới), tờ báo phụ nữ đầu tiên xuất bản tại Sài Gòn. Ít lâu sau bị loạn, bà về quê sinh sống bằng nghề dạy học và làm thuốc. Bà mất ngày 12 tháng 11 năm Canh Thân (4.1.1921). Bà dịch bộ *Yên sơn ngoại sử* của Trung Hoa ra thơ lục bát và làm nhiều thơ Nôm, lời lẽ dịu dàng, nhẹ nhàng. □

xuân

*Trời gởi tin xuân, dăm cánh én
Đất khoe màu Tết, cụm mai vàng
Cây cũ xôn xao mầm lộc mới
Đầu hiên e ấp cánh phong lan...*

nguyễn huy phước

Chú thích:

1. 1740-1741.

2. 1777.

3. Tôi nghi hai câu thơ này mượn ý và lời từ bài *Cổ hành cung* của Vương Kiến (768-830) đời Đường:

Bạch đầu cung nữ tại,

Nhàn toạ thuyết Huyền Tông.

Năm Thân Nói Chuyện Khỉ

Thái Văn Kiểm



Ai cũng biết cứ 12 năm thì có một năm trùng tên trở lại với chúng ta, như năm nay là năm Thân mà con vật tượng trưng là con khỉ thì 12 năm nữa mới sẽ có lại một năm thân. Nhưng chúng ta phải chờ 60 năm nữa mới lại có một năm Nhâm Thân, nghĩa là phải giáp vòng một vận niên lục giáp gồm bởi sự kết hợp của 10 thiên can và 12 địa chi.

Trước hết, loài khỉ là động vật có vú, thuộc loại Simius (Simia), họ Primates (hai chân trước có thể biến thành tay), bộ Dã nhân (Anthropoides), mặt tròn không có lông. Khỉ có những cử chỉ giống người, nhưng chưa hẳn là thủy tổ của loài người.

Tính khí bất thường, loài khỉ ưa nhảy nhót, đu chuyền từ cây nọ sang cây kia nơi núi cao rừng rậm. Thành ngữ ta có khá nhiều câu nói về khỉ. Thí dụ:

*Nhăn nhăn nhó nhó như khỉ gió ăn gừng**

hoặc:

Cười như đười ươi nước nể
hay:

Cười như đười ươi giữ ống.

Sách *Nhĩ nhĩ* chép: “Đười ươi (hay còn gọi là tinh tinh) nhỏ mà

hay hót, mặt người thân lợn, sinh sản ở huyện Phong Khê, quận Giao Chỉ. Nay ở núi sâu các tỉnh cũng có”.

Sách *Khúc Lễ* chép: “Tinh tinh nói được tiếng người” tức là giống đười ươi này.

An Nam chí chép: “Đười ươi ở trong hang núi, đi không theo đường nhất định, người ta đem rượu và vài chục giày dép buộc liền với nhau để ở đất, đười ươi trông thấy, biết được họ tên tiên tổ người ta, liền hô lên và khóc rằng: ‘Mi muốn dụ ta’, rồi cùng nhau bỏ giày mà đi, sau đó trở lại, gọi nhau uống rượu và đi giày, vì quá say nên vướng phải dây, thành ra bị bắt. Thịt môi rất ngon (một trong bát trân), lông dùng làm ngòi bút, máu dùng để nhuộm màu đỏ, ăn thịt đười ươi có thể nhin ăn ngũ cốc được”.

Còn chuyện “đười ươi giữ ống” là nhắc lại việc người xưa khi đi vào rừng, thường đeo nơi hai cánh tay hai ống tre, để phòng khi gặp đười

ươi thì cứ việc đưa hai tay cho nó nắm giữ. Lúc đó nó sung sướng quá, nhắm tít mắt lại mà cười, nhờ đó người ta nhẹ nhẹ rút tay ra, trốn mất. Đến khi đười ươi mở mắt ra thì chỉ còn giữ hai ống tre, người ta đã đi xa lắm rồi!

Sự việc cười xoà, môi miệng hở tung ra, cũng được so sánh với trái một loại cây mà ta gọi là trái ươi, lớn bằng trái mơ, hình thuẩn, màu vàng nâu, phơi khô trước khi bán. Mua về, ta đem ngâm nước thì nở ra tung toé như cười vậy. Ruột trái ươi trong như thạch xoa, ăn với nước đường rất mát.

Còn “nức nể” là trái cây hoa balsamine, khi gần chín, ta đụng tới thì nó nứt ra, hột văng tung toé, cũng ví như cười xoà vậy. Cũng có người gọi là cây móng tay.

Đại Nam nhất thống chí do Quốc Sử Quán nhà Nguyễn ấn hành tại Huế, có liệt kê những giống khỉ tại nước Nam ta như sau:

Con vượn: chữ Hán là *viên*. Sách *Bản thảo* nói: Vượn có tài leo trèo,

tay rất dài, hay dẫn khí nên sống lâu. Khi đi, kéo từng đàn, hay hát, mỗi lần hát ba tiếng, nghe rất thê thảm. Thịt đùi của nó có công dụng chữa bệnh trĩ, bệnh lậu và lở loét. *Bản thảo* lại chép những tên *dã nhân*, *dã nữ*, *dã bà* đều là giống vượn, có con cái không có con đực. *Hán thư* nói: "Dã nữ đi từng đàn để tìm chồng" tức là giống này.

Con bạc mảy: chữ Hán là *quả nhiên*. Sách *Bản thảo* gọi là *ngẫu nhiên*, là *lũy*, là *tiên hầu*. Lý Thì Trân nói: Quả nhiên là giống thú có lông nhàn, sinh sản trong núi phía tây nam, ở trên cây, hình dáng như con vượn, sắc đen mà nhiều râu, đuôi dài hơn mình, chỗ mút đuôi tách ra từng chẻ, mũi chổng lên trời, gặp mưa thì dùng chẻ đuôi đút vào mũi; hay đi từng đàn, con già đi trước, con trẻ đi sau; ăn thì nhường nhau; ở thì yêu nhau, lúc sống đoàn tụ, lúc chết thăm nhau. Liễu Tử nói giống này có đủ đức nhàn, nhượng, hiếu, từ. Nay trong núi Hải Vân có nhiều.

Con khỉ: chữ Hán gọi là *hầu*. Sách *Bản thảo* gọi là *dĩ hầu*; Quảng Vân gọi là *vuông tôn*, là *hồ tôn*. Giống hầu hình dáng như người mà thể chất như loài vật, tính hay lau mặt như gỏi, nên gọi là *mộc hầu*. Người nuôi ngựa thường nuôi nó trong tàu ngựa, có thể tránh được tật bệnh cho ngựa. Tục cũng gọi là *mã lưu*, lại có một loại gọi là *nao*, cũng thuộc loại hầu.

Loài khỉ còn được nhắc tới trong thi văn kim cổ. Trong sấm Trạng Trình có những câu nói về năm Thân mà ai cũng biết như:

Mã đầu dương cước anh hùng tặn,

Thân dậu niên lai kiến thái bình.
hay là:

Đến thời thiên hạ vô quân,
Làm vua chẳng dễ, làm dân chẳng lành

Gà kêu cho khỉ dậy nhanh,
Phu nguyên số đã rành rành cáo chung

Thiên sinh hữu nhất anh hùng
Cứu dân độ thế trừ hung diệt tã.
Theo thường lệ thì sự việc xảy ra

rồi mới biết sấm có ứng nghiệm hay không. Nếu đã ứng rồi thì về sau cũng có thể ứng lại được nữa vì lẽ tuần hoàn của vũ trụ hay là sự tuần diễn của việc đời. Nhưng có điều khó đoán là những năm có đại sự đều được chỉ định bởi một chữ mà thôi, như năm Thân, năm Dậu. Tình ra từ thời cụ Trạng tới nay, biết bao nhiêu chục lần Thân và Dậu mà nói cho cùng! Vì vậy mà chúng ta nên đề đặt đối với sấm truyền cả Đông lẫn Tây.

Nói về sự tuần hoàn vũ trụ và sự việc, bên nước ta có hai câu hò rất thông thường, nghe ra như sấm Trạng:

Được mùa chớ phụ môn khoai,
Đến năm Thân, Dậu lấy ai bạn cùng.

Và:

Áo ướt năm Thân con phải biết
Lửa lò năm Dậu mẹ mới nhen.

Hai câu sau này hình như do cụ Ung Bình Thúc Giạ cảm tác, nhằm nhắc lại sự kiện lịch sử năm Giáp Thân (1884) và năm Ất Dậu (1885) là hai năm đen tối cực khổ nhất, với việc ký kết bản hiệp ước Patenôtre (1884), chấp nhận việc Pháp đặt nền đô hộ tại Việt Nam, tiếp theo là việc thất thủ kinh đô Huế (1885) chỉ vì tướng De Courcy đòi nhập nội cửa chính Ngọ Môn, mà bên ta, hai ông Nguyễn văn Tường và Tôn Thất Thuyết, nhất định không chịu, chỉ bằng lòng cho vào cửa ngang mà thôi. Kết quả là vua Hàm Nghi phải bỏ chạy ra Quảng Trị rồi lên miền núi Quảng Bình Hà Tĩnh một thời gian, cho tới khi bị bắt đưa sang lưu đày tại Algérie.

Nói về những nhân vật dị tượng, có tướng hầu, thì bên ta có trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi (cuối thế kỷ



18, đầu thế kỷ 19), danh sĩ đời Trần, tự là Tiết Phu, người làng Lũng Động huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Tướng mạo xấu xí, thân hình nhỏ bé nhưng học rất giỏi. Ông nổi tiếng với bài *Ngọc tỉnh liên phú*, tự ví mình như bông sen nơi giếng ngọc. Mạc Đinh Chi trải qua ba đời vua Anh Tông, Minh Tông và Hiến Tông, làm quan đến chức Tả Bộc Sạ.

Bên Tàu, những nhân vật cốt lõi trong truyện truyền kỳ có:

* **Hầu Anh:** Nước Sở đời Xuân Thu có con hầu đặt tên là Hầu Anh, biết đánh cờ mà lại đánh rất giỏi, không một ai đánh lại. Chung Vô Diệm là vợ Tề Tuyên Vương phải dùng kế mới thắng nổi nó. Thơ có câu:

*Hầu anh nổi tiếng kỳ vương,
Phải dùng kế mọn mới đương nổi chàng.*

* **Bạch Viên Tôn Các:** Bạch viên: con vượn trắng. Tương truyền ngày xưa đời nhà Đường, Trần Huyền Trang (tức Tam Tạng) có nuôi con vượn bạch rất tinh khôn. Về sau, Huyền Trang đem dâng cho vua. Đến khi có loạn An Lộc Sơn, vượn trốn đi biệt. Mười năm sau, có một người xưng là phu nhân vợ của Tôn Các xin đem trả lại cái vòng bích ngọc đã đeo trên cổ vượn bạch ngày trước. Lúc nhìn lại thì người đàn bà đã hoá thành con vượn bạch đi mất. Truyện thơ *Bạch Viên Tôn Các* nội dung kể lại sự tích con vượn bạch gá nghĩa cùng Tôn Các và sinh hạ được hai con.

* **Tề Thiên Đại Thánh:** tên Tôn Ngộ Không, một con vượn thọ khí âm dương mà thành hình. Nó ở núi Hoả sơn, động Thủy Liêm, tu hành đắc đạo, đại náo Thiên cung. Thường đội mào tảo thiên, mình mặc quần da cạp, đi giày đạp vân, lưng cột gân cạp, mắt lửa trông vàng, tay cầm kiếm niệp, thiết báng. Nhờ tu ngàn năm nên thần thông quảng đại, biết sai khiến ma quỷ, biến hoá vô cùng, náo thiên cung loạn địa phủ, sau vâng lệnh Phật Quan Âm, theo thầy Huyền Trang đi thỉnh kinh Tam Tạng.

* Sau hết là chuyện Tô Vĩ chần dề nơi đất bắc, có làm bạn với một con vượn người, sử gọi là hồ phụ.

Nguyên Tô Vĩ người đất Đỗ Lăng, tự là Tử Khanh, tôi trung của Hán Võ đế, đi sứ Hung Nô. Chúa Hung Nô là Thuyền Vu bảo Lý Lăng và Vệ Luật cũng là tôi nhà Hán đã hàng Hung Nô, dụ Tô Vĩ về đầu luôn. Tô Vĩ không chịu. Thuyền Vu giận, bỏ đói Tô Vĩ ba ngày trong hang, cốt ý để cho chết. Tô Vĩ nhờ vuốt hột sương trên ngực cờ thắm giọng nên không chết. Thuyền Vu cho Tô Vĩ là thần, không dám hại, chỉ đẩy ra đất Bắc chần dề. Tô Vĩ mới viết thư buộc vào chân chim nhạn, đem tin về cho vua. Nhờ đó vua mới biết Tô Vĩ còn sống. Mười chín năm sau, Thuyền Vu giải hoà với nhà Hán, Tô Vĩ được tha về. Lúc chia ly, Hồ phụ có chiều quyến luyến. Mãi sau, nàng đem con đến trả Tô Vĩ.

Diễn tả tâm tình Tô Vĩ và Hồ phụ lúc chia ly, Ngô Chi Lan có bài:

TÔ VĨ TỪ HỒ PHỤ

*Ngập ngừng nâng chén ly bôi
Nghĩ mình muôn dặm, thương người năm canh*

*Nhớ duyên kỳ ngộ ba sanh,
Trăm năm xin gửi chút tình lại đây.
Ngọn sứ tiết lung lay chín bệ,
Nặng chữ trung nên nhẹ chữ tình riêng.
Ngỡ ngang khi quấy gánh buộc yên,
Rượu một chén, lụy đôi hàng lông chã.
Trách bà Nguyệt, ông Tơ sao khuấy khoả,*

*Đem duyên em mà vẫn chạ xích thành.
Phỏng xưa kia vượn lấy chàng Lăng,
Tình sum hiệp chiếu chần càng mãi mãi.
Hay là cá nước chẳng ưa màu phấn đại,
Đem duyên em mà buộc lại chàng Tô.
Xui nên kẻ Hán người Hồ,
Lạnh lẽo đêm thu màn phí thúy.*

*Có câu rằng:
Đỗ quyền đề đoạn văn thiên lý,
Ố thước sào hàng nguyệt nhứt chi.
Dứt nhân duyên mà để lại biên thùỵ,
Cho nặng gánh chung tình ra thế thế.
Dầu Hồ lễ có cam lời hải thệ,
Tội thông thiên biết để cho ai,
Còn non còn nước còn dài.*

Hết chuyện bên Tàu, chúng ta

bước sang phía Ấn Độ để tìm thiên anh hùng ca mà toàn dân Ấn trên 300 triệu đều thông hiểu và thuộc lòng nhiều đoạn. Đó là truyện *Ramayana* gồm hai mươi bốn ngàn song cú, thơ văn xen kẽ, trải ra bảy quyển, do Valmiki sáng tác, kể lại cuộc đời kỳ lạ và công trận hiển hách của anh hùng Rama.

Vốn là thiên thần Rama phải chiến đấu quyết liệt với hung thần Ravana, thủ lãnh bọn quỷ Raksasa để giành lại công chúa Sita, nhờ sự giúp đỡ tận tình của con khỉ Hanuman vì chỉ mình nó có khả năng quán chúng nhảy từ Ấn Độ sang tận Tích Lan, nơi bọn quỷ đang giấu kín công chúa Sita trong một hang núi vô cùng hiểm hóc. Nhưng một khi giải cứu xong, Rama lại đối xử lạnh lùng với Sita vì nghi kỵ nàng đã thất thân với Ravana, mặc dù nàng đã bằng lòng chịu phép thử lửa với thần Agni, lên hoả đàn mà vẫn không bị cháy. Rốt cuộc Rama cũng thuận đưa Sita về xứ Ayodhya để lên ngai vàng.

Truyện *Ramayana* (Con đường Rama) được truyền tụng khắp vùng Đông Á và Nam Á, được địa phương hoá và biến hoá, thêm bớt hoặc rút gọn thành những truyện ngắn và những tuồng hát. *Ramayana* khiến ta nhớ tới những truyện Thạch Sanh chém chằn, truyện Tề Thiên Đại Thánh...

Để kết thúc những truyện tích về người và khỉ, xin mời bạn đọc cùng Mừng xuân với Đông Thái:

*Thiên hạ vừa xong cái chuyện Dê,
Khỉ về đây đó cũng vui ghê.
Nước trong leo lẻo tuôn đầy suối,
Liều thăm rườm rà phủ kín khe,
Cúc trắng phau phau nhìn chẳng chán,*

*Đào tơ lơ lửng ngắm càng mê,
Dụng nêu là pháo liên hồi nổ,
Trên dưới mừng xuân thật hả hê!*

* Nguyên ngữ: "nhân nhân nhớ nhớ như nhà khó ăn mừng", đã nghèo khó, còn phải chạy tiền để khao-vọng làng xã nên nhân nhớ khổ-sở.

Những Con Thú Được Nói Tới Trong Âm-Nhạc

Trần Quang Hải

Từ trước tới nay ít ai nghĩ tới việc tổng kết tên những con thú được nhắc tới trong âm nhạc. Âm nhạc ở đây không nhất thiết phải là nhạc cổ truyền. Có thể là cổ nhạc, dân ca, tân nhạc. Có thể là nhạc Á châu, Âu châu, Phi châu. Nhân dịp xuân về, tôi xin viết một bài tổng quát về sự liên hệ giữa các con thú đến âm nhạc nói chung từ nhạc khí, tên bài bản, cốt truyện, vũ điệu trên khắp hoàn cầu.

NHẠC KHÍ CÓ LIÊN HỆ ĐẾN THÚ VẬT

Theo huyền thoại, ngày xưa thần Pan có nửa trên là người, nửa dưới là thú, yêu một nàng tiên nữ nhưng nàng này không yêu lại. Thần Pan bèn biến nàng thành cây sậy, rồi chặt sậy để làm cây sáo nhiều ống (Pháp: *Flûte de Pan* hay *Syrinx*; Anh: *Panpipes*) để giải sầu.

Còi, nhạc khí cổ bằng đất, tìm được nơi các thiểu tộc Trung Mỹ (dân Aztéques ở Mexico) và Nam Mỹ (dân Inca) phần nhiều làm theo dạng các con thú như chim, thằn lằn, kỳ đà, gà. Có loại còi đổ nước vào để thổi, bắt chước tiếng chim khi đi săn.

Ở Cao Miên và Thái Lan, trong dàn nhạc triều đình có một cây đàn

dây tên là *cá sấu (takhe)*.

Ở Trung Hoa, Việt Nam và Đại Hàn, trong dàn nhạc ở văn miếu thờ đức Khổng Tử, có cây đàn gỗ loại tự âm thanh vang (idiophones) mang hình con cạp, trên lưng có khứa để quạt kêu nghe rẹt rẹt (y: Trung Hoa, ngữ: Việt Nam).

Trong các loại đàn dây, thùng đàn hoặc được làm bằng mu con thú armadillo ở Bolivia, Peru, Nam Mỹ: đàn *charango*. Hoặc âm bản làm bằng da thú như da trăn da rắn trên đàn *tam* Việt Nam, *san hsien* Trung Hoa, *sangen* Nhật Bản, đàn *nhị* Việt Nam, *nan hu* Trung Hoa; làm bằng da chó da mèo như đàn *shamisen* Nhật Bản; da trầu như đàn *târ* của Ba Tư, hay các loại da thú khác như đàn *kora* của một số quốc gia Phi châu, đàn *sarod* Ấn Độ.

Mặt các loại trống đều làm bằng da thú như bò, trầu, dê, trâu, trăn, cá sấu, v.v..

Ngay trong các nhạc khí dùng để thổi như kèn túi (Pháp: *cornemuse*, Anh: *bagpipe*), hầu hết các túi đều làm bằng da thú.

Phần trên chỗ lên dây đàn *tỳ bà* Việt Nam có khắc đầu con dơi. Chỗ dùng để treo móc trống đồng có hình con cóc.



TÊN BẢN NHẠC NÓI TỚI THÚ VẬT

Trên thế giới, từ tân nhạc đến dân ca, nơi nào cũng có bài hát mang tên thú vật. Vì không đủ chỗ trong phạm vi một bài viết, tôi không thể kể hết tất cả những bài hát của từng quốc gia có liên hệ tới thú vật, chỉ xin lựa vài thí dụ điển hình và trong lĩnh vực quen thuộc với độc giả.

Tân nhạc Mỹ thời 50-60 có một số bài bản mang tên thú vật trong tựa bài như *How much is that doggy in the window* (Patty Page hát), *The mocking bird hill* (Patty Page), *Bird dog* (Everly Brothers), *Butterfly* (Tony Brent), *Hound dog* (Elvis Presley), *When the swallows come back to Capistrano* (Pat Boone), *What's the new pussy cat* (Tom Jones). Dân ca Pháp cũng có

một vài bài với tên thú như *Le corbeau et le renard*, *Alouette*, *Trois petits canards*. Khoảng đầu thập niên 80 ở Pháp có một điệu nhảy rất thịnh hành gọi là *Danse du canard* (nhảy vịt), một điệu nhảy tân thời hai chân khép lại, hai cánh tay kẹp sát nách rồi tách rời ra nhiều lần theo nhịp nhạc, đầu lắc lư như bị mắc kinh phong. Điệu nhảy này chỉ thịnh hành trong một mùa rồi chẳng thấy ai múa nhảy nữa.

Tân nhạc Việt Nam cũng có một số bài bản mang tên chim thú. Chẳng hạn như bài *Chim chích choè* (Đức Quỳnh), *Tiếng chim gọi đàn* (Phan Huỳnh Điểu), *Đàn chim Việt* (Văn Cao), *Con công hay múa* (Nguyễn Hữu Nghĩa), *Ngựa phi đường xa* (Y Vân), *Bầy chim bồ xư* (Phạm Duy)...

Dân ca Việt Nam cũng có một số bài bản mang tên thú vật. Các bài lý như *Lý ngựa ô*, *Lý quạ kêu*, *Lý con mèo*, *Lý con nhái*, *Lý con cua*, *Lý con sáo*, *Lý con quạ*, *Lý chim sặc*, *Lý con cá trê*, *Lý con thần lằn*, *Lý gà mái tơ*, *Lý rồng năm*, *Lý con lươn*, *Lý con trâu*, *Lý con nhạn*... đến các điệu về miền Nam như *Về con cua*, *Về con trâu*, *Về con cá*, *Về các loài rắn*, *Về thịt chó*...v.v..

Trong âm nhạc Việt Nam nói riêng, chúng ta cũng khám phá một

số bài bản mang tên các con thú. Thời nhà Nguyễn (1802-1945), một số vũ điệu triều đình có tên là *Mã vũ*, *Tứ linh vũ* (long, lân, qui, phụng), *Phụng vũ*... Trong số 10 bài ngự hay còn gọi là 10 bài Tàu thuộc bài bản của dân Tiểu nhạc Huế có bài *Long hổ*, *Tẩu mã*... Ở miền Nam, danh mục của Đàn Tài Tử cũng có vài bản mang tên thú như *Long hổ hội*, *Tẩu mã* (thoát thai từ các bài của Tiểu nhạc Huế). Trong hát cải lương miền Nam, ngoài hai bài *Long hổ hội* và *Tẩu mã* từ Đàn Tài Tử ra, còn có thêm một số bài khác như dây Bắc có *Lý ngựa ô Bắc* (tiết tẩu mau và nhịp một); dây Nam có *Lý ngựa ô Nam* (tiết tẩu chậm hơn và nhịp tư lời); *Lý con sáo* (còn gọi là *Lý tam thất* thường dùng trong cải lương); dây Oán (đặc biệt miền Nam dùng dây hồ Tư tục gọi là dây Chinh và dây Tố Lan) có *Phụng cầu hoàng* (bản của Tư Mã Tương Như đàn để tỏ tình cùng nàng Trác Văn Quân), *Phụng hoàng* (không bị đứt bằng các bài oán khác như *Văn thiên tường*, *Tứ đại*); dây Nam do dây Bắc biến thể như *Chuồn chuồn* (trước dây Bắc sau đổi thành dây Nam, hát trước khi vô sáu câu vọng cổ, dùng để tả cảnh gặp hoạn nạn).

Trong âm nhạc nói chung, ta có thể tìm thấy những con thú được đề cập như truyện *Tây du ký* của Trung quốc với Tề Thiên Đại Thánh, Trư Bát Giới, Ngưu ma vương trong Kinh kịch (Peking opera). Năm 1979, một đoàn hát của Tàu sang Nhật lưu diễn, trình bày vở tuồng *The Monkey king creates Havoc in Heaven* (Tề Thiên Đại Thánh đại náo Thiên cung). Vở tuồng này cho thấy Tôn hành giả võ thuật siêu quần, múa cây thiết bồng thần sầu quỷ khóc và mặt mũi được hoá trang tuyệt hảo.

Trong truyện *Ramayana* phổ biến khắp Đông Nam Á, Hanuman là hầu nhân, một trong những nhân vật chánh. *Ramayana* là thiên anh hùng sử của Ấn Độ, kể việc hoàng tử Rama (hiện thân của thần Vishnu) bị oan khuất, phải đày vào

rừng với vợ là Sita và người em là Laksamana. Sau đó, Sita bị những người khổng lồ Raksasa bắt đi, may nhờ hầu nhân Hanuman và đoàn binh khỉ cứu thoát. Trong một vài bản dịch có thêm đoạn hoàng tử Rama tái chiếm đất nước và công chúa Sita bị giết chết. Truyện chỉ có thể mà khắp vùng Đông Nam Á, từ Ấn Độ, Miến Điện sang Nam Dương, Thái Lan, Cao Miên, Lào... đâu đâu cũng được ưa chuộng. Thiên anh hùng sử này được trình diễn dưới nhiều hình thức khác nhau: hát tuồng, múa rối, vũ triều đình và dân gian.

NGHỆ SĨ MANG TÊN CÁC LOÀI CHIM

Truyền thống nghệ sĩ mang tên các loài chim không thấy nơi các quốc gia Âu Mỹ, mà thường thấy ở Việt Nam và chỉ thịnh hành từ 1950 tới trước 1975 và nhất là ở miền Nam Việt Nam. Ta có: *Bạch Yến* (sống ở Pháp), từng hát trong nhiều đĩa của các hãng đĩa ngoại quốc, được giải thưởng *Grand Prix de l'Académie Charles Cros* năm 1983, hiện vẫn trình diễn và chuyển sang địa hạt dân ca. *Hoàng Oanh* (ở California, Hoa kỳ) nổi danh về ngâm thơ và những ca khúc mang âm hưởng nhạc dân tộc với tiết tấu chậm. Kim Tước, ca sĩ nổi tiếng trước những "con chim" khác, cùng thời với Châu Hà, Mộc Lan hiện ở Hoa kỳ, vẫn còn hát những ca khúc của Cung Tiến, Vũ Thành. Hoà Mi, Sơn Ca, hai ca sĩ được Hoàng Thi Thơ đào tạo, một ở Pháp, một ở Mỹ, hiện vẫn trình diễn. Thiên Nga ở Pháp, chuyên trình diễn nhạc kịch động. Minh Phượng cũng ở Pháp và trình diễn tại các nơi lui tới của người Á châu. Trước 75, tại Sài gòn có ban tam ca Ba Con Mèo với nữ ca sĩ Mỹ Hoà hiện ở Pháp, hai ca sĩ kia ngụ tại tiểu bang California, Hoa kỳ.

Đây chỉ là một bài sơ khảo về chim thú trong âm nhạc, mong cống hiến độc giả những giây phút thoải mái trong những ngày đầu xuân Nhâm Thân. □



Đan-Thanh Đôi Nét Về Con Khỉ Trong Chữ Nho

Lê Văn Lân

Đầu năm, nếu không sợ giông, ta nói chuyện khỉ chơi. Bạn khỏi lo, tôi không nói chuyện khỉ ta mà nói chuyện khỉ Tàu.

Cái ông lằng giềng Tàu ở phương bắc đối với dân Việt Nam ta trên dòng lịch sử về các phương diện chính trị, quân sự, kinh tế... nhiều lúc chẳng thân thiện chút nào nếu không muốn nói là thù nghịch. Họ cứ chỉ chăm chăm xâm lăng nước ta, đồng hoá dân tộc ta. Nếu ông cha ta không có tinh thần đề kháng mãnh liệt thì có lẽ nước ta, dân ta còn khốn đốn nhiều hơn nữa.

Tuy đã cố gắng dân tộc hoá những điều du nhập từ phương bắc, nhưng đứng trên phương diện văn hiến, Việt Nam ta vẫn chịu ảnh hưởng rất sâu đậm của Trung Hoa về văn tự, học thuật, triết lý, đạo giáo.v.v.. Cũng như nền văn minh cổ Hy La đã tác dụng sâu đậm trên các nước Âu Mỹ, văn minh Trung Hoa vẫn được coi là cái nôi của văn minh Đông Nam Á. Chúng ta có trà tàu, đồ cổ tàu, gốm tàu, thức ăn tàu, tuồng tàu, mỹ nhân tàu,... Hôm nay tôi xin nói thêm về một thứ "tàu" nữa: "khỉ tàu" trong văn tự Trung Hoa.

Văn hoá Trung Hoa đặc thù ở tinh thần biểu tượng. Danh từ tinh thần biểu tượng Trung Hoa (Chinese symbolism) được đặt ra bởi các học giả Tây phương về Hoa

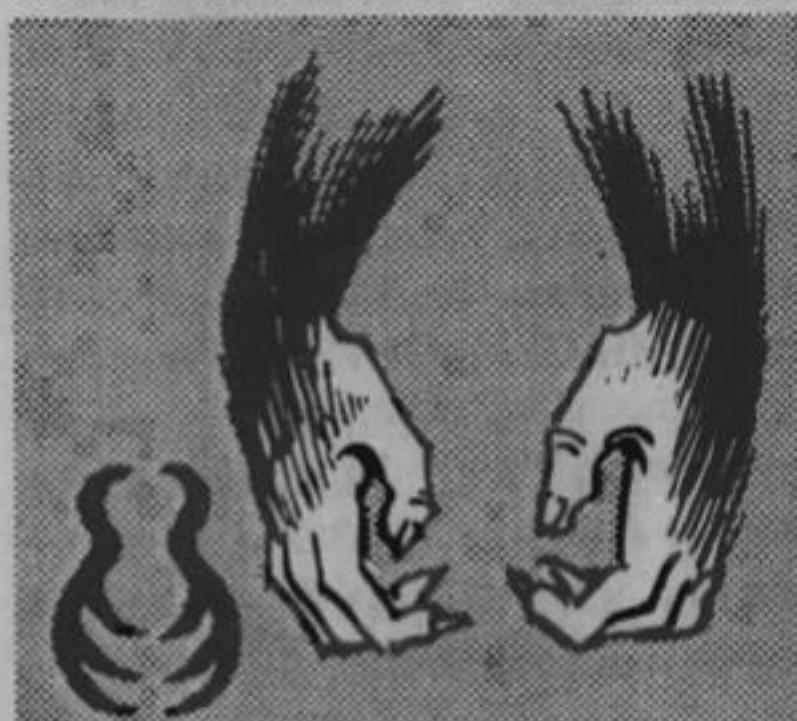
học (Sinology). Có thể nói, hiểu được các biểu tượng của dân Tàu là nắm được gần trọn vẹn cái quan niệm về nhân sinh và triết lý của họ. Tinh thần văn hóa Việt Nam đương nhiên cũng ở trong đường hướng biểu tượng hoá vì chúng ta trong gần hai ngàn năm đã học văn tự cũng như thấm nhuần tư tưởng, học thuật Trung Hoa.

Văn tự Trung Hoa là một kho tàng tích lũy về biểu tượng. Chữ Tàu (hay Hán tự, hoặc chữ nho) là một loại chữ tượng hình biểu ý. Mỗi chữ nho là một bức vẽ mà người sáng chế ngôn ngữ nguyên thủy đã cố tình dùng bút ghi lại vài nét giản lược của sự vật đối tượng.

Đề tài của chúng ta là "khỉ", vậy ta thử tìm xem khỉ đã được miêu tả ra sao qua văn tự Trung Hoa.

Giở *tự điển Khang Hi*, ta thấy có cả thấy 214 bộ chữ. (Bộ chữ tức là những chữ gốc chỉ cái ý căn bản hay sự phân loại về những điều liên quan, chẳng hạn như bộ Nhân: nói về người hay những gì liên hệ xa gần đến người). Một chữ nho thông thường được viết bằng cách ghép một bộ — chủ về cái ý (significative) — vào một chữ hài thanh. (Chữ hài thanh là chữ để chủ âm, nghĩa là hướng dẫn cách đọc (phonetic)).

Trước khi có bộ *Khang Hi tự điển* với cách chia thành 214 bộ chữ thì cũng đã có nhiều cách phân loại



chữ nho như các cuốn *Nhĩ nhĩ* do Chu công (thế kỷ 14 trước TC) trước tác. *Loại thư* do Tử Hạ, môn đồ của Khổng Tử, (thế kỷ 5 trước TC) soạn thảo. Cuốn này đến năm 280 được Quách Phác tu chính. Gọi là *Loại thư* vì các sách này chia chữ theo các loại: con người, súc vật, cây cỏ, đất đá, v.v.. Cuốn *Thuyết văn giải tự* do Hứa Thận (năm 200) là cuốn ngữ vựng đầu tiên, chia chữ nho theo 540 chữ chìa khoá căn bản. Đến đời Minh, số chữ chìa khoá bị rút lại còn 214 bộ. *Tự điển Khang Hi* đã giữ cách chia chữ theo số 214 bộ chữ này.

Trong số 214 bộ chữ của *Khang Hi tự điển*, sự vật được mô tả theo nét tượng hình của các loài trong trời đất thiên nhiên như con người, thú vật, đất đá, cỏ cây. Ngay cả đến ma quỷ, thần thánh tuy siêu nhiên, vô hình nhưng cũng được mô tả bằng nét vẽ.

Về thú vật, người ta thấy có những bộ chỉ những con vật quen thuộc như chó (khuyển), trâu (ngưu), cọp (hổ), dê (dương), sâu (trùng), heo (thỉ), ngựa (mã), cá (ngư), chim (điểu), nai (lộc)...

Những nét tượng hình trong chữ nho cổ truyền rất đơn sơ, nguệch ngoạc nhưng rất gợi ý. Phải có cái nhìn suy tưởng mới thấy chữ nho thú vị, còn nếu dùng cái nhìn tách bạch, phân tích luận lý để nhận xét thì... chẳng thấy gì cả.

Con khỉ rất quen thuộc với con người từ thượng cổ, thế mà trong chữ nho lại không có bộ khỉ! Những chữ chỉ về các loại khỉ được xếp vào bộ khuyển (chó), kể ra không hợp lý.

Trên cách phân chia theo bộ chữ, chữ nho có nhiều điểm trục trặc, khi thì theo lý luận hợp thực tế, lúc thì độc đoán. Bộ *Khang Hi tự điển* chứa 40.000 chữ, nghe đâu thời trước con số này lên đến 80.000, về sau lược bỏ phân nửa. Trong 40.000 chữ của *Khang Hi tự điển*, chỉ có khoảng 4.000 chữ thông dụng, 2.000 danh từ riêng, còn 34.000 chữ rất ít dùng. Cũng trong *Khang Hi tự điển*, ta có thể nhặt ra vài điểm nghịch thường, chẳng hạn như: Con mèo (miêu) có thể được sắp theo hai bộ: bộ khuyển 𤝵 hay bộ trĩ chỉ loài bò sát 豕; con voi (tượng) được viết với bộ thỉ (heo) 豕; con dơi (phúc) viết với bộ trùng (sâu) 虫 .v.v..

Tra cứu kỹ, ta thấy con khỉ đã được vẽ cẩn thận trong chữ nho. Đó là chữ *ngu* viết theo cổ triện như sau: 𤝵 → 𤝵. Ta thấy có cái đầu 𤝵 trên cái móng út tròn, tiếp nối là hai chân sau, với cái đuôi cong vút ở dưới 𤝵 vẽ ra hình con khỉ ngồi.

Hình cái đầu 𤝵 còn trông thấy trong chữ *quỷ* 𤝵 𤝵 có cái đầu to chân vằn nằm trên hai cái chân 𤝵 chạy xoáy trên không 𤝵 hồng đất! Còn hình mà cái móng út, cặp chân sau với cái đuôi 𤝵 𤝵 là chữ *nhụ*, còn có thể mượn tượng là dấu chân của thú dẫm lên đất. Sách *Thuyết văn* nói: Thú túc nhụ địa dã. Bộ nhụ 肉 còn thấy trong chữ *li* 𤝵 gọi con trâu rừng vì có hình hai cái sừng và chữ *cầm* 𤝵 chỉ chung loài thú hoang, về sau chỉ các loại chim.

Chữ *thú* 𤝵 chỉ các súc vật nuôi

ở nhà, hình cái sừng lớn 𤝵 được thay bằng hình hai cái tai 𤝵. Thú vật nuôi ở nhà gồm sáu con: ngựa, trâu, dê, gà, chó, heo. Con khỉ tuy được sắp vào loài thú nhưng nó là loài *tứ thủ* (bốn tay) nên con khỉ lớn, đọc là *phí*, được tượng hình như sau: 𤝵 Ta thấy hình bốn cái tay quanh cái đầu (dư hai chân!).

Theo phân loại về động vật học, khỉ và người thuộc họ nhân dạng (Family Hominidae) trong dòng vượn (Order Primates), thuộc lớp động vật có vú, cùng có hai đặc điểm về cơ thể là đứng thẳng bằng hai chân và bàn tay có ngón cái đối đầu với bốn ngón kia. Loại khỉ có bốn tay thích hợp trong việc sinh sống trên các cành cây, đu chuyền, hái trái bắt sâu. Còn loại khỉ độc, đuôi uơi và con người vì sống, đi trên đất nên chỉ có hai tay. Hình tượng của bàn tay được thể hiện trong chữ nho với những hình khác nhau:

𤝵 𤝵 𤝵 𤝵 𤝵 𤝵

Hình bàn tay úp xuống 𤝵 về sau biến thành chữ *trảo* (cái móng vuốt để bấu vùi):

𤝵 → 𤝵 → 𤝵 → 𤝵

Một hình tượng khá thú vị là con khỉ cái (vi 𤝵) viết với những nét sau: 𤝵. Một bàn tay úp che trên đầu (𤝵), còn hai bàn tay kia nắm phía dưới (𤝵), thân hình là chữ nhân (人) ở giữa, chỉ sự giống con người. Theo sách *Thuyết văn*, khỉ cái thường có hai bàn tay biết nắm bắt mau lẹ (kỳ vi cầm, hiểu trảo). Theo tôi, có lẽ vì khỉ cái cần bế ẵm con và hái trái nuôi con.

Đặc biệt, chữ khỉ cái có hình hai cái vú 𤝵 như hình người đàn bà vậy. Hãy để ý chữ *nữ*: 𤝵 𤝵 女. Nếu hai cái vú này nở để nuôi con thì chữ *nữ* 女 thành chữ *mẫu* 母. Về hình khỉ vượn có hai cái vú giống người có thể liên quan ít nhiều với cái ý về tình mẫu tử và điển tích đoạn trường của con vượn trong văn chương.

Tại sao khỉ độc và người chỉ có hai vú? Kỳ thực, người ta có thể có từ một đến sáu cặp vú

nằm dọc từ nách xuống đến bẹn. Điều này đã được nhận xét để làm đề tài luận án y khoa tiến sĩ về những cặp vú phụ (seins surnuméraires). Ở phần lớn phụ nữ Việt Nam, tôi nhận xét có một số không nhỏ có thêm một cặp vú phụ ở dưới nách, hai núm vú nhỏ như hai cái nốt ruồi. Khi hai vú ở ngực căng sữa, núm vú phụ cũng căng sữa.

Ở khỉ độc và người, khi sinh chỉ sinh một, sinh đôi chứ không sinh cả lứa 5, 6 con như heo nên mấy vú phụ bị teo đi.

Một điểm khác cần nói thêm về bàn tay của khỉ và của người: Bàn tay của khỉ đại khái có ngón cái có thể co lại để đung đầu với bốn ngón kia nên nắm bắt đồ vật được, nhất là để bám, leo trèo. Do đó, hình bàn tay của khỉ được vẽ ra trong chữ *tiến*. Tiến nguyên thủy có nghĩa là tiến lên bằng cách leo với bốn bàn tay 𤝵. Về sau *tiến* nghĩa là được thăng quan tiến chức, tiến thân trên hoạn lộ để giạt lấy chức tước cao hơn. *Chức tước* được tượng trưng bằng cái ấn triện 𤝵 𤝵 nên chữ *ấn* được viết dưới chữ *tiến* nguyên thủy: 𤝵 → 𤝵. Về sau, được thêm bộ sước (走) để diễn tả cái ý đi động rõ hơn: 𤝵.

Nếu viết với bộ nhân 亻 thì có nghĩa là *ông tiên*, một người tu luyện để leo vượt khỏi cõi phàm nhân tiến lên con đường trường sinh bất lão (*Thuyết văn*: Trường sinh bất tử viết tiên) 𤝵. Chữ *tiên* còn có thể viết là 仙, con người sống trên đỉnh núi. Bây giờ chúng ta mới hiểu tiên và khỉ giống nhau ở điểm cùng sống trên núi như Tú Xương đã châm biếm:

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc con
Sinh năm để bầy được vương tròn
Phố phường chật hẹp người đông đúc

Bồng bế nhau lên... nó ở non!

Một điều chung khác cũng rất đặc biệt là người và khỉ đều đi đứng bằng hai chân (bipedal) nên hai tay thông xuống, do đó cùng có bệnh hôi nách!

Khỉ và người không di chuyển

mau bằng các thú vật bốn chân, nhưng bù lại, hai bàn tay được phát triển để kiếm ăn hay làm các việc tỉ mỉ như hái trái cây, bắt sâu bọ, cầm đá chọi, bẻ con... Sức mạnh của bắp thịt không còn thì sự khéo léo phải phát triển để thay thế và sinh tồn.

Đứng về phương diện động vật học, người và khỉ thuộc về loại vượn nhân dạng (Hominidae), tuy nhiên giống người (genus homo) lại tách rời khỏi giống khỉ. Người ta chưa thể xác quyết con người là một thứ vượn đã tiến hoá.

Khỉ và người, nhìn đại khái thì giống nhau ở chỗ có chân và tay khác các loài thú khác. Tuy nhiên, trên nhiều phương diện, người ta chưa thể nói khỉ vượn là tổ tiên của người. Vượn khỉ là giống có trước người (antecedents of men) chứ không phải là tổ tiên của người (ancestors of men)!

Hình tượng đầy đủ của con người theo chữ nho được mô tả với chữ đại 大, cổ triện là 𡗗. Sách *Thuyết văn* nói: Tỷ hình chi hình (hình có đủ chân và tay). Tuy nhiên, chân và tay chưa hẳn là điều kiện tiên quyết để xác định tính chất của con người. Sách *Thuyết văn* lại xác định rõ ràng: Người mang cái tính chất rất quý giá của trời đất và cái tú khí của ngũ hành (Nhân: thiên địa chi tính tối quý giá đã, ngũ hành chi tú khí đã).

Tuy có thuyết tiến hoá luận nói con người đã phát triển từ loài khỉ vượn, nhưng hình như loài khỉ người (hominid) khổng lồ ăn rau cỏ *Australopithecus robustus* đã ngưng tiến hoá hẳn. Con đường phát triển chính dẫn từ giai đoạn con người Phi châu (*Australopithecus africanus*) và con người đứng thẳng (*Homo erectus*) đến con người tư duy (*Homo sapiens*) là điều mà nhân loại vẫn đang tìm hiểu. Chính con người thái cổ của giống người biết tư duy, còn gọi là người Neandertals cấp tiến (Progressive Neandertals) đã tiến hoá dần thành con người hiện đại (Modern men). Còn giống gọi là người Neandertal cổ điển (Classical

Neandertal) thì vị trí đang là đề tài tranh cãi: Có thể nó chỉ là một dòng phát triển từ con người đứng thẳng (*H. erectus*). Nó đã góp phần vào sự tiến hoá thành con người tư duy (*H. sapiens*) hay đã bị diệt chủng, điều đó đến nay chưa ai khám phá ra.

Con người tư duy (*H. sapiens*) đã tiến hoá trong mấy chục ngàn năm, qua những giai đoạn phát triển đồ đá cũ (Palaeolithic), rồi đồ đá mới (Neolithics), và cuối cùng qua giai đoạn canh nông và sống thành xã hội để rồi đến giai đoạn hiện tại. Trong quá trình tiến hoá, con người không những khác các loài vật hạ đẳng qua sự thẳng lưng đi đứng, mà còn khác ở chỗ biết dùng *đôi bàn tay* để tạo thành dụng cụ và dùng *miệng* để phát triển ngôn ngữ. Nhưng cái đặc thù của giống người quan trọng nhất là *quả tim* và *sọ não*.

Bàn tay của khỉ trong chữ nho chỉ diễn tả cái ý leo trèo, còn bàn tay của người làm nhiều động tác phức tạp hơn. Bởi thế người ta tìm thấy nhiều hình dạng bàn tay người trong chữ nho:

* 𠂔 : Bàn tay phải. Nếu bàn tay phải cầm roi để chần trâu thì ta có chữ *mục* 𠂔 (牧)

* 𠂔 : Bàn tay trái. Hai bàn tay phải và trái để ngược lại, không làm nên việc tức là chữ *sai* (không đúng) 𠂔 (差)

* 𠂔 : Bàn tay úp xuống. Trong chữ *thái* là hái rau, hái trái, ta thấy bàn tay đặt úp trên chữ *mộc*. 𠂔 (采)

* 𠂔 : Bàn tay xòe ra với những đường chỉ tay:

- Chào nhau thì hai tay chắp lại để vái, ta có chữ *bái* 𠂔 (拜)

- Trông xa thì lấy tay che trên mắt (khán): 𠂔 (看)

* 𠂔 : Hai tay chắp lại đưa lên, như trong chữ:

- Binh (người lính) 𠂔 vẽ ra hình hai tay cầm rìu 𠂔

- Quán (rửa tay) 𠂔 hai tay thả chúc xuống 𠂔 𠂔

- Khi rửa tay thì phải kê hai tay rồi xối nước (chữ *thủy*: 水) vào

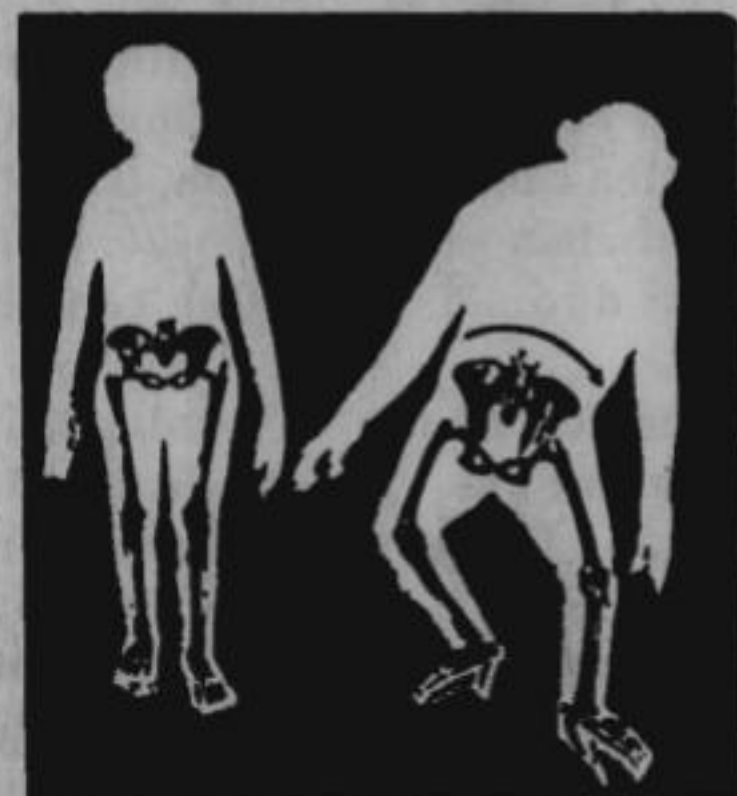
một cái chậu (mãnh 𠂔).

Tóm lại, cái tay của con người khéo léo và dẻo dăng đã diễn tả nhiều động tác tinh vi vừa để chế tạo dụng cụ trong việc sinh hoạt, vừa để trao đổi ý tưởng như một hình thức ngôn ngữ... chứ không phải duy nhất để trèo cây, hái trái, bắt sâu như khỉ.

Còn vấn đề dùng chân, người và khỉ độc, đười ươi cũng giống nhau ở điểm đi bằng hai chân, đứng thẳng. Sự kiện đi bằng hai chân của khỉ và người tính sơ sơ bắt đầu từ bốn triệu năm trước. Nhưng trên phương diện cơ thể học và động tác, dáng đi của người và khỉ khác xa nhau.

Ở con người, các xương chậu, xương đùi, xương gối, xương bàn chân nằm trên một đường thẳng để chịu sức nặng của toàn thân khi bước được dẻo dăng và làm ít mỗi các bắp thịt. Cái xương chậu loe ra ngoài của người chẳng hạn, làm cho bắp thịt đùi bám vào phía bên, khiến dáng đi của người vững chãi.

Còn xương chậu của loài khỉ độc (đười ươi) hình dài và có bắp thịt đùi bám ở phía sau như các loài thú di chuyển bốn chân, nên khi sống lưng đứng thẳng để đi, thân hình khỉ phải lắc lư để giữ cân bằng.



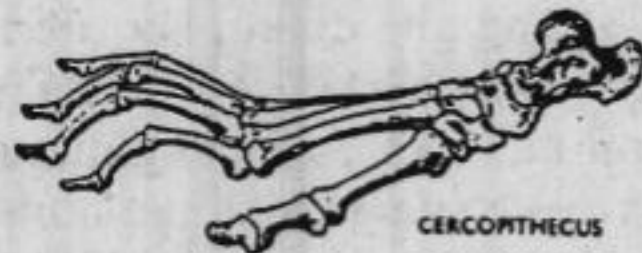
Dáng đi khác nhau giữa người và khỉ

Ở loài người, ngón chân cái nằm ngang hàng với các ngón chân khác, tạo thành một cái vòm dưới gan bàn chân để thu hút áp lực của trọng lượng thân thể, đồng thời các ngón chân cũng trở thành một điểm

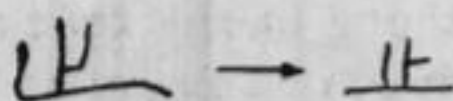
tựa đòn bẩy trong việc đưa thân hình con người về phía trước. Còn ở con khỉ, ngón chân cái vẫn xoạc ra để nắm bắt nên dáng đi của khỉ quờ quạng, chân đầm đá chân chiêu.



Gia đình vượn



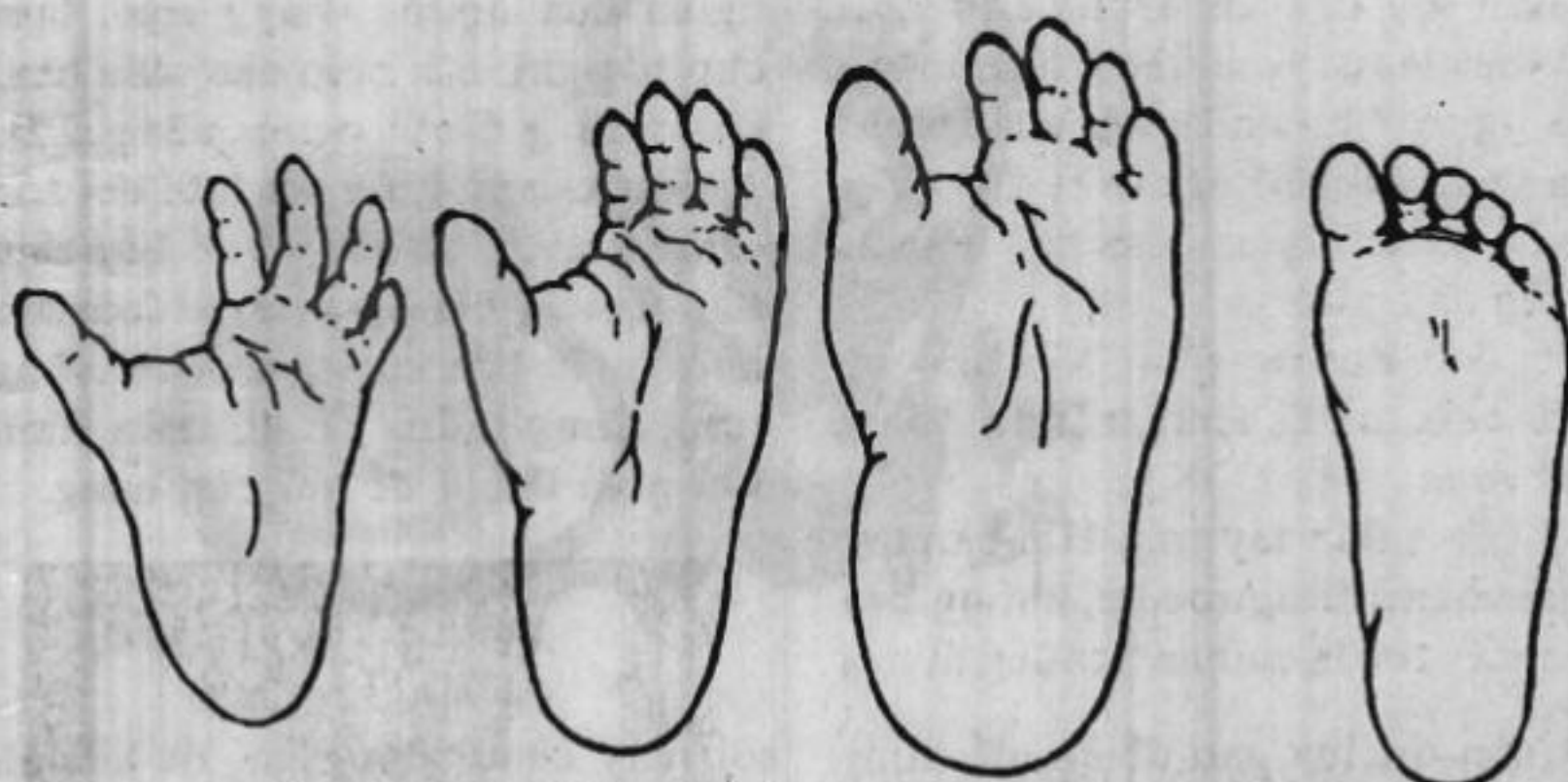
Xương bàn chân của người



Thành ra bàn chân là một đặc điểm cơ thể học của giống người (homo). Chữ nho vẽ bàn chân một cách thô sơ nhưng gần sát sự thực qua chữ *chỉ* (đứng lại) 止. Trong chữ *chỉ*, ta thấy ở bên trái có *gót chân*, bên phải có các *ngón chân*, ở giữa có *mắt cá chân*. Con người có bàn chân nên đi, đứng, chạy, nhảy dẻo dang. Trong chữ *tẩu* (chạy) 走 (走), ta thấy hình người chúi đầu về trước 大 trên bàn chân 止. Còn đi động, đi đứng nhiều lần thì có chữ *sước* 走 (走). Những lần 走 là những vết chân để trên mặt đất.

Tóm lại, khỉ không đi đứng giống người ta vì bàn chân khác. Chỉ có con người mới chia động từ "đi" được ngon lành đa dạng như sau: *Je đi, Tu đứng, Il ngồi, Vous chạy, Nous nhảy, Ils thoir... tung tăng!*

Nói rộng ra, thì tuy có cùng nhân dáng, loài khỉ và loài người có bộ điệu khác nhau. Loài người có những bộ điệu diễn tả tình huống, ý nghĩ, cảm tình mà khỉ không có vì khỉ không có tâm (lòng) và não (trí) như người. □

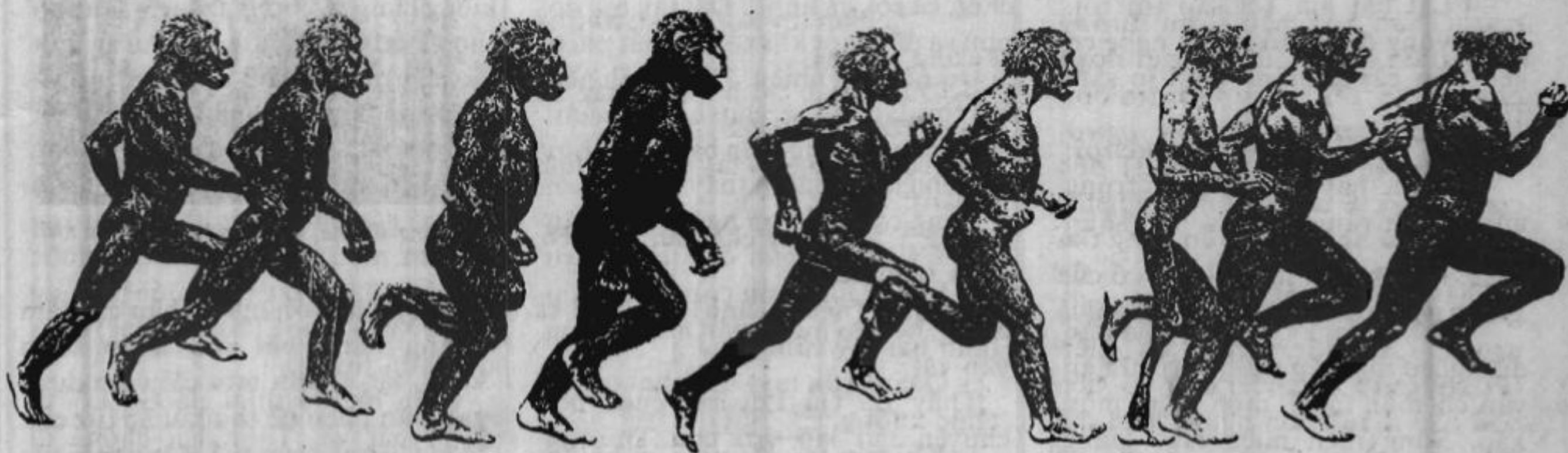


Chân (tay) của khỉ.

Chân người

Sách tham khảo:

- *Chinese characters* của linh mục Wiegner.
- *The Antecedents of Men* của W.E. Le Gros Clark.
- *National Geographic* số tháng 11.1985.



4 triệu năm, giống Homo đi bằng hai chân.

Một Thuở Xuân Như Ý

Hồ Trường An

Thầy giáo Ba Biên vốn có cái mặt đỏ bừng mỗi khi xúc động. Hề ngược, giận, háo hức... thầy đỏ mặt đã đành, mỗi khi cười, mặt thầy cũng đỏ hừng hực mới là kỳ cho chớ. Bởi đó thầy được chòm xóm âu yếm tặng cho cái hõn danh là thầy Ba Gà Lôi. Ông bà mình cho rằng người mà có khuôn mặt như vậy là người bộc trực, lòng dạ thẳng bon và suông đuột như ống nứa ống tre, thấy sao nói vậy.

Vào thượng tuần tháng chạp, chợt nghe gió chướng thổi lao xao trên hàng cây vông lá mướt hình trái tim, bông đơm đỏ thắm, thầy Ba Gà Lôi ngoắc chú Thường Xuyên Bạch đang neo xuồng câu tôm bên mé rạch, bảo:

— Lật bật mà Tết sắp tới rồi. Thấy vông đồng trở bông, nghe cu kêu trên cây là mình phải lo sắm Tết.

Chú Thường Xuyên Bạch cười:

— Năm nay vùng mình trúng mùa, tui tin rằng nhà nào cũng sẽ ăn Tết lớn.

Thầy Ba Gà Lôi bảo:

— Ở xứ Nam kỳ mình, nhà nào dù nghèo mạt rệp thì trong bữa ăn vẫn có món canh, món mặn, món xào. Sông rạch miền Hậu giang mình tôm cá ê hề, đất ruộng màu

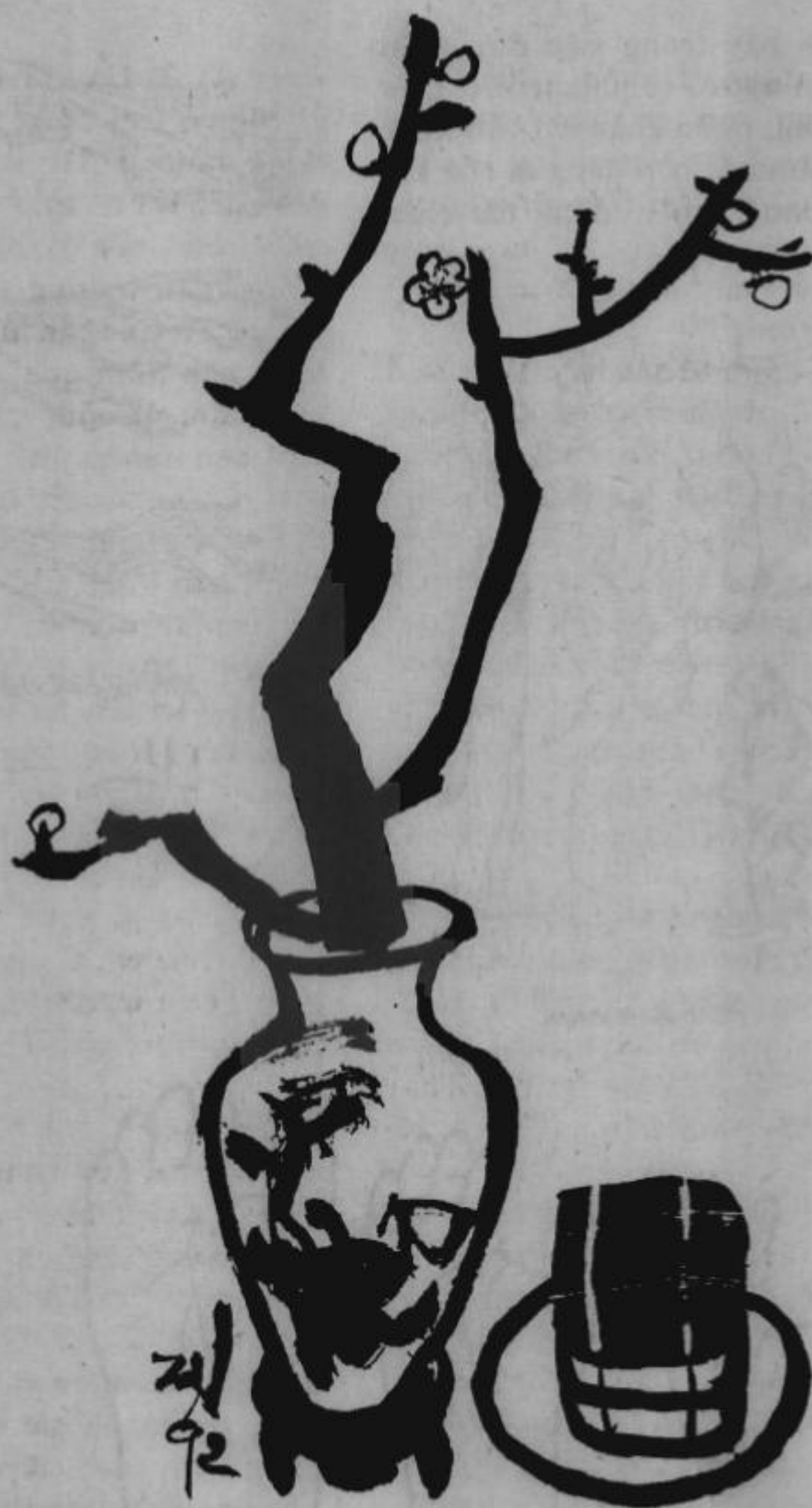
mỡ nên dư lúa gạo để ăn, để sấm vàng. Dân Hậu giang mình chỉ ăn cá bự cỡ bắp tay sắp lên chớ đương thêm rớ tới thứ cá lụn vụn như cá chốt, cá rôi, cá linh... Đất tân bồi do phù sa đắp một khi xả hết chất phèn là trở nên phì nhiêu. Dân mình nếu chí thú làm ăn sẽ giàu có mấy hồi.

Đó là vào thập niên ba mươi thời tiền chiến. Gia đình thầy Ba Gà Lôi ở trong căn nhà lợp ngói vùng Cầu Đúc Cái Xình, gần chợ Hoả Lựu tỉnh Rạch Giá, cạnh con kinh Vàm Xáng, hể vào mùa xuân nước trong vắt.

Thầy Ba Gà Lôi sau cuộc nói chuyện tào lao với chú Thường Xuyên Bạch bèn trở vào sân sấm

soi mấy chậu mồng gà, ớt kiếng, vạn thọ, kim quất... sắp lên nghén trong vuông sân gạch tàu. Bây giờ kim quất mới trở bông trắng, ớt kiếng cũng trở bông trắng. Còn vạn thọ và mồng gà mới cao chừng một tấc. Được cái đám cây vạn thọ và mồng gà đều bén phân nên mập tốt sồn sồn. Thầy Ba Gà Lôi bằng lòng lắm, liền xuống bếp nướng một con khô cá gộc, một khúc khô cá đường để làm món nhậu với rượu thuốc mà thầy đã bỏ ở tiệm thuốc bắc ông bang Xạch Yục (Thạch Ngọc) cách đây nửa tháng.

Giữa lúc đó thím Ba Gà Lôi đi đánh bài về. Thím lên chồng đi vòng ngã sau để vô nhà. Thầy Ba



tin ý, thính tai nên nghe được bước chân rón rén thận trọng của vợ mình. Thầy liền xuống bếp để chận đầu vợ. Mặt thầy đỏ kè như ruột dưa hấu, hàng ria mép rung rung, mắt thầy nẩy ánh sao. Thầy hét om sòm:

— Đi đánh tứ sắc hay đánh xá ở về vậy? Trời đất ơi, có ai bạc phước hơn tui không? Vợ con người ta khôn ngoan, biết đạo lý, lo mần ăn, lo sẵn sóc cửa nhà. Còn con đờn bà của tui là thứ hại chồng, để lũ con ngu si học hành đội sổ trong lớp. Bối vương nhằm thứ vợ con như vậy hèn chi mà tui cất đầu không nổi chửi đầu không lên. Tết này tui bỏ nhà đi chơi mình ên, không thèm ăn Tết với lũ ngu si như heo ăn cám sù này.

Thím Ba chưa tới ba mươi tuổi, vóc dáng thon mảnh, da trắng trẻo, mặt trứng ngỗng, nụ cười hơi lẳng, miệng chưa cười mà cặp mắt lá răm xinh xắn kia đã híp lại rồi. Thấy chồng nổi tam bành, thím cười mơn:

— Đừng có găm, đừng có nạt em làm em sợ, tội nghiệp em lắm! Ai chơi bài hồi nào? Con nào theo lẻo học bậy với mình, mình hãy chỉ cho em biết để em vả nó trẹo quai hàm cho mình coi. Em đi lại bà Bảy Khá hốt hụi để sắm sửa bánh trái, trà rượu kẻ thiên hạ chê cười mình ăn Tết lỏi thôi.

Thím vỗ vỗ vào cái túi bà ba căng phồng giấy bạc. Thiệt ra thím có hốt hụi nhưng thím cũng vừa ăn bạc. Thím tự nghĩ rằng từ đây thím sẽ xa lánh sông tứ sắc, chiếu đánh xếp. Qua Tết, thím sẽ ngồi chợ Vàm Xáng bán mắm, bán ba khía, khô sặt, khô cá sấu, khô cá mần...

Về thịnh nộ của thầy Ba Gà Lôi bay biến đâu mất, nhưng màu đỏ phừng phừng vẫn còn. Thầy bước vào nhà tiếp tục uống rượu và nhai khô cá gộc.

Thím Ba nguýt yêu chồng rồi dặn:

— Nè, đừng có cho cô Tư, cô Năm biết là nhà mình ăn Tết lớn nghe cha nội, nghe tía non!

Cô Tư, cô Năm đây là em ruột

của thầy Ba Gà Lôi. Cô Tư Cúc lấy chồng có trại đóng xuống lán trại đóng hòm ở đầu ngọn rạch Hóc Hoả. Cô Năm Lan thì mở tiệm bán guốc, bán nón lá ngoài chợ Vàm Xáng, gần trường tiểu học. Năm rồi, cô Tư Cúc bán lúa, bán dưa đều lỗ lã nên hôm qua khi bơi xuống đến thăm chị dâu, mặt mày cô bí xị. Cô than nảo nuột:

— Có ai xui xẻo hơn em không? Đã bị giựt nợ, bị úp hụi lại còn buôn bán lỗ lã. Cái tiệm hàng xén của em ế quá chị ơi! Năm Thìn mới có người ghé mua dầu lửa, năm Tị mới có kẻ tới mua nước mắm... Năm cùng tháng tận rồi, em không thêm sắm sửa gì hết. Ăn Tết làm chi cho mất công! Mai mốt em dẹp bàn thờ Thần Tài cho nó gọn. Ông thần này chỉ ư giúp đỡ mấy kẻ thù kẻ nghịch của em cùng mấy con đi ư dòm hành chuyện nhà em rồi nói hành nói tỏi em. Thờ ông làm chi cho tốn nhang, tốn dầu đốt đèn, tốn bông tốn trái, tốn bánh tốn chè!

Thiệt ra, tuy trong năm cô Tư Cúc có nhiều điều bực mình về tiền bạc, song chồng cô vừa trúng mối vụ mua đi bán lại cây xẻ ván, tiệm hàng xén của cô đông khách. Cô còn có vựa mắm và nhờ mua dưa gang nhiều để gài mắm nên bàn hàng tới mua tấp nập. Chẳng những cô đã trang trải hết nợ nần mà còn dư dả chút ít để mua sắm vài lựa may đồ Tết cho mẹ con cô. Chồng cô bỏ ra năm chục đồng mua sắm trà rượu, bánh mứt và hai chục dưa hấu Cầu Đúc Cái Xinh nổi tiếng là ngon nhất vùng. Từ lâu cô Tư Cúc sợ thím Ba Gà Lôi mượn tiền của mình nên giả bộ than thở ỉ ôi rằng mình eo nghèo ót ngọt, năm nào cũng túng trước hụt sau. Thứ đờn bà mà mê bài bạc như chị dâu cô, hể cô cho chị ta mượn tiền thì đời nào chị ta mới trả hết cho!

Thím Ba Gà Lôi cũng bởi miệng bông chanh bóc chanh của mấy mụ ngồi lê đôi mách mà mang tiếng là thứ đờn bà bạc tuột, ngày nào không xoè bài tứ sắc là phiền muộn thiếu điều ngật mình ngật mẩy. Có kẻ ác khẩu còn đồn rằng thím là tay

cờ gian bạc lận, lâu lâu giở thói ăn vừa thua giựt. Thứ đờn bà như vậy, cô Tư Cúc chẳng những không nên dây dưa thăm viếng mà cũng đừng nên cho vay cho mượn. Hể cần tắc thì vô ư, ông bà mình đã nói như vậy thì cô nên lấy đó làm câu kinh nhựt tụng để đề phòng mụ chị dâu kia.

Còn cô Năm Lan, em kế cô Tư Cúc thì lấy chồng giàu. Chồng cô có nhiều ruộng đất ở vịnh Chèo. Nhà cô ở chợ Vàm Xáng thiết khang trang, ba căn hai chái thiết rộng, mái lợp ngói móc âm dương, vách bồ kho, sân lót gạch tàu. Cô lại có tiệm bán guốc, bán nón lá bên hông chợ nên bề ăn xài của cô ngoả nguê lắm. Nhưng thầy Hương thân Lộc, chồng cô Năm, từ ba năm nay nếu không mê sa nịch ái con mèo này thì cũng bỏ đít con mèo nợ, đeo dính con miêu kia làm cô ốm o so bại vì ghen tương.

Vừa khi nghe tiếng chim tu hú hót trên cây vông mọc bên dòng kinh nước biếc, cô xĩa ngón tay vô trán chồng:

— Thứ đồ dâm tặc! Thứ đồ dè xồm! Tết này tao hốt lũ con về nhà má tao, để cho mầy ăn Tết ở đây với con chó vện. Tao đi luôn, nói cho mầy liệu mà tự xoay sở. Mầy làm tao xất bắt xang bang quá rồi! Tao đâu có dại gì nuôi mầy cho mập thây đảng mầy đi đéo bậy, biết đâu mầy sẽ đến tiêm la, đau lậu, cù đĩnh, thiên pháo về đây báo đời tao.

Cô Năm Lan có cùng khuôn mặt với cô Tư Cúc. Nhưng cô Tư trắng trẻo mảnh mai, điềm đạm hơn. Cô Tư tuy ư cà khịa, ư cần nhần cử nhử nhưng cô nói năng rĩ rả chứ không quát tháo ầm ĩ như em. Khi giận dữ, cô Năm Lan giống mấy cô đào hát bội đóng vai nữ tướng như Cao Long Ngà, Sáu Bê, Năm Sa-Đéc, mày ngài cô dựng ngược, khoé hạnh tròn xoe, mặt cô phừng phừng đỏ lửa. Cô có tướng hơi cứng cỏi, vai ngang nên mấy bà già trâu đều cho đó là tướng khổ sở vì chồng con.

Bà Hương sư Bách, mẹ của thầy Ba Gà Lôi thường than:

— Lũ con gái nhà tui, miệng đưa nào cũng có đĩnh, có gai. Còn lũ dâu tui đều có nanh có vuốt cả. Con Hai thì có miệng củ ấu ưa nói hành thiên hạ, con Ba thì cái miệng cá chim, cà khịa với bất cứ ai.

Con Hai đây tức là nàng dâu trưởng của bà, vợ thầy Hương quán Bưng.

Từ lâu, thím Ba Gà Lôi ác cảm với cô Năm Lan vì cô này ưa chê bai chỉ trích cái tánh mê bài bạc và cái tật cà nhổng của thím. Cô Năm Lan đã rĩ tai với thím Hương quán Bưng:

— Con mẹ đó tới cuối năm mà quần áo vẫn xập xệ thì mong gì mẹ có tiền sắm Tết với người ta.

Được rồi, cô Năm Lan khinh thím, sẽ phải chống mắt coi thím ăn Tết. Thím cứ giả đồ thiếu trước hụt sau, để rồi tới mồng một, mồng hai, cô ta sẽ được thím mời tới chứng kiến sự sung túc của thím. Thiệt ra, lâu lâu thím mới ngồi vô sòng bài chiếu bạc. Thím chơi tứ sắc mỗi lệnh một xu chớ đâu có đánh lớn! Năm qua, thím đã mua bao giàn mấy gánh hát, kiếm lời khá bộn. Nhưng thím cứ than lỗ lỗ để đánh lừa anh chị em bên chồng, để chồng thím dễ bề bòn rút, xin xỏ tiền bà mẹ chồng thím.

*
* *

Cần nhần, hăm he, chửi rủa, rên rỉ điếc tai ớn ớn như vậy, nhưng ai cũng như ai, nghĩ rằng năm nay mình xui xẻo, vận số hắc ám như cái quần vải ú đen, như đít chảo đít nồi, nhưng biết đâu năm tới vận hạn mình sẽ hanh thông hơn. Nếu năm nay mình hên một, biết đâu năm tới mình sẽ hên hai ba hoặc hên mười!

Cô Năm Lan tuy chửi chồng giòn rậm, hăm he chồng ớn ớn như vậy nhưng sau một đêm được chồng yêu đương mặn nồng, liền thổ thề:

— Em nuôi cặp gà mái tơ và mấy con vịt cà cuống để dành ăn Tết tới mồng mười. Mình rành trà rượu, nhớ mua hai thứ đó cho thiệt bánh, trước kính má, sau để thưởng xuân. Mai em sẽ làm bánh mứt và

đón ghe thương hồ mua dưa hấu, mua hồng khô, chà là...

Cô Tư Cúc trong bữa cơm chiều có món canh đọt bọ nấu tôm, ớn ớn bảo chồng:

— Tết này em sẽ nấu canh bát tiên cho thiên hạ lé con mắt chơi. Để em mua bóng da heo, kim châm, nấm mèo, tóc tiên, nấm đông cô, bào ngư... Ngoài món canh bát tiên, em sẽ nấu vài món Tàu, đó là không kể món thịt cá kho chung, món khổ qua hầm dồn thịt, món tôm kho tàu nước gạch đỏ ối để ăn lai rai cho tới hạ nêu.

Ai cũng có dự định thưởng xuân qua món ngon, qua tiệc tùng. Ai cũng hy vọng năm mới biến đổi hoàn cảnh đang hồi hắc ám của mình. Cô Năm Lan không cần chuyện làm ăn xuôi chèo mát mái, chỉ cầu cho gia đình mình hoà thuận, chồng cô chán chuyện én oanh, ong bướm, hồi tâm nghĩ tới vợ nhà. Cô đã dùng thuốc Huyết Trung Bửu, Cửu Long Hoàn, Nữ Kim Đơn nên kinh nguyệt cô điều hoà, bớt ốm bớt ròm, lại có vèò đỏ da thắm thịt ai cũng khen nên cô hy vọng chồng cô sẽ yêu thương say đắm cô hơn.

Cô Tư Cúc đẻ hai lượt đầu hai con tiểu tì nên cô hy vọng năm tới cô sẽ đẻ cho chồng một thằng cốt đọt kháu khỉnh. Riêng thím Ba Gà Lôi cũng hy vọng mình đã đi chùa cúng dường rất hậu, mình đã thành tâm chiêm bái đức Phật Bà Quan Âm thì hai đứa con mình sẽ học hành sáng dạ. Thím cũng mong bọn chòm xóm láng giềng đã từng xung khắc với thím sẽ sáng mắt vì sự thành công trong chuyện làm ăn của thím, sẽ cụp tai nhục nhả để lân la làm quen và từng phục thím, chừng đó thím sẽ tỏ ra khoan hồng đại lượng với họ.

Vợ chồng Hương quán Bưng vì là phận con trưởng nên phải ở chung với bà Hương sư Bách. Thím Hương quán phục tùng mẹ chồng trước mặt nhưng ưa nói xấu bà sau lưng. Thím không dám cầu cho bà chết sớm, nhưng mỗi khi thấy bà cầm chùm chìa khoá mở tủ

sắt ngấm giấy bạc buộc từng cuộn, vàng lá xếp từng bó, nữ trang bày lổn ngổn thì thím ao ước một ngày nào đó bằng cách này hay cách khác, thím sẽ cầm được chùm chìa khoá kia. Vì ngoài chìa khoá mở tủ sắt còn có chìa mở lăm lủa, chìa mở tủ đựng đồ cổ ngoạn, chìa mở tủ chè đựng toàn rượu quý, trà ngon, thức ăn mắc tiền...

Bà Hương sư Bách mừng thầm đại gia đình bà lần đám con cái ra riêng, đứa nào cũng có miếng ăn miếng để. Trong khi đó có vài gia đình tá điền bà túng hụt, phải bán bớt số lủa để dành ăn trong năm để sắm Tết. Lại còn vài gia đình ngoài chợ Vàm Xáng phải cầm đồ hoặc hốt hụi hay phải tiền vay bạc hỏi để tạo được cái Tết tương đối tươi tắn. Nhưng đó là những trường hợp rủi ro, bà hơi đầu nghĩ tới cho mệt óc mệt tim. Vào thời buổi sống trong biển lạnh này, các gia đình trung lưu ở xứ Nam kỳ này đều ăn Tết mười ngày, từ mồng một cho tới mồng mười, không kể ngày dựng nêu và cúng rước ông bà tức ngày ba mươi tháng chạp.

Còn việc chuẩn bị Tết thì chị ruột bà Hương sư Bách là bà Cai tổng Hải đã chuẩn bị từ đầu tháng chạp. Xời ời, người ta giàu có danh giá nên người ta sợ tổ chức đón Tết xập xệ thì trong trào ngoài quận, từ tổng tới làng sẽ xầm xỉ chê bai, nói tới nói hành, trở giọng chanh giọng khế. Mấy ông thương gia Ba Tàu ngoài chợ Vàm Xáng cũng không dám ăn Tết nhỏ vì sợ nếu tổ chức đón Tết sơ sài thì bề buôn bán sẽ gặp trở ngại vì mấy ai chịu hùn hạp với kẻ coi bộ không được giàu có? Việc ăn Tết lớn nhỏ đánh giá sự thịnh suy của mỗi gia cảnh con buôn. Bà Hương sư Bách tuy chỉ là một địa chủ, bà chẳng cần ai đoán già đoán non sự thịnh suy của mình, song bà muốn làm mâm cao cỗ đầy trong dịp xuân về với cách bày biện hực hỡ, nghi vệ rườm rà để con cháu vui chơi hầu quên cảnh mưu sinh vất vả đè nặng suốt năm qua.

Từ đầu tháng chạp, lũ cu đất, cu

cườm, tu hú kêu văng vẳng từ vườn sau ngõ trước. Lũ ong bướm cũng dập dìu trên những luống cải sáng rực hoa vàng.

Cu kêu ba tiếng cu kêu,

Trông mau tới Tết dựng nêu ăn chè.

Ở nhà sau, trên bộ ngựa gỗ ngó ra sân nước, bà Hương sư Bách cùng hai cô con gái và hai nàng dâu ngồi ăn cơm nguội mắm sống. Mắm lóc thịt đỏ au au xé từng miếng cỡ ngón tay út, thịt ba chỉ xắt mỏng, tép muối xào mỡ xắt hạt lựu, ớt trái, dưa leo bổ dọc, cải thơm cay tươi non, rau thơm... Năm mẹ con há hê ăn móm mẩn đồng rau rẫy, mắt sáng quắc vì cay. Bà Hương sư Bách dặn dò:

— Tao muốn mừng hai Tết, tất cả con trai con gái, dâu rể, cháu nội cháu ngoại phải tề tựu đông đủ dưới mái nhà này.

Thím Ba Gà Lôi nhỏ nhẹ:

— Thừa má, chồng con có cho trồng hai vòng cải tùa xại để làm dưa. Vậy má để con bao thầu nổi thịt cá đêm trứng luộc kho chung cùng hai món dưa cải dưa giá.

Cô Tư Cúc nói:

— Con lo khoản đầu heo luộc, lòng heo cho. Con có nuôi hai con heo thiện mỗi con nặng cỡ một tạ. Lối 29 tháng chạp này lò heo Chánh Hiệp sẽ tới bắt, họ kiếng lại cho con hai cái thủ vĩ và hai bộ đồ lòng.

Cô Năm Lan hơn hớ:

— Còn con có nuôi một bầy gà, con sẽ lựa hai con gà mái tơ thiệt mập để má cúng hạ nêu. Ngoài ra con cũng xí phần khoản bánh luộc như bánh tét, bánh ích, bánh dừa và khoản bánh hấp như bánh bò, bánh da lợn, bánh qui, bánh thuẫn...

Ngoài vườn sau, trong khuôn viên bà Hương sư Bách, thầy Hương quản Bưng cùng em là thầy Ba Gà Lôi đang săn sóc mấy luống cà, cà dái dê tím đậm và dài sọc, cà dĩa trắng ngà, cà tô mách tròn xinh thắm đỏ. Trời trong nắng tốt, hàng vòng đồng bên bờ rạch, bờ mương trở hoa thắm màu huyết bồ câu. Đó là thứ màu đỏ thuần một sắc,

mùa xuân, dĩ vãng hay tương lai

Xuân đã về trên đời cỏ biếc

Đá Trường Sơn trở mai vàng cây

Bản cao sàn mới mở trâu Tết

Rượu ché cần cong cồng vút mây.

Lửa ấm chân rừng sơn nữ hát

Bập bùng trống thúc nhịp khèn bay

Trai cuồng điệu múa tể thần đất

Bô lão ngồi trên ngát ngưỡng say

Một bọn trai làng khoe sức mạnh

Thi nhau đấu vật rồi co dây

Cuộn vòng thừng chảo đồng đen loáng

Xiêm phá reo hò — Rượu thịt đây

Sương xuống tràn buông đêm bốc lạnh

Cạn vò bô lão nằm lăn quay

Gái trai từng cặp ra bờ suối

Cỏ dại hoa rừng men ngất ngây

Mùa được Tết vào dăm bảy bữa

Xuân hồng phơi phới má đào hây

Núi sông cũng đứng lên mừng tuổi

Trâu hoẵng tràn sân thóc vừa đầy.

cao hoàng nhân

không ứng vàng như hoa điệp tây, không ứng tím tím như màu ngọc lựu. Miền Nam có mai vàng và vòng đỏ để đón Tết. Nhưng mai có thể cắt nhánh rồi chưng trong độc bình da rạn, còn hoa vòng thì chỉ đẹp ở ngoài đất trời, nếu đem cắt nhánh cắm vô bình thì hoa lẫn nhánh đều tro trên vô duyên và mau héo rũ.

Thầy Ba Gà Lôi trồng mồng gà, vạn thọ, ớt kiếng, kim quất trong giỏ tre. Nhưng thầy sang kim quất vô chậu sứ trắng men lam. Và khi qua Tết, mồng gà, vạn thọ phải bứt bỏ đi, ớt kiếng thì trồng trên vuông đất trồng rau để lấy trái. Thầy ghét loại vạn thọ màu hoả hoàng nên trồng toàn vạn thọ cúc màu huỳnh yến. Thầy cũng không ưa mồng gà đuôi chồn màu vàng lẫn màu đỏ, bông hình tháp bút. Thầy chỉ trồng mồng gà lưỡi búa như một cuộn nhung đỏ bẻ vắn. Còn ớt kiếng thì

thầy trồng theo một loạt màu: vàng, đỏ, tím...

Cô Tư Cúc mua mấy chậu cúc lẫn vạn thọ cúc dạng tôn vinh cái tên mỹ miều của cô. Mua được hai chậu cúc đại đoá màu tím lợt và hai chậu màu huỳnh yến, cô mừng hóm. Còn cô Năm Lan mua mồng gà, vạn thọ, kim quất, ớt kiếng, cúc nhưng cô còn mua thêm hai chậu cẩm nhung. Đây là một loại cẩm chướng màu trắng sọc tím, mỗi đoá lớn cỡ trái chanh gồm nhiều cánh có răng cưa khép lại. Cũng như lá cẩm chướng, lá cẩm nhung thuộc loại lá cỏ màu tuyền lục phủ một lớp tuyết nhưng thiệt mỏng thiệt mịn.

Năm nay thầy Hương quản Bưng trồng hoa quỳ và hoa thược được để ăn Tết. Hai anh em thầy sắm soi mấy chậu bông quỳ màu vàng ấm, mấy chậu thược được hương cánh sen rực rỡ dưới ánh nắng vàng tươi như hổ phách.



Thầy Hương quản bảo em:

— Có người gọi bông quý là hoa hướng dương, hoa thực quý, hoa nhật quý. Dân Nam kỳ mình gọi là bông quý trơn lu cho gọn.

Thầy Ba Gà Lôi nói:

— Năm nay anh trồng bông quý tốt quá. Rồi đây mỗi bông sẽ nở bụi cỡ cái đĩa đựng nước mắm chớ không chơi. Còn thực được màu hướng thì thường quá, thực được màu huỳnh yến hoặc cánh trắng nhị vàng mới hiếm quý.

Thầy Hương quản Bưng nói bực xuôi:

— Sân mình rộng, trồng bông huê cần ề hề chớ không cần quý.

*
* *

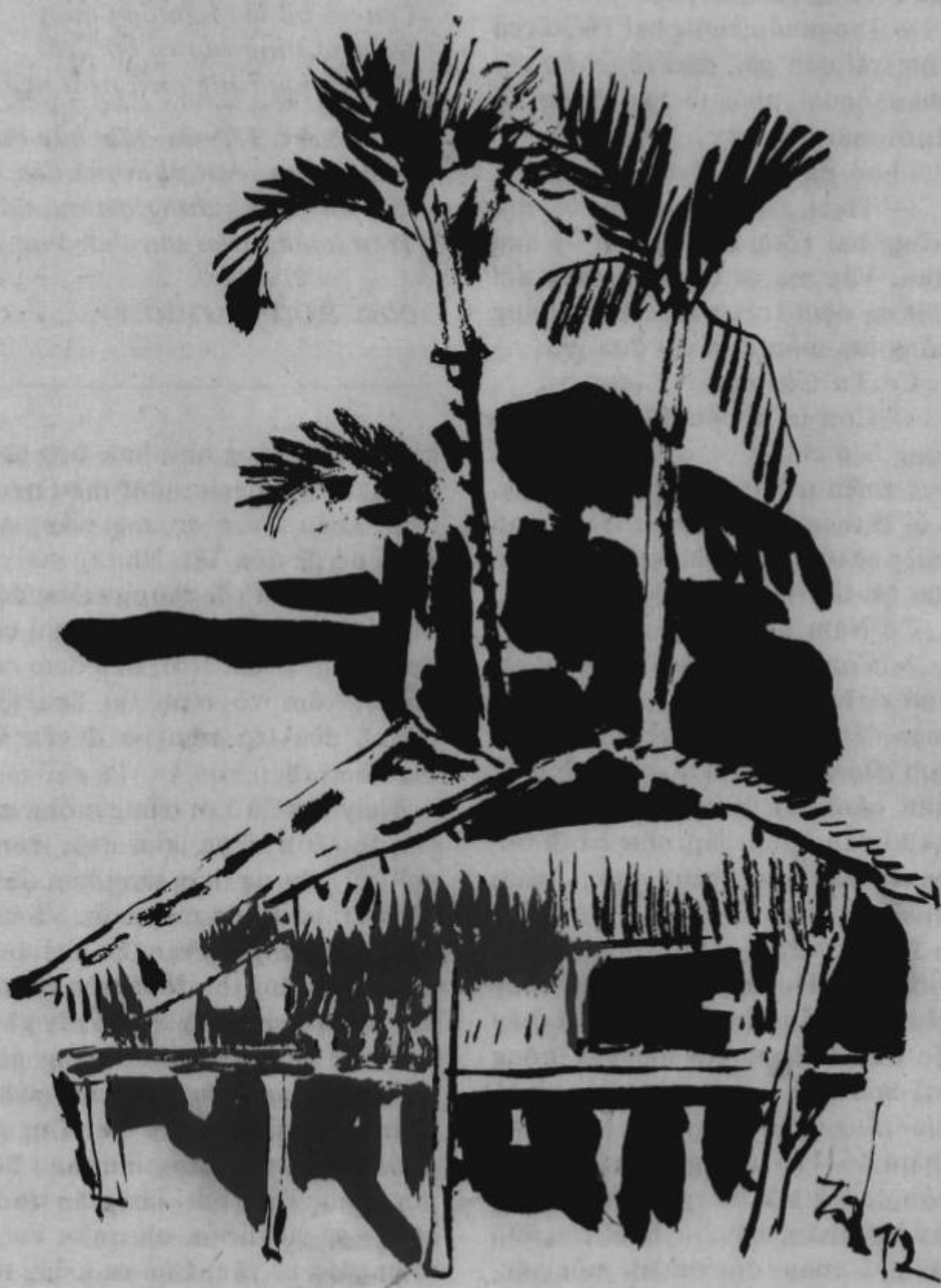
Yên lòng về khoảng bông huê, thím Hương quản Bưng liền nghĩ tới việc may áo Tết cho chồng con và cho mình. Thím biết vóc mình thím tuy hơi mập nhưng gọn, ngật là nước da thím hơi đen nên dù thích màu hướng cánh sen và màu xanh đọt chuối, thím vẫn không dám may mặc hai màu đó. Thôi thì thím may cái áo dài lụa màu xám vẩy cá thác lác và một cái bằng hàng màu cam lọt điểm bông trắng là nhu nhả nhứt rồi. Con gái bà Cai tổng Hải cũng đen cỡ thím, bận áo màu xám, màu cam coi được đến! Thím phải bắt chước cô ta trong việc may mặc vì khắp Vĩnh Chèo, dân nhà giàu đều khen cô ta ăn mặc đẹp.

Dân miệt vườn từ 20 tuổi đến 30 tuổi chỉ cần hai bộ quần áo bằng vải ú hay vải xiêm để thay đổi hàng ngày là đủ. Hễ vào ngày Tết hay lễ lạc thì họ mới diện bộ quần áo đặc biệt tùy theo túi tiền. Thầy Hương quản Bưng năm nay gần 40 tuổi, lại là kẻ có chức phận trong hàng ngũ mười hai vị hương chức hội tề của làng này thì phải mặc áo dài bằng tổ đen, đầu bịt khăn đóng hoặc khăn be, chơn đi giày hàm ếch. Nhưng thím muốn chồng mình năm nay diện áo gấm lam bông bạc để đi chúc Tết mấy ông hương chức, đứng đầu là ông Hương cả Bình, ông Hương chủ Thử, ông Hương

sư Hạt, ông Hương trưởng Bôn. Sau nữa, chồng thím sẽ chúc Tết thầy Cai tổng Ban, ông Bang biện Tịnh, toàn là dân danh giá trong tổng, trong làng.

Nhưng mỗi khi nhìn bàn chơn to phè của chồng, thím phát tức cười. Thầy Hương quản Bưng cũng như bao dân miệt vườn khác, thích đi chơn đất. Hễ có việc họp hành tại nhà việc làng thì thầy mới chịu chơn vô đôi guốc vông. Vậy còn đỡ hơn chú Tám Huỳnh Lân, chồng cô Tư Cúc. Tuy có tiền nhưng chú không thích se sua, cứ đi chơn đất.

Tới tối, chú trèo lên giường phải chơn sơ sịa rồi lăn đùng ra ngáy khô khô. Vào mấy ngày Tết hoặc vào những dịp đi ăn giỗ, chú Tám Huỳnh Lân ôm kè kè đôi guốc theo. Tới nhà gia chủ, chú liền bưng bả ra sàn nước rửa chơn rồi mới xỏ guốc vào. Còn thầy Hương thân Lộc, chồng cô Năm Lan, khi ở nhà thì đi chơn đất để bồi líp, móc mương, nhưng hễ bước ra ngoài là thầy xỏ chơn vô guốc. Còn đôi giày tây đánh xi-ra đen bóng thì thầy chỉ mang có một lần, đó là vào dịp thầy đi Vĩnh Chèo ăn cưới cô Hai Thiên



Kim, con gái bà Cai tổng Hải. Sau đó thầy đem chung giày trong tủ kiếng, coi như thờ sống của báu vậy.

Cô Năm Lan bảo thím Hương quần Bưng và cô Tư Cúc:

— Năm nay em không thèm sắm guốc cho thằng dê ôn dịch đó đâu. Đôi guốc em sắm cho nó hồi tháng rồi vẫn còn mới, gót chưa mòn, quai còn tốt. Còn đôi giày tây của nó họa may ba mươi năm sau mới chịu mòn một ly ở gót.

Cô Tư Cúc cười:

— Dượng Năm trắng trẻo bảnh trai, dầu có ăn mặc xịch xạc mà vẫn đất mèo nên dì tức tối sôi bọt mép rồi chửi chồng rùm beng. Chồng tui coi vậy chớ chỉ biết nghĩ tới vợ nhà, không dây dưa chuyện mèo mỡ chim chuột. Năm nay tui nhứt định đưa anh đi chợ Cần Thơ, sắm cho anh một đôi giày tây đánh xi-ra cho thiệt bóng.

Cô Năm Lan nguýt chị, xí một tiếng dài. Chồng chị tuy bảnh trai nhưng cù lần thì đất mèo sao được? Chồng tui đã khôi ngô, trắng trẻo, lại có duyên ngầm nên lũ dâm phụ chạy theo rầm rầm, nên gái lăng lơ rủ nhau bám đít nó thì có gì lạ đâu nà!

Cô Năm Lan không thuộc vào loại đờn bà nhà quê mà thuộc vào hạng phụ nữ trung lưu miệt vườn. Cô không đi nhổ mạ, cấy lúa, gặt lúa. Cô chỉ làm công việc trong nhà. Giờ con cô đã lớn và cô không còn chữa đê gì thêm nên cô xoay qua buôn bán để có đồng ra đồng vào. Bởi đó, Tết năm nay cô sẽ diện đôi dòn nhưng thêu cườm mà cô vừa mới sắm vì đi guốc hoài, dầu là guốc sơn đen quai vẽ bông xanh đỏ đi nữa, cũng làm thiên hạ nhàm mắt.

Bà Hương sư Bách, thím Hương quần Bưng, thím Ba Gà Lôi và cô Tư Cúc thì nghĩ rằng loại guốc vòng mà họ thường mang trong nhà nếu còn mang trong dịp Tết sẽ có vẻ dị dị nùng nùng, cho nên họ sắm guốc sơn đen. Bà Hương sư đã sắm cái áo dài the La cải, bộ quần áo xuyên trắng để mặc cặp lúc đi ra ngoài.

Hai chị em dâu mua lãnh tàu về để may quần. Chèn ơi, thứ lãnh trơn mà cặp lưng bằng nhiều màu đợt chuối, thứ lãnh đen dẹt bông mà cặp lưng bằng nhiều màu hương cánh sen thì đẹp quá cỡ! Hề bận quần lĩnh đen thì họ bận áo nhiều tím, áo xuyên trắng, áo lụa màu hương cho cái Tết của mình thêm thắm thêm tươi. Còn thứ áo bà ba bằng vải in bông xanh đỏ, dù còn mới đi nữa, cũng nên cất vô rương đợi ra giêng mặc lại.

Cô Tư Cúc vốn cứng chổng, nhưng cô không nghĩ đến việc sắm quần áo Tết cho anh ta. Chú Tám Huỳnh Luông có một cái áo sơ-mi lụa trắng, một cái bằng vải ba-tít màu trứng sáo, một quần dài bằng nỉ xám, một quần bằng vải ka-ki màu xanh dương, một đôi giày xăng-đan. Nhưng chú ít có dịp diện đồ tây. Cô nói sẽ sắm giày tây cho chồng là để hù hai mẹ chị dâu và cô em gái mình chớ cô ngại ra tỉnh Cần Thơ bằng đồ máy lăm. Chồng cô không bảnh bao hào hoa như em rể cô, nhưng chú ta lực lưỡng, khỏe mạnh, mặt mũi hiền hậu, dễ thương.

Nhớ thuở nào, mỗi khi cô đi ngang qua xưởng mộc của ông Sáu Thiệt, cô nghe anh chàng thợ tập sự tên Tám Huỳnh Luông vừa bào khúc gỗ cầm xe vừa hát:

*Má ơi, con muốn lấy anh thợ bào,
Khò lưng anh đẩy cái nào cũng sâu.*

Bà Hương sư Bách sở dĩ chọn Tám Huỳnh Luông làm rể vì thấy anh ta chí thú làm ăn. Từ chỗ làm mướn, nhờ chút ít của cải của vợ, anh ta đi học đóng xuống, đóng hòm và hiện nay làm chủ trại xuống lán trại hòm, công cuộc làm ăn có vèo mở mang thêm. Còn cái việc anh ta khò lưng đẩy sâu hay đẩy cạn thì thiên hạ chỉ biết từ khi cô Tư Cúc làm vợ anh ta rồi, cô ngoả nguê bơi lội trong hạnh phúc. Cô phốp pháp và non nheo nheo. Cô ưa nhõng nhẽo với chồng nhưng cũng sẵn sốc chồng từ miếng ăn thức uống tới tấm áo manh quần.

Khoảng giữa tháng chạp, cô Tư

Cúc rủ cô Năm Lan may áo bà ba, áo dài cho thiệt xuê xoang. Ngoài chợ Cần Thơ có nhiều hàng lụa phổ thông. Nào là sa-teng trơn, sa-teng dẹt bông nổi lấp lánh. Thứ trơn để may quần, thứ dẹt bông nổi may áo thì đúng điệu quá rồi. Nào là sa-teng tây trơn láng mịn mát mà có người gọi là sa-teng mình phần vì nó phủ một lớp tuyết nhưng thiệt mỏng thiệt nhẹ. Nào là xá-xi hơi giống sa-teng có màu đen dùng để may quần. Lại có cầm tự là thứ lụa dày màu đen in bông chữ thọ dùng để may quần. Cầm tự có sắc gỗ mun chớ không có sắc huyền ngọc như sa-teng. Cô Tư Cúc khi đặt chơn tới tiệm tơ lụa là cô kêu bà chủ xe cho cô ba khúc sa-teng, cầm tự, xá-xi để cô may quần. Còn cô Năm Lan thì mua cầm nhưng đen để may áo bà ba và quần dài. Để may áo dài, cô Tư Cúc chọn cầm châu trắng, cô Năm Lan chọn cầm vân màu hoàng yến.

Vào thời Pháp thuộc, về tơ lụa, phụ nữ miền Nam dùng nhiều thứ cầm. Trước hết, ở miệt Tân Châu có sản xuất lụa cầm châu (châu là Tân Châu) mềm và xốp. Còn cầm nhưng mỏng hơn, mỗi khi căng trong ánh sáng xuyên qua, ta thấy có những vạch sáng lấp lánh. Cầm nhưng màu trắng hay màu đen dùng để may quần, màu hoàng yến, hồng phấn hay tím sen dùng để may áo dài. Cầm vân là lụa dẹt nổi bông tiền điều hay nét mây cuốn, chắc nhứt, vóc lụa như còn thơm mùi tơ tằm. Cầm trước là lụa dẹt nổi bông lá trúc. Cầm sen là lụa dẹt nổi hình bông sen. Cầm quít là lụa dẹt nổi hình trái quít. Cầm kim là lụa dẹt nổi hình mũi kim.

Thầy Ba Gà Lôi vốn có học cọt quẹt vài ba chữ nho, nghe vợ và hai mẹ em gái cứ chót chét những tiếng “cầm sen, cầm quít, cầm kim...”, ngứa họng nạt nhàu:

— Sao mấy người ưa dùng ba thứ chữ nửa nạc nửa mỡ vậy? Lụa nổi hình bông sen tức là cầm liên, nổi hình trái quít thì gọi là cầm quất, nổi hình mũi kim thì gọi là cầm châm. Ai đời chữ đầu thì mấy

người gọi bằng chữ Hán, chữ cuối thì gọi bằng chữ nôm nghe sao thuộc chuột quắt!

Thím Ba Gà Lôi không thềm cái cọ với ông chồng nói chữ của mình. Thím nhứt định gọi là cầm sen, cầm quít, cầm kim, ai có kiện thì thím sẽ vác chiếu đi hầu. Thím mà gọi cầm liên, cầm quất, cầm châm thì ma nó hiểu!

Cô Tư Cúc chọn cầm cúc màu vàng tươi, cầm phù dung màu hường để may áo bà ba. Còn cô Năm Lan chọn cầm lan may thêm chiếc áo dài, còn dư một khúc lụa, cô may áo túi. Ngoài ra, cô chọn cầm phụng trắng để may quần. Cô ớn ớn bảo chồng:

— Mình thấy em bận chiếc quần cầm phụng, chiếc áo cầm lan trẻ lại hơn mấy tuổi? Mình có nhớ hồi mình chưa cưới em, sáng sáng em mặc áo cầm lan ra sân tưới mấy líp bông huệ, mình đi ngang nhà, hát: *Lan huệ sầu ai lan huệ héo. Lan huệ sầu tình trong héo ngoài tươi.*

Thầy Hương thân Lộc nói bực xuôi:

— Ờ, anh nhớ hoài đó chứ. Hồi đó, có vài lần anh đi qua nhà mình, có nghe mình hát câu: *Trách ai đánh trống bỏ dùi. Dê tui cho được, xô tui xuống bùn.*

Cô Năm Lan sừng sộ:

— Ma bắt thằng cha này cho rồi! Tui đời nào thềm hát những câu xui xẻo đó? Đó là con ở của chị tui hát ru thằng con anh Hai tui ngủ. Thiệt rõ ràng hồi xưa, thằng cha ôn bình

cốt đột nầy lượn qua nhà tía má tui cốt để ve vãn con Tí chứ có thềm ngó ngang gì tới tui đâu nà. Phải mà, con Tí trắng da dài tóc, còn tui đen thui đen thui, đen thui lù cút chuột mà...

Thầy Hương thân Lộc lật đật dọt lệ, không dám ngồi nghe con vợ hoạn thơ tụng một châu kinh diếc con ráy.

Nhà thầy Ba Gà Lôi vốn sát bờ kinh Vàm Xáng, lại gần Cầu Đúc Cái Xình là nơi ghe thương hồ ưa tụ họp. Chợ Vàm Xáng hay các chợ quê khác thường bán vải nhiều hơn bán hàng lụa. Vải trắng và vải đen hiệu Xe Lửa, hiệu Trái Đào thanh hành nhứt. Ngoài ra còn có vải xiêm tằm hồ bóng mượt, vải ta dệt to sợi, vải hột giền dệt thô tháp, có gút mắt nhỏ cỡ hột giền. Ở chốn quê mùa hẻo lánh, vào mùa nắng và nhứt là vào lúc lúa đã gặt xong, thường có ghe trà vải len lỏi theo những dòng nước để vào đến tận nơi. Thím Ba Gà Lôi đón mua vải in bông để may áo bà ba cho hai cô con gái xí xọn của mình.

Ồi ghe trà vải! Có một anh thương hồ tên là Chín Tân Ngải có giọng hồ thiệt dễ thương. Cứ sau ngày rằm tháng chạp, Chín ta chèo ghe qua lại kinh Vàm Xáng và rạch Hóc Hỏa để bán hàng. Chẳng những chàng bán trà vải mà còn bán kim hát máy, đĩa hát máy và các tuồng cải lương được in thành những tập sách mỏng khổ nhỏ. Các cô gái ở dọc theo sông thường bồi

hồi xúc động khi nghe giọng hồ ấm áp của chàng:

Hồ ơ...ơ...ơ

Cây da tróc gốc

Thợ mộc đang cưa

Gặp em đứng bóng ban trưa

Trách trời mau tối, phân chưa hết lời

Lụy nhỏ lúc biệt ly

Anh đi em ở

Rạng mặt đá vàng, xin chờ bỏ nhau...

Cô Út Ngọc Nhung, em ruột thím Ba Gà Lôi vốn nhạy cảm với bất cứ câu hò nào được diễn tả bằng giọng đẹp và mùi. Từ bốn năm nay, kể từ khi má cô là bà Chín Lũ chết đi thì cô ở chung với vợ chồng thầy Ba Gà Lôi. Hai chị em có cùng một khuôn mặt, nhưng thím Ba thì vóc dáng thanh cảnh, tươi mát, còn cô thì thân mình phốp pháp nồng nán hơn. Mất thím Ba ranh mãnh, linh hoạt, còn mất cô Út là thứ mất mời, ướm rượt và lẳng ngăm. Cô thường nói với mấy cô bạn chòm xóm rằng Chín Tân Ngải bảnh trai như kếp Bảy Nhiều của gánh Phước Cường, sáng láng như kếp Từ Anh của gánh Trần Đắc. Mỗi khi nghe Chín Tân Ngải hò ở mút đầu doi đất là cô liền bước ra bến nước, đứng dưới gốc cây khế đơm đầy hoa tím, lòng man mác băng khuâng.

Có lần cô hỏi thầy Ba Gà Lôi:

— Thừa anh Hai, em không hiểu tại sao mấy chủ ghe thương hồ, hề bán trà thì họ ưa bán cặp với vải.

Thầy Ba Gà Lôi vốn là tay uyên bác. Chuyện gì cũng được thầy cắt nghĩa có lớp có lang, có gốc có ngọn ráo trọi:

— Một lẽ dễ hiểu là họ tin rằng hương trà thấm vào vải làm cho mọt, gián không leo hành tới. Đã vậy vải sồi, hàng lụa còn thơm mùi trà. Có người cho rằng hương trà còn trừ được mùi ẩm mốc nữa.

Thầy Ba Gà Lôi cắt nghĩa vo vo, nhưng thầy không để ý cái hương vị ái tình trong câu hát của anh chàng bán trà vải đã thấm sâu vào tâm hồn, đã ướp mềm trái tim cô em vợ đa tình đa cảm của mình.

*

tin xuân

*Thấp thoáng tin xuân cuối nẻo trời
Mênh mang tâm sự gió ngàn khơi
Ba ngàn thế giới vòng hư ảo
Sáu ngả vô minh lớp sóng đời
Núi vọng ai sầu chiều tịch mịch
Sông chờ mây thoảng mộng chơi vơi
Sương nhòa bụi phủ dòng hưng phế
Ngõ vắng chợt nghe tiếng trẻ cười.*

tuệ nga



Yên khoản may mặc, từ rằm tháng chạp, người nội trợ còn lo khoản bánh mứt.

Vì nhà bà Hương sư Bách là một đại gia nên bắt đầu từ mồng mười tháng chạp, thím Hương quản Bưng đã lo làm các món bánh phoi khô: bánh phồng, bánh trắng, bánh tổ. Bánh phồng nếp, bánh trắng ngọt và bánh tổ mà làm bằng đường om thì thơm phải biết! Đây là thứ đường mật mía, đựng trong cái om đất, sệt sệt màu nâu đỏ. Đường này thắng lỏng bỏ thêm gừng giã nát, chan lên tàu hũ bánh lọt hoặc sương sa hột lựu thì ngon hơn đường cát thập bội.

Thím Ba Gà Lôi nhứt định chọn đường om để làm bánh tổ. Thứ bánh này không cần ăn vào dịp Tết cho nên thím không cần làm gấp, đợi đón ghe thương hồ để mua cho được đường om. Thím dặn cô Út Ngọc Nhung:

— Mày nhớ đón ghe thương hồ nào có bán đường om cho tao.

Cô Út dạ dạ, mắt đã ướt giờ thêm sáng long lanh. Cô nhìn ra bến sau nhà đang lúc nước dồn lai láng và trong vẩn vất như mắt mèo. Ngày ngày cô bồn chồn, đêm đêm cô khắc khoải mơ một bóng dáng, một giọng hò.

Nhưng một buổi sáng mát rười rượi, giữa lúc con chim chìa vôi hót lảnh lót trên mái nhà, thì một giọng thân yêu, quen thuộc vang lồng lộng ngoài bến:

*Mặt trời vừa lặn, mặt trăng vừa ló
Quời nương em ơi, qua xin tổ với nàng*

*Con gái ông Bang, con gái ông
Phủ qua cũng không màng*

*Chỉ chuộng con bạn ngọc biết đá
vàng thì chung.*

Cô Út Ngọc Nhung kêu ghe thương hồ lại. Quả thật đây là ghe của Chín Tân Ngải. Cách mặt một năm, cô thấy Chín ta thêm lực lưỡng, mặt lúc nào cũng vui tươi, nụ cười mắt liếc lúc nào cũng tinh tú. Cô hỏi mua một xấp vải in bông hường. Sau đó cô bảo:

— Em muốn mua đường om để làm bánh tổ, bánh ích, bánh bò

nhưng tìm hoài mà không thấy. Anh Chín có biết ghe nào bán thứ đường đó xin nhắn họ ghé qua đây giùm em.

Chín Tân Ngải cười:

— Hôm qua tui có mua được hai om đường. Thôi thì tui xin kính cô một om làm duyên. Khi cô làm bánh xong, xin nhớ đến tui một chút cho ấm lòng kẻ sống đời gạo chợ nước sông này.

Khi trao om đường cho cô gái, Chín Tân Ngải miệng cười mắt liếc có vẻ gian tà dịch vật lắm. Anh ta hò:

*Ném muổng đường om, mùi thơm
vị ngọt*

*Thức trót canh gà, tuôn giọt cảm
hoài*

*Thân bậu như nhánh bông mai
Phận qua chim cú lạc loài đứng
trông.*

Cô Út cười ngỏn ngoèn:

— Thằng cha mắc dịch này hò cái điệu gì tầm xàm tầm bậy vậy?

Thím Hương quản Bưng vừa khi làm xong bánh phồng nếp và bánh phồng khoai liền cho thím Ba Gà Lôi, cô Tư Cúc và cô Năm Lan một chục bánh mỗi thứ. Thím khoe:

— Tui làm bánh phồng nếp bằng đường thẻ, còn bánh phồng khoai bằng đường cát trắng trộn sữa hộp đó đa.

Thím Ba Gà Lôi nhìn mặt bánh phồng khoai, miệng thì dạ dạ nhưng mắt liếc về hai cô em chổng. Cô Tư Cúc lẫn cô Năm Lan trề môi sau lưng thím Hương quản, kẻ nguyệt người háy coi thiệt tức cười.

Hôm sau, cô Năm Lan đội khăn màu hột gà, che dù tia tới nhà cô Tư Cúc xàm xỉ to nhỏ gì đó một hồi. Cô Tư liền quơ cái khăn màu hường quàng lên cổ, chụp cái nón gò găng thêu chỉ ngũ sắc ở mặt trong lên đầu rồi rủ cô Tư đến nhà thím Ba Gà Lôi, về mặt cô nào cũng lộ vẻ tức tối.

Thím Ba Gà Lôi cười mơn:

— Cô Tư, cô Năm nghĩ sao? Bánh phồng nếp do chị Hai làm với đường thẻ hay đường hũ vậy?

Cô Năm Lan cười lạt:

— Bánh phồng nếp đó mà làm

bằng đường thẻ sao không thơm mùi mật mía? Chị ăn một chút khi bánh chưa nướng chín thử coi. Đây là chỉ làm bánh bằng đường hũ, em mà nói sai thì Thiên Lôi quánh em cháy thành than đi! Bánh làm đường thẻ thì làm sao tới tay tui mình?

Đường hũ là thứ đường thốt nốt được đựng trong hũ bằng sành thô nặng, có mùi chua mà không thơm bằng các loại đường mía như đường thẻ, đường cát vàng, đường cát trắng, đường phối...

Cô Tư Cúc cần nhần:

— Thiệt tình em chưa thấy ai xạo như chị Hai mình. Chỉ đồ hồ bánh phồng khoai của chỉ làm bằng đường cát trắng. Xời ơi, mặt bánh thì tối tăm như trời sắp chuyển mưa. Điều đó là con mẹ làm bánh bằng đường cát vàng hoặc đường cát mỡ gà, mà hồng chừng con mẹ còn trộn lộn thêm đường thẻ. Bánh làm bằng đường cát trắng thì mặt bánh vàng tươi và sáng rõ như trăng rằm. Mà cũng lạ, sao tui nếm bánh không cảm thấy có mùi sữa hộp. Bánh này béo thì có béo, nhưng vị béo của nước cốt dừa tươi.

Thím Ba Gà Lôi châm dầu vô lửa:

— Bánh phồng nếp làm bằng đường thẻ, bánh phồng khoai làm bằng đường cát trắng trộn sữa hộp thì làm sao bọn nhà nghèo như tui mình có phước phận được hưởng? Bánh ngon bánh khéo, bánh thượng hảo hạng thì chị Hai dùng để biếu xén dì Cai Tổng hoặc bà Bang Biện, bà Hương cả, bà Hương chủ, bà Đốc học...

Hôm đó, cô Năm Lan lẫn cô Tư Cúc được gia chủ mời ăn cháo gà. Bấy giờ họ mới để ý cách chưng dọn nhà cửa để chuẩn bị ăn Tết của thím Ba Gà Lôi. Thím Ba mới vừa mua cặp liễn son, chữ mạ vàng để treo trên hai thân cột chỗ bàn thờ đức Quan Thánh Đế Quân, mua thêm một cái đĩa quả tử bằng sứ trắng men lam nét vẽ màu chàm, lớn gần bằng cái sàng gạo, đặt trên cổ bông. Ngoài sân bông kiểng đón

xuân đang bắt đầu đơm nụ. Trên thân cột ngoài hàng ba chưa chi đã dán liền đỏ bằng giấy kim tương, giấy hồng đơn rồi.

Khi rủ nhau ra về, cô Tư Cúc hỏi em:

— Chị Ba than túng trước huyệt sau, vậy mà chưa chi chị ta trang hoàng nhà cửa lộng lạc đường ấy.

Cô Năm Lan cũng thắc mắc:

— Mới nãy em có xuống nhà sau, thấy con Út Ngọc Nhung đang ủi quần áo Tết. Chèng ơi, chị Ba mới sắm cái áo the nhung màu hường. Còn con Út được chỉ sắm cho chiếc áo lụa Bombay màu xanh da trời. Cả hai còn may quần sa-teng mình phần trắng, quần cạp tụt đen.

Cô Tư có vẻ bứt rứt:

— Ờ, tao cũng thấy dưa hấu chất đầy bộ ngựa nơi gần ruộng ảnh chỉ. Thiệt tình tao không dè chị Ba chuẩn bị ăn Tết lớn. Vậy mà ngoài miệng con mè cứ than nghèo than túng, làm như tàn mạt tới nơi. Thiệt khó mà lường được bụng dạ của mụ chị dâu đó!

Tuy nhiên với bốn tánh phù thành, cô Tư Cúc lẫn cô Năm Lan nghĩ tới việc biếu xén quà cáp cho thím Ba Gà Lôi. Đó cũng là cách chuộc lỗi vì từ lâu họ có vẻ coi thường thím. Trưa hôm sau hai cô lựa dịp nhà thầy Ba tới giờ cơm đến tặng quà. Cô Tư tặng một chai nước mắm nhĩ, một gói bánh phồng tôm và gói bánh phồng cá. Cô Năm tặng nửa kí hạt dưa, một cân chà là, một chai rượu cỏ-nhách. Cả hai được mời dùng cơm. Mâm cơm có món cá chẻm chưng tương, món cá bống tọng chưng kim châm nấm mèo, món canh xà bần gồm củ cải muối nấu với sườn heo rắc ngò gai, món tôm kho tàu nước gạch đỏ ối... Mâm cơm thiệt sang làm hai cô trầm trồ không ngớt. Trước khi hai cô em chồng ra về, thím Ba Gà Lôi tặng mỗi cô một con khô cá lạng sinh, một gói tôm khô cỡ nửa kí. Thím khen cô Tư:

— Thiệt tui chưa thấy ai làm bánh phồng cá khéo như cô. Ý là cô dùng cá thác lác mà bánh khi chiên không tanh, ăn vô tui có cảm tưởng

như ăn bánh phồng tôm vậy.

Và thím không quên nịnh cô Năm Lan:

— Chèng ơi, nhè chồng tui là dân quê mùa, cô tặng rượu quý, ảnh không dám uống đâu. Chắc ảnh phải chưng trên bàn thờ để... thờ luôn.

Cô Út Ngọc Nhung lãnh phần tráng bánh tráng giúp thím Ba Gà Lôi. Từ lúc canh năm, cô thức dậy pha bột, pha đường và nhúm bếp. Bánh tráng ăn vào dịp Tết thường có thứ bánh tráng rắc mè đen và bánh ngọt trộn đường om màu nâu đỏ rắc mè trắng. Bánh béo lẫn bánh ngọt đều có trộn nước cốt dừa. Ngoài ra cô Út còn làm bánh tráng trộn tôm khô cà nhuyển và trộn nước cốt dừa, món ruột bên tía cô truyền lại.

Trong khi cô Út Ngọc Nhung tráng bánh tráng thì dưới sông, Chín Tân Ngải vừa chèo ghe vừa hát vọng cổ, khởi đầu bằng câu: "Một khi đã lặn với tình..." Cô vừa tráng bánh không ngừng tay, vừa chớp mắt lia lịa nhìn ánh lửa đỏ hừng hực trong lò. Cô cất giọng thiết trong thiết êm lên hò:

Tết nhứt tới nơi, em có đôi lời muốn nhắn

Được bột khoai rồi, quên bột sắn sao anh?

Tức thì ở dưới sông, Chín Tân Ngải liền hò đáp lễ:

Ai ưa chè táo soạn?

Ai chuộng chè thương?

Ai ưng chè mè đen chú Chệt?

Ai mê ai một chè bạch quả hột sen?

Qua xin thề trước ngọn đèn

Qua thích chè đậu trắng, thương con bạn hiền thì chung.

Cô Út Ngọc Nhung nhìn bóng tối còn dầy đặc ngoài trời, nụ cười cô thêm rạng rỡ, đôi mắt cô càng ướt rượt. Thằng cha này hôm qua hát "Chỉ chuộng con bạn ngọc biết đá vàng thì chung", hôm nay nó lại hát "Qua thích chè đậu trắng, thương con bạn hiền thì chung". Rõ ràng là hần ta muốn đi kiếm vợ đây mà, vãi trời tui nghĩ đâu trúng đó, chắc ba bó một giá.

Bánh tráng phơi hai ba cỡ nắng

là khô mặt, nhưng tâm hồn cô Út Ngọc Nhung vẫn thấm ướt âm vang dư vị giọng hò. Trong lúc phơi bánh tráng trên sân nắng, lâu lâu cô đảo mắt ngóng chừng xuống kinh Vàm Xáng. Thỉnh thoảng Chín Tân Ngải chèo ghe lướt qua, khi thì giọng hò điệu vợ cất cao, lúc thì câu vọng cổ buồn như một lời thề rải vào cơn gió chướng lao xao từng đợt âm ba ngát lịm. Cô Út cứ chớp mắt theo nhịp đập của trái tim, cứ cười chum chim, má cô đỏ hồng hồng...

Thím Ba Gà Lôi vô tình nào biết chuyện gì xảy ra trong hai đêm 18, 19 tháng chạp. Hễ gần đầu canh ba, khi chuỗi sao Bắc Đẩu mọc ngang trời, đôi mắt cô Út cũng rạng ngời như sao vì một câu hò:

*Ngước nhìn nguyệt lặn sao mờ
Muốn qua thăm bậu, phải chờ canh ba.*

Cô Út Ngọc Nhung mở nhẹ cửa buồng rồi đi xuống mé sông. Cho đến sáng 22, thím Ba Gà Lôi bước vô buồng em để kêu em đi chợ Vàm Xáng với thím thì giường cô Út trống trơn, một bức thơ của cô đặt trên chiếc gối hình bán nguyệt nhún tai bèo.

Giữa lúc thím Ba Gà Lôi chết điếng thì cô Tư Cúc và cô Năm Lan làm bánh nướng như bánh men, bánh phục linh, bánh gai, bánh con đuông để sắp vào quả sơn son. Hồi còn son giá, hai cô được mẹ cho ra ở nhà bà Cai Tổng Hải để học môn

tết ở quê người

*Tuyết cứ rơi rơi, xuân cứ tới
Cắm cắm trời đất trắng như nhau
Hun hút quê hương xa dậm dậm
Còn còn nỗi nhớ dễ nguôi đâu
Thù nhà nuốt mãi không vơi chén
Hận nước đa mang đến bạc đầu
Xuân đến hay không lòng vẫn vậy
Chẳng cứ ngày xuân mới biết sầu.*

minh đạo

bánh mứt. Bắt đầu từ rằm tháng chạp, cả hai làm mứt bí, mứt đu đủ, mứt củ cải, mứt khổ qua tía lộng bông hoặc cắt thành hình tròn, hình quả trám, tất cả đều viền răng cưa. Mứt dừa có thể nhuộm phẩm đỏ, xanh, vàng, màu nào cũng lọt nhưng tươi. Mứt gừng có ba loại: xắt mỏng rồi sên với đường; để nguyên củ xâm lỗ cho bớt cay rồi rim cách nào mà ngoài mặt khô ráo nhưng khi cắn thì chất đường đặc sánh tươm ra, và gừng xắt chỉ xên với đường để làm mứt dẻo.

Món mứt khéo và khổ qua của cô Tư Cúc có phần khéo hơn của cô Năm Lan nhờ chỗ chơi trội màu sắc. Cô Tư nhuộm mứt với nước cốt cỏ rồng châu nên màu mứt xanh thắm thiết như màu ngọc thạch. Riêng cô Năm có bí quyết làm mứt cà chua. Trái cà khi chưa làm mứt chỉ đỏ có một, nhưng khi nằm trong chiếc chảo sên đường của cô rồi thì

nó đỏ tới hai ba, đỏ rực rỡ và tươi lộng lạc.

Vào ngày 23 tháng chạp đưa ông Táo về châu trời, cô Tư Cúc và cô Năm Lan kẻ cấp quả bánh, người mang quả mứt đến nhà vợ chồng thầy Ba Gà Lôi. Cả hai ngửa ngáy về cái tin cô Út Ngọc Nhung mất tích từ khi Chín Tân Ngải chèo ghe đi khỏi khúc kinh Vàm Xáng chảy qua vùng này.

Thím Ba Gà Lôi mặt tỉnh rụi, giọng ráo rẻ bảo hai cô em chồng:

— Con em tui vưng lịnh vợ chồng tui về Cai Lậy tặng quà Tết cho bà con.

Cô Tư Cúc chưng hửng:

— Lâu nay chị thương than thở rằng từ khi hai bác thất lạc rồi thì ở Cai Lậy chị không còn ai là bà con thân thích để về thăm viếng.

Thím Ba Gà Lôi cười xí xóa:

— Ồi, ở đó thiếu gì bạn bè của ba má tui. Lại còn có dì Tám Chiêu em

con nhà chú của má tui nữa chi! Dĩ đau bụng máu nên nhả con Út về coi chừng coi đổi lủ con giùm đi. Tui thấy suốt năm nay con Út làm lụng cực khổ cho nên tui khuyên nó đi... đổi gió vậy mà.

Cô Năm Lan làm bộ nhớ ra:

— Mèn ơi, vậy mà con Tám cháu chị Hai Hương quản nhà mình nói nó có gặp con Út ngồi xe thổ mộ đi chợ Văng sắm Tết.

Thím Ba Gà Lôi vẫn giữ giọng phờ phời và sắc mặt tươi rói, trả lời:

— Ồi, người giống người là chuyện thường. Chị em tui đâu có quen biết ai ở Tân Ngải, Vĩnh Long thì mắc mớ chi con Út đặt chơn tới chỗ lạ hoắc lạ hươu đó!

Cô Tư Cúc và cô Năm Lan bợ ngợ nhìn nhau, không biết nói gì thêm. Mụ chị dâu của họ vốn tráo trở, đã sắp đặt sẵn những câu trả lời để che đậy hành vi của em mình và để đối phó một cách liệ liệ oanh oanh với những câu hỏi trắc trẹo của kẻ tò mò tọc mạch.

Khi hai cô em chồng kiêu từ ra về, thím Ba Gà Lôi vừa đầm ngực vừa khóc với chồng:

— Con Út đem máu hoè trét lên mặt tui! Chị Hai Hương quản và con Tám cùng hai mụ cô sắp nhỏ vốn độc miệng đi đồn tùm lum rằng con Út có chửa nên cuốn gói theo trai luôn. Tui có nghe chị Bảy Hớn ở cuối xóm là chị bà con xa của thằng Chín Tân Ngải, đầu mình thử dò hỏi tông tích thằng coi, rồi cho hai đứa tui nó xáp cục cho rồi.

*
*
*

Chị Bảy Hớn sau khi nghe vợ chồng thầy Ba Gà Lôi tố tường trong đục ý định của họ, liền bảo:

— Tụi nó đâu có về Tân Ngải làm chi! Hiện giờ tụi nó đi vịnh Trà Bay ở đậu nhà thằng em tui. Nếu thầy thím cho tụi nó xáp cục với nhau thì chồng tui sẵn sàng đi với thầy để kiếm tụi nó.

Thế là vào hăm tám tháng chạp, thầy Ba Gà Lôi đi vịnh Trà Bay. Thím Hương quản Bưng cũng nóng lòng muốn biết chuyện cô Út



Ngọc Nhung nên xách đít đến nhà thím Ba Gà Lôi, giả bộ đem cho nem và bì gói. Thím Hương quần Bưng hỏi:

— Chú Ba đi đâu vậy thím?

— Ai mà biết! Có lẽ anh đi theo con đi nào ở miệt Hóc Hoả hoặc anh đi mượn thầy pháp dùng bùa để ếm mấy con đi nhiều chuyện nở phao vu con em tui bỏ nhà xách gói theo trai.

Mặt thím Hương quần Bưng từ màu tương tàu biến thành màu tro xám. Còn mặt thím Ba Gà Lôi phùng phùng lửa giận. Thím Hương quần đau nhức tâm can vì Hóc Hoả là nơi mà con Tám, cháu kêu thím bằng cô, đã lập nghiệp bốn năm nay.

Thím Ba Gà Lôi lo quét dọn nhà cửa, chưng bày bàn thờ và lo sắp đặt mâm cơm cúng rước ông bà. Chiều ba mươi Tết, thầy Ba Gà Lôi trở về nhà với Chín Tân Ngải và cô Út. Chín ta cùng cô Út rẽ qua nhà chị Bảy Hớn. Tại đây, chị Bảy sắp sẵn mâm trầu rượu để lát nữa, cặp Chín Tân Ngải và Út Ngọc Nhung sẽ bưng qua tạ lỗi vợ chồng thầy Ba và làm lễ ra mắt ông bà luôn.

Vừa về tới nhà, thầy Ba Gà Lôi bảo vợ:

— Thăng Chín không còn ai là họ hàng ruột thịt ở Tân Ngải hết. Nó nói nó sẽ về lập nghiệp ở vùng này. Nó vừa mua một miếng vườn hai mẫu ở Hóc Hoả để cất nhà. Nó cũng có chút ít vốn để sắm ruộng. Vậy mình gả con Út cho nó cũng là việc tốt, việc nên làm.

Thím Ba không biết nói sao, chỉ biết khóc ngon khóc ngọt. Con em tui đó, con Thị Mầu, con Trác Văn Quân đầu thai, thấy trai là động lòng chồn dạ thổ, theo thói liễu ngỗ huê tường, mê phượng trôi sông lạc chợ. Xời ời, mấy hôm rày tui phải mặt dạn mày dày với mấy con lũng con lành có cái miệng thọt thọt ưa bới móc chuyện thiên hạ. Tui phải gom hết sức lực để gượng làm mặt tỉnh tuồng, chớ tui khóc mấy tin mấy vìm nước mắt vì nhục nhã để đâu cho hết.

Chín Tân Ngải mặc áo dài bịt

khăn be bụng khay trầu rượu đi trước, vợ chồng chị Bảy Hớn và cô Út đi sau. Chị Bảy mặc áo dài xuyên trắng, chơn đi guốc vòng, còn cô Út mặc áo dài màu đỏ chuối chơn đi guốc sơn đen, quai vẽ bông xanh đỏ. Hai thằng con trai của chị cũng lẽo đẽo theo sau làm lũ trẻ lối xóm và con chó phèn của chị cũng bắt chước vầy đoàn. Thầy Ba Gà Lôi đứng chờ sẵn ở cổng. Thấy bên “đàng trai” tới, thầy chỉ cho anh chị Bảy Hớn, Chín Tân Ngải và cô Út Ngọc Nhung vào sân rồi đóng cổng lại. Con chó cúp đuôi chui lỗ chó để vô sân làm thầy hét toáng lên.

Khi đàng trai bước vô nhà thì đã thấy thím Ba Gà Lôi mặc áo dài tử tế ngồi vắt vẻo trên chiếc divan chơn quì bằng cẩm lai. Chị Bảy Hớn cười ngỏn ngoèn bảo thím Ba bằng giọng văn vẻ:

— Thăng Chín và con Út không đợi linh thím giáo, nở đành tò tí lén lút rồi cuốn gói đi tìm chỗ khác hú hí với nhau cho nên tui nó ản ản lung lăm. Nay thầy giáo thím giáo tính chuyện xáp cục cho sen ấu chung bầu, mạn đào kề cận, thiệt may mắn cho tui nó lắm. Nay tui dất tui nó về xin lỗi thím giáo, xin thím ăn miếng trầu héo, uống chung rượu lạt để chứng nhận cuộc lương duyên của tui nó. Tuy là tiền dâm hậu thú nhưng đôi xứng đôi, lứa xứng lứa, đào kia kếp nọ hiệp thành một cặp xinh tốt như rồng phụng. Sau nữa, xin thím cho tui nó lạy bàn thờ ông bà gọi là ra mắt với kẻ ruột rà khuất mày khuất mặt.

Thím Ba nguýt con em trời đánh và thằng tặc tử dâm bôn rồi khóc thêm một chặp nữa. Song thím cũng nhận lời chị Bảy Hớn uống ngụm rượu và ăn miếng trầu. Trong lúc nhai trầu rau rầu, thím ngó cái bụng của cô Út coi nó có bự lùm lùm như cái mả lạn chưa. Thiệt tình thím không biết con em thím đã vụng trộm với tên Chín Tân Ngải từ hồi nào.

Mâm cơm cúng rước ông bà ngoài món cháo vịt còn có món mì xạo lòng gà và tôm đất lột vỏ,

món chả cá thác lác để thầy Ba Gà Lôi và Chín Tân Ngải cùng ly với nhau. Chén rượu thật chặt tình anh em bạn cột chèo thăm thiết. Thầy Ba gọi Chín ta bằng “dượng Út nó” và xưng “anh” ngọt xớt. Còn Chín ta gọi thầy Ba bằng “anh Hai” và xưng “em” thiệt thân ái nhu mì. Thịt vịt chấm nước mắm gừng, rượu nếp than hương nồng vị ngọt làm cho mặt thầy Ba đỏ thối phùng phùng, làm thím Ba chợt nhớ tới cái thuở thầy mới trở giọng dề thím cũng với cái mặt đỏ cổ mặt này. Vậy mà sao thuở đó thím vẫn thấy thầy có duyên. Nghĩ tới đây, thím dịu bớt cơn thanh nộ với con em út thường luồng hổ mang kia. Thím cứ gấp thịt vịt bỏ vào chén Chín Tân Ngải và chén của chồng liền tay.

Sáng ngày mồng một, Kim Liên, Kim Huệ, hai đứa con gái thầy Ba Gà Lôi, được dượng Út tui nó tặng mỗi đứa một cái lược đồi mồi và lì xì năm đồng bạc mới tinh (thuở đó một tô cháo lòng giá 5 xu). Cô Út Ngọc Nhung đem mớ nữ trang mà Chín Tân Ngải định làm sinh lễ đưa cho thím Ba Gà Lôi coi. Tất cả gồm có một cặp bông hột xoàn bốn ly, một cây kiềng vàng, một cặp vòng vàng chạm phụng giao đầu, một chiếc vòng mã não xanh, một chiếc cạ rá nhận mặt cẩm thạch vuông, một sợi dây chuyền có miếng mè đai nhận hột ngọc điệp hình bầu dục. Thím Ba Gà Lôi trầm trồ:

— Thăng Chín chắc có quen với tui chệt xầm nên mới mua được thứ mã não xanh lạt lìa như vậy. Còn ngọc điệp thì vừa trong vừa sáng ngời, lộng chấm đỏ chấm xanh chấm vàng lóng lánh. Chị Bảy Hớn có nói mồng mười tới, mình làm lễ thú phạt tiện lắm. Tao mà gả mày càng sớm tao càng đỡ pháp phông, chừng đó tao mới được nhẹ mình nhẹ mẩy...

Cô Út Ngọc Nhung năn nỉ:

— Thôi mà chị Hai, Tết nhứt xin chị nhẹ lời cho em út nhờ mà...

Mồng một, vợ chồng thầy Ba Gà Lôi ở nhà tiếp khách. Hễ gặp ai thầy cũng giới thiệu Chín Tân Ngải:

Thím Hương quần Bưng cùng cô
 Tư Cúc, cô Năm Lan nhìn nhau bợ

kinh tân

Thím quét cặp mắt ngùn ngụt nộ khí khắp ba người đờn bà lão lự kia. Cả ba cảm thấy lúng túng như con cá mắc cạn. Ai cũng biết con sư tử cái có bươm này vừa hỗn dũ vừa liều lĩnh. Vào ngày Tết mà chộc nó thì nó sẽ làm rùm lên, suốt năm

春風花柳處
曉日光雲輝
何申更戲應
天下太平時
多承流作客
去書使人慙
寧心懷故里
沙日却是著



— Để tui nói với chồng tui, ngày cúng tất hạ nêu nên mời thằng em rể thím tới đây dùng cơm cho bà con mình biết nhau. □

Ăn Chơi

Võ Phiến

Nói chuyện “ăn chơi” có kỳ cục chẳng? Có vẻ bốc đồng quá chẳng? Thời buổi đời này bộ không còn chuyện gì quan trọng hơn chuyện ăn sao? Mà đã lỡ nói đến cái ăn thì ở quê hương đang thiếu thốn, lâu lâu lại xảy ra một trận đói chết người: sao không nói về ăn thiệt để cho ra người ưu thời mẫn thế lại đi nói đến chuyện ăn chơi?

Quả ăn chơi có nhiều cái nhảm. Muốn bênh vực nó, e vất vả. Tuy nhiên trong trường hợp này thực ra tôi nghĩ đến ăn chơi là vì quê hương. Ngày tôi còn bé, ở chỗ quận ly có cái quán Bà Huế, chuyện đó thuộc về thời xưa; sau vài ba cuộc chiến tranh, nó càng thành ra xa tít mịt mù, xưa quá đổi xưa. Bỗng, mới tháng trước đây, có một người thuyền nhân trẻ tuổi ra đi độc thân, đến Mỹ học hành, lấy vợ, sinh con, người ấy đem cả vợ con về trình diện cha mẹ. Cha mẹ anh ta ở ngay tại cái huyện ly ngày xưa của tôi. Trở lại Hoa kỳ, anh ta bảo: “Quán Bà Huế vẫn còn đấy”. Ối trời!

Quán vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt!

Tự quán Bà Huế tôi nhớ tới cái ăn, tới món nọ món kia. Tới chuyện ăn thiệt, riết rồi tới chuyện ăn chơi.

Ngồi tại Los Angeles mà đề cập tới cái ăn, nó dễ lan man lắm. Eo Ê qui tụ đủ giống dân tứ chiếng. Bước ra khỏi nhà, trong vòng một dặm đường có thể gặp hàng chục, hàng vài chục tiệm ăn của những dân tộc khác nhau: Ý, Mỹ, Pháp, A-phú-

hãn, Tàu, Nhật, Ai cập, Ba tư.v.v.. Người di chủng sống gần nhau trong xã hội Mỹ lâu ngày thì hoà hợp với nhau như kim loại nhiều thứ cùng chảy ra hợp làm một trong lò luyện kim; món ăn chúng cũng khoái sự chung chạ lắm. Trong một tiệm Nhật nọ, những sợi mì Ý tự dung lại chui vào nằm trong ruột chiếc bánh tây chẻ đôi của Pháp, rồi tự vỗ ngực xưng cái tên lạ hoắc: *supageti sando*, tức xăng-uyt mì sợi. Bước vào tiệm ăn Peru để tìm cảm tưởng phiêu lưu thì bất ngờ bắt gặp đĩa cơm chiên Tàu rất nhưng đổi tên đổi họ thành *chaufa*. Gọi món nữa, mang tên *tallarin*, thì lại gặp phải mì xào. Bèn đường đột trông thẳng vào bếp, thấy ngay anh đầu bếp... chệt! A! Thảo nào dân chúng Peru xúm nhau bầu một ông Nhật làm quốc trưởng. Thì ra không kèn không trống không súng không ống, Tàu và Nhật hai giống dân ấy đã lặng lẽ tràn ngập Nam Mỹ từ những bao giới. Xâm nhập mà đã xâm nhập vào tận bếp người ta là quá sâu. Trong lịch sử chỉ có những cuộc khởi nghĩa đánh đuổi thực dân xâm lược bằng vũ lực, thứ thực dân đeo gươm cầm súng kia, chứ làm sao chống cự nổi đàn lũ thực dân cầm cán chảo, cầm cùi-dĩa? Tôi nhất sinh chưa có dịp đến xứ Peru, nên khe khẽ hỏi thăm loanh quanh, và nghe rằng dân Peru không chỉ ăn đồ Tàu ngoài tiệm mà trên mâm cơm gia đình các món cũng lai Tàu gần hết. Quá xá!

Hồi còn làm việc ở toà hành chánh quận Eo Ê, trưa trưa thường thả bộ lai rai xuống Little Tokyo, tôi nhận ra tại mấy cái quầy *sushi* ở đây, số khách da trắng cứ mỗi lúc mỗi đông thấy rõ. Mỹ trắng, Mỹ, Mỹ đen nữa, đàn ông đàn bà, và thỉnh thoảng có cả con cái đeo theo, nhóc tí cũng chọn lựa đĩa nọ đĩa kia, cũng đớp thoăn thoắt. Nhớ mới ngày nào Jean Paul Sartre và Simone de Beauvoir sang Nhật được trọng đãi, mời ăn *sushi*; nàng thì em chả, còn chàng nể khách cố dùng món lạ, nhưng về tới phòng liền nốc rượu mạnh để trấn áp mà vẫn mưa thốc mưa tháo. Simone de Beauvoir bênh chàng, thoá mạ món ăn quái gở nọ thẳng tay trong hồi ký. Thế mà ngày nay, khi kinh tế Nhật thành công tung bừng, máy móc của Nhật tràn ngập Âu Mỹ, tiền Nhật tung ra mua phăng phăng bao nhiêu là đất đai, tài sản, công ty Úc, Mỹ.v.v., thì *sushi* tự dung có mùi vị hấp dẫn, dân da trắng ăn vào đến đâu tiêu hoá đến đấy, chẳng thấy tanh hôi mưa tháo gì cả.

Thành thử ngày ngày ở Eo Ê, các món ăn tứ chiếng chúng nó vẫn nhao nhao kể lể om sòm về lịch sử văn minh thế giới, về những bước gang hồ của sợi mì Tàu, của các loại cà-ri Ấn độ, của bột *couscous* Ả rập, bột mì của dân da trắng, bột bắp của thổ dân Mỹ châu v.v., về sự thịnh mãn của nền kinh tế Nhật, về cuộc di dân của dân Đông Âu, dân Ả rập.v.v... Món ăn Eo Ê thật lắm lời, thật náo nhiệt. Nhưng tôi riêng lấy làm thán thía cái tỉ tê của món Phi luật tân.

Chắc không khỏi có kẻ sửng sốt: “Chọn lựa sao mà éo le quá vậy?”

Tôi không dám cãi một lời. Tiệm ăn Phi luật tân quả nhiên không có sơn hào hải vị cao sang. Không ai dám nẩy ra cái ý kiến tổ chức một tiệc cưới ở tiệm Phi chẳng hạn. Thậm chí cũng không tiện mời khách khứa bạn bè đến tiệm Phi đãi đằng nhậu nhẹt. Ít ra trong tầm nghe, thấy hạn hẹp của tôi, đa số các tiệm Phi không thích hợp với

những dự định như thế. Tiệm Phi chỉ thích hợp với những kẻ đang đói muốn tìm chỗ “ních” một bữa thật no, vậy thôi.

Tiệm Phi không được gọi là tửu lâu, tửu điểm. Nói cho đúng, nó không giống cái tiệm ăn. Nó giống như nhà một bà cô, một bà chị, một chú, bác, dì, dượng khá giả ở thôn quê bên ta. Lỡ độ đường ta ghé đến là có ăn: tô cơm, tô canh, cá thịt, đầy đủ. Thịt kho tàu (*adobo*) miếng miếng bự. Cá mòi nướng (*tinapa*), cá chua chiên vàng (*prito bangus*) từng đĩa lớn, ăn mệt nghỉ. Muốn chả giò (*lumpia*) cũng có nữa. Miễn ta đừng cao hứng gọi cái gì tựa tựa như một đĩa tiết canh hay một đĩa bánh khoái. Không được a! Những món lắt léo không dùng ăn với cơm là không được bén mảng tới đây đâu.

Có thể ta phân vân: Hoặc ta chọn

lầm tiệm nhỏ chẳng? Ở các nhà hàng ăn sang trọng của Phi luật tân biết đâu chẳng có những thứ đại loại như chả cá Phi, thềm-xăm Phi chẳng hạn. Không chừng có thể thật, nhưng tôi chưa biết. Chỉ nghiệm thấy ngay như trên những phi cơ 747 xuyên đại dương của hãng hàng không Phi luật tân, bạn đi một chuyến bay vài chục giờ vượt bể Thái bình, sáng thức giấc bạn cũng chỉ được mời ăn cơm thôi. Một đĩa cơm rang to tướng, với một khúc cá chiên thật bự. Vâng, đúng là cái cơm rang ta vẫn trông thấy trong cái chảo bắc trên đầu ba ông táo ở thôn quê bên ta. Cái cơm rang ấy ở Phi có lẽ nó cũng từng hưởng một tuổi thọ đôi ba trăm năm; nhưng trong thập niên vừa qua nó được mang tên mới: hoặc *tapsilog*, hoặc *longsilog*. *Tapsilog* chiên với thịt bò;

longsilog là cơm chiên với thịt heo. Những thịt thà ấy, trong phạm vi gia đình, có thể là những thừa thãi của bữa ăn ngày hôm trước được cất giữ lại. Thế thôi. Mang tên mới, nó hơn hở xuất hiện trên máy bay phản lực, trên thực đơn các nhà hàng, khách sạn thủ đô Ma-ni.

Như thế bữa ăn ở tiệm Phi giống như bữa ăn ở một nhà bà con; nó cũng giống bữa ăn ở quán Bà Huế.

Huế vẫn nổi tiếng về tré, về nem (An cự), chả (lụa), về bún bò, bánh bèo, v.v.. Nhưng quán Bà Huế không có nem, chả, bánh, bún nào cả. Quán Bà Huế nổi tiếng về... mắm! Tức món mắm cá thu. Tới đây là để ăn cơm, không phải để ăn quà. Nó là cái quán quận lý. Lý hương từ các làng xóm xa xôi về hầu quan, ghé quán Bà Huế. Ghé vào đây là để kiếm một cái gì ăn cho chắc bụng. Là chỗ ăn thiệt, không phải ăn chơi.

Tôi vừa lớn lên, vừa được xuống huyện để học tiểu học trường huyện thì quán Bà Huế đã vững chân ở đó tự bao giờ. Bây giờ tôi trôi giạt ra ngoài muôn dặm, quán Bà Huế vẫn cứ nguyên đó. Vẫn dọn mắm thu hàng ngày, bảy ngày một tuần. Trải qua ba bốn chế độ. Và đang chờ đợi một vài thay đổi chế độ nữa.

Tiệm ăn Phi luật tân, ngay giữa đô thị Eo Ê, nó cũng giữ nguyên tắc “ăn thiệt, chống ăn chơi”. Nó tiếp nối truyền thống quán Bà Huế đến tận cuối thế kỷ XX, trên đất Hoa kỳ, trong lòng Eo Ê. Làm sao tôi khỏi thán thía vì những tử tế của nó cho được?

Nhưng ăn thiệt khác với ăn chơi chỗ nào nhỉ?

— Ăn lấy ngon là ăn chơi, ăn lấy no là ăn thiệt chứ gì?

— Vậy cái hạt dưa cắn tí tách trong lúc chuyện trò ngon hơn đùi gà trong tiệm El Pollo Loco chẳng?

— Nhấm nhót chút chút là ăn chơi, còn ngốn ngấu một khối lượng thực phẩm lớn là ăn thiệt, đúng chưa?

— Vậy cuối một ngày tù khổ sai, anh chàng Dennissavitch thông thả



nhai đi nhai lại chớp tới chớp lui mãi một miếng xương cá là ăn chơi; còn xúm nhau xơi nguyên một con heo sữa là ăn thiệt?

— Vì đói mà ăn là ăn thiệt, không đói cũng ăn là ăn chơi, chịu chưa?

— Vậy Nguyễn Biểu ăn cỗ đầu người trước mặt Trương Phụ là ăn chơi đấy à? Nguyễn Biểu có đói đâu?

Gớm, bắt bẻ mãi, bực cả mình. Lý luận quanh co của hạng mồm mép thường che lấp cả sự thực giản dị. Thôi, không cãi nhau nữa. Ăn thiệt với ăn chơi, ai mà không biết? Hãy cứ đưa ra sự kiện: Thấy ngay, cần gì biện luận. Ăn cơm là ăn thiệt; ăn tiết canh lòng lợn là ăn chơi. Bác xích lô sau một cuộc xe, ngồi nuốt vôi tô cơm bên lề đường là ăn thiệt; cụ Tấn Đà giết con dao tránh ngang thất lung, mang cả muối cả tiêu cả chanh, từ bãi biển bơi đứng ra một hòn đảo, ngồi cạy từng con sò ăn suốt cả buổi chiều, là ăn chơi. Vừa lái xe vừa ăn *hamburger to go* của Mc Donald là ăn thiệt; ăn như Lưu Bị dự yến bên Đông Ngô, phải rời bàn tiệc đi thay áo mấy lần chưa xong bữa, ấy là ăn chơi. Hè hụi làm mãi tới khuya mới rồi việc, xuống bếp lục nồi cơm nguội mang ra ăn với mắm là ăn thiệt; còn ăn một "bát phở năm giờ chiều" như người đàn ông trong truyện *Đông sương ký* của Linh Bảo thì nhất định là ăn chơi rồi!

Ăn chơi là ăn ngoài vòng cần thiết, ăn vì sự đòi hỏi của cái mồm

hơn là của bao tử. Nó liên hệ bề bộn với ăn vật, ăn quà, ăn hàng. Vâng, các món ăn chơi thường gặp ở nhà lồng chợ, ở ngoài quán, ngoài tiệm, ngoài nhà hàng. Nó hay lêu bêu ra ngoài mái ấm gia đình.

Kể ra không phải chỉ có cái ăn là thiếu đứng đắn. Có ăn chơi thì cũng có uống chơi, mặc chơi, viết chơi, đọc chơi, và có cả chuyện ăn ái chơi, khác hẳn ăn ái thiệt nữa đấy. Không sao?

Uống thì có trà, có rượu. Uống trà mà sấm đủ nào ấm đất độc ẩm, nào ấm đồng, nào than tàu, thức dậy từ lúc trời còn tờ mờ, quạt lửa phành phạch đun nước để pha và để uống... hai chén con thôi, như cụ Ấm (*Chén trà trong sương sớm*, của Nguyễn Tuân) là uống chơi. Uống mà "đi" luôn một hơi hai bát con rồng chề Huế như ông Tam Khoang thì phải gọi là uống thiệt. Còn rượu, uống như Siêu với Mùi, nửa đêm lên lút ăn cháo với nhau, lên lút nhấp tí rượu để ngả ngớn với nhau (*Xóm Cầu Mới*, của Nhất Linh) là uống chơi; uống mà say đập vợ ngã lăn kềnh, đánh con đến phát sốt như bác Lê (*Xóm Cầu Mới*) thì nên gọi là uống thiệt mới phải cách.

Đến chuyện mặc: Mặc bà ba làm công việc hàng ngày là mặc thiệt; còn mặc áo dài hở cổ hở nách.v.v... là một cách mặc chơi thôi.

Thế ái ăn, thế nào là thiệt là chơi?

— Vẫn có phân biệt đấy. Ái ăn

như trong chương trình *Đời sống hoang dã* trên đài truyền hình số 28, như sư tử ái ăn với sư tử, như con chim vo ve trống ái ăn với con chim vo ve mái theo phép dạy của thượng đế là ái ăn thiệt. Còn như cái việc mà ông Phó Sứ với nàng Mộng Liên đã làm ngay trước tấm bảng ngự phê bốn chữ "Đệ nhất hùng quan" tại chân đèo Ngang, ấy là ăn ái... chơi. Vâng, ăn ái chơi không có nghĩa là ăn ái qua loa, như ăn nhấm nhót chút chút. Ăn ái chơi cũng chết được người như thường. Ồ, cái chơi cái thiệt cũng không phân biệt bằng nhiều ít: Ông vua có ba nghìn cung tần mỹ nữ là để ăn ái chơi; anh nông dân cục mịch nghèo nàn dành dụm mãi mới cưới được cô vợ ăn đời ở kiếp, đêm đêm cùng nhau ăn ái thiệt... Thế.

— Này, ông Phó Sứ và nàng Mộng Liên là tài tử giai nhân, ông vua là đáng chí tôn. Vậy hình như... hình như cái chơi "cao" hơn cái thiệt?

— Có thể cũng nên. Để xem. Ăn chơi có thể không ngon hơn ăn thiệt, nhưng vẫn là... cao hơn. Người cổ sơ chưa có điều kiện để nghĩ ra những món thật dễ như hạt dưa, phá sa, đu đủ bỏ khô.v.v.. Con người biết nướng thịt trước, cắn hạt dưa sau. Thiệt trước chơi sau. Cho nên cái tấm lòng của người lữ thứ hướng về quán cơm mắm thu nơi huyện lỵ có chỗ giống như của người đảng viên thương nhớ chiếc dếp râu của "Bác". Hoài cổ cả.

Hoài cổ, mà trong đó cũng ngấm ngấm một hãnh diện. Cái xưa cũ mình đã vượt qua từ lâu, cái ấy vẫn còn là trình độ hiện tại ở các tiệm... nọ, nơi đây...

— Thôi, quên đi. Không nên động chạm đến lòng tự ái của những người bạn khiêm tốn rất đáng yêu... À, này, tôi nhận thấy hình như tất cả các món ăn được nói đến trong non hai trăm rưởi trang sách *Miếng ngon Hà nội* của Vũ Bằng đều là món ăn chơi cả, phải không? A, cái ông Vũ này cực đoan ác liệt: Không để cho một món thiệt nào chen chân vào. □

thơ mùa xuân

1.

ta ơn đất với trời
ban mùa xuân đẹp tuyệt
ta cũng cảm ơn người
tình cho không hối tiếc.

2.

đêm qua đông vừa tàn
gió rủ nhau đi biệt
sáng dậy xem tuyết tan
xuân về theo cỏ biếc.

3.

hương hoa đắm gió sớm
nắng vàng lựa mượt mà
mở lòng cùng xuân chớm
thành thang lời chim ca.

nguyễn văn ngọc

Ông Tài xé rớt tờ lịch mỏng, vo tròn quăng vô giỏ rác gần đó, giọng ân cần:

— Nhớ nghe các con, chỉ còn hai tuần nữa là tới Tết.

Bốn cô con gái đang ngồi rải rác trong phòng khách, đồng loạt ngẩng lên. Hạnh ngưng tay đan, thở dài thành tiếng:

— Mau quá, lại hết một năm.

Mắt Hảo rời màn ảnh truyền hình, hỏi:

— Năm nay mình có làm lễ đưa ông Táo về trời không ba?

Ông Tài ngồi xuống ghế bành, gật đầu:

— Có chứ. Hăm ba tháng chạp,

các con nhớ bày bánh, châm trà, thấp nhang đưa ông lên thiên đình châu Ngọc Hoàng.

Hiếu, cô con gái út mười hai tuổi, chau mày thắc mắc:

— Tại sao năm nào mình cũng đưa ông về trời vậy ba?

— Tục lệ cuối năm xứ mình là vậy. Người mình tin rằng trong nhà bếp có một ông thần canh giữ, hết một năm ông lại trở về dâng sớ trình Ngọc Hoàng thượng để rõ mọi sự dưới trần gian. Chuyện hay chuyện dở đều được ông khai ra hết tội. Nhờ vậy mà người ta cố tránh không làm điều quấy.

Hiền cất giọng nhỏ nhẹ góp lời:

— Con thấy đó không phải là tục

lệ xấu, cũng không phải chuyện mê tín dị đoan, mà là dịp để mọi người trong gia đình ngẫm lại hành vi của mình trong năm cũ. Lỡ có ai làm điều gì không đẹp thì cố sửa để không tái phạm.

Hảo hất khuôn mặt đẹp về hướng Hiền, cao giọng:

— Ờ, bà chỉ giỏi cái miệng. Đã bao nhiêu lần bà mượn đồ lót của tui bận rồi không chịu giặt; còn giày dép, quần áo của tui, bà sử dụng tưới sượng, coi như của riêng, đợi lúc tui cần, hặc hỏi thì mới hay còn nằm trong giỏ đựng đồ dơ. Hôm đưa ông Táo về trời, bà làm ơn nhớ lại chuyện không đẹp ấy giùm tui, cho tui nhớ.

Hiền trợn mắt cãi:

— Tao với mày làm tờ cam kết rồi mà!

— Cam kết gì?

— Đồ quý cái, ký tên vô bằng hiệp định được quyền tự do sử dụng của cải riêng rồi bây giờ làm bộ không biết. Mày tráo trở giống Việt cộng quá khỉ ạ! Hôm ký kết có chị Hạnh và nhỏ Hiếu làm chứng rõ ràng.

Hạnh và Hiếu đưa mắt ngó Hảo, nhè nhẹ gật đầu. Hảo xụ mặt phân trần:

— Tui đâu có dè, bà ở đây mười mấy năm rồi mà vẫn còn quê mùa



Còn Thơm Nhựa Cây Năm Cũ

Ngô Nguyên Dũng

lạc hậu quá chừng. Quần áo bà mua về, màu mè diêm dúa, ai dám bận! Còn giày dép thì kiểu cọ lố lăng, thấy mà ớn ớn. Bà còn keo kiệt vắt cổ chày ra nước, toàn mua những thứ rẻ tiền, đại hạ giá, bận vài lần là hư hết trơn...

Rồi Hảo quay sang ông Tài, ánh mắt cầu cứu:

— Ba biểu chị Hiền hủy bỏ tờ cam kết cho rồi. Kể từ nay, áo ai người ấy mặc, giày ai người ấy mang...

Hiền chộc tức:

— Ngực ai người ấy nịt, chông ai người ấy xài!

Ông Tài chưa kịp nói gì, Hiền đã vênh mặt, rít giọng:

— Hủy thì hủy, ai thèm! Đồ ích kỷ!

Hảo trả đũa:

— Còn chị là người hà tiện, coi đồng tiền bự như bánh xe, rán sành ra mỡ.

Ông Tài lớn tiếng nạt:

— Hảo đừng có hỗn với chị!

Bốn cô con gái ngồi im thin thít. Chờ một lát, ông Tài mới tiếp lời:

— Nhà còn lại bốn chị em, các con phải nhường nhịn, xử sự cho công bằng, chớ nên cãi cộ gấu ó với nhau vì mấy chuyện không đâu. Lớn rồi, đâu còn nhỏ nhít gì nữa! Con Hiền đã mười chín, Hảo mười tám, Hiếu sắp sửa mười ba, còn con Hạnh... con bao nhiêu tuổi rồi, bà quên mất?

Hạnh đáp khê:

— Dạ, hai mươi sáu.

Ông Tài hừm một tiếng:

— Hai mươi sáu à? Vậy thì con Hảo đã hai mươi lăm rồi sao?

Hạnh gật gù:

— Dạ, đúng. Con với Hảo cũng như Hiền với Hảo, sanh năm một.

Ông Tài cười khì:

— Chỉ có con Hiếu ra đời chậm hơn ai hết. Đáng lẽ ba với má thôi sản xuất sau khi sanh con Hảo. Nhưng lần nọ má các con đi coi bói, bà thầy bảo đưa kế tiếp thế nào cũng là con trai nên bà mới gồng mình làm thêm một đứa nữa đó chớ. Mà con trai đâu không thấy, chỉ thấy lú ra con Hiếu, rặt một bầy

đái ngồi hết thấy!

Hiếu nghe nhắc tới mình, nhồm dầy, rời máy truyền hình, chạy lại sà vào lòng ông Tài, giọng hoang mang nũng nịu:

— Ba không thương con!

Ông Tài vuốt mái tóc hớt kiểu con trai của Hiếu, đùa cợt:

— Ba cưng “thằng Hiếu” nhất nhà.

Hiếu nằm yên cho cha mơn trớn mái tóc ngắn. Trong thoáng giây, ông Tài bồi hồi nhớ lại quá khứ thăng trầm của đời mình. Đoạn hồi ức chuyển động dồn dập như những tấm phim dương bản thay phiên hiện ra trước mắt ông. Cảnh gia đình hạnh phúc ở Sài Gòn. Ngày lên tàu ra đi cuối tháng tư bảy lăm. Ông còn nhớ cảnh năm nào đưa vợ về từ nhà bảo sanh thành phố, lúc đó con Hiếu còn nhỏ xíu, vành ếch như trái đu đủ, mà bây giờ đã cao gần tới ngực ông. Và tiếng tụng kinh cầu siêu của nhà sư hôm đám tang vợ ông, qua đời vì bệnh nan y. Từ đó ông trở thành gà trống nuôi một bầy gà mái con lằng xằng lít xít nơi xứ người.

Hạnh, con đầu lòng, đã bao đêm ngấm ghé mà vẫn chưa ưng ý ai, thỉnh thoảng lại hăm he, sẽ đi tu cho rảnh nợ đời. Hậu, sau khi đậu xong tú tài, dọn sang tỉnh khác có trường đại học. Lúc đầu nàng chọn y khoa, nhưng sau cái chết của mẹ, nàng đổi sang học điện toán, viện lý y học đã không cứu nổi mẹ nàng qua cơn bệnh hiểm nghèo thì học để làm gì. Hiền, Hảo đang ở năm cuối, Hiếu đang chân ướt chân ráo nơi ngưỡng cửa trung học.

Năm đứa con gái mà ông Tài vẫn gọi là “ngũ quái cô nương”, mỗi đứa một tánh. Ngôi nhà mướn bốn phòng, sau giờ học và đi dạo phố, thăm bạn, coi chớp bóng hay chơi thể thao vào xế trưa lại huyền ảo như chim về tổ. Hạnh là chị hai, từ khi bà Tài mất, thay mẹ lo chuyện bếp núc. Tánh nàng trầm lặng, ít nói nhưng nhanh nhẹn, tháo vát như một con kiến thợ. Không có nàng, ông Tài sẽ bối rối xiết bao khi Hảo xanh mặt, run giọng cho hay

vừa tới lần kinh nguyệt thứ nhất. Cứ mỗi khi một đứa bước sang tuổi dậy thì, ông Tài lại đâm chiều tư lự. Rồi chúng nó sẽ đi học xa, sẽ có chồng có con có đời sống riêng, quãng đời còn lại của ông sẽ ra sao?

Ông Tài dừng tay vuốt tóc Hiếu, vỗ nhẹ lên lưng con, ra lệnh:

— Thôi, con đi ngủ, mai còn đi học.

Hiếu ngừng mặt nói câu thường lệ:

— Còn sớm mà ba, mới hơn chín giờ.

Hạnh lớn giọng, vẫn với điệu bộ thường lệ:

— Không có cãi, đi đánh răng rồi đi ngủ! Chín giờ mà sớm hả?

Hiếu xụ mặt, đứng dậy vùng vằng:

— Tui biết mà, mấy bà đuổi tui đi ngủ để bu lại coi phim tập.

Hiền nạt nộ:

— Đi ngủ đi, cứ đứng đó lải nhải hoài!

Hảo trừng mắt:

— Ủa, tui tao coi phim tập rồi có sao không?

Hiếu vừa đi vừa léo nhéo:

— Coi riết thì mắt hí như mấy thằng kép Tàu chớ sao!

Tuy nói vậy, nhưng chưa khi nào Hiếu dám làm trái ý các chị, nhất là chị Hạnh. Đã một lần, vì ham chơi, sau khi tan trường, Hiếu ghé qua nhà bạn coi bầy chó mới sanh. Hạnh tất tả tới trường tìm, gọi điện thoại hỏi thăm tùm lum vẫn không ra. Hiếu vừa về tới nhà, chị chụp lấy ôm khóc như mưa làm Hiếu xúc động khóc theo như trong nhà có ai chết. Kể từ đó trước khi làm việc gì hay đi đâu ngoài giờ học, Hiếu đều xin phép Hạnh. Tình chị em, thêm khoảng cách tuổi tác, dần dà đưa tới lòng kính trọng. Sự thương mến càng đậm đà hơn khi một hôm, tình cờ Hiếu khám phá ra rằng, chị Hạnh có nét mặt giống mẹ trong khung ảnh như khuôn đúc. Vẫn mái tóc xoã vai mềm mại, ánh mắt dịu dàng nhẫn nại, nụ cười ngập ngừng bao dung, và nhất là cách chăm sóc của chị Hạnh có nhiều điểm không giống cách chăm sóc

của các chị khác. Có lẽ tại Hiếu ngủ chung phòng với chị? Hay vì Hiếu là em út nên được chị nuông chiều đặc biệt? Nhiều lúc ngồi bí lối trước bài toán khó, đưa mắt ngó ra khung cửa rộng, tâm tư Hiếu mềm yếu bất ngờ. Cảm giác bủn rủn ngất ngây như từ đỉnh cao rơi xuống. Hiếu cố hình dung ra khuôn mặt mẹ, nhưng đành chịu thua. Tất cả chỉ là những mảnh vụn chấp vá từ tập ảnh gia đình, vô hồn, không toả ra hương da thịt nào làm Hiếu xao xuyến. Và cuối cùng, trăm lần như một, trong trí Hiếu lại hiện ra bóng dáng chị Hạnh. Dấu khung kiếng mở ra khu vườn nhà bên cạnh thay đổi theo mùa, xuân sang treo lá đầy cành, hạ đơm bông trắng xóa, thu đổi sắc tàn phai và đông bám tuyết mênh mang, nhưng hình ảnh chị Hạnh vẫn toàn vẹn với niềm mến thương vô bờ.

*
* *

Cái đầu nhỏ, xám xịt như hòn đá núi thờ ra ngúc ngắc, vài sợi râu mảnh lác lác qua lại. Ông Tài nín thở ngó chăm chăm vô cửa hang nhỏ bằng nửa miệng chén dưới chân tường sáng lờ mờ, một con chuột nhất lộ đầu thập thờ. Mỗi nhử là một mẩu pho mát Hoà lan đặt trong đĩa con cạnh chân bàn ăn.



Không biết có phải trí tưởng tượng làm thị giác thêm sắc bén mà ông Tài thấy rõ ràng chớp mũi con vật tí hon đánh hơi pháp phồng. Hai con mắt tròn vo lấp láy như hai hột cườm đen, liếc qua liếc lại dò xét. Ông Tài không dám cử động mạnh, cố nén hơi thở trong lồng ngực rồi nhịp hồi hộp chờ đợi. Chỉ có tiếng tuyết đập loạt soạt vô lớp cửa kiếng. Ngần ngừ xằng xê, nhúc nhích tới lui một hồi, không thấy gì đáng ngại, con chuột phóng tới đĩa đựng miếng mồi ngon, ngoạm chặt. Rồi lẹ như một vệt sáng, nó chui tọt vào hang, bỏ lại chiếc đĩa con xoay tròn, va xuống sàn gạch men lách cách, lách cách.

Trò chơi buổi sáng của ông Tài tới đó chấm dứt. Ông xô ghế đứng dậy, mặt hả hê hài lòng, hai tay xoa vào nhau:

— Dữ ác, dụ mầy cả tuần, bữa nay mầy mới thò mặt ra.

Cửa hang ấy nằm sau hàng chai lọ không, kê dưới bồn nước rửa chén, ông Tài khám phá ra khi một sáng mở cửa bếp, bỗng nghe có tiếng “chét” hốt hoảng rồi tiếng thủy tinh chạm nhau rổn rảng. Ông Tài khom lưng vệt đám chai lọ qua hai bên thì thấy một lỗ hổng đen ngòm, sâu hoắm. Một cái hang chuột, ông chau mày nhủ thầm. Từ

hồi xa xứ tới nay, ông chưa thấy một con chuột nào, giống thú mà trước kia ở quê nhà, ông ghét cay ghét đắng. Vậy mà nơi đây, vào dịp năm cùng tháng tận, ông chợt lay lắt nhớ lại cái bầy sát ngày xưa nhốt con chuột cuồng chân tìm cách thoát thân. Ông nhớ cả cảnh hai con thẳng lần rượt cắn nhau trên trần nhà rồi rớt cái chạch xuống sàn gạch bông. Cũng như những buổi tối xuống nhà dưới làm vệ sinh trước khi đi ngủ, ông mở cửa cầu tiêu, bật đèn thấy gián bò lổm ngổm. Hồi đó chúng làm ông gai mắt khó chịu chừng nào thì bây giờ, lạ lùng thay, ông nghĩ ngợi về chúng nhiều chừng nấy.

Ông Tài quyết định không cho các con biết về sự có mặt của “người khách trọ” này. Ông còn chọn đặt cho con chuột cái tên Míc-ki. Dần dà ông Tài và Míc-ki trở thành đôi bạn thân. Cứ mỗi sáng, ông lại cắt một khoanh pho-mát Hoà lan để vô đĩa, đặt xuống chân bàn cách cửa hang chừng một thước tây, mở một lối trống giữa đám chai lọ bừa bộn, rồi lẳng lặng ngồi chờ.

*
* *

Hạnh đi làm nửa buổi trong một hãng in. Việc nhẹ, lương không cao, chỉ đủ đắp thêm vô các món tiền trợ cấp an sinh khác. Ông Tài và các em nàng không có nhiều nhu cầu. Ít khi đi nghỉ hè xa, không tới những nơi xa hoa. Đời sống vật chất chưa bao giờ là mối bận tâm lớn. Điều làm ông Tài nhiều lúc ái ngại, là trong nhà thiếu một người đàn ông trẻ. Ông vẫn thường cười cợt than phiền, nhà này “âm thịnh dương suy”. Dù vậy không khi nào ông hỏi Hạnh, Hậu, Hiền hay Hảo về chuyện tình cảm. Chỉ có Hiếu là hay đặt vấn đề.

Hiếu chọn những kỳ lễ lớn, như vào dịp chờ đón Tết năm nay, cả nhà quây quần bên bàn ăn để tra vấn các chị:

— Tui thấy mấy bà kén chọn dữ quá, có nhiều anh dễ thương thấy mồ mà cuối cùng cũng bị mấy bà

cho ra rìa.

Hiền nhún vai:

— Mày là đứa miệng còn hôi sữa, biết gì mà nói!

Hảo thêm vô:

— Chuyện của các chị, mày xía vô làm gì!

Hiếu day qua ngó chị Hạnh, giọng phân bua như một bà cụ:

— Thiệt ra tui chỉ muốn nhắc tới trường hợp của chị Hạnh và anh Khang. Theo tui, anh Khang coi... cũng được.

Đôi gò má Hạnh tự nhiên nóng rần. Nàng chớp mắt nhẹ, nhỏ giọng rầy rà:

— Cái con nhỏ này chỉ nhiều tưởng tượng.

Ông Tài góp ý:

— Ba cũng thấy anh Khang dễ mến. Qua đây một thân một mình mà không bê tha trụy lạc là chuyện hiếm có.

Hậu cười:

— Con thấy mặt anh Khang tái mét như da gà mái.

Hảo được dịp, phê bình thẳng:

— Anh ấy nói hơi ít, cười không tròn tiếng, cử chỉ chậm chạp, không biết giốn hớt. Những đức tính ấy không phải của đàn ông.

Mọi người cười ồ ào, chỉ có Hạnh nhếch miệng cười như mếu. Hiền bênh vực:

— Người ta tới nhà vợ tương lai phải nhu mì dè dặt như vậy mới có điểm chớ. Đàn ông chót chét nhiều, ruột để ngoài da, cười nói hô hô sầm sỡ là không được rồi đa!

Ông Tài gật gù:

— Ba thích lối cư xử chừng mực của Khang.

Hạnh ngồi im nghe cha và các em bàn bạc về người đàn ông đã đeo đuổi nàng từ nhiều tháng nay. Quen nhau trong hội Tết năm rồi, sau vài lần điện đàm, Khang xin phép tới thăm nàng. Nhưng thứ tình cảm Hạnh dành cho Khang không thể gọi là tình cảm trai gái. Nàng chỉ coi Khang như một người đồng hương nơi xứ lạ. Tim nàng chưa hề nỏ nức chờ đợi Khang tới. Đúng như nhận xét của Hảo, Hạnh cũng thấy Khang thận trọng thái

quá. Nàng chưa nhận ra điểm nổi bật nào của Khang. Khi trò chuyện với chàng, Hạnh có cảm tưởng như mình đang đứng trước một mặt hồ im sóng mà nàng là đứa trẻ tinh nghịch cứ ném hết hòn đá này tới hòn đá khác lướt sượt trên mặt nước phẳng, để cuối cùng chỉ nghe vọng lại tiếng nước toé loạn xoăn, loe thành những gợn sóng tròn, lớn ra, lớn mãi rồi mất dấu.

Hạnh xô ghế đứng dậy thu dọn bàn ăn, ra lệnh:

— Hôm nay tới phiên con Hảo rửa chén, con Hiền lau khô, còn Hiếu lau bàn.

Hảo nhăn nhó:

— Lúc này tui phụ bà xắt thịt, bị đứt tay, làm sao rửa chén được?

Hạnh lớn tiếng:

— Đừng có bày chuyện để trốn việc. Đứa nào cũng có một đôi gang tay để rửa chén, đứt hết mười ngón vẫn rửa được như thường.

Hảo liếc mắt rửa:

— Chị ác quá, sau này để con thế nào cũng không có lỗi... rún.

Hạnh chạy tới chỗ Hảo ngồi, cốc một cái lên đầu em gái:

— Cho mày chưa thói ăn nói ấu tả.

Hảo chụ ụ mặt, lạch bạch vùng vằng bỏ vào nhà bếp như một con vịt mái. Hậu thấy vậy, đứng dậy nói:

— Thôi, để tui rửa chén thay nó bữa nay.

Ông Tài chép miệng than:

— Có bao nhiêu đó việc mà lần nào cũng sanh chuyện.

Hạnh phân trần:

— May là con lập thời khoá biểu chia việc rành rọt mà còn sanh nạnh như vậy đó. Cứ viện lý do này tới lý do khác để trốn bốn phận. Con gái gì mà làm biếng nhốt thây!

Hiền nhỏ nhẹ phê bình:

— Bà làm cho tui có cảm tưởng bà trả đũa con Hảo về tội nói xấu anh Khang lúc nãy.

Hạnh giật mình, ngó chăm bằm vô mặt Hiền. Cặp chân mày nàng vênh ngược, môi mấp máy định nói điều gì nhưng ngăn lại kịp, chỉ thốt gọn lỏn:

— Nói tầm bậy!

Vậy mà tối đó, vắng mặt Hảo trong phòng khách, hỏi Hiếu thì được biết Hảo nhưc đầu đi ngủ sớm, Hạnh không khỏi hối hận. Hiếu còn thêm mắm dặm muối: “Tại bà cốc chỉ một cái như búa bổ, không nhưc đầu sao được!” Hạnh chỉ “hừ” một tiếng, lẳng lặng cúi xuống đếm những sợi len quần quanh mũi kim đan.

Chỗ ngồi trong phòng khách đã được định sẵn. Ông Tài trong chiếc ghế bành bọc nhung nâu. Hạnh chiếm một góc ghế sa-lông dài, bên cạnh khung cửa treo màn voan màu vỏ trứng. Chỗ ngồi của Hiền là chiếc ghế mây lót nệm. Hiếu luôn luôn ngồi dưới đất, trong mọi tư thế, lúc thì bó gối, lúc xếp bằng, đôi khi mệt mỏi nằm dài người, tay chống cằm chăm chú nhìn vô màn ảnh truyền hình nhấp nhô ánh sáng. Từ khi Hậu đi học xa, chỗ ngồi của nàng bị Hảo chiếm, đó là góc ghế dài còn lại. Lâu lâu, ngược mặt lên ngó khung ảnh vô tuyến, tia nhìn tình cờ chạm chỗ ngồi bỏ trống, Hạnh không khỏi tự hỏi vu vơ, không hiểu Hảo có giận mình không?

Được một lát, Hạnh xếp cuộn



len và kim đan vào rổ mây, đứng dậy tới gõ cửa phòng Hảo. Có tiếng "dạ" đáp lại. Hạnh xô cửa, thấy Hảo ngồi bên bàn viết. Chụp đèn hoa vải hồng soi lên mặt bàn một vũng sáng ấm. Trên trang giấy mở, cây viết chần ngang và bàn tay Hảo ngập ngừng phủ hờ. Hạnh tới bên cạnh, đặt tay lên vai Hảo, giọng ngọt như tấm mật:

— Sao em không ra coi truyền hình?

Hảo cúi mặt nhìn xuống tờ giấy viết thư chỉ mới thừa thớt vài hàng, giọng sáng lẽ:

— Không thích.

Hạnh cười nhẹ:

— Hảo giận chị phải không?

Hảo cúi đầu không đáp. Hai bàn tay Hạnh từ từ xoay khuôn mặt Hảo lên. Hai mắt Hảo long lanh ngấn lệ. Hạnh áp mặt em vào ngực, chắc lưỡi:

— Có gì đâu mà khóc. Thỉnh thoảng chị hơi nóng tính vậy mà...

Hảo nói trong tiếng nấc:

— Chị không... thương em. Cả nhà không ai... thương em hết! Chỉ có mình... má thương em thôi.

— Lại nói xàm. Em nghĩ sao mà lại nói vậy?

— Việc gì trong nhà, chị cũng sai em làm, nhiều hơn chị Hiền và con Hiếu.

Giọng Hạnh nhấn nài:

— Từ khi má qua đời, rồi con Hậu sang tỉnh khác học, có những việc chỉ dành cho đàn bà con gái, ba

đâu có làm được, chị chỉ biết nhờ em. Tuy con Hiền hơn em một tuổi mà còn ham chơi, tính tình bộp chộp, ăn chưa no lo chưa tới. Còn con Hiếu là út ít trong nhà, làm sao em phân bì với nó được!

Hảo vẫn lắc đầu nguầy nguậy:

— Chẳng ai thương em hết á!

Hạnh phì cười, vuốt ve tóc Hảo, giọng mơn trớn hứa hẹn:

— Em nghĩ kỹ lại coi, trong nhà này ai là người không thương em? Chị đã quyết định rồi, Tết này...

Nàng ngần ngừ, cổ tình làm cho Hảo chú ý.

— Quyết định chuyện gì vậy chị?

Hảo thắc mắc hỏi. Hạnh đẩy Hảo ra, nhìn vào đôi mắt nâu đã ráo lệ, đáp:

— Chị sẽ đan cho em một cái áo lạnh màu tím than đậm bông cúc màu hoàng yến.

Nghe Hạnh nói tới đó, Hảo đổi cách xưng hô lệ như chớp:

— Tui hết giận bà rồi!

Mùa đông năm nay lạnh khắc nghiệt. Nhiệt độ lúc nào cũng dưới không độ, dù trời nắng hanh hay u ám. Vì sợ lạnh, rất ít khi ông Tài bước ra khỏi nhà. Nhiều khi từ túng, ông khoác áo choàng, quần khăn nỉ, đội nón len ra ban-công hít thở không khí trong lành. Nhưng được chừng vài phút, mặt ông đã bắt đầu se cứng. Đôi lúc ông lẩn thẩn tự hỏi, tại sao con thỏ dưới vườn tuyết chịu được lạnh giỏi quá, cả bầy chim mỗi sáng tíu tít tranh nhau bên túi thức ăn mà hôm qua Hiếu vừa máng lên cạnh anh đào trụi lá. Lâu lâu ông lại thấy dưới chân hàng rào, một con chim gì ngó tựa tựa như chim cú, cúi đầu vào, đầu nhúc nhích qua lại, lật gập cúi tìm trên thảm tuyết trắng xoá. Điều bộ coi ngộ hết sức. Vừa lác cắc phóng dật như một nghệ sĩ, vừa lăm lét sục sạo như một kẻ ngoại tình hèn hạ. Thỉnh thoảng hứng chí, chột bỏ chạy te te như bị ma rượt. Vài hôm sau ông Tài thấy con chim nghệ sĩ kia có bạn. Cũng cái điệu bộ cúi đầu vào ra dưới chân hàng rào. Cũng cái đầu gập gù như vừa tìm ra

chân lý. Và dáng chạy xốn xác, quàng xiên trên vườn tuyết. Mà có đôi.

Ông Tài để ý tới chúng vì đã nhiều hôm rồi, ông không thấy Míc-ki ra nhận mồi. Sáng nào cũng vậy, ông cất một mẩu phở-mát lớn bằng hột xí ngầu bỏ vô đĩa con, để rồi trước khi Hạnh đi làm về, ông lại lượm bỏ thùng rác. Trong trí ông, nhiều nghi vấn quanh co. Míc-ki chê thức ăn nhà này, nên dọn sang nơi khác? Hay nó đã đi theo một con chuột cái nào đó? Hoặc biết đâu chừng, nó đã chết dầm dúi trong hang tối vì không chịu nổi cái lạnh bất thường năm nay?

Một hôm, bị bệnh nằm nhà, vô bếp tìm sữa uống, Hiếu thấy ông Tài ngồi bưng đầu gối chăm bằm xuống chân tường. Gần đó, một chiếc đĩa con đựng miếng phở-mát vàng tái, trông như hột xúc xắc bằng ngà. Hiếu nhẹ nhàng bắc ghế tới cạnh cha, bắt chước chống cằm ngồi chờ. Không gian lặng lẽ như đáy sâu. Thời gian tê cứng như đứng lại.

Sau đó lâu lắm, ông Tài mới buông tiếng thở dài:

— Nó đi đâu mà sao không thấy ra ăn vậy kìa?

Hiếu rụt rè hỏi:

— Nó là... là... ai vậy ba?

Ông Tài thả tay xuống đùi, đáp gọn:

— Con chuột.

Hiếu tròn mắt:

— Nhà mình có chuột sao? Ghê quá vậy ba!

— Nó dễ thương thấy mờ chớ ghê gì! Nó có làm gì mình đâu mà sợ!

— Giống chuột dơ dáy, ưa cắn phá và sanh sản lẹ lắm ba.

— Chuột bên nhà mình mới dơ, chớ chuột ở đây sạch như vừa mới tắm xong. Tội quá, không biết nó ở đâu mà không thấy ra nhận đồ ăn, đói chết còn gì!

— Hay tại ba cho nó ăn nhầm miếng phở-mát mọc nấm, nó trúng độc chết ngắc từ đời nào.

Ông Tài bật cười, đổi giọng thăm thì:

thơ hồng

Tôi viết bài thơ trên giấy hồng
Đêm nay trời ấm, hết mùa đông
Để mơ thấy sắc hoa đào nở
Dâng chút tình xuân ấm cõi lòng

Nhưng cũng có khi xuân chẳng đến
Hoa đào không nở thắm tình tôi
Thì đây có chút hồng vương vấn
Để những dòng thơ bớt ngậm ngùi.

đắc trung

— Nói bá láp... Mà nè, đừng kể lại cho mấy chị nghe chuyện này nhe con!

— Tại sao vậy ba?

— Các chị con biết được, thế nào cũng tìm cách bít hang lại cho mà coi!

Hiếu giơ ngón tay ra, nét mặt trịnh trọng:

— Con xin hứa. Ba móc ngoéo với con đi!

Ông Tài cười xoa, chla tay ra móc ngoéo với Hiếu. Xong, ông nói như than:

— Tụi bây giống má nhiều hơn giống ba, sợ chuột và sợ ma!

*

* *

Hậu cúi đầu chăm chỉ thái mớ thịt heo chiên làm bì, nói bằng quơ:

— Không hiểu người nào chế ra mấy món ăn ngộ quá chừng. Bì phải trộn với thính và tỏi băm mới đúng bài bản. Lại còn bắt người ta thái sợi lát nhất. Tỉ như cứ để miếng thịt chiên bự tảng thần như vậy ăn với cơm tấm, chan nước mắm, rưới mỡ hành, chắc gì đã ngon, đã đặc biệt.

Hảo góp ý:

— Có lẽ tại nước mình nghèo, nhà nào cũng đông con, không đủ sức lo cho mỗi đứa một miếng thịt chiên lớn bằng bàn tay, nên các bà nội trợ bày trò thái sợi cho đỡ tốn.

Hạnh lắc đầu:

— Chắc chỉ đúng một phần. Phần khác có lẽ vì bản tính dân mình phức tạp, tỉ mỉ. Ai đời mua thịt về chiên, xắt nhỏ ra rồi đem gói lại từng cục làm nem bì. Đôi khi còn rắc rối khó hiểu như món giò lụa của người Bắc. Đem thịt giã nhuyễn, bó thành đòn, khi ăn với bún thang lại thái nhỏ như sợi chỉ. Rượu rá tức cười quá hả? Nhưng mà ngon. Bún thang mà không có giò và mắm tôm, đâu ra cái gì. Làm bì mà quên bỏ thính, sẽ trở nên lạt lẽo vô duyên.

Hiền cất tiếng ồn ào:

— Hoan hô các bà nội trợ.

Hậu lắc đầu cười:

— Biết đâu chừng các món ăn là do mấy ông sáng chế ra. Đầu bếp

giỏi toàn là đàn ông. Tài nấu bếp của các bà chỉ giới hạn trong chèo bếp gia đình.

Hiền nhún vai:

— Hoan hô các ông đầu bếp.

Từ nãy giờ Hiếu ngồi chống cằm coi các chị bày biện nấu bữa cơm đầu năm, bây giờ mới lên tiếng:

— Bà Hiền nấu ăn ưa bỏ đường ngọt như chè. Bà Hảo nêm nếm lạt nhách như nước miếng chệt. Bà Hậu kiếp trước là a xẩm, làm món gì cũng xịt tương tàu vô. Chỉ có chị Hạnh nấu ăn vừa miệng.

Hiền bĩu môi:

— Chính vì vậy mà bà Hạnh mới là đầu bếp của nhà này. Thế giới của tao là chỗ khác, nhất định không phải là bốn bức tường nhà bếp.

Hảo cao giọng chua lè:

— Tui biết thế giới của bà chỗ nào rồi. Là mấy tiệm bán quần áo, mấy rạp chiếu bóng, mấy cuốn tiểu thuyết ba xu.

Hiền buông dao xuống bàn, vênh mặt ngó Hảo:

— Ủa, còn mấy tối ngày chỉ mơ tưởng tới mấy thằng kếp Tây, kếp Tàu.

Hậu rên rỉ:

— Thôi, cho tao can. Hai đứa tụi bây sanh năm một, cùng cha cùng mẹ mà tối ngày cứ cắn sủa nhau hoài như chó với mèo.

Hạnh đùa:

— Tụi nó là chị em sanh đôi đố chó, đứa này cách đứa kia tới một năm lận nên không hợp tánh.

Hiền vẫn còn ầm ức, chọc tức Hảo chuyện tối qua:

— Đêm qua mấy giận ai mà rút vô phòng, không chịu ra coi phim có kếp đẹp Tom Cruise?

Hảo ngó phớt Hạnh, nói thẳng:

— Giận chị Hạnh chớ giận ai! Chỉ thương tui nên mới cho roi cho... cú.

Hiền cười lạt:

— Mấy đừng có tìm cách chia rẽ tao với chị Hạnh.

Hạnh thấy cần phải lên tiếng:

— Các em ồn ào điếc tai quá!

Day sang Hảo, Hạnh tiếp:

— Chị biết em thích Tom Cruise,

tối qua không thấy em ra coi truyền hình nên chị có dặn con Hiếu thâu vô băng để dành.

Hảo nhìn Hạnh, ánh mắt triu mến. Hậu bàn:

— Tom Cruise diễn xuất càng lúc càng xuất sắc. Tui coi phim *Rain man*, khóc quá trời.

Hiền cười mũi:

— Bà coi phim gì lại chẳng khóc? Tui chỉ thấy con Cher đóng nhiều phim cảm động muốn chết!

Hậu gật gù:

— Ủ, Cher diễn vai người mẹ bụi đời có đứa con trai bị bệnh nan y trong phim *Chiếc mặt nạ* thiệt tài tình. Đóng phim *Moonstruck*, đoạt giải Oscar, quả xứng đáng.

Hiền được dịp ba hoa:

— Gốc gác của nàng là dân da đỏ đó ghen bà con. Hồi xưa nàng là ca sĩ nhạc thời thượng, hát cặp với chồng cũ. Hát xướng hết thời, nàng đổi sang đóng phim, thành công tốt đỉnh. Nàng với Meryl Streep, đưa nửa cân, người tám lạng. Xuất sắc, xuất sắc!

Hảo trố trêu hỏi:

— Tui thấy bà chỉ mê mấy con tài tử, lại còn tôn tay nữ quần vợt Martina Navratilova làm thần tượng, sao tui nghi bà quá à!

Hiền sùng sộ:

— Người ta có tài thì tao phục, tao mê chớ sao!

— Còn mấy thằng tài tử, bộ không đứa nào có tài à?

— Có chớ, nhưng tao không ưa cái mã bảnh bao thanh lịch của kếp trẻ. Tao chỉ chịu mấy tên kếp già như Michel Piccoli, Robert de Niro, Ben Kingsley hay kếp yếu mệnh James Dean mà thôi. Còn mấy là đứa chỉ chuộng cái hào nhoáng bên ngoài nên ưa Tom Cruise, Rob Lowe. Không có tao rồi đa!

Hiếu xen vô:

— Thần tượng của tui là thằng Kevin trong phim nhiều kỳ *Wonderful years*.

Cả đám con gái cười rộ lên làm mặt Hiếu đỏ ké như dâu tây. Hậu bàn:

— Chị thấy Hảo và Hiền đúng là

hai thái cực. Con Hảo trầm lặng, thích tĩnh, ưa cái đẹp lồ lộ sắc sảo. Còn tính con Hiền cạn cợt như cái đĩa đựng nước mắm, vậy mà ưa coi mấy phim đưa ra các vấn đề lắt léo, chuộng văn chương, viết về đời sống nội tâm.

Hảo kêu:

— Trời ơi, bà mới đi học xa hơn năm nay mà nhận xét về tui trật lất. Tui mới là đứa biết thưởng thức cái đẹp tuyệt đối. Vừa đẹp, vừa đóng tuồng hay, hát giỏi mới hoàn hảo chứ. Còn mấy cuốn sách gối đầu giường của bà Hiền, bà cho là sách văn chương sao? Chỉ là một mớ tiểu thuyết rẻ tiền, đọc chán thấy mồ.

Hiếu vọt miệng:

— Tui thấy bà Hảo cứ lấy sách truyện của bà Hiền đem vô cầu tiêu

ngồi đọc.

Hảo cười ré lên:

— Đọc sách trong nhà cầu là một cái thú.

Hiền trề môi mắng:

— Mày là đứa thô lậu, không biết trân quý văn chương, chữ nghĩa chút nào! Người ta làm thơ, viết văn để trang điểm cuộc đời. Mỗi chữ, mỗi dòng là một hột kim cương, một chuỗi ngọc trai.

Hảo phản đối:

— Bà nghĩ như vậy, nhưng chắc gì người viết cũng nghĩ như bà. Bộ bà chưa đọc bài phỏng vấn nhà văn Phúc Định đăng trong nguyệt san *Phụ nữ* sao? Ông ta cho rằng, văn chương là một món nợ, không biết vay từ kiếp nào, kiếp này ông phải trả. Người viết nào nghĩ rằng văn chương họ là những hột kim cương, chỉ là kẻ nông cạn, chưa

hiểu rõ ráo ý nghĩa văn chương. Nè, con đã trảng suốt đời xe cát đào hang mới đích thực là một nghệ sĩ.

Mặt Hiền chăm dằm như bị ong chích, vừa chu miệng định cãi lại thì Hậu đã giơ tay ngăn:

— Con Hảo cho rằng ý thích con Hiền rẻ tiền, nhạt nhẽo. Còn con Hiền bảo con Hảo chỉ chuộng cái vỏ bề ngoài. Còn tao, tao thấy mấy thằng kép, con đào được tui bày chiêu cổ, đứa nào cũng hay hết trời. Mỗi đứa có một biệt tài. Cũng như mấy tên văn sĩ, người nào cũng có nét riêng. Ví dụ như một vườn hoa, mỗi loại đẹp một vẻ, làm sao so sánh được!

Hiền lăm bằm:

— Có giống lan thơm mà cũng có loại lan thúi.

Hảo nói như nghiêng:

— Tui không ưa bông cúc lợn rồi đó!

Hạnh vỗ bàn như cô giáo trong lớp học:

— Năm nào cũng vậy, xúm lại là có chuyện. Tự nãy giờ, có mấy miếng thịt, mấy mớ rau trái mà cát cũng chưa xong. Sao mấy đứa không bàn chuyện sẽ mời ai tới dự tiệc tân niên với gia đình mình?

Hậu tán đồng:

— Có lý. Theo thông lệ, mỗi đứa được phép rủ một người bạn tới nhà mình ăn Tết. Con Hảo, con Hiền và con Hiếu định mời ai, nói nghe coi?

Hiền buột miệng:

— Tui sẽ biên thư mời Woody Allen.

Hảo nói lớn:

— Tui sẽ mời kép tàu John Lone đóng vai vua Phổ Nghi trong *The Last Emperor* tới chơi.

Hậu cự nự:

— Tui mấy nói chuyện giỡn không hà!

Hảo tỉnh bơ:

— Mấy bà không chịu thì tui sẽ mời nhà văn Phúc Định.

Hai mắt Hậu chột sáng rực, chớp chớp:

— Ông ta viết cuốn *Hoa tuyết cuối năm* hay tuyệt!

Ánh mắt Hảo trở nên mơ màng:



— Tui có viết thư làm quen với ông ta nhờ nhà báo chuyển.

Cả đám con gái nhao nhao:

— Rồi sao?

— Ông ta có trả lời không?

— Ông ấy biên thư có văn hoa như viết truyện không?

Hảo rùn vai than thở:

— Thư gửi đã ba tháng rồi mà vẫn không thấy hồi âm.

Hậu hậm hực:

— Phách lối quá hả!

Hiền bênh:

— Biết đâu chừng thư lạc.

Hạnh cười giòn:

— Hay đã lọt vô tay người vợ Hoạn Thư của chàng văn sĩ tài hoa?

Hiền và Hậu cười rúc rích. Mặt Hảo đầu đầu, cầm đầu gọt nốt củ cải trắng. Tia mắt nàng quét một đường lơ đãng xuống chân tường nhá nhem tối sáng. Một vết nắng đi lạc vào căn bếp ẩm, soi lơ mờ một lốm đen khúc xạ qua lớp vỏ chai trống. Hảo nhú mày chăm chú nhìn, tự hỏi. Nàng ngừng tay gọt, chỉ vào vết đen kỳ lạ:

— Chân tường dưới bồn rửa chén hình như bị ẩm mốc đen xì một mảng.

Hiệu dựng người đứng dậy, hoang mang không biết làm cách nào ngăn chặn ánh mắt soi mói của các chị. Hiệu giả bộ dáo dác:

— Đâu? Tui có thấy gì đâu?

Hảo đứng lên, định tới dẹp đồng chai không để nhìn cho rõ thì Hạnh đã ấn vai nàng ngồi xuống, nói:

— Thôi, làm ơn gọt cho xong giùm đi cô nương. Cửa hang chuột chớ có gì lạ đâu mà coi!

Hậu, Hiền và Hảo cùng thốt lên một lượt:

— Nhà mình có chuột hả?

Hạnh ôn tồn kể:

— Ừ, chị thấy lâu rồi, nhưng con chuột này hiền lành, không phá phách gì, nên chị để yên. Xế trưa qua, chỉ có mình chị với ba ở nhà, chị đang sửa soạn nấu cơm chiều, bỗng thấy nó chạy lú lú quanh khạp gạo, chắc đói lắm. Lạ một điều, nó không tỏ vẻ gì sợ hãi mà thình thoảng còn đứng lại vênh râu, trơ mắt ngó chị nữa chớ. Coi ngó

hết sức.

Hiệu thấy cần phải bênh con chuột, xen vô:

— Dễ thương quá hén!

Hạnh kể tiếp:

— Chạy lòng vòng một hồi, nó leo lên kệ đựng xì dầu, nước mắm, xẹt qua xẹt lại như kiếm một cái gì. Chị còn đang ngạc nhiên theo dõi thì không hiểu từ đâu, con mèo Kitty của bà hàng xóm vẫn ưa vô nhà mình chơi, phóng vào rượt con chuột chạy tán loạn. Chị thấy thương con chuột quá, nhưng can không được. Con Kitty bình thường coi lừ đừ vậy mà lúc ấy lanh lẹ và dữ tợn khác thường. Con chuột lính quính, quên cả lối về hang, chạy loanh quanh, kêu lét chét. Rốt cuộc chị phải mở cửa dẫn ra ban-công, đuổi Kitty đi mới yên chuyện. Kết quả cuộc rượt đuổi là bể một chai xì dầu, vãi tung toé xuống đất bịch bột mì, trái cây trên đĩa rơi lán lóc. Ba nghe động, chạy vô, thấy chiến trường la liệt, nghe chị giải thích một hồi mới bỏ đi, gục gặc đầu, lăm bầm cái gì chị nghe không rõ.

Hiền trợn mắt:

— Chuyện động trời như vậy mà tới giờ này chị mới kể!

— Chị biết các cô nương sợ chuột, kể làm gì! Mà thật ra cũng chẳng có gì để kể!

Hiệu rụt rè hỏi:

— Bây giờ mấy bà quyết định số phận con chuột ra sao?

Hiền hỏi thẳng:

— Tha hay giết?

Hậu thắc mắc:

— Tha là sao mà giết là như thế nào?

Hiền giải thích:

— Tha là mình cứ để vậy, cho chú chuột tự do ra vô đi dạo trong nhà bếp. Còn muốn giết thì phải tìm cách bẫy nó. Hay giản dị nhất, mua xi-măng về trét cửa hang lại là xong.

Hiệu bênh:

— Con chuột này hiền khô, có bao giờ phá phách đâu mà bà đòi giết?

Hạnh đồng ý:

— Ừ, chưa bao giờ nó cắn phá thứ gì trong nhà bếp.

Hiền lớn giọng:

— Tui chỉ đề nghị vậy thôi chớ có muốn giết chết nó đâu!

Hảo vỗ bàn lộp bộp:

— Tại sao tui mình không trưng cầu ý kiến, cứ ngồi đó tranh cãi nhau hoài? Người nào muốn nuôi con chuột, giơ tay lên!

Hạnh và Hiệu giơ thẳng tay lên trời. Hảo hỏi tiếp:

— Còn ai muốn bẫy bắt con chuột, giơ tay lên!

Hảo và Hiền đồng loạt giơ tay. Mọi cặp mắt đổ dồn về phía Hậu. Nàng cất giọng chậm rãi:

— Tui bỏ phiếu trắng.

Các cô gái còn đang bối rối trước trò chơi dân chủ, thì ngoài hành lang dẫn vào nhà bếp vọng lại tiếng dép lê lệt xệt. Hiệu nhảy lên reo hò:

— Còn lá phiếu của ba nữa chớ!

Sau khi nghe các cô con gái ồn ào giành nhau thuật lại câu chuyện về người khách trọ tí hon, ông Tài cười khề khà, ngỏ ý muốn tha con chuột. Hiền nhỏ nhẹ nói:

— Thôi kệ, mình tha nó lần này làm phước. Nếu về sau nó sanh tật phá phách, mình bít cửa hang để nó chui qua nhà hàng xóm tá túc.

Hạnh chợt nói một câu chẳng ăn nhập vào đâu:

— Anh Khang cũng tuổi con chuột!

Hậu, Hiền, Hảo và Hiệu đưa mắt nhìn nhau, trao đổi khoé cười ý nhị. Ông Tài bật nút lò điện, bắc ấm nước lên sửa soạn cử trà chiều. Hiệu thông dong nhìn ra rặng cây phủ tuyết ngoài khung cửa bếp, tia nắng cuối ngày nhấp nháy như góp cười. Một niềm vui vô cớ ủa tới phủ kín tâm hồn Hiệu, nhẹ tênh mà bát ngát menh mông. Tự nhiên Hiệu cảm thấy mình vừa mở mắt được lý lẽ của ngoại cảnh. Bên ngoài là mùa đông, tuyết bám trắng cành. Thời gian là cuối năm, tàn tạ để bắt đầu một năm mới. Cõi lòng Hiệu xôn xao quá đổi, rạo rực như cành khô vừa cựa mình bung ra những chồi non còn thơm nhựa cây năm cũ. □

Giao Chỉ

Đoàn Tam

Chuyện 1

Rốt cuộc tôi vẫn chưa biết CETA là viết tắt của chữ gì. Mặc dầu đã nghe cô Hảo nói chuyện nhiều lần và lần nào tôi cũng định hỏi. Cô thích kể lể với thím tôi về những năm tháng đầu tiên trên đất Hoa kỳ: "...Những người tốt nghiệp CETA như em dạo ấy thế mà bây giờ khá cả chị ạ, có công ăn việc làm, những việc thường thôi nhưng cũng đủ sống và đa số lại bền, không sợ *layoff*..." Cô đang ám chỉ vị trí thư ký kế toán cho sở Điện Nước thành phố, nơi cô làm việc hơn mười năm và thấy thoải mái hơn cả ở nhà. Loanh quanh một lúc, thím tôi hỏi: "À, dạo này bà Mai thế nào nhỉ, cô có biết không?" Cô Hảo cười khúc khích: "Chị ấy chắc vẫn làm *manager*..."

Bà Mai và cô Hảo học CETA cùng khoá. Tốt nghiệp, khoá sinh chia tay, tản mác khắp nơi tìm việc làm. Ba năm sau, cô Hảo về sở Điện Nước. Một hôm bước vào sở, cô suýt rụng trán bà Mai đang tong tã đi ra. Chị em mừng rỡ, chuyện trò ríu rít. Ngẫu nhiên, cô hỏi bà trước: "Chị bây giờ làm ở đâu?" Bà Mai đáp rất tự nhiên: "Tôi có người bạn thân phải đi xa định nhường cho cái *job* tốt ở sở này, nhưng tôi khó nghĩ quá cô ạ. Mình đang làm *manager* cho hãng kia, trách nhiệm nhiều, xếp lớn tin cậy, nở nào bỏ. Thế còn cô, công việc vui vẻ chứ, hôm nay có việc gì đến đây?" Cô Hảo đáp ứng: "Vâng, thưa chị, chỗ em làm cũng tạm được, cũng vui... Em quên trả tiền điện tháng rồi..."

Mặt cô râm ran, tai cô như nghe lập đi lập lại "nhường cho cái *job*..." Minh thì mấy bận mới đủ điểm, xong đợt ba bốn tháng mới được gọi vào phỏng vấn, được họ thuận mướn mừng phát run, thế mà chị ấy nói như thế. Nói thế mà mở được mồm? Bà Mai tuyệt không để ý, cười rất cởi mở, tiếp tục vồn vã hàn huyên. Cô bình tĩnh lại, nhìn bà, thấy bà ăn mặc tươm tất sự thể, quả giống *manager*.

"Thế là bà ấy thất nghiệp kinh niên, mười mấy năm nay?" "Em không rõ, chắc cũng có lúc làm việc nhì nhằng vài tháng. Kể, bây giờ chị ấy cũng chẳng cần tiền. Ông xã dư sức nuôi. Sao người ta cứ phải nói thế, chị nhỉ?"

Thím tôi cười khẽ, hồi lâu mới trả lời: "Ngày xưa ngoài ta nhiều bác 'phó' lắm, cô ạ. Người mình sang đây làm *manager* cả, nghe mãi cũng quen".

Chuyện 2

Vợ chồng ông Hải tuổi gần 60, từ lúc sang Mỹ chưa đi ngoại quốc bao giờ. Đầu mùa xuân, bà nẩy sáng kiến bảo ông: "Mình ạ, đi xa một chuyến. Hai đứa già rồi, biết đôi năm nữa có còn lên nổi máy bay". Ông tán thành: "Phải đấy. Sang Tây chơi, uống cà phê vỉa hè, ăn bánh mì, ăn *pâté*. Luôn thể ghé thăm chị Hà và anh Tiến. Gặp họ lần chót, để ngoại hai mươi năm rồi bà nhỉ?" Ông cao hứng còn định nói thêm nhưng bà phủ quyết tàn nhẫn: "Bên Tây đất đỏ, miếng ăn như

miếng vàng, mà cà phê bánh mì chưa chắc đã ngon hơn dưới phố Bolsa. Còn anh Tiến chị Hà thì đã gửi thư hứa hè này sang chơi, ông quên đấy à. Theo tôi, mình về Á châu thích hơn. Cứ sang Hương Cảng, rồi ông muốn vào lục địa thăm Tô Châu, Hàng Châu, Quế Lâm, hay qua Đài Loan viếng bảo tàng viện, chơi Nhật Nguyệt hồ thì đi. Xong, hai đứa qua Thái ăn đồ biển, trái cây, uống nước dừa xiêm cho thật thỏa thuê. Cảnh quen, người quen, của ngon mà rẻ, còn đâu hơn được." Ông Hải im lặng nhưng hài lòng. Một lần nữa vợ ông đã tỏ ra chín chắn và chu đáo. Ông không cần phải suy nghĩ.



Chương trình du lịch của vợ chồng ông Hải rồi không thực hiện được trọn vẹn. Ông bà có vào lục địa thăm "Tổ Châu lớp lớp phù kiều", lên Thượng Hải mua lụa, nhíp chân trên Vạn Lý Trường Thành, ngắm non vịnh pho tượng binh mã lớn bằng người thật chôn đứng quanh mả Tần Thủy Hoàng ở Sơn Tây. Nhưng bà không được uống một trái dưa xiêm nào cả. Hôm trở về Hương Cảng, đến văn phòng hãng hàng không sắp xếp chuyến đi Thái Lan, ông bà sững sốt.

— Thế nào hở cô, chúng tôi nhất định phải về Mỹ ngày mai cơ à?

— Thưa ông, vé này thuộc loại tuyệt đối không thể thay đổi. Nếu ông bà không về ngày mai thì phải mua vé khác.

Ông nhìn bà ngơ ngác: "Hôm nọ mình chẳng bảo tôi vé mua ngày về đổi được sao? Sao lại thế này?" Bà bậm môi, kéo tay ông nói nhỏ: "Thì nó bảo tôi thế. Mình cả tin, lại không rành tiếng Anh. Quân khốn nạn, miệng mồm soen soét, bán cho bằng được". Ông thần thờ, lát sau lẩm bẩm: "Người mình thế mà đoán tính, bà nhỉ".

Bà Hải cay đắng, nhớ lại hôm thứ bảy hồ hởi bắt ông lái xe từ Simi Valley xuống tận Santa Ana mua vé.

Chuyện 3

Chuyện này nghe lỏm ở quán cà

phê.

— Này, cậu để ý xem, người Việt Nam có nhiều cái "nhất".

— ...Nấu ăn ngon nhất, đánh nhau khoẻ nhất chứ gì.

— Nhảm. Tớ không nói chuyện chủ quan, hiểu chiến. Việc này có bằng chứng không chối cãi được mà lại nhiều tính xây dựng, hợp thời lắm cơ.

— ... Tớ lười nghĩ. Cậu cứ tuyên ngôn.

— Người Việt Nam đoàn kết nhất. Đây, cậu xem báo. Trang hai, danh sách các hội đoàn, tổ chức Việt kiều hải ngoại. Mặt trận thống nhất, lực lượng đại đoàn kết, liên minh, liên hiệp, liên đoàn, liên đới, liên tôn, liên đảng, liên hội, liên quân, liên kết, liên tiếp, liên miên.v.v... ấy, tớ lờ mờ. Liên nghĩa là liên, là sát cánh, kề vai, chung sức. *Một cây làm chẳng nên non...*, đũa bó lại tài nào bẻ nổi. Cứ trông thấy chữ "liên" là phấn khởi, cậu ạ.

— Chí lý. Bây giờ tớ mới nghĩ ra. Người mình nhiều báo chí nhất, nhiều chương trình phát thanh, phát hình nhất, nhiều chợ Tết hội Xuân nhất. Cậu nhớ chứ: mấy năm trước ti-vi Việt Nam còn phôi thai, mỗi tuần chiếu được có một giờ mà đã chia thành hai chương trình. Một giờ, hai lần chào quốc kỳ hay nghe bài hát nhắc nhở quê hương, hai bản tin, hai báo cáo sinh hoạt

cộng đồng, hai phần văn nghệ, hai ê-kíp xướng ngôn... Y như là Nam với Bắc. Liên kết chặt chẽ như thế thì còn sợ gì chẳng đủ sức lật đổ bạo quyền, nhỉ.

— Đấy, cậu nắm được rồi.

Chuyện 4

Xe đồ đến biên giới Mã Lai — Tân Gia Ba lúc 6 giờ sáng. Hành khách ngái ngủ, có người còn rúc đầu trong chăn. Tôi cũng lơ mơ chưa tỉnh hẳn, trong óc chấp chờn hình ảnh Kuala Lumpur tối qua. Lúc ấy khoảng nửa đêm. Xe vào thành phố, lướt êm ái trên đại lộ không một bóng người. Cao ốc sừng sững. Giữa những khối nhà vuông vức khắc nghiệt, thỉnh thoảng chen vào vài kiến trúc Hồi giáo đường nét tỉ mỉ rườm rà. Có một ngôi *mosque* khổng lồ. Và vô số ngọn *palm* điện cháy sáng rực rỡ. Những mặt đường nhựa nhoang nhoáng dưới đèn.

Nghe thêm cả phê kinh khủng. Hành khách lục tục xuống xe, nhập vào dòng lũ người cuộn cuộn trôi về phía hải quan. Tôi đứng lóng ngóng, cố ý tìm cô gái Trung Hoa phụ trách làm thủ tục nhập cảnh cho đoàn. Cô ôm cặp xuống trước tiên, chẳng nói chẳng rằng, bây giờ cô ở đâu? Chốc lát nhìn quanh, những khuôn mặt quen biết mất cả. Tôi hoang mang, rảo bước xuôi dòng. Khói xăng ngộp thở. Lòng đường chen ngập đủ thứ xe cộ. Những chiếc xe đồ to tướng lẫn bánh chặm chạp như thưởng thức cơ hội làm hại buồng phổi khách bộ hành. Chiếc nào như chiếc này, lù lù một khối. Sức nhớ quên để ý số xe.

Gần đến một trạm soát thông hành. Cô Tàu đứng kia. Ơ, sao dưới chân cô lại có chiếc xách tay của tôi. Trông thấy tôi, cô nguýt dài rồi chỉ xuống chân, hỏi: "Của anh đấy phải không? Đụng gì mà nặng thế." Chưa kịp đáp, cô hỏi tiếp: "Anh là người nước nào?" Thưa cô: "Việt Nam". (Đã biết mà còn hỏi) "Thảo nào." Cô ngoe nguẩy bước đi. "Thảo nào" là thế nào? Tôi ngẩn ngơ mấy giây rồi cơn giận

tết tuyệt thôi thì thơ



Thức trắng canh tàn ngắm tuyết rơi
Mênh mông tuyết trắng trắng đêm dài
Nghĩ về Tết đến nay mai nữa
Xuân chấp thêm ta một tuổi đời

Đầu năm tuyết đổ vẫn lai rai
Con cái không về biết đợi ai
Mong bạn hẹn rồi không đến được
Một mình đón Tết cạn non chai

Muốn đi xin thẻ chùa trên đồi
Bánh xích vẫn còn sợ tuyết trôi
Rủ vợ ở nhà gieo lấy quẻ
Ấm dương sắp giữa cũng vui thôi.

trần thiện hiệp

bùng lên. A, “nó” đã không hướng dẫn hành khách chu đáo, làm mình suýt lạc, lại tưởng mình cố ý đứng đĩnh để “nó” phải trèo lên xe lấy hộ chiếu xách tay. “Đồ bà chằn. Đồ gái già. Đồ Chung Vô Diệm... Đồ Tàu phũ!”

Tuần lễ ở Tân tôi giặt mình mấy bận. Xếp hàng mua vé, ngoái cổ nhìn lại xem có chiếm chỗ của ai không. Vào nhà hàng, cho tiền tip hậu hĩ như trọc phú khoe của. Đi thang máy cẩn thận đứng chờ người trong ra hết. Đắn đo ăn nói cả với tài xế tắc-xi. “Thảo nào” thật ác!

*
* *

Về tính xấu của người Việt Nam, Trần Trọng Kim viết: “...văn hay có tính tình vật, cũng có khi quý quyết... Tâm địa thì nóng nổi, hay làm liều, không kiên nhẫn, hay khoe khoang và ưa trượng hoàng bề ngoài...” Việt Nam sử lược xuất bản đã nửa thế kỷ, nhận xét của sử gia vẫn chưa lạc hậu.

“Cha mẹ sinh con, trời sinh tính”. Nết xấu của con Rồng cháu Tiên do thiên bẩm chăng?

“Một nghìn năm đô hộ giặc Tàu, một trăm năm nô thuộc giặc Tây”, mấy phen nội chiến ác liệt, nhiều chuyển Nam chinh nguy hiểm gian nan, chừng ấy biến cố lớn lao đã để lại những vết loang lỗ khó coi trên một nhân cách “bản thiện” chăng?

Ông Trần chỉ phát biểu mà không giải thích. Công việc của ông đòi hỏi tóm tắt toàn bộ lịch sử dân tộc trong vài trăm trang sách. Tác phẩm cô đọng làm gì có chỗ cho những suy tưởng dông dài.

Cứ cho dầu hoàn cảnh có ảnh hưởng đáng kể nhưng bản chất con người vẫn quan trọng. Bền sinh thác mắc về nguồn gốc Việt Nam.

*
* *

Ông Bình Nguyên Lộc làm việc mạnh kinh hồn. Ngoài hơn trăm văn phẩm, ông còn để lại cho chúng ta một công trình biên khảo về gốc tích dân tộc dày chín trăm trang, kết quả của hơn mười năm nghiên

cứu. Thú thực, tôi nghe nói đến Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam (NGML) đã lâu, nhưng chưa bao giờ đủ can đảm lật qua những trang sách chữ nhỏ li ti và đông kìn kịt ấy. Dường như đã đến lúc.

Ngôn ngữ trong NGML khẳng định tuyệt đối, nhiều chỗ mang giọng bút chiến. Tác giả phân trần: “Sở dĩ chúng tôi có thái độ vô lễ vì phải hò hét như vậy thiên hạ mới lắng, bị ghét, nhưng chúng tôi tự hi sinh, cốt làm ổn định một tình trạng loạn xà ngầu”.

Loạn đến mức nào? Sắn bút giấy trên tay, vừa đọc tôi vừa ghi xuống những danh tính đã đóng góp vào trạng thái bồng bong. Có Tư Mã Thiên, G. Coedès (viện trưởng viện Viễn Đông Bác Cổ), Đào Duy Anh, Nhưộng Tống, H. Maspéro, Kim Định, Lê Văn Siêu, L. Aurousseau, Nguyễn Phương, Lê Văn Hảo, Trần Kinh Hoà, Nguyễn Đình Hoà, vua Tự Đức, Lê Chí Thiệp, Nguyễn Bạt Tụy, Lê Ngọc Trự, Phạm Văn Sơn, Hoàng Trọng Miên, Trần Ngọc Ninh, Phạm Việt Châu, và vua Quang Trung. Mỗi vị được nêu đích danh đều hoặc “lập thuyết bằng tưởng tượng”, “sáng tác huyền thoại”, “oán ghét phương pháp khoa học”, “ngụy tạo sử liệu”, “ngụy biện quá thô lậu và rất vĩ đại”, “nói tầm ruồng”, “nỗ lực tuyệt vọng”, “hoàn toàn sai lầm”, “nói đúng có một phần mười”, hoặc ít lắm cũng ngộ nhận một đôi điều gì đó. Bảng phong thần độc đáo, gồm Đông Tây kim cổ, vua chúa thường dân.

Không phải tất cả các vị kể trên đều chỉ là tội nhân văn học, làm rối loạn cổ sử Việt Nam. Trái lại, có những người được Bình Nguyên Lộc đồng thời ngưỡng mộ, khâm phục không giấu giếm. Chẳng qua là bất cứ là ai hễ khi nào nói đúng, có công thì ông tán thưởng, ghi nhận, mà khi nói sai, gây hại thì ông bài bác đả kích. Được “chiếu cố” kỹ nhất là sử gia Nguyễn Phương và triết gia Kim Định.

Theo Nguyễn Phương, “Dân

Việt Nam là người Trung quốc di cư sang trong thời Bắc thuộc”. Sử gia chép rằng sau khi Mã Viện tiêu diệt “đur đảng của Trưng Trắc”, người Trung quốc sang Cổ Việt sinh sống mỗi ngày một đông, lần lần thành tuyệt đại đa số trên địa bàn cũ của “Nam Man”. Đồng bào của hai bà Trưng mất đất, bị diệt chủng, không phải là tổ tiên ta.

Theo Kim Định, người Việt là con cháu Thần Nông, lập ra văn minh Tàu, rồi bị người Tàu cướp đi. Triết gia cho rằng khi Việt, Hoa tiếp xúc thì ta đã vào thời kỳ nông nghiệp mà Tàu hãy còn du mục. Ta phát minh ra “chữ Tàu”. Khổng Tử là người Việt. Tứ Thư, Ngũ Kinh là tác phẩm Việt Nam.

Theo Bình Nguyên Lộc, người Việt thuộc chủng Mã Lai, là một chủng phát tích từ vùng chân núi Hi Mã Lạp Sơn và hiện nay bao gồm các dân tộc Việt Nam, Thái Lan, Đại Hàn, Nhật Bản, Nam Dương, Miến Điện, Cao Miên, Lào, Phi Luật Tân, Mã Lai Á... Khi ta và Tàu đụng độ lần đầu tiên cách nay 5000 năm thì ta còn cầm rìu đá trong khi họ đã có vũ khí bằng đồng. Dĩ nhiên ta thua, phải bỏ lưu vực sông Hoàng hà. Ta bước qua thời đại kim khí chỉ mới độ 2600 năm nay.

Ba học giả, ba ý kiến khác nhau mênh mông, ba niềm tự tin vô bờ bến. Trước khi xuất bản Việt Nam thời khai sinh (VNTKS), sử gia Nguyễn Phương cho đăng một loạt bài về phương pháp viết sử trên báo Bách khoa, tỏ rõ phong độ khoa bảng xuất thân. Trong Việt lý tổ nguyên (VLTN), triết gia Kim Định nhắc đi nhắc lại: “Ai có tai thì nghe lấy”. Nhà văn Bình Nguyên Lộc tất nhiên có tai, và ông phản ứng dữ dội.

Chân lý ở đâu?

VNTKS ra đời năm 1965, VLTN năm 1969, NGML năm 1971. Trong khung thời gian ấy, trên căn bản ao ước của người Việt Nam, hai giả thuyết của Nguyễn Phương và Kim Định hấp dẫn đặc biệt. Trung Hoa có nền văn minh xưa

nhất thế giới, lại đang cùng Mỹ, Nga chia ba trái đất, sáng chói trong vai trò lãnh đạo da vàng. Ta là Tàu, hay là thầy của Tàu, nghe khoái không chịu được, nghe sướng mê tơi, nghe có thể quên luôn hiện diện của nửa triệu quân mũi lõ trên quê hương cao quý. Còn “nguồn gốc Mã Lai”? Ngay cả bây giờ, đối với đại đa số người Việt, Mã Lai chỉ có nghĩa là Mã Lai Á, tên một quốc gia chưa từng xuất sắc về bất cứ phương diện nào. Việt Nam, với “bốn nghìn năm văn hiến”, lại bắt nguồn khiêm tốn thế ư?

Lại vẫn trên căn bản ao ước của người nghe nói về mình, tôi nghi hiện nay NGML có khả năng lôi cuốn lớn hơn trước, nếu được dán nhãn thích hợp. Ông Bình Nguyên Lộc bảo người Nhật đồng chủng với ta. Nước Nhật là siêu cường kinh tế, quyết định từ Đông Kinh ảnh hưởng toàn cầu. Ở Đông Nam Á, nước Việt Nam chỉ đứng trên Miên, Lào. Ta nhận bà con với Nhật, chẳng thích lắm sao? Giá được sự ưng thuận của gia đình học giả quá cố mà đặt lại tên sách là *Nguồn gốc Việt của dân tộc Phù Tang* thì chắc tác phẩm sẽ được đón nhận ấm áp.

Tác giả NGML dùng ngôn ngữ độc đáo. Tuy thế ông không phải là người nông cuồng, tự cao tự đại. Giữa những cơn hò hét bắt đắc dĩ, có lời tâm sự sau đây: “*Nếu quyển sách nhỏ này mà có chừng một trang giúp ích được vào việc nghiên cứu cổ sử Việt Nam của người sau, thì cũng không uổng công chúng tôi đã bỏ ra một chục năm học hỏi*”.

*
* *

Ông Bình Nguyên Lộc vẽ người Việt xưa thật chi tiết. Tóc dợn sóng, răng đen, xăm mình, xăm trán, mặc váy, cái nút áo bên trái, ở nhà sàn, đánh trống đồng, xây nhà chữ đình, xây đình, thờ thần làng, thờ trời, thờ nai, thờ cau sọc, giao long, thờ âm dương vật.v.v.. Nhưng ông có sơ sót điều gì chăng? Suốt mấy ngày đêm thất thểu qua các “mê đạo” của

NGML, tôi không lúc nào quên ám ảnh ấu thời, khao khát được xem một bức minh họa, thiết tha muốn nghe mấy lời cao kiến. Có thể nào thế được? Có thể nào ông đã tình cờ không trông thấy hai ngón chân cái giao nhau?

Đây chứng tích:

“Người u già đứng phía sau chị Hoài, tay bưng miệng tùm tùm cười, cúi mặt nhìn xuống đất như dán mắt vào hai đầu ngón chân cái giao chỉ của u, cốt để giấu một cái vẻ vui mà già ta cho là xấu, không dám chia sẻ với chị Hoài nuôi u.” (Tóc chị Hoài, Nguyễn Tuân)

“Tàu lặc lư chạy trong đêm. Hành khách ba miền của bao nhiêu âm ngữ đã đồng tiếng ngáy. Ngay sát mặt tôi, dưới gầm ghế là hai bàn chân giao chỉ với ngón cái xoè ra, dính đầy bùn đất của anh nông dân vừa lên tít hai bao sắn qua cửa sổ.” (Thằng người có đuôi, Thế Giang)

“Ông Nhiêu đi qua khen: “Có nghề lắm. Ngày xưa tao đào có lần xấn mẹ phải ngón chân cái”. Ông chìa bàn chân đi dép cao su cho tôi nhìn thấy ngón chân bị cụt. Chân của ông Nhiêu là chân giao chỉ, ngón cái không thẳng mà toẽ hẳn ra. Chân này chắc chẳng giày nào vừa được”. (Con gái thủy thần, Nguyễn Huy Thiệp)

Ngày còn ở Sài Gòn, tôi cũng từng có dịp ngắm nghĩa một đôi bàn chân giao chỉ. Chân ấy thuộc về thằng Cò, kẻ giúp việc trong gia đình ông Thịnh, liên gia trưởng xóm tôi. Cò là tên một loài chim, tất nhiên có chân ngón toẽ. Tên đặt cho người, ngẫu nhiên hay cố ý gọi hình? Chân như thế đứng vững nhưng hẳn chạy không nhanh.

Lại nghe một dòng họ lớn ở Huế sinh ra cô con gái xinh đẹp nhưng bàn chân không mang được guốc.

U già, nông dân, đầy tớ, quý tộc. Bắc, Nam, Trung. Phụ nữ, đàn ông. Dư hai nghìn năm kể từ ngày người Tàu gọi nước ta là Giao Chỉ quận mà nhân thể tính đặc thù vẫn còn thấp thoáng khắp nơi. Xưa kia những ngón chân cái giao nhau chắc chắn đã đập rất mạnh vào mắt

Lộ Bác Đức và Dương Bộc.

Giao chỉ là một đặc tính hình dạng cổ sơ và cổ quái. Đặc tính ấy có liên hệ gốc rễ với chúng ta chăng, bây giờ thật khó biết. Bất kể chân lý thế nào, đa số người Việt chắc ít thích nghe nhắc nhở quá nhiều đến điểm dị dạng khó hiểu nọ. Hơn nữa, nhìn mãi xuống chân e sẽ bị trách là không hướng thượng. Khởi đầu từ vài nét xấu, từ câu nói mỉa mai đầy thành kiến của kẻ lân bang, tìm hiểu lung tung dẫn trở về hai ngón chân cái mọc toẽ thiếu thẩm mỹ. Lẽ lối suy tưởng như thế có thể xem như hoàn toàn thất bại, đáng bị quan. Hoạ may cứu vớt được ở một chỗ này: sau bao nhiêu nghìn năm, đặc điểm nhân thể vẫn tồn tại, biết đâu về mặt tính tình giữa chúng ta ngày nay còn lẫn lộn vài khuôn mẫu xa xưa. Nhìn thử lại chung quanh. Rõ ràng có những hình ảnh người Việt không biết thành hình tự bao giờ, trong hoàn cảnh nào, nhưng cứ tiếp tục ẩn hiện đó đây như niềm hy vọng.

Chuyện 5

Sài Gòn nhỏ, một mùa thu. Tôi đứng xem sách ở tiệm B lâu lắm mà Ph vẫn chưa trở lại. Định vào chợ C tìm nạng. Gần cửa chợ, năm bảy gánh hàng ngồi lê la. Tôi đứng nhìn vợ vẫn giầy lát. “Bánh mới gói. Ông mua hộ con mấy chiếc”. Tai tôi chột lùng bùng, mặt nóng bừng, mắt chớp khấn trương. Người mời là một bà cụ trạc 70, ăn vận lối thôn quê miền Bắc. Tóc bạc khả kính gọi khách trẻ hàng con cháu là “ông”, tự xưng “con”. Nét mặt cụ hiền lành chất phác, hoàn toàn lạc lõng giữa những ánh mắt tinh quái, lém lỉnh xung quanh. Buổi chiều ăn cơm, Ph khen bánh tôi mua ngon lắm. Nàng ngẫm nghĩ: “Anh ạ, bà cụ chừng ấy tuổi, còn cần gì vất vả. Con cháu không nuôi, cụ lĩnh tiền già cũng đủ phong lưu...” Tôi cười bảo nàng: “Ấy, vì cụ hay lam hay làm từ thuở tằm bẻ, chứ có cần đâu. Cứ mong quê ta còn mãi những người biết cày sâu cuốc bẫm, ăn chắc mặc bền. Những người “giao chỉ” đấy em...” □



Như Cánh Mai Vàng

Bảo Chấn

Vũ biết như vậy là không phải, nhưng cứ mỗi lần Nhân và Giang đi vắng thì bất giác chàng lại nhìn đến cái lỗ nhỏ xíu trên vách thông qua nhà cô Hoàng Mai. Rồi không biết tự bao giờ chàng đã ngồi sát bên vách, say mê nhìn quang cảnh đầm ấm của gia đình cô.

Vũ khám phá ra cái lỗ thông qua vách đó chừng hai tháng nay. Chàng cứ loay quanh tự biện hộ cho hành vi “bất hợp pháp” của mình. Thứ nhất là cái lỗ đó thông qua “phòng khách” của nhà cô Hoàng Mai, nghĩa là gian trước chứ không phải gian phía sau nơi cô Hoàng Mai làm “phòng ngủ” trong căn nhà vách tranh, nền xi măng của người tị nạn ở trại Palawan này. Chàng biết rõ mình không có ý gì gian tà đối với cô Hoàng Mai, bởi vì ngày ngày chàng vẫn hồi hộp đợi thư vợ chưa cưới của mình từ Việt Nam gửi sang. Lý do thứ hai là chàng nhìn qua không phải chỉ để theo dõi cô Hoàng Mai, mà còn thích thú hoà mình vào cuộc sống nhỏ bé đầy sinh khí của cả gia đình cô, bao gồm ba má cô và thằng em trai tên Thắng. Nhưng dù vậy Vũ vẫn cứ bứt rứt hoài và vẫn cứ nhìn qua cái khe hở ấy, từ bao giờ nó đã thành một thói quen của chàng trong những đêm dài chán chường của đời tị nạn.

Nhưng có lẽ Vũ cũng có một phần lỗi đối với vợ chưa cưới của mình, tội có chút xíu thôi, là chàng thấy cô Hoàng Mai đẹp lắm. Gương mặt cô sáng rỡ, đúng là mặt hoa da phấn. Cái nắng cháy của xứ Phi luật tân này dường như không ảnh hưởng gì đến cô. Giữa đám người tị nạn lầm than, đen đui, cô như một đoá hoa nở bừng, phơi phới. Trên gương mặt cô, các đường nét đều hài hoà với nhau, in hình như tạo hoá đã dùng cô để làm thí dụ cho nhan sắc. Vũ vốn dốt văn chương, chàng không biết phải ví von cặp mắt đen láy của cô Hoàng Mai với cái gì, hay cái mũi thon thon, cặp môi mong mỏng của cô đẹp ra làm sao, nhưng hễ nhìn vào

khuôn mặt của cô, chàng cứ muốn... làm thơ, mặc dầu cả đời chàng chưa từng dệt được một vần thơ nào ra hồn cả!

Cô Hoàng Mai đẹp, nhưng cô không kiêu. Đàn ông, thanh niên trong trại, dù cả rồn hay đứng đắn với cô, cũng đều được cô đáp lại một cách dịu dàng, đoan trang rất mực nên người ta mến cô vì cả sắc đẹp lẫn tính tình. Bọn thanh niên bầu cô làm "hoa hậu tị nạn" đã mấy năm liền mà chức vị đó vẫn chưa lọt vào tay ai khác. Tuy nhiên cô Hoàng Mai không lấy đó làm vui, vì giữ chức hoa hậu tị nạn càng lâu thì cuộc đời cô càng héo úa ở mảnh đất khô cằn này mà thôi. Nói theo tiếng lóng của dân tị nạn, thì cô và gia đình cô đã "trồng dưa" ở hòn đảo Palawan ngót ba năm trời rồi. Chỉ còn có vài ngày nữa là lại Tết. Chưa bao giờ cô Hoàng Mai sợ Tết đến như vậy. Tết với cô chỉ là cái mốc khắc nghiệt đánh dấu những tháng ngày mòn mỏi ở trại tị nạn, đánh dấu tuổi đời đang len lén chất chồng lên nụ cười, ánh mắt cô, và đánh dấu luôn những mòn mỏi của một niềm hy vọng leo lét, chập chờn, chỉ chực tắt.

Vũ là hàng xóm gần nhất của cô Mai nên chàng tự cho mình cái vinh hạnh được cô đối đãi có phần đặc biệt hơn mọi người. Vũ mới tới trại có năm tháng. Đêm đầu tiên, chàng cùng Nhân và Giang lờ quờ đi tìm số nhà do Cao ủy cấp, may sao gặp cô Hoàng Mai cầm cây đèn dầu chỉ lối, mở cánh cửa vào căn nhà tối om, ẩm thấp. Ba chàng tị nạn độc thân, bỏ nước ra đi chỉ có một bộ đồ dính trên cái thân thể phờ phạc cho sóng nước Thái Bình Dương đưa đẩy. Thoát được cơn thủy nạn, mới giặt mình thấy chưa bao giờ mình trắng tay như vậy. Cao ủy chưa kịp phát mừng mền đêm đầu. Cô Hoàng Mai mau mắn cho mượn những thứ cần thiết, cả cây đèn dầu gần cạn, leo lét hắt ra những hình ảnh ma quái, chập chờn nhảy múa trên vách tranh.

Lúc sắp thùng để lấy nước về tắm giặt, nấu ăn, Vũ cũng được vinh

hạnh làm hàng xóm của cô Hoàng Mai. Hai thằng Nhân và Giang mới đầu không hiểu sao càng ngày Vũ càng siêng đi lấy nước chứ không nạnh hẹ với hai đứa như trước, lâu dần cũng khám phá ra nguyên nhân. Thằng Nhân làm mặt nghiêm:

— Ê Vũ, địa chỉ vợ chưa cưới của mày ở Việt Nam đâu, đưa tao để tao gửi báo cáo mới nhất về cho bà biết!

Vũ cũng nghiêm mặt:

— Mày đừng có tầm bậy! Cô Hoàng Mai có vị hôn phu ở Mỹ rồi đó nghe. Nói lộn xộn tới tai cổ thì phiền đa!

Thằng Giang cười hô hố:

— Nè, có giấy tờ hôn thú đảng hoàng còn chưa ăn thua gì, hưởng chi bên nào cũng còn độc thân tại chỗ, có sao đâu!

Vũ phải làm bộ nổi cộc lên hai

thằng quỷ sứ mới tha cho chàng. May là cuộc đối thoại diễn ra ở cái quán nước đầu ngõ, chứ không cô Hoàng Mai nghe được thì rầy rà lắm. Hình như cô cũng có cảm tình đặc biệt với Vũ, hay là chàng giàu tướng tượng cũng không biết. Cô thích chuyện trò lắm. Và nhờ vậy, những giờ phút dài dằng dặc chờ lấy nước đã trở thành thật thú vị đối với Vũ. Lắm lúc Vũ thấy mình tiu nghỉu khi đến phiên mình lấy nước và cuộc nói chuyện phải tạm chấm dứt.

Nói cho ngay, đâu phải hề trai gái xán lại chuyện trò là có chuyện gió trăng. Giữa cô Hoàng Mai và Vũ không hề có chuyện gì sai trái để mỗi bên phải cảm thấy có lỗi với ý trung nhân của mình. Những câu chuyện mới đầu xoay quanh những buồn vui đời tị nạn, rồi dần dà đi tới tâm sự riêng tư, và sau rốt là những



cảm thông, chia sẻ.

Mấy hôm đầu, Vũ nhớ cô Hoàng Mai có hỏi:

— Anh Vũ có diện gì để hy vọng được định cư hay không? Gia đình Mai thuộc diện công chức nên mở mìn. Lại đến trại sau ngày có chính sách mới, nên chẳng biết đi về đâu. Làm dân “lông tay dơ” hoài, chán quá!

Vũ giật mình đánh thót. Chàng bất giác liếc nhìn hai cánh tay để trần của cô Hoàng Mai. Tay cô trắng trẻo, mịn màng, phủ một lớp lông tơ phơn phớt, lẽ nào lại...!

Cô Hoàng Mai đoán được ý nghĩ của Vũ, cười ngật nghẻo:

— Cái đó là Mai đọc trại chữ *long stayer* nghĩ là người ở lâu trong trại này đó! Người Việt mình ngộ lắm, tiếng tây tiếng u gì cũng Việt hoá để đọc cho dễ. Hồi mới tới trại, bà con hỏi Mai đã có ai gởi “bông-xô” qua chưa, Mai cứ đực mặt ra. Sau này mới biết đó là giấy của người *sponsor* gởi qua để bảo lãnh cho mình.

Vũ tủm tỉm cười theo:

— Vậy là tôi phải từ từ học hết cái kho từ vựng mới mẻ đó. Chắc phải soạn một cuốn “từ điển thuật ngữ tị nạn” để phát cho người mới tới, phải không cô?

Không biết cô Hoàng Mai có giận Vũ nếu biết được chàng đêm đêm vẫn nhìn lên qua nhà cô không. Vũ cảm thấy có lỗi nhưng chàng “nghiện” cảnh đầm ấm của gia đình cô Mai, mặc dù cái cảnh đầm ấm đó lâu lâu cũng bị trục trặc, chung qui chỉ vì chuyện định cư mà ra.

Một đêm nọ, Vũ thấy ông bố hỏi cô Mai:

— Tết tới nơi rồi, ai người ta cũng đã nhận money order của thân nhân để ăn Tết, còn thằng Hoàng sao chưa thấy tăm hơi gì hết?

Cô Hoàng Mai chưa kịp trả lời thì mẹ cô đã tiếp theo:

— In hình như hai tháng nay nó không thơ từ gì cho con hết phải không?

Cô Mai rụt rè nói:

— Chắc cuối năm anh bận thi cử lu bu, rồi còn phải đi làm nữa.

Thằng Thắng chen vào:

— Em nghi anh có vợ khác quá chị Mai à! Đàn ông mà!

Cô Mai háy em:

— Mày rành đàn ông dữ hả! Đừng có châm đầu vô lửa ghen!

Ông bố nổi nóng:

— Ai làm cái gì mà mày nói đầu với lửa? Coi chừng rồi nó rút luôn tên bảo lãnh của nó lại thì cả nhà này rục xương ở đây!

— Tại mình chớ đâu phải tại anh! — Cô Mai bắt đầu rớt nước mắt — Con đã nói ba rồi, cái diện công chức của ba nó làm chậm trễ giấy tờ đi nhiều lắm!

Ông bố càng giận:

— Ái chà, ra vậy nữa? Sao hồi đó mày không đi lính cho tao nhờ?

Bà mẹ từ tốn can:

— Thôi mà ông, có la con thì cũng la cho có lý có lẽ một chút chớ!

Ông bố nói luôn một hơi:

— Đẹp! Đẹp! Không có định cư định kiếc gì ráo! Mai tao lên Cao ủy điền đơn xin hồi hương.

Cô Mai chùi nước mắt:

— Ba làm vậy là ba sụp bẫy tụi Cao ủy rồi đó. Tụi nó cố tình gây khó khăn để mình nản lòng mà xin về. Con chỉ nói một cách khách quan là cái diện của gia đình mình yếu lắm, chớ không phải tại anh Hoàng không hết lòng bảo lãnh cho mình đâu!

Buổi tối bên nhà cô Hoàng Mai chấm dứt một cách nặng nề. Vũ cũng buồn lây. Gian nhà nhỏ xíu mà sao chàng thấy rộng mênh mông. Nhân và Giang đi chơi khuya trong trại chưa về. Vũ châm một điếu thuốc, mở tờ thư của Trâm ra đọc lại dưới ánh đèn dầu. Tờ thư đã được đọc tới đọc lui nhiều lần, nhàu nát và dơ bẩn. Những lời thương nhớ, trách móc, kể lể cảnh khổ ở quê nhà. Ở đây cũng có hơn gì đâu! Vũ cười nửa miệng, rít một hơi thuốc dài. Ánh lửa loé lên trong gian phòng tù mù ánh đèn dầu. Bên ngoài thỉnh thoảng có tiếng chân người, tiếng nói cười của người qua lại. Vũ thiếp dần vào giấc ngủ. Trong mơ chàng thấy mình bị cưỡng bách hồi

hương. Quê nhà đang vào xuân. Xác pháo đầy đường, nhưng không gian tuyệt nhiên không vang một tiếng pháo. Về tới nhà cũ, Vũ chỉ thấy một bãi đất hoang. Không còn gì. Không còn ai ở đó nữa hết. Vũ chạy quanh trong thành phố, hải hùng. Tất cả những khuôn mặt Vũ gặp đều lạ hoắc, và ai cũng nhìn Vũ cười một cách độc ác. Chàng giật mình thức giấc. Đêm vẫn chưa sâu. Nhân và Giang vẫn chưa về. Vũ đưa tay chùi hai giọt nước mắt nóng hổi trên má.

*

* *

Tối nay bên nhà cô Hoàng Mai đã vui vẻ trở lại. Qua cái lỗ nhỏ xíu, Vũ thấy thằng Thắng đang bận rộn kê một cành mai vào giữa nhà. Nói là cành mai cho... sang, cho đỡ nhớ nhà, chứ thật ra đó là một cành cây khô có hình dạng như một cành mai mà Vũ nghe đâu thằng Thắng đã cùng lũ nhỏ lối xóm đi chặt trong rừng về. Bên cạnh thằng Thắng lẳng xẳng đóng cái gốc mai, cô Hoàng Mai khoan thai, từ tốn cắt cắt dán dán những bông mai vàng bằng giấy thủ công. Cô làm thật khéo. Những bông mai xinh xắn từ đôi tay cô cứ dần dà thành hình. Khi cành cây đã đứng vững giữa nhà, cô Hoàng Mai phết hồ lên mặt trái từng bông hoa rồi dán lên những nhánh cây. Chẳng mấy chốc cành mai Tết đã hoàn tất. Vũ ngồi xem mê mẩn quên cả thở. Ở trại đã lâu, lại có đồ tiếp tế từ Mỹ, “phòng khách” nhà cô Hoàng Mai ngó cũng khang trang lắm. Bà mẹ mấy hôm nay sửa soạn bánh trái, bày biện trên bàn thờ nhỏ và chiếc bàn nước, trông cũng ra Tết lắm. Trên bàn, ngoài bình trà và mấy cái tách, đã có một hộp bánh mứt thập cẩm, xanh xanh đỏ đỏ. Nghe nói bà mẹ có gói cả bánh tét nữa.

Bất giác Vũ thở dài. Không dung đạo này chàng sợ ánh đèn nê-ông một cách lạ lùng. Đêm tới, cứ chờ cho Nhân và Giang học bài xong xuôi, kéo nhau đi chơi là Vũ tắt ngay ngọn đèn trắng đã.

Chàng châm cây đèn dầu lên. Lũ

muỗi bắt đầu vo ve hoạt động. Vũ thích cái cảm giác bệnh hoạn ngồi trong bóng tối lúc nào không biết. Để từ cái vùng tối mờ ảo đó, chàng nhìn qua căn nhà tràn ngập ánh sáng của cô Hoàng Mai, như nhìn qua một thế giới nào vừa cận kề vừa xa xôi. Chàng muốn quên đi chính mình, để buồn vui với cái thế giới nhỏ bên nhà cô Mai, cũng chẳng hiểu tại sao nữa.

Cô Hoàng Mai đã dán xong bông mai cuối cùng lên cây. Cô lùi lại, khoan khoái đứng ngắm tác phẩm của mình. Thằng Thắng liền thoáng nói:

— Y như thiệt phải hôn chị Mai? Em lựa cây nghề quá mà!

Cô Hoàng Mai cự em:

— Nè, không có bông mai của tui thì đồ ai biết cây này là cây mai đó nghe, đừng có nói tương!

Rồi cô tặc lưỡi:

— Uống quá há Thắng? Phải chi có thiệp tết treo lên nữa thì đẹp biết mấy!

Thằng Thắng gật gù:

— Đúng đó chị Mai. Mà chị lo gì, nay mai anh Hoàng gởi thiệp qua, chị treo lên mấy hồi!

Vũ thấy cô Mai không trả lời em, mà lại thở dài. Bà mẹ cô từ sau nhà bước lên cầm hai đòn bánh tét nói nhỏ nhỏ gì đó với cô. Cô Hoàng Mai chợt hướng về phía nhà Vũ, cao giọng:

— Anh Vũ, anh Nhân, anh Giang có ai ở bên đó không?

Vũ giật nẩy mình. Chàng ngỡ như cô có mắt thần thông ngó thấy chàng đang ngồi thu lu nhìn trộm qua nhà cô. Chàng định thần trở lại, lui về phía sau, “điều chỉnh âm thanh” cho thật tự nhiên, rồi hắng giọng trả lời:

— Có tôi ở nhà nè cô Mai. Có chuyện chi vậy cô?

Giọng cô Mai trong trẻo:

— Mai qua nhà anh có chút chuyện được không?

Vũ tủm tỉm cười trong bóng tối:

— Được chứ cô Mai. Mời cô cứ tự nhiên qua chơi.

Cô Hoàng Mai cầm hai đòn bánh tét qua. Vũ vờ ngạc nhiên:

— Trời đất, cô bày đặt quá vậy cô Mai! Sao cô không để bên đó dùng?

Cô Mai nhẹ nhàng nói:

— Má Mai nói mang qua cho mấy anh ăn Tết. Nhà có mấy anh đàn ông không cũng đơn chiếc quá!

Vũ vội vàng nói:

— Cảm ơn cô nhiều. Nhà tối quá. Cô để tôi bật đèn lên nói chuyện.

Cô Mai khoát tay:

— Thôi cứ để đèn dầu đi anh Vũ, Mai thích hơn.

Cô ngồi xuống ghế. Ánh lửa hát lên một nửa gương mặt cô, lung linh. Trông cô liễu trai một cách lạ lùng. Bây giờ cô không còn vẻ hờn hờ như lúc ngắm nhìn cảnh mai nữa, mà buồn một cách dịu dàng, trầm mặc. Vũ thấy không khí có vẻ nặng nề quá, chàng bắt giác thần thờ buông một câu:

— Ngày mai là giao thừa rồi,

nhANH quá phải không cô Mai?

Cô Mai gật nhẹ:

— Và ngày mai là ngày lãnh thư cuối cùng trong tháng nữa. Gần đây anh có nhận được thư nhà không?

Vũ gật:

— Cách đây hai tuần lễ. Không biết ngày mai tôi có lá nào nữa không. Còn cô chắc đợi thư anh Hoàng dữ lắm phải không?

Cô Mai cười buồn:

— Dữ thì cũng chẳng dữ gì. Mai chỉ muốn có cho ba Mai đừng rầy rà này nọ. Riêng phần Mai thì Mai nghĩ là người ta có muốn liên lạc nữa hay không là quyền của người, mình có muốn cũng không được.

Vũ làm thinh. Chàng chẳng biết an ủi cô Mai thế nào nữa. Cô Mai chợt hỏi:

— Còn anh có hy vọng đậu thanh lọc không?

yêu em mùa xuân

*Nắng ấm mơn man đọng trước cành
Gần em anh nhớ nụ cười xinh
Sánh vai từng bước nâng niu mãi
Em nhớ xuân nay của chúng mình*

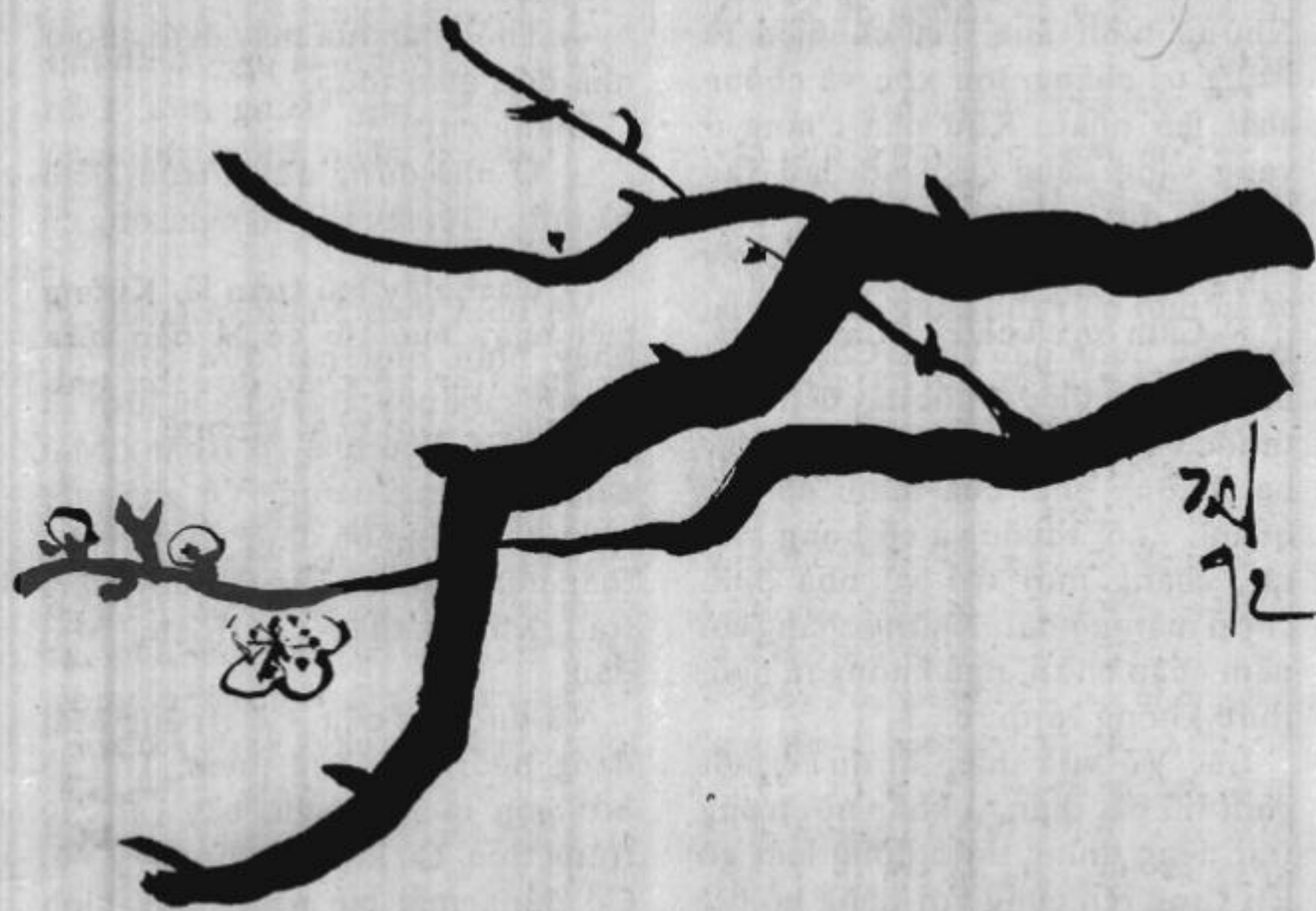
*Em nhủ sao giờ mới gặp nhau
Vì đâu em có hiểu vì đâu
Anh con thuyền nhỏ chèo muôn hướng
Em đã kẻ vai một mái đầu*

*Em hát ngọt ngào nước Cửu Long
Quê hương cách trở đã muôn trùng
Ba dòng sông mẹ nằm phơi cát
Em có cùng anh nguyện một lòng*

*Đôi mắt em dìu anh ngắt ngây
Tay thừa sao chẳng níu vòng tay
Làm như nắng ấm lòng anh mãi
Như đã hẹn nhau một kiếp này*

*Bây giờ nắng mới đã vào xuân
E ấp đời hoa biết ngại ngần
Cánh bướm lượn say phong kín nhụy
No tròn bên bộ ngực thanh tân.*

phạm quang ngọc



Vũ phì cười:

— Đậu với rót gì hả cô! Nè, đó là một chữ hay trong quyển “tự điển tị nạn” đó nghe. Xin lỗi cô tôi không nín được cười vì cái chữ “đậu” mà đồng bào mình dùng nghe nó vừa khôi hài, vừa tội nghiệp quá. Muốn làm người tị nạn thôi mà cũng khó khăn quá, y như là phải thi với cử. Hồi xưa tôi đi lính, bằng chứng chỉ vốn vẹn có một tấm hình đen trắng mặc bộ trây-di. Cao ủy chưa muốn tin vì họ nói tôi có thể nhờ ghép hình được. Bữa đó tôi tức quá, nói với ông thông dịch viên nhờ họ lấy kính lúp soi chỗ cái cổ của tôi coi có dấu ráp nối gì hay không! Thật là một trò hề!

Câu chuyện càng lúc càng bế tắc trong vấn đề tị nạn. Cuối cùng cô Hoàng Mai đứng lên chào Vũ về nhà. Vũ nói cảm ơn và mong cô ngày mai có thư, chớ tết nhất tới nơi rồi...

“Tết nhất tới nơi rồi”... Câu nói đầu môi từ bao lâu nay Vũ chợt thấy lạ lẫm làm sao khi thốt ra ở một nơi không phải là quê nhà.

*
* *

Tiếng loa phóng thanh vang vang

mời đồng bào đi lãnh thư làm Vũ cũng nôn nao mặc dầu chàng không hy vọng gì có thư nữa. Ban thông tin văn hoá bắt đầu đọc tên từng người có thư theo thứ tự vần abc. Vũ nhập vào dòng người đổ về văn phòng phát thư. Chiều ba mươi Tết ở đây dĩ nhiên chẳng có vẻ gì là Tết cả. Bà con đang ồn ào chen chân nhau trước mấy tấm lưới mắt cáo để xem có tên mình trên danh sách lãnh thư hay không, trông không khác gì cảnh thí sinh xem kết quả kỳ thi. Lại thi. Vũ nhớ tới mấy chữ “đậu thanh lọc” của cô Hoàng Mai mà buồn cười. Cuộc đời tị nạn quả là một trường thi khổng lồ. Ở đây thí sinh phải vác lều chõng vượt qua cả một đại dương để ứng thí, ai còn may mắn sống sót thì mới mong qua được “vũ môn” thanh lọc. Vũ đứng lóng ngóng, không muốn chen vào đám đông ồn ào đó.

Nhác thấy cô Hoàng Mai đứng ở một góc, tay cầm phong thư, Vũ chợt vui lây. Chàng rảo bước về phía cô định góp vui, nhưng rồi khựng lại vì thấy gương mặt cô loang loáng nước mắt. Vũ bối rối định quay đi thì cô đã gọi:

— Anh Vũ!

Vũ đành phải quay lại. Chàng lúng túng hỏi:

— Có chuyện gì không vui vậy cô

Mai? Phải thư của anh Hoàng đó không?

Cô Hoàng Mai cười như mếu qua làn nước mắt:

— Cũng gần như vậy. Anh đọc đi thì rõ.

Vũ ngần ngại đỡ lấy phong thư. Chàng bối rối vì cô Mai tin cậy nơi chàng quá. Trong bì thư không có một lá thư nào cả, chỉ có một tấm hình màu và một tấm ngân phiếu đề tên cô Hoàng Mai. Trong hình là một cặp vợ chồng trẻ và đứa con gái đứng trước một căn nhà thật đẹp và một chiếc xe hơi mới toanh. Vũ lật mặt sau tấm hình, những dòng chữ viết tháu nháy múa trước mắt chàng:

Cali ngày...

Gửi cô Mai,

Xin lỗi cô vì tôi đã gửi cho cô bức hình này mà không có sự đồng ý của anh Hoàng. Lỗi của anh Hoàng là không nói cho cô biết sự thật. Anh đã lập gia đình, có con từ năm năm nay. Đó là lý do tại sao anh Hoàng không thể tiếp tục bảo lãnh cô và gia đình được nữa. Tôi rất lấy làm tiếc và mong cô cùng gia đình may mắn trong việc tìm kiếm một người bảo lãnh khác. Xin gửi cô chút đỉnh để tiêu Tết.

Chào cô

Vũ bàng hoàng. Người gửi không buồn xưng danh tánh. Hoàn cảnh này Vũ cũng có nghe qua vài lần, nhưng bây giờ khi chính nó xảy ra cho cô hàng xóm xinh đẹp của mình, chàng mới thật sự xúc động. Chàng rụt rè hỏi một câu thật vô duyên:

— Bây giờ cô tính sao cô Mai?

Gương mặt cô Hoàng Mai bây giờ không còn nước mắt nữa. Giọng cô ráo hoảnh:

— Tính cái gì nữa anh Vũ?

Người ta tính giùm Mai hết rồi.

Vũ bần khoản:

— Rồi cô có định đưa cho hai bác coi cái hình này không?

Cô Hoàng Mai đỡ lấy phong thư từ tay Vũ, ánh mắt cô nhìn vào vạt nắng chiều trên sân:

— Mai cũng không biết nữa. Để coi..., kệt một cái là Tết nhất tới nơi

rồi!

Cô thần thờ quay đi sau khi lấm bầm mấy câu chào Vũ. Chàng thọc tay vô túi, đi chầm chậm lại nhìn tấm lưới có tên người lãnh thư. Tên Vũ nhiều quá mà không có cái nào họ của chàng. Có lẽ ở nhà hết tiền mua tem rồi cũng nên! Chàng lững thững quay về khu nhà của mình. Người ta đang tùm năm tùm ba đọc thư, chuyền tay nhau những tấm hình màu rực rỡ, có kẻ cầm tờ ngân phiếu phất phất trong gió, nghe rằng cười khoái chí. Lũ trẻ lồi thùng thiếc, nôi niêu soong chảo ra để sẵn nơi đầu ngõ, chờ đến nửa đêm sẽ thi nhau gõ thay cho tiếng pháo giao thừa. Lòng Vũ chợt rộn lên một cảm xúc lạ lùng, khó tả.

Buổi tối, Nhân và Giang rủ Vũ bóc bánh tét ra ăn. Vũ chạy đi mua mấy chai bia San Miguel về đưa cay. Ừ, tội gì không nhậu một chút cho quên đời! Vừa lai rai, Vũ vừa để ý lắng nghe coi bên nhà cô Hoàng Mai tình hình ra sao. Nhưng hình như có một bầu không khí im lặng nặng nề phủ trùm bên đó.

Nhậu xong, Giang và Nhân vỗ bụng bảo đi ngủ một chút rồi trở dậy đón giao thừa. Vũ ra ngồi ở bậc

cửa, hút thuốc và nghĩ lung tung. Những hình ảnh Tết cũ hiện ra trong trí chàng, lộn xộn và chồng chất lên nhau. Khu nhà chàng ở vang vang tiếng cười nói lao xao không dứt. Đêm nay hình như không có ai đi ngủ. Tiếng ca vọng cổ từ một máy thu bằng nào đưa lại làm Vũ buồn nẫu ruột. Chàng hút liên tiếp hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác. Cho tới khi có cảm giác hai buồng phổi của mình đã đặc quánh khói thuốc và cổ họng khô rát, chàng mới trở vô nhà định chợp mắt một lát. Nhưng chàng chỉ nằm chập chờn, ngủ không ra ngủ, thức không ra thức.

Lúc Vũ vừa thiếp đi được một chút thì bất thần từ khắp nơi trong trại tiếng thùng thiếc đồng loạt gõ lên vang rền cùng với tiếng hò hét man dại của lũ trẻ. Nhân và Giang nhồm dậy ôm lấy Vũ, vật mấy vòng trên nền xi-măng, hét lớn:

— Giao thừa rồi! Năm mới chúc tụi mình sớm đi định cư!

Vũ cười chảy cả nước mắt:

— Ừ, năm mới cầu mong tất cả mọi người sớm đi định cư!

Nhân kéo Giang và Vũ:

— Đi ra ngoài chơi cho mát, tụi bay!

Vũ ậm ừ:

— Thôi, hai đứa mày đi đi, tao ở nhà đón giao thừa.

Giang cười:

— Ở nhà đừng để ăn trộm đêm ba mươi Tết lấy hết đồ nghe ông cụ non!

Vũ nhìn theo Nhân và Giang đi nhảy nhót như hai đứa con nít. Trước cửa nhà, thiên hạ lũ lượt đi qua đi lại. Bên nhà cô Hoàng Mai đèn vẫn sáng trưng. Vũ ghé mắt nhìn, thấy ông bố đang trịnh trọng thắp nhang trước bàn thờ đầy bông trái. Không thấy cô Hoàng Mai đâu.

Vũ bước ra cửa. Cô Hoàng Mai đang ngồi trên bậc thềm. Tóc cô búi gọn ra phía sau, bày cái gáy trắng trẻo. Cô không nhìn thấy Vũ. Cô đang mải mê ngắm bức hình màu nhận được ban chiều. Một lúc sau cô từ từ xé bức hình ra làm ba, một phần có hình Hoàng, hai phần kia có hình người vợ và đứa con. Cô thông thả xé nát phần hình có người đàn bà và đứa bé gái ra từng mảnh vụn, thả xuống cái mương nhỏ chạy qua trước dãy nhà. Những mảnh giấy lấp loáng trôi theo dòng nước đục ngầu. Cô Mai ngắm phần hình còn lại có nét mặt tươi cười của vị hôn phu lần nữa, rồi cũng xé vụn ra, thả theo làn nước. Vũ nghe mình thở dài thật nhẹ, ngậm ngùi.

Như một kẻ gian, chàng bỏ dép rón rén bước ra khỏi nhà để cô Hoàng Mai đừng nhìn thấy. Ra khỏi tầm mắt cô, Vũ vụt chạy một hơi ra bãi cỏ nơi lũ trẻ thường chơi đá bóng. Sương khuya đọng trên cỏ làm mát lòng bàn chân chàng. Vũ hít mạnh làn gió lạnh lạnh ban đêm. Bầu trời lốm đốm vài vì sao. Đêm ba mươi nhưng trời không tối lắm. Đủ để Vũ thấy những bóng người tị nạn đi xôn xao, loanh quanh trong khu trại bốn bề vây kín, như những bóng ma hư ảo. Chàng lấy làm lạ là tại sao giờ phút này chàng lại không mấy nhớ nhà, mà chỉ bận bịu trong trí hình ảnh một bông mai vàng rụng xuống nhẹ nhàng khi trời mới sang xuân. □

ba mươi tết

Ba mươi Tết trời ngoài kia rất nắng
Đến sở làm như mọi bữa đã qua
Ở nơi đây chẳng thể giống quê nhà
Ngày niên tận khắp nơi đều rộn rịp

Khoe với bạn ngày mai là năm mới
Mắt tròn tròn cô Mỹ hỏi: Thật sao?
Anh Mỹ râu thì ra điều thông thạo
Gật gù rằng: Tục lệ bọn Á châu.

Rồi không khí lại chìm vào tẻ nhạt
Nỗi vui xuân không có kẻ cùng chia
Ngày lặng trôi như giải nắng ngoài kia
Với man mác trong lòng vài kỷ niệm

Ba mươi Tết chỉ còn trên tờ lịch...

b.h.t.



Bói Không Ra

Nguyễn Đức Lập



Ông thầy bói, người năm thấp, hơi nói về bề ngang, da ngăm ngăm, hàm râu mép tía xén công phu, chăm chú quan sát hai người khách trước mặt qua đôi tròng kiếng.

Thân chủ mở hàng của ông sáng nay, một nam một nữ, đang tay trong tay, mắt liếc mắt, đầy vẻ âu yếm, triu mến.

Ông thầy bói mỉm cười. Đó là cái cách chào khách cổ hủ của ông. Ông đưa tay chỉ vào hai chiếc ghế kê ở hai góc trước mặt bàn ra dấu mời khách ngồi.

Hai người khách buông tay nhau ra. Không nói với nhau một lời, hai người làm như hiểu tận ý nghĩ của nhau, cùng một lúc, kéo hai cái ghế, để sát bên nhau.

Ông thầy bói lại mỉm cười. Lần này không phải là để chào khách nữa, mà là cười vu vơ. Lại một cặp nhân tình nhân ngãi nữa rồi đây. Chém chết họ cũng hỏi về chuyện tuổi tác, cưới xin. Cặp này coi cũng xứng đôi vừa lứa đó chứ. Nói vài câu cho họ cưới nhau đi cho rồi. Vừa đỡ tốn thời giờ, vừa được tiền, mà họ còn cảm ơn mình là cái chắc...

Chưa vội hỏi, ông thầy bói lại chăm chú nhìn hai người khách. Tuy hai người ngồi trên hai cái ghế, nhưng họ cố ngồi sát, để hai vai dựa vào nhau. Tay mặt của người này, tay trái của người kia đặt song song trên hai thành ghế, và những ngón tay xoắn xuýt nắm chặt lấy nhau.

Ông thầy bói đưa tay lên chỉnh lại cặp mắt kiếng. *Coi kìa, trước mặt mình đây mà tụi nó còn đeo dính nhau thiếu điều như con sam đực với lại con sam cái, như vợ chồng hai con rắn lục, không rời nhau được nửa thước. Cái ngữ này, cho dầu có bói cho trúng cho hay, mà không khuyên nó cưới nhau, nó cũng chê là bói dở như thường... Coi cái bộ dạng đó, ăn tiền của nó dễ ợt, dễ như để...*

Ông nhắm một màn phân tích sơ sơ. *Cái con này, nói về sắc thì cũng đáng gọi là đẹp. Mặt hoa da phấn rõ ràng. Nhưng cặp mắt nó ướt quá trời quá đất mà lại đung đưa. Hai gò má của nó lại cao quá. Coi cặp môi của nó kìa, dày dầy trề trề... Thiệt là cái tướng "hồng nhan họa thủy" đây mà. Đứng trước mặt nó, ở chỗ vắng vẻ, mấy thằng thanh niên chắc tính chuyện ở tù, chứ đâu có thể ở đó mà ăn ơ ví dầu trời trăng mây nước cho được...*

Ông bắt đầu chuyển hướng qua người nam. *Còn cái thằng này... Cặp mắt thì ti hí như mắt lươn, lại thêm cặp giò của nó dài hơn cái lưng, bộ thì trọng mà thân thì không khinh, chính thị cái "tướng học trò bộ giò ăn cướp". Còn nữa, cái mặt nó trệt lét, hai gò má có đờ ra mà thẹo cũng không được một trâm gờ-ram thật. Cái mũi của nó to chần vắn mà lại cao quá thể, kiêu căng ngạo mạn kể gì! Đã vậy, sống mũi lại trời sứt ba khúc. Ngữ này mà làm ăn, già đầu cũng không khá,*

xây lên sập xuống liền liền...

Bỗng dưng mà ông cảm thấy thi hứng nổi lên. Hai câu thơ chợt đến với ông. Không phải thơ do ông sáng tác, mà là hai câu cũ rích, ông đã từng được nghe và hí hứng lắm nhằm tới thuộc nằm lòng, vào cái thời ông còn châu rìa, chạy đi mua cà phê, thuốc lá lẻ cho mấy tay thanh niên trong xóm. Thời đó xa quá rồi, mũi ông đã hết thò lò lâu rồi, nhưng hai câu thơ còn lại trong cái đầu phủ tóc muối tiêu của ông tới ngày giờ này: "*Trai giang hồ tứ hải... đại du; gái quốc sắc thiên hương... dữ đệ*".

Ông thầy bói có hơi bối rối. Tuy không ai biết hai câu thơ tục tĩu vừa đến trong đầu ông, nhưng ông cảm thấy có hơi mắc cỡ. *Mình làm thầy rồi mà sao đầu óc cứ còn nghĩ chuyện bậy bạ hoài. Thiệt đúng là đánh chết cái nết không chữa...*

Ông tăng hắng một tiếng rồi sửa lại bộ mặt hết sức nghiêm trọng.

Không đợi ông thầy bói kịp hỏi, cô gái mau mắn:

— Thưa thầy..., Cháu...

Ông thầy bói chặn lại liền:

— Cô gọi tôi là giáo sư.

Ông thầy bói khó là vậy. Người ta kêu tới bằng thầy rồi mà còn chưa muốn, phải bắt người ta kêu là giáo sư mới bằng bụng.

Đối với sự xưng hô, ông thầy bói phân tích đâu ra đó. *Hồi xưa hồi xưa, được kêu bằng thầy là quý.*

Tiếng tăm, bề thế như ông Mạnh Tử ở bên Tàu, người ta cũng kêu tới bằng thầy là cùng. Nhưng, trải qua thời văn minh Tây tà, chức vị thầy càng ngày càng xuống dốc. Ai cũng xưng làm thầy được hết thầy. Mấy thằng cha sửa bản vở cho nhà in xưng là thầy cò. Mấy thằng cha núp ở cánh gà, nhắc cho đào kép trên sân khấu hát hò thì xưng là thầy tuồng. Thợ hớt tóc còn xưng là thầy hủ được mà. Chỉ tội nghiệp cho mấy ông thầy giáo, khi không mà bị xuống giá rột rột, cũng thế như ba mớ tép bạc ở giữa chốn chợ đông. Nghĩ cho cùng, hồi còn ở trong nước, ông Minh Nguyệt ở xóm Sáu Lèo, ông Khánh Sơn ở khu Yên Đổ, thiệt là cao kiểng, nhìn xa thấy rộng. Cũng làm thầy bói như ai mà hai ông xưng là giáo sư hết ráo. Hai chữ giáo sư mới thiệt là phải thể. Tài giỏi như mình mà không xưng là giáo sư như hai ông, thì xưng bằng cái gì bây giờ...

Cô gái có hơi lúng túng:

— Thưa giáo sư, con nghe mấy con bạn của con nói lại là giáo sư coi bói hay thiệt là hay...

Ông thầy bói... à không, ông giáo sư thích chỉ ra mặt. Ông lại cười. Lần này, ông không cười mỉm chi nữa, mà ông há họng, nụ cười tét bét tới tận mang tai, đưa ra cả hai cái hàm thiếc răng giả.

Ông thấy không cần phải khiêm nhượng:

— Tôi mà đã coi thì không sai chạy vô đâu được hết. Bởi coi giỏi như vậy, tôi đâu cần phải quảng cáo trên báo. Nội thiên hạ đồn đãi không thôi, khách tới rần rần, tôi coi đã không kịp. Cô thấy không, cô phải hẹn trước ba ngày tôi mới coi cho cô đó chứ...

Cô gái nhìn ông giáo sư bằng một đôi mắt đầy khâm phục. Rồi, cô bỗng ngập ngừng bối rối:

— Thưa giáo sư, mấy con bạn của con nói, đã không coi thì thôi, một khi đã coi, giáo sư sẽ nói huých tét ra hết, không cần giấu giếm một điều gì.

Ông giáo sư đưa tay sửa lại gọng kiếng một lần nữa. *Cái gì kỳ vậy?*

Coi bộ con này, đã đi coi bói, mà lại sợ thầy bói nói hết mọi sự trắng đen. Hay là trong bụng dạ của nó có nhiều điều khuất lấp riêng tư, mà nó không dám để cho thằng nhân tình nhân ái này biết?

Ông lại mỉm cười. Cặp mắt của ông tròn to, nhìn chăm chăm vào mặt cô gái, làm như ông đang mở "cặp kiếng chiếu yêu" để thấy suốt tim đen hay phèo phổi ruột gan, dồi trường lá mía của thân chủ. Ông cười hề hề. *Lo chi mà lo quá vậy, con? Chuyện vị lai, quá khứ nào thầy có biết mầu gì đâu, mà con sợ thầy nói huých tét ra! Chẳng qua thầy dòm mặt mà đoán mò thôi. Đoán mò nhưng mười chuyện cũng chắc ăn được chín chuyện. Có cái gì lạ đâu! Đã bước chun tới đây, ai mà lại không gặp chuyện rắc rối; không gia đạo bất hoà, tình duyên lận đận thì công cuộc làm ăn cũng bị trì trệ, thất bát. Đang êm đềm hạnh phúc, làm ăn tấn tới, ai bước chun tới cửa thầy bói làm gì! Cứ "coi mặt mà bắt hình dong" rồi chịu khó gọt một mấy câu, nhiều khi chuyện của ai, người đó khai ra hết, rồi nhân đó mà khuyên giải hay cổ vũ vài câu theo kiểu vô thưởng vô phạt, tiền bỏ túi rảnh rác, thân chủ cứ luôn miệng khen hay... chứ bói bung gì...*

Mặt ông giáo sư bỗng nghiêm hẳn lại. Ông nói như đinh đóng cột, như "hai thúng vô một gĩa":

— Tôi vì muốn giúp đời nên mới chọn cái nghề này. Cô cũng nghe cái câu "thiên cơ bất khả lậu" rồi chứ? Cơ trời huyền bí, kẻ nào cả gan dám tiết lộ sẽ bị quả báo nhơn tiền. Tôi đã dám chấp nhận tiết lộ thiên cơ, không sợ quả báo, thì còn cái chuyện gì nữa mà tôi phải sợ! Bởi vậy, cần nói cái gì, tôi nói hết...

Nghe ông giáo sư tuyên bố một câu xanh dờn như vậy, cô gái hết hồn. Mặt cô đánh phấn trắng, phấn hồng, hai lớp nên chẳng biết có xanh có tái không, nhưng mặt cô dớn dác thấy rõ. Cô liếc qua anh chàng thanh niên bên cạnh. Anh này có vẻ lơ đãng, làm như cái chuyện đi coi bói này, đối với anh,

chỉ là miễn cưỡng.

Vừa lúc đó, có một người khách nữa bước vào phòng. Đúng ra, người khách này bước chun vô phòng ngay vào cái lúc ông giáo sư hùng hổ nói về cái sự dám "tiết lộ thiên cơ" của ông. Mọi người chỉ để ý đến người khách mới tới khi ông này lên tiếng:

— Ông nói đúng đó. Thiên cơ, ông còn dám cả gan đọc ra vanh vách thì có cái gì mà ông sợ nữa! Chuyện nhà chuyện cửa của người ta mà ông nói còn hơn ma xó. Trước mặt bà xã tui mà ông còn dám nói cái chuyện mèo mỡ lung tung của tui mà. May mà chuyện đó ở quá khứ xa lắc xa lơ nên bà xã tui mới không nổi lửa đốt nhà.

Ông khách đứng sau lưng cặp thanh niên nam nữ. Hai người này



không thấy nụ cười và những cái nháy mắt của ông. Nhưng ông giáo sư thì thấy hết. Ông vội tăng hăng một tiếng lớn. Ông giới thiệu khách cho hai người thân chủ bằng một lối đặc biệt:

— À, cô cậu có nghe tiếng ông thầy Đỗ Trọng đây không? Ông là một ông thầy châm cứu giỏi độc nhất vô nhị trên cõi đời này. Chỉ cần một mũi kim trong tay, bệnh gì ông chữa cũng hết.

Rõ ràng ông giáo sư này không công bình một chút nào hết. Làm thầy bói mà ông bắt người ta kêu bằng giáo sư. Còn giới thiệu ông Đỗ Trọng thì ông không kêu bằng giáo sư, mà lại kêu bằng “thầy châm cứu”.

Chẳng biết có để ý tới điều này không, ông Đỗ Trọng cười hề hề:

— Mỗi người một nghề mà. Bên khoa tử vi bói toán, ông giỏi tới đâu, thì bên Đông y châm cứu, tôi giỏi tới đó...

Nói xong, ông tới một góc phòng, kéo một cái ghế tới ngồi gần ông giáo sư. Một “sư” một “thầy” ngồi gần nhau, nhưng không đặt đề huề cho mấy, bởi vì ông Đỗ Trọng cao lẳng khổng mà lại ốm tong teo. Tuổi tác hai người cũng trạc cỡ như nhau, nhưng mái tóc của ông Đỗ Trọng còn đen rức. Còn nói về diện mạo bên ngoài, thì mặt mày ông Đỗ Trọng lúc nào cũng vui vẻ, cười cợt, trong khi cái mặt của ông giáo sư thì đăm chiêu, nghiêm trọng đặng đặng.

Cô gái có vẻ nôn nóng. Cô hết liếc chàng thanh niên bên cạnh lại liếc tới ông thầy châm cứu. Cô hơi ngại ngùng khi thấy tự nhiên có người lạ ngồi chần vắn ở trước mặt, nghe những điều quá khứ, vị lai mà ông giáo sư sắp phán ra về cuộc đời của cô.

Làm như đoán biết được tâm trạng của cô gái, ông giáo sư chậm rãi:

— Nào, bây giờ chúng ta tiếp tục... Cô đừng ngại gì hết. Có ông thầy đây càng tốt. Ông sẽ làm chứng những điều tôi sắp coi cho cô. Mai mốt mà có điều gì không

ứng nghiệm, cô chỉ cần kêu ông ra...

Cô gái có hơi ngập ngừng:

— Thưa giáo sư, con muốn nhờ giáo sư coi về chuyện gia đạo... nhưng con không có biết ngày sanh tháng đẻ...

Ông giáo sư đập mạnh một bàn tay xuống mặt bàn, trong khi cặp mắt ông trợn lên thò lổ. Ông biểu lộ một thái độ vừa cực kỳ ngạc nhiên vừa có vẻ giận dữ. Ông hăm hừ:

— Cái gì? Cô đi xem tử vi mà cô lại nói là không biết ngày sanh tháng đẻ. Tới ngày sanh tháng đẻ của cô mà cô còn không biết, vậy thì cô tới đây làm gì?

Cô gái bối rối dữ. Cô rút bàn tay ra khỏi tay của người thanh niên. Cô xoắn hai tay cô vào nhau. Giọng cô trở nên sợ sệt:

— Như vậy... là coi không được?

Ông giáo sư lắc đầu nhẹ nhẹ. *Hừ nó bao nhiêu đó đủ rồi. Hừ một hồi nữa, nó đứng dậy đi về thì thiệt là hỏng quẻ, mất ăn. Coi cái bộ điệu dớn dác của nó kìa! Móc hầu bao của nó bao nhiêu mà không được!*

Ông dịu giọng:

— Như vậy thì không phải. Đâu phải tôi chỉ biết có một khoa tử vi không thôi. Biết có một món, làm sao thiên hạ tôn tôi lên làm giáo sư! Xem chỉ tay, bói bài, đoán tướng diện, xử quẻ dịch, nham cầm độn toán, dương cơ âm trạch gì, tôi cũng rành hết.

Ông hất mặt lên, quả quyết:

— Không coi tử vi được thì ta dùng khoa khác.

Ông hỏi chắc nịch:

— Nào, bây giờ cô cậu muốn biết cái gì nào?

Làm như chợt nhớ ra, ông quay qua người thanh niên:

— Cô không nhớ thì lấy ngày sanh tháng đẻ của cậu để lập lá số cũng được...

Cô gái vội vàng chặn lại:

— Dạ, ảnh cũng không biết luôn.

In tưởng như sợ ông giáo sư lại giận dữ nữa, cô gái vội vàng giải thích:

— Tại hồi đó, ảnh sanh ở dưới quê, không có làm khai sanh. Tới tuổi đi học mới làm, lại khai sứt

tuổi mới ghi tên vô học được. Rồi vượt biên qua tới đảo, ảnh khai sứt tuổi nữa... Thành ra ảnh đâu có nhớ ngày nào là ngày sanh thiệt của ảnh.

Ông giáo sư có vẻ ngán ngẩm. *Thiệt là xứng đôi vừa lứa. Không phải chỉ đồng thanh đồng thủ ở chỗ trai giang hồ, gái quốc sắc không thôi, mà còn xứng với nhau ở cái tính đĩnh đoảng vô vị nữa. Cái ngữ này có làm cái gì cho nên thân...*

Không muốn mất thời giờ hơn nữa, ông nói như ra lệnh:

— Thôi, cô đưa tay đâu, tôi coi chỉ tay cho. Nam tả, nữ hữu, cô đưa tay mặt ra.

Cô gái rụt rè đưa bàn tay mặt ra. Ông giáo sư vội cầm lấy bàn tay của cô gái kéo về phía ông. Mới liếc sơ qua một cái, ông đã tuyên bố ngon lành:

— Tánh cô cứng đầu phải biết. Coi nè, đường sanh đạo và đường trí đạo đang ra cả khúc như vậy nè. Dịu ngọt với cô thì biểu gì cô cũng nghe, chớ còn cứng cổ với cô hả, cỡ nào cô cũng chống tới cùng. Hồi nhỏ, cô tha hồ mà bị ăn đòn, mà càng bị đánh, cô càng lì lợm...

Cô gái nhìn ông giáo sư bằng một đôi mắt khâm phục, mặc dù cô chưa kịp nhớ lại là hồi nhỏ có “tha hồ bị ăn đòn” như ông giáo sư vừa phán hay không. Cô khoái chí, vì giống như hầu hết các cô gái khác, cô thích được người khác cho rằng cô cứng cổ, cô lì lợm. Đã mang tiếng là phái yếu rồi, không cứng cổ lì lợm thì... yếu xiu thiệt sao!

Cô liếc qua chàng thanh niên một cái bèn ngót, in tưởng như muốn nói rằng, “ta cứng cổ, lì lợm, tới ông giáo sư còn phải công nhận như vậy đó. Đừng hòng giở giọng càn chớn sai biểu, nạt nộ ta. Ta mà nổi máu lì lên thì chỉ có nước chết!”.

Ông giáo sư mân mê bàn tay cô gái một hồi, rồi phán tiếp:

— Cô là người sống bằng nội tâm.

Mặt ông hơi cúi xuống, nhưng cặp mắt của ông hơi nhướng lên. *Nội tâm cái mà ông nội tui chớ nội tâm! Tóc thì lùm xùm như bị quạ*

mổ. Mặt mũi thì phấn son than chì rần rục. Còn áo quần màu mè tú tung, đồ thì đồ hoét, vàng thì vàng khè, mà tím thì tím rịm. Người đi đường người, của đi đường của như vậy thì chỉ biết sống xô bồ xô bộn ở bề mặt, chứ nội tâm cái gì! Nhưng, đồn bà con gái mà, ai lại không muốn cho người khác nghĩ là mình chuyên sống về nội tâm. Nhiều bà, nhiều cô không hiểu hai chữ "nội tâm" là cái gì nữa, đôi khi còn lăm lăm giữa "nội tâm" và "nội thương", nhưng nghe nói mình sống nội tâm cũng khoái tĩ như thường... Đó, coi cái mặt rạng rỡ như trúng lô độc đắc của nó đó, thử coi tui nói có thật chỗ nào đâu nà...

Người thanh niên, từ thủy tới chung không hề mở miệng, bỗng tăng hắng một tiếng. Ông giáo sư liếc xéo qua người thanh niên một cái, với hy vọng sẽ bắt gặp một vài diễn biến trên khuôn mặt của anh ta. Nhưng ông thất vọng. Mặt của anh vẫn cứ trơ trơ như tấm thớt me. Cô gái, hai mắt đong đưa âu yếm, nắm lấy bàn tay của người thanh niên bóp mạnh.

Đang trở tài coi chỉ tay, ông giáo sư bỗng đổi qua bộ môn coi tướng ngang xương, không cần báo trước:

— Cái miệng của cô, theo Ma Y thần tướng, thuộc vào loại Đào Hoa Khẩu, cười một cái cũng đủ nên cửa nên nhà, mà lại làm cho bao nhiêu người chết mê chết mệt. Còn cặp mắt của cô hả, người ta nói "nhất cổ khuynh nhân thành, tái cổ khuynh nhân quốc", ông Nguyễn Du dịch khéo là "một hai nghiêng nước nghiêng thành", là cặp mắt này đây.

Cô gái toét miệng ra cười. Cặp mắt của cô đong đưa hơn và bàn tay của cô xoắn xuýt lấy bàn tay của người thanh niên nhiều hơn. Ông thầy châm cứu cũng cười, nhưng ông cười kín đáo, mặt cúi xuống.

Ông giáo sư gật gù. *Cái miệng của con là miệng cá ngạo, miệng ống thổi lửa, chứ hoa đào hoa diếc con mẹ gì. Cái miệng đó thuộc về loại miệng tan hoang của nhà, chứ*

nên nhà nên cửa cái gì, nhưng nói thiệt ra làm vậy, làm sao con khoái chỉ từ mà mở rộng bóp dằm. Còn cặp mắt của con hả, chắc cũng đâu có thua gì mắt của mấy cái con Điều Thuyền, Đắc Kỷ hay là Bàng quí phi...

Người thanh niên lại tăng hắng một cái nữa. Lần này thì mặt anh ta thoáng cau lại, ra vẻ có hơi bức bối, nóng nẩy. Cô gái đảo mắt nhìn qua rồi khe khẽ gật đầu.

Cô hỏi một cách đột ngột:

— Con với nhà con tính ly dị, xin giáo sư coi giùm con có được không?

Ông thầy châm cứu ngẩng đầu lên. Ông giáo sư tròn tròn hai mắt, miệng há hốc. Lần này không phải ông đóng kịch, ông ngạc nhiên thật tình. *Trời đất, chuyện gì kỳ vậy? Té ra từ nãy tới giờ, mình đoán trật lất hết rồi sao? Tưởng đâu tui nó là một cặp nhơn tình nhơn ngãi đang tính chuyện hôn nhơn, té ra tui nó là vợ chồng ruột với nhau rồi. Ai mà có dè được, trước mắt mình, tui nó đang xun xoe quần quít "chặt không đứt, bứt không rời" như vậy, mà trong bụng tui nó lại tính chuyện ly dị với nhau. Chắc ông trời có xuống tới đây cũng không hiểu nổi.*

Ông giáo sư hấp tấp:

— Tại sao lại ly dị? Trông cô với cậu thiệt là xứng đôi xứng cặp, đang sống tràn trề hạnh phúc, tại sao lại tính chuyện chia lìa?

Cô gái phát biểu có hơi khó khăn:

— Thưa giáo sư, thấy bề ngoài thì vậy đó, nhưng bên trong thì chuyện ai nấy biết. "Có nằm trong chăn mới biết chăn có rận". Tui con coi vậy chứ không được ấm êm hạnh phúc như ai nấy tưởng.

Ông giáo sư lắc đầu. Tuy tánh tính vốn trệt búa, trệt bàn đập, ba trệt bốn vuột từ hồi còn nhỏ, tuy thuộc loại "bán trời không mời thiên lôi", tuy "ăn đường sống, nói đường gió" nhưng ông cũng còn "nhứt điểm lương tâm". Chuyện vợ chồng của người ta, con không lành canh không ngọt, người ta đã

hỏi tới mình, xe vô còn không hết, chứ nỡ lòng nào mình lại nói ra. Không nói cho vợ chồng tui nó hoà thuận lại với nhau thì thôi, có gì mà lại thọc gậy bánh xe thêm vô cho tui nó phải chia lìa. Với lại, cứ cái điệu bộ nhìn nhau, cầm tay nhau của tui nó, chứng tỏ tui nó còn yêu thương nhau quá trời quá đất. Đây chắc chỉ là giận quá mất khôn, tự ái không nhằm chỗ trong chốc lát thôi. Thôi thì mình cũng làm phước khuyên giải ít câu cho tui nó huề với nhau

thứ tha người, nghe em

gửi Trịnh Thu Hiền

Xuân ca trong lòng nhỏ
Những nụ xanh nảy chồi
Theo ta, đời lỡ dở
Theo tình như mây trôi

Nhỏ xuân hồng hơn hở
Mắt ủ mộng chân trời
Ngực thơm hương cốm mới
Run nhẹ nhẹ xuân phơi

Ta cuối trời lang bạt
Chút hạnh phúc ngõ ngang
Chia hai đời khốn khó
Vết thương hồng ai mang

Nụ hôn đầu có vội
Cũng thơm hoài trên môi
Mắt ngượng ngùng bối rối
Đâu dễ gì người ngoại.

Mùa xuân cây lá nở
Con sâu tình vô duyên
Cẩn ngún chồi xuân mộng
Những nẻo nề oan khiên

Tên tội đồ khốn khổ
Ôm cuộc tình thâm niên
Nhỏ theo ta trắc trở
Thứ tha người không em?

Mùa xuân Garden Grove
Hay Sài-gòn-phố-nhỏ
Nhỏ có nuôi lòng chờ
Một ngày cho hội ngộ
Ước mơ hồng xuân xưa?

lê thụy vi

cho rồi...

Ông làm ra điệu bộ thiệt là nghiêm trọng:

— Việc vợ chồng là việc hệ trọng, là chuyện của cả đời người. Cô với cậu đây đều còn trẻ, sống gần bên nhau ắt không khỏi, đôi khi, có những va chạm, có điều khẩu thiệt với nhau. Nhưng người ta nói *thương nhau lắm, cần nhau đau*, càng có xích mích va chạm, càng yêu thương nhau hơn. Cô với cậu có điều gì không được bằng lòng như ý, thì nên nhỏ nhẹ nói cho nhau nghe, để vợ chồng thông cảm nhau, mà xây dựng hạnh phúc lâu bền với nhau.

Người thanh niên rọ rạc cặp mông, bất ngờ lên tiếng:

— Ông coi giùm, có ly dị được hay không?

Mặt ông giáo sư thoáng cau lại. *Thằng này thiệt là vừa hỗn hào vừa đáo để. Nói với mình mà nó không thèm thưa gửi gì hết! Không nói hết ý, nhưng nó muốn cho mình biết rằng nó tới đây là để coi bói chứ không phải để nghe mình khuyên. Được rồi, mày muốn coi thì để thầy*

coi cho...

Ông lắc đầu một cách cương quyết:

— Ý cô làm sao tôi không biết, nhưng cứ trên chỉ tay của cô, kết hợp giữa đường tâm đạo và đường sanh đạo, cô không có ly dị được đâu.

Mặt cô gái xiu xuống ngó thấy, lộ một vẻ thất vọng chán chường. Cô còn cố níu kéo:

— Xin giáo sư coi kỹ lại giùm, coi được hay không được.

Ông giáo sư dứt khoát:

— Không ly dị được. Nhứt định không được...

Cô gái chớp mắt muốn khóc. Tay cô càng nắm chặt tay chàng thanh niên hơn.

Ông thầy châm cứu, ngồi im cả buổi, bỗng cười nhẹ. Ông phán ra một câu xanh đờn, chắc ăn hơn cả ông giáo sư thầy bói:

— Được chứ sao lại không được! Bói là khi nào trong bụng mình nghĩ thì mình mới bói. Còn trong bụng cô cậu đã quyết thì bói làm gì, quẻ đâu có linh. Tốt nhứt là bây giờ cô cậu đã quyết làm sao thì

cứ vậy mà thi hành...

Mặt cô gái trở nên hớn hờ, tươi rói. Cô móc bóp để vội tờ giấy bạc năm chục trên bàn và kéo người thanh niên đứng dậy. Cái chào của cô đối với ông thầy châm cứu có vẻ sâu hơn cái chào đối với ông giáo sư.

Đợi cho cặp thanh niên nam nữ đó đi khuất, ông thầy bói cần nhẩn:

— Bộ anh muốn phá công chuyện làm ăn của tui hay sao mà nói kỳ cục như vậy?

Ông thầy châm cứu cười hi hi:

— Nè, đừng giận vội ghen. Mỗi quẻ bói của anh chỉ có hai mươi lăm đồng. Nhờ một câu của tui, anh được tới năm chục. Chưa chia cho tui được đồng nào mà anh còn giận tui nữa hả?

Ông thầy bói vẫn còn hăm hừ:

— Ai biểu tự nhiên mà anh khuyên người ta một cách tổn âm đức như vậy! Tui nó đang khẳng khít, tại sao lại nói ra cho chia lìa?

Ông thầy châm cứu bật cười ha ha:

— Cha mà cũng sợ tổn âm đức nữa hay sao, cha nội?

Ông chợt nghiêm lại:

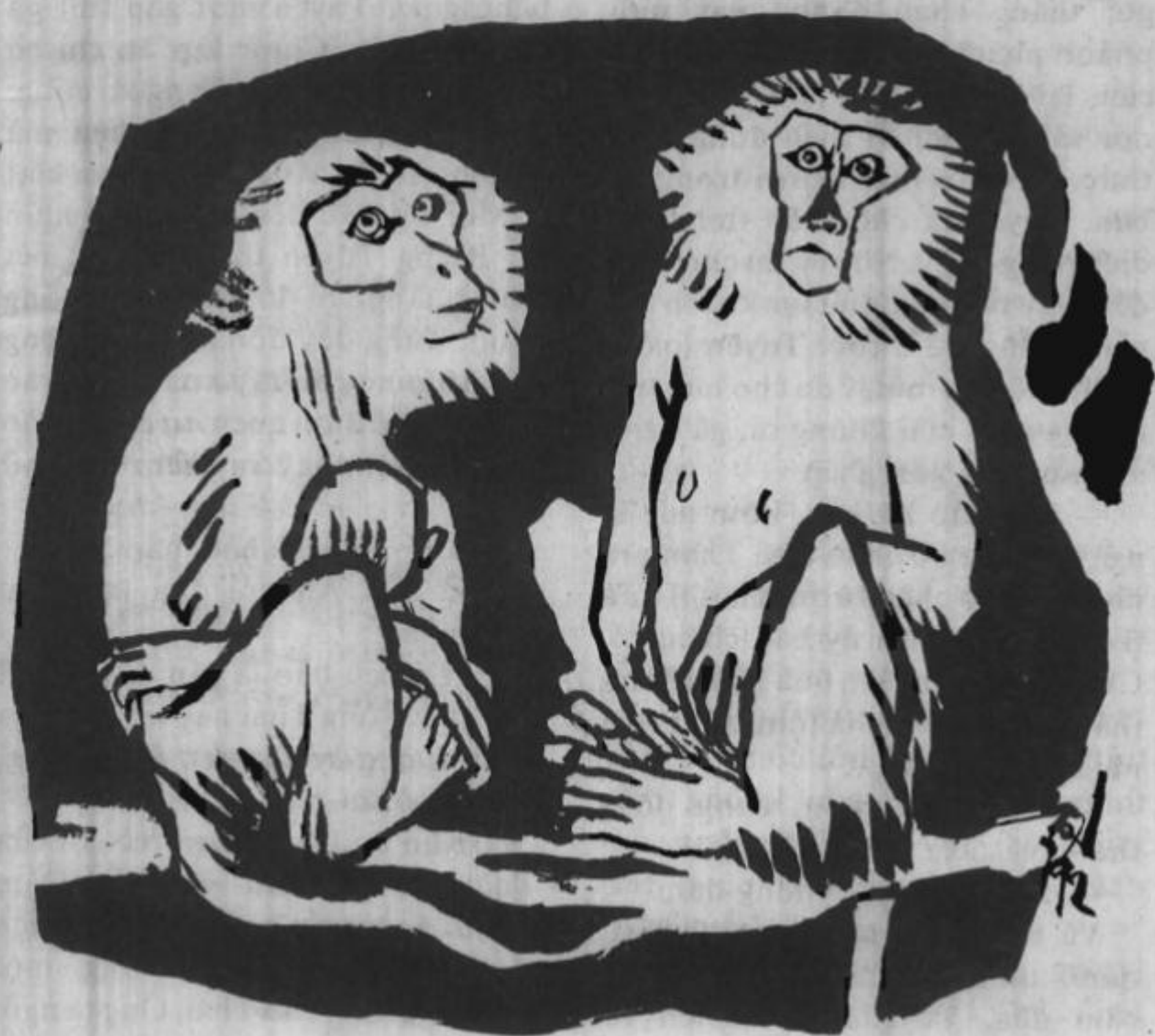
— Ông thiệt là có mắt không trông. Ông tuyên bố chắc ăn là chuyện quá khứ vị lai gì ông cũng rành hết trọi, nhưng chuyện sờ sờ trước mắt đó, ông có biết đánh gì đâu!

Ông hất mặt lên một cách ngịch ngợm:

— Bộ ông tưởng hai đứa nó là vợ chồng với nhau thiệt sao?

Mặt ông thầy bói ngớ ra. Ông thầy châm cứu tiếp liền:

— Điều bộ tui nó nhổng nhảnh với nhau như vậy mà ông nhìn không ra sao? Thằng chồng mà nó muốn ly dị, nó để ở nhà kia, chứ đâu phải là thằng này. Rõ ràng là nó đang tính bỏ chồng để lấy thằng nhân tình này mà. Cái kiểu của nó như vậy, có khuyên tới ráo bọt mép cũng không ăn nhằm gì đâu! Tốt hơn hết là phán một câu như tui, nó vừa ý cả mười mười, mà mình được năm chục đồng. Như vậy không ngon hơn sao? □



Bên Hành-Lang Tòa-Án

Nguyễn Ngọc Ngạn

Ba người đến cùng một lúc. Đi đầu là Ấu, chủ tịch Phường, dáng thấp và béo, mặt tròn như cái đĩa. Các bà tin tưởng số thường bảo Ấu có tướng ngũ đoản "bỏ rọ cũng không sợ chết đói". Cũng có thể là "lục đoản", nghĩa là cái gì trên thế thể gã cũng ngán cả! Bên cạnh Ấu là Đình, ủy viên thư ký, cán bộ thường trực giải quyết những vấn đề hành chính của Phường. Đình người tầm thước, lưng hơi khòm, má hóp, da ngăm đen, mái tóc dài vén lên hai bên tai lúc nào cũng thấy âm ẩm như lâu lắm không gội đầu. Theo sau Ấu và Đình là phó chủ tịch Hải, người có nét mặt hiền lành, mang tật bẩm sinh đầu hơi nghiêng về phía trái và đôi mắt thường xuyên hấp háy như có lông quặm. Cả ba cùng mặc sơ-mi trắng ngắn tay, quần tây xanh đậm và riêng Ấu còn đi giày, thất cà-vạt bởi vừa công tác trên quận về.

Từ trong nhà, Tuyên lao ra, hai bàn tay sẵn sù xoa mãi vào nhau, niềm nở đón:

— Rước các anh vào xơi cơm. Cả nhà đang đợi!

Ấu vui vẻ đáp lại:

— Cứ tưởng là không về kịp. Ông Canh níu mãi, bảo ở lại đánh tổ tôm. Tôi phải nói dối là về họp Phường.

Tuyên đưa tay:

— Vâng. Không có anh thì mất vui.

Dăm ba người đến trước đang

ngồi trong nhà, lơ nhơ đứng dậy, mỗi người hỏi một câu. Rồi không chờ Tuyên mời lần thứ hai, tất cả tự động leo lên phản, chia nhau ngồi xếp bằng quanh mâm cỗ thịnh soạn. Hai đĩa thịt gà luộc vàng ngậy, phủ lớp lá chanh thái nhuyễn. Giò lụa, xôi gấc. Giò lợn ninh măng khô. Lòng gà xào mướp. Cá chép rán, tương gừng. Món nào nhìn cũng đẹp, ăn cũng ngon. Tuyên xách chai rượu Mỹ từ trong buồng ra, trịnh trọng đặt trước mặt Ấu rồi gọi thằng cháu đang quạt ruồi phành phạch bên cạnh nồi chè hoa cau, lại đứng trước mặt Tuyên để nói vài lời phi lộ theo đúng nghi thức. Đối với mọi người trong ủy ban, Tuyên là chỗ thân tình giao dịch hàng ngày. Nhưng dù cho thân đến mấy thì thân, thủ tục khách sáo vẫn không bỏ được. Tuyên loay hoay tìm một lý do cho bữa tiệc nhưng nghĩ mãi không ra, gã đành miễn cưỡng gán ghép:

— Báo cáo ủy ban, hôm nay là ngày kỵ của bố cháu đây. Thành ra nhà cháu có chén rượu nhạt, tí dưa tí muối, xin mời ủy ban chiêu cố. Chả mấy khi ủy ban quá bộ lại chơi, thật là rỗng đến nhà tôm, xin cứ tự nhiên như ở nhà...

Sáu bảy cái mồm cùng đồng thanh cất lên:

— Không dám! Không dám!

Và trong khi miệng nói "không dám" thì mọi bàn tay đều sột soạt cầm đũa. Tuyên vỗ nhẹ lên vai

thằng cháu, đuổi nó đi chỗ khác chơi cho người lớn nói chuyện. Rồi gã kéo cái ghế đầu lại gần phản, khép nép ngồi xuống ngay bên cạnh nồi cơm gạo tám thơm trắng toát. Bữa tiệc hôm nay Tuyên mượn nhà đứa cháu, thết đãi ủy ban nhân dân phường Bạch Mã vì có việc quan trọng cần nhờ vả. Việc ấy, cả ủy ban đều đã biết, đó là lá đơn xin ly hôn mà Tuyên nộp cho Ấu cách đây sáu tháng, cần được Phường giúp đỡ giải quyết trước khi chính thức đưa lên tòa án nhân dân Quận thụ lý. Cho Tuyên ly hôn với vợ thì quá dễ, vì cả hai đều chẳng muốn nhìn mặt nhau nữa. Nhưng cái phức tạp nằm ở phần phân chia tài sản, bởi vợ chồng Tuyên hiện đang làm chủ căn nhà xây mà cứ tính theo thời giá thì ít lắm cũng phải hơn mười lượng vàng. Đó chính là lý do Tuyên phải đi đôn ngấm, len lén bàn tính với lãnh đạo Phường tại nhà thằng cháu để vợ khỏi biết.

Thực khách bắt đầu động đũa. Tuyên khép nép ngồi nhìn, kiểm tra toàn bộ xem có thiếu thứ gì cần thiết chẳng. Thỉnh thoảng gã lại ngoái cổ nhìn ra sân. Chờ Ấu lên tiếng giục, Tuyên mới gấp thịt gà đặt vào bát. Chưa kịp ăn thì có tiếng nói oang oang từ ngoài cổng:

— Phơi đồ, phơi lạc, liệu mà khuôn vào đi. Mưa đến nơi kia kìa!

Mọi cái đầu đều ngẩng lên nhìn ra. Riêng Tuyên thì tươi hân nét mặt, quăng vội đôi đũa sơn xuống mâm, đứng dậy đón khách. Miệng nở sẵn nụ cười, tay xoa lia lịa vào nhau theo thói quen từ thuở vào đời, Tuyên chạy ra thêm hơn hớ nói:

— Cả nhà chờ bác mãi!

Chủ tịch Ấu nói đùa một câu nhạt nhẽo:

— Các cụ bảo là "ăn đi trước"! Chỉ có cái ông Thái này thì bất luận ai mời, ông ấy cũng cứ dềnh dàng, bắt người ta phải đợi!

Tuyên đưa tay đỡ cái xà-cột của Thái, đặt ở đầu giường. Đám người ngồi trên phản tự động xích lại gần nhau để nhường một khoảng trống cho Thái. Ông ta ngồi

ngay bên cạnh Ấu, bưng cốc rượu của chủ tịch Phường nhấp một chút, nhả mặt thở khá thật mạnh rồi gắp vội miếng giò lụa ngồm ngoàm nhai. Ngay sau đó, ông gác đôi đũa lên mặt bát, nhào người véo một nắm xôi, dùng mấy ngón tay viên lại cho chặt như cơm nắm, đưa lên mồm cắn từng miếng rất gọn ghẽ. Đầu ông gật gù, ánh mắt lim dim tận tình thưởng thức. Ông lặp đi lặp lại những động tác gọn ghẽ ấy đến ba bốn lần, miếng nhai không lúc nào ngừng, cho đến khi dạ dày đã lưng lửng, ông mới khoan khoái bảo mọi người:

— Biết là chiều nay có bữa cỗ ngon, thành ra nhịn từ sáng đến bây giờ!

Vài giọng cười lẽ loi cất lên vì

tưởng đó là câu khôi hài của Thái. Trong bất cứ đám đông nào, tiếng nói của Thái cũng được người ta dành cho nhiều chú ý. Lý do giản dị vì Thái là một đảng viên lớn tuổi lại tỏ ra thông thạo nhiều vấn đề và ăn nói có đầu đuôi ngọn ngành. Mặt Thái xương xương, má hơi hóp và cái trán quá cao làm cho mặt gã trông dài hẳn ra. Thái nhuộm tóc, nhưng vì thiếu chăm sóc đều đặn nên lúc nào cũng khoe ra một mảng màu trắng sát da đầu. Các đồng chí nể Thái là vì tất cả những chức vụ quan trọng ở Phường, bên Đảng ủy cũng như bên chính quyền Thái đều đã từng nắm giữ. Một dạo trên Huyện thiếu người, gã lên công tác hai năm ở phòng Thông tin Văn hoá rồi lại trả về Phường để Thái ra

làm chủ tịch. Gã ngồi ghế ấy cho đến năm 87 thì xin nghỉ hưu ở tuổi mới ngoài năm mươi vì chứng phong thấp hành hạ thường xuyên. Uống thuốc Nam, thuốc Bắc và châm cứu khoảng một năm, bệnh giảm hẳn, Thái lại quay ra làm việc ở hợp tác xã sản xuất đồ gỗ. Người như thế, nói chung, mặt nào cũng biết, tuy chẳng có thứ nào đến nơi đến chốn.

Năm kia, triển khai nghị quyết của Đảng đưa xuống là bất cứ cuộc bầu cử nào, dù trong nội bộ Đảng ủy cũng như Ủy ban nhân dân, đều phải phát huy cho được tính dân chủ và tính truyền thống để phù hợp với chính sách đổi mới của nhà nước, Thái đã đưa ra một sáng kiến rất hay mà các đồng chí trong chi bộ đều cảm phục. Đảng viên ở Bạch Mã khá đông, nhưng cấp ủy chỉ thị lấy có bảy người. Giá cứ như thông lệ thì bầu cử chỉ là hình thức chiếu lệ, chưa bầu đã biết trước những ai sẽ là Đảng ủy viên lãnh đạo Phường. Đảng ủy cần bảy người, luôn luôn chỉ có bảy ứng cử viên tiền chế vốn là những khuôn mặt quen thuộc muôn đời không thay đổi. Nhưng đây là chuyện thời trước. Bây giờ đổi mới thật rồi, không thể như thế được. Thái giải thích chính sách một cách khoa học và cụ thể trong cuộc họp riêng với các đồng chí cấp ủy:

— Trên chỉ thị phải nêu bật được tính dân chủ và tính truyền thống. Năm nay, ta lấy bảy đồng chí vào cấp ủy. Nếu ta chỉ đưa ra bảy người ứng cử tức là thiếu dân chủ. Xin chi ủy cho tôi cùng ứng cử, nhưng các đồng chí vận động anh em đừng bỏ phiếu cho tôi. Tôi già rồi, báo cáo các đồng chí là không kham nổi việc Đảng nữa đâu. Tôi ứng cử chỉ cốt để chi bộ thấy ta có tám người mà chỉ chọn lấy bảy thôi. Như vậy khi báo cáo lên Quận, Quận mới thấy là ta đảm bảo được tính dân chủ!

Mọi cái đầu đều gật gù nhất trí và nhìn Thái bằng cặp mắt hết sức ngưỡng phục. Thái lại tiếp:

— Nhưng dân chủ chưa đủ. Trên còn chỉ thị ta phải có tính truyền



thống nữa. Thế nào là tính truyền thống? Nghĩa là không lệch lạc, không chao đảo, không thể để kẻ địch len lỏi vào mà phá hoại công cuộc đổi mới của ta. Cho nên để phát huy tính truyền thống thì tất cả những đồng chí nào đang là Đảng ủy viên, năm nay bầu lại, ta cứ giữ nguyên những đồng chí ấy. Nếu ta thay đổi tức là không phát huy được tính truyền thống của cách mạng, trái với chỉ thị của trên!

Mọi khuôn mặt ngồi nghe Thái nói lại càng gật đầu mạnh hơn và nhiệt liệt biểu dương kiến thức lỗi lạc của Thái. Chính vì thế, trên giấy tờ, Thái tuy chỉ là một cán bộ hưu trí, nhưng trong thực tế, tiếng nói của Thái có sức nặng chỉ đạo mà mọi đảng viên đều tin tưởng và dễ dàng nghe theo.

Nhưng trong tất cả những vai trò khác nhau mà Thái đã kinh qua thì lãnh vực luật pháp mới thật là sở trường của Thái. Vào những năm trước đây, tuy tư pháp hoàn toàn tập trung trong tay hành pháp, nhưng mỗi khi một bị cáo ra trước toà án nhân dân, chính quyền đều có đề cử một người của Đảng đóng vai trò luật sư biện hộ để phạm nhân khỏi cảm thấy cô đơn trước vành móng... lợn! Thái chính là vị trạng sư quen thuộc của phường Bạch Mã, đứng về phía nhân dân mà bênh vực bị cáo. Thái nổi tiếng rất nhanh nhờ gặp bất cứ ai phải ra toà, gã cũng đều khuyên một câu chí tình:

— Trong chế độ ưu việt của ta, thì cách bào chữa hay nhất là nhận tội và xin khoan hồng!

Nếu có người bướng bỉnh cãi lại rằng họ không thể nhận được vì họ vô tội thì Thái lại càng tha thiết hơn:

— Không có tội mà cứ mạnh dạn nhận tội thì càng chứng tỏ mức độ thành khẩn cao hơn! Đừng nói lời thôi gì cả. Cứ nhận đi!

Sau này, khi Nguyễn văn Linh công bố chính sách đổi mới, cho phép luật sư đoàn thành hình và hành nghề lại tại miền Nam, thì thiên hạ cũng bắt đầu gọi Thái là

trạng sư một cách nửa đùa nửa thật và thậm chí nhiều người trong Phường còn tìm đến xin gặp Thái mỗi khi có điều cần tham vấn về những khúc mắc trong pháp lệnh nhà nước xã hội chủ nghĩa mà thực sự Thái chỉ biết rất sơ sài.

Một trong những thân chủ đang nôn nóng trao đổi với Thái là Tuyên. Ăn xong bát cơm thứ nhất, Tuyên nhìn Thái, nhập đề:

— Đơn của em chả biết đến bao giờ toà mới xử, bác nhỉ?

Bàn tiệc đang ồn ào nói chuyện, không ai bảo ai, nhất loạt im lặng để chờ câu trả lời của Thái. Gã đang mút cái chân gà, buông tạm xuống mâm, tợp một ngụm rượu rồi vênh mặt giảng:

— Câu hỏi thế tức là cậu chả biết cái gì cả!

Tuyên bèn lên:

— Thừa thật với bác và các anh đây, em sốt ruột quá! Còn ở ngày nào với con ranh ấy, em còn khổ! Chỉ mong toà cho ly hôn dứt khoát cho rảnh nợ!

Thái đồng ý:

— Sốt ruột đến mấy cũng không được! Phải đúng thủ tục pháp lý. Cậu tưởng vợ chồng cứ muốn bỏ là bỏ ư?

Tuyên ngạc nhiên:

— Ô hay! Cả nó cũng kiên quyết đòi ly hôn chứ nào phải mình em! Em nói trên có bác, có anh chủ tịch với lại tất cả các anh em đây, em là em nhịn lắm, chứ vào tay người khác thì người ta chả để nó yên đâu! Quân lá mặt lá trái, lấy cớ đi buồn bán để theo giai, bôi gio trát trấu vào mặt em!

Phun ra câu ấy, giọng Tuyên bỗng trở nên ghen ngào, mắt chớp lia lịa ra chiều cay đắng lắm. Thái quay người lại phía sau, với tay lấy cái sà-cột, moi ra một sấp giấy vàng ố để chứng tỏ mình nói có sách:

— Lễ tất nhiên rồi ủy ban và toà án sẽ giải quyết cho cậu ly hôn, nhưng phải tiến hành đúng thủ tục. Điều 43 của pháp lệnh viết rõ ràng: "Trong quá trình giải quyết các vụ án dân sự, toà án tiến hành hoà giải để các đương sự thoả thuận với

nhau". Thông tư số 39-NCPL ngày 21.2.1972 cũng như thông tư số 25-TATC ngày 30.11.1974 cũng nói rằng: "Công tác hoà giải là một công tác quan trọng của toà án, nhằm góp phần vào việc tăng cường và củng cố tình đoàn kết nhân dân..." Đại để là như vậy. Nghĩa là dứt khoát, ủy ban và toà án sẽ tiến hành hoà giải cho cả hai người đã. Không được thì rồi hẵng bàn đến chuyện ly hôn! Hướng giải quyết như thế nào, thì toà cứ nghe theo Ủy ban trình bày mà quyết định!

Tuyên khổ sở cười buồn:

— Em đã thưa với bác với lại các anh trong ủy ban là phần em thì các anh bảo sao, em nghe làm vậy. Nhưng con ranh ấy đời nào nó bằng lòng hoà giải! Trò đời, nói xin lỗi các anh, thứ đàn bà mà đã giai sắp gái ngựa thì còn biết gì đến tình nghĩa nữa mà hoà với lại chẳng hoà! Thôi thì bác đã dạy như vậy, em xin biết vậy. Nhân tiện có mặt đông đủ ủy ban ở đây, xin các anh tiến hành ngay cho, giúp em giải quyết càng sớm càng tốt để em yên tâm lao động!

Chủ tịch Ấu mặt đỏ gay, mồ hôi vã ra như tắm, đưa tay tháo lỏng nút cà-vạt rồi bảo ủy viên thư ký:

— Sáng mai ông thảo cho tôi cái văn thư gửi lên toà án nhân dân Quận. Xin toà cho biết ngày nào thuận tiện thì anh em mình kéo lên.

Ấu quay sang Thái, nịnh một câu:

— Văn thư là một chuyện. Toà thì lúc nào chả nhiều việc. Thành ra muốn nhanh thì phải có ông Thái nhúng tay vào mới xong. Không thì người ta xếp xó ở đấy, biết bao giờ mới ngó đến đơn của mình!

Thái hãnh diện gật gù:

— Được rồi! Tôi sẽ liệu!

Thái cắt giấy tờ vào sà-cột để ăn tiếp. Gã gấp miếng thịt đùi chấm vào bát nước mắm đã cạn sạch. Mấy năm nay gặp ai Thái cũng than là mất kém lắm rồi, phải đeo kính lão mới đọc được chữ. Nhưng vào bàn tiệc, miếng thịt nào Thái gấp cũng là miếng ngon, chưa bao giờ

nhầm lẫn. Phần Tuyên, dù bạn nói chuyện, mắt vẫn chăm chú theo dõi từng người chung quanh một cách hết sức chu đáo. Bất cứ ai vừa cạn chén cơm, gã đón ngay lấy và xới thêm vào. Gã đứng dậy, bước vào buồng trong rồi băng qua mảnh sân nhỏ xuống bếp lấy thêm nước mắm. Một người đàn bà trẻ đang lom khom trong góc, thoăn thoắt gọt đu đủ bầy lên cái mâm gỗ sơn đỏ thẫm, ngẩng lên hỏi Tuyên:

— Ngoài ấy cần gì hờ anh?

Tuyên cười rạng rỡ:

— Đầy đủ lắm, không thiếu gì cả!

Tuyên đặt bàn tay lên tấm lưng mỡ màng của người yêu mới, xoa nhẹ nhẹ dần xuống phía dưới. Lớp vải phin nỡn mềm mại truyền rất nhanh cảm giác êm ái từ da thịt người phụ nữ qua bàn tay gân guốc của Tuyên. Gã thì thầm bảo:

— Thế nào cũng xong việc, Nhài ạ! Phải cái là thủ tục rườm rà lắm.



Không khéo cả năm nữa mới giải quyết xong!

Người đàn bà nhăn mặt:

— Chết! Lâu thế cơ à? Em sốt ruột lắm! Chỉ muốn anh cưới em ngay thôi!

Tuyên ghé cái mồm đầy hơi men, hôn chụt vào gáy Nhài và nhấn mạnh:

— Người ta còn nóng hơn lửa đốt đây này! Chỉ muốn mau mau tống cổ con khốn nạn ấy đi để đón em về! Nhưng mà làm thế nào được! Pháp lệnh nhà nước phải chấp hành chứ!

Gã khom người lấy chai nước mắm rót vào bát rồi bảo người yêu:

— Trong này em xong cả rồi chứ gì? Thôi, em đi đây cho anh. Em chạy đi đâu thì đi. Đừng để các ông ấy thấy em ở đây, không tiện. Độ hơn một giờ nữa thì quay giở lại.

Nhài buông con dao, chùi tay vào miếng giẻ máng trên vách rồi đứng dậy:

— Vâng, thế thì em đi đây! Anh liệu mà tiếp khách cho tử tế.

Tuyên bung bát nước mắm lên nhà, đặt vào vị trí cũ. Gã nhìn thoáng mâm cơm. Hai đĩa giò lụa đã bay nhẵn. Hai đĩa thịt gà luộc cũng chỉ còn lại toàn xương xẩu. Khay xôi gác vệt hân đi một mảng lớn. Phó chủ tịch Hải vừa nhai vừa luôn tay đuổi ruồi. Những khuôn mặt loang loáng mồ hôi, đỏ gay như gà chọi, đem chuyện thiên hạ làm đề tài bàn tán để mua vui. Thái vẫn là người phát ngôn nhiều hơn cả. Gã bảo:

— Việc đời chả biết thế nào mà lường! Hôm nọ tôi đi ăn cưới thằng cháu bên Ba Đình, tình cờ gặp lại lão Tùng. Lão bây giờ làm to lắm, giám đốc công ty Vitoba, được phép kinh doanh ngoại hối, giao dịch thẳng với nước ngoài. Lão bảo vất vả lắm. Là vì chính sách đổi mới, chuyển sang kinh tế thị trường, lão mù tịt có biết gì đâu! Nhưng mà khổ nhất là cái khoản tiếng Anh. Dạo trước, lão đi tu nghiệp ở Liên xô, cầm đầu cầm cổ học tiếng Nga. Mới thông thạo được một tí thì bây giờ vứt hết, đổi

sang tiếng Anh. Không biết tiếng Anh thì sợ chúng nó lừa, hợp đồng không dám ký. Mà gần ấy tuổi mới bắt đầu học võ lòng thì kiếp nào mới đọc thông nổi cái hợp đồng! Lão nói riêng với tôi là lão rất lo nay mai nhà nước sẽ bang giao với Mỹ. Bởi vì rằng là bang giao rồi thì kinh tế thị trường sẽ phát triển rất nhanh. Chừng ấy những người như lão làm thế nào mà cang đáng được công việc quản lý kinh tế! Thì nói ngay như anh em mình đây này, cầm súng đánh Mỹ thì được chứ bây giờ bảo làm ăn với Mỹ thì chịu!

Bàn tiệc đêm chiều suy nghĩ những điều Thái vừa công bố và ai cũng tự an ủi mình rằng làm giám đốc cũng chẳng sung sướng gì! Thái nhếch mép cười:

— Lão ghé tai tôi nói đùa: Đang ở thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội thì lại đột xuất bỏ đó để tiến lên chủ nghĩa tư bản! Buồn cười nhỉ!

Giọng đùa cợt của Thái không làm những khuôn mặt chung quanh hoan hỉ. Trái lại tất cả đều cảm thấy có cái gì vướng mắc pha lẫn chút đắng cay. Trưởng ban thông tin văn hoá từ lúc nhập tiệc chưa phát biểu câu nào, bây giờ mới đứng định góp ý:

— Tôi nói câu này, không phải thì các bác các anh bỏ quá đi cho, nhưng mà kinh tế thị trường có cái hay là người bán hàng đồ có dám hách dịch như ngày trước. Dạo trước xếp hàng cả giờ đồng hồ, đến phiên mình trình phiếu với tờ hộ khẩu, nhân viên mậu dịch hếch sách đủ điều, mắng xa xả vào mặt mình, y như phát chấn cho ăn mày không bằng! Mua bia thì phải mang cốc theo, chia ra cho nó rót. Rót ít rót nhiều, mình cũng đành cần răng mà chịu. Bây giờ bố bảo! Nhà nước cho thương nghiệp tư doanh bung ra, hiệu này cạnh tranh hiệu kia, cô bán hàng nào cũng lễ phép, nói năng gọi là cứ ngọt lịm như mía lùi!

Ấu chớp mắt buồn rầu:

— Đành rằng thế. Nhưng được cái này thì lại mất cái kia...

Mọi người tưởng Ấu sẽ triển khai thêm câu nói nước đôi của gã, nhưng gã mập mờ dừng lại và nâng cốc rượu uống cạn. Thái cởi cúc áo ngực, xoè chiếc quạt giấy phe phẩy rồi nhìn Tuyên, quay lại đề tài cũ. Gã biết bữa cơm thịnh soạn hôm nay gã được mời với tư cách một luật gia, nên không thể ngậm miệng ăn tiền được. Gã thở mạnh rồi nói:

— Cái khoản phân chia tài sản mới phức tạp chứ còn ly hôn thì sớm muộn gì cũng xong. Điều 42 của luật hôn nhân và gia đình qui định rằng, việc phân chia tài sản phải do hai bên thoả thuận. Lẽ tất nhiên là không có cặp vợ chồng nào đã đánh nhau đến vỡ đầu và đòi bỏ nhau mà còn thoả thuận êm đẹp được! Cho nên Phường sẽ xem xét cụ thể để giải quyết cho hợp tình hợp lý, không bên nào bị thiệt thòi, rồi trình toà án xin cử hội đồng định giá tài sản xuống tận nơi để kiểm tra đồ đạc, nhà cửa mà qui thành tiền từng thứ một. Nếu hội

đồng định giá tổng kết rồi mà hai bên vẫn không nhất trí thì phải làm đơn xin viện Kiểm sát Nhân dân xét lại!

Tuyên nhủu mày lo âu vì không ngờ thủ tục lồi thối quá như vậy. Hiểu ý gã, Thái nói thêm:

— Nghe thì thấy phức tạp, nhưng rồi đâu cũng vào đấy cả thôi! Cụ thể tôi hỏi cậu, cái nhà vợ chồng cậu đang ở, khởi kỳ thủy là của ai? Ai mua cái nhà ấy? Mua chung hay mua riêng?

Tuyên gãi đầu:

— Báo cáo bác với các anh, chả dám giấu gì bác với các anh đây, nhà là nhà của bố mẹ nó mua từ cái đời tám kiếp nào kia. Rồi lúc hai ông bà ấy sắp chết thì bán lại cho em. Em đã giả tiền đầy đủ chẳng thiếu xu nào. Hiện em với nó cùng đứng tên. Nhưng mà nó cứ nhất định cái là cái nhà của riêng nó, bố mẹ nó chết đi để lại. Nó mồm loa mép giải, nói xin lỗi các anh, nó rêu rao với mọi người là lúc em ở bộ đội về,



trên răng dưới dái, nó cho ở nhờ mấy năm nay là may lắm rồi! Anh thấy có mất nét không chứ!

Thái điềm tĩnh:

— Dể! Không phải lo cái ấy. Chỉ biết rằng hiện nay cậu với nó đứng tên chung, phải không nào? Nghĩa là cậu có đứt một nửa đã. Nhưng mà một nửa thì nói làm gì! Tôi muốn cả cái nhà ấy phải về tay cậu cơ. Ra toà, cậu cứ khai là bố mẹ nó bán lại cái nhà cho cậu, cậu đã chồng tiền đủ rồi. Cần thì ủy ban cấp cho cậu cái giấy chứng nhận. Cứ nói cứng như thế. Ông bà ấy chết rồi, cây mả lên mà làm chứng hay sao! Còn về vợ cậu, lẽ tất nhiên là nó cũng sẽ khai với toà là nó có chung tiền với cậu, mua cái nhà ấy. Cũng chả sao! Mình sẽ xét quá trình bản thân và gia đình nó. Từ bé đến giờ nó có chịu lao động như người ta đâu, chỉ loanh quanh bán buôn một vốn bốn lời. Công an Đồng Xuân đã mấy lần cảnh cáo mà vẫn chứng nào tật ấy. Tóm lại, nó là thành phần lý lịch xấu. Cậu là bộ đội phục viên, lẽ tất nhiên toà phải chiếu cố. Phần thắng sẽ về tay cậu!

Tuyên sung sướng quá, run run xoa tay cảm động:

— Trăm bề xin nhờ bác và ủy ban giúp hộ, em chả dám quên ơn!

Thái gật gù:

— Ôn nghĩa thì nói làm gì! Nhưng cậu cứ an lòng, tôi đã dùng vào là phải xong!

Ấu đề nghị thẳng:

— Muốn cho vững bụng, cậu về xem nhà có thứ gì, cứ lảng lảng khuôn đi mà bán trước hoặc giấu ở chỗ nào, chứ mai kia hội đồng định giá xuống làm việc, họ ghi vào biên bản rồi thì khó mà thủ riêng được!

Câu nói của Ấu nhắc Tuyên một sự thực hết sức khổ tâm. Gã buốt nhói tự trách mình mấy tháng nay đã không nghĩ ra phương án mà Ấu vừa tiết lộ. Bây giờ thì muộn mất rồi! Ngọc đã ra tay trước. Những gì có giá, Ngọc đã đẩy đi gần hết. Niềm hy vọng cuối cùng của Tuyên chỉ là cái xác nhà mà thôi. Tuyên cười gượng gạo:

— Con ranh ấy nó cũng đáo để lắm anh ạ! Chả biết đứa nào xúi nó, em lên Hà Nội có một hôm, lúc giờ về thì cả nhà chỉ còn có hai cái chõng! Bàn ghế, giường tủ, nôi niêu, nó khuôn tiệt! Nhưng em chả tiếc, em chỉ cần cái nhà thôi!

Bàn tiệc không ai xúc động vì lời phân bua của Tuyên. Tuy đứng về phía Tuyên, nhưng họ đều biết trong vụ này, Tuyên là kẻ hoàn toàn có lợi.

Sau khi ở Campuchia về, Tuyên phục viên, lang thang đầu đường xó chợ, không tìm được việc gì để tự nuôi thân. Trở lại đi học thì gã không tính đến chuyện ấy. Giữa lúc trắng tay như vậy thì Tuyên gặp Ngọc. Mừng ba Tết, Ngọc đến mừng tuổi gia đình một người quen, thấy Tuyên đang đánh tam cúc ở đấy. Chủ nhà có việc phải đứng dậy, nhờ Ngọc cầm hộ mấy ván. Ngọc đánh rất cao, nhưng kết tốt đen bị Tuyên đem đôi tốt đỏ ra bắt. Cờ bạc ngày xuân mua vui thôi, tiền bạc không đáng kể. Chủ nhà từ trong bếp bước ra, vui vẻ hỏi:

— Ai ăn mà ăm ỉ lên thế?

Đứa con nhanh nhẩu đáp:

— Cô Ngọc bị anh Tuyên đề mẹ ạ!

Câu nói vô tình làm cả nhà cười sảng khoái. Ngọc đỏ mặt bẽn lẽn đứng dậy:

— Cháu giả lại cho bác đây này. Cháu vội lắm, không chơi được đâu!

Tuyên cũng mất hứng, không đánh nữa, chạy theo Ngọc lân la làm quen. Từ đó hai bên đi lại với nhau. Nhan sắc của Ngọc không có gì nổi bật, nước da lại ngăm đen vì suốt ngày ở ngoài đường, nhưng Ngọc đậm và có của riêng. Lúc làm đám cưới, có người gọi Tuyên là chuột sa chĩnh gạo. Gạo nếp hay gạo tẻ thì họ không biết, nhưng chắc chắn là Ngọc khá giả và Tuyên được nương nhờ. Cụ thể là ngay sau ngày thành hôn, Tuyên dọn vào đăng ký hộ khẩu thường trú luôn tại nhà vợ. Người ta thường bảo “phúc bất trùng lai”, nhưng riêng

với Tuyên thì cái may xảy đến liên tục: Ở rể mới hơn hai năm, bố mẹ vợ thì nhau lẫn ra chết! Giang sơn từ đây thu về một mối. Hà Nội sau chiến tranh dân số tăng rất nhanh, bình quân mọi người chỉ có bốn mét vuông để ở, hai vợ chồng Tuyên thuê phòng làm chủ nguyên căn nhà xây ở quận ngoại thành mà bạn bè bộ đội cũ của Tuyên ai đến cũng phải trầm trồ khen Tuyên tốt số. Có đứa thân mật đùa với Tuyên: “Cậu làm cách nào mà bố mẹ vợ cùng về nơi chín suối trong vòng một năm, chỉ tứ với!”

Nói chung thì vận Tuyên đỏ lắm. Ngọc buôn bán mỗi ngày một khá hơn nhờ nhà nước khuyến khích thương nghiệp tư doanh những năm sau này. Từ một người trung gian chạy mối, ngược xuôi thấp thỏm lo công an rình bắt, Ngọc nhanh chóng có hẳn một sạp hàng bán máy móc và đồ điện ngay ở phố Bà Triệu, một trong những khu vực đang phát triển rất nhanh theo mô hình chợ trời của miền Nam. Ngọc càng khá thì Tuyên càng nhàn. Nàng mua Honda cũ cho gã, sáng đưa vợ đi, rồi rong chơi cả ngày, đến tối ra đón Ngọc về.

Khi người ta đang giàu mà tụt xuống thành nghèo thì dễ sinh tửu phận. Nhưng khi đang nghèo mà thành giàu thì lại dễ hư thân, nhất là khi cái giàu ấy không phải do mồ hôi nước mắt của chính mình tạo dựng. Tuyên lêu lổng đàn đúm, tìm vào ăn chơi tận thành phố Hồ Chí Minh. Lúc quay về phải tiêm thuốc trụ sinh đến mấy hôm mới khỏi bệnh. Ở Hà Nội, những tụ điểm băng phim đồi trụy, những nhà xông hơi La Thành, Kim Liên, Ánh Hồng, những quán cà phê xanh có tấm cốt vẩy quanh từng bàn để khách vừa uống nước vừa gõ gạc các cô chiêu đãi cho đôi tay đỡ cảm thấy thừa thãi, đâu đâu cũng nhẵn mặt Tuyên bởi gã là khách thường trực. Ngọc giận lắm. Mấy ông anh bà chị đã ở riêng, lảm nhảm nói ra nói vào mãi, càng làm Ngọc xấu hổ bội phần:

— Tao đã bảo trước rồi mà! Lấy

thằng phải gió ấy về mà hầu! Nói ra thì lại bảo là chị không vun xới cho em! Bây giờ nai lưng làm bao nhiêu, nó phá bấy nhiêu! Hầu nó mà nó có để yên cho đâu! Quân chó dái nấp gấu quần đàn bà không biết nhục! Bỏ quách nó đi cho xong!

Bà chỉ cả dài miệng nhếch mãi làm Ngọc chỉ muốn độn thổ. Ngọc về nhà, dùng dùng trút hết nỗi ấm ức trong lòng, vừa khóc vừa chửi. Tuyên lúc đầu ngồi im hút thuốc. Về sau cũng quát lên, át cả giọng vợ. Người ta dù chai lì đến đâu thì cái mặc cảm nường nhờ vẫn không thể nào xoá hẳn trong lòng, cho nên Tuyên bộc lộ ngay trong câu nói đầu tiên:

— Này! Hồn vừa vừa chứ! Đừng có cậy làm ra tiền mà lên giọng với tôi! Thằng này không để yên đâu! Mới có một tí vốn đã vác mặt lên!

Rồi không chờ Ngọc phản ứng, Tuyên đứng vút dậy, làm bộ vùng vằng bỏ đi. Gã phóng xe ra chợ Đồng Xuân thăm cô gái mà gã đã quen mấy tháng nay, đó là Nhài. Nhài trẻ hơn Ngọc, phụ mẹ bán cửa hàng giải khát ngay ở đầu chợ. Gặp Tuyên vài lần, cô thấy cảm mến cái tác phong vừa công tử vừa khinh bạc của Tuyên. Và lần đầu tiên ngồi sau lưng Tuyên trên chiếc Honda sang trọng của gã, nhẹ nhàng lượn ra bờ hồ Hoàn Kiếm một buổi tối mùa hè, cô đã ngây ngất cần vào vai Tuyên để bày tỏ niềm rạo rực trong lòng cô đối với Tuyên. Tình càng ngày càng lậm sâu, thúc đẩy Tuyên toan tính chuyện bỏ vợ.

Một buổi trưa, Ngọc nhờ bà chị và đưa cháu ra nom cửa hàng, Ngọc về nhà. May là giữa lúc Tuyên đang nong nặc hơi men, lăn ra ngủ, chị lặng lẽ dắt chiếc Honda đi gửi rồi trở ra tiệm bàn tính với người chị. Đêm qua, sau một trận cãi vã sôi nổi, Tuyên đã nói thẳng ý định nộp đơn xin ly hôn. Ngọc uất nghẹn trong cổ nhưng cũng phải giả vờ hòa theo:

— Anh không nộp đơn, tôi cũng nộp kia mà! Anh tưởng tôi còn muốn sống với anh nữa hay sao? Báu gì cái thứ chỉ biết lêu lổng trác

táng!

Sáng nay, Ngọc tạt sang bà chị, mắt còn sưng húp, rủ chị ra cửa hàng cùng bàn tính. Cả nhà ai cũng xúi Ngọc bỏ Tuyên cho nhẹ thân:

— Ngủ ấy, buông mảy ra một ngày là chỉ có đi ăn mảy thôi! Bỏ ngay cho nó trắng mắt ra!

Thấy Ngọc không nói gì, bà chị đốc thêm:

— Thế mảy có biết rằng là cả năm nay nó phải lòng con đi Nhài ở chợ Đồng Xuân không? Cả làng cả nước ai cũng biết, chỉ có mình mảy mù mới không thấy! Cứ nghe tao, bỏ bég nó đi. Mảy mới hăm nhăm hăm sáu, lại có cửa, khối đưa lẫn vào, xua đi không hết! Báu gì cái thằng chết trôi ấy!

Ngọc gật đầu cho chị vui lòng. Lập tức bà thủ thủ khuyên Ngọc:

— Những hăng khoan, đừng nói gì vội. Nữ trang, vòng vàng, đá quý, tiền bạc, đem giấu hết đi đã. Đưa sang bên tao hay là gửi cái Nhung. Rồi các thứ đồ đạc, máy móc, bán dần đi đã. Bán sạch rồi mới nộp đơn lên toà.

Ngọc gật đầu nhất trí với kế hoạch của chị nhưng lại thoáng lo âu bởi nếu đem tư trang vàng bạc sang gửi chị thì cũng nguy hiểm không kém gì để ở nhà, vì ông anh rể nổi tiếng là tay cờ bạc. Trước mắt, Ngọc chỉ nghĩ ngay đến cái Honda mà Ngọc rất sợ Tuyên sẽ ra tay bán trước. Bà chị lại thở dài tiếp:

— Đạo thầy u mắt, đã bảo mãi là khiêng cái sập gụ với cái tủ chè sang bên tao. Tao thì cần gì những thứ ấy! Khuân vào chỉ chật nhà thôi chứ quý hoá gì! Nhưng mà nó là vật gia bảo của ông nội để lại, bây giờ làm thế nào? Có nhớ thằng Cao nhà bà Phan không? Vợ chồng đem nhau ra toà ly dị, toà bảo chia hai tài sản. Về nhà, nó tức quá, cái gì cũng đem chẻ làm đôi. Có cái giường nó cũng chia đôi, mỗi người một nửa! Chỉ có nước bỏ ra làm củi chứ nằm thế nào được nữa!

Câu chuyện bà chị kể làm Ngọc càng lo. Nàng cầm xâu chìa khoá, đón xích lô chạy về mặc dầu Ngọc

không hy vọng giờ này Tuyên có nhà.

Thanh toán xong chiếc xe, Ngọc trở ra, hớn hờ báo chị:

— Chị chớ có hở miệng cho ai biết nhá. Em gửi bên chị Nhung. Giấu mãi tận trong bếp, lấy cái chiếu cũ đẩy lên! Nó đang ngủ say lắm. Tình dậy thế nào cũng cuống lên vì tưởng mất trộm!

Hai chị em nhìn nhau khúc khích cười chia sẻ niềm vui chiến thắng. Nhưng niềm vui ấy chẳng kéo dài được bao lâu bởi nỗi lo sinh tử của Ngọc vẫn là căn nhà. Ngọc đau nhói nghĩ tới căn nhà hương hoả từ đời ông cha để lại, nay mai sẽ không còn là sở hữu riêng của Ngọc nữa. Đúng là nuôi ong tay áo. Rước nó về, cung phụng đủ thứ để rút cuộc bị phản bội. Ly hôn là cầm bằng nạng sẽ mất một nửa vì hiện hai người đứng tên chung. Ở phường Bạch Mã của Ngọc có cặp vợ chồng lục đục đến mấy năm, biết không thể hàn gắn được mới đem nhau ra toà xin ly hôn. Sau khi hội đồng định giá báo cáo lên, toà truyền chia đều tài sản cho đôi bên. Nhưng bán căn nhà thì đi đâu? Hộ khẩu mấy chục năm ở địa chỉ ấy, di chuyển đi chỗ khác vừa khó khăn vừa tốn kém. Hai vợ chồng chỉ còn cách duy nhất là mua cốt về ngăn đôi căn nhà vốn đã rất hẹp để khỏi trông thấy mặt nhau. Nghĩa là một hộ biến thành hai hộ nhưng vẫn chung một mái nhà. Chẳng giải quyết được gì cả, bởi họ vẫn phải nghe giọng nói của nhau nên vẫn thừa cơ hội để chửi nhau. Bức tường ô nhục mỏng dính đứng lù lù giữa nhà, ngăn không nổi một tiếng động nhỏ. Bên này khiêu khích bên kia. Ông chồng khoét lỗ trên tấm cốt, nhìn sang theo dõi bà vợ cũ và thậm chí lăm khi tức quá, ông đập phăng cả tấm cốt, lao qua, túm tóc mà đánh. Đánh vì tức đã đành, mà lại thêm vì ghen nữa bởi lâu lâu ông nghe có giọng đàn ông bên kia tấm cốt. Lại thêm nhà bếp cầu tiêu vẫn phải dùng chung. Ra vào vẫn phải chạm mặt. Cái ấy mới thật là thảm cảnh mà không cách nào giải quyết

được. Ngọc rùng mình tưởng tượng ra nay mai Ngọc sẽ lâm vào tình trạng ấy. Ngọc sẽ dứt khoát bán nhà, chia tiền cho Tuyên theo lệnh toà án, rồi về nhập chung hộ khẩu với chị mặc dầu nàng không ưa ông anh rể có máu gở gạc.

Ngọc đoán quả không sai. Xế chiều, Tuyên bừng mắt dậy, la toáng lên rồi lao ra trình công an chiếc Honda bị mất cắp. Đối với các đồng chí lãnh đạo ở Phường, Tuyên là chỗ giao tình thân thiết, bởi gã rất khéo nói, nhã nhặn và thường xuyên dùng tiền của vợ để kết giao. Nhưng dù rất thân, trưởng ban công an khi nghe Tuyên mếu máo khai báo, đã nhìn Tuyên bằng cặp mắt ngờ vực. Gã nghi chính Tuyên bán xe của vợ rồi khóc lóc đóng kịch hô hoán là mất trộm. Tuy vậy, gã cũng trấn an:

— Được rồi, anh cứ về đi. Công an sẽ điều tra. Ai chứ anh thì chúng tôi phải làm đến nơi đến chốn!

Nhưng ngay khi ở ban công an về, Tuyên khám phá ra xe không mất. Đường phố Hà Nội mấy khi vắng bóng người qua lại! Hàng xóm hai bên cả chục người nhìn thấy Ngọc đẩy Honda đi, ngay tình chạy sang nói cho Tuyên biết. Gã tức uất lên, lấy chiếc xe đạp cũ phóng ra cửa hàng của vợ, túm ngay lấy ngực áo Ngọc, quát lớn:

— Honda giấu ở đâu? Muốn sống thì nói ngay không ốm đòn bây giờ!

Cơn giận trong lòng Ngọc đã nén xuống từ lâu, dai dẳng chịu đựng cả năm nay, lúc này không nhịn được nữa. Nàng đẩy Tuyên ra, mặt hầm hầm khiêu khích, đứng chống nạnh, bướng bỉnh nạt lại:

— Giỏi thể cơ đấy! Xe của tôi, tôi cất. Tôi không nói, để xem anh làm gì được tôi nào? Tiền đưa nào bỏ ra mua xe? Nói lớn lên cho cả làng nước nghe đi! Một đồng của của tôi, giao cho anh để anh đi chơi nhà thổ, đi nhà xông hơi, rồi đèo con đi Nhài ra bờ hồ, phải không nào?

Tuyên bắt thần thụi một quả thật mạnh vào ngực vợ. Ngọc loạng choạng lùi lại mấy bước, suýt ngã

lại thêm tết nữa

*Lại hết năm rồi! Tết nữa thôi!
Xa lìa tổ quốc có ai vui!
Bạn bè họp mặt kìa bao đứa?
Chiến hữu đưa tay đó mấy người?
Không lẽ đầu non chùi nước mắt!
Sao đành cuối biển hứng mây trời!
Đau lòng đứt ruột còn mơ mộng
Nhân định xưa nay... vẫn thắng trời?*

trần văn lệ



ngửa vào quầy bán thuốc lá của người bên cạnh. Xét về sức vóc, Ngọc có thể đối đầu được với chồng mà phần thắng chưa biết sẽ về ai. Nhưng trước mặt bằng dân thiên hạ, Ngọc phải nhịn vì không muốn mang tiếng đánh đá. Nàng ngồi thụp xuống thút thít khóc. Bạn hàng chung quanh mỗi người góp vào một câu. Lẫn trong những lời khuyên giải, không thiếu những tiếng mỉa mai, khinh bỉ Tuyên là thằng chồng lêu lổng, sống bám gấu váy đàn bà, mặc dầu Ngọc chỉ mặc quần chứ không mặc váy! Rồi tiếng còi của công an ré lên vì bà chị nhanh chân lên đi gọi. Tuyên vội vàng nhảy tót lên xe, lủi mất. Gã đi tìm Nhài và tiết lộ:

— Lộ rồi, Nhài ạ! Con đi ấy nó biết chuyện của anh với em rồi!

Nhài gắt:

— Thì bỏ quách nó đi cho xong.

Tuyên chưa nói gì thì Nhài xuống giọng dịu dàng:

— Anh nộp đơn ly hôn đi. Em sẽ về hầu hạ anh suốt đời!

— Em chả nói anh cũng làm. Ở với nó một ngày dài như một năm. Ngày mai anh sẽ viết đơn đem ra Phường!

Tối hôm ấy về nhà, vợ chồng Tuyên đánh nhau một trận như bão tố làm hàng xóm hai bên thức gần trắng đêm. Đến giai đoạn này thì Tuyên không ly dị cũng không được. Ngọc không phát lương nữa. Ăn trưa, ăn chiều luôn ngoài chợ,

mặc kệ Tuyên muốn ra sao thì ra. Gã nhặt nhanh đồ đạc trong nhà đem bán, rồi vay chỗ này giặt chỗ kia, sống qua ngày chờ toà phân xử. Nếu may mà chiếm được cả căn nhà này thì gã sẽ đón Nhài về rồi bắt đầu lại cuộc sống mới. Còn nếu không may thì ít nhất toà của bắt bán nhà chia hai. Chừng đó gã sẽ ôm tiền, nhập chung hộ khẩu với Nhài. Mẹ Nhài có cửa hàng giải khát. Nhài là con gái duy nhất, tay hòm chìa khoá, làm gì chả có vốn cung phụng cho Tuyên. Ủy ban Phường đứng về phía Tuyên, nhất là lại được Thái hỗ trợ, mười phần Tuyên thấy sẽ thắng cả mười.

Buổi tiệc chấm dứt lúc trời nhá nhem tối. Thực khách ăn uống rất thật lòng, đĩa nào cũng sạch bóng. Con chó gầy gòm gù gặm xương dưới gầm bàn. Đàn nhặng xanh rủ nhau đậu kín mặt mâm. Ông nào cũng đã no căng bụng, nhưng khi Tuyên bụng khay đu đủ và nôi chè hoa cau đặt giữa bàn, vẫn chẳng có ai từ chối vì sợ làm buồn lòng gia chủ! Thái lên tiếng rủ Đình và Ấu về đánh chẵn. Cả bọn nhất loạt đứng lên theo, nhao nhao nói vài lời cảm ơn theo thói quen rồi khật khưỡng kéo nhau ra hè. Tuyên xoa tay tiễn khách ra mãi tận cổng. Thái choàng vai Tuyên, nhắc đi nhắc lại mấy lần là cứ an tâm, mọi việc đã có Thái định liệu.

Hơn một tháng sau, do tài vận động của Thái, phiên toà hoà giải

được triệu tập tại toà án nhân dân Quận. Kinh nghiệm từ bao năm đều cho thấy, vợ chồng khi đã lòi nhau đáo tụng đình thì đừng bàn chuyện hoà giải làm gì nữa cho mất thì giờ. Không lẩn sả vào mà ăn tươi nuốt sống nhau là may lắm rồi, còn nói chuyện đoàn tụ thì viễn vông quá! Nhưng thủ tục pháp lý không thể bỏ qua được. Chủ tịch Ấu cầm đầu các bạn ở Phường, trịnh trọng lên tham dự. Thái lẳng xẵng ghé tai người này, dặn dò người kia như một vị luật sư lão thành sắp lao vào một vụ kiện to tát. Về phía Quận, ngoài thẩm phán Phùng thị Lý ngồi ghế chánh án, còn có đại biểu hội Liên hiệp Phụ nữ và đại biểu Quận hội Phụ nữ. Để thêm vây cánh cho Tuyên, Thái lôi luôn ông cựu đại úy tiểu đoàn trưởng ngày xưa của Tuyên, cụt một chân, hiện làm nghề bơm xe ở Khâm Thiên, đến tham dự để nếu cần thì mình xác thành tích chiến đấu của Tuyên.

Ngọc đi với hai người chị và mấy đứa cháu. Ngọc mặc áo cánh trắng, quần đen rộng ống, tóc chải gọn ghẽ, cột chiếc khăn xanh sau gáy. Nàng gầy đi nhiều sau chuỗi ngày lo âu và ít ngủ. Tuy nhiên cặp mắt vẫn điểm tinh nhìn thẳng, không để lộ sự khúm núm và cũng không thêm ngó sang phía Tuyên.

Dãy ghế bên kia, Tuyên ngồi ngay ngắn bên cạnh Thái và gã thương binh cụt chân. Tuyên mặc

đồ bộ đội, ngực đeo huân chương, cổ tình nhắc toà cái dĩ vãng chống Mỹ cứu nước của gã để xin toà chiếu cố. Nhài cũng có mặt, nhưng cô ngồi chờ ở quán nước ngoài cổng toà án.

Dĩ nhiên cả Tuyên và Ngọc đều không nghĩ đến việc tái hợp. Họ ra đây vì thủ tục hoà giải của toà và nhất là vì số phận căn nhà mà toà sẽ định đoạt. Truyền thống từ bao nhiêu năm dưới chế độ xã hội chủ nghĩa vốn dành một thứ quyền rất lớn cho hành pháp, cho nên mọi phán quyết của toà thường dựa trên báo cáo và đề nghị của chính quyền địa phương, cụ thể trong vụ này là Ủy ban Nhân dân phường Bạch Mã. Biết thế nên Tuyên rất an tâm. Gã đứng dậy đọc một bản báo cáo rất lăm ly gồm hai phần chủ yếu: Đề cao chính mình và trút mọi tội cho Ngọc. Tuyên dứt lời, chủ tịch Ấu, rồi một loạt trưởng ban và dĩ nhiên cả Thái, thay phiên nhau đọc tham luận, nội dung bênh vực Tuyên và chê trách Ngọc để rồi đưa đến kết luận:

— Đề nghị toà án giải quyết hợp tình hợp lý, tránh gây thiệt hại cho Phan văn Tuyên!

Phiên toà không đáng một tí nào đến chủ đích hoà giải, mà hoàn toàn biến thành cuộc đấu tố được sắp đặt khá chu đáo. Đại biểu hội Liên hiệp Phụ nữ cũng như Quận hội Phụ nữ sốt ruột lắng nghe, hết sức bức bối vì thấy chánh án Phùng

thị Lý cứ ngồi đực mặt như phỗng đá, không hề có phản ứng nào đối với sự thiên vị quá rõ rệt của Phường. Cả hai gắng nhịn để chờ đến lượt Ngọc đọc báo cáo. Ngọc đứng dậy, hai tay run run nâng tờ giấy trước mặt. Giọng nàng mất hẳn bình tĩnh đến mấy phút vì không ngờ Ủy ban Phường đứng hẳn về phía Tuyên, moi móc lý lịch từ cha mẹ nàng cho tới bản thân nàng để lên án và nhất là Tuyên dám vu cho Ngọc tội ngoại tình. Đúng là vừa đánh trống vừa ăn cướp. Nhưng dù biết thế, Ngọc cũng không kịp phản ứng bởi nàng chỉ có thể đọc theo những dòng chữ đã viết sẵn. Nàng không có khả năng ứng khẩu, nhất là khi thấy chung quanh toàn những người chống lại mình. Ngọc mím môi, cổ cầm nước mắt để khỏi bật khóc trước toà vì uất ức.

Khi hai bên đã phát biểu xong, chánh án Phùng thị Lý mới lạnh lùng tuyên bố:

— Triển khai thông tư số 25-TACT ngày 30 tháng 11 năm 1974, toà án nhân dân quận Khải Hoàn hôm nay cho tiến hành thủ tục hoà giải đoàn tụ giữa Phan văn Tuyên và Vũ thị Ngọc. Nhưng cả nguyên đơn, bị đơn đều kiên quyết không hoà giải vì mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng đến mức không thể chung sống được nữa. Chiếu điều 42 luật Hôn nhân và Gia đình, toà cho tiến hành thủ tục ly hôn và phân chia tài sản. Đề nghị phường Bạch Mã tạo điều kiện để toà án xem xét và giải quyết dứt điểm trong phiên toà sắp tới.

Hai tháng sau, tất cả những khuôn mặt cũ lại lục tục kéo nhau ra toà. Chủ tịch Ấu thay mặt Phường đề nghị toà giao căn nhà cho Tuyên. Đại biểu Quận hội Phụ nữ bênh vực Ngọc, xin toà định giá và chia hai mới hợp lý. Chánh án Phùng thị Lý lần này sinh động hơn, nét mặt tươi tỉnh như có chuyện vui trong lòng, chậm rãi mở một xấp hồ sơ đặt trước mặt rồi ướn người ra thành ghế, nghiêng đầu nghe hai bên tranh cãi. Nếu để ý

xuân trong tù

*Xuân đâu cho gần ngơ lòng
Ấm thăm mà đến, lạnh lùng mà đi
Nắng rừng, gió cát, sương khuya
Ngày đen, đêm trắng, tình kia, cảnh này
Vô tình nhận vút nẻo mây
Khôn tin tình nhớ, sầu cay nát lòng
Xuân tan trong cõi bẽ bàng
Người ngoài thương nhớ, kẻ trong tủi hờn.*

tố nguyên



một chút, người ta sẽ thấy Lý chỉ giả vờ theo dõi chứ cặp mắt ra lơ đãng, dường như đang tính toán chuyện khác trong đầu. Chờ mọi người phát biểu xong, Lý gọi Tuyên lên, thân mật hỏi:

— Đạo còn ở bộ đội, lĩnh lương hàng tháng có đủ tiêu không?

Tuyên toan phì cười nhưng không dám. Lương bộ đội mà lại không biết hay sao mà hỏi! Dù sao thì Tuyên cũng vui vì biết Thái đã gặp riêng chánh án và có lời gửi gắm nên Lý mới tỏ ra bình dân với Tuyên như vậy. Gã điềm nhiên đáp:

— Báo cáo, tẩn tiện lắm thì mới tạm đủ.

— Thành ra khi phục viên thì tay trắng?

— Báo cáo đúng. Ai cũng thế cả ạ!

Phùng thị Lý tay cầm cái bút, gõ nhẹ trên xấp hồ sơ, mỉm cười gật đầu:

— Thế lúc anh lấy vợ, anh đang làm gì?

— Thừa, mới ở bộ đội về, cũng chưa biết làm gì cả.

— Bố mẹ anh làm nghề gì?

— Thừa bố tôi mất lâu rồi. Mẹ tôi thì ốm quanh năm, ở chung hộ với em tôi làm giáo viên.

— Rồi từ ngày lấy vợ đến giờ, anh có vào hợp tác xã, có công tác ở nhà máy, xí nghiệp hay cơ quan nào không?

Ngồi ở hàng ghế dưới, mấy chục người theo dõi mẩu đối thoại, chả hiểu tại sao chánh án lại thẩm hỏi Tuyên một cách thoải mái như vậy. Chỉ có Thái hơi ngờ ngợ đoán Phùng thị Lý đang gài bẫy, nhưng gã gạt ngay ý nghĩ ấy bởi tiếng nói của Phùng bao giờ cũng làm nghiêng lệch cán cân toà án. Huống chi Thái cũng có quen biết Lý, đã có trao đổi, không đời nào Lý quyết định ngược hẳn lại đề nghị của cả Phùng. Tuyên đã hứa với Thái một món tiền bồi dưỡng nếu gã lấy được căn nhà và Thái đã đáp lại bằng một câu chắc như đinh đóng cột:

— Lẽ tất nhiên cái nhà ấy là của cậu rồi! Nhưng vạn bất đắc dĩ có

phải chia hai, thì cậu cứ bám trụ ở đấy, đừng đi đâu cả. Nó bực mình, nó sẽ phải dọn đi!

Bây giờ nghe Phùng thị Lý thẩm vấn Tuyên những câu lạ tai, Thái hơi chột dạ và ngờ ngợ đoán rằng mình có thể thua cuộc: Toà sẽ chia đều cho Tuyên và Ngọc. Thái nên tiếng thở dài, đăm đăm nhìn Tuyên. Tuyên cười gượng trả lời câu hỏi của Lý:

— Báo cáo, tôi đã nộp đơn nhiều chỗ mà chả có chỗ nào nhận cả!

Phùng thị Lý ngẩng lên, nghiêm mặt nói lớn hơn:

— Anh từ bộ đội về phục viên, không có tài sản gì cả, gia đình lại nghèo không giúp đỡ được anh. Rồi từ khi lấy vợ, anh cũng chả đi làm ngày nào cả. Thế mà anh khai rằng bố mẹ vợ anh trước khi chết, bán lại căn nhà ấy cho anh, anh đã giả tiền đầy đủ. Anh lấy tiền ở đâu mà giả? In ra tiền hay đi ăn cướp? Vợ chồng ở với nhau theo lẽ thường của chồng công vợ, góp gạo thổi cơm chung. Nhưng từ khi lấy chị Ngọc, anh không lao động ngày nào cả, hoàn toàn sống bằng tiền của vợ. Toà xét anh chẳng có tí gì trong căn nhà ấy. Điều 42 luật Hôn nhân và Gia đình qui định bốn nguyên tắc phân chia tài sản. Nguyên tắc thứ hai nói rằng: "Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, nhưng phải xem xét một cách hợp lý tình hình tài sản, tình trạng cụ thể của gia đình và công sức đóng góp của mỗi bên". Nguyên tắc thứ tư lại nói rằng: "Khi chia tài sản, phải bảo vệ quyền lợi của người vợ". Qua theo dõi và kiểm tra, Toà xét rằng Phan văn Tuyên không đóng góp tí nào vào tài sản chung của hai vợ chồng, cho nên toà quyết định giao cả căn nhà cho Vũ thị Ngọc bởi căn nhà ấy vốn là của cha mẹ ruột chị Ngọc để lại! Về phần Phan văn Tuyên thì được tạm trú thêm ba tháng để chờ Phùng thu xếp chuyển hộ khẩu đi chỗ khác!

*

* *

Mẹ Nhài quăng mạnh cái muỗng

nhựa vào chậu nước, bực bội bảo Tuyên:

— Cái Nhài nó đang dở tay, không gặp cậu được!

Tuyên cười gượng:

— Bác cho con xin cốc cà phê. Con ngồi đợi một lát cũng được. Con có chuyện muốn bàn với Nhài.

— Còn chuyện gì nữa mà bàn! Đã giả nhời dứt khoát cậu rồi cơ mà!

Tuyên chớp mắt run run ngồi xuống. Mẹ Nhài lạnh nhạt không thèm ngó, mặt hầm hầm ném cái này, vút cái kia để tỏ thái độ phản kháng sự hiện diện của Tuyên. Đã biết rõ hai mẹ con không còn chút cảm tình nào với mình từ sau vụ ly hôn trắng tay, nhưng Tuyên vẫn còn tuyệt vọng bám víu bởi Nhài không dám nói thẳng, chỉ loanh quanh đổ cho mẹ chưa muốn Nhài đi lấy chồng. Tuyên ngồi trầm ngâm một lúc rồi dè dặt nhắc lại:

— Bác cho con xin bác cốc cà phê! Giời hôm nay rét quá!

Mẹ Nhài rút ngăn kéo, lôi ngay ra cuốn vở, lật vài trang rồi chìa ra trước mặt Tuyên:

— Số nợ của cậu nhiều quá rồi! Chả phải tôi không tin cậu, nhưng mà nhà hàng ít vốn, giật chỗ này đắp chỗ kia, cậu hiểu cho! Chỉ có mình cậu thôi đấy, chứ chả ai uống chịu nhiều đến thế bao giờ...

Giọng bà lớn quá, khiến đám khách ngồi rải rác trong quán đều nhất loạt quay sang phía Tuyên. Gã lão đảo đứng dậy bước ra ngoài, nghiêng rặng tự nhủ:

— Mẹ con nhà mày, thế nào ông cũng cho một quả lựu đạn!

Gã cầm đầu bước đi, nhưng không biết đi đâu. Gã dừng lại ở một ngã tư, định băng qua đường thì tình cờ bắt gặp một thanh niên chở người đàn bà lớn tuổi trên chiếc Honda quen thuộc của Tuyên mà Ngọc đã tịch thu đem giấu mấy tháng trước đây. Tuyên hồi hộp muốn hét lên vì tiếc nuối. Chiếc Honda đến gần rồi lăn chậm qua trước mặt Tuyên. Gã há hốc mồm nhận ra người đàn bà trên xe chính là chánh án Phùng thị Lý. □

Tiếng Chim Gọi Đàn

Minh Đạo

phỏng theo FRANCOIS JARNO

Lời người dịch: Nhân ngày Quốc Tế Nhân Quyền 10 tháng 12, ông Francois Jarno gửi cho tôi một bản l'Invitation dưới hình thức một bức thư ngỏ, một lời mời gọi, lời chiêu thỉnh. Bức thư khá dài, 11 trang giấy in. Tôi chỉ phỏng theo và giữ lại vài ý chính. Nhân tiện, cũng xin trình bày vài ý kiến cá nhân.

Ông Francois Jarno là một người Pháp trẻ tuổi bình thường. Trời lạnh dưới 5 độ âm, tuyết rơi trắng trời đất, một mình ông đi gõ cửa từng nhà để phân phát lá thư ông viết và in ra bằng phương tiện cá nhân. Không có gì thúc đẩy ông làm việc ấy, trong thời tiết khắc nghiệt này, ngoài "tấm lòng mong mỗi cháy tê tê" (Thâm Tâm) được sống trong một thế giới yên ổn và lành mạnh hơn. Ông không nhận danh một tổ chức, một đảng phái chính trị hay vì quyền lợi cá nhân nào. Ông khiến tôi nhớ tới Mặc Tử, suốt đời thiếu thốn lang thang đi khắp nơi kêu gọi nơi mỗi người một tấm lòng khiêm ái và hoà bình. Ông Jarno không phải là Mặc Tử, ông sinh ở phương tây hơn hai nghìn năm sau. Nhưng đông hay tây thì cũng vậy. Thời nào, nơi nào cũng có những người tốt, người xấu; thời nào nơi nào cũng có những cảnh người bắt nạt người, nhân quyền bị xâm phạm. Nên vẫn cần những cá nhân, những tổ chức tranh đấu cho việc thực thi và tôn trọng những quyền và tự do bất khả chuyển nhượng của con người.

Ở Việt Nam hiện nay, nhân quyền đã và đang bị chà đạp một cách có hệ thống và rộng khắp. Ba phần tư dân Việt đói cơm thiếu áo; bảy mươi phần trăm trẻ em Việt Nam bị còi, độn vì thiếu dinh dưỡng và làm việc cực nhọc. Nhà tù và công an đầy dẫy. Cảnh bắt bớ, ruồng bỏ ngày đêm không cần pháp luật và xét xử vẫn diễn ra. Ở đây còn tồn tại một chính quyền giáo điều mù quáng vào bậc nhất thế giới. Những người trốn tránh chế độ tàn bạo ấy thay vì tìm được tự do lại lọt vào nhà tù và đang bị cưỡng bách trở về với chế độ, về một nhà tù mà họ vừa thoát ra. Thế mà bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền và bản Công ước Genève về các quyền tị nạn vẫn còn sờ sờ ra đấy!

Hai trăm năm trước, hàng chục ngàn người Anh lìa bỏ quê hương vì lý do tôn giáo để đến một vùng đất xa lạ và đã xây dựng nên một quốc gia hùng mạnh nhất hành tinh. Ngày nay người ta tôn vinh những nhà tiên phong ấy như những anh hùng lập quốc. Cùng thời gian ấy, những kẻ tù phạm, những tay phiêu bạt, những nhà mạo hiểm... gốc Anh đã kéo đến một lục địa xa lạ. Đó là thế hệ tiên phong của nước Úc thịnh vượng ngày nay. Hàng trăm ngàn người Pháp phải lưu vong thời cách mạng Pháp 1789 và trong suốt thời gian Pháp bị Đức Quốc Xã xâm chiếm. Hiện nay, khoảng bốn triệu người

Pháp còn sống ở nước ngoài. Hàng chục, hàng trăm ngàn người Hương Cảng cũng rục rịch ra đi chỉ vì viễn ảnh một chế độ hà khắc, dù còn rất xa...

Suốt hai trăm năm nay, không ai bảo những người tiên phong ở Mỹ và Úc là bọn "di dân kinh tế", "bọn ăn bám". Họ được tôn vinh là lớp người giàu nghị lực và can đảm. Họ đã đổ mồ hôi, nước mắt và cả máu để góp phần vào việc xây dựng quê hương mới. Và con cháu họ sau này, sau thảm kịch của hai cuộc thế chiến, đã khởi xướng và góp phần viết lên bản Tuyên Ngôn Quốc Tế về Nhân Quyền năm 1948. Năm 1951, trong khung cảnh một cuộc chiến tranh lạnh gay gắt, người ta ký bản công ước Genève để bảo vệ và khuyến khích con người từ bỏ các chế độ bạo ngược đi tìm tự do.

Từ 1975, gần hai triệu người Việt Nam bỏ nước ra đi tìm tự do và phẩm giá của mình. Những nhóm người đầu tiên ra đi bất chấp hiểm nguy và chết chóc đã được các nước đón tiếp rầm rộ, giúp đỡ tận tình.

Chế độ cộng sản ở đâu, thời nào cũng vậy, vẫn luôn luôn là một chế độ tàn bạo. Chừng nào chế độ ấy còn thì vẫn còn người bỏ nước ra đi tìm tự do. Nhưng từ vài năm nay, tự dung những người đi tìm tự do ấy bị gán cho danh từ "di dân kinh tế" để phải chịu áp lực buộc họ "tự nguyện hồi hương".

Thật ra cũng chẳng có gì khó hiểu: Quyền lợi đối khác thì lòng người cũng đối khác. Chiến tranh lạnh đã chấm dứt. Người ta đang mời nhau uống sâm-banh và bàn cách tống khứ cho nhanh những kho vũ khí nguyên tử, cuốn lại các ngọn cờ và khẩu hiệu. Người ta cố bịt mắt lại để tin rằng chế độ cộng sản ở Việt Nam trước kia có xấu thật, có tàn bạo thật, nhưng vài năm nay bỗng dưng đối khác! Tự do, bác ái đủ cả! Lại biết tôn trọng cả nhân quyền nữa nên những người trốn tránh chế độ ấy ra đi chỉ vì lý do kinh tế thôi!

Ví dầu tình bầu muốn thôi,

*Bậu gieo tiếng dữ cho rồi bậu ra!
Biết làm sao!*

Nhưng vẫn còn có những người như Francois Jarno hay những nhân viên thiện nguyện của hội Hồng Thập Tự quốc tế đội tuyết đứng ngoài đường tuyết từng đồng bạc lẻ góp phần làm giảm nỗi đau của con người. Tôi vẫn tin tưởng và hy vọng. Dù sao, học thuyết Mác-Lê và chế độ cộng sản, trong thực tế, đã tiêu ma rồi. Một nhóm nhỏ cầm quyền không phải là cả khối dân tộc tôi. Trong cái rủi có cái may. Những đồng bào tôi bị cưỡng bức trở về, bị dồn vào đường cùng, có thể sẽ là những người đi đầu trong sự nghiệp lật đổ chính quyền cộng sản ở Việt Nam.

Tôi là một con người. Không biết cơ duyên nào đã xui khiến cha mẹ tôi gặp gỡ nhau và kết quả của cuộc tao ngộ tuyệt vời này là sinh ra tôi, để từ đó, tôi mùa may không ngừng trên cõi đời này.

Trông tôi cũng đường bệ, vững vàng, râu tóc tươi tốt nên cũng ra vẻ lắm! Tôi có cái mũi hơi khoằm để thưởng thức hương thơm các loài hoa; một cái miệng háu ăn, ưa các thức ngon vật lạ; đôi mắt tinh để tha hồ thưởng ngoạn mọi sắc màu

và đôi tai rất thính chẳng chê bỏ một nhịp nào của bản hoà tấu viết cho dương cầm của Chopin hoặc một truyện thần tiên tuyệt hay của Swing. Tôi cũng có giới tính và biết "yêu đương" như ai.

Tóm lại, tôi là một người bình thường, không xấu không đẹp, chẳng xuất sắc gì lắm mà cũng không đến nỗi quá xoàng xĩnh; không khéo xử và cũng chẳng đến nỗi thô lỗ tục tằn.

Tên tôi là Nguyễn, như hàng triệu ông Nguyễn khác. Tôi khoảng 25 tuổi. Một phần tư thế kỷ đã trôi qua kể từ khi tôi rời cuống rốn. Hai mươi lăm năm tròn trĩnh như 25 trái táo đã chín mềm, rụng rơi.

Bây giờ, để tự giới thiệu đầy đủ hơn, tôi phải bước sâu vào lãnh vực mà thường ngày và trong suốt cuộc đời tôi, đòi hỏi nơi tôi nhiều nghị lực và khả năng. Đó là lãnh vực chọn các hành động và các giá trị xã hội, nói chung.

Trước tiên, có vẻ hơi ích kỷ, lý do thúc đẩy tôi hành động là việc mưu cầu hạnh phúc cho bản thân. Tôi mong muốn giảm bớt càng nhiều càng tốt phần đau khổ mà tôi phải chịu và tìm kiếm tối đa những điều làm tôi ưng ý và thoả mãn. Chẳng phải chỉ mình tôi biết mưu cầu hạnh phúc. Niềm khát khao hạnh phúc cho bản thân và những người

thân yêu vẫn luôn luôn bập bùng ẩn hiện trong hàng tỉ người chúng ta, ngay cả lúc khó khăn, cực nhọc, trong những hoàn cảnh đôi khi tàn bạo và cay nghiệt. Thứ đến, cũng vẫn là việc mưu cầu hạnh phúc, nhưng trên phạm vi rộng lớn hơn: hạnh phúc cho mọi người và những gì thuộc về ích lợi chung. Nói vắn tắt: tôi muốn sống trong một thế giới điều hoà và tốt đẹp.

Điều này có thể coi như một lý tưởng mà tôi và mọi người cùng vươn tới: Lý tưởng về một nền hoà bình và một tình trạng hoà hợp phổ quát, một lý tưởng chung có thể làm vừa lòng mọi người.

Tôi là một người lý tưởng chủ nghĩa, một thứ duy tâm, không tưởng hay đại loại như vậy. Dù đôi khi có bị dèm pha này nọ nhưng tôi vẫn vui lòng. Người ta đã cố tình hình dung một người lý tưởng chủ nghĩa như một kẻ hảo huyền, đi trên mây!

Tôi cho rằng hình ảnh này quá ư giản lược, một bức hí hoạ tồi. Người lý tưởng chủ nghĩa là người, bằng tất cả tình yêu và trí tuệ của mình, hướng tới việc thực hiện một lý tưởng chung, không phải chỉ triết lý suông.

Để nêu lên một hình ảnh tượng trưng, tôi nghĩ tới một cái cây cổ cắm sâu rễ vào lòng đất để có thể vươn cao hơn nữa, mở xoè hoa lá về phía ánh sáng. Vì thế càng nên có nhiều người lý tưởng chủ nghĩa. Nếu càng nhiều người trong chúng ta cùng góp phần thực hiện một mục tiêu chung thì mục tiêu đó càng chóng đạt được. Mục tiêu càng chóng đạt, càng có thêm người tham dự. Có thể số người lý tưởng chủ nghĩa không nhiều lắm, nhưng tôi tin rằng số người bàng quan, lãnh đạm với công ích cũng không đông.

Mục tiêu chung phải được thực hiện trên qui mô rộng khắp. Nhưng trước hết phải nhìn thế giới không qua thiên kiến và giáo điều mù quáng. Thế giới đã luôn bị chao đảo. Các tội ác, nạn diệt chủng, các chính thể bạo ngược, nạn đói và sự



chập chờn

*Còn dài nỗi nhớ thêm sâu
Từ em đi, biển thêm đau dậm trường
Say tôi giấc mộng tơ vương
Sâu trong tim một mùi hương chập chờn*

hoàng việt thi

xúc phạm các giá trị thiêng liêng đã xảy ra. Trên đại thể lúc nào cũng vẫn có những khía cạnh tích cực, những điều hay ở chỗ này, đồng thời cũng có những tiêu cực, những điều tồi tệ ở chỗ khác.

Tình trạng này cứ thế kéo dài mãi sao? Nó có thể cứ ù lì mãi như vậy không? Tất nhiên không! Bởi vì tôi luôn luôn tin tưởng rằng một thế giới điều hoà hơn, tốt hơn sẽ được thực hiện. Đối tượng nào thì mục tiêu ấy. Nhưng tôi chỉ gắn bó với những gì có thể mang lại lợi ích chung. Nhưng cũng rõ ràng để tiến tới mục tiêu chung ấy, chúng ta đã đi theo những con đường khác nhau và đã dùng những biện pháp kém hậu quả, nhiều khi tồi tệ. Bằng chứng ư? Xin thưa:

Ba mươi ngàn trẻ em chết đói mỗi ngày. Thoả mãn những nhu cầu thiết yếu trước mắt vẫn là mối ưu tư hàng đầu và cấp bách của đa số nhân loại. Tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận vẫn chưa được hoàn toàn tôn trọng ở nhiều nơi trên thế giới. Cảnh người hành hạ người vẫn diễn ra trên khắp các lục địa...

Quả thật trên thế giới còn diễn ra nhiều cảnh lâm than thống khổ. Nhưng tôi không phải là nhân loại, chẳng là thế giới, không là mọi người. Tôi không thể quyết định thay cho mọi người được. Tôi chỉ là tôi, một cá nhân nhỏ bé trong cái biển nhân loại mênh mông này. Sau khi tìm hiểu vấn đề qua các sự kiện cụ thể và khách quan, tôi đặt cho mình một câu hỏi then chốt và dứt khoát: Trong khả năng khiêm tốn của mình, tôi phải làm gì, đóng vai trò nào trên sân khấu vĩ đại của thế giới?

Các tự điển chỉ rằng một phương trình đẳng thức gồm hai đại lượng bằng nhau. Một phương trình của lượng tri có thể thiết lập như sau: Sự lượng giá trình độ của lượng tri bằng với trình độ tôn trọng những quyền và tự do căn bản bất khả chuyển nhượng của con người.

Con người đã lập nên thế giới. Nếu muốn thế giới tốt hơn thì con

người cũng phải trở nên tốt hơn. Và để chinh đốn lại thế giới, mỗi cá nhân, trong phạm vi của mình, cũng phải tự chinh đốn bản thân. Tôi tin đó là một lý lẽ đứng đắn.

Cuối cùng, có hai cách nhìn: Một là coi nạn lạm phát, đời sống đắt đỏ khó khăn, nạn thất nghiệp... là trách nhiệm của những nhà chính trị. Các nhà cầm quyền phải tìm ra giải pháp cho những vấn đề ấy. Hai là ý thức rằng các vị tổng trưởng, các nhà lãnh đạo và những ai khác cũng chẳng hơn gì ta, cũng chỉ là những phần tử sống và suy tưởng, ý thức được ít nhiều về trách nhiệm bản thân với cộng đồng nhân loại. Từ tư cách đó, họ và ta, mỗi người đều có một vai trò để đóng góp cho cộng đồng nhân loại: chinh đốn lại bản thân mình. Đó là điều tôi muốn đạt tới và lời mời gọi này có thể coi như một tờ động viên về sự cần thiết phải cải tiến bản thân để tham dự vào phong trào chung làm lành mạnh thế giới.

Viễn tượng một thế giới tương lai thật sự tốt đẹp là điều khích lệ, động cơ thúc đẩy tôi. Dĩ nhiên sẽ có những khó khăn, chán nản rình rập tôi, những thói hư tật xấu lưu cữu, những thiên kiến và óc thủ cựu, tính ích kỷ hại nhân ngăn cản tôi trở nên một người quân bình và lành mạnh. Nhưng đó chỉ là chuyện phụ. Điều chính yếu là tôi phải có óc tiến thủ, kiên trì đổi mới hàng ngày, mỗi ngày một mới (nhật nhật tân). Tôi liên tưởng tới một mặt hồ xao động khi thời tiết xấu nhưng dưới đáy vẫn yên lặng, trong trẻo. Tôi muốn là một phần tử bình yên và trong sạch, một tế bào lành mạnh trong một thân thể lành mạnh, một tế bào khôn ngoan. Quả thực, sự thiếu khôn ngoan đã là đầu mối của mọi khiếm khuyết, bất ổn trên thế giới.

Trí thông minh kỹ thuật đã làm ra biết bao sản phẩm kỳ diệu. Những phát minh kỹ thuật đã mở ra cho con người những chân trời mới. Nhưng chỉ sự khôn ngoan mới giúp chúng ta biết sử dụng những phát minh ấy vào những mục tiêu

xây dựng hơn là phá hoại. Một thế giới khôn ngoan đòi hỏi những cá nhân khôn ngoan.

Nhưng thế nào là khôn ngoan? Có phải là thái độ đứng ngoài lẽ, phớt lờ? Cách xử thế kiểu "sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi"? Lối sống vô ý thức, lợi dụng mọi hoàn cảnh để thu về cho mình càng nhiều lợi lộc càng tốt? Hoặc rõ ràng hơn, cái khôn ngoan của một tay tỉ phú làm giàu bằng cách cung cấp ma túy cho giới trẻ trên khắp các lục địa?

Sự khôn ngoan dứt khoát không phải như vậy! Trở nên khôn ngoan hơn, theo tôi, là trở nên một con người lành mạnh và quân bình, sáng suốt hơn, tử tế hơn. Vì việc sửa đổi thế giới khởi đầu từ mỗi cá nhân nên mỗi người phải tự sửa mình trước khi dòm dỏ người bên cạnh. Điều này đâu có xa lạ gì với tri thức đại chúng, với tục ngữ có từ hàng nghìn năm: "Tiên trách kỷ, hậu trách nhân" hay "Chân mình thì lấm bết, lại cầm bó đuốc mà rê chân người"*.
□

Tóm lại, việc tẩy rửa thế giới khởi đầu từ việc mỗi cá nhân dọn dẹp sạch sẽ căn nhà của mình và mời gọi mọi người cùng tham gia. Không thể ép buộc, dù dưới hình thức nào, bắt cứ ai, phải tham gia vào phong trào chung. Chỉ nên mời gọi, như một tiếng chim gọi đàn, bằng các biện pháp truyền thông, kêu gọi ý thức trách nhiệm của bản thân trước lợi ích chung của cộng đồng. Đó phải là một ý thức tự giác và tự do. Không ai có thể buộc một ông X nào đấy phải cải tiến bản thân, giảm thiểu khuyết điểm đồng thời phát huy các phẩm chất tốt đẹp nếu chính ông ta không ý thức và tự quyết định làm như vậy. Bởi vì, X là X, không ai có thể quyết định thay cho ông ta được.

* Tục ngữ Pháp trong nguyên tác: "Avant de regarder la paille qu'il y a dans l'oeil du voisin, il faut commencer par regarder la poutre que l'on a dans son propre oeil" ou "Charité bien ordonnée commence par soi-même".

xóm măng

Mưa Cuối Năm

Ngô Nguyên Dũng



Một tiếng sấm xé trời làm Cún 2 co người lại như con tôm, trùn chần kín mít để khỏi nhìn thấy lần chớp sáng rực đe dọa xuyên qua khung kính đóng. Mưa đêm cuối năm tầm tã. Cún 2 không ngủ được, nằm nghĩ ngợi lan man. Mấy năm trước, Cún còn nhỏ, vào những đêm to gió lớn như thế này, mẹ dỗ Cún ngủ bằng cách kể chuyện. Chuyện kể của mẹ không có những lâu đài tráng lệ, những hoàng tử tuần tú, những công chúa xinh đẹp hay những bà phù thủy mũi khoằm với giọng cười the thé; mà hiền hậu dễ thương vô cùng. Đây là cung điện mái cong ngó ra khu rừng mai mùa xuân đơm bông trắng cành. Đây là người em chân chất may túi ba gang leo lên lưng quạ bay đến núi vàng. Đây là những con chim do Bụt hóa phép tới giúp con Tấm lựa thóc...

Những mẩu chuyện cổ tích rời rạc ấy lần lượt hiện ra trong trí Cún 2 đêm nay. Mưa vẫn nặng hạt. Sấm sét vẫn sáng loé đi đùng. Cuối cùng, không chịu nổi, Cún tức chần, rón rén bò sang giường Cún 1. Vừa thả người nhẹ nhàng xuống mép giường thì có tiếng gắt làm Cún 2 giật mình, muốn rớt xuống đất:

— Làm gì đó chó con?

Cún 2 lấp bắp:

— Em không ngủ được, em s..ợ... quá hà!

— Sợ cái gì?

— Sợ tiếng sấm.

Cún 1 nghĩ thầm, không lẽ mình thú nhận là mình cũng thổ đề như nó sao, đâu có được! Nhưng im lặng là đồng lõa, nên Cún 1 vội vã cất tiếng rù rì:

— Có gì đâu mà sợ?

— Tự nhiên thấy sợ. Anh cho em ngủ ké đêm nay.

Như sợ Cún 1 không đồng ý, Cún 2 tiếp lời, giọng mềm như ướp mặt:

— Chỉ một đêm nay thôi!

Trong bụng Cún 1 tuy đã ưng thuận từ lâu rồi, nhưng vẫn giả bộ:

— Lần cuối cùng nghe không?

Cún 2 mừng rơn, thốt lời văn hoa rẻ tiền cóp nhặt từ mấy bài hát thời thượng:

— Lần đầu mà cũng là lần cuối.

Được một lát, trong bóng đêm cuối năm tối mịt vang lên se se giọng Cún 1:

— Ngủ chưa chó con?

Tiếng theo là tiếng chần nệm sột soạt và giọng Cún 2 ráo hoảnh:

— Chưa.

— Có lẽ tại chật chội nên không ngủ được.

Một tiếng sấm nổ ầm làm Cún 2 sợ hãi ôm lấy anh. Cún 1 thì thầm mấy điều tưởng tượng:

— Ngọc Hoàng đang nổi trận lôi đình vì cho tới giờ này vẫn chưa thấy bóng dáng ông Táo đâu.

Cún 2 thắc mắc:

— Ông Táo đi đâu mà không chịu lên châu trời?

— Ông Tám ham chơi, năm nào cũng về trời trễ. Hơn nữa, đường về trời xa xôi, phải đổi mấy bay mấy bận, ông Táo tới chậm là chuyện thường. Anh nghe mẹ kể lại, ông Táo linh quính đến nổi, lên châu trời mà quên mặc quần!

Cún 2 chặc lưỡi:

— Ông Táo hư quá!

Cún 1 “ừ” khẽ rồi cong mình nằm

ngiêng, lên tiếng đề nghị:

— Chắc anh em mình phải nằm theo kiểu cá hộp mới ngủ được chớ con ạ.

— Là sao?

— Anh và Cún phải nằm ngược đầu.

Cún 2 ngồi dậy, vừa đổi thế nằm vừa cười rúc rích:

— Em hiểu rồi anh Cún ơi!

— Hiểu cái gì?

— Hiểu lời bố vẫn nói với mấy chú, mấy bác: “Về nhà, nằm gác chân lên trán mà suy nghĩ!”... Mà nè, trước khi đi ngủ, anh có rửa chân theo lời mẹ dặn không đó?

Cún 1 đáp yếu xù:

— Có.

Rồi lặng lẽ nhích chân ra xa. Cũng may, Cún 2 không hỏi gì thêm. Lại im lặng. Mưa vẫn dạt dạt ngoài vườn đêm. Lâu lâu căn phòng bừng lên ánh chớp, rọi những hình thù kỳ dị lên tường nhà trắng toát. Mỗi lần như vậy, Cún 2 lại nhắm kín mắt. Trong trí Cún hiện ra nhợt nhạt những khuôn mặt gớm ghiếc. Cún nhắc đầu tìm hai chân anh. Tự nhiên Cún nhớ tới câu chuyện mà Kiki đã có lần rêu rao: “Thật ra Cún đâu phải là con của bố mẹ. Bố thật của Cún là ông cùi. Mẹ thật của Cún là bà ăn xin ngoài chợ. Nuôi không nổi nên mới gở của nhà bố mẹ nhờ nuôi giùm. Bố mẹ thấy hoàn cảnh đáng thương nên nhận Cún về làm con...” Nghe tới đó, mặc dù ngoài mặt ngình ngang gân cổ lên cãi: “Sức mấy. Xạo ke. Dóc tổ”, nhưng trong bụng Cún hoang mang ghê lắm. Trời, mặt mũi mình lạnh lặn như vậy mà chị Kiki dám bảo mình là con của người cùi. Dù Cún 2 biết Kiki đặt điều vu khống trắng trợn, nhưng không biết đối phó bằng cách nào. Rốt cuộc Cún chỉ biết le te chạy vào nhà bếp, nước mắt lưng tròng, giật giật áo mẹ, vừa phân trần vừa chỉ trỏ vu vơ: “Mẹ ơi, chị Kiki nói bố ruột của con là ông cùi, còn mẹ ruột của con là mẹ ăn xin ngoài chợ, thật không mẹ... Thật không?” Mẹ cất giọng an ủi: “Kiki nói vậy, để lát nữa mẹ rầy”. Nghe giọng mẹ thần

nhien, Cún 2 đâm ra nghi ngờ, hỏi tới: “Chị ấy bảo con là người dung nước lã trong nhà này, là cuống ruột thừa ngoài ngàn dặm nữa đó mẹ, đúng không mẹ?” Mẹ dùng tay xất hành, mắt đỏ hoe nhìn Cún: “Sao các con nhiều chuyện quá vậy? Không thấy mẹ bận làm bếp hay sao? Đi chỗ khác chơi, chờ bố về xử”. Cún 2 đành ầm ức, ngoe nguẩy bỏ vào phòng riêng. Tối đó, sau bữa cơm, vụ án Hàn Mặc Tử số 3 được bố xét xử như sau: Kiki can tội vu khống và sỉ nhục Cún 2, bị cúp tiền quà một tuần và phải chần hai em bé vịt một tháng trời thay em. Tuy thắng kiện, nhưng Cún 2 vẫn cảm thấy không vui chút nào. Hỏi Cún 1, người mà bố vẫn thường gọi là “chàng trẻ tuổi thâm lặng”, thì được biết, kể từ nay cho tới... chết, Cún 2 sẽ không bao giờ quên mấy điều Kiki tuyên bố. Đúng vậy, tự đứng đêm nay, khi ngoài trời mưa to, sấm sét lăm, Cún 2 suy nghĩ tới mẩu chuyện kia và cảm thấy buồn buồn làm sao ấy.

Cún 1 trở mình, thở khi một cái. Cún 2 hỏi nhỏ:

— Chưa ngủ sao anh?

— Chưa.

— Em buồn quá anh ạ.

— Buồn thì ngủ đi!

— Không, em buồn chuyện khác, không phải buồn ngủ, mà giống giống như bài hát mẹ ư ca: “*Không biết đêm nay vì sao tôi buồn...*” đó anh!

Giọng Cún 1 chợt xôn xao:

— A, anh biết tại sao mình khó ngủ rồi chớ con ơi!

— Tại sao vậy anh?

— Vì lúc này, sau khi cúng ông bà, mình bắt chước bố uống trà, ăn kẹo đậu phộng và kẹo mè xừng.

Cún 2 tán đồng:

— Em ních một bụng kẹo nên khó ngủ quá trời!

Cún 1 giải thích:

— Không phải tại kẹo, mà tại trà.

Cún 2 thắc mắc:

— Bây giờ phải làm sao?

— Đành nằm chờ chờ biết làm sao bây giờ!

Cún 2 nhớ tới những câu chuyện

mẹ ru Cún ngủ ngày xưa, đề nghị:

— Hay anh kể chuyện cho em nghe đi, thế nào em cũng ngủ cho mà coi!

— Còn anh thì sao?

— Anh thấy em ngủ, sẽ... bắt chước ngủ theo.

— Khôn vừa vừa thôi chớ con.

Cún 2 đổi kiểu nằm, giọng dềo quẹo:

— Em nói thiệt mà!

Cún 1 suy nghĩ một lát rồi nói:

— Mà anh đâu có biết nhiều chuyện cổ tích như mẹ.

— Thì kể chuyện khác.

— Anh cũng không biết chuyện lịch sử, chuyện loài vật...

— Thì kể chuyện khác.

— Anh chỉ biết kể chuyện ma mà thôi!

Kèm theo câu nói của Cún 1 là tiếng sấm chát chúa. Cún 2 giật mình, ôm cứng lấy anh, giọng run rẩy:

— Em thích... nghe chuyện... ma...a...a... lắm!

Cún 1 tỉnh bơ thủ thỉ:

— Em thích nghe chuyện nào? Chuyện quỷ Dracula hút máu người, chuyện ma lai rút ruột hay chuyện con ma vú dài?

Cún 2 cứng đờ người, không thốt nên lời. Chập sau mới lập bập ngổ ý:

— Em không ưa a...ác quỷ... Dâu-cù-là, cũng không thích ma lai r...u...t ruột, chỉ thích con m...a...a vú... dài mà thôi!

Nói xong, Cún 2 trằm chằm, nhắm chặt mắt lại. Cún không còn nghe tiếng mưa rơi nữa, cả tiếng sấm xé trời, chỉ bắt được mỗi giọng Cún 1 thì thảo kế lể như sắp tàn hơi. Lâu lâu căn phòng rực sáng như đồng lửa cùng Cún 1 hù nhát Cún 2. Mặc dù Cún 1, Kiki và Cún 2 đã nghe bố mẹ kể đi kể lại những câu chuyện hoang đường này tới thuộc nằm lòng, vậy mà mỗi khi nghe lại, Cún 2 vẫn rúm người sợ hãi. Cún 2 tưởng tượng ra cảnh con ma vú dài ngồi tắm bên bờ sông, mắt xanh như mắt mèo, lưỡi đỏ như lửa...

Giọng kể của Cún 1 từ từ nhỏ dần, chợt bung ra sống động khi tới

hồi hấp dẫn, rồi chìm vào bóng tối
lùng bùng. Cún 2 thiếp ngủ lúc nào
không hay.

Sáng hôm sau, khi gõ cửa bước
vào, Kiki thấy Cún 1 và Cún 2 ôm
nhau ngủ như hai con khỉ. Miệng
Cún 2 còn ngậm ngón tay cái. Chăn
nệm xô lệch. Kiki tới lay Cún 1 và

Cún 2, lớn tiếng gọi:

— Dậy, dậy thôi! Mừng một Tết
mà ngủ gì dữ vậy?

Cún 2 cựa mình, mút chụt chụt
ngón tay. Cún 1 nhướng cặp mắt
mệt mỏi, nhìn quanh quất. Nắng
rót đầy áp căn phòng nhỏ, chói loà.
Cún 1 giụi mắt, lèm bèm:

— Trễ học mất tiêu rồi!

Kiki nói nhanh:

— Hôm nay là mừng một Tết, bố
mẹ xin phép trường cho tụi mình ở

nhà một ngày.

Cún 1 lắc mạnh vai Cún 2:

— Cún ơi, dậy mau, còn mặc
quần áo mới ra mừng tuổi bố mẹ và
được tiền lì xì.

Cún 2 lồm cồm ngồi dậy, nét mặt
bơ phờ. Cún 1 hỏi dò:

— Đêm qua em nằm mơ thấy gì?

Cún 2 thả phịch người xuống
nệm, nhóp nhép miệng như con cá
mắc cạn:

— Em thấy... thấy... chơi bài cào,
thua hết trơn, khóc... khóc quá
trời!

xuân

Đâu hương sắc hoa đào

Dậy về trong nỗi nhớ

Mùa xuân đến chỉ muốn là muôn thuở

Lâng lâng mãi mãi gót sen hồng.

Vui thật sự là vui của nỗi lòng

Buồn man mác cũng là vui ý nhị

Buồn thật nhiều để tôi làm thi sĩ

Bớt tương tư trước đoá hoa đời.

Hỡi nàng xuân

Em hãy mỉm cười

Cho ta thấy sắc hồng trong gió nhẹ

Xuân bước về xoay mình thật khẽ

Chớ nể lòng thiên hạ đứng dang tay.

Ta đón xuân, xuân đến tại đây

Ta đón xuân trong hàng rào dây thép

Con én liệng không qua vùng đất hẹp

Búp chồi non đâu có để mà đau!

Em gái ơi, những sợi tóc trên đầu

Không vương nổi một giọt tình của nắng

Ở nơi đây chỉ nền bê-tông nặng

Phủ lên trên những ánh điện vàng

Và xuân nay ta thấy bề bàng

Chưa đủ phúc để hưởng đời tị nạn

Từ quê hương ta bước đi ngạo mạn

Có hề chi sóng gió dập vùi.

Ta đón xuân tung hứng những niềm vui

Bởi đau khổ cũng là lời tuyệt đỉnh

Hỡi nàng xuân, ta ngắm nàng cung kính

Qua thơ xuân man mác vị hương thầm.

Gió êm về san sẻ khối tình thâm,

Cho tròn lại nỗi buồn ai ly biệt.

Phải, xuân này nhớ về da diết

Khi quê hương khoác áo xuân hồng

Đón xuân không có rượu nồng

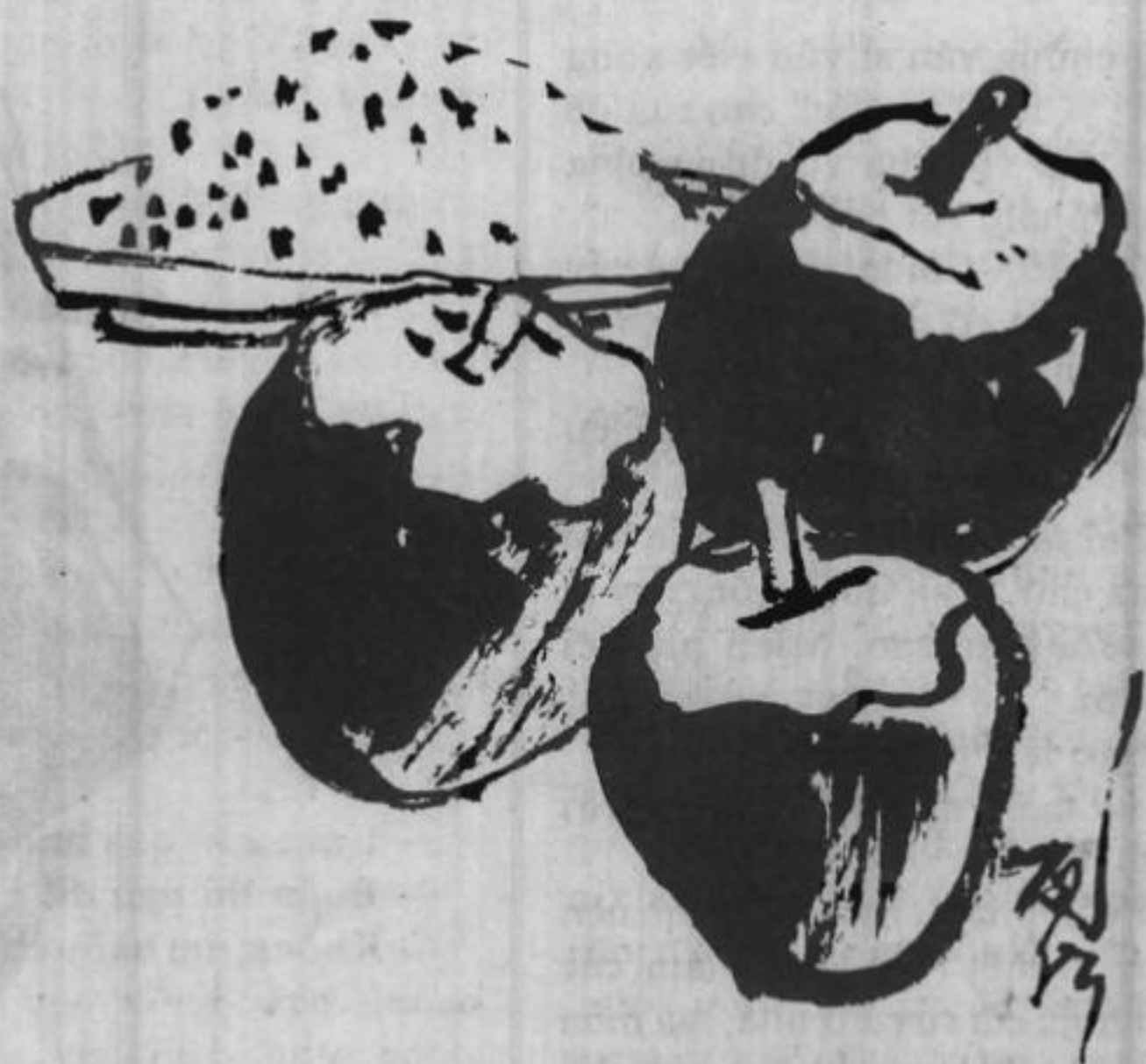
Đón xuân chỉ có tơ lòng đây thôi

Xuân về xin đổi đôi môi,

Xuân về xin có hoa đời trao xuân.

nguyễn quang phục

(Whitehead, Hongkong)



xuân chưa sang

Mang nỗi đau theo năm cùng tháng tận

Đời chao nghiêng sự thể nặng vai gầy

Quê nghìn dặm như tường chừng kẻ cận

Đất trời chung ta đành đoạn riêng tây.

Đêm trừ tịch vẫn chiếc thân lưu lạc

Hồn băng khuâng mơ hương khói quê nhà

Đêm thấp nển vọng mùa xuân đỏ nét

Chút an lành còn xót cũng lìa xa

Ngày đốt tuổi trên nhọc nhằn cơm áo

Ngụ quê người với nửa kiếp gian nan

Ngày cúi mặt giữa phố phường huyền ảo

Trong âm thầm ta mong đợi xuân sang.

vạn giả

Chợ Trần Cối

Phạm Thăng

Ông chồng văn sĩ vừa viết xong ba chữ: "Chợ Trần Cối" cho tựa đề chuyện sắp viết, bà vợ đứng phía sau đọc nhầm rồi hỏi:

— Ủa, Trần Cối là cái món gì vậy anh? Sao lại có chợ này, em chưa biết?

— Ấy ăy, thủng thẳng em sẽ hiểu mà...

— Em muốn biết rõ để mình đến đó mua chớ. Anh quên hôm nay là ngày cuối tuần sao. Mình phải đi chợ chơi.

— Sao lại "phải" hở em?

Bà vợ ngập ngừng rồi cười cười trả lời:

— Phải, phải... nghĩa là mình nên đi chơi, vì suốt tuần anh đi làm, các con đi học, em ru rú ở nhà, mà mùa này tuyết trắng xóa không còn chỗ đi dạo, mình chỉ có nước "phải" vào các chợ để mua đồ thôi. Mà hồng phải em muốn đi mua sắm gì cho em đâu nghen. Em chỉ muốn đi chợ để... dạo tới dạo lui cho đỡ cuồng chân vì mùa tuyết dài cứ nằm nhà.

Ông chồng lấy kiếng ra lau, nheo mắt nhìn vợ, hóm hỉnh hỏi:

— Có thiệt không đó? Một trăm lần đi dạo là một trăm lần mua đồ, xách linh kinh. Các bà đi *shopping* chớ dạo diếc gì đâu.

Chợt thấy mặt bà vợ xụ xuống, ông chồng nói vuốt:

— Nhưng mà các bà mua đồ cũng phải. Bởi vì ở xứ Bắc Mỹ lạnh lẽo này, họ xây dựng cái *mall*, cái

shopping center to lớn, rộng rãi, gồm nhiều gian hàng bán đủ thứ thượng vàng, hạ cám, hồng lẽ chỉ dành cho các ông bà già đi... vòng vòng dạo mát?

— Đúng vậy đó anh, ở xứ này vào mùa tuyết phủ đầy công viên, thiên hạ chỉ biết đi vào các "chợ" này để vừa đi lang thang vừa mua đồ. Tâm lý đám nhà giàu xứ này bỏ tiền ra xây cất *shopping center* biết rõ nhu cầu người dân "phải đi" vào ngày cuối tuần. Ngày thường mắc đi làm từ tờ mờ sáng đến chiều, suốt năm ngày, chỉ có hai ngày thứ

bảy, chúa nhật đưa vợ con đi chợ mà anh còn thắc mắc sao? Ờ mà em hỏi lại anh, Trần Cối là món gì vậy, có ngon không?

Ông chồng cười cười ra vẻ bí mật. Bà vợ láu táu nói tiếp:

— Ồi, em biết rồi. Em có coi phim Hồng Kông, Trần Cối là cha nịnh thần hãm hại Nhạc Phi, dân chúng rất oán ghét nên khi làm bánh giò-cháo-quẩy chiên trong dầu sôi, họ nói chiên vợ chồng Trần Cối. Vậy cái chợ Trần Cối của anh là chợ giò-cháo-quẩy ở *downtown* chớ gì!

— Em nói trúng có một phần,



còn trật ráo hết. Ở *downtown*, chợ Tàu có tiệm bán bánh và giò-cháo-quẩy, nhưng đâu có tên chợ Tân Cối. Thôi, đừng có nóng nảy, chính vì đang nhớ đến những cái chợ ở Việt Nam mà anh đang sắp viết về chợ Tân Cối ở bên nhà đây.

Nghe đến Việt Nam, bà vợ thoáng chút mơ màng:

— Ừa, chợ Tân Cối nào kia? Chợ Lớn, chợ Bến Thành, chợ Bà Chiểu, chợ Tân Định, chợ Đa-ka-o, chợ...

Ông chồng cười, chặn lại:

— Em kể một dọc dài toàn là chợ có tên trên bản đồ mà quên những chợ nổi tiếng khác mà những ngày chủ nhật trước kia, lúc anh còn đi làm công chức trước năm 1975, anh vẫn đưa em và các con đến đó chơi.

Bà vợ như được chạm đúng tần số thương nhớ, reo lên:

— À phải rồi, chợ Cũ! Anh đưa em và các con đi chợ Cũ ăn mì!

— Em chỉ biết có ăn nên nhớ chợ Cũ trước tiên. Em rần nhớ sau đó anh đưa em và các con đi đâu nữa không? Hồng phải đi dọc theo bờ sông Bạch Đằng đâu nghe. Sáng sớm ở đó nắng chói chang, mặc dầu có gió từ mặt sông thổi lên, mấy đứa nhỏ cũng không mê nhìn cảnh ghe máy, ghe đồ qua lại trên sông mà chúng chỉ thích mình đưa chúng thả rờ trên đại lộ Hàm Nghi vài đoạn đường để đến một cái chợ. Đó là chợ chim, chợ chó.

Bà vợ nguyền chồng:

— Có thiệt không đó? Hay là ăn xong, anh dụ em trở về đường Lê Lợi để anh xáp vô chợ sách vỉa hè của anh. Mấy người bán ở đó rành chiếc Lambretta đầu bò màu trắng của anh quá mà! Ngày nào đi làm anh không đi ngang đây, mà sao anh mê nó quá vậy?

— Ừ ừ... em đừng nói nữa, anh nhớ chịu không nổi. Em có biết ở Sài Gòn có nhiều tiệm sách to lớn, mà ngay đại lộ Lê Lợi này cũng có nhà sách Khai Trí cao bốn tầng lầu, bán đủ thứ sách, hoặc nhà sách Xuân Thu ở đường Tự Do bán nhiều sách ngoại quốc giá trị, vậy mà người mê sách như anh lại thích

tấp xe vào tìm sách bày bán ở vỉa hè Lê Lợi? Em nên nhớ ở thủ đô Paris, nơi có nền văn hoá cao, nhà xuất bản, tiệm bán sách biết bao nhiêu, vậy mà dọc theo sông Seine, gần khu Saint Germain cũng có đông người lang thang đi lựa sách báo cũ. Mà các quán sách đó có to lớn gì đâu! Cũng lụp xụp, bề ngang độ hai thước, che mái tạm hứng nắng, bụi chóe đâu được xây cất chắc chắn... Vậy mà nơi đó nhiều văn gia tên tuổi chà lết gót giày để tìm... có khi không phải tài liệu hay sách cổ mà để tìm cái không khí văn chương đó em ơi. Bởi vậy, dù Paris là thủ đô đẹp mà thiếu dãy quán lụp xụp bán sách báo cũ dọc sông Seine là thiếu văn hoá đó nghe.

Sài Gòn mình không phải bắt chước Paris, nhưng em thấy đó, sau ngày Việt cộng lấy miền Nam, vỉa hè Sài Gòn bị dẹp trống trải chỉ còn lá me bay rơi rơi như buồn tiếc. Người Sài Gòn như thiếu vắng hình ảnh mang sắc thái văn hoá đó, mặc dù sau đó họ cho bán sách báo cũ tập trung tại đường Bùi Quang Chiêu. Ở đây có hai hàng sạp, có mái che, có cửa hàng hoàng nhưng làm sao tìm được không khí thoải mái như trên lề đường trống trải? Lúc trước anh mê sách nên cứ lang thang đi tới, dạo lui để rồi lom khom ngồi xuống lựa chọn những tập Tarzan hình màu, những cuốn sách giấy vàng ố của các nhà xuất bản tiền chiến...

— Bởi vậy nên ngày nào anh cũng tung tiu "tha về" mớ sách bụi bặm. Cái mê của anh làm em nhớ lại một buổi sáng chúa nhật, anh rủ em đi ăn phở. May là kỳ đó không có hai đứa con đi theo. Anh chở em ngang lề đường Lê Lợi thấy đã bày đầy sách ra mặt vỉa hè, anh rà rà xe rồi nói nhỏ nhẹ: "Em nè, anh vừa thấy cuốn gì... y như cuốn *Vó ngựa cầu thu* của Thẩm Thệ Hà. Em chịu khó chờ anh vô mua kéo mình đi ăn xong, trở lại có người mua mất". Thế là anh dựng xe lam bên lề, em ngồi trên yên xe, chờ... chờ... Anh mãi lo lựa chọn, lựa riết... hơn một giờ, tới chừng nhớ tới vợ, đứng

dậy trả tiền thì cũng vừa hết túi, không đủ tiền ăn phở. Xí, kỳ đó em đói bụng mà lại giận ông chồng mê sách quên vợ nên em không thèm nói chuyện với anh suốt ngày đó, anh nhớ không?

— Mấy lần đó thì em nhớ quá hả! Còn những lúc anh chiều ý theo em vô chợ bán đồ sành sứ, chén kiểu ở vỉa hè đường Lê Công Kiều đó, sao em không kể ra luôn! Anh mê sách cũng như em mê chén kiểu vẽ con rồng, cái tô tím đất màu da diệc, cái đĩa bàn bít bạc... Em còn nhớ cái chợ trời bán đồ kiểu đó không?

Nghe hỏi, bà vợ mắt mơ màng nhìn ra xa, trả lời chồng như nói với chính mình:

— Sao không nhớ! Anh có vỉa hè sách cũ, còn em có đường hẻm đồ xưa này. Nhưng em đâu có mua đồ tầm bậy. Em cũng giống má, giống ngoại, giống các bà Việt Nam ở quê nhà thích có một tủ kiếng đựng chén bát, tô đĩa có vẽ con rồng, cái tháp. Những chén đĩa kiểu của các nhà giàu sang quyền quý lúc xưa, rồi vì lẽ gì đó, bị thằng con phá gia chi tử thua cờ bạc nên đem bán dần dần đồ đạc của cha mẹ. Những bộ chén con rồng có bít bạc trên miệng, những cái tô dùm miệng loe, đất nhỏ, mỗi khi có đám giỗ, đám cúng, múc thức ăn vào không cần nhiều nhưng bày biện trông xôm xắm. Có những cái tô màu da diệc, anh nhớ màu lông chim diệc không? Cái loại chim cò lông không trắng mà màu xanh lam đó. Những cái chén kiểu mỏng tanh có men màu da diệc đó, cầm lên búng tay vào nghe coong coong... Rồi bộ chén con rồng mà lúc nhỏ em chỉ được đứng nhìn ông nội ngồi ăn với khách chóe tuổi em đâu được sử dụng...

Ông chồng thấy vợ đang mơ về dĩ vãng vội góp ý:

— Ờ, sao tụi nhỏ không được đựng tới chén kiểu, đâu có mắc tiền lắm.

— Anh nói lạ! Mắc chóe sao không! Vả lại sau này mình làm ra tiền mới có điều kiện mua nó, chóe lúc xưa ở nhà quê, nhà nào có chén kiểu để đãi khách, có một tủ kiếng

đựng chén, tô là sang lắm đó nghen. Hồi còn nhỏ, em xắn bắp theo má lau tú để được nhìn mấy chồng đĩa bàn, mấy chồng chén con rồng... em trông mau lớn để có cái tú như má.

— Bởi vậy anh chiều ý em, đưa đi tìm mua chén bát cho em thoả mãn ước mơ, chớ đâu phải chỉ lo cái tú sách của anh.

Bà vợ lườm chồng:

— Có thiệt thương vợ không đó? Chớ hông phải anh cũng thích theo em đến chợ đồ xưa này để tìm mấy cái lục bình nhỏ xíu màu lam Huế với mấy cái nhạo đựng rượu.

Ông chồng nghe vậy, cười đã lã:

— Hi... hi... Sao lúc đó anh cũng mê đồ xưa mà đâu có tiền cũng như đâu hiểu rành rẽ như bác Vương Hồng Sển, vậy mà anh làm cô-lếch-xông được 12 cái nhạo đựng rượu em hả? Để rồi giờ đây mình đã chạy rời bỏ quê hương, bán đồ bán tháo bộ sưu tập đó, uống quá em ơi! Chén con rồng, tô da diệp, nhạo đựng rượu nhiều hình dạng...

Bà vợ thấy chồng thở dài, vội nói:

— Thôi, thôi bỏ đi, đừng buồn.

Vợ chồng mình nói loanh quanh mà anh chưa nói tới cái chợ bán cái gì... ở ở, Tần Cối.

Ông chồng vẫn sĩ vẫn còn ngậm ngùi:

— Anh kể chuyện chợ Tần Cối cho em nghe, mà vợ chồng mình đã dẫn dắt nhau qua mấy chợ rồi?

— Chợ nào đâu?

— Thì chợ vỉa hè bán sách cũ nè, chợ bán đồ xưa, chén kiểu nè hay em còn muốn vô chợ sách báo lạc-xon ở chợ Lớn? Nói là chợ, nhưng chỉ có bảy, tám căn phố Ba Tàu, vậy mà nó được đám anh em văn nghệ văn gù của anh cũng như những báo hàng ngày, những tuần báo ít độc giả, biết tới đó nhe. Khác hơn sách báo cũ bán ở vỉa hè, ở mấy căn phố này, mấy anh Ba Tàu bụng phệ áo thun, ngồi phì phèo điếu thuốc chờ mua lại giấy vớ, tập sách cũ, do mấy chị đi mua ve chai dạo các xóm đem về cân lại. Vậy mà ở đây đôi khi gặp nhiều cuốn sách cổ xưa đó em nhé. Mấy anh Ba sống phây phây nhớ đi cân mua lại báo cũ. Được cái khéo là các chú không mua báo cũ quá lộ liễu để nhà báo

bị mang tiếng báo ế. Những nhà báo này, mỗi ngày báo dư do các đại lý trả về, nhập kho khoảng năm, bảy ngày, đợi các chú Ba lúc trời nhá nhem tối, khi ngoài đường đã lên đèn, bắt người qua lại, đập xe ba bánh tới cân báo cũ.

Mấy chú mua báo cũ về bán lẻ lại cho bạn hàng buôn bán, các tiệm چاپ phổ làm bao gói đồ ăn. Số tiền lời không nhiều, nhưng đều đều và ngồi lượm bạc các khoé ru. Các chợ báo cũ này, anh em văn nghệ ít khi tới, nhưng các ty quản lý của nhật báo, tuần san đều phải biết qua, dầu báo nổi tiếng hay báo... lá cải.

Em còn muốn anh dắt em vào thêm vài chợ lạ nữa, như chợ gà ở bến xe Cai Lậy, chợ gạo trong xa cãng miền Tây, hay em còn nhớ những chợ trời của thời đổi đời sau năm 1975. Cái chợ chỉ thấy vài món hàng bày leo heo vì sợ đám công an áo vàng hoặc các tay Ba Mươi quần băng đỏ a thần phù bao vây tịch thu, mà khu chợ là con đường quanh bến xe buýt ở bùng binh Sài Gòn và vòng theo khu sở Hoả Xa,



mùa xuân dân tộc

Có nghe sóng núi chuyển mình
Trùng dương sóng dậy đón bình minh reo
Có nghe gió thét lưng đèo
Gọi người thách đố hiểm nghèo xông pha

Núi xương biển máu trở hoa
Cờ dân chủ giữa phong ba vẫy vùng
Hôm nay vào trận cuối cùng
Năm tay gào thét phá tung xích xiềng

Có nghe quốc tổ linh thiêng
Bốn nghìn năm lễ trống chiêng vang rền
Gọi đoàn con cháu tiến lên
Dựng đài dân chủ, xây nền tự do

Thanh bình hạnh phúc ấm no
Bắc Nam một dải reo hò vinh quang
Hôm nay lịch sử sang trang
Mùa xuân dân tộc huy hoàng đẹp sao!

hồ công tâm

ngay công trường Quách Thị Trang. Toàn chợ chỉ có người là người. Dân mua đi bán lại là dân lành lợi không cần có sạp xiếc lồi thối, chỉ cần đi vòng vòng coi ai có món gì đem ra đây để hỏi mua. Người bán là những người trước đây làm công chức, giáo sư, bây giờ tài chánh kiệt quệ vì thuộc thành phần nguy quân nguy quyền, thành phần trí thức cũ không sử dụng nên thất nghiệp phải đem đồ đạc ra bán kiếm tiền chợ.

Thương biết bao những ông giáo, cô thư ký sở này, bộ nọ, nón lá che nghiêng mặt cho khỏi gặp người quen, sợ họ thấy cảnh sa sút của mình, xách cái giỏ nhựa đựng gói quần áo vải soie còn tốt mà giờ đây vì là “công nhân mới” không dám ăn mặc màu mè như trước, đem ra chợ trời hy vọng bán được món tiền đem về đóng gạo nuôi con, chờ chồng đang học tập cải tạo... Vậy mà cũng bị bọn chợ “trời đánh” cho vào xiếc.

Anh đã chứng kiến cảnh một ông giáo già đem vài bộ quần áo ra chợ trời bán. Một thằng đi tới, bước ra đón đường hỏi: “Bố, có gì bán đó bố?” Ông già chưa kịp trả lời, gã đã nắm chặt giỏ nhựa, tay kia thò vào bóc gói giấy nhật trình. Ông già bối rối, nói nhỏ nhỏ: “Ừ, có mấy cái quần áo không mặc tới, đem bán bớt”. Lúc đó hai ba tên khác bước lại, nói bô bô: “Vây hả! Bố đưa bọn này coi rồi mua giá cao cho!” Ông già lấy gói đồ đưa ra, tay run run xúc động, không biết vì tủi thân hay vì tiếc món đồ kỷ niệm một thời, còn mang hơi hướm của mình.

Một tên mở gói lấy cái sơ-mi trắng ra, giũ giũ đưa lên sẫm soi. Tên khác đưa cao cái quần tây Tropical còn thẳng nếp, nói tía lia: “Có hai cái thôi hả bố? Được rồi, bố bán bao nhiêu? Mười lăm đồng nghen?”

Ông già sững sờ hỏi lại: “Chú em nói bao nhiêu? Mười lăm đồng à? Đâu được, bộ đồ còn mới, qua chỉ mặc vài lần. Giá mua gần hai trăm đồng, bây giờ bán một trăm rưỡi đó”.

Giọng ông già càng nói càng nhỏ vì ông thấy gương khi đứng giữa chỗ đông người để bán quần áo. Vây là chết với đám này. Chúng nó biết tâm lý người bán đang mắc cỡ nên một thằng đưa cao cái quần làm như sẫm soi dưới ánh mặt trời, nói lớn: “Bố ơi, cái quần mòn hết rồi mà bố đòi cao giá vậy?”

Hai thằng kia phụ họa: “Ờ ờ, cái lai bị sờn kia. Không ai mua đâu ông già ơi, bán đại đi”.

Ông già thiếu điều muốn độn thổ, giọng ông lạc đi: “Không mua thì thôi, gói trả lại tôi”.

Nhưng để gì để con mồi chạy thoát, ông giáo già bị xoay vòng vòng giữa đám chợ trời! Ông làm sao lấy áo quần lại được vì bọn lưu manh cứ làm bộ chuyển tay nhau xem, đứa nọ chê, đứa kia trả giá để ông già bị kẹt trong cảnh chường mặt, lo sợ có người quen trông thấy mình đang bán quần áo để chạy gạo cho gia đình! Vây là ông bán đại còn hơn để bọn nó chuyển đi mất luôn. Ông cầm mười lăm đồng thất thểu lại bến xe buýt, nước mắt lăn dài trên má...

Bà vợ xúc động, thở dài nói:

— Anh nhắc làm chi cái chợ trời mảnh mung đó. Bọn gái em đưa nào cũng bị cảnh này một lần rồi tởn, hết đám leo hánh qua chỗ đó. Ai đời đang đạp xe chạy ngang mà tụi nó dám chặn lại hỏi: “Xe bán hả cô?”. Anh còn nhớ thời gian vợ chồng mình bán đồ xưa lắm cầm của mình không? May mà mình kêu người mua tới nhà... Thôi, anh đừng nhắc chợ ác đức đó, anh nói về cái chợ Tần Cối của anh đi. Nhưng chợ đó ở đâu, có quái gở như chợ trời bùng binh Sài Gòn không?

— Được rồi, em yên chí, vì đang nói về các chợ độc đáo nên anh mới nhắc đến làm cho em buồn. Anh nói về cái chợ ở đại lộ Hàm Nghi nghen, cái chợ chim, chợ chó ở gần chợ Cũ trước năm 1975.

Đây là chỉ là một dãy quán nhỏ, lợp tôn, dựa lưng vào tường của bộ Công Chánh. Bề ngang mỗi quán độ 2m, không sơn phết, mặt tiền

cũng không có cửa đồng bộ cho đẹp thành phố, lại có mùi hôi hám. Vây mà nó được gọi là “chợ” và là nơi các cô cậu thiếu nhi con nhà bình dân mê lắm. Cũng không riêng gì con nít thích tới đây mà luôn cả những người cha, chủ những gia đình nghèo hoặc trung lưu lấy nơi này làm chỗ vui cho mấy đứa con nhỏ của mình.

Những gia đình giàu có xe hơi nhà, vào cuối tuần cùng vợ con lên xe vù ra Vũng Tàu, Ô Cấp để đùa giỡn với sóng biển rạt rào, hoặc nếu có vườn cây ăn trái, miếng đất hương hỏa ở miền quê, các cô cậu nhỏ tha hồ chạy nhảy tung tăng trong khu vườn râm mát, sung sướng hái mận, hái dứa. Còn gia đình tiểu công, tư chức chỉ sắm nổi chiếc xe gắn máy hoặc chiếc xi-cút-tơ, hay chỉ có chiếc xe đạp cộc cạch thì dẫn vợ con xuống “chợ” này là lý tưởng nhất.

Nghe đến đây, bà vợ xen vô:

— Tại các ông sợ tốn tiền, nếu mấy ông đưa gia đình vô Sở Thú, có phải tụi nhỏ được xem nhiều thú hơn không?

— Em muốn chọc quê anh, chớ em quên gia đình mình đi Sở Thú nhiều lần lắm rồi mà. Mấy đứa nhỏ muốn thuộc lòng ở khu nào có nuôi voi, nuôi cạp, khu nào có chuồng khỉ, quẹo ngã nào đến chuồng cá sấu, hoặc cái đảo nhỏ có hai con vượn đen. Ai ở Sài Gòn mà không một lần đi vào Sở Thú, vây lại bà con từ quê nhà lên chơi, mục đi “Sở Thú cho biết” luôn luôn có trong chương trình nên đi hoài phát nhàm. Mỗi lần như vậy, tụi con mình được đi theo. Đi rết rồi phải ngán chớ, chỉ có đứng nhìn chớ đâu được mua hay bán. Phải nhìn nhận là muốn xem thú lớn, thú dữ, lạ, thì vào Sở Thú, nhưng muốn được thấy loại thú nhỏ, thì đến chợ chim, chợ chó.

Ở đây, nội một dãy quán lợp xúp khoảng hơn 100 thước mà có thể thấy nhiều chim két lông xanh mỏ đỏ, nhiều chim áo dả lông nâu hiền lành, chim sáo mỏ vàng, chim se se quen thuộc, thỉnh thoảng có chim bìm bịp lông nâu đốm đỏ chen chúc

trong nhiều lồng lưới. Những loại chim bị nhốt trong lồng có sẵn hũ nước hũ gạo để ăn, nhảy nhót thản nhiên không cần biết số phận nào đang chờ đợi chúng. Trong đám khách hàng, thỉnh thoảng có vài bà già nhân từ đến nhờ người bán bắt riêng 5, 10 con cho vào cái lồng nhỏ, sau đó bà mang lồng đến cạnh gốc cây, mặc cho xe cộ qua lại ồn ào, đưa cao lồng chim ngang trán, lẩm bẩm lời nguyện cầu nào đó rồi nhẹ nhàng rút chốt cửa lồng cho chim bay thoát ra. Những con chim được phóng sanh, bay ngổ ngàng về một hướng trước những đôi mắt tiếc rẻ của đám trẻ thơ chưa biết niềm tin. Trong lúc đó, mấy con chim kia vẫn chưa biết thân mình sắp vào tay một dân nhậu đang đi tới. Lão này đứng bên lồng chim ốc cao, vỏ vè, chộp miệng nuốt nước miếng nói với chị bán hàng quen thuộc: “Chà, bữa nay đám chim này khá khiến hả chị Sáu?”

“Dạ, bạn hàng từ Bắc Mỹ Thuận đem lên chiều hôm qua. Mùa này là mùa lúa chín nên đám chim vỏ vè, ốc cao mập ú...”

“Chị Sáu đếm cho tui hai chục con đi”.

Đứa bé đứng bên cạnh, lo le trong túi mấy đồng chờ mua đôi chim sắc bụng đỏ, lông nâu có chấm trắng để nuôi, mở tròn đôi mắt ngạc nhiên nhìn người đàn ông mua một lần 20 con mà không cần lựa màu sắc lông. Nó đâu biết lũ chim này lát nữa đây sẽ vào chảo

mỡ, làm đồ nhậu cho các ông ba-xi-đề.

— Anh nhắc mới nhớ, con mình cũng có mua chim đó vài lần mà loại chim đó khó nuôi quá nên chết ngum hoai, báo hại cái lồng chim anh mua ở chợ Cũ đẹp quá mà cứ trống lổ trống lổ.

— Chỉ có loại chim cưỡng lồng đen mỏ vàng hay là chim cu cườm, sức nó mạnh, ít chết bẫy mà còn biết gù cục cu cu... Nếu biết cách lột lưới, chim cưỡng có thể mềm lưới, bắt chước tiếng nói của người, nhưng anh đâu có thì giờ nuôi loại này, mà nuôi chim hoàng yến, bạch yến có bán tại chợ chim lại quá đắt tiền, phải chăm sóc còn hơn nuôi con nhỏ, nên cái lồng đó cũng được nuôi...

Bà vợ cướp lời:

— Hì hì... lồng chim mà nuôi... con sóc.

— Ừ, đúng vậy. Lần đó anh nhớ em và hai con không muốn ăn mì chợ Cũ nên anh đưa em đến ăn hủ tíu Mỹ Tho tại đường Huỳnh Thúc Kháng. Ăn xong, mình đi bộ đến chợ chim. Vừa quẹo góc đường thì gặp cái quán đầu tiên của ông Tư Râu để mấy cái lồng kỳ đà và nhím cản đường. Em nói: “Mèn ơi, mới tới đã thấy kỳ đà, xui xẻo thấy mồ!” Anh nói: “Ồi, lo gì, lát nữa em mua mười con chim để phóng sanh thì cái xui... bay theo chim”.

Chợ chim, chợ chó khác Sở Thú là có nhiều con thú nhỏ mà bọn trẻ vào Sở Thú khó nhìn thấy vì chúng

nó quá nhỏ lại nhút nhát, chạy lẩn trốn trong kẹt chuồng. Đến chợ này, trẻ con được thấy rõ ràng và gần gũi những con sóc đuôi xù như cây chổi bé tí xinh xắn, những con rắn, con rùa, con quỉ bò chậm chạp, những con thỏ trắng mắt đen nháy đang nhai lá cải ngon lành chứ không như mấy con thỏ bị bỏ cho cộp ăn trong chuồng cộp Sở Thú, nằm co rúm ở góc kẹt đá. Lại còn những con chuột bạch mắt đỏ như hai hột cườm chạy loay hoay trong cái lồng bé tí. Cũng như đám trẻ khác, con mình mê mấy con gà tre đuôi cong vút, mồng đỏ, lông cánh xanh đen pha màu vàng cam. Đứa nào cũng mê loại gà nhỏ con mà cựa đã lú dài, tiếng gáy rè rè. Cả khu chợ thú này bán gà tre nhiều nên ồn ào tiếng gáy, vậy mà rất khó tìm ra gà nòi ở đây. Em biết tại sao không? Là bởi loại gà nòi hay, đâu ai cần mang đến đây để bán. Nếu gà giỏi đã có người giới thiệu đến mua rồi. Có khi chúng mình cũng gặp lẫn lộn trong đám gà tre láu táu đó một con gà nòi chun vàng, lông đen ô, tiếng gáy ó o rồn rảng nhưng nhìn kỹ, nó đã đá độ, bị thương xây xát rồi. Chắc con gà thua trận ở đâu đó, chủ nó chịu khó ôm xuống đây để bán vớt vát, chớ tay chơi gà, ai thèm mua loại gà có vảy “hường tâm” và hai chân “kỳ ra” đó!

— Vảy “hường tâm”, chun “kỳ ra” là vảy gì, chân gì vậy anh?

— Là hăm tương hoặc cà-ri đó. Em nói lái lại thì biết... hì hì...

— Vậy là gà dờ ẹt... Ừa, anh nói lồng vòng toàn là chim, rùa, gà, thỏ chớ có cái gì là Tần Cối đâu?

— Có chớ, đây nè, nó là loại kêu khếch khếch trong chuồng đó.

— A, anh nói mấy con khi đó hả? Vậy mà Tần Cối gì đâu?

— Thì nó đó đa. Ở chợ này, ngoài đám chó con chỉ hấp dẫn các bà, các cô, nhưng con chó lông xù Nhựt Bốn, những con chó phốc (phoque) mắc tiền dành cho nhà giàu, chớ dân “hạ cớ tây” (hạ cầy tơ) đâu cần mua chó tại đây, họ có chợ Ông Tạ, nơi bán chó lớn còn sống hoặc thui sẵn rồi.

sợi thủy chung

*sinh nhứt anh... nhớ giùm anh sợi tóc
đã thay màu như trời đất vào đông
cái thân xác... cũng chỉ là phút chốc
cũng phù trầm như cái kiếp lưu vong!
thôi đừng nhớ... rót cho anh ly rượu:
chút đắng cay cho quên chút phiêu bồng
em có thấy giữa hồn anh tịch mịch
vẫn xanh hoai... muôn ngàn sợi thủy chung?*

nguyễn bá dinh



Bà vợ chận lại:

— Thôi ông ơi, nói tới thịt chó, em nghe sợ muốn mọc ốc đây nè.

— Vậy anh nói tiếp về khỉ nhé! Chính tụi nó cũng gây thích thú cho đám trẻ nhỏ, mỗi sáng chủ nhật đòi cha mẹ dẫn xuống đây coi. Nhứt là các cô bé thập thò núp sau lưng ba má, nhìn bày khỉ trong chuồng lưới. Không phải khỉ mặt rắn hay đít đỏ, khỉ đột đầu nhé, chỉ là loại khỉ thường, chúng ta hay gặp trong xóm lao động do người nuôi, cột bằng sợi dây xích trước hàng ba. Họ nuôi khỉ không phải để hấp dẫn tụi nhỏ trong xóm đến trêu chọc, mà họ tin là con khỉ hút được các phong độc trong người đứa nhỏ nào bị bệnh phong xù, phong khỉ. Vì vậy nhà nào có con ẻo uột, ốm o bị coi như có bệnh phong, họ mua khỉ tại chợ này về, hy vọng con khỉ hút hết chất phong cho con họ. Không biết có hết không nhưng lâu lâu chủ nhà phải dẫn con hoặc con nít hàng xóm đến viện Pasteur chích ngừa vì bị khỉ cắn.

Thấy đám khỉ bán ở chợ này nhảy nhót lung tung trong chuồng lưới, em đừng tưởng bán ế mà lầm. Ngoài những người mua về để nuôi còn có các nhà hàng hoặc bạn bè rủ rê ăn nhậu đến mua về ăn óc của nó.

— Ý ẹ, ghê thấy mồ!

— Ghê gì hả em! Nghe đồn óc khỉ bổ lắm. Em có đọc qua truyện bà Tây thái hậu, cuối đời Mãn Thanh bên Tàu (cuối thế kỷ 19) đã đãi các sứ thần phương tây một bữa tiệc kéo dài suốt bảy ngày đêm không ngừng nghỉ bằng đủ các món ăn cầu kỳ của Trung quốc. Những thức ăn đáng giá hàng triệu mỹ kim, mà thật ra hàng triệu mỹ kim kiếm ra được chớ thời nay muốn ăn những món Tây thái hậu đãi các sứ thần Tây phương không thể có hoặc tìm ra được nữa.

Có người cho rằng sở dĩ có bữa tiệc ấy vì bà là người sành ăn, sành chơi nên mới biết những món ăn quý giá, bổ dưỡng và hiếm có, độc nhứt vô nhị ấy mà các vị vua khác chưa chắc đã biết thưởng thức.

Ăn suốt bảy ngày bảy đêm không

biết mỗi một vì nhờ những thực đơn rất bổ làm thực khách không biết mệt, không thấy chán, không thấy no, càng ăn càng ngon miệng. Vị sứ thần kể lại cho hậu thế biết bữa tiệc này là sứ thần Hoà Lan và phu nhân đã ngoài 50 tuổi, lấy nhau 30 năm chưa có con, thế mà khi ăn xong đại tiệc ấy, bà vợ có mang và gần mười tháng sau đẻ đứa con trai khá khinh.

Bữa tiệc kỷ lục đó cách nay gần một thế kỷ rồi mà mỗi khi nói đến những đại tiệc, người ta đều nhắc đến Tây thái hậu.

Không rõ có bao nhiêu món nem công, chả phượng, chun gấu gi, nhưng có hai món được người đời đặc biệt nhắc nhở là món chuột bạch và món óc khỉ.

Món thứ nhứt: chuột bạch tai đỏ ở núi Vũ Di được đem nuôi bằng sâm nhung qua năm, sáu đời. Cứ lứa này đẻ ra lứa sau, nuôi bằng sâm nhung cho đẻ ra lứa kế... Đến gần ngày đại tiệc, những con chuột con đỏ hỏn chưa mở mắt này chỉ là những cục sâm nhung biết cựa quậy. Sau đó chúng được đặt vào một cái tô, mặt ong phủ kín chỉ lộ cái đuôi bé tí. Mỗi vị khách được mời nhón lấy cái đuôi chuột đó kéo lên, trông như cục sâm phủ mặt, không ai thấy rõ hình thù. Nếu ai biết trước mà quá sợ, lắc đầu từ chối là đã bỏ qua một dịp may hiếm có, bởi vì con bạch thử hồng nhĩ của Vũ Di sơn hiện giờ là cục thuốc bổ ngon lành. Thực khách biết thưởng thức, cầm đuôi chuột bỏ tọt vào miệng... nuốt chửng. Mùi thơm ngào ngạt và vị ngọt của mật phấn hoa làm cho thực khách thấy sáng khoái.

Món thứ hai nổi danh hơn. Đó là món óc khỉ. Món này dễ tìm nhưng cũng phải chọn loại khỉ tinh khôn vùng Tân Cương đem về nuôi và cho ăn các thứ được liệu để bao nhiêu tinh túy dồn hết lên óc. Món ăn này được nhắc nhở không những vì chất bổ mà còn vì cách trình bày. Theo lời kể, trước khi mời quan khách ăn món này, đội ngự trư của nhà vua khiêng ra một

kiệu nhỏ sơn son thếp vàng, kết hoa rực rỡ. Trong kiệu chễm chệ một con khỉ mập mạp mặc triều phục, cũng có thêu hoa thêu mây, chun mang hia, đầu đội mào cánh chuồn. Con khỉ bị cột vào kiệu bằng sợi dây bạc, xúng xính trong bộ áo đại quan, được viên quan ngự trù kéo bước ra khỏi kiệu.

Quan khách ngạc nhiên thích thú ngắm con khỉ mặc sắc phục như một vị quan nhỏ. Họ tưởng con khỉ sẽ làm trò. Nhưng không, cổ áo con khỉ có giắt một bảng giấy màu ngà, ghi tên Tần Cối, và thực đơn thì ghi đến mục "ăn óc khỉ".

Mọi người còn đang ngạc nhiên thì viên ngự trù phụ trách mỗi bàn tiệc giải thích với quan khách về nhận vật Tần Cối, kẻ gian nịnh trong lịch sử, đã hãm hại Nhạc Phi, nhân dân ai cũng oán ghét và chúng ta sẽ... ăn nó.

Chắc bà Tây thái hậu muốn tác động tâm lý thực khách để họ nghĩ rằng mình sẽ ăn óc của tên gian ác đó chớ hồng phải... ăn óc một con khỉ vô tội.

Sau đó chiếc kiệu được đưa trở lại vô buồng để độ mười phút sau, mỗi bàn ăn có chiếc kiệu kết hoa tươi đầy tới, hai bên có bốn cung nữ tay cầm lẵng hoa, theo sau là các nhạc công thổi nhạc trầm bổng, đoàn vũ nữ ca hát líu lo, có lẽ để át tiếng kêu của khỉ. Tiếng hát, tiếng nhạc, mùi hương hoa bay lừng làm thực khách thấy khừu giác mình nở rộng, thính giác đê mê. Mọi người chăm chú nhìn chiếc kiệu nhỏ để giữa bàn. Viên quan ngự thiện nhẹ nhàng giở nắp kiệu, ông ta mở thêm một nắp tròn bằng sắt tây trắng, có vẻ nóng lắm. Một mảnh da màu hồng nhú lên giữa nắp kiệu. Viên quan vén tay áo rộng, cầm con dao bằng vàng cán bạc, lia một vòng tròn cái mảnh da màu hồng mà thực khách ngỡ là trái dưa nạo đã gọt sẵn vỏ. Lúc bấy giờ tiếng nhạc trời lớn hơn. Một tay viên quan gấp mảnh da bỏ qua một bên, tay kia múc muỗng sâm thang trong chén vàng bên cạnh đổ vào, quấy nhẹ. Có hơi khói bốc lên, nhưng

mùi hương của các lẵng hoa do bốn cung nữ phất nhẹ làm thơm ngát bàn tiệc.

Rất gọn gàng, mau lẹ, viên quan ngự thiện mức chất trắng sền sệt như tàu hũ ra các chén nhỏ, đẩy đến trước mỗi thực khách. Viên quan tiếp tân kính cẩn bưng chén của mình lên ngang mày, mời thực khách. Dứt lời mời, ông ta ngửa cổ húp gọn chén thức ăn ngon lành. Mọi người trong bàn tiệc làm theo, hể hả chép miệng thưởng thức món ăn lạ thơm thơm, béo béo, không kịp nhớ ra là mình vừa ăn óc của con vật đang ngồi chết trong kiệu...

Bà vợ bùm miệng chồng:

— Anh ơi, đừng nói nữa... ghê quá!

— Ừ, thôi thì thôi. Món óc khi ngon và bổ, các xì-thầu Chợ Lớn “chịu” nó lắm. Vì có nhiều người tiêu thụ nên mới có cái chợ... Tần Cối này. Anh thiệt không biết nó bổ cho lực phủ ngũ tạng chỗ nào, mà các chú Ba mua về làm ăn ra sao, nhưng em không dám nghe thêm thì chúng ta đi dạo chợ dưa hấu trên đường Nguyễn Thái Học hay chợ hoa Nguyễn Huệ vậy! Hai chợ này chỉ có bán vào những ngày gần Tết thôi. Chúng mình hay đến đó tìm mua loại dưa hấu hạng nhất, vỏ xanh đậm để chưng trên bàn thờ ông bà và mua một chục dưa loại vừa cho các con ăn trong ba ngày xuân. Sau đó vợ chồng mình chạy xe xuống đường Nguyễn Huệ, đi dạo giữa những chậu cúc đại đoá vàng rực rỡ, những chậu vạn thọ bông tròn như cái chén, những cành mai gốc già sắp sùì, hoa vàng đang hé nụ... Còn nhiều nữa phải không em, nhiều hoa hương thơm ngát ngào...

Ông chồng chợt khựng lại vì thấy vợ mình không trả lời mà đang nhìn ra trời tuyết trắng xóa của xứ Bắc Mỹ... Ông chợt hiểu, an ủi vợ:

— Ờ.. ờ... hay là em mặc đồ ấm vào, chúng mình lái xe đến chợ Safeway mua trái dưa hấu, đem về ăn liền... để có cảm tưởng “ăn dưa hấu chợ Tết” ở khu cầu Ông Lãnh, nghe em? □

xếp al capone III

Trương Sơn Lê Xuân Nhị



(tiếp theo)

Ba giờ sáng, Racco đang ngồi gục người nửa sống nửa chết trên chiếc ghế thì nó bỗng nghe được một tiếng động lạ ngoài vườn. Hình như đó là tiếng động cơ xe hơi và tiếng bánh xe nghiêng trên mặt sỏi của ai vừa tấp lại trước nhà thì phải. Kabri đến rồi sao? Thế thì giây phút cuối cùng của cuộc đời mình đã tới...

Mấy ngày nay, từ khi ba đứa bị hai thằng đàn em của Kabri là Mark và Carlos kê súng vào đầu còng tay dẫn về đây, chúng nó bị hành hạ chết lên chết xuống. Thầy nào tở nấy. Thằng ác quỷ Kabri khát máu như vậy nên có hai thằng đàn em dứ

dẫn không thể tưởng được. Chúng nó xuống tay hung bạo đến độ đã mấy lần Racco tưởng mình đi luôn rồi. Thật ra, được chết luôn là một giải thoát. Lý do mà Racco và thằng Kent còn sống đến giờ này là nhờ... cái chết của thằng đàn em kia. Thằng này bị thằng Mark lỡ tay, giội cái báng súng hơi mạnh một chút làm vỡ xương sọ ngúm liền ngay trên ghế. Máu óc thằng đàn em phun ra rớt bầy nhầy ngay trước cặp mắt kính hải của mọi người. Khi chúng nó gọi điện thoại thông báo cho Kabri biết tin này, thằng khổng lồ cười rửa om sòm trong máy. Nó cười rửa không phải vì tiếc thương một thằng đàn em của Capone vừa bị đập chết, mà chỉ tức mình là không được tự tay tra

khảo rồi giết thẳng nhỏ. Kabri có cái tật thích tự tay hành hạ kẻ thù cho đến chết. Đứa nào lỡ tay giết chết tù nhân là làm mất cái thú vui của nó. Kabri tức giận gào thét ồm tỏi trong điện thoại rồi hăm hăm ra lệnh: "Vắt cái xác thằng kia đi. Từ rày, đứa nào lỡ tay đánh chết người nữa phải đền mạng. Chờ tao đích thân tới khai thác chúng nó".

Lệnh của Kabri rõ ràng như vậy nên chúng nó mới nhẹ tay với hai thằng tù nhân còn lại. Tuy gọi là nhẹ tay nhưng Racco cũng có mấy cái ba sườn bị đá giập, con mắt bên trái bị đập đến lồi tròng ra ngoài. Bọn khốn này hình như là những thằng thợ đánh người chuyên nghiệp nên mỗi lần xuống tay, chúng nó cứ nhắm ngay những vết thương cũ của Racco mà giội thẳng cánh. Đánh kiểu này vừa khỏi tốn sức, vừa có kết quả tối đa. Racco chết đi sống lại không biết mấy lần cho đến bây giờ...

Từ khi bị bắt vào đây, điều nó mong muốn nhất là được chết cho rảnh nợ. Nhưng bọn đàn em của Kabri đâu có cho chúng nó "đi" một cách dễ dàng như vậy được! Chúng mày có gan mò vào hang cọp để bắt cọp thì phải có gan chịu hình phạt. Có người nào xuống tay xử phạt đẹp và tàn bạo hơn đàn anh Kabri?

Và cuối cùng thì thằng Kabri đã tới, giờ đền tội của mình đã điểm chẳng? Racco nhướng con mắt bên phải còn thấy được lơ mờ nhìn chung quanh. Con mắt trái coi như hết xài rồi. Trước mặt nó, thằng Kent cũng ngồi gục đầu xuống lưng ghế, mặt mày cũng sừng húp và máu bầm đóng cục lên từng chỗ chẳng thua gì đàn anh. Dấu hiệu duy nhất cho Racco biết nó còn sống là tiếng thở phì phò.

Thề thảm thật! Đàn em lấy lưng của Frank Nitti, của gia đình Capone vang lừng thiên hạ mà cuối cùng bị chúng nó hạ cho thật là sát ván.

Đang ngủ gà ngủ gật ở cái ghế đối diện, thằng Mark cũng nghe được tiếng xe hơi, liền bật dậy hỏi Carlos:

— Carlos, tao nghe tiếng xe hơi, mày có nghe thấy không? Đù mẹ sao lạ vậy? Đàn anh Kabri đã điện thoại thông báo là đàn anh không xuống được mà?

Carlos nằm trên giường liền mở bừng mắt, phóng xuống chụp cây tiểu liên chạy tới bên cửa sổ vén màn nhìn ra. Phía ngoài, một chiếc Cadillac đen vừa dừng lại trước nhà thật.

Đù mẹ có chuyện rồi! Carlos hốt hoảng quay lui, la nhặng lên:

— Tất đèn! Tất đèn!

Đèn đuốc trong phòng tắt phụt. Bây giờ cả hai đứa thủ hai cái cửa sổ, cùng vén màn nhìn ra. Một thằng nói:

— Hình như chiếc Cadillac của đàn anh Kabri!

— Thấy sao mà giống quá. Hình như đúng là xe của đàn anh rồi.

Kabri là chúa đối ý kiến bất ngờ. Chắc đàn anh du hí nửa chừng rồi mất hứng nên mò xuống đây kiểm tra huyết để tìm cảm giác mạnh cho mình chứ gì! Cái chuyện này xảy ra cũng rất thường. Đi theo Kabri đã lâu, Carlos không còn lạ gì cái màn này. Nó thấy cây shotgun xuống sàn, ngáp dài một cái:

— Mấy giờ rồi, mày biết không? Không hiểu đàn anh sao không chờ được đến sáng ngày mai?

Nó bước lui trong bóng tối, mò mẫm bật đèn lên trở lại.

Carlos có thể bật đèn lên hơi sớm nhưng thằng Mark cẩn thận hơn, vẫn đứng yên sát bên cửa sổ, tay nắm chặt cây Tommy nhìn ra ngoài để ý quan sát chiếc xe Cadillac. Mark hình như ngửi được cái mùi gì là lạ trong vụ này. Đồng ý rằng Kabri có nhiều khi đi thăm viếng bất ngờ, nhưng sao xe ngừng rồi mà không thấy đàn anh leo xuống?

Mark dán mắt vào cửa kiếng tiếp tục quan sát. Xe này đúng là xe của đàn anh Kabri thật nhưng vẫn chưa thấy được đàn anh lộ mặt ra. Nó định bụng hễ khi nào thấy đúng đàn anh Kabri bước xuống xe thì mới đứng dậy ra mở cửa. Hễ chưa thấy được mặt đàn anh thì coi như khỏi có mở đi. Khỏi có mở và súng sẵn

sàng nhả đạn ra liền...

Mark tiếp tục quan sát một lúc nữa. Quái lạ, xe tắt máy đã có đến hơn một phút đồng hồ rồi mà sao không thấy người trên xe bước xuống?

Đàn anh làm gì trên xe mà có vẻ bí mật vậy? Mà sao tầm kiếng trước mặt mình mỗi lúc một mờ đi.

Mark nhăn nhó rồi chợt khám phá ra là chính hơi thở mình đã làm mờ tầm cửa kính. Nó dùng ống tay áo chùi chùi lớp hơi nước rồi lại tiếp tục dán mắt vào khung cửa sổ nhìn ra ngoài để kiểm tra đàn anh Kabri.

Lại nhìn ra nhưng lần này, quái lạ thay, chiếc Cadillac đâu không thấy mà lại thấy một thằng mặc áo bành tô đứng sừng sững ngay trước mặt nó như một bóng ma với họng cây Colt.45 đen thùi lùi đang chĩa thẳng tới trước, ngay vào giữa trán mình.

Tóc gáy Mark dựng ngược lên. Ma quỷ đâu có thêm xài súng! Cái họng súng cây Colt.45 ngay sát trước mặt ngoài khung kính coi sao mà to quá, lại đen thùi lùi nữa.

Mark chưa kịp phản ứng, chưa kịp kêu lên một tiếng, cũng chưa kịp nhảy lùi, chưa kịp làm gì cả thì từ cái lỗ tròn đó đã toé lửa ra một cái. Một viên đạn bay xuyên qua lớp kính đi thật ngọt vào giữa trán nó...

Mark bật tung ra sau, quay vòng vòng...

Carlos vừa bật đèn lên, đang cúi người lom khom tìm bao thuốc lá, mở miệng cầu nhau: "Đù mẹ, bao thuốc lá mới đây đâu mất tiêu rồi..." thì bỗng nghe oanh một phát như trời long đất lở. Nó xoay người để kịp nhìn thấy thằng Mark bị dội ngược ra sau, mặt như bị ai đục thủng một lỗ nơi giữa trán. Cái lỗ mới tinh và sâu hoắm còn trắng bóc những thịt tươi vì máu chưa chảy ra kịp.

"Đù mẹ mình bị phục kích rồi..." Tư tưởng đó chưa xẹt qua khỏi đầu thằng thợ giết người chuyên nghiệp thì nó đã như mọt cánh, bay cái vèo xuống nền nhà theo phản ứng tự

nhien. Thân mình chưa kịp đáp xuống sàn mà tay nó đã lẹ làng thò ra để chụp cây shotgun. Nhưng tay chưa chạm được cây súng thì lại nghe thêm oanh một phát nữa từ phía ngoài...

Thằng thích khách nào không biết ở ngoài bắn đẹp quá, để ngay một phát vào giữa ngực thằng Carlos. Bàn tay chụp súng liền tự động co lại ôm lấy ngực. Carlos lăn lộn trên sàn nhà.

Từ phía ngoài, thằng thích khách mặc áo bành tô lẹ làng nổ tiếp thêm một phát nữa...

Nó bắn đích xác và mau quá. Carlos biết ngay ngực mình vừa lãnh thêm một viên chì thứ hai. Đạn xé thịt chui vào buồng phổi nghe đến bụp một tiếng.

Bị bất ngờ và chính xác như vậy thì bỏ mạng cũng dẫu đành đạch, nói chi người. Carlos lăn lộn co quắp trên sàn nhà, cảm thấy đầu óc từ từ tối thui lại. Trong mấy chục năm giang hồ, Carlos đã bị... bắn nhiều lần nên nó không lạ gì cái cảm giác này. Bác sĩ thường bảo đây là triệu chứng báo hiệu máu không lên được tới óc. Hai viên chì to như vậy mà chui vào ngực thì còn máu nào lên nổi tới óc đây! Mình sắp chết rồi, Carlos nghĩ vậy. Nó gượng hết sức tàn, nghiêng rặng cổ lặn một vòng tới gần cây Tommy nhưng chẳng còn sức nữa, vừa kịp nhìn thấy thằng thích khách đã thò tay qua cửa kiếng, vặn một cái mở cửa rồi diềm nhiên bước vào. Không phải một đứa bước vào mà có tới hai đứa lặn. Thằng thích khách vừa nổ súng tay còn cầm cây Colt đi sau một người to con, mập mạp.

Từ dưới sàn nhà nhìn lên, tay súng lầy lừng nhắt của Kabri nhận ra hai thằng này có khuôn mặt hơi quen quen. Một thằng mặt mày mập mạp tròn trịa, thằng kia ốm ốm xương xương, mặt mày xấu xí, mới dòm tưởng là đàn anh Kabri nhưng nhỏ con hơn. Máu không lên được tới óc nên trí nhớ cũng đâm ra chậm chạp, nó không thể nghĩ ra hai thằng này là ai. Đang còn vận hết sức tàn để cố nhớ tông

tích hai thằng chó đẻ này thì Carlos nghe tiếng một thằng tù nhân của nó, thằng Racco, khóc lên rưng rức và mếu máo thì thảo trong nỗi hoan tột cùng:

— Đàn anh Frank Nitti, xếp Al Capone... mau mau cứu em với...

Thì ra vậy! Thằng đi đầu chính là hung thần Al Capone. Thằng mặc áo bành tô đã nổ súng bắn hai đứa chẳng ai khác hơn là đệ nhất đao phủ thủ của Capone. Carlos nhớ mặt thằng này. Nó chính là cái thằng đã suýt bị chúng nó bắn chết ngày nào ở một khách sạn bên Brooklin. Tên nó là Frank Nitti.

Vẫn còn cầm cây Colt.45 nghi ngút khói trong tay, Frank tiến tới nhìn hai thằng đàn em mình rồi chẳng nói chẳng rằng, bước từng bước một tới gần thằng Carlos.

Frank đứng chằng hẳng hai chân trước mặt nó, cây Colt chìa thẳng vào trán nó, cặp mắt lạnh lùng nhìn xuống. Carlos cũng chẳng ngán, giương cặp mắt thao láo đầy uất hận nhìn lên. Miệng nó tuy không nói được một lời nhưng ánh mắt nó tuyệt không thấy một chút gì sợ hãi mà lại tiết ra những tia lửa.

Nó chờ đợi một tiếng bùm chát chúa từ họng cây Colt.45.

Nhưng Frank lắc đầu, bình thần từ từ ngồi xuống. Đột nhiên nó thò tay nắm tóc thằng Carlos kéo ngược ra sau, nghiêng rặng hỏi:

— Mày còn nhớ tao không thằng chó đẻ?

Carlos thở phì phì, trả lời đứt quãng vì máu đang ọc ra từng hồi ở hai bên mép:

— Tao... chỉ giận hôm đó... kiếm không ra mày... dưới mấy đồng chẵn nệm... với lại bị... mấy thằng cảnh sát phá đám, nếu không thì...

Frank nghiêng rặng xoáy mạnh tóc kẻ thất thế:

— Mày học ai mà hôm đó mày bắn tiểu liên đẹp vậy?

— Còn mày, mày... học ai mà trốn mau vậy?... Mày mà trốn không kịp ngày hôm đó thì mày cũng chết mẹ mày rồi...

Nói xong nó còn nhếch mép làm như muốn cất lên một tràng cười

nhạo báng. Nhưng cười sao nổi nữa, máu ra xem chừng đã nhiều quá rồi.

Nghe nó nói vậy, Frank Nitti lộn tiết lên. Cái thằng khốn nạn này, chết đến nơi mà vẫn còn rần phun được một câu xiên xỏ cuối cùng, tao nhét họng cây súng này xuống tới căn cổ mày để coi thử mày có xiên xỏ được không cho biết!

Frank xoay ngang cây Colt.45 nhét họng súng vào khoảng giữa hai kẽ răng thằng Carlos rồi vặn ngược, đẩy một cái thật sâu vào tới cuống họng kẻ thất thế:

— Mày chắc chưa nghe tiếng tao mà! Sao, bây giờ còn nói được nữa không? Mày nói thử tao nghe coi.

Carlos ú ớ rồi bỗng ọc lên một cái. Máu trong miệng nó ào ra. Frank lẹ làng rút cây súng ra nhưng nòng súng đã dính toàn máu là máu. Rồi Carlos bỗng khựng người lên một cái, cặp mắt trợn tròn. Frank biết nó vừa tắt thở vì bàn tay mình hết còn sức tri của cái đầu. Nó thả bàn tay ra, đầu Carlos đập xuống sàn nhà nghe đến bộp một phát.

Frank chùi súng vào tấm ra rồi nhét nó vào vách, mò túi thằng Carlos tìm chìa khoá cái còng sắt. Năm phút sau, hai thầy trò Capone đặt được hai cái thân hình bê bết máu của Racco và Kent lên giường. Thằng Kent coi như đang hấp hối, chỉ còn thoi thóp thở không biết chết lúc nào. Chỉ mình Racco còn nói được chút ít, thều thào:

— Đàn anh đến hồi nào mà hay vậy?

Frank ngồi xuống giường bên cạnh nó:

— Lâu rồi, từ 2 giờ sáng nhưng tụi tao đâu có thêm ra tay. Tao đứng ngoài kia, chúng nó làm gì, tao thấy hết. Chiếc xe hơi chỉ để dụ cho chúng nó lộ mặt ra thôi. Mày biết mà, xếp Al Capone mà tính thì có khi nào trật được...

Frank cúi đầu nhìn vết thương nơi mắt trái của thằng đàn em, lắc đầu:

— Mày từ nay sẽ được thiên hạ gọi là Racco độc nhãn.

— Sống được là mừng rồi. Tôi đã tưởng đi luôn rồi!

Capone hỏi Racco:

— Thằng kia sao chết vậy?

— Nó không chịu khai, bị một báng súng lún sâu vô... sọ.

Capone đưa một câu:

— Còn mày chắc có khai?

Racco chỉ vào con mắt trái của mình, thều thào:

— Nếu đàn em chịu khai thì đâu đến nỗi như vậy!

Capone cúi sát xuống, hôn thẳng đàn em nghe đến chột một cái lên má rồi đưa hai tay cầm lấy hai tay nó. Racco thấy mắt hung thần Capone như ướt sũng, giọng xếp ôn tồn:

— Đùa với mày chút vậy thôi, tụi tao này giờ đứng ngoài thấy hết rồi. Mày xứng đáng với lòng tin cậy của Frank. Phen này về lại Chicago, mày sẽ lên làm caporegime.

Con mắt còn lại của Rocco chớp mấy cái rồi chảy ra một dòng lệ.

Frank nhớ ra một chuyện, bèn hỏi:

— Còn một thằng nữa đâu mất tiêu rồi?

Racco mệt quá không trả lời được, bèn đưa tay làm một dấu cắt ngang cần cổ và phun ra hai tiếng gọn lỏn: "No good". Capone cùng Frank nhìn nhau gật đầu.

Một lúc sau, Capone đưa tay nhìn đồng hồ rồi nhìn Frank hất đầu ra hiệu. Frank đứng lên đưa mũ cho xếp rồi cúi sát thẳng Racco, lay nó tỉnh dậy:

— Tụi mày cứ nằm yên đây. Trước khi trời sáng sẽ có người của Luciano tới chở chúng mày tới một nơi an toàn có bác sĩ, có thuốc men hẳn hoi. Rán tỉnh dưỡng vài tuần lễ rồi đón tàu về Chicago. Công trạng lớn của hai đứa mày sẽ được xếp hậu tạ. Nghe không?

Mỗi thằng Racco mấp máy dường như muốn biểu diễn một nụ cười nhưng miệng mồm bị đập bầm tím và sưng vếu lên như thế kia thì có cười cũng chẳng ai thấy được. Frank vỗ vỗ vào tay nó rồi đứng lên theo Capone bước ra ngoài... Trời bên ngoài tối đen như mực. Gió

lộc mùa xuân

*Buồn như rót hận vào tim
Vui như tuổi nhỏ đi tìm cuộc chơi
Vui tặng anh, buồn tặng tôi
Mai anh ra thật, tươi rồi hoa tim!*

*Chúng ta là những cánh chim
Đạp bằng bão tố đi tìm tự do
Như bầy chim Việt Đỗ quỳên
Bay đi mà vẫn hướng miền quê hương*

*Anh đi lòng có vấn vương?
Như quả chín vẫn nhớ vườn xưa xanh
Chúc nhau trăm sự tốt lành
Yêu người như lộc trên cành mùa xuân.*

nguyễn văn thín

(Whitehead, Hongkong)



thổi rào rào đánh phần phật vào hai chiếc áo bành tô của hai tên anh chị đến từ Chicago.

Một tiếng đồng hồ sau, hai thầy trò Capone đã ngồi im lìm trong xe ở bãi đậu của một khu chung cư sang trọng tại Nữ Ước. Hai thầy trò ngồi im trong bóng tối, chẳng ai nói với ai lời nào, ngay đến một điệu thuốc cũng không hút.

Gần 4 giờ rưỡi sáng, một căn phòng ở lầu 5 trong cao ốc bỗng có đèn bật lên và tắt đi hai lần. Capone thúc nhẹ cùi chỏ vào người Frank Nitti. Hai thầy trò mở cửa xe bước xuống, đi mau như chạy vào sân của cao ốc.

Al Capone và Frank Nitti đứng yên bên một lùm cây trong bóng tối chờ đợi...

Như tất cả các khu chung cư quan trọng giàu có khác của Nữ Ước, việc giữ an ninh cho người cư ngụ là một trong những chuyện quan trọng bậc nhất. Từ ngàn xưa, cái tật chung của những người giàu có là cái tật hay... sợ hãi. Tiền của có hàng núi mà không sống được để hưởng thì có để làm gì? Đánh trúng cái nhược điểm này của dân "quý tộc" Nữ Ước, các chung cư sang trọng đều được trang bị những hệ

thống an ninh rất hùng hậu với những máy móc tối tân và những nhân viên tài giỏi. Tại nhiều chỗ, có thể nói, toà Bạch Cung của tổng thống Hoa kỳ cũng không được canh gác cẩn thận bằng. Tiểu đội an ninh của chung cư nhiều khi còn được trang bị ngon lành hơn cả sở cảnh sát địa phương với những vũ khí tối tân, cộng thêm náo chó, náo toán tuần tiểu, toán đặc biệt.v.v..

Kabri là một thằng khôn lanh quý quyết. Nó biết mình chẳng được nhiều người... yêu mến nên chỗ ăn ở nó giữ kỹ vô cùng. Ở Nữ Ước này, có chỗ nào kín đáo, ít ai ngờ và an toàn bản thân cho bằng chui mọ nó vào khu chung cư sang trọng của bọn triệu phú mà ở. Thằng Kabri sống sót được đến giờ này là nhờ ở cái chỗ biết dùng đòn hư hư thực thực như vậy. Kabri hơn người ở chỗ làm được những việc người ta ít ai ngờ nhất. Trốn ở khu chung cư với bọn nhà giàu này, đúng như nó suy tính, vấn đề quan trọng nhất và nhức đầu nhất của một thằng lầy lùng như nó là vấn đề an ninh coi như được bảo đảm. Toà Bạch Cung của tổng thống Hoa kỳ còn có thể bị chúng nó ném bom vào chứ khu chung cư của bọn nhà

giàu thì bất khả. Một lợi điểm nữa, sống giữa bọn nhà giàu ích kỷ, chúng nó dường như chỉ có thời giờ lo cho riêng mình, không ai để ý đến ai cả. Ai đi khuya về sớm mặc ai, ai làm gì mặc ai, người nào cũng chỉ lo chuyện của người ấy. Khởi bao giờ có cái màn thắc mắc, thọc mũi vớ vẩn vào chuyện riêng của kẻ khác. Ngoại trừ bà chủ là người biết rõ Kabri là người của Unione Siciliane, ai cũng tưởng Kabri là một nhà kinh doanh hạng nặng, công việc bận rộn nên phải vắng nhà luôn. Bà chủ biết rõ như vậy nhưng Kabri khởi có sợ bà đi. Chính bà cũng là một người mang thể Unione lâu năm, và như nhiều hội viên khác của Unione trên đất Mỹ, bà rất trung thành.

Mà nó đâu phải chỉ ở trong một cái chung cư mà thôi! Biết rằng ở mãi một chỗ nào đó, thế nào cũng có ngày chúng nó moi ra, Kabri mượn phòng luôn một lần ở bốn, năm chung cư khác nhau và xa nhau để thay đổi. Tiền kiếm được nhiều và dễ dàng quá, không dùng vào những việc này thì để làm gì? Dĩ nhiên, ở khu nào cũng vậy, dưới mắt hàng xóm, nó chỉ là một anh nhà buôn hay một tay chạy áp phe luôn luôn bận rộn, làm việc rất hăng say nên đi đứng không bao giờ có giờ giấc nhất định, và quan trọng nhất, cứ lâu lâu vì công việc của hãng nên phải đi xa luôn.

Tối nay, khu chung cư sang trọng này cũng đang trải qua một đêm vắng lặng như bao nhiêu đêm khác. Chó không sủa nhiều, toán tuần tiểu đêm cũng đánh những vòng kiểm soát như thường lệ với phiếu báo cáo vô sự.

Người gác đêm nơi cửa chính của chung cư đang ngồi ngủ gà ngủ gật trong cái văn phòng nhỏ ở gần cửa ra vào. Mấy chục năm trong nghề gác đêm khiến hắn tập được cho mình một nghệ thuật vừa ngủ vừa... gác được. Lúc mới bắt đầu thực tập khi còn trẻ thì hơi khó khăn một chút nhưng càng về già thì hai lỗ tai hắn càng trở nên thính vô cùng. Đang ngáy khò khò ngon lành,

nước rãi nước miếng chảy tùm lum như vậy mà chỉ cần một tiếng động nhỏ phát ra nơi hành lang là hắn bật dậy như một cái lò xo liền. Cái lạ lùng nhất là chẳng những bật dậy, khởi cần nhìn ra ngoài hắn cũng biết người đang đi tới là ai. Không ai để ý một điều là trời sinh ra con người chẳng những có nhiều khuôn mặt khác nhau mà tiếng chân đi cũng khác nhau nữa. Mặt mũi thì thay đổi theo thời gian chứ tiếng chân đi thì ít khi thay đổi. Tất cả bước chân của những người trong chung cư hắn thuộc lòng. Thuộc đến độ, ngồi quay mặt vào trong vách mà nghe tiếng chân đi, hắn vẫn nhận ra được người nào ở ngoài để chào hỏi đúng boong: "Chào ông Smith, chào bác Brown.v.v.." Và ngàn lần như một, hắn không bao giờ chào sai trật. Thật ra, lâu lâu hắn cũng đoán lầm một vài lần như trường hợp lão Jackson năm nào. Lão này đi trượt tuyết té gãy cẳng về phải chống nạng nên hắn đành chịu, không thể nào đoán ra được.

Chẳng những có tài đó, hắn còn có một trí nhớ lạ lùng. Những người nào dọn vào cao ốc ở ngày nào, gia đình có bao nhiêu người hắn đều nhớ rõ. Một trong những người cư ngụ đặc ý nhất của hắn là anh chàng to con như đười ươi chuyên sống bằng nghề chạy áp phe. Thằng này mặt mày coi hung dữ như quỷ sứ dưới địa ngục chui lên nhưng tính tình lại hào sảng và lịch sự vô cùng. Có nhiều hôm có lẽ khách trúng được những mối làm ăn lớn, chỉ cần một cử chỉ cung kính giở mũ chào mà hắn được ông khách này gửi vào tay một tờ giấy trăm đô-la. Lương của hắn mỗi tháng lãnh hai lần cộng lại chưa tới 50 đô mà đương không thấy tờ giấy trăm nhét vào tay mình một cách dễ dàng như vậy thì bảo hắn không thích sao được! Mà chuyện này không phải mười năm một thuở mới xảy ra một lần. Cứ hai ba tháng thì hắn được thưởng một lần như vậy. Đã lắm!

Cho nhiều vậy, mát tay vậy mà

ông khách xộp có đòi hỏi gì nhiều đâu! Thỉnh thoảng, người khách khổng lồ dặt về cao ốc một em điểm hạng sang, bảo hắn lơ đi, đừng ghi tên vào sổ ra vào.

Số là, để bảo vệ an ninh tối đa cho những người trong chung cư, nhiệm vụ của người gác an ninh là phải ghi tên tuổi và giờ đi giờ đến của tất cả những người trong chung cư cũng như những khách khứa của họ. Chuyện đòi hỏi này cũng thường thôi, chẳng phải riêng ông khách khổng lồ này muốn mà nhiều dân tai to mặt lớn khác cũng vậy. Dân làm ăn buôn bán có uy tín đi chơi bởi thường giấu kín hành tung của mình kỹ càng như mèo giấu cứt. Phải giấu cho thật kỹ vì nếu... vợ biết được thì chết, mà khách hàng biết được thì cũng mất hết uy tín làm ăn. Lần nào cũng vậy, được yêu cầu là hắn luôn luôn hoan hỉ gật đầu, phát phát bàn tay ra hiệu cứ yên chí lớn.

Đơn giản như vậy mà đớp được trăm đô-la thì dễ quá! Tại sao người ta phải đi học làm bác sĩ kỹ sư hay đi ăn cướp làm chi kìa! Cứ xin đi làm gác-dan như hắn thì vừa nhàn lại vừa có tiền. Hắn luôn luôn lăm bắm tự hỏi lòng mình như vậy trước khi nhét tờ giấy bạc vào túi.

Chiều hôm nay, đang ngồi ngất ngưỡng coi báo thì tên gác đêm lại nghe được tiếng bước chân quen thuộc của người khách quý rộng rãi. Bước chân của người khổng lồ này thật oai vệ. Ủa, hôm nay người khổng lồ có dặt về chung cư một người nữa, đúng hơn là một người đàn bà. Thế này là mình lại phát tài rồi. Cặp mắt tên gác đêm sáng lên một chút khi nghĩ đến một tờ giấy trăm nữa sắp sửa chui vào túi mình.

Từ trong cửa sổ nhìn ra, hắn ngạc nhiên khi thấy con nhỏ lần này đẹp quá. Đẹp lạ lùng, đẹp đến độ hắn tự hỏi tại sao một em như vậy lại đi cặp kè một người xấu xí như ông khách của mình! Em ăn mặc và trang sức không giống những đứa con gái giang hồ mình hay gặp chút nào. Ba mươi năm làm nghề gác đêm, hắn biết gái làng chơi. Chúng

nó dù chung diện khéo đến đâu cũng không thể nào dấu được cái cốt của mình. Người gác đàn vừa mở cửa vừa suy nghĩ. Dĩ nhiên tuy suy nghĩ những chuyện hắc ám trong đầu nhưng đôi môi hắn vẫn nở một nụ cười toe toét.

Thằng khổng lồ liếc hắn một cái, lạnh lùng sửa một câu qua hai kẻ rãng. Một câu giới thiệu bất đắc dĩ, lạnh lùng như thường lệ: "Đây là em Mary, người bạn mới quen..."

Cái thằng này, dân buôn bán chạy áp phe mà sao mặt mày lúc nào cũng thấy hung ác lạ lùng. Nó giới thiệu bồ bịch mà giọng nghe thật là chói tai, đầy hằn học như gậy hất.

Gã gác đàn cúi đầu chào hai người. Vừa ngừng mặt lên thì hắn cảm thấy có một tờ giấy bạc chui giữa mấy ngón tay mình kèm theo một câu:

— Em Mary tối nay vui với qua một đêm...

Người gác đàn nhét tờ giấy trăm đô-la vào túi, cười híp mắt lại và nghiêng mình:

— Xin quý khách cứ yên chí vui vậy. Tôi cũng xin có lời chúc mừng ông. Người bạn của ông đẹp quá, sang trọng quá. Ông thực là may mắn...

Hắn đang còn tính thao thao bất tuyệt một thôi nữa để lấy lòng ông khách xộp nhưng bỗng nín bật khi thấy cặp mắt lạnh lùng như bắn ra những tia lửa khó chịu trên khuôn mặt sần sùi hung dữ của ông khách.

Người gác đàn yên lặng đứng nhìn theo hai người khoác tay nhau bước vào thang máy. Cửa vừa đóng thì những tiếng rên rỉ nghe có vẻ như vừa sung sướng vừa... đau đớn của chúng nó vọng ra. Hắn nuốt nước miếng, lắc đầu xoay người bước trở vào văn phòng, cố gắng xua đuổi một sự thắc mắc ra khỏi đầu: Quái lại, tại sao con người ta có thể vừa sung sướng và vừa đau đớn một lần được...

Gần 11 giờ đêm, cửa thang máy lại bật mở và em Mary hiện ra đột ngột như tiên nữ giáng trần. Đêm đã khuya, sự xuất hiện của một mỹ nhân trong khu chúng cư vắng tanh

như thế này làm người gác đàn cô đơn thấy rung động tâm hồn. Em bước ra khỏi thang máy, cặp mông nhún nhảy theo từng nhịp bước. Người gác đàn nuốt nước bọt. Đứa nào được ôm cặp mông này mà hôn hít nhất định phải là thằng may mắn nhất thế giới. Không ngờ cái thằng khổng lồ trong chúng cư mặt mày xấu như quỷ sứ mà lại tốt số đến như vậy! Đồng tiền quả làm được nhiều chuyện lạ lùng. Tên gác đàn cúi đầu xuống, tránh không muốn nhìn thêm, buồn thảm cho số phận hẩm hiu của mình.

Hắn chưa buồn được lâu thì đã nghe một giọng nói ngọt ngào ồm ồm cất lên:

— Anh, anh mở cửa cho em vào cái đi...

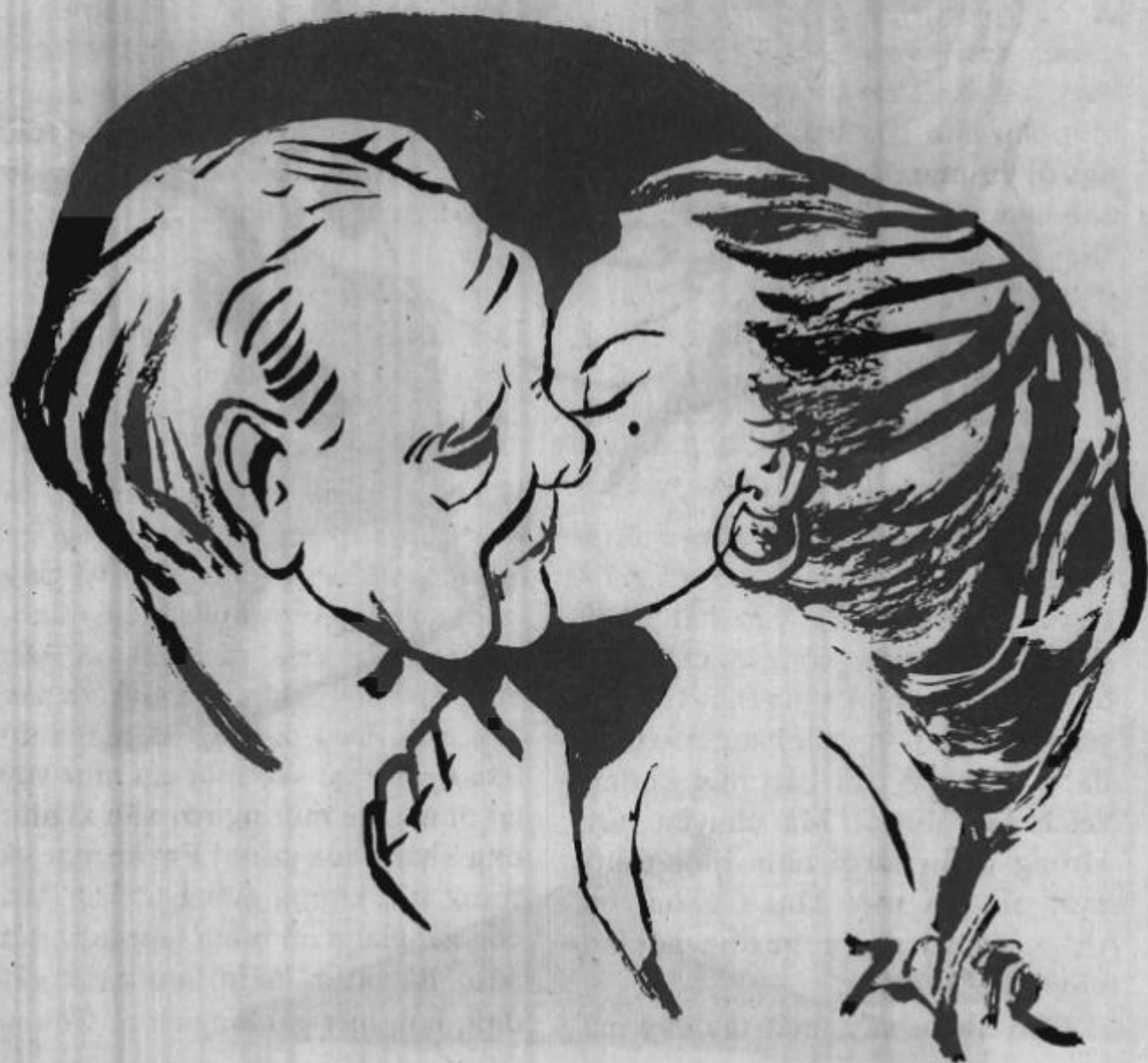
Đúng là giọng nói của nàng. Người gác đàn giật mình ngừng mặt lên để nhìn thấy người đẹp đang đứng bên ngoài tấm cửa kính.

Hắn vừa mừng rỡ vừa lo lắng. Đêm hôm tối trời vừa cô đơn vừa lạnh lẽo, có được một người đẹp như thế này để kề cận thì thằng đàn ông nào lại chả thích. Nhưng chuyện này lạ quá, nàng muốn vào văn phòng làm gì kia? Đó mới là cái kẹt. Linh tính bén nhạy của 30 năm trong nghề gác đàn cho hắn biết có chuyện gì chẳng lành trong cái vụ này. Đầu óc đang khô cứng chưa biết phải phản ứng thế nào thì cái giọng chết người kia lại tiếp tục thổ thê:

— Anh, em muốn vào nói với anh một chuyện...

Chao ôi, người đã đẹp còn thêm giọng nói nghe sao mà ngọt ngào quá! Gã gác đàn nuốt nước miếng, đảo mắt nhìn quanh một vòng. Ngoài cái khối thịt hấp dẫn lồ lộ kia, tứ bề vắng lặng chẳng có ai trong hành lang cả. "Ngoài nàng ra, chẳng có ai cả...", chỉ một ý tưởng này thôi cũng làm thái dương thằng đàn ông cô đơn rung lên từng đập một.

Dù đã được linh tính báo cho biết là cái vụ thăm viếng bất tử này có cái gì không ổn, nhưng trí óc của con người có giới hạn của nó. Đến



một lúc nào đó hay trong một hoàn cảnh nào đó của cuộc đời, người ta sẽ chỉ nghe theo mệnh lệnh của... con chim chứ không phải của trí óc nữa.

Người gác đàn lắc đầu từ từ đứng dậy. Hắn biết là kể từ giây phút này, đầu óc mình không còn chỉ huy mình nữa.

Hắn nhẹ nhàng vặn nắm cửa. Mary lách mình bước vào, nhìn những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán người gác đàn, cười một cái. Nụ cười của con cọp trước khi vồ mồi.

Cánh cửa tự động đóng lại sau lưng hai người.

Đứng trong văn phòng chật hẹp sát bên người đẹp, ngửi mùi nước hoa, mùi vải, mùi da thịt và mùi gì không biết, thơm lừng của nàng, gã gác đàn mới khựng người lại vì bỗng nhớ ra một chuyện kinh khủng: Thăng tình nhân tương mạo như quý sứ của nàng mà nhìn thấy cảnh này thì chắc khó mà giải thích cho nó hiểu.

Rồi, như một cảnh trong truyện thần tiên, em Mary từ từ nhẹ nhàng đưa hay tay vít đầu gã gác đàn xuống, đặt lên đôi môi khô cần nhả nheo kia một cái hôn nồng cháy.

Tên gác đàn có cảm giác như mình vừa trúng số độc đắc. Mùi hương thơm lừng từ môi em làm hắn ngây ngất. Mẹ kiếp, hôn như thế này mới gọi là hôn, chả bù với con vợ già ở nhà, lấy nhau trên ba mươi năm mà nó có bao giờ biết hôn như thế này đâu!

Con bé hôn đẹp thật, khéo thật mà hắn chỉ cảm thấy sợ... một chút rồi hết liền. Người hắn run lên bần bật không phải vì sung sướng mà vì sợ hãi. Hàng chục nỗi sợ hãi từ đâu kéo tới phủ trùm đầu óc hắn: Sợ bị đuổi sở, sợ thằng khổng lồ xuất hiện bất ngờ, sợ luôn cả em vì không biết em đang âm mưu cái gì...

Khi nàng rời môi hắn ra, ngừng mặt lên, hắn mới ấp úng được mấy câu:

— Thưa bà... thưa cô... à em, em

cần gì?

Mary cười thật tươi, hai tay vẫn còn ôm sau lưng hắn, ghì chặt vào người mình:

— Anh thông minh quá, anh biết hết.

— Em... em cần gì, em nói đi...

— Em hết thuốc lá bất tử, nhờ anh đi mua cho em một gói.

Tưởng gì chứ hết thuốc lá nửa chừng là chuyện thường tình. Cả nước Mỹ bây giờ người ta đua nhau hút thuốc. Điều thuốc lá trên tay là dấu hiệu của thời trang, của sự văn minh và thanh lịch. Đàn bà cũng bắt đầu hút mạnh để chứng tỏ

mình không thua nam giới. Vì thế, khách trong chúng cư nửa đêm hết thuốc lá xuống nhờ người gác đàn đi mua là chuyện thường. Để đề phòng những trường hợp này, trong học tủ bàn giấy của văn phòng an ninh luôn luôn có sẵn mấy gói thuốc cho khách. Đơn giản và... rẻ tiền vậy mà tại sao nàng lại phải vào tận đây hôn hít mình kia? Hắn khom người mở học tủ lấy hai gói thuốc lá đưa cho em Mary, giọng có vẻ hơi tiếc rẻ vì trò chơi chấm dứt quá mau:

— Em cầm lấy hai gói này mà hút.



Tưởng nàng sẽ mừng rỡ lắm, ai ngờ nàng lại lắc đầu:

— Em không hút thứ này.

— Vậy hút thứ nào?

Mary đọc tên một loại thuốc lá nổi tiếng của đàn bà thời đó. Người gác đàn nhún vai, lắc đầu:

— Cái đó thì anh xin chịu, phải chạy ra tiệm mua mới có. Mà anh đâu có bỏ chỗ làm việc đi đâu được!

Mary kéo bụng người gác đàn vào sát người mình hơn, thủ thỉ:

— Ngay ở đây ngó chờ đi đâu mà xa anh! Năm phút sau là anh về liền mà! Em sẽ ở đây canh chừng cho anh. Anh thương Mary giùm chút đi anh...

Nói xong, nàng lại vít đầu hấn xuống. Cặp môi nhăn nheo khô rúm của người gác đàn lại giật lên từng hồi.

— Đi giùm em đi anh! Đi về rồi em sẽ thưởng công cho...

Dân ghiền thuốc lá thật là kỳ cục! Chúng nó dám bán cả thân mình nhiều khi chỉ vì một điếu thuốc.

Người gác đàn nhìn sát vào cặp vú căng tròn với những sợi gân máu nhỏ li ti chạy khắp nơi trên đó và tưởng tượng đến cái phần thưởng mà nàng hứa hẹn. Trên cõi đời... gác gồng này có cái phần thưởng nào lớn hơn cái phần thưởng được... ôm ấp cặp vú này trong tay? Chỉ nghĩ đến đó thôi mà máu nóng trong người hấn đã chạy rần rần. Một cảm giác mê mẩn bốc lên từ đáy lòng.

Gã làm một con tính nhăm trong đầu để cân nhắc lợi hại. Tưởng nàng vào đây hôn hít để âm mưu chuyện gì bí mật, hoá ra chỉ nhờ mình đi mua thuốc lá thì đâu có gì khó! Xưa nay bao nhiêu người trong chúng cư này đã sai bảo hấn làm chuyện này mà có cho hấn cái gì đâu? Tuy hấn biết bỏ trạm gác ra đi là một điều tối kỵ trong nghề này, nhưng mỗi ca làm việc, lâu lâu hấn cũng thường đi tuần một vòng chung quanh cao ốc để kiểm soát. Một cuộc đi như vậy thường kéo dài từ 10 đến 15 phút. Đầu óc tên gác đàn lại loé lên một ý nghĩ: Bây giờ, thay vì cuộc bộ, mình dọt

thăng ra ngoài, mua cho em bao thuốc lá thì có sao đâu?

Có lẽ chẳng sao hết nhưng hễ cứ nghĩ đến cái phần thưởng cùng hai trái đào tiên có những sợi gân máu nhỏ li ti thì tim hấn như muốn ngừng đập. Đã mấy chục năm nay, mình chỉ biết có mỗi một con vợ già mập phệ.

— Em, em... nói thiệt?

Như đã đoán được thằng ngố này nghĩ gì trong đầu, Mary liền cầm tay hấn, vạch ngực áo nhét nó thật sâu vào trong lớp áo của mình, ngay giữa cái xú chiêng. Gã gác đàn như muốn ngã quy xuống nền nhà.

Mary cười hi hi, hai trái đào tiên rung lên theo tiếng cười. Đàn ông gì mà yếu vậy, mới chạm vào ngực mà đã như vậy rồi, nếu cho nó rờ tới cái khác thì dám đứng tim chết liền tại chỗ!

— Em nói thật, anh có chịu chiều em một lần không? Chỉ mấy phút chờ mấy...

Khó nghĩ quá, gã đang phân vân lựa chọn, chưa biết phải làm gì thì Mary đã bỏ tay hấn ra, thò xuống, nhằm ngay phía dưới cách chỗ thất lưng chừng hai tấc, bất thành linh dùng hết sức... bóp mạnh một cái. Hồi chiều, chính nàng đã bóp thằng Kabri một cái như vậy. Lần này, nàng cố ý bóp mạnh hơn.

Gã gác đàn kêu hự một tiếng, nhảy dựng lên, cả tay chân lẫn đầu óc đều tự động rút trở về vị trí cũ.

Đau quá! Đau quá! Đau đéch chịu được! Hấn đưa tay bụm lấy cửa quý, khom người xuống oằn oại rên rỉ, nướ mắt nước mũi chảy ra lòng thông. Tiên sư cái con chết bầm này, nó vừa cho mình một tí khoái lạc là đã xuống tay hành hạ như để trả thù, lấy lại những gì vừa ban ra vậy!

Giọng cười của con nhỏ nổi lên, nghe rất là bệnh hoạn và thích thú như vừa làm được chuyện gì ưng ý lắm.

— Sao, có chịu đi giùm em không? Hay em phải... bóp thêm cái nữa?

Nghe tới đó, gã gác đàn giật nảy mình, nhảy lùi ra sau. Nó mà bóp

thêm một cái nữa thì mình chết chắc. Mà sao nó kỳ vậy? Đêm hôm khuya khoắt nó vào đây hôn hít mình, nhờ mình đi mua thuốc lá rồi lại... bóp dái mình? Hay bây giờ bọn trẻ chúng nó thường yêu nhau như vậy, khó nghĩ quá...

Mary lại từ từ tiến tới đứng sát bên cạnh người gác đàn, đưa hai tay nâng mặt hấn lên, cất giọng ngọt ngào làm như chưa có làm gì hấn vậy:

— Đi giùm em đi anh, rồi em sẽ tặng anh một thứ mà anh không thể nào quên được.

Rồi nàng lại dịu dàng kéo đầu hấn sát lại, tính hôn lên môi hấn một cái nữa, nhưng tên gác đàn đã nhảy lùi ra sau, rên khe khẽ:

— Anh xin em! Em muốn thuốc lá, để anh đi mua thuốc lá cho em. Em làm kiểu này thì anh chắc chết.

Có thể chứ! Cá đã cắn câu, chim đã vào lồng rồi thì ra thế nào được! Mary mỉm cười, liếc mắt đưa tình:

— Vậy thì còn chờ gì nữa, đi đi anh, em ở đây chờ anh.

Tên gác đàn cả nhắc từng bước ra tới cửa, vừa hít hà vừa nhăn nhó nói:

— Em ở trong này nhớ đóng kín cửa lại, đừng cho ai vô hết. Có vậy thì anh mới yên tâm mà đi được.

— Anh cứ yên chí.

Hấn mở cửa dọt ra ngoài, phóng lên chiếc xe đạp để gần đó. Cái phóng mạnh và hấp tấp quá, bàn tọa hấn đạp trật yên xe, chỗ bị bóp ban nãy lại đau thốn lên. Gã chửi thề một tiếng rồi nghiêng răng cắn cổ đạp.

Capone và Frank chờ cho thằng gác đàn đạp xe ra khỏi cổng chính là chạy như bay vào cửa chính của cao ốc.

Em Mary đã chờ sẵn, liền mở cửa, mặt lạnh như tiền, sửa một câu cộc lốc:

— Phòng số 504!

Năm phút đồng hồ sau, hai thầy trò Capone đã có mặt ở tầng lầu năm của cao ốc, trong căn phòng sang trọng mang số 504...

(còn tiếp)



huyền-thuật và các đạo-sĩ tây-tạng

Mystiques et magiciens du Thibet
Alexandra David Neel
Nguyễn Phong phóng-tác

(tiếp theo và hết)

ĐOẠN KẾT

Tây Tạng là một xứ đặc biệt với nhiều truyền thống tôn giáo huyền bí và phương pháp tu luyện lạ lùng. Trong phần trên tôi đã trình bày các phương pháp mà tôi đích thân chứng kiến hoặc nghe các bậc trưởng lão kể lại. Cuốn sách nhỏ bé này là công trình nghiên cứu kéo dài hơn mười năm của tôi tại đây, dĩ nhiên nó còn thiếu sót. Muốn tìm hiểu về truyền thống Tây Tạng, người ta không thể thăm viếng vài người trong vài ba tháng hoặc vài ba năm mà tự hào đã có thể biết được những gì về xứ này. Dù có sống tại đây trọn đời, người ta cũng chỉ có thể biết được một phần nhỏ nào đó thôi, nhưng càng biết thì người ta sẽ càng thấy sự bí mật lạ lùng nơi đây càng dày đặc, mông lung, vượt ra ngoài sức tưởng tượng của con người. Đúng như một tu sĩ xứ này đã nói với tôi: "Càng học hỏi thì người ta sẽ càng thấy rằng mình không biết gì hết".

Cuộc du hành kéo dài hơn mười bốn năm của tôi tại đây khởi đầu từ những nguyên nhân dường như

tình cờ, nhưng vì một lý do mơ hồ nào đó, tôi vẫn nghĩ đã có một sự sắp đặt huyền bí từ trước. Tại sao đức Đạt Lai Lạt Ma lại nhận lời tiếp tôi tại Kalimpong? Tại sao ngài khuyên tôi "Muốn hiểu biết về Tây Tạng, việc đầu tiên là phải học ngôn ngữ xứ này"? Chính nhờ lời khuyên bảo sáng suốt này mà tôi mới tiếp xúc, học hỏi và giao thiệp được với những đạo sĩ, pháp sư, những bậc tu chứng tiêu biểu cho truyền thống tâm linh nơi đây.

Từ ngàn xưa, Tây Tạng vẫn nổi tiếng về truyền thống tâm linh huyền bí khác hẳn những quốc gia khác. Người Ấn Độ và Trung Hoa đã có nhiều giai thoại nói về miền đất nằm tận trên mây này. Hầu như đa số các tu sĩ Ấn Độ đều có thời kỳ qua Tây Tạng học hỏi, tu luyện. Ngày nay người ta vẫn thấy rất nhiều người tìm đường qua Tây Tạng như bị thu hút bởi một mãnh lực nào đó. Người ta không thể giải thích vì sao Tây Tạng lại có sức hấp dẫn kỳ lạ như vậy nếu họ không đặt chân đến đây, nếu họ không trầm mình vào bầu không khí trang nghiêm tĩnh lặng, nếu họ không biết lắng nghe những âm thanh mơ hồ trong gió, hay nhìn thấy những

hình ảnh kỳ lạ chớp chồn trong sương mù, hư hư thực thực. Nhiều người cho rằng chỉ tại nơi đây người ta mới kinh nghiệm được những sự kiện màu nhiệm, những hiện tượng siêu nhiên huyền bí vượt khỏi sự tưởng tượng của con người. Tuy nhiên người Tây Tạng không chấp nhận những sự kiện gọi là siêu nhiên huyền bí. Đối với họ tất cả đều là những hiện tượng tự nhiên như trăm ngàn các hiện tượng khác. Tuyệt đối không gì có thể gọi là siêu nhiên hay phép lạ được. Tất cả mọi việc xảy ra, dù lạ lùng đến đâu cũng đều bắt nguồn từ tâm thức và có thể được giải thích qua trạng thái của tâm.

Một hiện tượng gọi là vô thức khi nó được gây ra bởi một hoặc nhiều người, hay nhiều thực thể mà họ không hề ý thức về việc làm của mình hay kết quả của nó. Một hiện tượng gọi là hữu thức thường là kết quả hay công phu của một người hay một thực thể với mục đích rõ rệt. Người Tây Tạng tin rằng nhiều hiện tượng được tạo ra bởi các thực thể vô hình mà giác quan thông thường của con người không thể nhận biết. (Thực thể là các sinh vật sống trong sáu nẻo luân hồi: Trời, A Tu La, Người, Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh). Dù được tạo ra bởi bất cứ nguyên nhân nào thì nó đều là những hiện tượng thiên nhiên, nghĩa là chịu sự chi phối của những định luật trong vũ trụ, chứ không hề có tính cách phản thiên nhiên.

Có nhiều nguyên nhân xa gần khác nhau góp phần vào việc tạo ra một hiện tượng. Nguyên nhân chính là kết quả của tâm thức con người hay thực thể tạo tác ra nó. Khi một tư tưởng nảy sinh, nó tạo ra một động lực trong vũ trụ, động lực này có thể mạnh hay yếu tùy cường độ của tư tưởng. Nếu đủ sức mạnh nó sẽ tạo thành một lực và thúc đẩy người ta hành động ngay. Nếu không đủ sức mạnh nó sẽ tiềm ẩn chờ đợi các yếu tố thuận tiện. Do đó có những sự kiện bắt nguồn từ những hành động hay tư tưởng

có sẵn từ trước, (có thể trong kiếp này hay tiền kiếp) mà đến khi đó mới đủ các yếu tố để phát động. Huyền thuật đối với người Tây Tạng chỉ là một khoa học nghiên cứu các sức mạnh của tâm thức để sử dụng nó vào một mục đích nhất định nào đó. Bí quyết của các môn huyền thuật đều chỉ là sự tập trung tư tưởng để tạo ra một sức mạnh trong thiên nhiên. Sức mạnh tư tưởng chính là cái động năng đã thúc đẩy, đã tạo tác ra mọi sự kiện. Vì tư tưởng con người thường lộn xộn, hao tán, không tập trung nên nó rất yếu, chỉ hiện diện phát phơ một lúc rồi tan biến đi, không đủ sức mạnh để tạo tác ra chuyện gì. Một người biết cách làm chủ tư tưởng của mình, biết cách tập trung tư tưởng, biết cách sử dụng, thu góp các sức mạnh khác trong thiên nhiên để hỗ trợ cho tư tưởng của mình gia tăng cường độ, thì có thể tạo ra được các quyền năng vô cùng đặc biệt.

Sức mạnh của tư tưởng có thể tạo ra một "hình tư tưởng" hay một thực thể có sự sống riêng biệt, có thể hành động tùy theo mệnh lệnh của người tạo ra chúng, đó là căn bản của các phương pháp luyện âm binh. Vì việc tạo một hình tư tưởng trừu tượng không dễ dàng nên nhiều người đã phải sử dụng một vật hữu hình nào đó làm trung gian, đó là căn bản của các bùa phép, linh đơn, nước thánh, hay những linh vật hộ phù. Trên nguyên tắc thì như vậy nhưng sử dụng vào mục đích gì thì hoàn toàn tùy người tu luyện. Người ta có thể sử dụng bùa chú, linh đơn để chữa bệnh, để cứu nhân độ thế hay để trừ yểm, hãm hại một người nào đó.

Truyền thuyết Tây Tạng có rất nhiều giai thoại về việc các pháp sư hãm hại người khác bằng những con dao ngắn (Phurba). Đây là một loại dao nhỏ rất thông dụng, thường được các đạo sĩ đem theo mình. Khi muốn hại ai, họ tập trung tư tưởng vào lưỡi dao đó với mục đích sai khiến nó giết người. Có nhiều phương pháp luyện dao khác

nhau tùy môn phái hay sự tin tưởng cá nhân, phần đông đều sử dụng những câu thần chú hay nghi thức cúng vái nhằm hỗ trợ luồng sức mạnh tư tưởng của mình. Đôi khi họ còn kêu gọi thêm sự trợ giúp của các sinh vật của cõi giới khác nữa, dĩ nhiên họ phải kèm theo các lễ vật hoặc thương lượng thêm. Khi thành công, họ tìm cách để lưỡi dao đó gần chỗ kẻ mà họ muốn giết hay lui tới, khi kẻ kia vô tình đụng vào lưỡi dao thì y sẽ bị một sức mạnh kỳ lạ nào đó thúc giục, xúi bẩy rồi chính tay y sử dụng lưỡi dao đó kết thúc tính mạng mình. Có người cho rằng chính lưỡi dao đó đã trở nên một thực thể có sự sống và giết người. Kẻ khác cho rằng lưỡi dao chỉ là một vật có từ lực rất mạnh đã "thôi miên" người cầm lấy nó, xúi giục người này tìm lấy cái chết. Có người quả quyết rằng chính các ma quỷ bị thu hút bởi lưỡi dao đó đã xô đẩy người kia ngã vào lưỡi dao. Dĩ nhiên không ai có thể đổ lỗi cho vị pháp sư giết người được vì kẻ thù của ông tự tìm lấy cái chết. Trong thế giới huyền môn cũng có những người cao tay ẩn, nhìn lưỡi dao đã cảm nhận được sự rung động bất hảo trên lưỡi dao đó, hoặc biết ngay rằng lưỡi dao đó được sử dụng vào mục đích gì. Nếu là một pháp sư cao tay hơn, ông ta có thể sai khiến lưỡi dao đó quay trở về giết người đã tạo ra nó. Tóm lại, tùy theo sức mạnh của tư tưởng mà người ta có thể sử dụng một vật, như lưỡi dao, vào mục đích nhất định.

Một số đạo sĩ tin rằng Tây Tạng sở hữu một hấp lực đặc biệt, một mãnh lực từ điện thiêng liêng rất thuận lợi cho việc phát triển các quyền năng. Vì những lý do huyền bí nào đó, việc tập trung tư tưởng tại đây thường có kết quả nhanh chóng, khả quan hơn những nơi khác. Có thể vì độ cao đặc biệt của nó, có thể vì dân cư thưa thớt, hoặc vì sự tĩnh lặng mệnh mông hay những lý do nào khác mà bất cứ một tư tưởng nào phát sinh cũng có thể gia tăng cường độ và trở nên

một mãnh lực đặc biệt tạo ra các tâm thức lạ lùng. Tôi xin dẫn chứng như sau:

Một đoàn khách thương đi bằng ngang qua vùng cao nguyên, một cơn gió mạnh thổi qua làm bay chiếc nón che đầu của người trưởng đoàn. Chiếc nón lăn lóc theo chiều gió rồi tấp vào một bụi cây. Theo thời gian, nó bị nắng mưa làm bạc màu, bị gai đâm rách nát không còn ra hình thù gì nữa. Ít lâu sau, một đoàn khách thương khác đi ngang chỗ đó, có lẽ vì trời đã chập choạng tối nên thay vì nhìn ra chiếc nón họ lại nhìn thấy một vật gì kỳ lạ đang động đậy trong bụi cây. Hoảng hốt, họ cầm đầu bỏ chạy, không dám nhìn kỹ xem nó là vật gì. Khi đến ngôi làng gần đó, họ kể rằng đã nhìn thấy một "vật lạ" đang đứng trong bụi cây. Những khách thương khác đi sau cũng xác nhận sự kiện có một "cái gì" trong bụi cây rồi họ quả quyết rằng bụi cây đó là chỗ trú ngụ của một loài yêu tinh. Có người cho rằng đó là một loài quỷ khoáng đã thường hay hiện hình lúc đêm trăng. Lời đồn đãi càng ngày càng được nhiều người tin tưởng rồi trở thành một câu chuyện rõ ràng, mạch lạc, có đầu có đuôi hẳn hoi. Những luồng tư tưởng mơ hồ rời rạc từ một "vật lạ" đến bụi cây biết cử động rồi đồn đãi thành các loài yêu ma, quỷ quái với các chi tiết rõ rệt đã tạo thành một sự tin tưởng. Càng nhiều người tin tưởng, sức mạnh tư tưởng bao quanh chiếc nón cũ nát càng gia tăng, sau cùng nó đã trở nên một sức mạnh thực sự, một "hình tư tưởng" mà ai đi ngang qua cũng đều "thấy" một loài quỷ đứng như lời đồn đãi của dân làng.

Một người lái buôn Tây Tạng thường qua Ấn Độ buôn bán, lần nào lên đường bà mẹ cũng dặn anh ta cố gắng thỉnh cho bà một viên ngọc xá lợi của các vị thánh tăng xứ này. Vì mãi lo nghĩ đến việc làm ăn buôn bán nên lần nào anh này cũng quên không thỉnh được gì cả. Sau nhiều lần nghe mẹ trách móc, hôm đó khi đi buôn về gần đến nhà, anh

sự nhớ đến lời mẹ dặn và nẩy ra một ý nghĩ táo bạo. Anh nhặt đại một mẫu xương vụn bên lề đường, gói vào một chiếc khăn thật đẹp. Khi về đến nhà, anh trao cho bà mẹ và nói rằng đó là mẫu xương của một vị thánh tăng Ấn Độ rất nổi tiếng. Bà mẹ mừng rỡ đặt mẫu xương đó vào một bảo tháp bằng vàng rồi dâng cho ngôi chùa trong làng. Vì lời đồn đãi, dân chúng khắp nơi kéo đến chiêm ngưỡng mẫu xương đó và thờ cúng rất trang nghiêm. Thời gian sau, miếng xương đó tự nhiên phát ra hào quang sáng chói và tạo ra những hiện tượng hết sức màu nhiệm.

Người Tây Tạng giải thích rằng chính cái sức mạnh tư tưởng của quần chúng đã đem lại những phép lạ đó, dù là một mẫu xương tằm thường nhưng khi được thờ cúng trang nghiêm thì nó cũng có thể trở nên một báu vật linh thiêng như bất cứ một một bảo vật quý giá nào.

Người Tây Tạng cũng giải thích các hiện tượng lạ lùng khác dưới quan niệm sức mạnh của tư tưởng. Theo họ, việc đầu thai trở lại chỉ là một công phu tập trung tư tưởng trước khi chết để hướng dẫn cái nguồn năng lực trong người (linh hồn) đến một sự sống đang nẩy mầm (bào thai). Đôi khi người ta cũng có thể sử dụng sức mạnh của tư tưởng để hướng dẫn năng lực trong mình nhập vào xác người vừa chết như trường hợp của Sankara sau đây:

Truyền thuyết Tây Tạng đã đề cập một cuộc tranh tài giữa hai đạo sĩ Sankara và Mandana như sau: Sankara là một tu sĩ ẩn tu trên rừng Tuyết Sơn, trong khi Mandana là một pháp sư cai quản một tu viện rất lớn. Họ tranh luận suốt mấy tuần lễ liền, cuối cùng thì Mandana có phần yếu thế đã định nhận thua thì bà vợ của ông nhảy vào can thiệp. Bà này lý luận rằng, khi thành hôn, hai người đã trở thành một, như thế Sankara mới chỉ thắng được một nửa thôi. Muốn toàn thắng ông còn phải tranh luận kiến thức với bà nữa. Là một người

đàn bà thông minh, bà biết rằng nếu chồng mình đã không thể thắng Sankara về kiến thức tôn giáo thì tranh luận đề tài này cũng chỉ rước lấy thất bại mà thôi nên bà đổi chiến thuật. Thay vì đưa ra những câu hỏi có tính cách tôn giáo, bà lại chất vấn ông này về nghệ thuật ái ân, điều mà một nhà tu giữ giới không lập gia đình như Sankara không thể trả lời được. Sankara im lặng suy nghĩ rồi cho biết vì ông chưa được học hỏi về việc đó nên không thể trả lời, nhưng điều này không có nghĩa rằng ông đã thua. Ông xin phép được về nhà học hỏi thêm một tháng rồi sẽ tranh luận tiếp. Bà vợ của Mandana chấp thuận đề nghị này vì nghĩ rằng thời gian quá ngắn, dù có đọc cả trăm cuốn sách chỉ dẫn thì ông cũng không thể qua mặt bà được.

Sankara trở về am thất, căn dặn học trò mấy điều cần thiết rồi nhập thiền ngay. Ông tập trung tư tưởng hướng dẫn nguồn năng lực trong mình đi đến Ba Tư, nơi vị vua xứ này vừa qua đời và nhập vào xác của vị này. Triều thần Ba Tư thấy vua sống lại, reo mừng và rước ông về cung điện. Tại đây nhà vua cho triệu tập các bà vợ và cung nữ đến và bắt đầu học hỏi về nghệ thuật ái ân. Triều thần xứ này nhận thấy từ khi sống lại, nhà vua bỗng trở nên thông minh hơn xưa, ông cai trị hết sức công bình, nhân ái, ông còn thay đổi luật pháp trong nước và ban hành những biện pháp thích nghi để đem lại hạnh phúc cho toàn dân, khác hẳn vị hoàng đế khi trước. Các bà vợ và cung nữ cũng hết sức ngạc nhiên vì nhà vua tỏ ra nồng nàn, nhiệt thành trong việc chăn gối khác hẳn khi xưa. Tuy nhiên việc nghiên cứu học hỏi này cũng đem lại cho Sankara nhiều say mê thích thú khiến một tu sĩ dầy công phu như ông cũng quên luôn cả mục đích ban đầu, không thiết gì đến việc trở lại đời sống đạo hạnh, thanh khiết như xưa nữa.

Khi thời hạn đã đến, các đệ tử thấy sư phụ nhập thất không ra nên họ phải tìm đến cung điện xứ Ba Tư

xin yết kiến hoàng đế xứ này. Trước mặt nhà vua, họ đọc lên một bài thần chú mà ông đã dặn họ khi trước. Sankara bằng hoàng tình ngộ, nhớ đến lời giao ước khi xưa, ông lập tức tập trung tư tưởng rút hết nguồn năng lực của mình ra khỏi thể xác nhà vua để chuyển về thể xác của mình. Sau đó ông tìm đến nhà Mandana và tranh luận với bà vợ ông này. Trước sự ngạc nhiên của cả hai người, ông tỏ ra là người có kinh nghiệm và kiến thức rất lớn khiến vợ chồng Mandana phải nhận lời xin thua.

Việc sử dụng sức mạnh tư tưởng để hướng dẫn nguồn năng lực trong việc đầu thai hoặc nhập vào xác người khác là một phương pháp rất phổ thông trong huyền thuật Tây Tạng.

Việc hiện hình (materialization) của một người hay thực thể nào đó cũng là một sự kiện thường được nhắc nhở đến rất nhiều. Những hình ảnh (phantoms) hiện ra này không nhất thiết phải xảy ra trong những nơi hoang vu vắng vẻ, trong những đêm tối trời, hoặc trong các căn phòng đóng kín. Phần lớn việc hiện hình đều xảy ra vào lúc ban ngày, giữa thanh thiên bạch nhật và đông người. Tôi đã chứng kiến một sự kiện như sau:

Có một họa sư nổi tiếng chuyên vẽ những cảnh âm ti, địa ngục trên vách tường các ngôi chùa. Hôm đó ông đến thăm tôi. Khi ông ta vừa bước vào phòng thì tôi nhìn thấy một bóng đen to lớn đi phía sau ông ta. Lúc đầu tôi tưởng đó là một con gấu lớn, loài gấu mà người ta vẫn nuôi để làm xiếc, nhưng khi bóng đen bước vào phòng thì tôi nhận ra đó chính là một loài quỷ mặt mày ghê gớm với đầy đủ nanh vuốt như các bức tranh vẽ trên tường. Khi bóng đen đến gần, tôi giơ tay ra chạm vào nó và cảm thấy ngay một cảm giác như đang sờ vào một cái gì vừa lạnh lạnh vừa trơn trơn, bỗng dưng bóng đen đó biến mất. Thấy tôi cứ đứng sững, giơ hai tay ra trước mặt, vị họa sư ngạc nhiên lên tiếng hỏi thì tôi mới biết rằng ông

không hề ý thức gì về hình ảnh xuất hiện phía sau ông ta. Ông thú nhận đang vẽ một bức tranh lớn về cảnh địa ngục, đối tượng chính của bức tranh là một quỷ vương hung dữ mà ông tập trung tư tưởng để hình dung ra nó trong suốt mấy tháng nay. Hiển nhiên khả năng tập trung tư tưởng của ông đã tạo ra một "hình tư tưởng" bên cạnh mình, nhưng vì đó chỉ là một hình ảnh mà thôi nên cái "hình tư tưởng" đó cũng chỉ xuất hiện một cách thoáng phơ chứ không làm hại ai cả.

Wangdu là một người hầu cận đã theo tôi khá lâu. Lần đó anh xin được phép về thăm nhà khoảng ba tuần. Tôi đưa cho anh ít tiền mua thực phẩm và nhờ anh mượn thêm một số phu khuân vác hành lý cho phái đoàn. Sau hai tháng không thấy Wangdu trở lại, chúng tôi nghĩ anh này đã lấy trộm số tiền rồi trốn mất. Một đêm tôi nằm mơ thấy Wangdu trở lại, anh mặc một chiếc áo bằng da cừu màu xám, đầu đội một chiếc nón lớn có cột một cục gù màu đỏ. Anh ta tỏ ra hối hận vì mãi vui mà quên mất việc tôi giao phó. Sáng hôm sau, một người tùy tùng chạy vào báo tin cho tôi biết rằng Wangdu đã trở lại. Tôi bước ra bên ngoài nhìn xuống, vì chỗ tôi đứng là đỉnh cao có thể nhìn rõ con đường mòn dẫn lên núi nên tôi thấy rõ Wangdu đang lẫm lẫm bước. Anh ăn mặc quần áo giống y hệt như trong giấc mơ với chiếc nón lớn một cái gù đỏ. Anh đi một mình không đem theo hành lý gì cả khiến tôi ngạc nhiên. Wangdu xăm xăm bước cho đến khi đi ngang qua một tảng đá lớn thì bỗng biến mất. Chúng tôi nghĩ rằng anh ngồi nghỉ tại đó nhưng mãi vẫn không thấy anh bước ra, tôi bèn sai mấy người tùy tùng chạy xuống tìm thì không ai thấy anh đâu hết. Tôi không hiểu chuyện gì đã xảy ra, tảng đá đó không lấy gì làm lớn và nằm chênh vênh giữa đường thì tại sao Wangdu lại biến mất được? Mãi cho đến chiều hôm đó, Wangdu trở lại với một nhóm phu khuân vác và lương thực đầy đủ. Anh ăn mặc y

hồi âm

*Người đã trở về hay chiêm bao
Trời ơi nét chữ của năm nào
Ta nghe trái đất xoay vòng lại
Một trời mây, gió, nắng xôn xao*

*Hỡi mây, hỡi gió xin im tiếng
Ta muốn nghe tim đập rộn ràng
Tim non mười sáu. Ồ, không phải
Ta đã là ta tuổi bốn mươi.*

*Ai tắm hai lần dòng nước xưa
Mà ta tìm lại được hương thừa
Trên tờ thư mỏng long lanh lệ
Lệ của ta, lệ của người xưa
Ở đây quê người hay quê ta
Sài gòn, Đà Lạt cách bao xa
Đây rồi buổi sáng rung rung nắng
Người đứng chờ ta trước hẻm nhà
Ơi giấc mơ này, xin đừng tan
Ơi mùa thu này, xin đừng tàn
Lòng ta biến động ngày đông bão
Gió cuốn về đâu những lá vàng.*

hà thi

hệt như hình ảnh tôi đã thấy trong giấc mơ và sáng hôm đó. Wangdu giải thích rằng khi về nhà anh mãi vui nên quên mất lời giao ước với tôi. Khi nhớ lại thì đã trễ mất mấy tuần, anh vội vã mua sắm lương thực, mượn một nhóm phu khuân vác và lên đường ngay. Vì lương tâm cắn rứt, anh cứ nghĩ đến việc phải đi sao cho thật nhanh để gặp chúng tôi. Vì tu tưởng của anh cứ lẫn quẩn đến chuyện đó nên đã thành một sức mạnh, tạo ra hiện tượng khi tôi ngủ mơ gặp lại anh, và sau cùng tạo ra một hình ảnh (phantom) khiến chúng tôi nhìn thấy anh đang cầm cúi leo núi. Tôi đã kiểm chứng rất kỹ lời khai của anh ta. Nhóm phu khuân vác xác nhận rằng Wangdu cùng đi với họ và không hề rời phái đoàn nửa bước. Mặc dù họ hấp tấp ra đi nhưng Wangdu không thể nào đi nhanh hơn nửa ngày đường như vậy được. Cho đến nay, đây vẫn là một sự kiện đặc biệt trong kỷ niệm của tôi tại xứ này. Việc một người bình thường, không có công phu thiền định hay khả năng tập

trung tư tưởng, có thể tạo ra được các hiện tượng như trên khiến cho tôi cũng phải tin rằng quả thật miền đất Tây Tạng vẫn có một cái gì đặc biệt khác thường.

Nếu sự Hiện thể (Materialization) có thể được giải thích một cách khoa học như việc sử dụng sức mạnh của ý chí để tập trung các nguyên tử vật chất lại, tạo thành một hình ảnh, một vật, thì việc Giải thể (Dematerialization) cũng chỉ là việc sử dụng sức mạnh của tư tưởng để phân tán các nguyên tử vật chất ra. Người Tây Tạng tin rằng các đạo sĩ có quyền năng ý chí không những có thể tạo ra những sự vật hay đồ vật mà còn có thể làm những đồ vật biến mất nữa. Một số người có thể làm họ hiện hình ra hoặc biến mất một cách dễ dàng. Cũng như thế, khi chết, thay vì để cho thể xác tan rã dần dần, một số người đã sử dụng phương pháp Giải thể khiến cho thân hình họ tan ra thành cát bụi ngay tức khắc. Truyền thuyết Tây Tạng kể rằng Lạt ma Reschung, môn đệ của vị hành giả mặc áo rách Milarepa, đã



chọn lựa phương pháp trên. Sau khi trần trời với các đồ đệ, ông ngồi xếp bằng và dùng lửa Tam Muội đốt tiêu thể xác ra tro. Điều này có vẻ dường như khó tin nhưng một sự kiện tương tự đã xảy ra tại Shigatse, trước cột mắt của hàng ngàn tín đồ tu viện Tashinhunpo. Tôi được chính mẫu thân của đức Ban Thiền Lạt Ma kể lại chuyện này trong khi tôi đến thăm ngài vào năm 1916.

Lạt ma Kyongbu là một cố vấn tôn giáo cho đức Ban Thiền Lạt Ma trong nhiều năm. Vì tuổi già, ngài từ chức, rút vào một am thất nhỏ tĩnh tu, không màng đến những việc trong tu viện nữa. Trong thời gian đó, tu viện đang xây ngôi chùa thờ đức Di Lặc rất lớn, một cuộc lễ khánh thành long trọng được dự trù cử hành dưới sự chủ tọa của đức Ban Thiền Lạt Ma. Tôi nghe kể rằng đức Ban Thiền yêu cầu Lạt ma Kyongbu đứng ra làm chủ khoá lễ nhưng ngài từ chối vì biết mình sẽ qua đời trước khi ngôi chùa hoàn tất. Đức Ban Thiền Lạt Ma khẩn khoản yêu cầu ngài tạm đình hoãn lại việc từ trần, cố gắng chủ tọa cho buổi lễ ngày hôm đó. Đối với người Âu Mỹ, việc biết trước giờ chết đã kỳ lạ, nhưng việc đình hoãn giờ chết còn lạ lùng hơn nữa. Lạt ma Kyongbu đành nhận lời.

Trước sự hiện diện của hàng ngàn tăng sĩ trong buổi lễ khánh thành, Lạt ma Kyongbu ung dung chống gậy đi thẳng lên trước pho tượng để điều khiển buổi lễ. Ngài thấp một cây nhang đưa lên trước trán, cung kính niệm hương để khai mạc khoá lễ. Sau khi hoàn tất các nghi thức cần thiết, ngài bèn ngồi xếp bằng niệm hồng danh chư Phật ba lần, sau đó người ta chỉ thấy bóng ngài thấp thoáng trước pho tượng rồi bỗng dưng biến mất chỉ còn cây gậy đặt một bên. Tôi đã đích thân hỏi rất kỹ về chi tiết sự Giải thể này, mọi người đều xác nhận rằng ngài đã chủ tọa buổi lễ và sau cùng biến mất như thế nào. Có người cho rằng ngài đã dùng lửa Tam Muội đốt cháy thân thể ngay

trước tượng Phật, người khác cho rằng ngài vẫn ngự trong thất và tạo ra một hình ảnh (phantom) trông giống như ngài để chủ tọa buổi lễ mà thôi. Dù sao đi nữa thì việc biến mất trước cặp mắt chứng kiến của hàng ngàn người cũng là một việc lạ đáng được ghi nhận và một lần nữa xác nhận những quyền năng lạ lùng của các tu sĩ xứ Tây Tạng.

Huyền thuật và khả năng thần thông vẫn là một đề tài được bàn cãi rất nhiều. Một số người tin rằng thần thông chỉ là những điều tự nhiên xảy ra khi người ta đạt đến một trình độ tu hành nào đó. Vì nó chỉ là một sản phẩm tự nhiên, người ta không nên cầu mong, ao ước vì mong cầu là một sự tham lam xuất phát từ ý niệm về bản ngã. Dĩ nhiên không phải ai cũng nghĩ như thế. Có những người luyện phép thần thông để thoả mãn các tham vọng riêng và thần thông hay quyền năng trở nên một mục đích chính yếu. Nhờ cố gắng, công phu luyện tập, họ cũng sở đắc được những quyền năng khác thường, đó là trường hợp của các pháp sư, phù thủy. Đa số những người này đều tập luyện hơi thở hay khí công để mở các luân xa, tập tu thiền với một tâm trạng thụ động, kêu gọi các thực thể vô hình từ những cõi giới khác đến tiếp xúc với họ, có khi nhập vào họ nữa. Dĩ nhiên đây là những con đường nguy hiểm, xuất phát từ ảnh hưởng nền tôn giáo cổ Bon Pa. Tôi đã thấy rất nhiều người tập luyện theo các phương pháp này rồi bị mắc các thứ bệnh quái dị, hết sức trầm trọng cả về vật chất lẫn tinh thần. Gần như tu viện Tây Tạng nào cũng đều có đường điều trị những kẻ muốn đi theo “con đường tắt”, những kẻ muốn tìm cách đốt giai đoạn hay những kẻ ham mê luyện thần công này. Do đó tuy các sách vở Tây Tạng nói nhiều về các quyền năng, các hiện tượng siêu nhiên huyền bí nhưng có lẽ người ta nên nhìn nó như một sự cảnh cáo hơn là một điều đáng được đề cao.

Những hiện tượng được ghi

nhận trong cuốn sách này hoàn toàn khác lạ với quan điểm thông thường của người Âu Mỹ. Vì mỗi người trong chúng ta đều là sản phẩm của thời đại mà chúng ta đang sống, mỗi người đều tự tạo cho mình một quan niệm riêng xây dựng trên căn bản giáo dục và tập quán xã hội. Mỗi khi có một sự kiện gì xảy ra, người ta thường cố gắng giải thích, sắp xếp dựa trên quan niệm đó. Nếu có thể chấp nhận được thì người ta sẽ giải thích nó theo những căn bản hợp lý nhất. Nếu không thể giải thích hay chấp nhận thì người ta sẽ loại bỏ nó đi. Sự phủ nhận là điều mà tôi gọi là thành kiến, và chính thành kiến đã giới hạn sự hiểu biết của con người.

“Huyền thuật và các đạo sĩ xứ Tây Tạng” là một đề tài lớn, việc ghi nhận của một cá nhân không thể đầy đủ và chắc chắn có nhiều thiếu sót. Sở dĩ tôi cho xuất bản cuốn sách nhỏ này không ngoài mục đích kêu gọi những bậc học giả, có khả năng chuyên môn vượt xa tác giả, hãy tìm hiểu và nghiên cứu thêm về những hiện tượng ghi nhận trong cuốn sách này. Theo ý kiến riêng của tôi thì việc khảo sát phải được coi như một khoa học, nghĩa là phải được nghiên cứu một cách thận trọng trong tinh thần khoa học, loại bỏ các điều huyền hoặc, mê tín dị đoan và nhất là các thành kiến sẵn có. Tôi tin rằng việc tìm hiểu một cách đứng đắn, vô tư về các “hiện tượng lạ lùng” này sẽ mở ra một chân trời mới cho nhân loại vì “phép lạ” chỉ là một “phép lạ” khi người ta chưa hiểu biết, chưa thể chứng minh hoặc giải thích rõ rệt. Tôi tin rằng một khi đã nghiên cứu thấu đáo, đã đạt tới một tầm mức hiểu biết đúng đắn, chính xác, và biết cách phát triển các khả năng phong phú sẵn có của con người thì các hiện tượng vẫn được coi như là “phép lạ” cũng chỉ là một hiện tượng thông thường vẫn hằng hiện diện trong vũ trụ mà thôi.

Paris ngày 8.2.1929

HẾT

CHÂN QUANG

Tự Tình
(phóng-tác)



(tiếp theo)

NGƯỠNG CỬA VINH QUANG

Ngày ngày hôm sau, Đại Quán dời đồng cỏ Misashino, để Hạo Nhiên ở lại lều một mình.

Lo buồn dần lắng, nhường chỗ những suy nghĩ chín chắn hơn trong lòng Hạo Nhiên. Nó không thể bỏ nơi này để đi tìm sư phụ, phần không biết thầy bị giam giữ chỗ nào, phần đã hứa chờ Lâm

Bằng trở lại.

Ngày nào, Hạo Nhiên cũng ra xóm tiều hỏi thăm tin tức. Nhưng cũng như nó, những người dân quê chất phác chẳng biết gì hơn. Việc quan hệ là những việc xa vời, thuộc về một thế giới khác không liên hệ gì đến họ. Nếu có người nào chẳng may bị oan ức thì rán chịu. Họ chỉ biết việc trước mắt. Thương Hạo Nhiên côi cút, họ cho nó kê, đậu,

đôi khi thóc gạo và giúp nó sửa lại căn lều. Đối lại, Hạo Nhiên phụ dân xóm làm những việc vặt như xới cỏ, trồng rau, kiếm củi.

Ngày lại ngày trôi đi, Lâm Bằng không trở lại, Đại Quán cũng chẳng tin tức gì, Hạo Nhiên thấy sốt ruột. Buổi chiều, tựa cửa nhìn về hướng núi Chichibu, tưởng đến nơi sư phụ bị giam giữ, nó hình dung ra một Thạch Đạt Lang tiều tụy gầy yếu, thương cảm tràn ngập, nước mắt lại chan hoà, không sao cầm được. Trời thu nhạt, cỏ áy dãn. Những cánh chim tựa mũi kim theo nhau thành hàng bay về phía chân trời xa tắp. Đối với Hạo Nhiên, những con chim đàn ấy sao mà sung sướng quá và nó mong được như chúng.

Một bữa kia không chịu nổi sự khắc khoải dần vật, Hạo Nhiên quyết định ra đi tìm sư phụ.

Bản tính cẩn thận và lo xa, nó chuẩn bị kỹ càng đủ mọi thứ: nón nan, dép cỏ, ống nước đeo vai, nấu cơm nắm thành nắm gói vào lá tre để ăn bữa một, lại mang trong bọc ít cá khô, thịt muối dành riêng cho sư phụ.

Trước khi đi, Hạo Nhiên không quên tạt qua xóm tiều, từ biệt những người đã làm ơn cho nó và dặn dò trông nom hộ căn lều rồi mới nhắm hướng núi Chichibu thẳng tiến. Sau những năm theo Thạch Đạt Lang, nhất là từ ngày sư phụ bị bắt, tính tình Hạo Nhiên đổi khác. Nét mặt nó đăm chiêu, cử chỉ cũng dè dặt và ít cười nói. Tuy vẫn tháo vát như xưa nhưng làm việc gì bây giờ cũng đắn đo, chứng tỏ nó đã có ít nhiều từng trải.

Đi gần cả ngày thấm mệt, Hạo Nhiên ngồi giở cơm nắm ra ăn. Trời chiều, gió thổi mạnh, trông ra xung quanh chỉ thấy lùm nọ tiếp bụi kia, lá rừng rơi lả tả ngập gốc cây. Cảnh hoang vu càng như gọi trong lòng nó nỗi cô độc. Hạo Nhiên ăn mau cho xong bữa để tiếp tục cuộc hành trình, hy vọng đi thêm chút nữa may ra trước khi trời tối gặp được căn lều bỏ hoang của người kiếm củi hay đốt than nào đó cũng

có thể tạm trú qua đêm. Nhưng càng đi càng vắng. Con đường mòn trước mặt mờ mờ rồi khuất dần trong màu lam nhạt của những vạt sương chiều lãnh đượ. Tuy thế Hạo Nhiên không ngại. Ngay cả từ khi còn nhỏ, nó đã gặp cảnh hoang vắng nhiều lần nên rất vững tâm. Cùng lắm thì tìm một hốc đá nào đó chui vào đánh một giấc đợi hôm sau trời sáng sẽ đi tiếp chứ gì! Bỗng nó lắng tai chú ý. Có tiếng chân đều đặn đạp lá khô và tiếng ngựa hí nhỏ nhỏ. Hạo Nhiên nấp vội vào gốc cây giương mắt nhìn về phía tiếng động quan sát.

Đợi không lâu, quả thấy có bóng người dẫn ngựa đi tới. Trên lưng ngựa, một tráng sĩ cao lớn ngời, hai chân buông thõng.

Ngựa xem chừng đã mệt, đi chậm chậm. Còn người thì chẳng ai nói với ai lời nào. Trong bóng đêm

chập choạng, Hạo Nhiên không phân biệt được diện mạo cùng y phục nhưng khi họ đến gần, nó sững sốt. Hai người ấy chính là Thạch Đạt Lang, sư phụ nó, và Lâm Bằng, hiệp sĩ đất Kiso!

Hạo Nhiên mừng nhảy cẫng. Nó hét lớn:

— Thầy! Thầy! Con đây!

Rồi ủa ra nắm lấy cương ngựa. Con vật sợ hãi co cẳng hí một tiếng dài. Nếu không nhờ Lâm Bằng nhanh nhẹn ghì lại thì nó đã lồng lên chạy mất rồi.

— Hạo Nhiên hả?

Từ lưng ngựa, Thạch Đạt Lang nhảy xuống ôm vai đồ đệ:

— Con ra đây làm gì thế?

Lâm Bằng cũng hỏi:

— Sao biết chúng ta về mà ra đón?

— Ừ. Sao con biết chúng ta về?

Hạo Nhiên đáp, giọng đứt quãng

vì xúc động:

— Con... con... đi tìm thầy!

Thạch Đạt Lang nhắc bổng thằng bé lên nhìn kỹ. Thấy linh kinh hành trang, nỏ nỏ nan, túi cơm, ống nước, dép cỏ đeo lưng lẳng, hần cười lớn, đặt nó lên ngựa:

— Ta biết con là đứa trẻ tốt, nhưng bận sau chờ làm thế! Con rõ ta ở đâu mà tìm! May mà gặp hôm nay chứ nếu không, ta với con đã lạc nhau rồi!

Lâm Bằng cũng nói:

— Phải đó! Người không nhớ trước kia ta đã dặn cứ ở nhà đợi ta mà!

Hạo Nhiên gật:

— Nhưng lâu quá chẳng thấy tráng sĩ về.

Rồi như sực nhớ điều gì, nó tiếp:

— Lúc thầy đi vắng, có thiền sư Đại Quán đến tìm.

— Vậy ư? Ông nhắn gì không?

— Dạ không. Nhưng cũng có cả một người tên Giang tự xưng là đồ đệ của thầy nữa.

— Ồ!

Thạch Đạt Lang mừng, hỏi kỹ hơn. Hạo Nhiên bèn đem chuyện gặp Giang và Đại Quán ra kể cho hần nghe rõ hết. Thạch Đạt Lang lộ vẻ dăm chiêu, đoạn nói:

— Không ngờ Đại Cổ dẫn dắt thằng Giang làm những chuyện tày trời như thế. Bây giờ ta mới hiểu vì sao bị bắt vì vì sao tự nhiên lại được thả ra. Ta chắc chín phần mười Đại Quán có can thiệp.

Đoạn như muốn chấm dứt câu chuyện và dành những suy tư về hậu quả việc ấy cho riêng mình, hần nói lẳng, bảo đồ đệ:

— Con biết Lâm tráng sĩ chứ?

— Dạ biết.

— Nhưng chưa rõ liên hệ với ta ra sao đâu nhỉ! Tráng sĩ là ân nhân của ta, nhất là khi ta còn trong vòng lao lý. Tráng sĩ với ta đã kết nghĩa huynh đệ, vậy từ nay con gọi ông bằng sư thúc.

Hạo Nhiên định tuột xuống thi lễ, nhưng Lâm Bằng vội gạt đi, cho rằng những hình thức ấy lúc này không cần thiết. Võ nhẹ lưng nó, gả nói:

mùa xuân ơi, em ở đâu

*đời không còn thấy nhau lần nữa
từ buổi qua sông tống biệt hành
tình xưa một chút buồn như khói
giờ đã lan đầy mấy bến sông*

*thành xưa phố cũ mờ nhân ảnh
lòng vẫn còn vang tiếng vọng sầu
bàn tay nào chưa một lần vẫy gọi
giờ đã âm thầm níu đêm sâu*

*từ đó mùa xuân không thấy lại
ngày xanh tuổi trẻ rụng bên cầu
tình chưa hò hẹn đời xa cách
ta chốn dặm trường em ở đâu?*

*đời đã bao lần vào quên lãng
lòng còn thương nhớ suốt thiên thu
tiếng cười giọng hát ai ngày nọ
còn nghe âm vọng đến bao giờ*

*tình xưa một chút buồn như khói
từ buổi qua sông tống biệt hành
mười mấy năm rồi không thấy lại
mùa xuân ơi mùa xuân - em đâu?*

ngủ an



— Hay lắm. Chưa lập gia đình mà ta đã có cháu. Giá mẫu thân ta còn, chắc người hài lòng lắm.

Cả ba về đến nhà, đêm đã khuya, sương xuống lạnh buốt. Hạo Nhiên ôm củi ra nhóm lửa ở giữa nhà sưởi, lại mang cơm nắm cá khô thịt muối ra mời sư phụ và sư thúc cùng ăn.

Bữa cơm đạm bạc, nhưng đối với nó, trong không khí ấm cúng của gian nhà cỏ, bên ngọn lửa nhảy múa reo vui, quả là bữa tiệc mừng mọi người bình an đoàn tụ.

Thấy sư phụ hơi xanh và ở tay, ở cổ có nhiều vết thương chưa lành, nó hỏi tại sao. Thạch Đạt Lang cười, nói lảng:

— Chẳng có gì đáng ngại. Hôm nay gặp con, lại có thêm Lâm hiền đệ, thật là điều may mắn không ngờ ta được hưởng. Hãy cứ vui như thế đã, chẳng nên quan tâm đến những việc khác.

Ba hôm sau, trong khi Lâm Bằng và Thạch Đạt Lang đang xới đất ở sau nhà, gây một vườn rau mới thì có khách đến thăm. Ấy là Kỳ Sâm. Gã mang một phong thư của Tôn phủ triệu Thạch Đạt Lang đến để sát hạch. Nếu được chấp thuận, Tôn đầu lĩnh sẽ đích thân vờn hấn vào yết kiến và có thể dùng hấn trong một chức giảng huấn viên của Tôn phủ.

Thư gửi qua tay vị hào trưởng vùng Akagi là Hà Chu Cát Tĩnh và cũng là thân phụ của Kỳ Sâm. Vâng lệnh thân phụ, gã mang bản triệu dụng chuyển cho Thạch Đạt Lang, kèm với thư của Đại Quán và thiệp mời của thân phụ gã cùng một con ngựa, giục Thạch Đạt Lang đi ngay. Đạt Lang ngần ngại:

— Tại hạ mới được phóng thích, đi ngay có điều bất tiện.

— Tại sao bất tiện?

— Hình dung, y phục thể này e thất lễ chăng?

Kỳ Sâm vội gạt đi:

— Không sao, gia nghiêm đã nghĩ đến chuyện ấy. Xin cứ theo tại hạ, mọi việc chu toàn cả rồi!

Không thể từ chối, Thạch Đạt Lang giả biệt Lâm Bằng, báo tin hấn được triệu vào Tôn phủ khảo hạch để thu dụng vào giảng huấn bộ. Nghe tin, Hạo Nhiên mừng hết sức. Thế là từ nay, thầy nó không phải lang bạt nữa mà nó cũng yên tâm chẳng lo không trở thành một kiếm sĩ có tương lai như lòng hằng mong ước.

Đến lâu đài, chủ nhân Hà Chu Cát Tĩnh đích thân ra cửa nghênh tiếp. Thi lễ xong, thay áo nhẹ, gia nhân dẫn vào nhập tiệc, cũng vẫn ở gian phòng xưa, trước đây hấn đã gặp Đại Quán và Trúc Mộ.

Gặp lại Đại Quán, Thạch Đạt Lang vui mừng khôn xiết. Hấn phục xuống tạ ơn nhà sư đã can thiệp cứu hấn khỏi ngục thất. Đại Quán đỡ dậy, nói:

— Bất tất! Ta chỉ chứng minh nỗi oan con phải chịu và đòi sự công bằng mà thôi. Gặp bất cứ trường hợp nào như thế ta cũng can thiệp, chẳng cứ gì riêng trường hợp của con.

Bữa tiệc thịnh soạn. Tuy chỉ có ba người, sau thêm Kỳ Sâm nữa, nhưng thật vui vẻ.

Đề cập cuộc khảo hạch ngày hôm sau, Đại Quán có vài lời khuyên. Ông thực tâm tin tưởng Tôn Điền Tùng Cương là người đủ tài đức trị nước nên mong Thạch Đạt Lang phục thị Tôn phủ.

— Tôn Điền Tùng Cương là một chính trị gia khôn khéo, nhìn xa trông rộng và thực tế. Con nên lựa lời đối đáp, ta mong con thành công.

Thật ra, những ý kiến của Đại Quán không hợp với ý Thạch Đạt Lang. Trong thâm tâm, hấn chẳng muốn bị ràng buộc. Sau thời kỳ canh tác ở Hotengahara, hấn quả có ý tìm mình chủ, đem lưỡi gươm của mình phục vụ lãnh tụ nào có tài năng và đức độ, nhưng xét tình hình ngày nay, khó mà thực hiện ý định ấy.

Họ Tôn Điền ở Edo cũng như Hoà Giả ở Osaka đều chỉ lo củng cố quyền lực của phe phái. Dân chúng vẫn lầm than, chịu đựng nhiều bất

công, tại nhiều nơi đã phát sinh mầm mống nổi loạn. Sư quân chẳng có sách lược an dân kiến quốc gì, nên Thạch Đạt Lang thất vọng không muốn phí năng lực vào những cuộc tranh chấp đẳng tộc, bè phái như thế.

Tuy vậy, hấn không tiện từ chối, sợ làm mất lòng và nhất là sau vụ bắt bớ vừa rồi, sợ làm liên lụy đến những người đã để hết tin tưởng bảo trợ hấn.

Hôm sau, một ngày trọng đông nắng đẹp, Thạch Đạt Lang mặc lễ phục, cưỡi ngựa tía xuống núi. Dưới mắt khách bàng quan, rõ ràng tương lai đời hấn đầy rực rỡ, mỗi bước đi của hấn về phía Tôn phủ là một bước đến gần ngưỡng cửa vinh quang.

Cánh cổng Wadakura chừng mười trượng, thấy bảng đề “hạ mã”, Thạch Đạt Lang xuống ngựa, trao cương cho mã phu rồi thông thả đi vào. Thông báo danh tính xong, hấn được mời vào phòng chính trong nghênh khách đường ngồi đợi.

Phòng rộng thênh thang, tiếp được tới hàng trăm khách chứ không ít và được mệnh danh là “lan sảnh” vì ngay chính giữa có treo bức họa lan điều thật lớn.

Thị nữ mang trà bánh tới, nhưng ngoài những kẻ nô tài này ra, đợi mãi chẳng thấy ai đến tiếp xúc. Lại là người khách độc nhất trong phòng, ngồi lâu phát chán, hấn đứng dậy đi quanh. Gần chiều, mới thấy một lão ông bệ vệ bước ra. Tuổi chừng tám chục, tóc bạc như cước nhưng sắc diện hồng hào trông còn tráng kiện lắm. Ông tự xưng là Vạn Mẫn Cương thuộc hội đồng trưởng lão được cử đến để nghênh tiếp khách quý.

Thạch Đạt Lang cũng tự khai danh tính, trình sơ qua về dòng họ và tổ phụ. Nghe xong mỗi câu, ông lại gật đầu, chiếc cằm phì nộn khẽ rung động.

— Tiểu nhân đến đây theo lời triệu của Tôn phủ. Vậy xin kính cẩn nghe lời chỉ giáo.

— Đa tạ đại hiệp.

Đoạn, dường bối rối phải lựa lời diễn tả một điều khó nói, ông tiếp:

— Mấy hôm trước đây, hội đồng trưởng lão đã xét lời thiền sư Đại Quán đề cử đại hiệp vào một chức vụ thuộc giảng huấn bộ. Đề nghị của hội đồng đã đệ trình lên Tôn đại gia, tiếc thay ngài không thuận. Sáng nay chúng ta lại tái trình việc ấy, nhưng vẫn không lay chuyển được ý ngài.

Thạch Đạt Lang cúi đầu nghe, im lặng.

— Tôn gia nói đã một lần tiếp xúc với đại hiệp. Ngài rất có hảo cảm nhưng vì lý do riêng, không tiện để đại hiệp giữ chức vụ gì trong Tôn phủ lúc này...

Thấy Thạch Đạt Lang vẫn cúi đầu, giọng ông trầm xuống, nặng nề an ủi:

— Trong cuộc sống vô thường, chuyện xảy ra như vậy không phải là hãn hữu, đại hiệp chẳng nên quan tâm. Được hay mất, nhiều khi cũng nhờ may rủi.

Thạch Đạt Lang kính cẩn:

— Đa tạ lão tiên bối, tiểu nhân hiểu.

Vạn Mãn Chương thì tỏ ý quan hoài. Thạch Đạt Lang, trái lại, mừng vô tả. Hắn cảm thấy như có một quyền lực gì cao hơn quyền lực của Tôn đầu lãnh đã an bài mọi sự để hắn được tự do lựa chọn đường đi, dẫn đến và trao cho hắn một chức vụ vinh hiển, ích lợi cho dân tộc hơn chức vụ của Tôn gia rất nhiều.

Nhìn Thạch Đạt Lang điềm tĩnh, không lộ vẻ xúc động, Vạn Mãn Chương nghĩ thầm: "Thật là con người biết tự chủ".

— Được biết ngoài sở trường về kiếm pháp, đại hiệp còn có tài về mỹ thuật. Giá đại hiệp cho lão phu được chiêm ngưỡng đôi chút tài năng hiếm có ấy thì hay biết mấy. Xem nét bút, đánh giá được con người. Nếu có dịp trình lên Tôn đại gia, lão phu chắc ngài có con mắt tinh tế, sẽ thẩm định tác phẩm của đại hiệp không nhầm lẫn. Mong đại hiệp hiểu ý và đừng cho là lão phu ngạo mạn.

Dứt lời, ông đứng dậy nhìn Thạch Đạt Lang lần cuối, nói mấy lời cáo biệt và bước khỏi khách

sảnh.

Hiểu rõ thâm ý của Vạn Mãn Chương, Thạch Đạt Lang mỉm cười. Ông muốn hắn biểu lộ chí hướng trong một tác phẩm, đặc biệt ở trường hợp này, một tác phẩm nghệ thuật. Được lắm! Hắn sẽ làm, nhưng không phải nhằm mục đích được thu dụng như Vạn Mãn Chương đã gợi ý mà chỉ để bày tỏ ý kiến mình.

Khi còn nhỏ, Thạch Đạt Lang đã yêu thích nghệ thuật. Cái đẹp bao giờ cũng làm hắn xúc động. Từ vẻ huy hoàng của buổi bình minh rực rỡ ánh dương quang đến những bông hoa đại nhỏ li ti cạnh tảng đá rêu phong, mỗi cảnh mỗi vật đều gây cho hắn nhiều cảm xúc. Chỉ tiếc hắn đã không có được kỹ thuật điều luyện để diễn tả những xúc động ấy trên giấy như trong bức tranh "hạt giẻ" của Tống Lương Khải hắn đã xem ở thư phòng Cổ Huy Đạo năm nào.

Rồi vì lang bạt khắp nơi, không tiện và không có thì giờ vẽ tranh, hắn chẳng mấy khi tập luyện. Đôi khi nhàn rỗi, không có hứng tác tượng, Thạch Đạt Lang lại mang bút mực ra vẽ theo trí nhớ những cảnh hoặc vật đã gặp. Những nét vẽ ấy thường gò bó, chẳng được tự nhiên và không mạnh mẽ tung hoành như những đường gươm sắc bén của hắn nên hắn chẳng muốn ai xem và cũng chẳng muốn giữ làm gì.

Hôm nay, bỗng nhiên bị khích động vì lời yêu cầu của Vạn Mãn Chương mà hắn coi như một thách thức, Thạch Đạt Lang thấy hứng khởi bừng bừng. Bèn gọi con hầu mang bút mực và màu vẽ đến. Tiện có bức bình phong ở góc phòng còn trắng, hắn mang đặt cạnh chỗ ngồi. Trầm ngâm một lát, Thạch Đạt Lang phóng bút vẽ lên đó những hình ảnh ào ào từ trong đầu tuôn ra như thác lũ. Hắn làm việc nhanh và liên tục, mắt đỏ lửa, trong một cơn sốt cảm hứng tưởng không bao giờ dứt.

Đến khi bình phong không còn chỗ trống và lòng nhiệt thành cũng

đợi xuân

*hình như tôi đợi mùa xuân cũ
cũng đã lâu rồi lòng hắt hiu
tuyết vẫn phủ đầy trên sân cỏ
cành cây trơ lá buồn khảnh khiu*

*mùa đông dai dẳng trong trời xám
nổi nhớ chùng như cũng đậm màu
phải chi thấy lại vườn cau cũ
lòng chắc xanh như những lá trầu*

*tuyết sẽ có ngày tan theo nắng
vàng như mai nở rộ xuân nào
mùa đông sẽ khuất theo ngày tháng
nổi nhớ mùa nào cũng khít khao*

*thì đợi mùa xuân làm gì nữa
nắng vàng đâu ấm được lòng tôi
cho hay xuân chỉ ngoài trần thế
xuân đổi thay chi được cõi người!*

thủy trang



giảm, Thạch Đạt Lang rút giấy lụa lau mồ hôi trên mặt rồi thả bút vào bình nước, đứng lên, không nhìn lại bức họa mà cũng không sửa một nét nào.

Xốc lại quần áo, hần bước ra cửa. Quay nhìn cánh cổng Wadakura, một câu hỏi bỗng thoáng qua trong trí: Vinh quang ở đâu? Bên này hay bên kia cánh cổng? Thạch Đạt Lang bước nhanh, tự cho mình đã gặp may mắn.

Vạn Mẫn Chương trở lại khách sảnh. Ông nhìn bức họa hầy còn ướt mực. Bức họa vẽ cảnh đồng Musashino, cỏ áy vàng chiếm nửa bình phong. Chính giữa là vầng thái dương đỏ thắm, và thủy mặc được dùng để diễn tả bầu trời mây vùn vùn của một ngày đông bão.

Vạn Mẫn Chương lẩm bẩm: "Con hổ đã được Tôn giả thả về rừng mất rồi!"

*

* *

Hôm sau, Thạch Đạt Lang trở lại lầu, bộ lễ phục vẫn còn cứng bột hồ nhưng bụi đất đã làm lem nhem những chỗ lụa trắng. Lâm Bằng mừng rỡ:

— Mừng đại huynh! Đệ chờ từ sớm. Đại huynh đi rửa mặt rồi thay áo. Có phải nhận việc ngay không?

Thạch Đạt Lang cười:

— Không. Đề nghị bị bác.

— Bị bác? Đại huynh không giận đấy chứ?

— Ai giận làm gì!

— Tiếc quá nhỉ! Khó có cơ hội như thế nữa.

— Hiền đệ mà cũng nghĩ vậy à? Hiền đệ cho là vinh quang chỉ ở trong Tôn phủ hay sao?

Lâm Bằng không đáp. Thạch Đạt Lang lại tiếp:

— Một thời, ngu huynh cũng có ý muốn đem sở học và kiếm thuật đặt dưới chân mình chủ mình chọn lựa, mơ tưởng kiếm đạo đi đôi với chế độ để xây dựng một quốc gia cường thịnh.

— Phải vậy chứ. Tiểu đệ cũng nghĩ thế.

Thạch Đạt Lang lại cười:

— Vậy là chúng ta đồng ý kiến. Nhưng giấc mơ ấy tan rồi! Đó chỉ là giấc mơ không sát thực tế. Có bao giờ hiền đệ tự hỏi nếu gặp một chế độ không chủ trương xây dựng quốc gia thì những người cầm kiếm phục vụ cho chế độ ấy phải xử sự thế nào? Bị cuốn vào cơn lốc, người cầm kiếm không có lối thoát, sẽ bị dùng như một món đồ cho đến chết và nhiều khi không biết rằng mình chỉ là một món đồ...
Lâm Bằng cau mặt:

— Vậy đại huynh đứng ngoài xã hội hay sao?

— Không. Hiền đệ chớ nghĩ thế. Chừng nào còn dân tộc Nhật, còn quốc gia Nhật thì kiếm đạo vẫn còn là ngọn đèn sáng chỉ đường và giữ vững tinh thần cho ngu huynh.

Nói rồi lảng sang chuyện khác, Thạch Đạt Lang hỏi:

— Hạo Nhiên đâu?

— Nó vào rừng kiếm củi.

Thạch Đạt Lang lấy giấy bút ra thảo một bức thư đưa cho Lâm Bằng và nói:

— Nhờ hiền đệ mang trả ngựa và giao thư này cho vị hào trưởng vùng Akagi là Hà Chu Cát Tĩnh. Nếu gặp thiền sư Đại Quán ở đó, cũng xin chuyển lời cảm ơn nồng nhiệt của ngu huynh đến các vị. Chắc các vị đó đã biết ngu huynh không được thu nhận vào chức vụ đề nghị rồi.

— Đại huynh có nghi là vì bị gièm pha chăng?

Thạch Đạt Lang gật đầu:

— Cũng có thể! Nhưng bị gièm pha hay không, ngu huynh chẳng bao giờ để ý. Tuy nhiên, xin hiền đệ nói thêm để các vị ấy biết ngu huynh không đích thân đến cảm ơn được vì ngại sự liên lạc quá mật thiết có thể khiến các vị bị liên lụy và xin miễn chấp cho.

— Tiểu đệ hiểu, xin đi ngay bây giờ.

— À, còn việc này nữa...

Thạch Đạt Lang vừa nói vừa rút ra một túi gấm đưa cho Lâm Bằng:

— Cái này là của Hạo Nhiên. Phiên hiền đệ giao lại cho nó, bảo nó phải gìn giữ cẩn thận vì là di sản

độc nhất cha nó để lại.

Lâm Bằng trở mắt nhìn Thạch Đạt Lang:

— Sao vậy? Đại huynh đi đâu?

— Ngu huynh lên núi.

— Đi đâu cũng cho tiểu đệ đi theo. Cả Hạo Nhiên nữa.

Nhưng Thạch Đạt Lang nghiêm nghị:

— Ngu huynh không ra đi vĩnh viễn. Trong lúc vắng mặt, nhờ hiền đệ dạy dỗ Hạo Nhiên cho và coi nó như đồ đệ.

— Đại huynh lên núi ở ẩn chăng?

Thạch Đạt Lang cười rộ, ngả người chống tay lên chiếu rồi lập nghiêm:

— Chẳng phải thế. Ngu huynh còn trẻ, cũng muốn có sự nghiệp chứ. Biệt hiền đệ, không vui gì. Nhớ mấy câu thơ của một thi sĩ Trung Hoa đời Đường, xin đọc để tặng:

Tịch tịch cánh hà đải

Triều triều không tư quy

Dục tâm phương thảo khứ

Tích dữ cố nhân vi.

(Đợi gì không hưởng trọn yên tĩnh, Sớm nào cũng trở về không, Muốn tìm nơi cỏ thơm mà tới, Chỉ tiếc phải xa cố nhân).

Lâm Bằng nghe, lòng buồn vơi vơi, cầm tay Thạch Đạt Lang nghẹn ngào. Lúc sau lên ngựa từ biệt.

Đến lâu đài Akagi, Đại Quán vẫn còn đó, đang cùng chủ nhân đàm đạo. Cả hai đã được thông báo quyết định của Tôn đầu lãnh. Lâm Bằng đưa thư, đọc xong mới biết ý định của Thạch Đạt Lang muốn xa Edo một thời gian. Lại nghe Lâm Bằng nói Thạch Đạt Lang không đích thân đến giã biệt được vì sợ liên lụy đến ân nhân, ai cũng cho hần quá cẩn thận.

Hà Chu Cát Tĩnh đề nghị:

— Hần đã không đến ta được thì ta đến hần, ngại gì!

Đại Quán gật đầu đồng ý. Bèn cùng nhau lên ngựa tới đồng cỏ.

Đến nơi, căn lều vắng lặng. Trên trời cao, chỉ thấy một đám mây lơ lửng.

(còn tiếp)



BÚT CHÌ phụ-trách

Mục "Độc Giả Thắc Mắc" được mở để bạn đọc nêu ra những nghi vấn về mọi lãnh vực: văn học, nghệ thuật, khoa học, xã hội, chính trị, v.v..

Vì khuôn khổ hạn hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn chế mỗi lần hỏi tối đa 3 câu. Đa tạ.

Bút Chì phụ trách.

TẾT TÂY TẾT TA

Hỏi: Tôi đề nghị đưa ra đề-tài nên ăn Tết tây (dương-lịch) hay tết ta (âm-lịch), xin bàn cãi cho ra lẽ.

Bên Tây-phương và các nước khác theo dương-lịch và ăn Tết của họ. Việt-nam ta lại ăn Tết Tàu. Nếu có người hỏi: "Anh là người Việt-nam mà tại sao ăn *Chinese New Year*?" tôi không khỏi cảm thấy ngượng quá, vì tổ-tiên mình đã theo cổ-tục của Tàu, nay làm sao phủ-nhận được!

Câu hỏi đặt ra như sau:

1.—Người Nhật trước kia theo âm-lịch, nhưng có vị Thiên hoàng đã quyết-định theo dương-lịch và Tết Nhật ngày nay vào ngày 1.1 dương-lịch, tổ-chức theo mọi cổ tục của Nhật. Như vậy thì từ khi khởi đầu cuộc thay đổi đó, dân-chúng Nhật có phản-ứng gì không?

2.—Bên Tây-phương, vào dịp lễ Giáng-sinh và Tết Dương-lịch, các trường nghỉ tới nửa tháng, còn các người đi làm có nhiều sở nghỉ bắc cầu ít ra cũng được 10 ngày. Vậy nếu ta theo dương-lịch, ăn Tết tây thì có thể dùng thời-gian này đi thăm nhau, tụ họp gia-đình, có thể tổ-chức cúng bái, tưởng niệm tổ-tiên, như vậy có gọi là mất gốc

không? Có lợi gì và không có lợi gì?

3.—Nếu những người Việt-nam ở hải-ngoại có theo dương-lịch và ăn Tết tây, thì đối với 68 triệu đồng-bào ở quê nhà ra sao? Có thể tuyên-truyền họ nên sửa đổi theo dương-lịch cho tiện-lợi và đồng-thời cởi bỏ sự nô-lệ cổ-tục của Tàu?

Ông Nguyễn Trường Thọ
Toronto

Đáp: Trước hết, cái "Tết âm-lịch" theo truyền-thống của Trung-hoa và Việt-nam, chuyển sang tiếng Anh cho thật đúng, phải gọi là "Chinese Lunar New Year" mới đúng.

Trên thế-giới có nhiều hệ-thống âm-lịch (lunar calendar: lịch căn-cứ vào sự vận-hành của mặt trăng, khác với dương-lịch, làm theo mặt trời).

Âm-lịch của Trung-hoa là một, bên cạnh các loại âm-lịch của người Sumerian (định-cư tại vùng Bá-đạt, thuộc Iraq ngày nay), Hi-lạp, Do-thái cổ và Hồi-giáo. Gọi âm-lịch Trung-hoa là *Chinese lunar calendar* là để phân-biệt với các loại *Sumerians, Greek, Jewish* và *Muslim lunar calendars* khác.

Việt-nam chúng ta trước khi bị Pháp đô-hộ vẫn theo âm-lịch Trung-hoa, ăn Tết âm-lịch Trung-hoa, vì tổ-tiên chúng ta định-cư ngay trên đất Trung-hoa ngày nay, điều đó không có gì để phải ngượng-ngùng.

Phần lớn các nước Tây-phương ngày nay ăn Tết dương-lịch ngày 1 tháng 1, chính ra là Tết La-mã, tại sao họ không có mặc cảm tự ti? Phải chăng vì La-mã "cao" hơn Trung-hoa? Chúng ta bỏ lệ Tàu theo lệ Tây, chẳng lẽ không ngượng, vì Tây "có giá" hơn Tàu?

Về các câu hỏi của ông, BC xin góp ý-kiến thêm như sau:

1.—Lúc Nhật-bản bỏ Tết âm-lịch, ăn Tết dương-lịch, dân-chúng có bất-bình và phản-đối, nhưng ít thôi. Người Nhật chú-trọng ngày hội hoa Anh-đào hơn ngày Tết, nên dù Tết Tàu hay Tết La-mã, họ không mấy quan-tâm. Ngày hội hoa Anh-đào được các địa-phương

quyết-định hàng năm, thay-đổi nội trong hai tuần-lễ đầu tháng 4. Các tỉnh miền Nam nước Nhật ấm-áp hơn, hoa nở sớm, nên hội hoa bao giờ cũng sớm hơn hội hoa ở các tỉnh miền Bắc khoảng hai tuần-lễ.

2.—Phần lớn dân Việt theo Phật-giáo, ông cho họ nghỉ lễ Giáng-sinh (đạo Thiên Chúa) bắc cầu cho tới Tết Dương-lịch; rồi tới lễ Phật-đản, họ so-bì, yêu-cầu cho nghỉ 10 ngày nữa thì lấy ai làm việc?

3.—Đối với Việt-nam, việc bỏ Tết ta ăn Tết tây không có lợi gì cả, mà còn thiệt-thòi, vì đồng-bào vẫn được nghỉ cả hai Tết!

Hơn nữa, khí-hậu địa-lý toàn quốc Việt-nam có khác nhau. Ngày 1.1 dương-lịch trong Nam đã ấm-áp dễ chịu, cây cỏ xanh tươi, trong khi ngoài Bắc vẫn cảm cảm rét mướt, hoa chưa nẩy lộc, cụ "bắt" họ co-ro ăn Tết tội-nghiệp quá!

Mặt khác, việc phá bỏ một cổ-lệ đã có truyền-thống hơn 4000 năm, nại lý-do ngoại-lai, chẳng lẽ lại theo một cổ-lệ khác cũng gốc ngoại-quốc?

Cụ sinh sống ở Gia-nã-đại, thấy việc nghỉ lễ Giáng-sinh bắc cầu qua Tết tây là lợi, đồng-bào ở Pháp cho rằng nghỉ lễ Phục-sinh hai tuần-lễ lợi hơn, đồng-bào ở Do-thái, quả-quyết nghỉ Tết Do-thái tiện hơn hết,... rồi tất cả cùng mang những cái tiện khác nhau ấy đem về thuyết-phục đồng-bào trong nước đối theo, liệu có hợp-lý chăng? Và lại, truyền-thống dân-tộc là điều thiêng-liêng, không thể tùy tiện mà thay đổi một cách khinh-suất được.

TẾT TRÊN THẾ-GIỚI

Hỏi: Xin bác nói sơ sơ về các ngày Tết trên thế-giới, họ có ăn Tết giống chúng ta (1.1 dương-lịch và 1.1 âm-lịch) không?

Nguyễn Hảo Hùng
Paris

Đáp: Về ngày Tết (New Year Day) các sắc dân và tôn-giáo trên thế-giới tổ-chức vào các thời-điểm khác nhau, kể theo thứ tự thời-gian, gồm:

- Vùng Babylonia (nay thuộc Iraq) ăn Tết vào ngày trăng non, tháng đầu xuân (giữa tháng 3).

- Vùng Assyria (cũng thuộc Iraq) ăn Tết vào ngày trăng non đầu mùa thu (giữa tháng 9).

- Người Ba-tư, Ai-cập ăn Tết ngày 21 tháng 9.

- Người Hi-lạp, cho tới thế-kỷ thứ 5 trước Thiên Chúa, còn ăn Tết vào ngày Đông chí (21 tháng 12).

- Cổ La-mã ăn Tết ngày 1 tháng 3; tới năm 153 trước Thiên Chúa mới đổi thành ngày 1 tháng 1.

- Do-thái giáo ăn Tết thay đổi vào khoảng giữa ngày 6.9 tới 5.10

- Thời Trung Cổ, các nước Tây-phương ăn Tết ngày 25 tháng 3.

- Anglo-Saxon England ăn Tết ngày 25 tháng 12.

Từ năm 1582, các quốc-gia Thiên Chúa giáo dần dần đồng ý ăn Tết ngày 1.1 theo lịch Gregorian. Tô-cách-lan đổi theo năm 1660; Đức và Đan-mạch 1700; Anh-quốc 1752; Thụy-điển 1753; Nga 1918.

Các nước Á-đông phần lớn ăn Tết theo tôn-giáo. Dân-tộc Tamil ăn Tết vào 3 ngày lễ Pongal. Người Hồi ăn Tết vào ngày lễ sông Hằng. Thái-lan ăn Tết vào cuối tháng 3, đầu tháng 4. Người Trung-hoa, Mãn-châu, Mông-cổ, Tây-tạng và Việt-nam ăn Tết theo ngày đầu năm âm-lịch. Người Nhật bỏ Tết âm-lịch, chuyển sang ăn Tết dương-lịch, gọi là ngày Chính nguyệt (Shogatsu).

ÔNG GIÀ NOEL (SANTA CLAUS)

Hỏi: Xin bác Bút Chì tóm-tắt sự tích ông già Noel. Ông già Noel có thật hay bịa, và nếu có thật, tên ông là "Noel" hay "Claus", hình dạng ra làm sao? Nghe nói bên Mỹ có thị-trấn Santa Claus, có phải đó là sinh-quán của ông già Noel của Mỹ?

Lê Thị Hằng
Quebec

Đáp: *Papa Noel* hay **Santa Claus**, là người thật, có điều ông đã qua đời từ thời Trung Cổ. Ông là

Giám-mục Nicolas ở Myra, nay thuộc Thổ-nhĩ-kỳ. Ông thương yêu trẻ con, cứ đến dịp lễ Giáng-sinh lại mang quà đến tặng các em. Sự tử-tế này được truyền-tụng, và dần dần huyền-thoại hóa hình-ảnh của ông, trở thành thánh bốn mạng của trẻ con.

Tên "Santa Claus" do người Dutch (vùng Đức và Hòa-lan ngày nay) du-nhập Hoa-kỳ. Người Dutch gọi Santa Claus là "San Nicolaas" hay "Sinter-Klaas", trở thành Santy Klaus, rồi người di-dân nói tiếng Anh biến âm thành "Santa Claus."

Tại Âu-châu, trẻ con gọi ông già Noel là Père Noel hay Papa Noel. Trong huyền-thoại Âu-châu, ông tầm-vóc cao lớn, dáng người khắc-khổ, mặc y-phục giám-mục.

Năm 1809, nhà văn Hoa-kỳ Washington Irving diễn tả trong truyện của ông ta rằng Santa Claus mập-mạp, vui tính, đi xe kéo chở đầy đồ chơi trẻ con, chạy trên các ngọn cây.

Mục-sư Clement Clarke Moore trong bài thơ *A Visit from St. Nicholas* viết năm 1823, cũng diễn-tả ông già Noel là vị thần già, mập-mạp, vui tính, thêm đôi mắt nhấp-nháy, chiếc mũi đỏ, đi xe trượt tuyết do 8 con tuần-lộc kéo bay trên trời.

Cuối thế-kỷ 19, họa-sĩ hoạt-họa Thomas Nast vẽ nguyên hình ông già Noel trên tuần-báo *Harper's* với bộ râu bạc trắng, mặc quần áo đỏ viền lông thú màu trắng.

Tại Gia-nã-đại, bức minh-họa Canadian Santa triển-lãm năm 1876, còn gọi ông già Noel là King Christmas.

Về thị-trấn Santa Claus thuộc quận Spencer, ở miền tây tiểu-bang Indiana, Hoa-kỳ, không phải là sinh-quán của "ông già Noel Hoa-kỳ." Thị-trấn này nguyên được đặt tên là Santa Fe, nhưng sau đó có người khám-phá ra nó trùng tên với một thị-trấn Santa Fe khác ở cùng tiểu-bang, nên hội-đồng thành-phố họp để đặt tên khác.

Buổi họp được tổ-chức gấp-rút, lại cận ngày lễ Giáng-sinh trong không-khí tung-bùng, hình-ảnh "ông già Noel" xuất-hiện khắp nơi, nên có người vui miệng đề-nghị lấy tên "Santa Claus". Không ngờ cả phòng họp vỗ tay tán thành, và tên Santa Claus từ đó được ghi vào bản đồ Hoa-kỳ. Cũng từ đó, vào dịp lễ Giáng-sinh, trẻ con tại Indiana gửi thư cho ông già Noel, đề ngoài là "Santa Claus, Santa Claus Land", thế nào cũng tới tay ông... Thị-trưởng của thị-trấn Santa Claus. Tòa-thị-chính Santa Claus phải truất ra một ngân-khoản dùng vào việc gửi thiệp Giáng-sinh và một món quà nhỏ cho các em (việc này nên nói khẽ thôi; vỡ lở ra, trẻ con cả thế-giới gửi thư về Santa Claus thì cái thị-trấn bé tí tẹo này đến... phá sản mất!)

VĂN-NGHỆ PHẢN-KHÁNG

Hỏi: Sau khi Bùi Tín sang Mỹ rồi trở về Pháp, Dương Thu Hương bị bắt rồi được thả, vấn đề văn nghệ phản kháng có vẻ nguội dần. Một cách vắn tắt, xin bác Bút Chì cho biết ý kiến riêng của bác về vấn đề này.

Trương Văn Trọng
Houston, TX

Đáp: Câu hỏi này liên-quan đến quan-điểm chung của tòa-soạn, BC xin nhắc lại câu chủ-bút *Làng Văn* trả lời phỏng-vấn báo *Nhân Văn* về vấn đề trên trong năm 1991.

Nguyên văn câu hỏi: "*Có nhận-xét cho rằng Làng Văn đã quá khe-khắt đối với phong-trào văn-chương phản-kháng trong nước cũng như đối với những người cầm bút trong phong-trào ấy. Ông nghĩ sao về nhận-xét trên?*"

Câu trả lời của *Làng Văn* như sau:

Trước hết, trong bất cứ một nước độc-tài chuyên-chính nào cũng có sự phản-kháng. Dưới chế-độ cộng-sản ở Việt-nam, tinh-thần

phản-kháng đã nung-nấu qua nhiều thế-hệ, trở thành một thứ "lửa" cách-mạng, chỉ chờ cơ-hội bột-phát. Hiện-tượng phản-kháng luôn luôn diễn ra trong nước, từ vụ các tờ *Nhân-văn*, *Giai-phẩm* hồi thập-niên 50 cho tới các nhóm văn-nghệ *Lửa thiêng*, *Chân đất* sau này, rồi qua thơ Hoàng Cầm, thơ Nguyễn Chí Thiện, ca-dao thời-đại, thơ ghê đá cho tới một số sách báo, truyền-đơn in "chui" gần đây.

Tuy-nhiên, phải công-tâm mà nói, trong bàn tay tàn-bạo của CSVN, các hình-thức phản-kháng ấy chưa tập-hợp nổi thành một "phong trào." Cái "phong-trào" mà một số người Việt ở hải-ngoại cố gắng thổi phồng lên lâu nay, trớ-trêu thay, lại do chính Nguyễn Văn Linh chủ-xướng khi ông ta còn tại chức, với mục-đích đáp-ứng nhu-cầu chính-trị trong một giai-đoạn.

Anh em Làng Văn cũng như nhiều vị đồng-nghiep, văn-hữu khác nếu có tỏ ra "khe-khắt", là khe-khắt với dụng-ý chính-trị của Nguyễn Văn Linh, với những kẻ tung hỏa-mù văn-nghệ và những con rối của CSVN, không có lý-do gì để "khe-khắt" với những người thực-sự phản-kháng chế-độ.

Chúng ta không thể vỗ tay hoan-hô những người "chống Đảng" để cứu Đảng; dâng kiến-nghị đòi sửa-đổi những mặt "tiêu-cực", với chủ-tâm góp sức củng-cố sự thống-trị của chế-độ.

Chúng ta không thể mở cửa "giao-lưu văn-hóa" đón-nhận sách-báo trong nước do CSVN gửi ra trong khi Hà-nội vẫn chẹn cứng các lối, không cho văn-hóa-phẩm từ hải-ngoại gửi về.

Chúng ta không thể "hòa-giải" với những kẻ đang bắt-bớ, giam-cầm, đày-đọa bằng hữu, anh em, đồng-bào ruột-thịt của chúng ta. Chúng ta không thể "hòa-hợp" với kẻ cướp, một khi chúng còn chiếm-cư, phá-hoại ngôi nhà chung của chúng ta.

Chúng ta không thể buông bút (hay trở bút) qui-thuận, như trong quá-khứ đã có lần buông súng vì

mắc kế chiêu hàng.

Mười sáu năm qua, dù nhiều dù ít, tích-cực hay tiêu-cực, trực-tiếp hay gián-tiếp, chúng ta đã góp sức làm suy yếu kẻ thù, giúp đồng-bào quốc-nội có một cơ-hội để vùng lên. Cơ-hội ấy đã đến.

Cho tới hôm nay, khảo-sát lại những dữ-kiện, văn-bản, tài-liệu liên-quan đến sinh-hoạt văn-nghệ và chính-trị trong nước, tôi tin chắc rằng sự "khe-khắt" của anh em bên này chiến-tuyến đối với chiến-dịch dân-vận của CS, là hoàn-toàn hợp-lý và có căn-cứ vững-chắc. Sự giận-dữ điên-cuồng và thái-độ hằn-học của đối-phương trong mấy tháng qua chứng-tỏ chúng ta đã "pháo" trúng "điểm"...

CỐM VÒNG

Hỏi: Nghe nói ngoài Bắc có cốm làng Vòng nổi tiếng lắm. Không hiểu tại sao cốm Vòng ngon thế nào mà nổi tiếng như vậy? Ngoài cốm Vòng, tôi biết Việt-nam còn có cốm đẹp; không biết còn các loại cốm gì khác?

Hà Thị Dur
Houston

Đáp: Cốm Vòng nổi tiếng nhờ cả sắc, hương và vị.

Cốm Vòng màu xanh đậm, đẹp như ngọc thạch, thơm ngan-ngát mùi lúa chín và vị ngọt nhẹ rất dễ chịu. Cách làm cốm cũng rất công-phu nên khó sản-xuất được nhiều, vì thế lại càng hiếm, càng quý.

Cốm Vòng làm bằng hạt nếp bao-tử, chọn từ các giống nếp Sớm Bắc, nếp Sớm ta, nếp Phụng, nếp Chấm, nếp Mộ, nếp Dục, nhưng ngon nhất là nếp hoa vàng. Nếp bao-tử là nếp sắp chín, phải cất khoảng 10 ngày trước ngày gặt. Nông-dân cắt từng bông mang về rang chín, đợi nguội rồi giã bằng chày. Giã xong một lượt lại sấy. Nếp phải rang thật vừa. Rang giòn quá giã nát thành cám hết. Rang xong chưa nguội, giã sẽ dính. Giã cốm phải nhẹ tay và nhanh chày, không thì sữa nếp sẽ kết lại (cần chày giã cốm ngắn và nhẹ hơn chày giã gạo, mỏ chày cũng thuận hơn).

Phải giã và sấy đủ bảy lượt. Giã vội, không đủ lượt, cốm còn vỏ trong và mảy hạt sẽ đỏ chứ không xanh.

Trung-bình mỗi gia-đình 8 người một ngày 10 giờ đồng hồ, tức 80 giờ công được 12 mẻ, đựng trong 12 mẹt cốm, nặng khoảng 1 yến (10Kg). Nông dân gánh cốm lên Hà-nội, bán cho các hiệu bánh. Các cửa hiệu mua hàng 5, 6 tạ, quây cốt sấy khô, đóng chum đóng kiệu để dành bán quanh năm.

Làm cốm đã là một nghệ-thuật, ăn cốm cũng đòi hỏi một nghệ-thuật... ăn. Ăn cốm phải nhai kỹ, nhai lâu.

Ngoài cốm Vòng, ngoài Bắc còn có cốm Mễ-trì, cốm Lũ, cốm rừng; trong Nam có cốm đẹp, không xanh như cốm ngoài Bắc, mà trắng đục.

CÔNG CỐC

Hỏi: 1.—Trong tiếng Việt tôi thường nghe thành như "công cốc", hay "công như công cốc." Chẳng hiểu "cốc" nghĩa là gì? Cốc là cái cốc (cái ly), hay cốc chỉ là tiếng đệm của công, đi theo sau để làm giảm nghĩa, trái nghĩa của chữ công, như hay ho là chẳng hay gì cả!

2.—Thành-ngữ "gương vỡ lại lành" từ đâu mà có? Gương vỡ rồi có lành lại được không?

3.—Trong thành-ngữ "khôn sống mống chết", chữ "mống" nghĩa là gì? Tại sao lại là "mống" mà không là "vụng" hay là "dại"? (Khôn sống vụng chết, khôn sống dại chết?)

Hoàng Thị Bạch Nga
Paris

Đáp: Cốc trong câu công như công cốc, chính là con chim cốc, một loại chim lông đen, cổ dài, chân có màng, bơi lặn bắt cá rất giỏi. Chim cốc nín hơi, cúi đầu xuống bùn rất lâu để bắt cá. Khi bắt được cá, nó ngoi lên, vẩy quặp chặt cá vào mỏ, chưa nuốt được ngay vì còn phải thở để lại hơi thì lỗ cò trắng đã chực sẵn từ lâu, bay vụt tới cướp mất cá. Từ hình-ảnh đó, người nhà quê nghĩ ra chữ "Công cốc", nghĩa là "công sức khó-nhọc

mà không đạt tới kết-quả” hoặc “công sức khó nhọc mà không được hưởng.”

Có một thành-ngữ khác nghĩa rất gần với thành-ngữ này, là *cốc mò cò xoi*.

2.—Thành ngữ *gương vỡ lại lành* xuất-xứ từ truyện *Tinh-sử*. Từ Đức Ngôn, người đời Trần bên Tàu, kết tình với công-chúa Nhạc Xương. Khi nhà Trần suy, hai người lâm biệt. Lúc chia tay, họ bẻ đôi chiếc gương soi mặt, mỗi người giữ một mảnh. Về sau, Đức Ngôn có dịp lại kinh, thấy một người mang ra chợ bán một mảnh gương vỡ, ai trông thấy cũng phải phì cười. Đức Ngôn liền đem mảnh gương của mình ra so, quả nhiên các chỗ nứt vỡ ăn khớp với nhau, liền-lạc thành một mảnh. Đức Ngôn hỏi phăng tới thì tìm lại được Nhạc Xương, hai người đoàn-tụ một nhà.

Từ chuyện đó, văn-chương Trung-hoa có thành-ngữ *phái kính trùng viên*, dịch ra tiếng Việt là *gương vỡ lại lành*, dùng chỉ hàn-gắn, chắp lại tình xưa.

3.—*Khôn sống mống chết* là tục-ngữ, không phải thành-ngữ.

Chữ *mống* hiệp vần với chữ *sống* đứng liền trước nó, cho thuận miệng dễ nói, theo nguyên-tắc cấu-tạo một số thành-ngữ cùng dạng, như *con đại cái mang, bóc ngắn cắn dài, bóc vỏ bỏ hột, lưng dài vai rộng*, v.v.

Có người cho rằng, *mống* là *mầm mống*, là biến âm từ *mộng* (mộng lúa, mộng dừa...) Đặc-tính của *mầm*, *mộng*, *mống* là non dại, dễ thui chột, hủ nát vì mới ra đời, chưa trải đời, chưa thử-thách. Các tự-điển của Phạm Quỳnh (Khai Trí Tiến Đức, 1931), Đào Văn Tập (1951), Nhà Xuất-Bản Khoa-Học Xã-Hội CSVN (Văn Tân chủ-biên, với 12 soạn-giả, 1969 và bản chỉnh-lý năm 1977) đều ghi *mống* là *mầm non*, chồi *mộng*. Các tự-điển của Huỳnh Tịnh Của (1895), Thanh Nghị (1965), Lê Văn Đức (1970), Viện Ngôn-Ngữ Học CSVN (Hoàng Phê chủ-biên, với 16 soạn-

giả, 1988), ngoài “*mầm*”, “*chồi mộng*” còn ghi thêm nghĩa, *mống* là *dại-dột*.

Trở lại với cấu-trúc câu *khôn sống mống chết*, theo đặc-tính đối nghĩa, *khôn* đối với *mống*, *sống* đối với *chết*, rõ-ràng chữ *mống* có nghĩa là *khờ dại*. Câu *khôn sống mống chết* có thể hiểu là: *khôn khéo thì sống, khờ dại thì chết*.

Nhưng theo nguyên nghĩa, chữ *khôn* ngày xưa không có nghĩa là “*khôn-keo*”, mà nói về phép ứng-xử, phẩm hạnh cao-quí của con người: *Chim khôn kêu tiếng rảnh-rang, người khôn ăn nói dịu-dàng dễ nghe*.

Mống hay *bống* hay *vống* là biến âm của *vụng*. *Mống* không có nghĩa là *khờ-keo*, *dại-dột*, mà là *vụng-về*. Phương ngôn vùng Nghệ-an, Hà-tĩnh không nói *khôn sống mống chết*, mà nói là *khôn sống vống chết*. Chữ *vống* của vùng Nghệ-tĩnh cũng xuất-hiện trong các phương-ngôn *vống đẹo khéo chữa*, nghĩa là: *làm thì hỏng, nói thì hớ, ứng xử vụng-về nhưng lại khéo chữa*.

Tóm lại chữ *mống* trong câu *khôn sống mống chết* gần với nghĩa “*vụng*” hơn cả, thiên về cách ứng xử hơn là *bẩm tính*. Câu tục-ngữ này có nghĩa là: ở đời, nếu biết cách lo-liệu, cư-xử thì mọi việc dễ thành đạt, ngược lại sẽ lâm cảnh thất-bại, khổ-sở.

CỎ GIANH

Hỏi: Mấy kỳ rồi, thấy bác Bút Chì giải-thích đậu phộng là *trường sinh quả* hay *lạc hoa sinh* (rồi người Bắc Việt chỉ dùng chữ đầu là *lạc*, trong khi người Quảng-đông dùng hai chữ sau là *hoa-sinh* / *phá-xan*)... rất hay. Nay xin bác cho biết các tên Hán-Việt, tên khoa-học, tên Anh và Pháp của: cỏ gianh (hay *cây tranh* lợp nhà), cây chanh, hoa cú lợn, cây chó đẻ, hà thủ ô, mè, gừng, hành, hẹ, tiêu, tỏi.v.v...

Lê Văn Thiện
Mississauga

Đáp:

- Cỏ gianh hay cỏ tranh (tranh lợp nhà): tên Hán Việt là *bạch mao*

căn; tên khoa-học là *imperata arundinacea* hay *imperata cylindrica*; tên Anh là *thatch*; tên Pháp là (*herbe à*) *paillote*.

- Cây chanh: tên Hán Việt là *ninh mông*; tên khoa-học là *citrus limonia* / *citrus medicinalis*; tên Anh là *lemon* (chanh vỏ vàng, trái hình bầu dục, vỏ dày) hay *lime* (chanh vỏ xanh, trái tròn vỏ mỏng); tên Pháp là *citron*.

- Hoa cú lợn (còn gọi là cú heo, bọ-xít, bông thúi, ổi tàu); tên Hán Việt là *trư thỉ thảo*; tên khoa-học là *ageratum conyzoides*; gần giống như *floss-flower* hay *pussy-foot* ở châu Mỹ.

- Cỏ chó đẻ (còn gọi là kiềm, kiềm thảo, chó đẻ trắng, chó đẻ tía, chó đẻ răng cưa); tên Hán Việt là *kim hoàng thảo* / *địa khôi thái*; tên khoa-học là *phillanthus urinaria*.

- Hà-thủ-ô (còn gọi là cây sữa bò, kim hương thảo), tên Hán-Việt cũng là *hà thủ ô*; tên khoa-học là *streptocaulum juvenas* / *apocynum juvenas*.

- Vừng (hay mè); tên Hán Việt là *hồ-ma* / *chi-ma* (Chi-ma-wan tại Hương-cảng chính là *Chi Ma Loan*: vịnh hột mè); tên khoa-học là *sesamum orientale* (mè trắng) / *sesamum indicum* (mè đen); tên Anh là *sesame*; tên Pháp là *sésamé*.

- Gừng; tên Hán Việt là *sinh khương* hay *cần khương*; tên khoa-học là *zingiber officinale* / *rhizoma zingiberis*; tên Anh là *ginger*; tên Pháp là *gingembre*.

- Hành: tên Hán Việt là *đại thông*, *thông bạch* hay *thái bá*; tên khoa-học là *allium fistulosum*; tên Anh là *onion*; tên Pháp là *oignon*.

- Hẹ: tên Hán Việt là *phi cửu*, *dã cửu*, *củ thái*; tên khoa-học là *allium odorum* (*tuberosum*); tên Anh là *shalott*, *scallion*; tên Pháp là *échalotte*.

- Tiêu: tên Hán Việt là *hồ tiêu* hay *cổ nguyệt*; tên khoa-học là *piper album*, *nigrum*; tên Anh là *pepper*; tên Pháp là *poivres*.

- Tỏi: tên Hán Việt là *toán* hay *đại toán*; tên Anh là *garlic*; tên Pháp là *ail*. □

diễn đàn chính-trị

ĐẠI TÁ VC BÙI TÍN NÉM BÙN VÀO MẶT CÁC TÊN CHÍNH KHÁCH ĐÓN GIÓ, TRỞ CỜ

“Ngân đại sự đại khờ chẳng đem lại sự khôn ngoan nào”, đây có lẽ là danh ngôn diễn tả được trọn vẹn ý nghĩa các việc làm của đám chính khách trở cờ đón gió trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại, quanh vạ đại tá VC Bùi Tín.

Theo tin tức báo chí, trong hơn một năm qua, viết về Bùi Tín, phó tổng biên tập báo *Nhân dân*, cơ quan ngôn luận của đảng CSVN: Bùi Tín sau khi đi tham dự một buổi hội thảo về báo chí do tờ báo Cộng sản Pháp *L'Humanité* tổ chức ở Paris đã xin ở lại Pháp. Liên sau đó Bùi Tín cho công bố một thỉnh nguyện thư gửi giới lãnh đạo đảng CSVN, yêu cầu sửa sai nhân dịp đại hội đảng kỳ 7. Việc làm của Bùi Tín đã được một số chính khách đón gió người Việt ở Paris bắt lấy, coi như một cơ hội “ăn có” bằng vàng. Đám chính khách này vây quanh Bùi Tín, thiếu điều đội Bùi Tín lên đầu chạy vòng vòng khắp thủ đô ánh sáng Paris. Họ đánh giá rằng Bùi Tín là một thứ “Yelsin nhỏ” của Việt Nam, Bùi Tín sẽ xé thẻ đảng, sẽ kêu gọi một số đảng viên cấp tiến trong đảng CSVN đứng lên làm một cuộc cách mạng, trao trả quyền tự do kinh tế, chính trị cho nhân dân. Nhiều chính khách đón gió ở Paris, đám lâu nay vẫn gân cổ kêu hoà hợp hoà giải với Việt cộng, tưởng thời cơ đã đến, con bài Bùi Tín sẽ mang đến cho họ bổng lộc, chức tước tới nơi, vội vã tuyên bố huênh hoang, ra điều họ đã thành công việc mời gọi thành phần cấp tiến trong đảng CSVN đứng về phe họ. Sự ngây thơ và cả tin của đám trí thức “đi giữa trời

mơ” này đã bị bề bàng tới mức độ nhục nhã. Đại tá VC Bùi Tín đã bịt mắt đám này một cách dễ dàng. Bùi Tín chẳng bỏ đảng, Bùi Tín cũng chẳng lên án chủ nghĩa CS, mà Bùi Tín chỉ muốn giới lãnh đạo đảng CSVN sửa sai, đổi mới, để đảng tiếp tục nắm quyền độc tôn.

Mấy năm qua với những thay đổi lớn lao của tình hình chính trị thế giới, các chính quyền cộng sản ở Đông Âu đã bị khai tử nhanh lẹ cũng như đảng cộng sản ở Liên xô đã bị cấm hoạt động. Riêng vùng Á châu, các chính quyền CS vẫn tồn tại và đang cố tìm mọi cách để tiếp tục nắm giữ quyền lực. Tại Việt Nam, tập đoàn lãnh đạo đảng CS đã tung ra trăm phương ngàn kế hầu quyết kéo dài sự độc tôn quyền lực của họ. Nhiều cán bộ chính trị, văn hoá đã được nhà nước Việt cộng gửi ra hải ngoại để đánh phá các cộng đồng người Việt.

Như chúng ta biết, sau đại hội Đảng kỳ 6, giới lãnh đạo đảng CSVN ý thức ra rằng khối người Việt ở hải ngoại là một thực thể rất quan trọng trên hai lãnh vực kinh tế và chính trị. Nếu nắm được khối người ấy, họ sẽ thu được rất nhiều mối lợi. Để tiến hành công tác này, Hà Nội đã dùng nhiều quỷ kế: thực hiện chương trình du lịch Việt Nam, ưu tiên cho Việt kiều về nước bỏ vốn làm ăn... Ngoài ra, nhiều cán bộ CS cao cấp cũng vượt ve người Việt hải ngoại, gọi họ là “những khúc ruột ngoài ngàn dặm”. Mặt khác, để nắm chắc các hoạt động ở hải ngoại của khối người Việt, CSVN còn gửi rất nhiều cán bộ, đảng viên qua các nơi có người tị nạn sống. Đám cán bộ này len lỏi vào các tổ chức văn hoá, xã hội, tôn giáo và nhất là các đảng đoàn chính trị. Chúng tìm đủ mọi cách chia rẽ, giữa cá nhân với cá

nhân, giữa tổ chức này với đảng đoàn kia. Ngoài ra trong lãnh vực tôn giáo, chúng cũng mớm lời cho một số tu sĩ đi truyền giáo: “Tôn giáo không làm chính trị”. Đặc biệt trong lãnh vực báo chí, chúng cho ra đời hàng loạt báo, mang danh đòi tự do, dân chủ. Trong mỗi tờ báo, chỉ có vài bài đả kích sự tiêu cực của vài cá nhân trong đảng CSVN, nhưng nhìn chung vẫn xưng tụng Hồ Chí Minh và lý thuyết Marx-Lenin. Nguy hại hơn nữa, đám cán bộ CS này đã phủ dụ được một số trí thức háo danh, háam lợi trong cộng đồng người Việt. Đám này tuy học hành đồ đạt nhưng lâu nay quen thụ hưởng, ngại khó, sợ nguy, nhiều năm ăn học ở nước ngoài, chỉ biết CS qua sách vở. Đám “theo đóm ăn tàn” này được đám cán bộ cộng sản cho ăn bùa mê, thuốc lú, đứng ra lập tổ chức này đảng đoàn kia lấy danh nghĩa là đòi tự do, dân chủ cho Việt Nam, nhưng thực tế là để quấy phá và chia rẽ các đảng đoàn quốc gia chân chính, có lập trường chống cộng rõ ràng.

Trong năm qua, chúng ta thấy cộng sản đã cho thay thế hầu hết đám cán bộ hoạt động trước đây trong hội Việt kiều Yêu Nước. Chúng đã chuẩn bị thật kỹ càng, trang bị cho các cán bộ CS tại hải ngoại danh nghĩa tị nạn chính trị rõ ràng, và nhiều người trong đám này còn có giấy chứng nhận nhiều năm tù đầy, cải tạo... Trong khi đó, phía quốc gia chống Cộng là một tập thể ó hợp, nhiều cá nhân đảng đoàn còn sống trong mộng mơ, ôm khư khư cái dĩ vãng vàng son quá khứ, để tự cho mình là “trùm” thiên hạ. Một sự kiện đáng lo ngại khác là, rất nhiều tổ chức, đảng đoàn ở hải ngoại đã không đặt phẩm chất cán bộ là điều quan trọng, mà chỉ chú ý tới vấn đề lượng. Cán bộ thiếu khả năng, kiến thức nên rất dễ bị lung lạc trong ý thức đấu tranh. Ai nói sao, nghe đều cho là phải cả. Từ sự thiếu vắng phẩm chất này dễ đưa đến việc tranh cãi vô bổ cũng như nhanh chóng bị các cán bộ CS mê

hoặc, dẫn dắt làm những việc sai lầm. Sự việc này không phải chỉ diễn ra ở lớp cán bộ hạ tầng mà xảy ra ngay cả trong lớp cán bộ hạng trung và cao cấp của nhiều tổ chức, đảng đoàn tại hải ngoại. Sự việc Bùi Tín mùa may mắn tháng qua là một chứng minh rõ ràng cho chúng ta thấy "phe ta" thật quá ngây thơ, nhẹ dạ. Một số cá nhân, đảng đoàn nhìn thấy trò lừa bịp, xảo trá của tập đoàn cộng sản, lên tiếng cảnh tỉnh thì bị chê trách là chống cộng quá khích hoặc không nhìn thấy sự thay đổi của tình hình thế giới.v.v.. và .v.v..

Riêng cá nhân người viết, trong

rất nhiều bài viết cũng như trong các lần đi thuyết trình, đọc tham luận trong các cộng đồng người Việt ở Âu châu, chúng tôi đã lên tiếng cảnh giác về vai trò khổ nhục kế của Bùi Tín nói riêng và một số cộng con từ Đông Âu chạy qua nói chung. Nhưng thay vì dè dặt, nhận định lại vấn đề Bùi Tín, một số cá nhân, cán bộ đảng đoàn lại chỉ trích chúng tôi, cho là nhìn ai cũng là CS và thiếu sự nhân ái khoan hoà. Nay thì sau những lời lẽ ngông cuồng của Bùi Tín ở Mỹ, chúng tôi hy vọng những nhân vật trên sẽ sáng mắt ra, học thêm được một bài học.

Thực tế, việc thêm bạn bớt thù, kéo những người cộng sản về với

đại khối dân tộc là một việc đáng hoan nghênh, mọi người trong chúng ta ai cũng nên làm. Nhưng vấn đề là chúng ta phải sáng suốt nhận định xem sự trở về đó là thật hay giả chứ chẳng thể mù quáng, thiển cận, hấp tấp để chuốc lấy bẽ bàng.

Qua vụ Bùi Tín, chúng ta thấy CSVN đã chuẩn bị kỹ càng cũng như thăm dò trình độ kiến thức của tập thể các đảng đoàn đấu tranh chống họ ở hải ngoại. Họ đạo diễn cho Bùi Tín đưa kiến nghị, đòi cải cách trước ngày đại hội Đảng kỳ 7; để Bùi Tín đi lại, tuyên bố mập mờ chống Hà Nội hầu lừa gạt một số đảng đoàn quốc gia hải ngoại, tin tưởng rằng Bùi Tín đã thực tâm bỏ đảng và sẵn sàng đứng về phía nhân dân tranh đấu cho tự do dân chủ. Khi sự gạt gẫm đã đạt đến mức độ cần thiết và nhất là khi Bùi Tín lọt qua được Mỹ, lấy đất Mỹ làm diễn đàn tuyên truyền cổ vũ nhân dân Mỹ viện trợ Cộng sản Việt Nam, Bùi Tín đã không ngần ngại tỏ thái độ coi thường một số cá nhân mang danh quốc gia lâu nay. Đọc đoạn văn nhà báo Bùi Văn Phú tả lại cảnh Bùi Tín đứng chống nạnh giữa sảnh đường, để các nhân vật "tai mắt" của cộng đồng lần lượt xếp hàng tuần tự giới thiệu tên và đưa tay để được Bùi Tín bắt, nhiều người không khỏi thốt lên những tiếng "Ô hô! Kẻ sĩ quốc gia..."

Chỉ với một Bùi Tín thuộc loại cán bộ trung cấp trong guồng máy đảng CSVN mà nhiều "ngài" vô ngực lãnh tụ đảng đoàn quốc gia hải ngoại đã phải quy lụy như thế thì thử hỏi, nếu CS tung ra hải ngoại năm, mười tên cán bộ loại cao hơn, màn ôm chân ôm cổ, nịnh bợ của các "ngài" sẽ tởm đến mức nào? Đồng bào hải ngoại và nhất là giới trẻ sẽ còn đặt niềm tin thế nào vào giới tự cho mình là lãnh đạo cộng đồng hải ngoại?

Ngày tháng tới đây, chắc chắn tập đoàn CSVN sẽ còn tung ra nhiều đòn bịp khác. Con bài Bùi Tín chỉ là một đòn phép nhỏ để thăm dò. Rồi đây một chính phủ

bốn tướng râu dê

Đã là quốc trưởng thực ư anh?
Cũng xuống đường với lũ đấu tranh!
Chỉnh lý làm nên thân đại sứ
Bôn đào một năm đất lưu danh
Há râu dê chẳng nên vương bá?
Phải họ Bùi mới tỏ sử xanh?
Khửa Tín vừa sang vào bệ kiến
Kẻ hèn này bái phục quan anh.

đùa anh quan tể

Vì vút một thời lái xế bay
Leo thang tể tướng mị dân gây
Phó vương cũng chẳng nên cơm cháo
Tủ thủ càng thêm rõ mặt dày
Xứ Mỹ tưởng trùm chấn phần tỉnh
Hơi đồng vội sáng mắt thầy lay
Xun xoe trình diện anh Bùi Tín
Còn lá đa đâu để biểu thầy.

ngợi khen bùi tín

Thật đúng truyền nhân của họ Bùi
Ông là Bùi Kiệm cũng vui thôi
Một đời bác đảng tôn vinh thật
Nửa cuộc giao lưu phản kháng chơi
Pháp quốc đã câu phùng tráo trở
Cờ Hoa lại móc bợn xu thời
Phó vương, quốc trưởng cùng quan tướng
Triều phục ông anh thật đã đời.

nam chi
thượng nhân



liên hiệp sẽ ra đời ở Việt Nam. Mảnh đất này, ôm chân ôm cổng đấm cộng trá hàng sẽ còn diễn ra mãnh liệt hơn nữa. Danh và lợi đã làm mờ mắt rất nhiều người mang danh kẻ sĩ. Đất nước, dân tộc Việt sẽ còn chịu thống khổ đọa đầy khi những “kẻ sĩ” loại này tiếp tục huênh hoang lớn tiếng đòi “cứu dân cứu nước”. Biết bao giờ họ mới sáng mắt sáng lòng, không bị bỏ danh lợi mê hoặc một cách đại khờ?

Xin tất cả những ai còn thiết tha đến chuyện quê hương dân tộc, nuôi hoài bão lật đổ bạo quyền CS, hãy dè dặt, cân nhắc, cũng như lượng sức mình. Nếu quý vị muốn dùng kế “gậy ông đập lưng ông”, tức là dùng những người cộng sản đánh người cộng sản, thì ít ra quý vị phải trang bị cho mình một bản lĩnh cao hơn những người cộng sản, đủ sức để cầm con dao hai lưỡi đó mà không làm đứt tay mình trước đã.

Muốn thắng một kẻ gian manh, phải mưu trí và nhất là phải đạo đức hơn nó. Phải chứng tỏ tư cách của mình. Phải làm sáng tỏ chính nghĩa của mình, để những kẻ lầm đường lạc lối tin cậy mà quay về. Muốn chiêu hồi cộng sản, mà tư cách quý vị hèn mạt như nó, mưu trí thấp hơn nó, thì làm sao khiến nó tâm phục mà theo về?

Vụ Bùi Tín là một bài học trong cả ngàn bài học để những kẻ đón gió trở cờ suy ngẫm. Chúng ta phải làm sáng cái đức sáng của người quốc gia để làm ngọn đuốc soi đường, hải đảng giúp những người lạc lối định hướng trở về.

Muốn cứu nước mà chỉ biết đi ôm chân cộng sản, chẳng thà ở nhà đuổi gà cho vợ còn ích quốc lợi dân hơn.

Vũ Ngọc Long
Tây Đức

KHÁNG-CHIẾN QUÂN LÊ TIẾNG

Từ trại Sungei Besi, tôi xin gửi đến các anh lời thăm nhiều sức

khỏe và mong các anh luôn giữ được nhiệt tình đấu tranh với CS cho đến ngày toàn thắng của người Việt quốc gia, ngày không còn một tên CS nào trên quê hương chúng ta.

Chúng tôi, những kháng chiến quân tại Việt Nam, do nhiều nguyên nhân nên có mặt tại đây. Và điều mà tôi ray rứt và phẫn uất là: Tại sao ở hải ngoại có xu hướng đấu tranh của người Việt Nam với bạo quyền cộng sản bằng cách đòi, muốn, van xin để được hoà hợp hoà giải với bọn CSVN? Họ nhân danh ai để hoà hợp hoà giải? Toàn dân Việt Nam ở trong nước có để cử họ làm việc này không? Những cô nhi quả phụ, những anh hùng tử sĩ và gia đình họ có muốn vậy không? Những người đã đổ máu để chiến đấu với CS hơn chục năm qua có đồng ý hoà hợp hoà giải với CS không? Những người đang trong vòng tù tội, hoặc là nạn nhân

trực tiếp của CS nơi vùng kinh tế mới, hoặc lang thang vất vưởng bên hè phố có bằng lòng để họ van xin hoà hợp với CS không?

Các anh thân mến,

Lúc còn ở trong nước, chúng tôi vẫn hằng theo dõi tình hình đấu tranh của người Việt tại hải ngoại và chúng tôi rất tin tưởng vào các lãnh tụ, tướng lãnh và chiến hữu của mình năm xưa. Chúng tôi chờ đợi ngày về của các anh. Và quả thật Mai Văn Hạnh, Võ Đại Tôn, Trần Văn Bá, Hoàng Cơ Minh đã thấp sáng niềm tin của chúng tôi, của dân Việt căm thù cộng sản. Nhiều huyền thoại về những vị anh hùng được lưu truyền trong các đơn vị kháng chiến quân, ở mọi nơi trên đất nước nhiều đau khổ của chúng ta. Chúng tôi vui mừng tin tưởng vào tương lai. Mọi người mong đợi một ngày CS không còn trên đất Việt.

Chúng tôi biết rất rõ là chỉ có sức



mạnh quân sự và sự trưởng thành về chính trị của người dân Việt mới đưa CS vào chỗ bị triệt tiêu. Chúng tôi nỗ lực chuẩn bị cho ngày tàn của CS bằng cuộc tổng khởi nghĩa của toàn dân Việt. Còn việc tái thiết, xây dựng lại quê hương thì chúng tôi tin vào lực lượng người Việt hải ngoại. Nhưng sau hai năm ở trại tị nạn, qua sách báo và các luồng tin tức khác, chúng tôi nhận thấy khuynh hướng đấu tranh tích cực với CS của các vị như Mai Văn Hạnh, Võ Đại Tôn, Trần Văn Bá, Hoàng Cơ Minh... đã thực hiện đang bị phủ nhận và máu của các chiến sĩ phục quốc đang bị phản bội.

Hoà hợp hoà giải? Chúng ta bị xâm lăng, bị chiếm đoạt, mất cả tổ quốc, chúng ta đâu có tranh giành với CS mà phải nói chuyện hoà hợp hoà giải!

Những người đó không thể nhân danh sách lược, chiến lược, đấu tranh này nọ để bôi đen lịch sử. Cộng sản đã phản bội dân tộc. Sự bội tín của CSVN còn đó: 1945, 1946, 1954, 1968, 1973, 1975. Họ đã quên hay cố tình không nhớ khi to giọng đòi hoà hợp hoà giải với CS? Điều này cũng dễ hiểu thôi! Vì trong suốt quá trình chống cộng của dân tộc Việt, những kẻ ấy có tốn một giọt máu hay tổn hại gì đâu! Trong đám đòi hoà hợp hoà giải ấy, kẻ thì trốn chạy từ khi ra ngoại quốc tu nghiệp hay được cử đi dự hòa đàm Ba-lê, người thì nhờ ngày tàn khốc của VNCH: 30.4.75 mà đưa được vợ con gia đình ung dung vào Mỹ quốc một cách hợp pháp để ngày nay lớn tiếng đòi bắt tay với CS. Có lẽ họ muốn chứng tỏ sự khôn ngoan, trí thức nên vô tình phản bội lại dân tộc, phản bội lại máu xương của những kẻ mà đáng lý họ phải kính trọng, tôn thờ.

Chúng tôi thiết nghĩ việc kéo đại quân từ hải ngoại về VN cùng lực lượng kháng chiến quân lật đổ bạo quyền CS có lẽ còn nhiều khó khăn phức tạp, nhưng thành lập những đội hành động đặc biệt như đội Ký Con, đội 304...tại VN của từng tổ

chức kháng chiến, từng đảng bộ, từng chi hội cựu quân nhân trên khắp đất nước Hoa kỳ sẽ làm câm họng những kẻ phản bội xương máu của VNCH, những kẻ đang đòi hoà hợp hoà giải với Việt cộng.

Hoa kỳ làm được, các nơi khác sẽ làm được.

Xin quý vị đừng chống cộng bằng miệng. Hãy chọn cho mình một chỗ đứng tích cực, bằng vào lòng quyết tâm, sự khôn khéo và hy sinh, chúng ta sẽ viết lại lịch sử Việt Nam.

Xin các đảng phái hãy xem lại đảng cương. Xin các cựu quân nhân hay nhớ lại lời thề danh dự. Chúng ta cần cô lập, vô hiệu hoá mọi phần tử CS ngay tại Hoa kỳ trước tiên. Có vậy máu xương của bao chiến sĩ đấu tranh cho tự do mới không là vô nghĩa. Có thể, ngày toàn thắng của dân Việt dưới lá cờ vàng mới đến gần. Để nói chuyện với CSVN chỉ có máu!

Võ Quý Tánh

Sungei Besi, Mã Lai

ĐÂM SAU LUNG CHIẾN-SĨ

Kính gửi quý vị trong chương trình phát động chiến dịch Sài gòn Quật Khởi.

Thưa quý vị, đọc tờ báo *Người Việt* số 2242 phát hành ngày 3.11.1991, theo ý kiến của tôi, mọi người hợp ý quyết tâm hăng say, tham gia chiến dịch cho quý vị đề xướng thì vô cùng thuận lợi, mong sớm giải phóng được quê nhà cho bà con có một đời sống ấm no hạnh phúc.

Thưa quý vị, cái tên Sài gòn vẫn ám ảnh vào tâm khảm mọi người trong cũng như ngoài nước, không bao giờ phai mờ, chỉ có cách làm sao lật đổ được chính quyền CS phi nhân phi nghĩa, đốt nát thì quý vị muốn lấy lại tên Sài gòn cũ có khó khăn gì đâu? Nếu chúng nó có trả lại cái tên cũ Sài gòn mà sự áp bức, hành hạ, đe dọa mạng sống người dân vẫn tiếp tục đè nặng trên đồng bào ta ở quê nhà, tôi thấy cũng vậy thôi.

Theo tôi thấy ở hải ngoại, nhất là Mỹ và Canada, đã xuất hiện khá nhiều cán bộ CS nằm vùng. Một số công khai lộ mặt ve vãn Bùi Tín, con cò mồi cho chế độ CS. Bọn họ tổ chức cho Bùi Tín những buổi hội thảo, thăm viếng. Tệ hại hơn nữa là còn đưa hân đi nhảy đầm, bao gái cho hân ngủ. Những kẻ đó không xa lạ gì với cộng đồng, đã từng là cấp chỉ huy, từng mang danh trí thức khoa bảng. Báo chí đã vạch trần tên tuổi họ như...

....

Và tôi cũng xin đề nghị một điều mà cảm thấy chính xác nhất, đó là làm sao lấy hết đủ danh sách những người đã nghe lời cộng sản về du lịch Việt Nam từ năm 1986 đến nay, đệ trình lên quốc hội Mỹ để xin hoán đổi số anh em ta đang còn ngồi chờ thanh lọc trong các trại tị nạn. Việc làm đó tôi thấy thực tế nhất.

Chúng tôi cũng lấy làm vô cùng đau đớn khi thấy anh em cùng chung một giới tuyến, sát kề bên nhau giữ từng tấc đất chống CS bây giờ trở mặt đâm một dao lút cán vào lưng anh em đồng đội và đồng bào ta còn đang ngắc ngoải trong nước, trong tù cũng như đang còn ngồi chờ chúng ta tranh đấu để được khỏi bị trả về Việt Nam.

....

Tôi xin đề nghị đến quý vị, nếu tóm được những tên mà tôi vừa nói trên, cắt lưỡi chúng nó đi cũng chưa hết tội...

....

*Nguyễn Văn Đoàn
Los Angeles, CA*

LTS: Chúng ta ủng hộ giải-pháp cô lập, vô-hiệu-hóa hoạt-động của các phần-tử cộng-sản và thân cộng. Những kẻ tư-thông với giặc sẽ phải trả giá bằng sự lạnh-nhạt tẩy-chay của cộng-đồng, trước lịch-sử và trước luật-pháp hiến-định của chính-quyền tự-do dân-chủ VN trong tương lai. Dù không chủ trương bạo động trừng phạt nhưng chúng ta cũng không thể ngăn cản sự phần uất của quần chúng đối với những phần tử trên.

giới thiệu



BUƯỚC ĐẦU CHỤP ẢNH

Sách nhiếp-ảnh của Nguyễn Cao Đàm, Việt Bản xuất-bản tại Đức.

Sách hướng-dẫn từ cách chọn máy ảnh, chọn phim, cách giữ-gìn máy; làm quen với máy, chỉnh máy; các nguyên-tắc chụp ảnh: ánh-sáng, bố-cục, chụp trong nhà, chụp đèn, chụp ngoài trời; cách sử-dụng các phụ-tùng: chân máy, giấy bấm, kính phụ-cận, quang biểu, kính lọc màu; các kỹ-thuật đặc-biệt: chụp hoa, chụp thú vật, chụp chim, chụp sâu bọ, chụp nước, chụp sương mù, chụp trái sáng, chụp phong-cảnh, chụp kiến-trúc, chụp trẻ em, chụp ảnh kỷ-niệm, chụp chân-dung, chụp biển, chụp đêm, chụp ảnh phóng-sự, v.v.

Một cuốn sách giản-dị, thực-tiễn, dễ đọc, dễ áp-dụng với 75 hình vẽ hướng-dẫn và biểu-đồ cùng 46 tác-phẩm nhiếp-ảnh.

Sách dày 112 trang, in giấy trắng đẹp, giá 9 mỹ-kim (12 gia-kim). Liên-lạc: Làng Văn.

NHỚ HUẾ

Tuyển tập biên-khảo, tạp-bút, truyện ngắn và thơ, Võ Văn Tùng chủ-biên với sự đóng-góp bài vở của Thái Văn Kiểm, Bùi Bích Hà, Lê Văn Lân, Tâm Lạc, Mộng Hoàn, Kiều Mỹ Duyên, Phạm Văn Hải, Nguyễn Ngọc Thùy Trang, Kiêm Thêm, Tôn-nữ Hoài Hương, Chi Điền Hoàng Duy Từ, Hoài Thuận Hóa, Nguyễn-phúc Vĩnh Tung, Dạ Triều, Nguyễn Văn

Hưng, Huỳnh Hữu Cửu, Hà-thúc Như Hỷ, Hoàng Giao, Mai Kim Ngọc, Nam Cát, Trần Đoàn, Hương Thủy, Nguyễn Thế Thiên, Trần Đình Quân, Tôn-thất Tùng, Vinh Bội, Thanh Toàn, Phương Hàm, Phan Tôn Nữ Hà, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Đông Anh, Phạm Văn Hải.

Tuyển tập dày 192 trang không đề giá; liên-lạc: 9559 Bolsa Ave., Suite D, Westminster, CA 92683, USA.

BÊN DÒNG SÔNG DONAU

Tuyển tập truyện ngắn của Vũ Nam, Trung-Tâm Văn-Hóa Xã-Hội Phật-Giáo Việt-Nam tại Đức xuất-bản.

Vũ Nam tên thật là Lý Văn Văn, bút-hiệu khác: Nguyễn Từ Văn, sinh năm 1954 tại Phước-tuy, trước 1975 là sinh-viên sĩ-quan Không quân, sau 1975 dạy học tại Bà-rja, vượt biên năm 1981. Anh có truyện đăng trên *Làng Văn, Văn, Viên Giác, Độc Lập, Măng Non*, v.v. Tác-phẩm đã xuất-bản: *Sau ngày tang* (Viên Giác, Đức, 1987).

Bên dòng sông Donau là tập truyện xã-hội, lấy bối-cảnh quê người, cốt truyện có khi xoay quanh những nhân-vật Việt-nam lưu-vong cùng bạn bè bản địa, có khi đi sâu vào đời sống của một gia-đình tị nạn. Tác giả có cái nhìn chân-thực, bút-pháp chừng-mực, nhẹ-nhàng.

Sách dày 188 trang không đề giá; liên lạc: TT Văn Hoá Xã Hội Phật Giáo VN / Đức, Eichelkampstr. 35A, 3000 Hannover 81, Germany.

KHÓI SÚNG

Truyện dài của Phạm Kim Khôi, Bình Minh xuất-bản tại Hoa-kỳ.

Khói súng viết về cuộc đời người lính VNCH, dày 140 trang, giá 8 mỹ-kim (10.50 gia-kim). Liên-lạc: Làng Văn.

NÚI XANH MÂY HỒNG

Hồi-ký của Vĩnh Hảo viết tại Sài-gòn năm 1982, Alpha xuất-bản tại

Hoa-kỳ năm 1991.

Vĩnh Hảo là một người cầm bút trẻ tuổi, bản-khoản, hoài-nghi, bất-mãn nhưng không đánh mất hi-vọng. Trong *Núi xanh mây hồng*, anh viết: "Tôi không ân-hận đã bỏ nước ra đi, bởi vì ai cũng ít nhất một lần trong đời, phải đứng trước một con đường duy nhất mà mình không có quyền chọn-lựa." Ra đi, anh chấp-nhận một thử-thách mới. "Thử-thách này không thúc-bách mọi nỗ-lực tìm-kiếm như khi người ta bị tước-đoạt tất cả, mà là động-lực mời gọi sự phấn-đấu để có thể buông xả hoặc vượt-thoát những gì mà người ta đang nắm bắt được một cách dễ-dàng, thuận-lợi."

Tập sách in chữ rất to, chữ đẹp nhưng khó đọc, hoàn-toàn không hợp với một tập truyện, có thể làm hỏng cả tập truyện, nếu đó là một cuốn tiểu-thuyết mà độc-giả cần đọc thật nhanh để theo dõi diễn biến của cốt truyện. Cũng may, *Núi xanh mây hồng* không thuộc loại sách đó. Mặt khác, văn xuôi của Vĩnh Hảo cũng không phải là loại văn có thể đọc lướt, đọc nhanh được. Ở mỗi câu, mỗi đoạn, người đọc phải dừng lại một chút, ngẫm-nghi để thâm cảm, chia-sẻ với người viết trước khi bước sang câu kế.

Vĩnh Hảo không đi tìm sự thành-công trong nghệ-thuật tiểu-thuyết. Có thể tác-giả cũng không mong đóng vai một nhà văn. Văn-chương chỉ là chất liệu chuyên-chở tư-tưởng. Đọc Vĩnh Hảo, chính là đọc phần tư-tưởng của một lớp trẻ thời-đại, lớp trẻ lớn lên trong cuộc đổi đời thảm-khốc, giữa xã-hội băng-hoại khủng-khiếp, bên này hay bên kia biển lớn.

Sách dày 184 trang giá 10 mỹ-kim (13 gia kim); liên lạc: *Làng Văn*.

SÓNG BẠC ĐẦU

Tuyển tập đoản văn và truyện ngắn của Đào Văn Bình, tác-giả xuất-bản tại Hoa-kỳ, 1991.

Đào Văn Bình sinh năm 1942 tại Hà đông, di cư vào Nam năm 1954, tốt-nghiệp cử-nhân Luật và cao-

học Hành-chánh, làm phó tỉnh trưởng tại Cần-thơ, Pleiku, Quảng-ngãi và Kiến-hòa, tù cải-tạo 9 năm, vượt biên năm 1984, định-cư tại Hoa-kỳ, hiện là chủ nhiệm kiêm chủ-bút nguyệt-san *Chứng-nhân*.

Sóng bạc đầu thể hiện tâm-trạng bối-rối và thái-độ lúng-túng của lớp sĩ-phu thời-đại, trước sự chuyển-hóa cực nhanh của thế-cuộc và trăm ngàn mối tơ ngổn-ngang của các vấn-đề nhân-sự, chính-trị, cộng-đồng, quê-hương và bằng-hữu. Tác-giả có cái nhìn hướng-thượng và tình yêu quê-hương cao ngất, tuy có một đôi khi bị tình-cảm lấn-át khiến sự phân-định giữa bạn và thù trở nên nhòe nhột.

Sóng bạc đầu dày 200 trang, giá 10 mỹ-kim; liên-lạc: P.O. Box 1808, San Jose, CA 95109, USA.

DIỄN ĐÀN CHÍNH-TRỊ

Tập kỷ-yếu gồm 10 bài thuyết-trình, 8 bài tham-luận của Diễn đàn chính-trị Montréal, Gia-nã-đại (30.8 tới 1.9.1990), chủ-đề *Đi tìm một đồng thuận đấu-tranh chính-trị, xây-dựng một nước Việt-nam tự-do, dân-chủ và đa nguyên*, do Tổng Liên Hội Người Việt Tự Do Hải Ngoại triệu tập.

Sách dày 296 trang không đề giá; liên lạc: C.P. 282, Succ. Cartierville, Montreal, PQ H4K 2J6, Canada.

TIN VỀ GIẢI VẤN-HỌC NGHỆ-THUẬT "LÀNG VĂN"

Vì lý-do tổ-chức, ngày công-bố kết-quả Giải Văn-Học Nghệ-Thuật Làng Văn 1991 — 1992 được dời lại 30.4.1992. Danh-sách bài dự thi nhận được đợt chót sẽ đăng trên số tới. Xin kính cáo cùng quý vị giám-khảo và các bạn gửi bài.



nhắn tin tị-nạn

Trung Tá LÊ VĂN TRỌNG, nguyên tiểu-đoàn trưởng Tiểu-đoàn 71 Pháo-binh, Sư-đoàn 7 Bộ-binh, vượt biển sang Mã-lai, bị rút thanh-lọc và xếp vào thành-phần "di dân kinh-tế", xin vui lòng liên-lạc với thuộc cấp cũ là **BÙI ĐỨC MINH**, Grevlinglia 38, 1270 Oslo 12, Norway.

HOÀNG THỊ KIM HUỆ, 32 tuổi, chồng vượt biên mất-tích năm 1987, hiện cùng con trai 8 tuổi đang sống ở trại Phanat Nikhom, chờ định-cư tại Gia-nã-đại. Ước mong được một vị ân-nhân ở Gia-nã-đại nhận bảo-trợ và giúp-đỡ cho cuộc sống của hai mẹ con nơi xứ lạ quê người. Liên-lạc: Hoàng Thị Kim Huệ, PST 10.553, House K#77, Transit Center, P.O. Box 18, Phanat Nikhom, Chonburi 20140, Thailand.

ĐẶNG TỬ LƯƠNG, bút hiệu Tuấn Quỳnh, hiện ở trại Palawan, mong nhận được sự giúp-đỡ của các bạn cũ. Xin thư cho: **ĐẶNG TỬ LƯƠNG**, P.S. #4322, P.F.A.C., #5300, Palawan, Philippines.

Cô **SÁO**, cô **SỄ** nhắn tin cô **NGUYỄN ANH LOAN**, qua Mỹ năm 1975, trước ngụ tại 2 bis Vạn Kiếp, Nha-trang, anh là luật-sư Nguyễn Anh Lân, xin thư về: **LIÊN**, 10/109 Campbell St., Collingwood 3066, Victoria, Australia.

Tìm quý bạn đồng đội cũ, hoặc các hội Ái-hữu ngành An-ninh Quân-đội. Xin liên-lạc chỉ dẫn cho **NGUYỄN VĂN NGỌC**, trước 1975 là sĩ quan ANQĐ làm việc tại cục ANQĐ, sau 1975 cải tạo tại Bắc

Việt cho tới tháng 4.1983, vượt biên năm 1990 từ Cần-thơ đến Thái-lan, đã thẩm-vấn thanh-lọc ngày 1.10.1991, chưa có kết quả. Mong quý đồng ngũ liên-lạc về địa-chỉ: Nguyễn Văn Ngọc, PST: 3737, House C-8, Thai Red Cross Society, P.O. Box 1302 Bangkok, Thailand.

Tìm bạn **NGUYỄN THANH HÙNG**, hiện ở Gia-nã-đại, trước ở Phanat Nikhom, Thái-lan, xin liên-lạc gấp **NGUYỄN THỊ NGỌC ANH**, 250S Whiting St., #724, Alexandria, VA 22304, USA — ĐT: 703-461-8077 hoặc 703-406-0756.

Tìm bạn **CHIÊM TẤN AN** tự **BỒ**, trước ở 5488 Young St., Halifax, NS, Gia-nã-đại, nay ở đâu, xin liên-lạc **CHÂU NGUYỆT**, tiệm Vĩnh Hiệp chay, Bến tre, hiện ở tại PST #1465, House B6, Sikiew Refugee Camp, Thai Red Cross Society, P.O. Box 1302, Bangkok 10504, Thailand.

Tìm gia đình anh **LÝ TUẤN KHANG**, 49 tuổi, vợ là Lê Thị Bích Đại, 47 tuổi, các con là Lý Tuấn Khanh, Lý Thị Thanh, Lý Huy Thực, Lý Thị Phương và Lý Thanh Bình, đi năm 1985 tại phướng Cẩm-trung, thị-xã Cẩm-phả, Quảng-ninh, Việt-nam, hiện định-cư tại Gia-nã-đại. Xin liên-lạc với: **HOÀNG VĂN LÝ**, No: 50176 VRD160/89C, Hut 2B, Whitehead Detention Centre, Section 3, Shatin Camp, N.T., Hongkong.

Cựu chuyên viên phòng mổ Quân y viện Phan Thanh Giản, muốn liên lạc với: **BS NGUYỄN TẤN KHOAN**, **BS KHÁNH HẢI**, anh **TRẦN TẤN CANG** (CVTM) hiện ở Gia-nã-đại, bạn **NGUYỄN VĂN ĐẾN**, hiện ở Úc-đại-lợi, bạn **PHẠM MINH TÂM**, võ sĩ QGVN, cựu học sinh Phan Thanh Giản, Cần Thơ. Xin liên lạc **NGUYỄN HỒNG HOÀNG**, KI: 0524/165, Pulau Galang Site II, Puscopal Armabai, P.O. Box 7 Tangjung Pinang Riau, Indonesia.

MUA BÁO DÀI HẠN

nhANH. RẺ . NHIỀU QUYỀN-LỢI KHÁC

1.—Mua báo dài hạn:

Độc-giả mua báo dài hạn nhận được báo gửi về tận nhà, được bớt 10% khi mua sách do *Làng Văn* phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân, bưu, chi-phiếu về tòa-soạn.

Độc-giả tại Gia-nã-đại trả bằng gia-kim.

Độc-giả tại Hoa-kỳ trả bằng mỹ-kim.

Độc-giả ở các nước khác xin gửi bằng bưu-phiếu (mandat; postal money order mua tại bưu-điện, trả bằng gia-kim) hoặc ngân-phiếu quốc-tế (international money-order, trả bằng mỹ-kim). Muốn trả bằng chi-phiếu tiền địa-phương, xin để tên người đại-diện *Làng Văn* tại địa-phương và gửi về địa-chỉ liên-hệ. Trong trường-hợp này, xin theo giá báo đã tính ra tiền địa-phương.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả số Xuân)

Báo gửi trong nội-địa Gia-nã-đại.... 40 gia-kim, thêm \$2.8 GST

Hoa-kỳ:..... đường bộ 45 mỹ-kim/máy bay 55 mỹ-kim

Các nước khác:..... đường thủy 45 mỹ-kim (hoặc 54 gia-kim)

máy bay: 75 mỹ-kim (hoặc 90 gia-kim)

Nếu trả bằng tiền địa-phương, gửi về các văn-phòng *Làng Văn* tại địa-phương, xin theo giá sau (số đầu là giá báo đường thủy, số sau là giá báo máy bay): Đức 80/130 Đức mã; Hòa-lan 90/150 gulden; Nhật 7 000/12 000 yen; Pháp 270/450 quan; Úc 65/110 úc kim.

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên khoảng từ 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) tới 8 tuần (đường thủy, bộ) sau ngày đặt mua. Sau thời-hạn này, nếu không nhận được báo, xin cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả dài hạn sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu nhãn địa-chỉ ngoài phong bì gửi báo, xin quý vị cắt nhãn này để dành, khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, gia-hạn báo, mua sách, đổi địa-chỉ, v.v.) xin gửi kèm để tránh nhầm-lẫn. Mã-số này gồm hai nhóm số: nhóm số thứ nhất là mã-số độc-giả, không bao giờ thay-đổi; nhóm số thứ hai là hạn báo của quý vị. Thí-dụ: 4536-100. Quý Độc-giả mới, hoặc độc-giả cũ vừa tái hạn, xin vui lòng kiểm-soát nhóm số này và thông-báo ngay cho tòa-soạn mọi sự sai sót, nếu có.

2.—Đổi địa-chỉ:

Mỗi khi đổi địa-chỉ, xin báo ngay cho tòa-soạn để tránh mất báo. Tòa-soạn không gửi bù các số bị trả về. Khi báo địa-chỉ mới, xin cho biết mã-số độc-giả, hoặc ít nhất, phải có địa-chỉ cũ.

3.—Mua báo cũ:

Giá báo cũ bằng giá báo hiện hành.

Bạn đọc muốn mua từ số 1, xin gửi tiền cho 8 năm báo. Tòa-soạn sẽ gửi một lúc từ số 1 cho tới số mới nhất, sau đó sẽ gửi hàng tháng cho đến khi hết hạn.

4.—Bài đăng báo:

Bài gửi cho *Làng Văn* xin đừng gửi cho báo khác và ngược lại. Ngoại trừ tin-tức và một số vấn-đề có tính-cách khẩn-cấp hay đấu-tranh, tòa-soạn không đăng bài trùng. Bài gửi đăng xin đánh máy, hoặc chép tay thật rõ-ràng. Bài không đăng không trả lại dù có kèm tem. Quý vị có bài đăng báo sẽ nhận được báo biểu, nhuận bút hay quà văn-ngệ, tùy mức độ đóng-góp.

5.—Quảng-cáo:

Có hai loại quảng-cáo trên *Làng Văn*: quảng-cáo quốc-tế (đi khắp nơi, kể cả Toronto) và quảng-cáo địa-phương (Toronto). Giá biểu áp-dụng chung cho quảng-cáo và chúc tụng cá nhân (chúc mừng, chia buồn, cáo-phó,...) trên ấn-bản quốc-tế như sau: 1 trang 200\$; 1/2 trang 110\$; 1/4 trang (tối-thiểu): 60\$. Các cơ-sở ngoài Toronto, xin gửi chi-phiếu kèm theo mẫu quảng-cáo. Tòa-soạn sẽ gửi tặng tờ báo có đăng mẫu quảng-cáo hay chúc tụng.

6.—Bản quyền:

Tất cả bài vở, tranh ảnh, quảng-cáo đăng trên *Làng Văn* thuộc quyền sở-hữu của *Làng Văn of Canada Inc.* Quyền này đã được đăng bạ đương-nhiên tại Thư-Viện Quốc-Gia Gia-nã-đại, Hội Bảo-Vệ Tác-Quyền Hoa-Kỳ và Tổ-Chức Đăng-Bộ Tác-Quyền Quốc-Tế (ICPA). Muốn trích đăng, xin liên-lạc: trước với tòa-soạn *Làng Văn* và phải được thỏa-thuận bằng thư.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, chữ lót, tên:

Địa-chỉ:

Mua.....năm, từ số.....kèm chi-phiếu.....

Chi-phiếu xin đề: "*Làng Văn*", địa-chỉ ở trang 1

(Dùng chi-phiếu: gửi thư thường. Tiền mặt: xin gửi bảo-đảm).

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:

Địa-chỉ:

Xin ghi: "Do.....tặng"

Kèm theo đây là chi-phiếu:.....\$, đề và gửi: "*Làng Văn*"

VĂN-PHÒNG "LÀNG VĂN" ĐỊA-PHƯƠNG:

VP "LÀNG VĂN" ÂU CHÂU:

Association Culturelle Loi 1901 • Đại-diện tại Anh-quốc:

Làng Văn (Village Littéraire):

Bạch Thái Hà

7 B-1 rue de Rethondes

95100 Argenteuil, France

ĐT: 34-10-26-46

Đại-diện tại Đức-quốc:

Ngô Việt Dũng

Postfach 104122

4600 Dortmund 1

Germany

ĐT: 656-949

Đại-diện tại Hòa-lan:

Hồ Thị Chiến

Lijster 77

1628 Am-Hoorn-NH

Holland

ĐT: 02290-31666

Đại-diện tại Anh-quốc:

Hoài Châu

19 Abdale Rd.

London W12 7ER

England

VP "LÀNG VĂN" ÚC-CHÂU:

Phạm Quang Ngọc

P.O. Box 198

Lakemba, NSW 2195

Australia

ĐT: (02) 758-2331

VP LÀNG VĂN Á CHÂU:

Đỗ Thông Minh

T 140 Tokyo-To

Shinagawa-Ku

Yashio 5-12-69-115

Japan

ĐT: (03) 799-1763

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO

TRÊN ẤN-BẢN CANADA:

Bìa sau (hai màu):..... 300.00 gia-kim

Bìa trong (trước, hoặc sau):..... 200.00 gia-kim

Trang-trong:.....120.00 gia-kim

Nửa trang:..... 80.00 gia-kim

1/3 trang:..... 60.00 gia-kim

1/4 trang:..... 40.00 gia-kim

1/8 trang:..... 25.00 gia-kim

ĐĂNG DÀI HẠN CÓ GIÁ ĐẶC-BIỆT

TRÊN ẤN BẢN QUỐC-TẾ (GỒM CẢ CANADA)

Nguyên trang trong:..... 200 mỹ-kim

Nửa trang:..... 110 mỹ-kim

1/4 trang (tối-thiểu):..... 60 mỹ-kim

Đã phát-hành khắp nơi:

GIỌT LỆ XÉ HAI

Văn-Khoa xuất, bìa 4 màu Đinh Cường

Giá tại Mỹ: US\$14.00 — Các nước khác: US\$15.00

Đã tính cước-phí. Hỏi tại các nhà sách hoặc gửi chi-phiếu về: VĂN KHOA BOOKS, 9200 Bolsa Ave., Suite 123, Westminster, CA 92683, USA.

"Một truyện dài đặc-sắc" (trích bặt Mai Thảo)

"Giọt Lệ Xé Hai: một chứng-minh hùng-hồn rằng người Cộng-sản không đáng yêu và không ai sống được trong chế-độ Cộng-sản", "Tình-cảm của Nguyễn Thị Thanh Bình buồn như suối, cuộn-cuộn như mây trời, nó lôi-cuốn độc-giả rất mạnh-mẽ." (bặt Xuân Vũ)

"Mọi tình huống gay-gắt nhất của thời-thế in hệt những mảnh vỡ tạp sắc, qua ngòi bút Nguyễn Thị Thanh Bình như được nối-kết bằng sợi dây mang tên tình-yêu, làm thành một chuỗi lấp-lánh..." (bặt Nhã Ca)

Bút-pháp của Nguyễn Thị Thanh Bình uyển-chuyển, bay-bướm và tha-thiết" (bặt Hồ Trường An)

Cùng một tác-giả, mời tìm đọc tập truyện:

Ở ĐỜI SỐNG NÀY

Đại-Nam xuất-bản. Giá tại Mỹ: \$11.00. Các nước khác US\$12.00. Đã tính cước-phí. Hỏi tại các nhà sách hoặc gửi chi-phiếu về: ĐẠI NAM CO., P.O. Box 4279, Glendale, CA 91202, USA.

Tìm đọc:

SÓNG BẠC ĐÀU

Những đoản văn và truyện ngắn.

(1984 - 1991)

của Đào Văn Bình

Giá bán: 10 Mỹ kim

PO Box: 1808

San Jose, CA 95109

Tel: (408) 286-7187

Phát-hành xuân Nhâm Thân 1992

CÂU CHUYỆN CỦA MỘT DÂN-TỘC

truyện dài của

NGUYỄN HỒNG HÒA

(Làng Văn xuất-bản)

CÁO PHÓ

Chúng tôi đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc, vợ, mẹ, em, chị chúng tôi là:

Bà TRẦN QUỐC MẬU
khê danh HUỖNH KIM CHI

Sinh quán tại Cần-thơ, vừa tạ thế tại Toronto, Canada lúc 22 giờ ngày 14 tháng 12 năm 1991,

Tang lễ cử hành tại Toronto ngày 18 tháng 12 năm 1991.

Chồng: *Trần Quốc Mậu*

Con: *Trần Quang Minh*

Con: *Trần Huệ Mẫn*

Anh: *Huỳnh Trung Dung, vợ và các con*

Em: *Phạm Thị Ánh, chồng và các con*

TANG GIA ĐỒNG KHẮP BẢO

(Cáo-phó này thay-thế thiệp tang)

PHÂN ƯU

Nghe tin

Chị NGUYỄN THỊ THOA
pháp danh KHÔNG NHƯ

người bạn đường của giáo-sư kiêm soạn giả
Tự diễn chữ Nôm Thái Nhân Nguyễn Quang Xỹ
đã mất phần tại Denver, Colorado, Hoa-kỳ,

Thành kính chia buồn cùng anh Xỹ và tang
quyển. Khẩn cầu vong-linh người quá-cổ sớm
siêu-thoát.

Vợ chồng Phạm Đình Huy (Pennsylvania, Hoa-kỳ)

Vợ chồng Lê Gia Đát (Sài-gòn, Việt-nam)

Vợ chồng Nguyễn Mạnh Cẩm (California, Hoa-kỳ)

Vợ chồng Trần Thị Ngọc Yến (California, Hoa-kỳ)

Vợ chồng Đỗ Minh Hiếu (California, Hoa-kỳ)

Linh-mục Vũ Đảo (Minala, Philippines)

thư đi tin lại

. Nguyên Hương phụ-trách



NGUYỄN THỊ KHÁNH HÀ, Oslo — Báo của bạn gửi bằng máy bay, bao giờ cũng cùng một ngày với tất cả mọi độc giả dài hạn khác (muốn sớm hơn hay trễ hơn cũng không được!) Nếu báo của Khánh Hà tới trễ hơn báo của quý độc giả khác cùng khu phố, rõ ràng quan bưu tá Oslo... kỳ thị người đẹp rồi đó, vụ này phải kiện tới triều đình mới xong!

Trong thư, KH viết "chúng em", vậy *chúng em* gồm mấy người? Cứ tưởng người đẹp còn phòng không gối chiếc chứ!

Chuyến sang Bắc Âu lần tới, Bếp "dọa" sẽ sắp xếp ngày giờ để tới Na-Uy vào tháng sáu, nửa đêm ra ngồi giữa trời đọc sách không cần đèn, xem cảm giác ra sao! Thân.

Liên đoàn RA KHÔI, Palawan — Sẽ gửi sách báo, tài liệu cho các bạn. Chúc thắng tiến. Kính.

Anh HỒ CÔNG TÂM, MA — Cảm ơn sự tiếp tay, tiếp sức và tiếp cả máu. Tuy nhiên, cái món thứ ba này, anh em bên này chỉ xin tâm linh. Cảm ơn anh lắm. Sẽ gắng hết sức trong lúc thiên hôn địa ám, nhân sự đổi chỗ như sao đổi ngôi. Xin giữ vững vị trí, giương cao một ngọn cờ làm dấu hiệu nhận nhau, quần tụ những người cùng một chí hướng, mở được một ngõ chính để về nước là hay rồi.

VĨNH HẢO, CA — Đã nhận được *Núi xanh mây hồng*. Chữ to quá, mới lật ra tưởng là cuốn kinh Phật dành cho các cụ. Về báo gửi đi Ha-uy-di, 50 mỹ kim (máy bay, giá 1991) thì đúng rồi. Chú tiểu lại dời chùa nữa há! NH không biết chuyện tình thi phú ấy, biết thêm cũng... hay. Vạn Giã có thơ đăng

đều trên *Làng Văn* là một dân hủi của ngụ tại Montreal, không phải là Cao Thị Vạn Giã đâu. Thân.

LINH PHƯƠNG, Florida — Giáng sinh, tết nhất, thấy Linh Phương chạy rập diên người từ thành-phố này sang thành phố nọ mà thương. Đã vậy còn phải cố động, tìm thêm đại lý, thu tiền báo nữa! Khi nào có dịp đem "mười ngón tay vàng" về Toronto, NH sẽ có phần thưởng riêng. Thân.

Anh DUƠNG HOÀI NINH, Cabramatta — Anh dọn tới dọn lui, cuối cùng rồi cũng không ra khỏi ngoại vi Cabramatta, quả là "tiền" định. Chúc mừng đại gia đình đoàn tụ. Ngưng viết lách ít lâu đi, tập trung vào chuyện học hành, lấy lại cái bằng kiểm còm cho ...cả làng nhờ. NH không giục bài anh, cũng là một cách đầu tư kinh tế đấy! Thân.

HƯƠNG CAO CỔ, CA — Đã nhận được quà và thiệp Giáng sinh của Hương. Vẫn nhớ món bún bò Huế, Cao Cổ hứa tự tay vào bếp nấu, đãi. Chúc năm mới, mọi sự mới (trừ cái cổ vẫn như cũ). Thân.

Anh NGUYỄN TUẤN DŨNG, Montreal — *Thơ miền Nam* vừa bước qua thềm, NH đã gói và gửi cho anh liền, chắc đã nhận được?

Ông NGUYỄN HỮU THUẬN, Calgary — NH thích hình ảnh cụ thể ông đưa ra trong thư, hai con chó Cuba và Việt-nam vẫn trung-kiên ngồi gác căn nhà mục nát mà ông chủ nhà Liên xô đã bỏ chạy ra từ lâu để khỏi bị nó sụp đổ! Cảm ơn ông về sự chia sẻ và khích lệ. Kính.

NGỌC KHÔI, Paris — NH luôn luôn quý sự cẩn trọng, nhất là ở các bạn trẻ. Vun phân tưới nước cho cây quỳnh lớn vọt lên thành một thứ xương rồng gai, khiến cả nước lại phải một phen dọn dẹp nhọc nhằn thì... bậy thật! Ở thời gian này, ở lứa tuổi này, không ai còn có quyền mang cuộc đời nhau ra mà "thí nghiệm" nữa, nhất là chuyện ấy liên hệ tới an ninh và tương lai của nhiều người. Sự nhầm lẫn của các thế hệ trước đã đẩy chúng ta ra đến tận đây; còn sự nhầm lẫn của thế hệ chúng ta sẽ dẫn cả bọn về đâu? Cho nên, phải cẩn trọng. Chúng ta đang ngồi trong canh bạc mà đối phương vừa đánh lận vừa giật tiền, vừa biết đóng trò nhẹ dạ và cả tin.

Khôi thấy đó, mớ giẻ rách lý thuyết Marx Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh mà giờ này vẫn còn có kẻ nâng niu thờ phượng, ai động đến còn bị chính những người "quốc gia" ngoác mồm ra mắng là "đồ cực đoan quá khích!" Chúc Khôi luôn luôn vững vàng, bình tĩnh. Vững và tĩnh là hai điều đáng quý ở các bạn trẻ, nhất là các bạn trẻ sống ở một "tuyến đầu" như Paris. Thân.

Thi sĩ MẬU BÌNH, WA — Bếp gửi lời cảm ơn về lời khen "chém đẹp và chém sạch." Đọc thư lão huynh xong, Bếp trầm ngâm một lúc rồi thở dài: "Sống giữa thời đại loạn, bình được thiên hạ mà gươm không vấy máu mới là đại trí! *Chém đẹp* đã quý, *chém sạch* quý hơn, nhưng làm sao không phải vung gươm mà vẫn chế ngự được gian tà, mới đáng mặt xử sĩ."

Lão huynh là người trải qua trăm trận, xin giải giúp nhau một cuộc cờ! Về vụ anh bạn văn kia, xin lão huynh cứ tùy nghi rắn dạy cho nên "người", cộng đồng cũng được nhờ. Kính.

Bà TRẦN THỊ LAM, CA — Vì bận báo Tết, tòa soạn chưa in kịp *Thạch kiếm III* như đã báo trước. Chi phiếu mua sách của bà, NH còn giữ đây. Khi sách ra (trong tháng 1), sẽ gửi sách trước, lãnh tiền sau.

Ông HOÀNG MẬT, MN — Nếu ông không nhận được trái phiếu cho cuốn *TTHB*, là do sự thiếu sót của NH. Sẽ gửi kèm với số này. Kính.

EM BÉ BAY, Never Land — Vụ Em Bé Bay cúng ông Táo hôm... 30 tháng chạp, NH đã dời ngày hộ rồi, yên chí lớn. Để tránh khỏi quỳnh quáng mỗi khi bị giục bài Tết, Em Bé Bay nhân cảm hứng Tết con tườu, ngồi xuống viết bài, cất vào "hộp mùa đông" để dành sang năm gửi về làng là vừa.

Vụ Cộng đoàn-kết xúi nhà xuất bản *Phụ-nữ* (Cộng Tây?) kiện báo *Quê Mẹ* (mà không kiện Đa Nguyên, Văn Nghệ) về tội in sách DTH, cả làng biết rồi. Vụ này cộng Đoàn Kết kệt chứ không phải ông Ái kệt. Không kiện Đa Nguyên, Văn Nghệ, chứng tỏ Cộng đoàn kết chỉ vì thù cá nhân mà kiện; mà kiện Đa Nguyên, Văn Nghệ hóa ra bỏ nhà kiện nhau, vì ai chẳng biết Cộng đoàn kết, Thông Luận và Thụy Khuê sinh tử một nhà, và bà TK đã trót "khai" trong bài tựa cuốn *Vô đề* rằng chính tay bà đã gửi bản thảo cho Văn Nghệ in!

Đồng ý với nhận xét của Em Bé Bay về văn phong NT. Tuy nhiên, đó cũng là một cá tính, không nên và cũng không thể thay đổi. Sẽ chuyển các địa chỉ ấy sang Em Bé Bay, để em bé khỏi bị cải danh thành Em Bé... Lèo.

Số bán vẫn tăng đều, nhất là độc giả dài hạn. Em Bé Bay xem danh sách riêng do em bé gửi về rồi từ đó suy ra sơ sơ cũng thấy. *Thuận thiên giả tồn*, mà lòng dân chính là ý trời vậy. Thân.

TÍ THƯ, Forestville — Đã nhận được chi phiếu góp tem tị nạn, và bỏ thêm và trưng mục mua sách, cảm ơn Tí. Sẽ gửi số tháng 3.91 cho Tư, không sao đâu, Tí đáng được NH "cung" mà!

Ai bảo Tí Thư, người đàn bà tóc hung ngồi thu tiền hôm ra mắt sách *Người đàn bà đi bên tôi là người đàn bà đi bên...* Nguyễn Ngọc Ngạn vậy? Tí Thư râu ông cầm bà kiểu

này e có ngày rắc rối to! Tí viết trong thư, hôm đi coi ra mắt sách cố tình để kính cận ở nhà phải không? Sau chớ có đại thể. Phải can đảm "đối diện với thực tế" chứ, cuộc đời nó có hư ảo như vậy mãi đâu!

Đã gửi sách bàn về thơ cho Tí. Bảng *Tịnh tâm khúc* hết lâu rồi, khi nào có dịp gặp ông Hoàng Quốc Bảo, NH sẽ hỏi mua hộ cho.

Tí dám gọi ông thầy cũ Bùi Duy Tâm bằng "ma cô chính trị" thì đã hiểu rõ ý nghĩa thành ngữ "đại nghĩa diệt thân" rồi đó nghe.

Về vụ "Làng Văn không còn trang quảng cáo nào nữa", là vì có bà độc giả tên Tí ở Forestville chê "báo gì toàn quảng cáo không à" nên NH không đăng quảng cáo nữa, mà sẽ tăng giá báo để bù vào chỗ lỗ lỗ, mai một mỗi tờ sẽ bán 8 ti, thay vì chỉ có 4 ti! Đùa tí thôi, Tí đừng có ...xanh mặt. Sở dĩ báo của Tí không có phần quảng cáo, vì theo lệnh "trên", kể từ tháng 8.91, tòa soạn chỉ lưu hành ấn bản Toronto (với mấy chục trang quảng cáo ở giữa) trong vòng bán kính 400 cây số chung quanh Toronto thôi. Tí ở Quebec, khỏi đọc quảng cáo, cảm nặng tay, sướng nhé!

Ông Song Thao (Montréal) thì NH cũng chưa có dịp gặp, chỉ *văn kỳ thanh...* như Tí thôi. Thân.

Thi-sĩ BÁ DÌNH, Montreal — Đã nhận được thư và thơ. Xin chúc mừng sinh nhật anh! Anh sinh ngày 19.12, tuổi Nhân-mã, trong tháng giêng này sẽ bị nàng thơ cầu nhàu tí ti, cảm nổi nóng, cảm nhăn mặt, cảm ...vấy mực.

Sẽ làm theo lời anh dặn. Phát hành báo tân-niên xong sẽ "đỡ" cho tác-phẩm thứ hai của anh chị. Về thơ, sẽ giữ lại hai bài *Dốc xuân* và *Đời chỉ là hư-ảo* cho *Làng Văn*.. Thân.

Anh NGUYỄN VĂN THÔNG, Dorchester — Sẽ gửi báo sang cho ĐP. Sẽ chuyển thư hộ anh.

Ông BĂNG ĐÌNH, KS. — Ông sang Mỹ một năm rồi bây giờ mới chịu "trình làng", kể cũng không trễ

mấy. Đã nhận được loạt bài, cảm ơn ông.

Anh LÊ TẤN TRẠNG, CA — Tin tới muộn quá, xào nấu xong dọn ra thì đã ...sang năm. Lúng túng mãi, rồi đành thôi vậy! Lần sau, xin anh nhanh tay hơn cho, thời của máy fax và vi-tính mà! Kính.

Ông PHAN LẠC TIẾP, CA — Đã nhận được các mẫu bia. Cảm ơn lời chúc lành. Kính.

NS NGUYỄN VĂN CUÔNG, Montreal — Cảm ơn sự ủng hộ ấm áp của anh chị cho giải VHNT năm mới. Mong sớm gặp lại anh chị, uống trà bàn thế-sự. Thân.

Thi-sĩ HOÀNG XUÂN THẢO, Toronto — Đã nhận được quà cho giải VHNT 91-92, xin đa tạ. Kính.

Thi sĩ NGUYỄN HUY PHƯỚC, NJ — Cả làng đang thăm dò sức khoẻ nhà thơ. Thường thì sang tới đất Mỹ độ 6 tháng thì người ta... biến mất luôn, không thấy sáng tác, thư từ gì nữa; phải chờ tới một, hai năm sau đương sự mới sống dậy và ịch sáng tác trở lại. Cảm ơn nhà thơ đã gửi một đạo binh 10 ông Hoa-thịnh-đốn sang tiếp viện. Biết ông còn nghèo, nhưng NH vẫn ...không từ chối đâu. Với đạo binh tăng viện, NH sẽ gửi thêm được một ít báo Xuân sang Sungei Besi cho các bạn đồng trại của ông, gọi là *hồi hướng công đức* cho nhà thơ! Kính.

Ông TRẦN ANH QUÂN, Shatin — Đã nhận được bài viết, cảm ơn ông, xin tiếp-tục.

Ông NGUYỄN VĂN THANH, Sungei Besi — Sẽ gửi báo cho ông. Truyện chưa được, nên khai triển thêm về tình tiết và tâm lý để tạo xúc động, vượt ra khỏi cái khuôn của truyện kể. Kính.

Thi-sĩ TUỆ NGA, Cali — Đã nhận được thư và thơ. Năm nay chị có xuất hành hướng đông bắc, xin ghé qua làng. Thân kính.

Ông NGUYỄN HOÀNG SƠN, Chatham — Đã gửi trái phiếu tiền mua *Văn Xã* còn dư, xin ông xem lại. *Văn Xã* 1, xin chờ đợt tái bản, NH sẽ gửi sau.

Anh HOÀNG CHÍNH, Kitchener — Cuốn *Quê người* (Tô Hoài) đã hết bản, xin chọn cuốn khác. Thân.

Anh TRƯƠNG HỒNG SƠN, Sungei Besi — Báo vẫn gửi đều cho mọi người, riêng anh không nhận được, không chừng lười liềm đồ rọc mất rồi! Có cách nào thăm dò không? Thân.

Ông TRẦN VĂN HÀ, Dongrek — Sẽ gửi sách và báo cho nhà thờ Site II. Kính.

Một độc giả dấu tên và địa chỉ — Tòa soạn không tiện cho ông địa chỉ riêng của nhà văn DQS ở Sài Gòn. Xin gửi thư về tòa soạn, NH sẽ chuyển cho thân nhân ông ấy ở Úc hoặc Hoa-kỳ.

Ông NGUYỄN VĂN NGỌC, Thái lan — NH không có cách nào giúp ông, ngoại trừ đăng vào mục nhấn tin, may ra ông bắt được liên lạc với đồng đội cũ. Kính.

Anh NGUYỄN MẠNH DẠN, Sungei Besi — Ngồi bút NMD bây giờ phải tạm ngưng viết văn, để ngồi viết mỗi ngày mấy chục trang đơn xin tái xét thanh lọc cho anh em đồng đội, cũng là việc phải, nên hoan hô lắm, ai lại nở trách cứ bao giờ!. Nói cho cùng, mỗi lá đơn xin tái xét là một chuyện đời cô đọng. Mai kia rời trại đi định cư, anh sẽ có thêm biết bao nhiêu chuyện để viết!

Sẽ gửi thêm báo về "thư viện bỏ túi" Trần Văn Tám. Cảm ơn anh về cái tin văn nghệ, rất hay. Kính.

HUỆ THU, Cali — Lần sau nghe tin NH đi ngang San Jose mà Huệ Thu vô nhà thương nằm thì nhất định... nghỉ chơi! Đã nhận được các bài thơ, cảm ơn cô bạn bonsai. Thân.

Anh NGUYỄN SANH THÀNH Đức — Về báo cũ, anh có thể chia

ra mỗi lần mua 12 số, giá bằng một năm báo mới. Kính.

LÊ THỊ NGỌC SƯƠNG, Siklew, Thái lan — Đã nhận được bài dự thi. NH thấu hiểu sự khó khăn và nỗi khổ của bạn và đồng-bào bên trại. Trong trạng huống nào, cũng xin cố gắng sống, và sống thật bình tĩnh. Chúc bạn đạt được kết quả mong muốn trong lần dự giải năm nay. Sẽ gửi báo riêng.

Bạn VÂN DƯƠNG, Lethbridge — Kỳ trước quên trả lời bạn về việc yêu cầu tòa soạn cho phép trích đăng phần tin tức và nhận định chính trị của *Làng Văn* trong bản tin cộng đồng địa phương. Xin bạn tùy nghi. Phần tin và nghị luận này vẫn được đưa vào bản tin Tự Do Dân Tộc, cung cấp cho các báo Việt trên toàn thế giới.

Cảm ơn bạn đã mách hộ vụ "hồ sơ mật". Xin đa tạ.

Ông LUUN. CẦN, Luân-đôn — Trong lúc ông gửi ngân phiếu tái hạn, bên này tòa soạn làm phiếu nhắc. Vài tuần sau, phiếu nhắc mới tới tay ông, khiến ông đâm ra thắc mắc, không biết tiền mình gửi có về tới tòa soạn không. Xin thưa, nếu ông đã tái hạn xong, cứ để cái phiếu nhắc thừa thãi ấy qua một bên. Vào kỳ báo kế, ông xem lại nhóm số thứ hai trên hàng mã số độc giả in trên nhãn địa chỉ, xem tòa soạn đã gia hạn cho mình chưa. Mã số của ông là 2066-088. Nhóm số thứ hai là 088, có nghĩa là hạn báo của ông tới số 88 là hết. Nếu tòa soạn đã vào hồ sơ gia hạn, nhóm số 088 này sẽ trở thành 100. Nếu tòa soạn chưa kịp đổi, tháng kế, xin ông để ý xem lại lần nữa, nếu thấy nhóm số vẫn y ra như cũ, xin viết cho tòa-soạn mấy chữ "báo động", NH sẽ kiểm soát và giải quyết ngay. Đối với bạn đọc ở Hoa-kỳ và Gia-nã-đại, xin *copy* mặt lưng của chi phiếu trả về, gửi kèm theo thư để dễ lục hồ-sơ.

Ông NGUYỄN XUÂN LÊ, Montreal — NH đã gửi bù số 87 cho ông, mong ông sớm nhận được. Vào các tháng cận lễ Giáng

sinh, thư từ, bưu kiện đi rất chậm, đôi khi lại thất lạc khiến độc giả mong đợi, NH thật áy náy. Kính.

Bạn TRẦN HUY MINH, BC — Đã gia hạn thêm hai năm. Hạn báo mới của bạn tới số 116 mới hết.

Thư viện SUNGEI BESI — Hiện nay, bưu điện Mã lai vẫn không nhận chuyển bưu phẩm, bưu kiện (gói nhỏ, gói lớn) vào trại tị nạn. Xin quý anh chị hỏi thăm Hội Hồng cung (MRCS) xem có biệt lệ nào dành cho thư viện công cộng không? Báo gửi cho Sungei Besi hiện nay vẫn phải gửi từng tờ lẻ, qua tên riêng của nhiều người, tiền cước rất đắt. Báo gửi từng gói lớn, hiện phải nhờ văn phòng Cao uỷ Tị nạn LHQ tại Ottawa (Gia-nã-đại) chuyển hộ, và chỉ tới phòng Thông tin của Gia-nã-đại mà thôi. Kính.

Anh TRẦN ĐỨC DŨNG, Sungei Besi — Hoan nghênh sự chia sẻ của anh với đồng bào chung quanh. Có báo nên đọc chung. Lúc sau này vì tình trạng kinh tế tại Hoa-kỳ và Gia-nã-đại quá kém, nạn thất nghiệp trở nên trầm trọng, đồng bào độc giả không đủ sức tặng tiền tem thư gửi báo sang các trại dãi dãi như trước, NH thất lưng bóp bụng cả tòa soạn cũng chỉ đủ sức gửi đi vài trăm số mỗi kỳ, mà lại phải gửi riêng theo tên cá-nhân, vì hầu hết các nước đều không nhận mang gói vào trại tị-nạn như trước. Tại mỗi trại, NH chỉ gửi ba tờ bằng máy bay (tiền cước đắt gấp bốn lần đường thủy) để đồng bào kịp theo dõi tin tức. Số còn lại phải gửi bằng đường thủy (chậm, nhưng gửi được nhiều báo hơn). Hiện nay trại Sungei Besi nhận được 33 tờ mỗi kỳ, kể cả báo gửi bằng đường thủy. 35 tờ cho 13.000 người, mỗi người giữ đọc một ngày thôi, cũng phải mất hơn một năm mới giáp vòng! Nghĩ mà thất ruột! "Mơ ước" của NH là mỗi tháng gửi cho Sungei Besi 130 tờ, tức 100 người đọc chung một tờ. Nói là "mơ ước" thôi, vì muốn gửi thêm 100 tờ bằng đường thủy, hàng tháng cần phải

có thêm 132 vị nữ hoàng trợ lực (đồng gia kim in hình nữ hoàng Anh).

Vấn kể Bếp, ông mập nghĩ một chút rồi đưa ra chương trình *Gửi báo cho đồng bào tị nạn* (đăng ở phần tin tức kỳ này). Đầu năm, nếu trời ban cho một điều ước, NH sẽ ước rằng chương trình *Gửi báo cho đồng bào tị nạn* này được nhiều vị ân nhân ở hải ngoại hưởng ứng, giúp đồng bào tại các trại có thêm báo để đọc!

Sẽ gửi ảnh các vị "tông-tông" anh cần. Gấp quá, chắc không tới kịp ngày bày tranh!. Kính.

Anh TRẦN THIÊN HIỆP, WA — Thi sĩ khoe "ngồi ở sở làm thơ đăng báo", thảo nào kinh tế Mỹ nó cứ đi xuống hoài!. Đã nhận đủ thơ thu lẫn thơ xuân, cảm ơn anh. Kính

Ông PHẠM VĂN CUONG, Sungei Besi — Theo bản phúc trình, số báo gửi về khu của ông như vậy coi như đến gần đủ. Sẽ tiếp tục như vậy. Kính.

NGOC DUY, NC — *Văn Xã 4* (Vũ Hoàng Chương), bài vở đã khá dư dả rồi, chỉ vì cả làng bận mà tạm thời "nín khe", chờ thu xếp xong thì in luôn, khỏi quảng cáo nữa. Rán viết cho đều nghe, Văn tài mới rô-đa xong cho nằm ụ, coi chừng rỉ sét hết đó! Thân.

PHAN HOÀNG, BÍCH CHÂU, CA — Không nhận được *Mộng trăng, hoài người và Tạm biệt quê hương*, xin xem lại.

HÀN TÚ, SD — Bài thơ dự thi không hợp lệ vì thiếu địa chỉ tác giả. Xin gửi lại cho giải Thơ năm tới vậy.

Anh LHT, Thái lan — Không nhận được bài *Một trận đánh đẹp* nhắc trong thư.

DIỆU HƯƠNG, Atlanta — Lâu quá mới thấy thư. Không thấy thiệp Giáng sinh gửi về làng như mọi năm, biết ni cô việc chùa việc nước lu bu, nên NH...hỉ xả. Nghe ni cô khoe nhà mát trên đồi sương

mù với hồ êm, thông biếc mà bắt nhớ Đà Lạt. Khi nào có dịp ngang qua Atlanta lần nữa, NH sẽ xin nướng nhờ cửa thiền ít hôm, rau đậu vài ngày cho nó nhẹ nhàng.

Về loạt bài pháp ký Hương Cảng, ni cô nên làm dần bài, rồi theo đó mỗi ngày đọc một đoạn vào bằng. Cứ nói tự nhiên như đang thuyết pháp, sau này khi nào có rỗi thì giờ sẽ chép lại sau. Bếp nhẩn, sẵn sàng nhuận sắc theo pháp ý. Khi nào có dịp sang xứ tuyết, nhớ khuôn giùm theo mấy chục lọ mắm tôm chua để...trả công trước. Thân mến.

Ông NGUYỄN VĂN TẠ, Thái lan — Lỡ trùng bút hiệu, đổi là phải. "Tướng Dung" nghe được lắm chứ, vừa giống Tướng Giới-thạch, vừa giống Hoàng Dung, lại thêm mùi Tàu: *vân tướng y thường...* Kính.

Anh LÊ MINH TUẤN, Anaheim — Báo của bà HTD tới số 90 là hết, em muốn tặng thêm, gửi chi phiếu là vừa kịp.

Ông VŨ HOÀNG, Sungei Besi — Về tới thủ đô rồi, thi khách đã tỉnh người chưa? Mong tiếp tục viết. Kính.

HẠNH LIÊN, Hương cảng — Nếu Cao ủy trưởng Robert Van Leeuwen ở Hương cảng dám tuyên bố thẳng, các tạp chí *Làng Văn, Đường Sống...* là đồ "quốc cấm" vì "dám" đăng bài bênh vực người tị nạn, NH sẽ vác đơn sang tận Thụy sĩ kiện cho ra lẽ. Từ trước tới nay, ai cũng biết rằng phủ Cao ủy Tị nạn Liên Hiệp Quốc được lập ra để giúp đỡ người tị nạn chứ không phải để đàn áp, trục xuất người tị nạn. Đọc báo Hương cảng, thấy ảnh me-xù Leeuwen xoe mười ngón tay chuối mẩn, cười toe toét khoe với báo chí rằng đã "dụ" được 10.000 thuyền nhân làm đơn xin tỵ nạn hồi hương mà... ngứa gan. Không biết mỗi tháng, Leeuwen xoe tay ra lãnh lương của ai và làm việc cho ai, giữa cơ quan tỵ thiện UNHCR và các chính quyền

Hương cảng, Luân đôn và Hà nội?

Trần Thìn đã sang tới Manila xin chuyển lời tạ lỗi đã không kịp chào mừng Hạnh Liên tới Hương cảng. Trong tháng tới sẽ có thêm một bạn nữa sang tiếp tay với bạn, đừng nản lòng. Thân.

Ông NGUYỄN HUY TRỰC, SJ — Cuốn sách ông hỏi là *Quê hương bạn hữu và tù đầy* của Trần Dạ Từ, trong đó có nhiều minh họa và biếm họa của Choé. Giá sách 10 mỹ kim, hãy còn. Kính.

Anh NGUYỄN CÔNG XUNG, Hương cảng — Anh từ Sek Kong chuyển sang Shek Kwu Chau, là tốt hơn hay xấu hơn?

Ông ĐINH HOÀNG NGÂN, Bakersfield — Thư cho nữ sĩ Vi Khuê, xin ông gửi về tòa soạn *Phụ Nữ Diễn Đàn* ở Virginia. Thư cho thi-sĩ Xuân Tước, gửi về làng, nhờ chuyển. NH không có địa chỉ ông Lê Hương. *Tự học chữ Hán* có nhiều cuốn của nhiều người soạn khác nhau, cuốn phổ thông nhất của Lưu Khôn. Kính.

Em ĐỖ KIM KHÁNH, Sungei Besi — Không phải chỉ một mình em "tưởng tượng" Bếp làng ta có "khuôn mặt phong trần, thân hình mảnh khảnh" đâu! Thực ra, trước khi bước vào nghiệp báo, Bếp cũng thư sinh mảnh khảnh như ai, nhưng rồi khuôn mỗi tháng vài tấn sách báo, mỗi ngày làm việc 12 tiếng, ăn uống bất thường, lâu lâu vác đàn đi hát, mang miệng đi "hành quân" dăm ba tuần mới về, ngủ nghề trái giờ trái giấc... không lên cân, ắt phải lên chức... cố, vì làm sao chịu đựng nổi!

Em nghe lời, viết đều như vậy là quý rồi. "*Có công mài... chữ có ngày nên... văn*" mà! Người Trung hoa cũng nói *ma chữ tác châm*, tiếc là chữ *chữ* viết dấu hỏi, nghĩa là cái dùi, cái chày, không phải *chữ* dấu sắc của ta, là chữ nghĩa. Lý Bạch ngày trẻ tuổi cũng có khi thối chí nản lòng, nhưng sau nhờ quyết tâm mà thành công. Kim Khánh cũng phải cố lên chứ, mai sau biết đâu có

lúc sẽ đoạt *khánh vàng* như ai! Thân.

Ông TRẦN HÙNG VĂN, Luân đôn — Ý kiến của NH là, loại "Hà thành bí sử" ấy, ông nên viết thành một loạt bài, thuật sự trung-thực, khách quan và bình tĩnh, không cần phê bình, mà để tự bản chất sự kiện phê phán lấy nó, và để độc giả tự tìm ra lời kết luận của chính họ.

Về các bài thơ ông từng vẽ trên ghế đá công viên Hà nội, ông có thể khéo léo nhắc lại trong loạt bài này. Nó có giá trị ngoại sử, là tiếng nói của nhân dân trong một giai-đoạn, nhưng nếu đăng riêng rẽ, nhất là ở hải-ngoại, nơi mà đời sống xã hội và cách suy nghĩ rất khác quốc nội, e không phát huy được hết hiệu năng của nó, mà trở thành lạc lõng như một lời nguyện rửa tước tội phát lên giữa một đám đông hỗn tạp, ngơ ngác.

Ở đây, người ta cần trang bị lý luận và phóng tầm nhìn về tương lai hơn là ôn lại quá khứ. Dĩ nhiên là kinh nghiệm lịch sử có giá trị tuyệt đối của nó. NH đồng ý với ông, nhưng phải làm sao cho mọi người cùng chấp-nhận và cùng khai thác giá trị ấy.

Ông đã từng lãnh nhiệm vụ "đối lập" với CS, khi muốn đối lập... thật thì bị tổng vào tù, cho bóc lịch mười năm. Kinh nghiệm quý báu ấy cần được chia sẻ cho mọi người ở đây hơn bao giờ hết. Thơ "Hà thành bí sử" cũng cần, nhưng không có tính cấp thiết bằng. Xin góp sức với đồng bào trong nước để viết nên những trang sử mới trước đã! Kính.

Nhà văn AN KHÊ, Pháp — Đã nhận được bài mới, xin đa tạ. Bếp có thư riêng, bàn bạc về vụ "Chí hòa đồ". Mong sớm được phúc đáp. Kính chúc ông và bảo quyến năm mới an khang. Kính.

Ông TRỊNH MINH NHỰT, Sunnyvale — Hiện nay, *Làng Văn* chỉ đủ sức in sách mới, chưa dám nghĩ tới việc in lại các sách đã xuất

bản trước 1975. Đề nghị ông liên lạc với nhà An Tiêm, 1528 S. La Cienega, Los Angeles, CA 90035, ĐT: 213-559-0413; hoặc Khai Trí, P.O. Box 720367, Houston, TX 77272-0367. Kính.

Ông MINH ĐẠO, Paris — Đã nhận được thơ và bài nhận định, cảm ơn ông. Kính.

Ông NGUYỄN VĂN LỢI, trại Bạch Đầu — Đã nhận được truyện ngắn, đang đọc, cảm ơn ông đã tin cậy. Kính.

Ông HOÀI NAM, VA — Mong nhận được loạt bài ông nói trong thư. Chúc ông chóng hồi phục, cả tinh thần lẫn thể chất. Kính.

Ông DƯƠNG QUANG HƯỞNG, London — Số đúng là \$20.70. Đã gia hạn báo cho ông. Kính.

Anh VIỆT LINH, Bataan — Sẽ chuyển báo sang Phi cho anh. NH thuộc phái yếu, gọi "chị" là đúng rồi. Kính.

VŨ QUỐC KHÁNH, Sungei Besi — Báo gửi đường thủy ngày 30.9, tới tay em ngày 6.12 là phải rồi. Kể ra, đầu tháng 12 mới được đọc báo tháng 10, có hơi muộn, nhưng trong điều kiện tài chính hiện tại, tòa soạn không sao đủ sức gửi báo bằng máy bay cho tất cả mọi người. Cước phí hàng không 1 tờ tương đương với cước phí đường thủy 4 tờ. Tòa soạn đành chọn giải pháp gửi 4 tờ, để lượng báo sang các trại được dồi dào hơn. Chỉ riêng thư viện và một số tổ-chức trong trại nhận báo máy bay để kịp thông báo lại những tin tức cần thiết tới đồng bào, qua hệ thống truyền thông công cộng.

Thông cảm nghe, cậu bé. Chúng mình đều là lưu dân cả, lá ...rách đùm lá rách mà!

DIỆU NHU TĂNG DŨNG, Mulhouse — Đã nhận được quà tặng cho Giải Văn học Nghệ thuật, xin đa tạ. Kính.

Ông TRÙM MỘT, NC — Hỗn

danh là thứ khó tránh lắm, vì nó phản ánh sinh hoạt, cá tính của mỗi người, dĩ nhiên là cũng có khi không trung thực. Tuy nhiên, ông Trùm nhá không vô, NH sẽ không nhắc lại nữa. Đã nhận được bằng và nhạc. Bếp nghe và xem qua một lượt, có ý thân tặng ông Trùm thêm một cái hỗn danh nữa. Có muốn nghe không? Thân.

Ông LANG LÂN, NJ — Đầu năm, ông lang ra chiều thật đẹp, bỏ công nghiên ngẫm bấy lâu! Chờ xem các ngón đàn *trầm sa lạc nhận*, *phi điều tróc thanh đình*, coi nó li kì thế nào! Thân.

Ông VÕ CÔNG, WA — Các anh bên miền Tây nắm vững vấn đề như vậy thì có mười ông T.U. mang ...FBI ra dọa đồng bào cũng không sợ mà ngưng đấu tranh chống Cộng. Chúc quý anh vững tiến và thành công. Kính.

Họa sĩ NGUYỄN ĐẠI GIANG, Phi luật tân — Mừng anh sắp sang tới Hoa kỳ. Vậy là nếm đủ mùi tị nạn rồi nhé: mùi trại tù Hương cảng, mùi động đất, bão cát, bão biển Phi luật tân. Kính.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

VĂN: Ngô Nguyên Dũng (2), Trần Văn Tích, Nguyễn Đức Lập, Trần Quang Hải, Bảo Chấn, Vũ Ngọc Long, Lê Văn Lân (2), Thái Văn Kiêm, Nguyễn Văn Thanh, Đỗ Kim Khánh, Nguyễn Văn Lợi, Trần Anh Quân, Nguyễn Văn Thông, Huỳnh Hữu Cửu, Ngọc Duy, Phan Hoàn Sinh.

THƠ: Dương Hoài Ninh, Nguyễn Hải Hà, Vạn Giã, Hoàng Vũ, Minh Đạo, Nguyễn Huy Phước, Nguyễn Văn Ngọc, Trần Văn Lệ (5), Kinh Tân, Lê Thụy Vi, Cao Tiêu, Văn Nương (2), Trần Thiện Hiệp (2), Nguyễn Bá Đình (2), Nguyễn Thủy (3), Ngọc Khôi, Phiên Di (2), Minh Tuấn, Hoài An, Nguyễn Khanh (2), Tô Giang (3), Nguyễn Lý (3), Cao My Nhân (2),

Cao Xuân Tứ (2), Đông Nghi, Nguyễn Văn Lợi (2), Hồ Công Tâm, Trần Thị Hoàng Oanh, Lê Đình Thảo, Tưởng Dung (2), Phan Hoàn Sinh, Tuệ Nga (3), Thúy Sơn (2), Cao Hoàng Nhân (3), Nam Chi Thượng Nhân (4), Vi Vi, Hoàng Chính (2), Huệ Thu (5), Tố Nguyên, Nguyễn Công Xung (2), Nguyễn Tấn Hưng, Việt Linh, Bùi Tĩnh (3), Phạm Văn Cương (2), Hoài Nam (3), Nguyễn Công Chính (2).

TRANH: Ba Bui, Nguyễn Công Chính, Phan Nghĩa Lợi.

BÀI SẼ ĐĂNG

VĂN: Mưa cuối năm, Cồn thơm nhựa cây năm cũ (NND), Năm Thân văn học (TVT), Bói không ra (NĐL), Những con thú... (TQH), Như cánh mai vàng (BC), Đại tá BT... (VNL), Hoa từ chúc, Đan thanh đôi nét... (LVL), Đặt tên cho con (ND), Con mèo mồ côi (NVT), Bản tango cuối cùng (BT), Bùn lầy (NVL), Con gà sống què (TAQ), Con người là ai (HHC), Cháy nhà (NVT).

THƠ: Xuân (NHP), Mấy vần thơ xuân, Vãn khung huyền ảo (VN), Tết, tuyết, Thu và người tình (TTH), Xuân vọng, Xuân tứ, Tảo xuân du vọng (KT), Thứ tha người nghe em (LTV), Xuân khách địa (CT), Thơ mùa xuân (NVN), Lại thêm Tết nữa (TVL), Xuân chưa sang (VG), Xuân ý (HV), Tết ở quê người (MĐ), Xuân trong tù (TN), Xưa và nay, Sợi thủy chung (NBD), Thiết mã, Mẹ con, Cô tịch (CHN), Tin xuân, Màu xanh ngọc, Mưa trên lá nhớ (TN), Vàng thu (ĐN), Gọi người, Tiếng thở dài (NK), Ngày về (MT), Ta (NK), Con mèo ướt (TTHO), Cú để hồn anh (HCT), Trà giang, Thu quang điệp lạc (TS), Bến xưa, Vạc rằng... (CXT), Chiến tuyến, Bốn tướng râu dê, Đùa anh quan tể, Lời khen BT (NCTN), Ta chờ người..., Tái ngộ ở Hoa kỳ (CMN), Hạnh phúc mới (NL), Tìm em, Cô hàng xóm (TG), Lãng nhãng (HC), Trại Bạc Đầu (PHS), Tình mộng (TD), Hư ảnh (VV), Chẳng nhớ thì quên, Cài

cửa thời gian (HT), Những dòng để lại, Bài thơ một dòng (TVL).

TRANH: Ba Bui.

BÁO BỊ TRẢ VỀ

Trong tháng qua, báo của quý vị sau đây bị bưu điện trả về, xin vui lòng liên-lạc để cập nhật địa chỉ. Cảm ơn:

Nguyễn Ban, Oslo (Na-uy);

THIỆP GIÁNG-SINH NHẬN ĐƯỢC

Tòa-soạn nhận được thiệp Giáng-sinh của quý vị và các bạn kể sau, xin đa tạ và kính chúc năm mới vạn an, hạnh-phúc:

Gia-đình thi-sĩ Huệ Thu, California; Gia-đình ông bà Phạm Văn Trọng, Bá-linh; Gia-đình họa-sĩ Phạm Thắng, Calgary; Gia-đình bạn Hứa Văn Tông, Vancouver; Thi-sĩ Hoàng Bảo Việt, Thụy-sĩ; Ông Lê Trọng Cảnh, Vancouver; Gia-đình họa-sĩ Vũ Thái Hòa, Pháp; Gia-đình bạn Đào Thị Lý Hạ, Tân Tây-lan; Hươu Cao Cổ, Cali; Cô Đỗ Minh Tường, Na-uy; Ông Nguyễn Văn Ba, và Hội Người Việt Tự-Do Manitoba; Ông Hoài Nam, VA; Cô Hà Thị Lan Đài, Đan-mạch; Gia-đình nhà văn Vũ Nam, Đức-quốc; Gia-đình bạn Tưởng Minh, Toronto; Văn-hữu Đông Nghi, Montréal; Cô Hồ Thị Diệu Lan, TX; Thi-sĩ Nguyễn Văn Ngọc, Connecticut; Ông Trương Thịnh Văn, Nhật-bản; Gia-đình thi-sĩ Hoàng Chính, Kitchener; Cô Triệu Thị Minh Hồng, Mississauga; Gia-đình GS Vũ Ngọc Đĩnh, San Diego; Gia-đình ông Nguyễn Thanh, Úc-đại-lợi; Gia-đình Trần Lương, Toronto; Cô Dương Tường, Montréal; Thi-sĩ Cao Xuân Tứ, Hòa-lan; Ông Mai Mộng Lân, Winnipeg; Gia-đình nhà văn Nguyễn Phong, WA; Cô Bình An McFadden; Gia-đình BS Nguyễn Ngọc Tân Thư, Forestville; Gia-

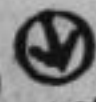
đình bạn Đào Thị Hạnh, Saskatoon; Thi-sĩ Đắc Trung, PA; Weller Publishing Company, Toronto; Celloglas, Scarborough; Cô Nguyễn Thị Cẩm-Tú, San Jose; Thi-sĩ Trần Văn Lệ, CT; Gia-đình bạn Hồ Bửu Tường Vân, Thụy-điển; Gia-đình thi-sĩ Bá Đình & Thủy Trang, Montréal; Cô Lê Thị Như Hoa, Houston; Gia-đình văn-hữu Ngọc Duy, North Carolina; Ông Lê Văn Thịnh, Úc-đại-lợi; Gia-đình nhạc-sĩ Trần Quang Hải & Bạch Yến, Paris; Gia-đình bạn Nguyễn Hữu Phước, Vancouver; Gia-đình thi-sĩ Dương Hoài Ninh, Úc-đại-lợi; Gia-đình ông bà Nguyễn Hữu Quảng; Ông Hoàng Văn Chính, Utah; Gia-đình Đại-tá Vũ Xuân An, Ottawa; Gia-đình bạn Trương Văn Minh, Mã-lai; Thi-sĩ Kinh Tân, Kingston; Ông Hà Văn Đạo, Hương-cảng; Gia-đình nhạc-sĩ Nguyễn Quyết Thắng, Hòa-lan; Ông Triệu Hồng-Hà, Phi-luật-tân; Gia-đình nhạc-sĩ Linh Phương, Florida; Gia-đình ông Hoàng Nhị, Scarborough; Nhạc-sĩ Mai Đăng, Toronto; Ông Trương Văn Cẩm, Hamilton; Nha-sĩ Phạm Tiến Lộc, Nha-sĩ Phạm Tổ Quỳnh, Toronto; Ông Lê Ngọc Tường Giang, New Mexico; Gia-đình nhạc-sĩ Trọng Nghĩa & Mộng Lan, CA; Thi-hữu Khánh Hà, Na-uy; Văn-hữu Trần Hồng Hà và tạp-chí *Diễn-đàn*, Tiệp-khắc; Ông Lý Thanh Đức, Đức-quốc; Gia-đình thi-hữu Nguyễn Đức Tùng, AB; Cô Nguyễn Thị Hạnh, Tiệp-khắc; Gia-đình nhạc-sĩ Nguyễn Văn Thành, Alabama; Ông Trương Văn Cam, Tiệp-khắc; Gia-đình nhà văn Nguyễn Tấn Hưng, NC; Gia-đình bạn Nguyễn Thị Ngọc Hà, VA; Ký-giả Trần Thìn, Phi-luật-tân; Gia-đình bạn Lê Thị Mẫu Đơn, Fresno; Gia-đình nhà văn Hoàng Du Thụy, AB; Ông Lương Mạnh Tiến, San Jose; Gia-đình luật-sư Michael Faber & Mai, Sacramento; Bà Cù Thị Minh, Tacoma; Văn-hữu Ngọc Khôi, Paris; Cô Hà Thị Định, TX; Thi-sĩ Trần Văn Lệ, CT; Ông Bà Thượng Nguyên, Montréal;

**Văn-phòng BẢO-HIỂM
NGUYỄN BÁ DĨNH**



BA-DINH ASSURANCES INS

5402 VAN HORNE (gần Décarie)
MONTREAL, PQ H3X 1G1

(Métro Plamondon, Bus 161 Ouest) 

Tel: 342-6706

- . Đầy đủ tất cả các loại BẢO-HIỂM
- . Có thị-trường đặc-biệt cho người bị nhiều tai-nạn, bị hăng cũ từ-chối
- . Nhận thị-thực chữ ký & dao y bản chánh
(Commissaire à l'Assermentation)

NGUYỄN BÁ DĨNH
Courtier d'Assurances Agrée

GÓP VUI

Nhận được tin vui, anh chị **NHẤT GIANG**,
Sydney, Úc-đại-lợi, sẽ làm lễ đính-hôn cho
trưởng nam là

NGUYỄN LÝ NHỊ GIANG
kết-ước cùng cô
NGUYỄN KIM LOAN

thứ nữ của ông bà **NGUYỄN VĂN ĐÔNG**,
Sydney, Australia.

Xin kính mừng hai họ, thân chúc các cháu Nhị
Giang & Kim Loan sớm nên duyên chồng vợ.

*Ông Bà Nguyễn Ngọc Ngạn
Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa*

**Hân-hạnh giới-thiệu Bác-sĩ Chuyên-khoa Trị-liệu & Giải-phẫu
các bệnh về Mắt (Ophtalmologist) người Việt-nam đầu-tiên tại Québec và Canada**

Bác-Sĩ NGUYỄN CÔNG LƯỢNG

M.Sc., MD., CSPQ, FRCS (C)

Y-SĨ ĐIỀU-TRỊ

TẠI CENTRE HOSPITALIER REGIONAL DE LANAUDIÈRE (JOLIETTE):

- . Chuyên-trị bệnh Mắt
- . Giải-phẫu tổng-quát về Mắt: các bệnh cườm (cataract, glaucoma), giác-mạc & võng-mạc (cornea, retina), giải-phẫu thẩm-mỹ về Mắt (oculoplastic surgery)
- . Giải-phẫu bằng tia LASER
- . Các bệnh Mắt của trẻ em (pediatric ophthalmology)
- . Các tật bẩm-sinh về mắt

XIN VUI LÒNG LẤY HẸN TRƯỚC:

. CLINIQUE MEDICALE CARRON'S

999 St. Laurent Blvd., Montréal, PQ H2Z 1J4

Tel: (514) 681-9154

. CLINIQUE MEDICALE 1969

1969 Rosemont Blvd., Montréal, PQ

Tel: (514) 274-7344

. CENTRE MEDI-OPTIQUE

1404 Jean Talon E., Montréal, PQ H2E 1S4

Tel: (514) 279-6575 / 279-9999

Nhà Sách



TRUNG VIỆT

6520 DARLINGTON, MONTREAL (QUEBEC) CANADA H3S 2J3
Điện Thoại : (514) 341-1740 & (514) 729-0320

Mừng Xuân Nhâm Thân 1992

TỪ 21.12.1991 ĐẾN 9.2.1992

ĐẠI HẠ GIÁ:

- Băng nhạc: . Giá đồ đồng \$4.58/1 băng
- Băng nhạc: . Mua 5 băng loại \$5.50 hoặc 10 băng loại \$6.00 trở lên, tặng thêm 1 băng \$5.50
- Compact disc: Trên 10 CD, giá \$10.50/1

TẶNG QUÀ TẾT: mua từ \$20.00 trở lên

QUÍ KHÁCH NHỚ MUA KÈO HẾT:

- Thiệp chúc Tết
- Lịch Tam Tông Miếu: treo tường, tử-vi, bỏ túi
- Lịch sách tử-vi Khánh Anh
- Lịch sách Văn-Nghệ Tiền-Phong

**NHÀ SÁCH NGHỈ NGÀY MỪNG MỘT TẾT (4.2.1992)
MỞ CỬA LẠI NGÀY 5.2.1992**

*Kính chúc quý khách một năm mới
nhiều an-lành, hạnh-phúc và thịnh-vượng*

TRUNG VIỆT

367-8989

367-8989

367-8989

367-8989

367-8989

367-8989

367-8989

367-8989

367-8989

367-8989



367-8989

367-8989

367-8989

367-8989

367-8989

367-8989

367-8989

367-8989

367-8989

367-8989

Thật vui mừng và hân hạnh được giới thiệu cùng tất cả quý bạn một sự kết hợp hài hòa giữa nền kỹ thuật khoa học tinh vi nhất của Nhật Bản cùng với các chuyên viên Việt Nam từng tu nghiệp tại Nhật

Kính mời quý bạn đến Yamashita tham quan phòng trưng bày (show room) để được thấy, được nghe những hệ thống âm thanh cực mạnh Blaupunkt, Denon, Yamaha, Sony, Pioneer.

Và hơn nữa, chuyên viên hãng Yamashita sẽ Custom Design, thay đổi hình dáng, thay gắn các loại Sunroof, Spoiler, Side Running Board theo sự yêu thích của bạn.

- Dán kiếng màu cho các loại xe (Tinting)
- Gắn tất cả các hệ thống Alarm cho xe hơi
- Yamashita với toàn bộ chuyên viên nhiều kinh nghiệm đang và từng phục vụ tại Downtown EXCELCAR CANADA.
- Một lần nữa Yamashita sẽ đảm nhận từ A tới Z cho tất cả các công việc mà chẳng may khi xe bạn bị tai nạn
 - ❖ Kiếng bị nứt, bị bể, bị đập
 - ❖ Xe bị cạo trầy - Mất máy Cassette - Mất vỏ xe. Đùng chậm trễ, đùng lo - Hãy gọi ngay chúng tôi 367-8989
 - ❖ Hệ thống Tow Truck FREE và nhân viên sẽ có mặt trong vòng 15 phút.

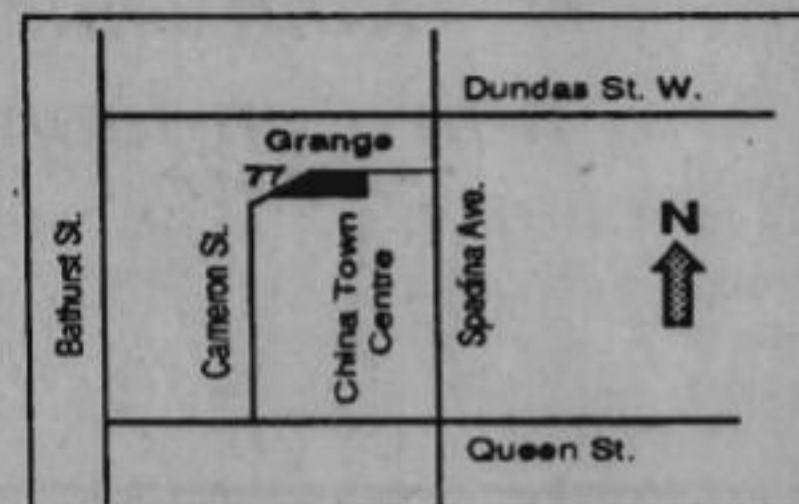
Phục vụ Emergency 24/24

- ⇒ Đảm nhận tất cả thủ tục Insurance Claim với mọi hãng bảo hiểm.
- ⇒ Giá Đặc Biệt cho xe không bảo hiểm
- ⇒ Free Deductible (tùy trường hợp) upto \$100.00
- ⇒ Định giá, Pick up & Delivery miễn phí
- ⇒ Nhận đến tận nhà / văn phòng để phục vụ (Mobile service)
- ⇒ Cho mượn xe miễn phí trong lúc xe bỏ sửa (toàn xe brand new 91 Toyota Corolla và 91 Chevrolet Cavalier)

Emergency: 367-8989

Mobile: 565-6570

Yamashita
AUTOMOTIVE INC.
 EXPERT IN AUDIO DESIGN & GLASS
 77 Grange Ave. Toronto Ontario M5T 1E2



Tám
10MK—12GK

MỖI TÌNH CỦA CHÀNG NHẠC SĨ
Hermann Hess, Vũ Đăng dịch
12MK—15.50GK

MỘT BÔNG HỒNG CHO VĂN-NGHỆ
Tạp bút, Nguyễn Sa
12MK—15.50GK

MỘT KỶ-NIỆM ĐẸP
Tạp bút, Nguyễn Tấn Hưng
10MK—13GK

MỘT LỄ CƯỚI KHÁC THƯỜNG
6.50MK—8.50GK

MÙA ẢO ẢNH
Truyện dài, Đỗ Thúc Vịnh
14MK—18GK

MÙA XUÂN CHIẾN-THẮNG
Truyện ngắn, Hoàng Minh Thủy
7MK—10GK

MƯA PHỐ NÚI
Truyện ngắn, Đỗ Văn Trọn & Lê Thao Chuyên
12MK—15.50GK

MƯU-LƯỢC CHÍNH-TRỊ ĐÔNG PHƯƠNG
Biên-khảo, Ngô Ty
8MK—11GK

NẤU ĂN NHANH
177 món Âu, Á
Kiến-thức phổ-thông,
10MK—13GK

NGHỆ-THUẬT CẨM HOA NHẬT-BẢN
Kiến-thức phổ-thông, Minh Hùng
8MK—11GK

NGHỆ-THUẬT NẤU ĂN VIỆT-NAM
180 món mặn và chay
Kiến-thức phổ-thông, Quốc Việt
10MK—13GK

NGHỆ-THUẬT NẤU ĂN TÀU, VIỆT
Kiến-thức phổ-thông, Quốc Việt
7MK—10GK

NGHĨA TÌNH
Thơ, Khải Chính
7MK—9GK

NGÔI NHÀ BÀ GIÁO
Truyện dài, Huyền Châu
10MK—13GK

NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐI BÊN TÔI
Truyện ngắn, Nguyễn Ngọc Ngạn
12MK—15GK

NGƯỜI LÍNH CÒN LẠI
10MK—13GK

NGƯỜI YÊU NƯỚC MỸ
Tạp-bút, Khải Sơn
12MK—15.50GK

NHÁNH RONG PHIÊU BẠC
Truyện dài, Võ Hồng
7MK—9GK

NHỚ ƠN MẸ
Sách Công-giáo, Trương Văn Thục
5MK—7GK

NHỮNG BÌ-ẢNH TRÊN KHUÔN MẶT VÀ BÀN TAY
Biên-khảo, Đoàn Văn Thông
14MK—18.50GK

NHỮNG CHUYỆN TÌNH TRONG CUNG CẨM

Tiểu-thuyết dã-sử, Đoàn Văn Thông
13MK—16GK

NHỮNG KHUÔN MẶT VĂN-NGHỆ ĐI QUA ĐỜI TÔI
Hồi-ký, Tạ Ty
16MK—21GK

NHỮNG NGƯỜI ĐANG TỚI
Truyện dài, Đỗ Thúc Vịnh
9MK—12GK

NHỮNG PHẢN-ẢNH THỜI-SỰ CHÍNH-TRỊ MIỀN BẮC
Tài-liệu
7MK—10GK

NHỮNG SUY-NIỆM SIÊU-HÌNH HỌC
Kiến-thức phổ-thông, René Descartes, LM Trần Thái Đình dịch
9MK—12GK

NỬA ĐÊM NGHE MẸ THỞ DÀI
Thơ, Hoàng Chính
7MK—8GK

NƯỚC MẮT TRONG TIM
Bút ký, Lê Đại Lăng
11MK—14GK

NƯỚC MÌNH, NƯỚC MỸ
Truyện ngắn, Ngô Du Trung
10MK—12GK

NUÔI-DƯỠNG TRẺ CON
Kiến-thức phổ-thông, Phạm Côn-Sơn
10MK—13GK

PHẢN THÔNG VÀNG
Tạp-bút, Xuân Diệu
6MK—8GK

PHEDON (KHẢO-LUẬN VỀ LINH-HỒN THEO LUẬN-LÝ)
Kiến-thức phổ-thông, Platon, Trịnh Xuân Ngân dịch
11MK—14.50GK

PHÍA ĐÔNG VƯỜN ĐỊA-ĐÀNG
Sách dịch, Đinh Hoàng Sa
10MK—13GK

QUỖY-CỐC TOÁN MỆNH
Tài-liệu, Dương Đình Lê Thứ Chi
18MK—23.50GK

NGHỆ-THUẬT LÀM MẸ
Kiến-thức phổ-thông, Trịnh Lê Hoàng
5MK—7GK

RÈN LUYỆN TÂM-THUẬT HUYỀN LINH
Triết-học, Phạm Công Thiện
10MK—12GK

RỪNG NÚI VỀ ĐÊM
Truyện dài, Huyền Châu
9MK—12GK

SÁCH LỄ GIÁO DÂN
Sách Công-giáo
27MK—35GK

SÀI-GÒN CƯỚI MỘT MÌNH
Tạp-bút, Nhã Ca
12MK—15.50GK

SAO CÓ TIẾNG SÓNG
Tạp-bút, Võ Đình
13MK—17GK

SÁO TRÚC CHỈ-LINH
Truyện dài dã-sử, Vũ Xương (trọn bộ 2 cuốn)
16MK—21GK

SAU DÂY TRƯỞNG SƠN
Truyện dài, Lý Văn Sâm
6MK—8GK

SƠN-LÂM ẸM-ĐÊM
(Les cosaques) Truyện dài,

Leon Tolstoi, Nguyễn Trọng Đạt dịch
10MK—13GK

SÔNG CÔN MỬA LỬ
Truyện dài, Nguyễn Mộng Giác
- Cuốn I:.....18MK—24GK
- Cuốn II:.....20MK—26GK
- Cuốn III:.....20MK—26GK
- Cuốn IV:.....20MK—26GK

SỬ-MỆNH VĂN-NGHỆ HIỆN-ĐẠI
Albert Camus, Bùi Giáng dịch
7.50MK—10GK

SỬA BƯỚC SANG NGANG
Kiến-thức phổ-thông, Harold Shryock
8MK—11GK

TAN RÃ
Truyện dài, Cao Xuân Lý
10MK—13GK

TẠP-CHỦNG
Truyện ngắn, Hồ Trường An
14MK—17GK

THÀNH PHỐ TRONG HỒI TUỞNG
Truyện ngắn, Trần Hồng Châu
8MK—10.50GK

THẤT-SƠN MÀU-NHIỆM
Biên-khảo, Nguyễn Văn Hầu
7.50MK—10GK

THEO ÁNH TINH-CẦU
Tạp-bút, Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh
15MK—19.50GK

THIÊN-ĐƯƠNG KHÔNG CÓ HAI NƠI
Nhận-định, Đặng Thiên Sơn
10MK—13GK

THIÊN-LUẬN
Bộ sách thiên phổ-thông và hữu-lịch nhất
Biên-khảo của thiền-sư Suzuki, bản Việt văn của Trúc Thiên, trọn bộ 3 cuốn bìa cứng:
54MK—70GK

THƠ MIỀN NAM
Biên-khảo, Võ Phiến
6MK—8GK

THƠ TAGORE
Thơ, Đỗ Khánh Hoan dịch
8MK—11GK

THƠ TỔNG
Biên-khảo và tuyển dịch, Trần Trọng San
15MK—18GK

THUẬT HÙNG-BIỆN
Kiến-thức phổ-thông, Hoàng Xuân Việt
8MK—11GK

THU KHÔNG NGƯỜI NHẬN
Truyện, Hoàng Khởi Phong
10MK—13GK

THƯƠNG CHỒNG
Truyện dài, Lan Phương
7MK—9GK

TIỂU-ĐOÀN TRÙNG-GIỚI
Truyện dài, Heinz-Gunther Konsalik, Tâm Vũ dịch
12MK—16GK

TIỂU NGU NỮ
Tiểu-thuyết, Hans Anderson
8MK—11GK

TIỂU THƯƠNG TẠI HOA-KỲ
Kiến-thức phổ-thông, Kiêm Thềm
13MK—17GK

TINH-HOA VÀ SỰ PHÁT-TRIỂN CỦA ĐẠO PHẬT
Kiến-thức phổ-thông, Edward

Kiến-thức phổ-thông, Edward Conze, Nguyễn Hữu Hiệu dịch
11MK—14.50GK

TÌNH DỤC TOÀN THU
Kiến-thức phổ-thông, Thu Nhân và Trần Xuân Tiên
bộ 4 cuốn: 38MK—50GK

TÌNH-YÊU VÀ HÔN-NHÂN
Kiến-thức phổ-thông, Muriel James, Lê Quốc Hưng dịch
7MK—10GK

TỐT ĐEN
Truyện dài, Nguyễn Thụy Long
8.50MK—11GK

TRẠI TỬ TRÙNG-GIỚI K-5
Hồi-ký, Phạm Quang Giai
18MK—23.50GK

TRONG MUÔN VẠN XA CÁCH
Truyện dài, Thanh Phương
10MK—13GK

TRỞ VỀ
Thơ, Kha Huyền
7MK—8GK

TRỜI XANH TRÊN MÁI NON CAO
Truyện dài, Nguyễn Thị Hoàng
5MK—7GK

TRUYỆN DÂN-GIAN TRUNG-QUỐC
Truyện cổ, Lâm Ngữ Đường, Nguyễn Quốc Doan dịch
8MK—11GK

TRUYỆN HAY HẢI NGOẠI
Truyện ngắn, nhiều tác-giả
18MK—23.50GK

TRUYỆN 2 KINH THÀNH
A Tale of Two Cities, Ch. Dickens, HHU dịch
8MK—10.50GK

TRUYỆN LOÀI VẬT
Truyện ngắn tiền-chiến, Tô Hoài
6MK—8.50GK

TRUYỆN MỘT CẬU BÉ "CHÚ NHỎ"
Truyện dài, Alphonse Daudet, Nguyễn Thị Hạnh dịch
9MK—12GK

TRUYỆN THẬT NGẮN
Truyện ngắn, Võ Phiến
6MK—8GK

TUỔI 15—20
Kiến-thức phổ-thông
7MK—9GK

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN
Truyện ngắn, Hoàng Minh Thủy
7MK—10GK

TU-BẢN KARL MARX
Tài-liệu, Nguyễn Văn Tuyển dịch (trọn bộ 2 cuốn)
35MK—45GK

TỪ-NGŨ ĐẶC-BIỆT TRONG ĐỘNG-TỪ ANH-VĂN
Kiến-thức phổ-thông, Hoàng Năng Oanh
15MK—20GK

TỰ-ĐIỂN ANH-VIỆT VIỆT-ANH
Tự-điển, Lê Bá Kông
27MK—35GK

TỰ-ĐIỂN CHUYÊN-MÔN VIỆT-ANH ĐỐI-CHIẾU
Tự-điển, Quỳnh Lâm
9MK—12GK

TỰ-ĐIỂN DANH-TỪ Y-KHOA ANH-VIỆT
Tự-điển
14—18GK

TỰ-ĐIỂN Y-HỌC
Tự-điển
30MK—39GK

TỰ-HẢO LÀ NGƯỜI VIỆT-NAM
Biên-khảo, Cao Thế Dung
12MK—16GK

TỰ-HỌC ĐỘC-TÁU TÂY-BAN-CẨM
Kiến-thức phổ-thông, Lê Thu
12MK—16GK

VÀI CHÚ-GIẢI VỀ THIÊN ĐỐN-NGỘ
Biên-khảo, Phan Tấn Hải
8MK—11GK

VÀI NGÀY LÀM VIỆC TẠI CHUNG SỰ VỤ
Truyện dài, Nguyễn Sa
12MK—15.50GK

VĂN-HỌC VIỆT-NAM DƯỚI CHẾ-ĐỘ CỘNG-SẢN
Nhận-định, Nguyễn Hưng Quốc
16MK—21GK

VIỆT-NAM 30 NĂM MÁU LỬA
Nhận-định, Cao Thế Dung
24MK—31GK

VIỆT SỬ TIỂU AN
Tài-liệu, Ngô Thời Sĩ
14MK—18GK

VĨNH-BIỆT SÀI-GÒN
Bút-ký, Jean Lartéguy, Phạm Kim Vinh
12MK—16GK

VÔ CỐ-TRUYỆN
Biên-khảo, Lạc Hà
12MK—16GK

VÔ-THUẬT TỔNG-HỢP VÀ THỰC-HÀNH
Kiến-thức phổ-thông, Lạc Hà và Phạm Xuân Thảo
6MK—8.50GK

VŨ-MÔN
Truyện ngắn, Nguyễn Trung Tâm
10MK—12GK

XẾP AL CAPONE
Truyện dài, Trương Sơn Lê Xuân Nhị
- Cuốn I: 15MK—19.50GK
- Cuốn II: 15MK—19.50GK

ZEN, THUẬT TRƯỞNG-SINH
Kiến-thức phổ-thông
7MK—10GK

15 TRUYỆN NGẮN GIẢI VẤN HỌC NGHỆ THUẬT LÀNG VĂN 1990
Truyện ngắn, Ngọc Duy, Trương-sơn Lê Xuân Nhị, Đông Nghi, Trâm Lương, Tam Thanh, Phùng Nhân, Đinh Hiếu, Võ Hoài Nam và Nguyễn Quốc Ngân.
14MK—17GK

● *Độc-giả dài hạn Làng Văn (có mã-số độc-giả), được bớt 10% khi mua sách qua tòa-soạn, xin trừ trước trong chi-phiếu khi đặt mua.*

Thư-từ, chi-phiếu xin đề:

LÀNG VĂN
P.O. Box 310, Stn. "W"
Toronto, ON, M6M 5B9
Canada

TRƯỜNG THI KIM ANH
NORWAY

Đã bán hết, mới tái-bản:

ĐƯỜNG MÂY QUA XỨ TUYẾT



NGUYỄN PHONG

Vẫn bán với giá cũ:

13 mỹ-kim / 16 gia-kim / 19 úc-kim / 105 quan

HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH, HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:

LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Station "W", Toronto, Ontario M6M 5B9 Canada

Điện-thoại: (416) 249-4195 / Điện-thư: (416) 240-0342